

Thích Thanh Từ

KINH LĂNG GIÀ TÂM ẨN



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

P.L : 2539 - 1995

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

KINH

LĂNG GIÀ TÂM ẨN

THÍCH THANH TỪ

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH - P.L : 2539 - 1995

Lời người dịch

Chúng tôi phiên dịch bộ Kinh Lăng Già Tâm Ấn này với mục đích cho Tăng, Ni học tại Thiền viện chúng tôi. Tuy nhiên trước chúng tôi đã có Sư Bà Diệu Không dịch, ấn hành vào năm 1970 và 1971 rồi, song bản dịch ấy vì lược nhiều quá khiến chúng tôi không hài lòng, bất đắc dĩ phải dịch lại.

Ở đây chúng tôi dịch trung thực với Thiền Sư Hàm Thị không dám tăng giảm trong phần số giải. Nếu có giảm, chỉ đôi chút thôi. Bởi chúng tôi thấy, Ngài Hàm Thị quả thật một Thiền Sư ngộ đạo trong môn đình Tào Động, cho nên lời số giải của Ngài rất phù hợp với tâm tông. Trên phần chánh văn Kinh, chúng tôi dịch nguyên âm những danh từ, không nhằm làm sáng tỏ ý nghĩa, độc giả cần đọc qua phần số giải sẽ hiểu rõ. Vì

chánh văn vừa tối nghĩa lại cô đọng khúc chiết, nếu không nhờ phần số giải, chúng ta không tài nào lãnh hội được.

Bản Kinh Ngài Hàm Thị số giải đây, nguyên tên là Lăng Già A Bát Đa La Bảo Kinh, do Ngài Câu Na Bát Đà La dịch Phạn Hán, có 4 quyển. Bối Tổ Bồ Đề Đạt Ma sau khi truyền pháp cho Tổ Huệ Khả còn bảo : "Xứ này có 4 quyển Kinh Lăng Già có thể dùng ấn tâm...", nên Ngài Hàm Thị số giải để thêm hai chữ Tâm Ấn. Tâm Ấn có nghĩa là toàn bộ Kinh Lăng Già cốt làm sáng tỏ bản tâm. Người đọc khéo lãnh hội sẽ thấy rõ bản tâm mình, bao nhiêu lời Phật nói trong Kinh dường như Phật đem tâm Ngài in qua tâm mình. Cộng thêm lời giải của Ngài Hàm Thị càng làm cho chúng ta thấy rõ bản lai diện mục của chính mình, hiện sò sò dưới bóng mặt trời trí huệ của Ngài. Vì thế, hai chữ Tâm Ấn thật là xứng đáng. Do đó ngoài bìa chúng tôi chỉ để năm chữ Kinh Lăng Già Tâm Ấn.

Về phẩm loại thì bản dịch đời Ngụy chia 18 phẩm, bản dịch đời Đường chia 10 phẩm, chỉ riêng bản này gồm chung lại một phẩm để tên là Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm, có bốn phần. Câu Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm, đã nói lên chẳng những Đức Phật Thích Ca nói Kinh Lăng Già này

chỉ thẳng bản tâm, ngoài tâm không có một pháp, mà tất cả chư Phật có nói ra cũng đều chỉ bản tâm. Như thế, để thấy Phật Phật giáo hóa không khác, pháp pháp đều hiện bày bản tâm.

Trong phần đầu trước khi giải Kinh, Ngài Hàm Thi có làm bài Tổng Luận mà không đề tên Tổng Luận, lại để Phẩm Nhất Thiết Phật Ngũ Tâm phần 1 khiến độc giả dễ lầm là văn Kinh. Đó là Ngài muốn nêu lên cho chúng ta thấy lời bàn luận của Ngài ở đây do góp nhặt những yếu điểm trong Kinh, chỗ tất cả chư Phật nói về tâm, chỗ không có ý kiến nào riêng của Ngài. Vì thế, trong bài Tổng Luận này thật cô đọng có thể gom hết toàn ý bộ kinh. Độc giả thông được bài Tổng Luận coi như nắm được yếu chỉ bộ Kinh Lăng Già.

Bốn quyển Kinh Lăng Già, Ngài Hàm Thi giải thành 8 quyển. Đến phần cuối Kinh, độc giả sẽ ngạc nhiên tại sao không có câu : "Phật nói Kinh này rồi, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni... đều rất vui mừng, tin nhận vâng làm, lễ bái lui đi" (Phật thuyết thủ Kinh dĩ, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni... giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành, tác lễ nhi khứ). Bởi vì toàn bộ Kinh Lăng Già rất nhiều, các vị

*học giả Ấn Độ mang sang Trung Hoa phần nào
thôi, nên phiên dịch chưa đến phần chót.*

*Chúng tôi mong độc giả đọc bộ Kinh Lăng
Già này thấy được bản tâm, để khởi cô phụ công
on Đức Phật dùng mọi cách chỉ dạy và khởi uổng
công Ngài Hàm Thị đã nhọc nhằn giải thích cho
chúng ta.*

Kính ghi
Tu Viện Chơn Không
Đầu xuân 1975
THÍCH-THANH-TỪ



LĂNG GIÀ TÂM ẨN

DUYÊN KHỞI

Người sơ kinh này là Lôi Phong Lão nhân, vốn là móng vuốt trong tông môn, vào được hang ổ của tách tướng. Ngài thương sự hoang rậm của nghĩa học và xót chỗ hỗn độn của thiện môn, nên từ năm Quý Ty lui về ẩn nơi Khuôn Phụ, treo bầu ở Kim Tĩnh, dựng gậy tại Ngọc Uyên. Hỏi về chỗ khế chứng thì Ngài tâm lặng biển trong, ngửa nhìn thối đẹp thì thân như ngọn núi cao trơ trọi. Cây ruộng nơi Địa Tạng Sâm để nuôi sống, đứng tại Thê Hiến Thực mà tụng tập tu hành. Lò tàn bếp lạnh, chỉ toàn nêu đại pháp. Cuộc từng lần lộn tơ rối bông bong, nương nơi trí bén mà cắt đứt trăm mối. Ngài đối với cổ nhân thật không hổ thẹn.

Đến năm Mậu Tuất (1641), Ngài trở về Lãnh Nam. Kim Vô tội năm sau từ Ngọc môn tìm đến, khoảng năm Nhâm Dần (1645) và Quý Mão cùng chu đệ Thạch Giám v.v... thưa hỏi về Duy Thức. Ngài bảo "Kinh Lăng

Già chỉ mình sơ thần ngã chẳng cùng tánh châu mà lạ nhận, nương lông rùa dầu cát mà chóng giác vọng tình tự mất". Như Ngài nêu bày chỉ yếu, chúng tôi bèn thỉnh sơ giải.

Ngài khéo hiệp với tâm tông, lại toàn thông danh tướng. Chẳng những giữa mai cây trụ cuống thiền cũng gồm kích dương nơi giảng tịch. Tượng tâm cao vót dầm nghĩa hải nơi nguồn sâu, thần cơ sâu lạng phá các nạn vấn trong nửa bài kệ. Nhóm họp sưu tầm liền thấy đại nghĩa hiện bày sáng rõ, mừng lời diệu mà không mắc kẹt. Giáo để giúp tông chỉ truyền riêng bốn quyển. Thúc tức là tàng trợ đại tâm để lặn át nhị thừa. Đây thật là vận dụng tâm tối thượng, trông xa thấy thời tộ mà làm ấy vậy. Trong lời sơ có nhập lý thâm đàm mà vẫn khít khao với văn kinh. Chính nơi văn nghĩa mà thấy tông thừa, hội tông thừa mà tiêu dung văn nghĩa. Dám thắm nêu lên để chỉ cho kẻ hậu học. Bốn sông đều chảy vào biển, một hòn bọt cũng chẳng còn. Ấy tại xem văn lóng trong mắt tuệ.

Thời vua Khang Hy năm Giáp Thìn (1647) ngày mừng 10 tháng 8, đệ tử nổi pháp Kim Vô củi đầu kinh thuật.



Lăng già A - Bạt - Đa - La Bảo - Kinh Tâm - Ấn

Lăng Già là tên núi, núi này do sản xuất châu Lăng Già nên lấy tên châu mà gọi tên núi. Núi nằm tại biển Nam là chỗ ở của Dạ Xoa. Bởi vua Dạ Xoa thỉnh Phật thuyết pháp trên núi nên lấy tên núi đặt tên kinh.

Đại sĩ Táo Bá nói : "Kinh này nói trên núi Lăng Già ở trong biển Nam. Như Lai nói kinh dưới núi, vua Dạ Xoa La Bà Na và Bồ Tát Ma Đế ngồi cung điện hoa đến thỉnh Như Lai vào núi thuyết pháp. Núi này cao vút nhìn xuống biển cả, chung quanh không lối vào. Người được thần thông mới có thể lên được, để tiêu biểu pháp môn tâm địa, người không tu không chứng mới hay lên được. Nhìn xuống biển cả, để tiêu biểu biển tâm

thanh tịnh, do gió cảnh thổi, nên sóng thức nổi dậy. Người, đạt được ngoại cảnh vốn không thì biến tâm tự vắng lặng. Tâm cảnh đều lặng thì việc gì cũng sáng tỏ, ví như biển cả lặng gió thì mặt trời mặt trăng và vạn vật hiện hình rõ ràng. Kinh này Phật vì hàng Bồ Tát căn cơ đã thuần thục, liền nói chứng tử nghiệp thức là Như Lai Tàng ; khác với Nhị thừa do diệt thức tiến đến không tịch ; cũng khác với Bát Nhã bởi Bồ Tát quán không rồi thích cái không tăng trưởng. Đây chỉ thẳng thức thể bản tánh toàn chơn, liền thành trí dụng, như biển cả kia lặng gió thì cảnh tượng đều hiện bày. Biển tâm chẳng động thì gió cảnh chẳng khác. Chỉ người khéo hiểu được tánh chơn, liền nơi thức biến thành trí". Táo Bá rất thâm hiểu tông thú kinh Lăng Già vậy.

Kinh này dịch lần đầu do Ngài Cầu-Na-Bạt-Đà-La (Gunabhadra) đời Lưu Tống (424 - 454), dịch thành bốn quyển để tên là Lăng Già A Bát Đà La Bảo Kinh. Đến đời Nguyên Ngụy (500 - 516), Ngài Bồ-Đề-Lưu-Chi (Bodhiruci) dịch thành mười quyển tên là Nhập Lăng Già. Đời Đường thời Võ Tắc Thiên (684 - 705), Ngài Thất-Xoa-Nan-Đà (Sikṣānanda) cùng với ông Phục Lễ v.v... dịch thành bảy quyển tên là Đại Thừa Nhập Lăng Già.

Bản dịch đời Đường rất đơn giản, không bằng bản dịch đời Tống rất cao sâu. Cho nên từ xưa đến nay những nhà nghiên cứu hầu hết đều theo bản dịch ban đầu (đời Tống).

Thời vua Lương Võ Đế, Đại Sư Đạt Ma đi đường biển đến Trung Hoa rồi sang nước Ngụy, ở tại chùa Thiếu Lâm chín năm ngồi xoay mặt vào vách. Sau Ngài truyền pháp cho Tổ Huệ Khả nói : "Xứ này chỉ có bốn quyển kinh Lăng Già có thể dùng ấn tâm, trọn trao cho ngươi". Từ đây kinh Lăng Già bèn thành vật bí mật trong Tông môn (Thiền tông). Thiền giả thời nay đã bỏ qua (Kinh Lăng Già) cho đến suốt đời chưa từng dỡ ra xem, thật đáng buồn thay ! Về nhóm Nghĩa Học (học kinh), chỉ có đầu niên hiệu Hồng-Vô (1368) có ông Tông-Lạc, Như-Khỉ vâng chiếu chung nhau số. Đến cuối niên hiệu Vạn-Lịch (1620) có ngài Đức-Thanh bút ký. Đến khoảng giữa niên hiệu Sùng-Trinh (1628 - 1643) có ngài Trí-Húc nghĩa số. Ngoài những số giải trên không còn thấy chỗ nào khác.

Tổ Đạt-Ma thường bảo rằng : "Kinh này sau 500 năm trở thành môn học danh tướng". Xét kỹ lời nói này càng thêm lo sợ. Tổ nói tông của ta thất truyền đâu phải do người hay việc nào khác !

Hàm-Thị tôi, từ niên hiệu Thuận-Trị (1644) nhằm năm Tân-Sửu, trước thì Hoa-Thủ thị tịch, năm sau Đại-Nhật tiếp tục tạ thế. Hai năm qua lạc thú nhơn sanh đối với tôi đã hết sạch. Tôi bèn rút lui về ở núi Lô Phong, quanh quẩn trong am tranh, nương chí đời trước, cùng đáp những câu hỏi của thiền gia, dùng để tự vui, chưa dám chỉ dạy người. Chỉ nghĩ đến đạo pháp nầy mẫm lộn lạo, nói rằng kiến tánh mà đồng với thần ngã ; một con đường thấu thoát (tu thiền) mà không khác với mình sơ. Như câu "Chẳng tự sanh, chẳng phải chẳng sanh", lời Thánh nói vẫn đầy đủ, mà có người chẳng đạt lý duyên khởi, rất cuộc rơi vào bát không, mặc tình phá hoại Phật Pháp. Xét ra do họ mắc kẹt trên danh tướng, nên công và lợi chẳng đồng vậy.

Kinh này chỉ thẳng chứng tử nghiệp thức là Như Lai tạng, thật có mê ngộ. Chẳng thế, thì lấy thức lưu chú làm tự tâm, trở lại thành lỗi tâm sanh thức. Trong lời só giải thâm thiết rõ ràng, chỉ trước dẫn ra cho có huyết mạch. Có dẫn Kinh luận chỉ lấy chỗ gần là nhập lý để phát minh lẫn nhau. Đến như những lời nói của thiền gia cốt ở chỗ thận trọng giữ mình. Phạm thiền gia dùng có lời để tháo chốt. Còn kinh điển cốt dẫn người trở về không lời. Chính vì chỗ bàn sâu nên không từ

phá dẹp, luống dùng lời để cắt đứt, đâu khỏi lẫn lộn chơn thuyên (lời nói bày chơn lý). Lầm lẫn danh ngôn nên chữ Ô [烏] chữ Yên [燕] thành chữ Mã [馬]. Thiển bệnh thời nay là do chơn giả khôn phân. Tổ của ta ban đầu lập không lời, cùng truyền bốn quyển kinh, đã thâm bày ẩn ý vậy. Hàm-Thị tôi xin tất cả người đời sau nên noi theo ý chỉ của đấng Đại-Từ đã chỉ dạy.



**PHẨM NHẤT THIẾT
PHẬT NGŨ TÂM**

PHẦN I

(Đây là Tổng Luận của nhà số giải)

Tánh của pháp giới vốn không có ngộ mê, các loài hàm thức tự phân chơn vọng. Chơn vọng vốn nơi một tâm, mê ngộ bày ra muôn pháp. Pháp không có pháp khác mà dường như các pháp hiện tiền. Tâm không có tâm khác mà rõ ràng thành thức tương tục. Nguyên nhơn chỗ tội chơn mà bất giác, vọng động nên tưởng sanh. Đạt vọng vốn chơn, biết chơn thì tưởng diệt. Thế nên mười hai loài chúng sanh vốn là Phật mà dối thấy có lưu chuyển. Ba mươi hai tướng hiện sẵn trong tướng phàm phu mà trở thành điên đảo. Cho nên, Thế Tôn Đại Giác của chúng ta mới cởi chiếc áo quý báu, mà mặc chiếc áo nhơ rách. Chỉ nơi chơn tế (mê thật) là vô minh, nói như huyền là hư vọng. Căn thân và khí giới đều tùy tình lượng mà phân chia. Cõi Phật và ứng thân đều y nơi trí chiếu mà có sai biệt. Như gương sáng tùy vật mà hiện hình

đẹp xấu. Cái rỗng sáng vô tướng vốn là lặng lẽ. Ví như mặt trăng tùy người mà có đi lại, chỉ người tự thấy, ánh sáng vàng vạc treo giữa hư không vẫn không khuyết. Đến hình đẹp xấu để bàn về ánh sáng của gương, căn cứ nơi người đi lại để xem thể mặt trăng, thấy đều do con mắt bệnh. Đây là chỗ thánh trí không cho im lặng vậy.

Cái rỗng sáng vô tướng đâu cho nói bàn, chỉ nói chẳng phải đẹp chẳng phải xấu. Ánh sáng vàng vạc treo giữa hư không, không cần chỉ bày, chỉ nói không phải đi không phải đến. Mong chạm mắt để ngộ tâm, chỉ sợ bỏ mặt trăng mà nhìn ngón tay. Nhon xấu mà chỉ ra đẹp, tức nơi đến mà nói đi. Xét tốt ánh sáng gương tìm không ra tướng xấu thì tướng đẹp làm sao có đối đãi ? Tìm cùng cái thể của mặt trăng không có dấu đến thì đi làm gì có ? Đẹp xấu đều là vọng, thể gương vốn không, đến đi thấy đối, chất mặt trăng vẫn sáng.

Vì thế, một trăm lẻ tám câu bát dút nói năng, ngay đó để phát minh nghĩa gì ? Tám thứ thức xét cùng là sanh diệt, từ vô thủy nó là hư dối không phải nhon. Chơn trí vốn không phân biệt bèn trở thành tâm bất giác. Vì cái bản tịch chẳng giữ linh nguyên mà biến thành thức vọng động.

Tâm chẳng sanh thức, hằng niết-bàn mà ở trong lưu chú (thức lưu chú). Thức chẳng lìa tâm, luống sanh tử mà ở trong thường trụ (niết bàn). Một phen con mắt bệnh thì ngàn hoa đốm rối loạn trong hư không. Một phen vọng che tâm thì các tình lượng đóng cửa trí. Bệnh hết con mắt vẫn còn, hoa đốm sạch hư không vẫn trong. Vọng sạch thì tâm tròn, tình mất thì trí sáng.

Nếu như trí bị bít trong cửa tình thì toàn trí đều là tình. Tâm mờ mịt trong biển thức tức toàn tâm là thức. Sức huân biến không thể nghĩ bàn, mé thật sanh tử thật khó biết. Nếu các thứ hư vọng mà có nhơn để nương thì sự tương tục của căn và thức đâu có thể dừng. Nếu chẳng chuyển lại, cái chơn thức kia, át sanh chấp lầm là sanh nhơn. Thức lưu-chú bởi mê nên có nhân thức, sắc trần, ánh sáng chung hợp. Nếu chấp tánh thắng diệu cho là thức, có khác gì kẻ ngu tìm lông rùa, ép cát lấy châu. Vọng chấp có không nhơn quả thành rỗng. Thấy do chẳng rõ được hiện tiền bèn cho là riêng có. Cũng bởi chưa từng thấy chỗ tốt cùng mới lầm chấp là mình sơ.

Do tâm không có mé trước, phàm có hiện ra đều bởi mê mà sanh. Thức không có duyên sau, chỉ rõ được tướng ban đầu thì thấy đồng huyền hóa. Chán sanh ưa lặng, diệt các thứ nhiếp thọ,

liền thấy chỗ chung cục của cảnh giới. Bỏ vọng chơn, đã thành đối trị, cũng chưa rõ đầu mối sanh diệt. Bởi lẽ ngộ không có sai biệt, mà mê có cạn sâu. Tâm không có đồng khác mà thức có ranh vực. Thế nên biến tàng thức khó lường, giác tâm thì thường trụ. Sanh tử và niết-bàn không có người tạo, dụng lập phàm thánh chỉ là cái bóng rỗng. Chỗ hiện của vọng tưởng, chỗ hành của thánh trí, căn trần tâm thức đều chẳng lìa nhất chơn, mà bờ mé mê ngộ thường xa. Trên tánh chơn nhu tình tưởng mỗi cái có khác, ấy là lý do thăng trầm trong sáu thú. Trong pháp vô vi trí và hạnh có nhiều đường, hơn đó mà tứ thánh có cao thấp.

Thức thứ tám chỉ có lỗi mê, nên sóng mồi nổi dậy, song tánh ướt trong biển vẫn thường còn. Bảy chuyển thức vốn không có chơn thật, tuy lóng trong yên lặng mà dòng tinh-trạm (thức thứ tám) sức nó chưa dừng. Cho nên cái tinh-trạm hợp chẳng lìa mé thức, đây càng thấy rõ bởi do xúc mà sanh thọ. Toàn sóng là nước, vì chỉ cho kẻ ngu nên dùng môn bất nhị. Lý chơn thật thì lìa ngôn ngữ, chính là chỗ tự ngộ của người tiến tu. Tột cùng bí trí tròn đầy ba tướng (giải thoát, ly, diệt) nơi nguồn giác. Trừ sạch thức hiện lưu vượt khỏi ngũ pháp (danh, tướng, phân biệt, chánh trí, như như) ra ngoài chỗ nghĩ bàn.

Kẻ bỏ tự tông (tâm) này liền rơi vào tà kiến. Chẳng rõ tự tâm hiện ra, dối nói có sanh nhơn (có cái đầu mới sanh ra). Người xét biết muôn pháp về không, lại rơi vào đoạn diệt. Tìm cùng lý do của sừng thỏ, chia chẻ tốt chi tiết của sừng trâu, mới biết đối đãi nhau, cuối cùng thuộc vô nhơn (không có nguyên nhơn). Nương nơi không nên có sắc, nương nơi sắc nên có không, phân biệt rõ ràng.

Bỏ sắc để thấy không, bỏ không để tìm sắc thì lấy bỏ đành rành. Đâu biết đồng thời liền hiện, cảnh trong mộng đâu có trước sau. Hai tướng không khác, sau khi giác ngộ ai còn thấy kia đây ?

Ngộ thì hoàn toàn ngộ, biết rõ vọng thì đâu cần phá trừ. Mê mà không biết mê, nhơn căn cơ bèn có đốn tiệm. Lìa ấm, giới, nhập được diệt môn giải thoát. Bày thí, giới, nhấn hiển đạo Ba-la-mật. Phá cái phàm tình chấp ấm này, dẹp cái di thuyết chấp vô nhơn kia. Chỉ rõ duyên khởi không tánh, do vọng mà có tướng sanh. Nêu rành vọng tướng từ nơi mê, nên tình lượng không có thật thể. Dẫn trở về tự giác, chóng vào lý quên lời. Bỏ cái tâm phan duyên theo năng và sở, rõ cái tướng tốt cùng sai biệt. Nói có chia báo thân, hóa thân, mà thừa thì không hai không ba.

Thanh Văn biết như thật nên chỉ khác với hàng ngoại đạo. Bồ Tát chẳng quên bản nguyện, vẫn còn ngại ưa vắng lặng. Về đệ nhất nghĩa đế còn chẳng phải cảnh giới của nhị thừa. Huống là tánh thường chẳng thể nghĩ bàn thì đâu đồng với tướng nhơn của ngoại đạo. Tự giác cái chơn nhơn thì thật có tự tánh, vô thường tướng khác chỉ rơi vào chỗ nghĩ bàn. Tánh bản trụ không thuộc về thấy nghe, do dính với cảnh sở tri bèn đem cái giác biến thành cảnh. Thánh trí vượt ngoài phân biệt, chỉ chớ mê niệm hiện tại, mới thấy rõ lý tâm không thể nói năng.

Bởi không giác ngộ tự tâm, nên tùy sự tu tập mà sanh ra các thừa, mỗi thừa tự thành chủng tánh. Chẳng phải không có Phật tánh, Phật thừa thần lực nhiếp hóa chúng xiển đế, át cũng có nhơn duyên. Cho nên biết mê ngộ đồng duyên mà tâm biết mỗi người có khác. Thánh và phàm đồng một chơn thật, bởi giác và tướng mà có phân chia. Như đồng ấm, giới, nhập mà một bên thấy là ta là người, một bên thấy là vô ngã, nghĩa thật do đó mà cách xa. Như tâm, ý, thức, có pháp cho là tức ngã, có pháp cho là ly ngã, mà thể giác chưa từng biến đổi. Bởi phá chấp trở về chơn thật, nên lập tánh có ba (biến kế, y tha, viên thành). Nhơn nơi ngã chỉ bày là không, nên thành có hai trí (nhơn không, pháp không). Thấu

rõ thật tướng các pháp thì nơi danh, tướng tức là như như. Khéo biết tự tánh chơn không thì vọng tưởng biến thành chánh trí.

Bồ Tát như tự tánh vọng tưởng, y duyên khởi mà đối hiện sắc thân. Vào chỗ chư pháp như huyễn mà không rơi vào có và không, khắp dạo các cõi nước. Rộng độ chúng sanh mà không có chúng sanh được diệt độ. Hiện bày huyễn nghĩa đâu rơi vào nói năng. Vì đối trị tâm phân biệt nên nói không có cảnh giới. Dẹp trừ cái tướng vô ngã, vì nói môn Như Lai tạng. Chớ kẹt vào cái khéo phương tiện, chỉ nên chứng pháp ở trong. Cái lý không sâu xa chẳng phải do ngôn ngữ có thể bày hiện. Người tăng tiến bậc thượng thượng sẽ được chỗ sở hành của tự giác. Lìa tứ cú (có, không, chẳng phải có, chẳng phải không), vượt ngoài tam chi (tông, nhơn, dụ), hiện trong bóng sáng trang nước, ra ngoài kiến lập và phủ băng.

Thiền na bày bốn (sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền), về thánh lạc chỉ có ba. Không, vô tướng, vô nguyện đối với thật đế rất là phù hợp. Thọ, tịch tịnh, giác tri trong thân chỉ nên thâm hợp. Làm tiêu bang tâm ý thức sanh tử, trở về nước Như Lai tạng niết bàn. Tự tánh không việc, chẳng phải đoạn chẳng phải thường. Hoa giác như huyễn chẳng hoại cũng chẳng tử. Cho nên

ngoài tự tánh vọng thấy có niết bàn, đều thuộc về nhơn duyên thì chỉ có nói năng. Pháp như huyễn hằng ở trong sanh tử đồng với hoặc loạn, mà ngay đó là vô sanh. Vì không tánh nên nói vô sanh. Vì vô sanh nên nói như huyễn. Pháp như huyễn chẳng rời cảnh giới Văn Thù và Phổ Hiền, nên không thể nói năng. Lý vô sanh tánh nó là ly, nên không phải chỗ biết của ngoại đạo và Tiểu thừa, nên dứt nghĩ bàn.

Tứ quả chẳng ngoài tâm lượng, nhị giác đều do chọn lựa Niết bàn. Là thức Lại Da không có tánh chứa đựng. Là cái bất giác thì không có Lại Da. Bấy chuyễn thức vốn là vô sanh, luống phân biệt nên tàng thêm bất giác. Bởi bất giác nên duyên khởi vọng có tướng sanh, giác được cái vọng do mê thì tánh Viên thành tự hiện.

Mười phương ba đời đồng là nhất thừa, thế và xuất thế gian vốn không có hai cái ngã. Thấu được cái chơn truyền, vọng tưởng không tánh, suốt yếu chỉ tự giác, không do nơi người. Mới biết tâm chẳng sanh duyên, duyên chẳng sanh tâm. Tâm và duyên cả hai đều bật thì tịch chiếu khắp hà sa. Sự và lý dung thông nhau, không và hữu, bóng hiện trong hải ấn. Một địa (địa vị Bồ tát từ sơ địa đến thập địa) là tất cả địa, tất cả địa là một địa. Rõ thấu pháp vốn vô sanh thì dung hội

được hình bóng trong gương và nước. Thuận tánh khởi dụng thì xếp đặt các chủng loại ở chốn không minh. Đoạn ngoại sắc của La Hán, hại hữu tâm của giác thân. Phật không có tự và tha, pháp đồng xưa và nay. Cứu cánh trọn không có một chữ, tùy loài bèn có ba thân.

Nếu chấp có, trở lại kẹt nơi vô nhơn. Nếu nhận không bèn thành hoại pháp. Pháp giới vốn tự vô sanh, do vọng nên theo duyên khởi. Tánh tướng vắng lặng, đâu cho có tâm chấp hữu. Nhơn quả rõ ràng, khó vướng cái nghiệp vô tác. Có không đều chẳng chấp mới vào được tự tông (tâm tông). Phương tiện tùy cơ không thể chẳng nói. Nhơn nơi tông (tâm) khởi lời nói, do lời nói đạt được tông (tâm). Các thứ chẳng thật tức là cái dẽ nhất như thật tự tánh vốn không. Chỗ vọng tưởng phát sanh, tức là vọng tưởng chẳng sanh, tùy duyên đâu có khác. Một sanh một chẳng sanh, do vọng thấy mà thành tà kiến. Tứ tướng (ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả) và tứ bình đẳng (tử, bi, hỷ, xả) trong chơn giác không có hai. Do nơi ngữ mà thể nhập nghĩa, nên kinh điển hiển bày nguồn tâm. Biện được thức rõ được trí, ở bậc Như Lai chỉ duyên mà tự được. Tất cả các pháp, tâm làm tự tánh, an trụ trong tâm thì không có tướng chuyển biến. Tất cả cái tương tục, giác là liễu nhơn, trở về bản giác mới là biết như thật.

Vì ngàn vọng chấp nên nói pháp không. Vì lìa khủng bố nên nói tánh hữu. Như thế đều chẳng phải lời nói chỉ đến chỗ tốt cùng. Chẳng qua, tùy phương tiện để chỉ bày vậy. Không lập tông thì tự tướng các pháp mới sáng tỏ. Chẳng phải vô trí, vì vọng tưởng và vô trí mà tự khác. Giáo liễu nghĩa diệu chỉ ở trước lời nói. Người tu hành đạt được tông thú, giác ngộ vượt ngoài chánh lý. Y lời nói mà nhận nghĩa là bị danh ngôn dối gạt. Đạt lối tẻ của pháp mới dẹp trừ được thế luận. Chỉ biết lìa văn cú mà chẳng phải lặng thinh. Lại biết tốt các duyên tâm mà chẳng thành đoạn diệt. Thế thì cái chơn vọng đối đãi liền được dung thông. Đây là lối đối trị năng và sở đều dứt. Pháp giải thoát như thật duy tự chứng biết. Niết bàn vô trụ là pháp bình đẳng, chẳng phải hơn chẳng phải quả. Tri giác của Như Lai có tự mà không tha, tức nơi sắc thân là pháp thân, chុ Phật khéo ứng hiện đâu phải không vô nghĩa.

Vô tánh là phi vô, dị danh là phi hữu. Phi vô là pháp không sanh, chẳng theo duyên diệt. Phi hữu là pháp chẳng diệt, đâu đợi duyên sanh. Chẳng theo duyên diệt, mà vì chúng sanh nói là chẳng sanh. Không đợi duyên sanh, mà vì chúng sanh nói là chẳng diệt. Tam muợn phương tiện lập bày để xây dựng chương cú đại thừa. Vì thế giới nghĩa mới gọi là đa văn. Dụ xem ngón tay là

quả trách kẻ ngu. Tướng vô kiến là tánh thật của vọng tưởng. Lìa vòng xúc xích của mười hai nhơn duyên tức là phân biệt huệ không. Hai thứ ác kiến (thường, đoạn) nhơn mê các pháp mới sanh. Ba cõi nầy sinh do tâm, chỉ y trong tự giác mà trụ. Phi thường và vô thường quyết định không có tánh. Có nhiếp thọ và không nhiếp thọ, sự sai biệt đều do người. Giác ngộ pháp có tướng khác, vẫn thuộc về thiên định của nhị thừa. Bồ tát nhớ nghĩ đến bản nguyện, còn đợi đến bát địa giác ngộ mới giữ gìn. Mộng qua sông đã tỉnh, thì ánh sáng của ngọn lửa mạnh mới khắp.

Các bậc trụ không có, cứu cánh khác gì sơ tâm. Phật địa trang nghiêm được nhanh, thủy giác tức là tối thắng. Nếu chấp tự giác thánh trí thường không sanh thì có lỗi, vì nó khác với hư không kia. Bỏ dùng phương tiện tu hành chứng được, nên chẳng đồng với nhơn tác của ngoại đạo. Tự tánh không như, bất giác mà thành cái nhơn các thứ. Bấy chuyển thức nó nhiếp trì, tuy vô ngã mà vẫn còn cái lỗi của tập khí thừa. Như Lai tàng tánh vốn không sanh diệt, do khách trần mà in tướng có trọc có thanh. Từ tục vào chơn phải nương nơi năm pháp. Do trí đến tịnh chỉ rõ được nhất tâm. Chư Phật ba đời vượt hẳn mọi sự tôn trọng của thế gian, vì dựng lập tự tâm thông suốt, không phải như hoa Ưu đàm bát. Tập khí

vô lậu không phải là nghĩa sát na, nếu an trụ chánh pháp thì xem nó như thành Càn thất bà. Lục độ cũng chia có quyền thật. Ba Phật (pháp, báo, hóa) lẫn nhau phát minh. Thúc đẩy nhị thừa đến chỗ cứu cánh, khuyên chúng sanh trong ba cõi tu hành trong sạch, thấy thuộc về quyền lập, đều là Phật hóa thân nói. Nếu bàn về bốn trụ (pháp thân) trọn không có ngữ ngôn, chỉ nói phi thừa khiến người tự khế ngộ. Bản giác thanh tịnh chẳng nhờ công huân tập. Tự tánh đã trang nghiêm đâu cho ô nhiễm. Nên nói "căn bản trí sáng, sai biệt huệ đầy, trước sau gốc ngọn hội tột chỗ vô ngôn" ấy vậy.

Tóm lại, đại đạo không dấu vết, chỉ ở trước mắt. Chỗ chí lý bất nghĩ lường, chẳng bàn kiếp ngoại. Do đó, đức Thế Tôn đóng cửa thất nơi nước Ma Kiệt, ngài Duy Ma Cật lặng thình trong thành Tỳ Nại Da. Chẳng nói mà nói, phơi bày sum la vạn tượng ; chẳng nghe mà nghe, gom ngàn căn cơ về nơi vắng lặng. Vừa dính tình lượng đã rơi vào hiện giờ. Chỉ cần trở về, đâu cần phô bày hình tướng. Thế nên, đêm ấy thành Phật, đêm ấy niết bàn, khoảng giữa chẳng nói một chữ. Bản tế sanh tử, bản tế niết bàn, tùy thuận đâu có hai dòng. Diệu tại chẳng biết, lỗi cũng tại chẳng biết. Mê phi cú này, tức ngộ cũng phi cú này. Toàn thân trong mộng, khi thức cũng

chẳng rời khỏi gối mền. Trong cái tướng sai biệt, xoay lại không ngoài việc xem gương. Như nước ngậm trăng trong ngoài đều loãng. Như gương soi không rỗng sáng xen nhau. Từ cổ đến kim, từ sáng đến tối đâu do có người mà thêm đẹp dẽ. Nào bởi không kiếp mà giảm bớt hư minh. Người mất đó cũng đồng tâm biết này. Người được đó chẳng đổi nghe thấy. Cần phải biết có, đâu dùng lại không. Ngọc ma ni đâu phân làm năm sắc. Toàn thân con voi đâu giấu với nhóm người mù. Giữ chơn bỏ vọng, khó tránh khỏi sự chê "nổi dòng chim le dứt dòng chim cò". Mở cái tối bít cái sáng, không khỏi người cười "dời núi lấp rãnh".

Bởi vì tám thức vốn rỗng, năm pháp đều giả. Hai cái ngã (nhơn và pháp) đối tự gìn giữ. Ba tánh lăm nương nhau mà lập. Ngàn sai muôn khác chẳng qua một cái mê. Tột trước cùng sau cứu cánh trở về niệm hiện tiền. Tin pháp môn thẳng tắt không do đâu, hội được pháp tổng trì mới chung cục. Cái bất giác trước, cái bất giác sau, như sữa trong nước thật là khó phân. Thánh rửa tình phàm, phàm che kiến thánh, mảnh than trong tối dễ nhận. Đâu biết tình mất trí hiệp, tướng hết thể tròn. Cho nên nói : "Đại đạo chỉ tại trước mắt, chỗ chí lý đâu bàn kiếp ngoại".

A¹ - PHẦN TỰ CÓ HAI :

B¹ - DUYÊN KHỞI CỦA KINH :

Tôi nghe như vậy, một hôm Phật ở trên đỉnh núi Lăng Già tại bờ biển Nam, dùng các thứ hoa báu trang nghiêm, cùng với các vị Đại Tỳ Kheo Tăng và chúng Đại Bồ Tát câu hội. Chúng Đại Bồ Tát ấy ở các cõi Phật khác đến. Các ngài có sức tự tại vô lượng chánh định và thần thông du hý, Đại Bồ Tát Đại Huệ làm Thượng thủ. Các ngài đã được tất cả chư Phật làm phép quán đỉnh, và khéo hiểu nghĩa cảnh giới tự tâm hiện, các loại chúng sanh, các thứ tâm sắc, vô lượng độ môn, tùy loại khắp hiện. Đối với năm pháp, ba tự tánh, tám thức và hai thứ vô ngã, các ngài đã thông đạt cứu cánh.

Trên hội Niết Bàn, Ngài A Nan hỏi Phật : Khi kết tập các kinh, lấy câu nào để đầu ? Phật dạy : Phải dùng câu "Tôi nghe như vậy, một hôm Phật ở..." làm thông lệ cho các kinh. Kinh này Phật chỉ thẳng cho chúng sanh căn thân khí giới hiện tiền đều duy tâm hiện, như mộng như huyễn chẳng phải có chẳng phải không. Một niệm bất giác muôn pháp này đồng hiện. Chính nơi đó mà phát minh thì chỉ một tâm không có gì khác. Đây là cảnh giới bất tư nghì của chư Phật, Bồ Tát,

không phải chỗ biết của hàng Nhị Thừa và ngoại đạo. Cho nên những vị đương cơ cùng chư Đại Bồ Tát đồng đến trong hội, đều được chánh định tự tại và thần thông du hý, khéo hiểu tất cả cảnh giới tự tâm hiện. Các ngài tùy các thứ tâm sắc của chúng sanh lập bày phương tiện để độ thoát, và thông đạt cứu cánh năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã. Các ngài đủ khả năng thọ nhận đệ nhất liễu nghĩa của Như Lai, không rơi vào lưới nghi, không bị tất cả ngoại đạo, Nhị thừa làm hoặc loạn. Những vị Đại Tỷ Kheo chung hợp trong hội này đều là hàng Nhất thừa hóa hiện, không đồng với hàng định tánh Thanh văn, chẳng kham phát tâm Đại thừa. Cho nên phần duyên khởi này cùng với yếu chỉ Duy tâm của bản kinh phù hợp nhau hiển bày.

B² - ĐƯƠNG CƠ KỆ TÁN :

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ cùng Bồ Tát Ma Đế hợp nhau dạo tất cả cõi nước chư Phật, nương thần lực của Phật từ tòa đứng dậy, bày vai áo mặt, quỳ gối mặt xuống đất, chấp tay cung kính dùng kệ tán thán Phật :

Cõi nước chư Phật tức là cõi nước chúng sanh. Những vị Bồ tát này hay chính chỗ nhập dụng của chúng sanh mà thông đạt cảnh giới Phật. Bảo rằng thấy tất cả sắc đều là sắc Phật,

nghe tất cả tiếng đều là tiếng Phật, đạo tất cả cõi nước đều là cõi nước chư Phật. Do đó các Ngài trên nương thân lực chư Phật, dưới vì trong hội chúng phát lời tán thán. Những lời tán thán Phật đều hàm súc ý nghĩa kinh, không có chỉ thú riêng.

Thế gian lìa sanh diệt	Ví như hoa hư không,
Trí chẳng thấy có, không	Mà khởi tâm đại bi.
Tất cả pháp như huyễn	Xa lìa nơi tâm thức,
Trí chẳng thấy có, không	Mà khởi tâm đại bi.
Xa lìa chấp đoạn thường	Thế gian hằng như
	mộng,
Trí chẳng thấy có, không	Mà khởi tâm đại bi.

"Thế gian như không hoa, tất cả pháp như huyễn, thế gian hằng như mộng", những câu này là tức nơi nhậm dụng của chúng sanh liên thấy cảnh giới bất tư nghì của Như Lai, chẳng phải do dụng công quán chiếu của trí khiến nó thành có hay thành không. Như Lai thương xót các chúng sanh này không thể tự giác, luống theo tâm thức vọng chấp đoạn, thường. Ngài khởi đại bi lập bày phương tiện để độ thoát. Bồ tát thâm hiểu được ý này, cho nên trong lời tán Phật riêng bày chỉ thú toàn kinh. Đây là "khéo hiểu nghĩa cảnh giới tùy tâm hiện" ấy vậy.

**Biết như pháp vô ngã Phiền não và sở tri (nhĩ
diệm)**

**Thường thanh tịnh không Mà khởi tâm đại bi.
tướng**

Phàm phu chấp trong thân ngũ ấm là ngã nên phiền não y đó mà khởi. Nhị thừa quán ngũ ấm vô ngã mà cái sở tri chưa quên. Cả hai đều thuộc về mê, không phải có cạn sâu vậy. Ở đây nói "như pháp vô ngã, phiền não sở tri thường tự thanh tịnh" đều là lời tán Phật. Song cũng chỉ rõ phàm phu Nhị thừa ngay đó toàn không, bởi do bất giác vọng thấy lưu chuyển. Như Lai biết rõ nên khởi đại bi độ thoát. Tuy không có chúng sanh được diệt độ, mà mười câu vô tận bản nguyên sâu rộng vậy. Xét theo *Tam tế*: Một, y bất giác tâm động gọi là Nghiệp tướng. Hai, y tâm động khởi năng kiến gọi là Chuyển tướng. Ba, y năng kiến ma cảnh giới vọng hiện gọi là Hiện tướng. Cái thứ ba này, thuộc về thức thứ tám, là cái tập khí hư vọng vô thủy. Sau y Hiện tướng đối cảnh phân biệt thành *Lục thô*. Một, là Trí tướng tức pháp chấp của sanh. Hai, y trí khởi niệm chẳng dứt gọi Tương tục tướng là pháp chấp phân biệt. Hai cái pháp ngã (chấp) này, tuy thuộc thức thứ bảy, song cội gốc nó thật khó thấy. Vì nó y bất giác mà khởi nên rất vi tế.

Đến hàng Thập Nhất Địa (Đẳng Giác) vẫn có hai phần sở tri ngu, cho nên không phải chỗ Nhị thừa thấy được. Chữ sở tri tức là nhĩ diệm vậy. Ba, y niệm khởi chấp gọi Chấp thủ tướng, là nhơn chấp câu sanh. Bốn, y chấp khởi kế (tính toán) gọi Kế danh tự tướng, là nhơn chấp phân biệt. Hai cái nhơn ngã (chấp) này, khởi ra tất cả cội gốc phiền não, cũng thuộc về thức thứ bảy. Song vì y cảnh phân biệt làm chỗ chấp giữ, nên hàng Nhị thừa quán nhơn vô ngã cũng hay đoạn được mà pháp ngã của thức thứ bảy chẳng đoạn. Ngài Huyền Trang cho phân biệt thuộc thức thứ sáu, câu sanh thuộc thức thứ bảy. Song ở đây xét về nguyên do sanh khởi nên nói chung là thức thứ bảy. Năm, y hoặc tạo nghiệp gọi Khởi nghiệp tướng. Sáu, y nghiệp chiêu báo gọi Khổ hệ tướng. Hai phần này thuộc về trời người. Nhưng tóm kết Tam tế và Lục thô thấy đều do bất giác. Nếu giác thì hoàn toàn không, nên nói "thường thanh tịnh không tướng".

Tất cả không Niết Bàn	Không Niết Bàn của Phật
Không có Phật Niết Bàn	Xa lìa giác, sở giác
Hoặc có hoặc không có	Cả hai thấy đều lìa.

Bốn bài kệ trước nói chỗ nhất dụng của chúng sanh thấy là cảnh giới của Như Lai. Bài kệ này nói Như Lai niết bàn chẳng khác với chúng sanh sanh tử, nên nói "tất cả không niết bàn". Nếu có niết bàn thì đâu không sanh tử ; đã có sanh tử tức có chúng sanh sanh tử và có chúng sanh vào sanh tử. Có chúng sanh sanh tử tức là có Phật niết bàn. Có chúng sanh vào sanh tử tức có Phật vào niết bàn. Thế là cái năng giác và sở giác rõ ràng thành đối đãi. Đâu biết rằng tất cả chúng sanh đã vào niết bàn, chẳng cần lại niết bàn. Như Lai thấy rõ nên hay tùy thuận bản thể, sanh tử niết bàn đều như mộng huyễn. Đã tuyệt tâm năng, sở thì không rơi vào cái thấy có, không. Bậc Vô Thượng Chánh Chơn không thể đem trọn sự suy xét so lường đến được.

Quán Mậu Ni tịch tĩnh

Thế là xa lìa sanh

Ấy gọi là chẳng thủ

Đời này đời sau tịnh.

Pháp thân không tánh không sanh, chẳng phải tâm chẳng phải thức, đây là Mậu Ni tịch tĩnh, chóng lìa tất cả kiến, tướng sanh diệt. Nếu khỏi cái quán này, trong một sát na các chấp đều đoạn. Liền đó mắt mình mở rộng thẳng đến vị lai tự nhiên tịnh niệm tương tục. Đó là chỗ Lục Tổ nói "niệm trước chẳng sanh, niệm sau chẳng

diệt" vậy. Như lời tán Phật này để chỉ cho người phải để mất nơi đây.

A² - PHẦN CHÁNH TÔNG - Phân làm hai :

B¹ - CHỈ THẮNG LÀ NÓI BẤT CHỨNG PHÁP MÔN ĐỀ NHẤT NGHĨA RỘNG LỚN VỊ DIỆU, CÓ HAI :

C¹ - HỎI MỘT TRĂM LỄ TÁM CÂU :

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ nói kệ tán Phật rồi, tự trình danh tánh, con tên là Đại Huệ thông đạt được Đại thừa, nay đem một trăm lễ tám câu thưa hỏi bậc Tôn Tối Thượng (Phật).

Bồ tát tự nói thông đạt Đại thừa, vì muốn người đương thời và kẻ hậu thế biết nghĩa hỏi ở đây đều là chỗ thiết yếu của Nhất thừa, chẳng phải nghĩa sai biệt của các thừa.

Bậc Thế Gian Giải (Phật) nghe kệ kia rồi, quán sát tất cả chúng, bảo các Phật tử rằng : "Phật tử các ông ! Nay cho mặc tình hỏi, tôi sẽ vì các ông nói, cảnh giới tự giác" !

Cảnh giới tự giác là chỗ chứng của chư Phật trong mười phương và ba đời. Trong quyển bốn lập đi lập lại xét rõ trọn không ngoài ý này, nên trước vì nêu bày ra.

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ như lời Phật đã nói, đánh lễ dưới chân Phật, chấp tay cung kính dùng kệ hỏi rằng :

Thế nào tịnh niệm kia ? Thế nào niệm tăng trưởng ?

Thế nào thấy si hoặc ? Thế nào hoặc tăng trưởng ?

Thế nào hóa tướng cõi ? Và các chúng ngoại đạo.

Cớ sao không thọ thứ ? Vì sao gọi vô thọ ?

Niệm là vọng giác. Si hoặc là bất giác. Chơn như không tánh bất giác vọng động, kiến hoặc vừa sanh liền có vọng giác. Muốn sạch vọng giác thì phải tìm tột chỗ khởi vọng giác. Muốn ngộ bất giác thì cần xét cùng chỗ sanh bất giác. Chùng ấy mới biết chơn như không tánh là mặt chỉ của chư Phật, nên phải hỏi trước. Cõi tức là cõi nước. Hóa tướng là tất cả tướng biến hóa trong lục đạo. Trước nói ngoại đạo, sau đề ra vô thọ, đó là muốn biện sự sai biệt của tà chánh. Vô thọ là Mâu Ni tịch tĩnh, chẳng thọ một pháp, lìa các tướng trạng. Thứ là thứ lớp các địa. Kinh Kim Cang nói "do pháp vô vi mà có sai biệt".

Cớ sao gọi Phật tử ? Giải thoát đến chỗ nào ?

AI phục ai giải thoát ? Những gì cảnh giới thiên ?

Tại sao có ba thừa ? Cúi mong vì giải nói.
 Duyên khởi chỗ nào sanh ? Thế nào tác, sở tác ?
 Thế nào đồng dị thuyết ? Thế nào là tăng trưởng ?
 Thế nào vô sắc định ? Và cùng diệt chánh thọ ?
 Thế nào là tướng diệt ? Vì sao từ định giác ?
 Thế nào tạo tác sanh ? Tiến đi và giữ thân ?
 Thế nào hiện phân biệt ? Thế nào sanh các địa ?

Câu "giải thoát đến chỗ nào" là muốn hiển bày Mậu Ni tịch tĩnh, không có phục và thoát ; nên nói tiếp "ai phục ai giải". Nói không có giải có phục là, bởi mê ngộ vọng thấy mà thôi. Cảnh giới thiền là chỉ các thiền định của phàm thánh. Duyên khởi là pháp do nhơn duyên sanh ra. Tác, sở tác là nghiệp quả năng tác và sở tác. Đồng dị thuyết là chỉ ngoại đạo tà thuyết. Tăng trưởng là nhơn gì tăng trưởng nhơn quả trong tam giới ? Vô sắc định là tứ không. Diệt chánh thọ là diệt tận định. Tướng diệt là vô tướng định. Từ định giác là hởi Như Lai vì sao từ định mà giác (ra) khởi các tác dụng, thị hiện thân có đi có đứng. Hiện phân biệt là, hiện nói các thứ pháp sai biệt. Sanh các địa là, kiến lập hành tướng các địa.

Ai người phá ba cõi ? Ở đâu ? thân thế nào ?
 Vãng sanh đến chỗ nào ? Thế nào Tối Thắng Tử ?
 Nhơn gì được thần thông ? Và tự tại tam muội ?
 Thế nào tâm tam muội ? Tối thắng vì con nói.

Phá ba cõi là, chỉ chung cho hàng tam thừa ra khỏi tam giới. Đã ra khỏi tam giới, trụ ở chỗ nào, thọ những thân gì, vãng sanh đến chỗ nào. Nói thánh nhưn tam thừa đồng ra khỏi tam giới, song thân và cõi chẳng đồng, ứng và hóa mỗi vị có khác. Tối Thắng Tử là chỉ chư Bồ Tát. Thần thông là sáu pháp thần thông. Tam muội dịch là chánh thọ (chánh định). Tâm tam muội là tâm trụ trong chánh định, cùng với pháp chánh định đồng hay khác.

Thế nào gọi là tàng ?	Thế nào ý và thức ?
Thế nào sanh cùng diệt ?	Thế nào thấy rồi hoàn ?
Thế nào là chủng tánh,	Phi chủng và tâm
	lượng ?
Thế nào kiến lập tướng	Và cùng nghĩa phi ngã ?
Thế nào không chúng	Thế nào thế tục
sanh?	thuyết ?

Tàng là tàng thức. Ý là thức thứ bảy. Thức là thức sáu và năm thức trước. Sanh diệt là các căn thức hiện ra sanh diệt. Thấy là thấy được cái sanh diệt. Hoàn là trở lại cái không thấy. Đồng một tâm này mà có riêng biệt là tàng, ý và thức. Rồi có khác là thấy sanh diệt và thấy chẳng sanh diệt. Cái mê ngộ hư vọng này thấy đều không thể có. Chủng tánh là tam thừa chủng tánh. Phi chủng là không có chủng tánh, chỉ cho ngoại đạo

và chúng biến đổi. Tâm lượng là đồng một tâm mà mỗi cái có chủng lượng vậy. Kiến lập tướng là tướng ngã. Nghĩa phi ngã là tướng vô ngã. Chúng sanh là nói khác của tướng ngã. Tức là đối với ngã và pháp vốn không có chúng sanh, mà đối với thế tục nói có đó là sao ?

Thế nào là đoạn kiến Và thường kiến chẳng
sinh ?

Tại sao Phật, ngoại đạo Tương đó chẳng trái
nhau?

Thế nào đời sau này **Có các thứ bộ khác ?**
Thế nào không, tại sao ? **Thế nào hoại sát na ?**

Đoạn và thường đều là tà kiến của ngoại đạo. Chẳng sanh là chẳng sanh hai kiến chấp này, tức là chánh pháp Như Lai. Phật cùng ngoại đạo tương chẳng trái nhau là, gồm vào một tâm bình đẳng mà nói vậy. Bộ khác là, sau khi Phật diệt độ đệ tử kiết tập kinh bộ mỗi phần có khác. Nói một tâm bình đẳng, Phật cùng ngoại đạo không khác, mà đệ tử trong pháp của Phật trở lại thấy có khác, là sao ? Không là các pháp tánh không. Hiện thấy các pháp mà nói không đó là sao ? Sát na là niệm rất vi tế. Niệm niệm chẳng dừng, sát na chẳng trụ, không phải chỗ biết của người vô trí.

Thế nào tha, tàng sanh ? Thế nào thế bất động?
Nhơn gì như huyền mộng Và thành càn thất bà
Thế gian thấy sống nằng Cùng bóng trắng đầy
nước ?

Bởi đâu nói giác chi Và cùng Bồ Đề phần ?
Thế nào quốc độ loan ? Thế nào khởi thấy có ?

Thai tạng sanh là thân phần đoạn sanh tử của chúng sanh. Thế bất động là cõi nước hằng dôi đổi mà chơn tánh vẫn thường trụ. Huyền, mộng, thành càn thất bà, sóng nắng, trăng đáy nước, thấy đều dụ cho chúng sanh cùng thế giới không thật. Nhon gì như, ấy là chúng sanh sanh tử thế giới dôi dôi, rõ ràng hiện tiền, mà nói như mộng huyền... ai sẽ giác biết ? Giác chi, bồ đề đều chỉ cho chánh trí, tức là giác ngộ thế gian mộng huyền. Quốc độ loạn là quốc độ dôi đổi. Khởi thấy có là, quốc độ dôi đổi mà chúng sanh vô trí vọng thấy thật có. Sao mà giác mê xa nhau lắm vậy ?

Thế nào chẳng sanh diệt. Thế như hoa trong không?

**Thế nào giác thế gian ? Thế nào nói là tự (văn
tự)?**

Lìa vong tưởng là ai ? Thế nào ví hư không ?

Có mấy thứ như thật ? Mấy tâm Ba La Mật ?
Nhơn dầu qua các địa ? Ai đến không chỗ thọ ?

Chẳng sanh diệt, hoa trong không, đều chỉ thế gian mà nói. Thế gian vốn chẳng sanh diệt mà đối thấy sanh diệt. Vốn như hoa trong không mà đối thấy thật có. Thế là phải đợi đến khi giác ngộ mới thấy. Giác thế gian là giác thế gian này chẳng sanh diệt như hoa trong không. Đã giác thế gian liền rõ như huyền, chẳng rơi vào có không, không phải nói năng có thể đến, nên nói là vắn tắt. Nói năng đã là thì phân biệt liền dứt. Tất cả pháp ví như hư không, thấy cội gốc thật tướng được đến bờ kia. Trải khắp các địa đến nơi vô thọ. Đây có thể thứ lớp chúng biết, mà vì muốn Thế Tôn hiển bày rành rẽ. Có mấy thứ như thật là, chúng được chơn như hàng tam thừa có mấy hạng sai biệt. Mấy tâm ba la mật là, được qua sanh tử cũng phân có tam thừa.

Những gì hai vô ngã ? Thế nào tịnh sở tri ?
Các trí có mấy thứ ? Mấy thứ giới chúng
sanh ?
Ai sanh các thật tánh ? Chơn châu ma ni thấy?
Ai sanh các ngữ ngôn Chúng sanh các thứ
tánh ?

Trong hai thứ vô ngã, pháp vô ngã rất vi tế, nên lập lại nói sở tri. Sở tri là sở tri chuồng, thuộc về pháp chấp. Trí có căn bản trí, sai biệt trí. Giới có giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát. Ma ni là báu, tánh thuộc khí thể gian (thế giới). Ngũ ngôn là chủng tánh thuộc về chúng sanh thể gian (chúng sinh). Trong lời hỏi, hoặc hỏi khí thể gian, hoặc hỏi chúng sanh thể gian, hoặc hỏi xuất thế gian, hoặc Phật, hoặc đệ tử Phật, hoặc ngu, hoặc ngoại đạo, trước sau không nhất định, một lúc lẫn lộn chẳng cần chia loại, chỉ tùy lời nói nhận được nghĩa thôi. Cần biết thấy từ một chơn pháp giới, vọng thấy có sai biệt, như huyền không thể nghĩ bàn.

Mình xứ và kỹ thuật.

Dà dà có mấy thứ ?

Người nào đã hiển bày?

Trường tụng và đoản

cú?

Có mấy thứ lý luận ?

Thế nào gọi là luận ?

Tại sao sanh ăn uống ?

Và sanh các ái dục ?

Thế nào gọi là vua

Chuyển luân và tiểu

vuơng ?

Thế nào thủ hộ quốc

Chư thiên có mấy thứ ?

Thế nào gọi đại địa

Tinh tú và nhật nguyệt?

Người tu hành giải thoát

Mỗi bậc có mấy thứ ?

Đệ tử có mấy thứ ?

Sao là A xà lê ?

Phật lại có mấy bậc ?

Lại có mấy bản sanh ?

Mình xứ là ngũ minh : 1) Thanh minh, 2) Công xảo minh, 3) Y phương minh, 4) Nhơn minh là khắc định tà chánh, 5) Nội minh nói rành rẽ về năm thừa. Ba minh trước là ngoại luận. Hai minh sau thuộc nội luận (nội điển). Đà đà dịch là kệ. Trường tụng đoản cú đều là kinh nói. Lý là lý nói ra. Luận là riêng giải thích nội điển và ngoại điển. Đây là hỏi nói pháp phải có bao nhiêu thứ. Ân uổng, ái dục, vua, chư thiên, đại địa, tinh tú, nhật, nguyệt, tổng hỏi về danh tướng hai thứ thế gian chúng sanh và thế giới. Tu hành, đệ tử, Xà lê, Phật, bản sanh là danh tướng sai biệt của xuất thế gian. Tu hành là thông tam thừa. Đệ tử là gồm Bồ tát và Thanh văn. Xà lê dịch là quý phạm (mẫu mực). Có năm thứ quý phạm. Bản sanh là Như Lai nhiều đời tu hành cho đến thành Phật, những việc hiện sanh.

Ma và các ngoại đạo	Kia mỗi loại mấy thứ ?
Tự tánh và cùng tâm	Mỗi cái bao nhiêu thứ ?
Thế nào thi thiết lượng ?	Cúi mong Tôi thắng nói
Thế nào không, gió, mây ?	Thế nào niệm thông
	minh ?
Thế nào là rừng cây ?	Thế nào là cỏ rậm ?
Thế nào voi, ngựa, nai ?	Thế nào là bắt lấy ?
Thế nào là thấp hèn ?	Nhơn gì mà thấp hèn ?
Thế nào nhiếp lục tiết ?	Thế nào nhất xiển đề ?
Nam nữ và hoàng môn	Đây đều nhơn dâu sanh ?

Tánh cùng tâm đều chỉ cho căn dục của chúng sanh. Thi thiết lượng là tâm tánh chừng lượng giả vì thi thiết. Niệm thông minh là thế trí biện thông. Nhiếp lục tiết là ở Tây vức cho hai tháng làm một tiết, một năm phân làm sáu tiết. Nhất xiển dịch là tín. Đê dịch là bất cụ. Nghĩa là lòng tin chẳng đủ. Đây cũng là hỏi danh tướng sai biệt của chúng sanh và khí thế gian.

Thế nào tu hành thôi ? Thế nào tu hành sanh ?

Thiền sư dùng pháp gì ? Kiến lập những người

nào ?

Chúng sanh sanh các cõi Tướng gì và loại gì ?

Tu hành có tiến có thoái. Sinh tức là tiến. Pháp của thiền có đốn tiệm chẳng đồng. Bởi căn cơ người lớn nhỏ chẳng phải một. Đây là sự sai biệt của xuất thế gian. Các cõi là sáu đạo và bốn sanh. Tướng loại là tướng loại của các cõi. Chúng sanh thế gian huyền vọng tư chia nhiều lối.

Thế nào là tài phú ? Nhon gì được tài phú ?
Thế nào là thích chủng ? Nhon gì có thích
chủng ?

Thế nào dòng cam giá ? Vô thượng tôn xin nói.
Thế nào trường khổ tiên ? Kia dạy bảo những gì ?
Như Lai tại vì sao. Hiện tại cả thời, cõi

Các thứ loại danh sắc	Tối thắng tử vây quanh?
Tại sao chẳng ăn thịt ?	Tại sao cấm ăn thịt ?
Ăn thịt bao chủng loại ?	Nhơn gì nên ăn thịt ?

Đây vẫn hỏi sự sai biệt của thế và xuất thế gian. Thích chủng, dòng Cam giá, bởi quá khứ rất xa, khi ấy có một Bồ tát làm Thái tử trong nước. Nhường ngôi cho em đi tu, theo học với Cù Đàm Bà la môn liền đổi họ làm Cù Đàm. Sau trở về ngoài thành ở tịnh xá tại vườn Cam giá, bị nạn giặc bắt làm thương tổn, máu chảy đầy đất. Đại Cù Đàm dùng thiên nhân xem thấy, dùng thần túc đến vườn Cam giá, lấy máu đựng trong hai cái bình để bên phải bên trái. Chúc rằng : Đạo sĩ này nếu tâm chí thành sẽ khiến máu biến thành người. Mười tháng sau, hai cái bình đựng máu một biến thành người nam, một biến thành nữ, bèn thành dòng Cam giá. Về sau thứ phi vua Ý Ma sanh bốn con được chánh hậu khỏa ngôi. Vua đuổi bốn con ra khỏi nước ở trên núi tuyết trong rừng trúc thọ. Mẹ bốn vị ấy tìm đến, vì mỗi người lập gia đình cho đều được xong xuôi. Vua nghe tin này rất vui vẻ, nói rằng : đây thật là Thích tử, khéo tự lập tự tồn, hơn đó gọi là Thích. Thích dịch là năng, nghĩa là có tài năng. Người con thứ tư tên Trang Nghiêm tức là dòng

giống vua Bạch Tịnh. Tất cả thời cõi là tất cả thời, tất cả cõi, tùy loại khắp hiện.

Thế nào hình nhật nguyệt Tu Di và Liên Hoa ?

**Cõi Sư Tử thắng tướng ? Thế giới nghiêng, đứng,
che**

Như lưới trời Đế Thích ? Hoặc thủy đều trên bảo

Như cây đàn lung trống Dáng tợ các loại hoa,

Hoặc lia sáng nhật nguyệt. Như thế thủy vô lượng?

Tu di là núi Diệu Cao, trùm bốn thiên hạ làm một thế giới. Liên hoa là thế giới Liên hoa tạng. Sư Tử là thế giới đẹp nhất trong các thế giới. Thế giới có cái nghiêng, có cái che, gồm các thế giới đẹp và xấu như lưới trời Đế Thích. Vì lưới trời Đế Thích có một ngàn hạt châu, mỗi hạt châu chiếu sáng xen nhau, ý nói vô tận. Nhật nguyệt, cây đàn lung trống, hoa trái đều là diễn tả hình tướng của thế giới. Trên bảo là có thế giới do trên bảo làm thành. Lia sáng nhật nguyệt là thế giới Vô Cấu Quang Minh, chẳng nhờ ánh sáng mặt nhật, nguyệt.

Thế nào là Hóa Phật ? Thế nào báo sanh Phật ?

Thế nào như như Phật ? Thế nào trí huệ Phật ?

Tại sao ở dục giới Chẳng thành Đẳng

Chánh giác ?

Vì sao sắc cứu cánh Là dục được Bồ đề ?

Thiện thế vào niết bàn	Ai người giữ chánh pháp ?
Thấy trời trụ bao lâu ?	Chánh pháp trụ chừng nào ?
Tất đàn cùng với kiến	Mỗi loại bao nhiêu thứ ?
Phân Tỳ ni Tỳ kheo	Thế nào như duyên gì ?
Các tối thắng tử kia	Duyên Giác và Thanh Văn
Như gì trăm biến dịch ?	Thế nào trăm vô thọ ?

Hóa Phật là hóa thân trăm ngàn muôn ức, đây là tùy loại hóa hiện. Đại hóa là thân ngàn trượng Lô Xá Na vì hàng Bồ tát Thập địa mà hiện, cũng gọi là báo thân. Như như, trí huệ đều chỉ cho pháp thân. Như như là bản giác, trí huệ là thủy giác. Đây là tự báo, vì thủy giác bản giác hiệp một, lý và trí cả hai đều dung thông. Lô Xá Na trên cõi trời sắc cứu cánh được đạo bồ đề, chớ không ở dục giới. Đó là vì thị hiện là dục được thanh tịnh. Ai người giữ chánh pháp là những căn dục nào mới kham truyền giữ chánh pháp. Chư Phật ở đời, chánh pháp ở đời mỗi phần đều có như duyên gần xa và tự tha. Tất là khắp. Đàn là thí. Kiến là chỉ căn cơ bị giáo hóa. Nghĩa là Như Lai đem giáo pháp khắp thí cho các căn cơ chúng sanh kia, cộng lại có bốn thứ : Một, Thế

giới tất đàn là được lợi ích hoan hỷ. Hai, Đối trị tất đàn là được lợi ích diệt ác. Ba, Vị nhơn tất đàn là được lợi ích sanh các pháp lành. Bốn, Đệ nhất nghĩa tất đàn là được lợi ích ngộ lý. Tỳ ni dịch là luật. Tỳ kheo là người trì luật. Nhơn duyên là nhơn duyên kiết giới. Trăm biến dịch, trăm vô thọ, đây là nói sự sai biệt của Bồ tát, Duyên giác và Thanh văn. Biến dịch là biến dịch sanh tử, vì chưa đến quả vị Phật vẫn còn ở phương tiện đối thân thô thành thân diệu. Vô thọ là vô dư niết bàn, người hàng tam thừa đều chứng.

Thế nào là thế tục thông ? Thế nào xuất thế gian ?

Thế nào là thất địa ? Cúi mong vì diễn nói

Tặng già có mấy loại ? Thế nào là họa tặng ?

Thế nào luận y phương ? Ấy lại như duyên gì ?

Bạc Bồ tát ngũ địa vào thế tục lợi sanh gọi là thế gian thông. Đến hàng thất địa nhơn sanh đều hết mới gọi là xuất thế. Tăng có Đại thừa và Nhị thừa. Hoại tăng là phá luật phá kiến vậy. Phật dụ lương y, để nói Như Lai tùy duyên hóa hiện, hợp bệnh cho thuốc, như lương y thế gian.

Có gì Đại Mâu ni **Nói lên như thế này :**

Ca Diếp, Câu Lưu Tôn Câu Na Hàm là ta ?

Cớ sao nói đoạn thường Và cùng ngã vô ngã ?

Sao không tất cả thời	Diễn nói nghĩa chơn	
		thật
Mà lại vì chúng sanh	Phân biệt nói tâm	
		lượng ?
Nhơn dâu rừng nam nữ	Hơ lê, A Ma Lặc	
Kê la và Thiết vi	Kim cang thấy các núi?	
Vô lượng bảo trang nghiêm Tiên đạt bà đầy đầy ?		

Ca Diếp, Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm là ta, nghĩa là xưa nay tự tha không có tướng một hai, đó là lời nói chơn thật. Mà lại nói thường nói đoạn, nói ngã nói vô ngã, rộng vì chúng sanh phân biệt nói tâm lượng, đều vì căn có đại tiểu, pháp có tà chánh. Đoạn, thường, ngã đều chỉ cho ngoại đạo. Vô ngã chỉ cho Nhị thừa. Rừng nam nữ tức là rừng Thi Đà, rừng này cây sanh trái dáng giống như nam nữ. Ha Lê, A Ma Lặc là tên hai thứ trái cây. Đây tức là cây trái hiện tiền. Suy ra đến các núi Kê La Thiết Vi, Kim Cang có vô lượng trang nghiêm, tất cả tiên thần đều đầy đầy trong ấy. Tột trong chỗ thấy nghe và ngoài chỗ thấy nghe do nhơn gì mà có, trọn gọi là gì ? Chỗ này không thể dùng tâm ý mà hiểu được. Mới biết một trăm lẻ tám câu cùng tột thể gian và xuất thế. Song chẳng ngoài năm pháp, ba tự tánh, tám thức và vô ngã. Bỗng nhiên gõ thẳng cửa chơn. Bất chợt chỉ điểm tục đế đường như

không thứ lớp, đều tự tâm hiện ra. Cảnh giới như huyền bất tự nghi không có cạn sâu thì đâu phân khó dễ, chỉ chứng mới biết.

C² - ĐÁP CHỈ THẮNG PHI CỨ CÓ HAI :

D¹) LẬP LẠI :

Bậc Vô thượng thế gian giải (Phật) nghe Bồ tát Đại Huệ nói kệ hỏi, Đại thừa các độ môn, chư Phật tâm là bậc nhất, liền khen lành thay ! Lành thay ! Đại Huệ khéo lắng nghe, nay ta sẽ thứ lớp như lời ông đã hỏi mà đáp.

Tựa kinh dùng một trăm lẻ tám câu hỏi là Đại thừa độ môn, là Phật tâm bậc nhất, nghĩa là cảnh giới tự giác của chư Phật chẳng ngoài tự tâm hiện ra. Thế gian và xuất thế tất cả các pháp mê là danh tướng, ngộ thì như như. Cho nên chỗ hỏi đã đầy đủ ý đáp, do thấy cơ cảm câu hợp, không còn có ý chỉ khác. Từ đây về sau lập lại lời hỏi, nhiên hậu mới hiển bày kiến lập. Chỉ có lời lập lại lược có đổi thay để thâm bày mật chỉ, không thể chẳng xét kỹ.

Sanh và cùng chẳng sanh, Niết Bàn, không sát na, tiến đến không tự tánh.

Đây là đổi lời hỏi trước lấy hai pháp sanh cùng chẳng sanh, gồm hết ý hỏi, bèn kèm thêm

rằng cứu cánh không có tự tánh, chính đã thấm bày mật chỉ vậy. Niết bàn thuộc nghĩa chẳng sanh ; sát na là nói thức lưu chú vi tế, thuộc nghĩa sanh. Mà nói "không sát na" chính chỉ thức này niệm niệm chẳng dừng tiếp nối dường như sanh mà chẳng phải thật có sanh. Chẳng sanh là đối sanh mà nói. Nếu không có nghĩa sanh thì chẳng sanh không do đâu hiển bày. Cho nên niết bàn sát na xét tốt không tự tánh. Văn sau lập lại lời hỏi, mỗi đoạn có chỗ hỏi, trước sau lẫn lộn. Hoặc lập lại hoặc lược bớt, không có nhất định.

Phật, các ba la mật, Phật tử cùng Thanh văn, Duyên giác các ngoại đạo và cùng hành vô sắc, các việc như thế.

Đoạn này hỏi thế nào tên vô thọ, mấy tâm ba la mật, có sao gọi Phật tử, thế nào có ba thừa, thế nào đồng ngoại đạo, thế nào định vô sắc.

Tu di, bể cả, núi lớn, châu, đảo, cõi nước, quả đất. Tinh tú và nhật nguyệt, ngoại đạo, trời, A tu la ; giải thoát, tự tại thông, lực, thiên, Tam ma đề và định, như ý túc, giác chi và đạo phẩm.

Hai câu Tu di... là hỏi Tu di và liên hoa tạng, thuộc về danh tướng tất cả cõi nước. Hai câu tinh tú... là ba câu hỏi chư thiên có mấy thứ. Bốn câu giải thoát... là hỏi hơn gì được thần thông và tự

tại tam muội, hơn gì nói giác chi và bồ đề phần. Lục là ngũ lục. Tam ma đề là tam muội. Như ý túc là tứ như ý túc. Giác chi là thất giác chi. Đạo phẩm là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Các thiền định vô lượng, các ấm thân qua lại, chánh thọ và diệt tận định, tam muội khởi tâm mà nói. Tâm ý và các thức, vô ngã, pháp có năm, tự tánh năng tướng và sở tướng, cùng hiện hai thứ kiến.

Ấm thân qua lại là hỏi chúng sanh trong các cõi. Các thiền, diệt tận và tam muội khởi là hỏi thế nào vô sắc định cả thấy bốn câu. Tâm ý bốn câu, gồm hỏi năm pháp, ba tự tánh, tám thức và hai vô ngã. Trong đoạn hỏi tuy không có câu năm pháp ba tự tánh, song liệt bày chúng sanh thế gian, khí thế gian đều là danh tướng và vọng tướng trong năm pháp. Tất cả các thiền giải thoát thuộc về chánh trí, như như. Lại câu duyên khởi ly tướng chọn thật tức là ba tự tánh. Nói ý thì đủ mà lời lẫn lộn.

Thừa và các chủng tánh, vàng bạc ma ni v.v... nhất xiển đề và đại chúng, hoang loạn và nhất Phật, Trí, sở tri, đắc hướng, có hay không có.

Thừa và các chủng tánh là lập lại câu hỏi chủng tánh tam thừa. Vàng bạc ma ni v.v... là

hỏi cái gì sanh các tánh bấu. Nhất xiển đề là hỏi thế nào là nhất xiển đề, kèm nói đại chúng do ngoại đạo chấp đại chúng là sanh nhơn. Hoang loạn tức là quốc độ loạn. Nhất Phật là hỏi Phật Ca Diếp, Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm là ta. Trí, sở tri là hỏi thế nào sở tri tịnh. Đắc hướng là hỏi người tu hành giải thoát. Chúng sanh có hay không có là hỏi về đoạn kiến và thường kiến.

Voi ngựa và các cầm thú, làm sao mà bắt lấy, vì sao thí dụ thành tất đàn, cùng với năng tác sở tác.

Hai câu voi ngựa là hỏi thế nào là voi ngựa nai, làm sao mà bắt lấy. Vì sao thí dụ thành tất đàn là hỏi tất đàn và cùng kiến. Nghĩa là Như Lai nói pháp chẳng phải ngôn ngữ đến được, phần nhiều dùng thí dụ để thông hiểu. Chỗ thí dụ mà được ngộ tức là tương ưng, bèn thành cơ cảm, nên nói là kiến. Năng tác và sở tác là hỏi thế nào năng tác sở tác.

Tùng lâm mê hoặc và thông, tâm lượng chẳng hiện hữu, các địa không đến nhau, trăm biến dịch trăm vô thọ, luận y phương, công xảo, kỹ thuật các minh xứ, các núi, Tu di, quả đất, biến cả lượng nhật nguyệt, chúng sanh bậc thượng, trung, hạ thân mỗi người có bao nhiêu vi trần.

Tùng lâm là đến chỗ thấy lúc ấy, đại khái dụ các pháp ở trước mắt. Mê hoặc là chỉ chỗ nhậm dụng của bách tánh. Đây là gồm cả hữu tình vô tình đồng ở trong nhất chơn pháp giới, mà nơi tâm lượng không có chỗ hiển bày. Hai câu này trong phần hỏi thì không, song vì kèm hai câu dưới nên phải lấy phạm để lệ thánh. Các địa không đến nhau, trong câu hỏi là nhơn gì qua các địa. Trăm biến dịch, trăm vô thọ, trong câu hỏi là thế nào trăm biến dịch, thế nào trăm vô thọ. Nếu hay giác tự tâm lượng thì mỗi địa vốn không đến nhau, hành bố, viên dung đều không có pháp thật. Nên nói trăm biến dịch trăm vô thọ vẫn là chừng hạn của tâm lượng còn chưa tột tình mê. Hai câu y phương... là hỏi minh xứ và kỹ thuật. Các núi Tu di quả đất cho đến bao nhiêu lỗ chân lông, lông mày là chỗ hỏi của Đại Huệ không đến. Thế Tôn suy ra mà nêu lên. Lượng là số đo lường. Thượng trung hạ là chỉ chung cho chúng sanh ở trong thập giới. Nghĩa là các chúng sanh hiệp bao nhiêu vi trần thành một thân lượng.

Mỗi sát có bao nhiêu vi trần, cung cung số có bao nhiêu, khuỷu tay, bước, câu lô xá, nửa do diên, do diên.

Xét theo cụ chú sát là sát độ, đại thiên thế giới là một sát độ. Hai thước làm một khuỷu tay,

bốn khuỷu tay làm một cung, năm trăm cung làm một câu lô xá (Krosa), mười câu lô xá làm một do diên (Yojana). Do diên tức là do tuần.

Thố hào, song trần, rệp (con mạt), dương mao, khoáng mạch trần, bát tha bao khoáng mạch, a la mấy khoáng mạch, độc long na khu lê, lặc xoa và cử lợi, cho đến tấn bà la, mỗi thứ ấy số bao nhiêu.

Cổ chú rằng : bảy vi trần thành song trần, bảy song trần thành một thố mao đầu trần, bảy thố mao đầu trần thành một dương mao đầu trần, bảy dương mao đầu trần thành một ngư mao đầu trần, bảy ngư mao đầu trần thành một con rệp (con mạt), bảy con rệp thành con rận (chấy), bảy con rận thành một hạt cải, bảy hạt cải thành một hạt bắp. Khoáng tức là đại mạch. Bát tha là một thăng. A la là một đấu. Độc long là một hộc. Na khu lê là mười hộc. Lặc xoa là một vạn. Cử lợi là một ức. Tấn bà la là một triệu.

Có mấy a nâu (trần) gọi xa lê sa bà (hạt cải), bao nhiêu xa lê sa bà (hạt cải) gọi là một lại đế (hạt cỏ). Mấy lại đế (hạt cỏ) thành ma xa (hạt đậu), mấy ma xa (hạt đậu) thành đà na (thù). Lại bao nhiêu đà na la (thù) thành một ca lê sa na (lượng). Bao nhiêu ca lê sa na (lượng) làm thành một ba la (cân).

Những tướng tích tụ này bao nhiêu ba la đi lâu. Những thứ này là chỗ nên hỏi sao lại hỏi việc khác ?

Bản này dịch âm phạn ngữ, bản đời Đường dịch thành tiếng Trung Hoa có thể đối chiếu rõ. Ba đoạn trước sau thấy đều nêu lên số bụi khó biết. Trước cổ chú y theo sự đo lường của Ấn Độ chưa có thể dùng theo Trung Hoa mà đồng nhất vậy.

Thanh văn và Bích Chi Phật, Phật và hàng Bồ tát, thân mỗi vị có bao nhiêu số, tại sao không hỏi chỗ này ? Núi lửa mấy a nâu (trần). Phong luân lại mấy a nâu (trần). Mỗi căn bao nhiêu a nâu (trần). Bao nhiêu lỗ chân lông và lông mày ?

Bậc thánh trong tam thừa chánh báo và y báo mỗi vị có lớn nhỏ, mà hỏi căn mỗi vị có bao nhiêu trần (vì trần), bao nhiêu lỗ chân lông và lông mày, suy ra đến núi lửa, phong luân tất cả cảnh giới tốt cùng số lượng, nếu không phải bậc Nhất thiết trí ắt không thể biết hết được. Song cốt yếu trách Đại Huệ không hỏi, bởi vì tốt chỗ không biết kia để hiển bày lý duy thức. Nghĩa là tất cả căn thân khí giới đều duy nội thức, in tướng có hiện tiền, mà không phải do nhiều vật chứa nhóm. So đó thì biết hành tướng tam thừa, các

thiền tam muội, sắc cùng vô sắc, ngoại đạo thiên tiên, tứ sanh tam đồ thấy đều duy thức biến, vốn không phải thật có, đây là ý của Phật vậy. Nếu dùng cái diệu trí của Phật quả thì tất cả cái sai biệt, tự nhiên không phải là cảnh giới của các hàng Bồ tát. Đọc văn trước văn sau trở lại nêu ý nói của Phật thì mới nhận được chỉ thú của kinh này.

Hộ tài vua tự tại, vua chuyển luân, thánh đế, thế nào vua thủ hộ ? thế nào là giải thoát ? nói rộng và nói hẹp, như chỗ ông đã hỏi, chúng sanh các thứ dục, cùng các thứ uống ăn.

Từ đây về sau lại hỏi điều hỏi trước. Hộ tài vua tự tại ba câu là hỏi thế nào gọi là vua ba câu. Nói rộng nói hẹp là hỏi Đà đà, trường, đoản cú. Chúng sanh các thứ dục hai câu, là hỏi thế nào sanh ăn uống hai câu.

Thế nào là rừng nam nữ, núi Kim Cang kiên cố, thế nào như huyền mộng thí dụ như nai đồng khát nước thấy ánh nắng. Thế nào núi, thiên, tiên, kiến thất bà trang nghiêm, giải thoát đến chỗ nào, ai phục ai giải thoát, thế nào cảnh giới thiền, biến hóa và ngoại đạo, thế nào vô nhơn tác, thế nào hữu nhơn tác, hữu nhơn vô nhơn tác và phi hữu

nhơn vô nhơn tác, thế nào hiện đã diệt, thế nào tịnh các giác, thế nào các giác chuyển, và chuyển các sở tác. Thế nào đoạn các tướng, thế nào tam muội khởi, phá tam hữu là ai, ở đâu và thân gì. Thế nào không chúng sanh mà nói có ta người. Thế nào nói thế tục, cúi mong rộng phân biệt. Tướng đã hỏi thế nào và chỗ hỏi phi ngã. Thế nào là thai tạng và các thú thân khác.

Thế nào rừng nam nữ... sáu câu là hỏi nhơn đâu rừng nam nữ... sáu câu. Trong ấy kèm thế nào như huyễn mộng thí dụ như nai đồng khát nước thấy ánh nắng, là chính khi thấy cây rừng hiện tiền đều là bóng của thuốc tâm hiện, như huyễn mộng không thể có, như nai đồng thấy ánh nắng chạy đi tìm bởi do khát nước làm mê hoặc. Biến hóa và ngoại đạo, là hỏi thế nào là hóa tướng côi nước và các ngoại đạo. Thế nào vô nhơn tác... bốn câu, là hỏi đồng dị thuyết (ngoại đạo) vô nhơn hữu nhơn tức là hai kiến có và không, phi hữu phi vô chẳng ngoài bốn câu vậy. Hiện đã diệt, là hỏi hiện rồi diệt. Tịnh giác... ba câu, là hỏi tịnh niệm kia, niệm được tăng trưởng. Thế nào đoạn các tướng... hai câu là hỏi lập lại thế nào là tướng diệt nhơn đâu từ định giác (dây). Thế nào không chúng sanh... sáu câu là hỏi chung thế nào kiến lập tướng... bốn câu trước sau

xen lộn. Thai tạng là hỏi thai tạng sanh các thứ thân khác, ý hỏi nhiều loại sắc tướng.

Thế nào đoạn thường kiến, thế nào tâm được định, lời nói và các trí, chủng tánh giới Phật tử, thế nào luận lý và luận. Thế nào thấy đệ tử, thấy các loại chúng sanh, cả thấy đây lại thế nào. Thế nào là ăn uống, thông minh, ma, thi thiết. Thế nào cây, dây sắn, chỗ hỏi của Tối thắng tử. Thế nào các loại côi, tiên như trường khổ hạnh. Thế nào là dòng họ, từ đâu sư thọ học. Thế nào là quê mùa, thế nào người tu hành, dục giới sao chẳng giác, côi A ca nị tra mới thành.

Tâm được định là, hỏi thế nào tâm tam muội. Lời nói và các trí... hai câu, là hỏi ai sanh các lời nói và các trí có bao nhiêu thứ, bao nhiêu giới tánh chúng sanh. Thế nào luận lý và luận là, hỏi lý luận có bao nhiêu thứ, thế nào gọi là luận. Thế nào là thấy đệ tử là, hỏi thấy đệ tử có bao nhiêu thứ. Thế nào a-xà-lê, các loại chúng sanh... hai câu là, hỏi nam nữ và hoàn môn. Thế nào là ăn uống là, hỏi thế nào sanh ăn uống. Thông minh, ma, thi thiết, là hỏi thế nào niệm thông minh cùng ma và các ngoại đạo. Cây, dây sắn là, hỏi rừng, cỏ rậm. Các thứ côi là, hỏi thế nào hình nhật nguyệt, cho đến như thế v.v... vô lượng.

Trường khổ hạnh là, hỏi thế nào trường khổ tiên. Dòng họ là hỏi Thích chủng và Cam giá chủng. Từ đâu thấy thọ học, là hỏi dụng lập cho những người nào. Quê mùa là hỏi thấp hèn. Tu hành là, hỏi tu hành tiến thối vậy. Dục giới sao chẳng giác... hai câu là, hỏi dục giới không chánh giác... bốn câu. A ca nị tra dịch là sắc cứu cánh.

Thế nào tục thần thông, thế nào là tỳ kheo, thế nào là hóa Phật, thế nào là báo Phật, thế nào là như như Phật, bình đẳng trí huệ Phật, thế nào là chúng tăng. Phật tử hỏi như thế, cây đàn lung trống và hoa, cội nước là ánh sáng.

Tục thần thông là, hỏi thế tục thông. Tỳ kheo là, hỏi phân Tỳ ni, Tỳ kheo. Hóa Phật là, hỏi thế nào là hóa Phật... bốn câu. Chúng tăng là, hỏi chúng tăng có bao nhiêu thứ. Cây đàn... hai câu là, đồng hỏi ý rằng vô lượng cội nước khác hình như nhật, nguyệt.

Tâm địa đó có bảy, chỗ hỏi đều như thật, đây và các thứ khác rất nhiều, Phật tử cần nên hỏi. Mỗi mỗi tướng tương ưng, xa lìa các thấy lầm. Tất đàn lìa lời nói, nay ta sẽ hiển bày, thứ lớp dụng lập câu, Phật tử khéo lắng nghe.

Tâm địa có bảy là, hỏi thất địa. Nói chung rất nhiều chỗ hỏi đều đúng lý thật. Bởi vì nói "lời thô và tiếng tế đều trở về đệ nhất nghĩa". Cho nên nói mỗi mỗi tướng đều tương ưng, xa lìa các thấy lẫn. Đây là dụng ý trước ước định để sau chỉ thẳng. Nếu không khế hội bản tánh vô ngôn thì chẳng những thế để lưu bố, chính đệ nhất nghĩa để là như thật mà vẫn thuộc về danh ngôn. Do đó ly ngôn để hiển bày. Thế Tôn thiết tha răn bảo, nhiên hậu mới kiến lập, văn sau tự rõ. Chỗ hỏi riêng dùng thất địa làm chung cục, là vì thất địa về tư hoặc đã hết, huệ tâm hiển bày, cùng vô gián tất dần này lẫn nhau minh chứng, cũng không phải chẳng lý do vậy.

D²) Đáp :

Từ trên đến đây một trăm lẻ tám (108) câu, như chư Phật đã nói : Câu sanh là bất sanh, câu thường là vô thường, câu tướng là vô tướng, câu trụ dị là phi trụ dị, câu sát na là phi sát na, câu tự tánh là ly tự tánh, câu không là bất không, câu đoạn là bất đoạn.

Như chư Phật đã nói, nghĩa là chỗ đáp của Thế Tôn cùng với chư Phật ba đời không khác, chư Phật đồng một bí mật. Xét lời đáp này chỉ có bốn chữ : bất, vô, phi, ly. Đây là lời chỉ thẳng

vậy. Chỉ ngăn cái quấy kia mà chẳng nói cái phải kia. Nếu có chỗ phải thì nào khác với quấy. Như vàng làm đồ trang sức, nghĩa là vàng không phải bình, không phải bàn, không phải thoa, không phải xuyên, khiến cho người ngay đó thấu suốt. Không phải, nghĩa là không phải bình, không phải bàn, không phải thoa, không phải xuyên, để rõ nó là vàng vậy. Toàn Như Lai tàng tức là thức, nghĩa là Như Lai tàng không tự tánh, không thể tự giữ, vọng có sở giác. Biết nó là vọng thì không có năng giác sở giác. Nên nói toàn thức tức là Như Lai tàng. Không có năng tàng thì ai biết là tàng? Nói là thức bởi nơi cảnh giới của nó mà không thể lặng yên tự dứt, do phân biệt liên phát sanh. Ngộ là ngộ được nó vọng sanh phân biệt, phân biệt cảnh của mình và phân biệt cảnh khác, đều nhiếp về phân biệt, tức rõ nó là vàng làm ra vậy. Cho nên phàm có nói năng đều do phân biệt. Phàm có phân biệt đều là thế đế. Ba cõi hai mươi lăm loài đều là thế đế. Phải quấy, thiện ác, nam nữ, thân của, dựng lập đều là thế đế. Cho đến ba thừa, mười hai bộ, nội điển ngoại điển, nhơn quả, tiến thoái, chúng, hướng thấy đều là thế đế. Phàm thế đế thì không thể nói là đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế không phải phân biệt mà được, không phải ngôn thuyết mà trình bày được. Nếu phân biệt ngôn thuyết về đệ

nhất nghĩa đế, ấy là phân biệt ngôn thuyết, không phải đệ nhất nghĩa đế. Nếu lìa phân biệt ngôn thuyết tức là đệ nhất nghĩa đế, liền đó thấu suốt, thì ba thừa mười hai bộ đều là đệ nhất nghĩa đế. Nội điển ngoại điển, nhơn quả, tiến thoái, chúng hướng đều là đệ nhất nghĩa đế. Cho đến ba cõi hai mươi lăm loài, phải quấy, thiện ác, nam nữ, thân của, dụng lập, rừng cây, mây gió, tinh tú, xe ngựa, nhà cửa, sản nghiệp, tà chánh, cúi ngưỡng, co duỗi, ngày đêm, ngủ thức thấy là đệ nhất nghĩa đế. Kinh Pháp Hoa nói : "Chẳng phải tam giới mà thấy tướng tam giới, Như Lai thấy rõ không có sai lầm". Cho nên biết đệ nhất nghĩa đế lìa phân biệt, bất ngôn thuyết, tự tri tự chứng mà thôi. Nên nói là lời chỉ thẳng vậy. Thế nên vẫn dùng chữ bất, chữ vô, chữ ly, chữ phi mà chẳng nói nó là thị (phải). Chu Phật ba đời đồng một bí mật. Câu sanh, bất sanh, bản dịch đời Đường là câu sanh là phi sanh, tức là người nói là sanh mà chỉ nó chẳng phải. Phi là lý vô sanh, tức là ở trong cái sanh vậy. Thường là cái thường trong vô thường chấp là thường. Tướng là gồm sự tướng, lý tướng. Trụ dị là hai tướng trong bốn tướng : sanh, trụ, dị, diệt.

Câu biên phi biên, câu trung phi trung, câu thường phi thường, câu duyên phi duyên, câu nhơn phi nhơn, câu phiên não

phi phiến não, câu ái phi ái, câu phương tiện phi phương tiện, câu xảo phi xảo, câu tịnh phi tịnh, câu thành phi thành, câu thí (dụ) phi thí (dụ), câu đệ tử phi đệ tử, câu sư phi sư.

Biên là hữu biên và vô biên, đây là tà kiến của ngoại đạo. Trung là đối với ngã, pháp được nghĩa trung đạo. Hai câu nầy trong lời hỏi trước không có, song biên tức nhiếp vào đồng và dị, trung tức nhiếp vào thường kiến chẳng sanh. Văn sau phần nhiều đủ ý hỏi mà lời thì không, nên phỏng theo đây mà biết. Văn trước nói thường là thế gian vô thường chấp là thường. Ở đây nói thường là ngoại đạo chấp có tánh thường. Phương tiện là tất cả thánh giáo và thế giáo tạo ra phương tiện. Xảo là nghĩa xảo hợp, cũng nhiếp thuộc phương tiện.

Câu chủng tánh phi chủng tánh, câu tam thừa phi tam thừa, câu sở hữu phi sở hữu, câu nguyện phi nguyện, câu tam luân phi tam luân, câu tướng phi tướng, câu hữu phẩm phi hữu phẩm, câu chung phi chung.

Câu sở hữu là câu tịch tịnh như thế đã có. Nguyện là chỗ tự nguyện mà nguyện, thuộc về câu Bồ tát. Tam luân là thân luân, khẩu luân và

ý luân. Nói rằng tam luân nghiệp không vậy. Tướng là kiến lập pháp tướng.

Câu duyên tự thánh trí hiện pháp lạc phi hiện pháp lạc, câu côi nước phi côi nước, câu a nâu phi a nâu, câu nước phi nước, câu cung phi cung, câu thật phi thật, câu số phi số, câu minh phi minh, câu hư không phi hư không.

Duyên tự thánh trí pháp lạc là chứng tự thánh trí được pháp lạc. Câu thật là ngoại đạo cho bốn đại chủng là có thật tánh hay sanh các pháp. Câu số trước là bổ túc cho pháp số 32. Câu số sau là chỉ số lượng. Minh là cái minh của tam minh, tức là nghĩa tam minh lục thông. Hư không là vọng thấy như hư không.

Câu mây phi mây, câu công xảo kỹ thuật minh xứ phi công xảo kỹ thuật minh xứ, câu phong phi phong, câu địa phi địa, câu tâm phi tâm, câu thi thiết phi thi thiết, câu tự tánh phi tự tánh, câu ấm phi ấm, câu chúng sanh phi chúng sanh, câu huệ phi huệ, câu niết bàn phi niết bàn, câu sở tri phi sở tri, câu ngoại đạo phi ngoại đạo, câu hoang loạn phi hoang loạn, câu huyễn phi huyễn, câu mộng phi mộng, câu diệm phi diệm, câu tượng phi tượng, câu luân phi luân, câu kiến

thát bà phi kiến thất bà, câu thiên phi thiên, câu ăn uống phi ăn uống, câu dâm dục phi dâm dục, câu kiến phi kiến, câu ba la mật phi ba la mật, câu giới phi giới, câu nhật nguyệt tinh tú phi nhật nguyệt tinh tú, câu đế phi đế, câu quả phi quả, câu diệt khởi phi diệt khởi, câu trị phi trị, câu tướng phi tướng, câu chi phi chi, câu xảo minh xú phi xảo minh xú, câu thiện phi thiện, câu mê phi mê, câu hiện phi hiện, câu hộ phi hộ, câu tộc phi tộc.

Luân là hỏa luân. Trị là trị của đối trị, nghĩa là Như Lai theo bệnh cho thuốc, như lương y ở thế gian. Tướng có ba lối đáp : 1) Tất cả sự lý đều không có thể tướng. 2) Kiến lập pháp tướng. 3) Hình tướng là chúng sanh sanh các cội tướng gì, dáng loài gì. Chi là chi phần, tức là hình thể từng phần từng đoạn. Mê là mê hoặc. Hiện là hiện nhị kiến. Hộ là thủ hộ nước. Tộc là chủng tộc.

Câu tiên phi tiên, câu vương phi vương, câu nhiếp thọ phi nhiếp thọ, câu bảo phi bảo, câu ký phi ký, câu nhất xiển đề phi nhất xiển đề, câu nam nữ hoàn môn phi nam nữ hoàn môn, câu vị phi vị, câu sự phi sự, câu thân phi thân, câu giác phi giác, câu

động phi động, câu căn phi căn, câu hữu vi phi hữu vi, câu vô vi phi vô vi, câu nhơn quả phi nhơn quả, câu sắc cứu cánh phi sắc cứu cánh, câu tiết phi tiết, câu rừng cây bìm sắn phi rừng cây bìm sắn.

Nhiếp thọ là bị nhiếp thọ và hay nhiếp thọ, pháp thế gian và xuất thế đều có nghĩa nhiếp thọ. Ký là ký luận. Vị là vị của nghĩa vị, nghĩa là nghĩa vị của bị nói. Sự là việc làm ra của thế và xuất thế. Giác là giác tri tức nhơn cảnh sanh tâm phân biệt. Động là đối tĩnh mà nói. Căn là căn thân.

Câu tạp phi tạp, câu thuyết phi thuyết, câu tỳ ni phi tỳ ni, câu tỳ kheo phi tỳ kheo, câu xử phi xử, câu tự phi tự, Đại Huệ ! Đó là một trăm lẻ tám câu (108) Phật trước đã nói, ông và những Đại Bồ Tát phải nên tu học.

Tạp là rất nhiều ngôn thuyết. Xử là chỗ ở có nghĩa trụ mà trì ấy vậy. Thế gian và xuất thế đều có nghĩa trụ trì, là gánh vác trụ trì. Lại nói Phật trước đã nói, nghĩa là Phật Pháp thế pháp tất cả sự lý nhơn quả này đều là liên đó lia tánh phân biệt đường ngôn ngữ bật dứt. Chư Phật ba đời đồng một bí mật, thâm thiết dạy bảo trước sau không hai.

*B² - BÀY NGÔN THUYẾT ĐỂ VÀO ĐỀ NHẤT NGHĨA
BIẾN THỨC THƯỜNG TRỤ, DÙNG HIỂN DUY TÂM,
CÓ CHIA LÀM TÁM :*

C¹ - NÓI NHƠN QUẢ TÀ CHÁNH CỦA TÁM
THỨC ĐỂ HIỂN THÁNH TRÍ TỰ GIÁC, PHÂN LÀM
HAI :

*D¹) Lược nói nhơn quả tà chánh của tám thức
để biểu thị là vọng mà chúng có bấy :*

E¹ - CHỈ CÁC THỨC SANH DIỆT KHÓ BIẾT :

Khi ấy Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật :
Thế Tôn ! Các thức có mấy thứ sanh, trụ,
diệt ? Phật bảo Đại Huệ : Các thức có hai
thứ sanh, trụ, diệt, chẳng phải suy nghĩ biết
được. Các thức có hai thứ sanh, nghĩa là lưu
chú sanh và tướng sanh. Có hai thứ trụ,
nghĩa là lưu chú trụ và tướng trụ. Có hai thứ
diệt, nghĩa là lưu chú diệt và tướng diệt.

Ba cõi duy tâm, vạn pháp duy thức. Bốn quyển kinh Lăng Già trước sau gốc ngọn, chỉ có một xâu kết trọn vẹn. Thế và xuất thế gian không có tướng một hai, không có tướng ngôn thuyết, hiện tại toàn chơn thì đâu cho nghĩ bàn. Do đó Như Lai chung một trăm lẻ tám (108) câu chỉ đáp khái quát bằng một chữ "Phi". Vì không thể nói bày, nên dùng lời nói ngăn để cho người thâm ngộ vậy. Ngộ rồi mà lại thưa hỏi về thức, vì

lý duy thức không cùng thì lượng duy tâm chẳng hiện. Các thức là tám thứ thức. Thức thứ tám là Như Lai tạng, cũng gọi là tạng thức, cũng gọi là hiện thức. Thức này là nguồn mê ngộ của chúng sanh và Phật. Kinh Giải Thâm Mật vì hàng Bồ tát thủy giáo không thể kham nhận thức thứ tám, riêng lập thức thứ chín, tức là chỉ cái chơn tướng của thức này. Trong Khởi Tín Luận lập nghiệp tướng, chuyển tướng, hiện tướng. Nghĩa là Như Lai tạng chuyển làm tạng thức là y theo mê mà nói. Thức này toàn vọng là toàn chơn vốn không có hai thể. Chỉ đến mê ngộ dường như có dụng khác. Nghĩa là sanh diệt cùng chẳng sanh diệt hòa hợp. Chẳng phải có hai tâm, cũng chỉ điểm khi mê, tướng không sanh diệt vẫn rõ ràng. Thức thứ bảy tên là ý, tiếng Phạn gọi là Mạt Na. Thứ sáu là ý thức. Năm thức trước là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, chung lại gọi là phân biệt sự thức. Chung lại là tám thứ thức. Hỏi các thức mà trước gạn sanh trụ diệt là tốt cái tình trạng của các thức vậy. Đáp sanh trụ diệt mà trước nói chẳng phải suy nghĩ mà biết được. Nghĩa là trong sanh diệt đã sẵn có cảnh giới của Văn Thù, Phổ Hiền, chỉ người chứng mới biết, chẳng phải Thanh văn, Duyên giác đến được. Lưu chú là chơn pháp không tánh chẳng hay tự giữ nên có nghĩa thiên lưu. Đây là lấy bất giác vọng động

làm sanh. Một phen đi không trở lại là trụ. Vô tướng và ngũ say, chết ngắt là tạm diệt. Diệt rồi lại sanh không có cùng tốt. Nếu bàn về quả chúng phải do trí lực quán sát, đến kim cang địa về sau dị thực mới không. Nhưng trong kinh Hoa Nghiêm hàng Thập trụ sơ tâm thấy rõ Phật tánh cũng hay liền đó biết trở về, cùng Phật không khác. Nên nói nhơn quả suốt nhau. Tướng là nghiệp dụng của các thức, ở văn sau nói các thứ hư vọng chẳng thật và tất cả tướng căn thức v.v... Tướng này khi chưa che đậy chơn tánh, do có lưu chú, niệm chẳng dùng, chính khi sanh đã có diệt. Nói chưa đổi là vì người ngu mà nói.

E² - LƯỢC NÓI THỨC TƯỚNG Y NƠI CHƠN DO MÊ PHÁT KHỞI :

Dại Huệ ! Các thức có ba thứ tướng. Nghĩa là chuyển tướng, nghiệp tướng và chơn tướng.

Chuyển là nghĩa chẳng trụ, là các thức niệm niệm chẳng trụ. Nghiệp là nghiệp của tam tế, trong Luận Khởi Tín nói. Luận Khởi Tín riêng chỉ tướng ban đầu của tám thức, ở đây nói các thức đều nhơn bất giác vọng động. Tuy bất giác vọng động mà niệm niệm chẳng dùng hiện tại toàn không. Tuy bất giác vọng động niệm niệm chẳng dùng mà toàn thể đều chơn, không riêng

có chuyển tướng, nghiệp tướng. Lưu chú và tướng vẫn chỉ trong mê sanh diệt. Đây là đến nơi chuyển tướng nghiệp tướng chỉ ra chơn tướng, trong chỗ sanh diệt ấy đầy đủ hành xứ của Như Lai. Duy phải chứng mới biết không thể dùng ý nghĩ được. Bồ Tát Thiên Thân làm luận nói : "Hành xứ của chư Phật Như Lai duy có chơn thức, không thể phân biệt quán sát, như thế vào nơi thức không". Thế nên y nơi thức nhập nhất thiết pháp vô ngã, chẳng phải bảo một bề chơn thức vậy.

Này Đại Huệ ! Nói lược có ba thứ thức, nói rộng có tám tướng. Những gì là ba ? Nghĩa là chơn thức, hiện thức và phân biệt sự thức. Đại Huệ ! Ví như gương sáng gìn giữ các sắc tượng, hiện thức ở trong ấy mà hiện cũng lại như thế.

Ba thứ là tổng nhiếp tướng của tám thức. Hiện là chỉ cho thức thứ tám. Phân biệt là chỉ bảy thức trước. Chơn là tổng nhiếp hai thức. Chơn thí dụ như gương. Hiện dụ như ánh sáng của gương. Vì ánh sáng của gương hay hiện nên gọi là hiện thức. Cái bị hiện trong ánh sáng của gương các hình tướng rành rõ, nên gọi là phân biệt sự thức. Về thức thể thì phạm thánh không hai, mà tác dụng mê ngộ vẫn phân. Phật tánh

dường như bị lưu chuyển, tợ thuyền đi thấy bờ chạy, đều không có sự thật.

Dại Huệ ! Hiện thức và phân biệt sự thức, hai thức này tướng hoại và chẳng hoại lẫn lượt làm nhơn nhau.

Hiện thức và phân biệt thức đều có hai tướng hoại và chẳng hoại. Chẳng phải riêng hiện thức là chẳng hoại, mà cho phân biệt thức là hoại. Cái tướng hoại của hiện thức, là các thứ không thật, các thứ hư vọng ấy vậy. Cái tướng hoại của phân biệt thức là tất cả căn thức. Tướng sai biệt của hai thức nầy do đó nói là hoại. Song trong chỗ sai biệt vốn có chơn tướng không sai biệt. Do bất giác từ vô thủy nên không sai biệt ẩn, mà sai biệt hiện. Sai biệt đã hiện thì không sai biệt càng ẩn, nên nói lẫn lượt làm nhơn nhau. Nếu riêng cho hiện thức là chẳng hoại thì thức lưu chú giả dối lầm nhận là nhơn chơn thật. Nếu riêng nhận thức phân biệt là hoại thì khi căn trần hội hợp cái gì làm đối hiện. Thế mới biết, khi mê thì nhơn tướng của hai cái hoại đành rành. Khi ngộ thì lặng lẽ của nhất chơn tỏ rõ. Nếu rõ nguyên do tàng thức, chuyển thức, mới tin trở lại chơn thì vọng diệt.

Dại Huệ ! Về bất tư nghì huân và bất tư nghì biến là nhơn của hiện thức.

Hiện thức tức là nhất chơn thức. Chơn như không tánh niệm niệm bất giác huân thành vô minh. Do đây tam tế đồng thời biến hiện. Đây là nhơn tướng huân biến không thể nghĩ bàn. Như trùng đục cây bống nhiên thành chữ, vốn chẳng có thật tánh.

Đại Huệ ! Nhận lấy các trần cảnh và vọng tưởng huân tập từ vô thủy là nhơn của phân biệt sự thức.

Phân biệt sự thức cũng là nhất chơn thức. Do sáu trần bên ngoài dẫn phát chủng tử tập khí kiến phần bên trong, cho thấy thức trước là thật ngã, thành nhơn tướng của phân biệt sự thức. Đâu biết do mê chơn tâm mà làm vọng tưởng, biến nội thức dường như hiện tiền. Lại chấp nhận cái hiện tiền ấy mà phát huy hư vọng, nên kinh Lăng Nghiêm nói : "Tự tâm thú tự tâm, phi huyễn thành pháp huyễn".

E³ - CHỈ NGỘ CHƠN CHẴNG DIỆT :

Đại Huệ ! Nếu trở lại chơn thức thì các thứ chẳng thật các thứ hư vọng ấy diệt, tức là tất cả căn thức diệt, thế thì danh tướng diệt.

Tự mê chơn thức làm hiện thức, chơn như Phật tánh, bởi bất giác mà khởi ra kiến phần

tướng phân các thứ hu vọng chẳng thật. Do đây căn thức lưu chuyển hằng không tự giác. Bỗng nhiên biết trở về thì các thứ hu vọng như nước sôi chế trên băng, căn trần thức tâm đồng thời tiêu sạch. Đến đây chỉ có chơn thức lại không còn thức nào khác. Các thứ hu vọng chẳng thật là chỉ cái tướng của tám thức. Căn thức là thức tướng của bảy thức trước. Sanh là thức lưu chú sanh trước. Diệt là các tướng diệt trước. Trong lúc trở về chơn liền đó được tròn khắp, lại không có thứ lớp. Song đốn ngộ và tiệm trừ căn và dục không phải là một, chẳng ngại cũng còn hành bố (tiệm tu).

Đại Huệ ! Thức tương tục diệt, bởi nhơn tương tục diệt thì thức tương tục mới diệt. Do chỗ theo diệt và duyên diệt nên thức tương tục diệt. Đại Huệ ! Bởi tại sao ? Vì là chỗ nương theo của nó. Chỗ nương theo của nó là vọng tưởng từ vô thủy huân tập. Duyên, là kiến v.v... thức cảnh vọng tưởng của tự tâm.

Tương tục tức là lưu chú. Lưu chú do các thứ tướng hu vọng chẳng thật làm nhơn, đây là vọng tưởng từ vô thủy huân tập. Lấy tướng tất cả căn thức làm duyên, đây tức là kiến v.v... thức cảnh vọng tưởng của tự tâm. Nhơn diệt thì lưu chú tự

diệt. Nhơn của chỗ theo diệt nên duyên cũng diệt. Nhơn duyên thấy diệt nên lưu chú tự diệt. Tóm lại, mê thì chơn biến thành lưu chú. Bởi vì Như Lai tàng chẳng giữ tự tánh, không thể tự trở lại. Tánh lưu chú này động liền sanh kiến, tướng gọi là hư vọng, lại lấy cái hư vọng làm chỗ nương. Thức tánh mệnh mang mà không chỗ tựa nương. Bên lấy kiến, tướng vọng động của chính mình làm chỗ dựa nhờ, nên gọi là nhơn nương. Nương theo hư vọng này biến in tướng có căn thức, lại lấy căn thức làm duyên, thức tánh mệnh mang không có chỗ dẫn phát. Bên lấy căn thức của mình biến hiện làm chỗ dạo chơi, nên gọi là duyên hiện. Mới biết hai tướng nhơn duyên nuôi lớn thức lưu chú. Hai tướng có thể hoại mà chơn tướng của thức lưu chú chẳng hoại, chỉ tại trong mê không thể tự giữ. Vì thế, chỉ gọi là lưu chú chẳng gọi là chơn, nên có khác là trở lại và không trở lại. Cho nên ngộ thì lưu chú liền chơn, bỗng nhiên biết đường trở về, chóng quên chỗ nương tựa. Do đó Bồ tát có ra đời chẳng nhờ duyên mà hiện. Nên nói tướng diệt mà lưu chú đến đây mới cứu cánh diệt. Bởi vì mê thì hai tướng hoại và chẳng hoại lần lượt làm nhơn. Ngộ thì lưu chú cùng với tướng lẫn nhau giải thoát. Song cốt tại nó ngộ vọng phân, chỗ chơn tánh không khác.

Chỗ này là lý do khiến người trí đương nhiên tự hợp.

Này Đại Huệ ! Ví như khối đất với vi trần chẳng khác, chẳng phải chẳng khác, vàng và các món đồ trang sức cũng lại như vậy. Đại Huệ ! Nếu khối đất và vi trần khác thì không phải do vi trần làm thành, mà thật do vi trần làm thành, thế nên chẳng phải khác. Nếu chẳng khác thì khối đất và vi trần nên không sai khác.

Đây là dụ chơn tướng của tàng thức cùng chuyển thức chẳng phải một chẳng phải khác, để rõ chuyển thức diệt mà chơn tướng của tàng thức chẳng diệt. Ngoại đạo chấp đoạn kiến chỉ vì không biết nhơn sanh của thức lưu chú. Cho nên, giữ chơn thì cùng vọng đồng thu, bỏ vọng thì gồm chơn cùng bỏ. Khi mê ngộ chưa phân, lúc ấy một, khác khó nói vậy.

Như thế, Đại Huệ ! Chuyển thức và chơn tướng của tàng thức nếu khác thì tàng thức không phải là nhơn. Nếu chẳng khác thì chuyển thức diệt tàng thức cũng phải diệt, mà chơn tướng của nó thật chẳng diệt. Thế nên, Đại Huệ ! Chẳng phải tự chơn tướng thức diệt, chỉ nghiệp tướng diệt. Nếu tự chơn tướng thức diệt thì tàng thức ắt diệt.

Đại Huệ ! Nếu tàng thức diệt thì chẳng khác với ngoại đạo luận chấp đoạn kiến.

Trước nói hiện thức tức ở đây là tàng thức, trước phân biệt sự thức ở đây là chuyển thức. Tàng thức vốn cùng với chuyển làm nhơn sanh khởi, nên chẳng phải khác. Song chơn tướng tàng thức chẳng cùng chuyển thức đồng diệt, nên chẳng phải chẳng khác. Khi mê thì chơn biến làm tàng, chơn tướng hằng ở trong nghiệp tướng. Lúc ngộ thì tàng vốn chơn, nghiệp tướng liền tiêu dung trong tự chơn. Cho nên nghiệp nhơn mê mà có, tàng do ngộ mà dẹp trừ. Khi dị thức không thì tàng thức cũng diệt, mà tự chơn tướng chẳng diệt. Luận nói : "nói là diệt chỉ tâm tướng diệt, chẳng phải tâm thể diệt". Lại nói : "chỉ vì si diệt nên tâm tướng theo diệt".

E⁴ - CHỈ RA TÀ KIẾN ĐOẠN KIẾN DỊ NHƠN.

Đại Huệ ! Các ngoại đạo kia khởi luận thế này : "Cảnh giới nhiếp thọ diệt, thức lưu chú cũng diệt". Nếu thức lưu chú diệt thì lưu chú từ vô thủy lẽ ưng cũng đoạn. Đại Huệ ! Ngoại đạo nói lưu chú làm sanh nhơn, chẳng phải do nhân thức, sắc, ánh sáng nhóm hợp mà sanh, lại có dị nhơn. Đại Huệ ! Về nhơn kia, họ nói hoặc là thắng diệu, hoặc là sĩ phu, hoặc tự tại, hoặc thời, hoặc vi trần.

Cảnh giới nhiếp thọ là các thứ thu góp các trần tướng. Khi tướng này diệt, thức lưu chú vẫn tiềm phục. Người lầm không biết vọng thấy không lặng, bèn cho là đoạn. Họ không biết tướng mê của lưu chú từ vô thủy có thể trừ, mà tự chơn tướng không đoạn. Bởi vì chơn thức huân biến mà không hay tự giữ, theo duyên lập bày. Duyên trước đã dứt, duyên sau tiếp khởi, chơn thức ở trong ấy thâm tự vượt qua. Nên nói : "Nghịch thức mênh mang không có gốc để nương tựa", tức là lưu chú này vậy. Lưu chú vốn chơn, bởi mê mới có có nhân thức, sắc trần, ánh sáng, cùng nhau sanh trụ, ngoại đạo lầm cho là thắng diệu thành ra dị nhơn (nhơn khác). Đâu bấp chẳng phân quả nhiên đồng với sanh diệt. Nhơn chẳng phải nhơn chơn, rốt cuộc trở về đoạn kiến. Xét về số luận sư chấp 25 để phân làm 9 vị, do trước kia tiên nhơn Hoàng Xích chuyên tu thiền định có sức thần thông, biết được việc trong tám muôn kiếp. Tám muôn kiếp về trước mờ昧 không biết, lầm cho là mình sơ tự tánh, nên vị thứ nhất gọi là Minh sơ cũng gọi là thắng tánh. Vị thứ hai là Trí đại cũng gọi là đại giác. Mé mình sơ cái giác tri tăng trưởng, nên nói từ mình sanh giác. Ba là Ngã tâm, cũng gọi là ngã chấp ngã mạn. Đây do giác mà có, nên nói từ giác sanh ngã tâm. Bốn là Ngũ duy lượng, cũng gọi là ngũ

vị, tức là sắc thanh hương vị xúc. Bởi sắc v.v... do ngã chấp tâm hiện, nên nói từ ngũ tâm sanh ngũ duy. Năm là Ngũ đại, tức là đất, nước, gió, lửa, không. Năm thứ này khắp tất cả chỗ nên gọi là đại. Do cực vi sanh nên nói từ ngũ duy sanh ngũ đại. Sáu là Ngũ tri căn, tức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Nhơn năm đại mà thành nên nói từ năm đại sanh. Bảy là Tác nghiệp căn, tức là miệng, tay, chân và đại, tiểu tiện. Năm cái này đều là dụng tạo nghiệp, cũng nhơn năm đại mà thành. Tám Tâm bình đẳng căn là chỉ quả tim hay ý căn. Bình đẳng vì căn này hay duyên khắp căn cảnh, cũng do ngũ đại làm thành, cùng với ngũ tri, ngũ tác nghiệp thành 11 căn. Chín là Thần ngã, chính là thức thứ tám. Ngoại đạo không biết thức thứ tám làm thần ngã, hay sanh các pháp thường trụ chẳng hoại, thần ngã này tức là thắng diệu vậy.

Thắng luận sư chấp lục cú làm sanh nhơn. Nghĩa là thật, đức, nghiệp, đại hữu, đồng dị, hòa hợp. Lại từ trong cái thật chấp có chín pháp là đất, nước, lửa, gió, không, thời, phương, ngã, ý. Thời tán ngoại đạo thì chấp tất cả pháp đều từ thời sanh. Họ thấy cỏ cây do thời gian nở rộ tươi khô, chấp thời gian là thường là một, là nhơn của vạn vật, là nhơn của Niết bàn. Thuận

thể sư thì chấp tất cả sắc tâm v.v... Các pháp đều dùng cái cực vi của tứ đại làm nhơn. Song trong tứ đại có cái rất tinh linh hay có duyên lự tức là tâm pháp. Cực vi này tức là vi trần. Ngoại đạo Đồ khôi chấp Trời Đại Tự Tại thể là thật, biến, thường hay sanh các pháp. Minh luận sư chấp Đại Phạm, thời, phương, bản tế, tự nhiên, hư không, ngã, bảy pháp này là thường trụ, hay sanh tất cả pháp. Đại phạm này tức là sĩ phu vậy. Chỗ chấp của ngoại đạo tuy nhiều không ngoài thường kiến và đoạn kiến. Không phải thường chấp là thường cũng chung thành một đoạn kiến.

Lại nữa, Đại Huệ ! Có bảy chủng tánh tự tánh. Nghĩa là tập tánh tự tánh, tánh tự tánh, tướng tự tánh, đại chủng tánh tự tánh, nhơn tánh tự tánh, duyên tánh tự tánh, thành tánh tự tánh.

Trước nói ngoại đạo dị nhơn, đây nói rõ trong dị nhơn có bảy thứ lập giáo, trọn chẳng ngoài tứ cú. Nghĩa là tự sanh, tha sanh, cộng sanh và vô nhơn sanh. Nhơn tánh tự tánh tức là tự sanh. Đại chủng tánh tự tánh, duyên tánh tự tánh tức là tha sanh. Tập tánh tự tánh tướng tánh tự tánh, thành tánh tự tánh tức là cộng sanh. Tánh

thể sư thì chấp tất cả sắc tâm v.v... Các pháp đều dùng cái cực vi của tứ đại làm nhơn. Song trong tứ đại có cái rất tinh linh hay có duyên lự tức là tâm pháp. Cực vi này tức là vi trần. Ngoại đạo Đồ khôi chấp Trời Đại Tự Tại thể là thật, biến, thường hay sanh các pháp. Minh luận sư chấp Đại Phạm, thời, phương, bản tế, tự nhiên, hư không, ngã, bảy pháp này là thường trụ, hay sanh tất cả pháp. Đại phạm này tức là sĩ phu vậy. Chỗ chấp của ngoại đạo tuy nhiều không ngoài thường kiến và đoạn kiến. Không phải thường chấp là thường cũng chung thành một đoạn kiến.

Lại nữa, Đại Huệ ! Có bảy chủng tánh tự tánh. Nghĩa là tập tánh tự tánh, tánh tự tánh, tướng tự tánh, đại chủng tánh tự tánh, nhơn tánh tự tánh, duyên tánh tự tánh, thành tánh tự tánh.

Trước nói ngoại đạo dị nhơn, đây nói rõ trong dị nhơn có bảy thứ lập giáo, trọn chẳng ngoài tứ cú. Nghĩa là tự sanh, tha sanh, cộng sanh và vô nhơn sanh. Nhơn tánh tự tánh tức là tự sanh. Đại chủng tánh tự tánh, duyên tánh tự tánh tức là tha sanh. Tập tánh tự tánh tướng tánh tự tánh, thành tánh tự tánh tức là cộng sanh. Tánh

tự tánh tức là vô nhơn sanh. Luận nói : "Vả lại số luận chấp ngã là tu, thọ dụng, tất đỏa, thích xà, đáp ma làm thành đại v.v... 23 pháp". Tất đỏa dịch là hữu tình, cũng dịch đồng mãn. Thích xà dịch là vi, lại dịch là ngu mao đầu trần v.v... Đáp ma dịch là ám (tối). Các nhà tân dịch đều dịch là tham sân si. Do tự tánh này, hiệp ba việc hay sanh các pháp, nên gọi tập tánh tự tánh. Lại trong 25 đề thần ngã làm chủ hay sanh các pháp, thường trụ chẳng hoại, nên nói là tánh tự tánh. Tướng tánh tự tánh là sáu câu của Thắng luận sư, bởi thật, đức nghiệp, đại hữu, đồng dị hòa hợp làm nhơn sanh khởi các pháp có tướng. Song trong sáu câu, hòa hợp thành tánh tự tánh, đây là chấp các pháp hòa hợp làm tác dụng. Về đại chủng tánh tự tánh. Thuận thế sư nói tứ đại là thường hay sanh các pháp. Về nhơn tánh tự tánh, duyên tánh tự tánh thì Thanh luận sư chấp có hai ; một là đời duyên sanh, cho rằng tiếng là nhơn sanh các pháp; hai đời duyên hiển, cho rằng duyên sanh tiếng làm nhơn. Như Lai xét tột cùng chỗ chấp của ngoại đạo, để chứng thành dị nhơn. Sau đó mới chỉ ra pháp chánh của Ngài là đệ nhất nghĩa tâm. Do đó mới biện biệt người và ta vậy.

E⁶- CHỈ CHÁNH NHON ĐỂ BIỆN BIỆT TÀ VỌNG.

Lại nữa, Đại Huệ ! Có bảy thứ đệ nhất nghĩa. Tức là tâm cảnh giới, huệ cảnh giới, trí cảnh giới, kiến cảnh giới, siêu nhị kiến cảnh giới, siêu tử địa cảnh giới, Như Lai tự đáo cảnh giới. Đại Huệ ! Đây là tánh tự tánh đệ nhất nghĩa tâm của chư Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Do tánh tự tánh đệ nhất nghĩa tâm mà thành tựu được pháp thế gian, xuất thế gian và xuất thế gian thượng thượng của Như Lai. Bởi Thánh Huệ Nhãn vào tự tướng cộng tướng dựng lập như. Chỗ dựng lập không đồng với luận ác kiến của ngoại đạo.

Chơn nhơn của chánh pháp cũng có bảy thứ sai biệt. Song các thứ cảnh giới đều là đệ nhất nghĩa cảnh giới, không có cái khác của phàm thánh cạn sâu. Như Lai trong ba đời dùng Thánh huệ nhãn vào tự tướng cộng tướng chỗ dựng lập đều là như. Như tức là bảy thứ thật tướng không có phàm thánh cạn sâu, thấy đồng một vị. Nếu không phải Thánh huệ nhãn thì đâu thể chứng biết. Tâm cảnh giới, tức là Như Lai tàng chuyển thành tàng thức, cùng với bảy các căn thức trước tất cả tâm vương tâm sở đều là cảnh giới của tâm sở hành. Huệ cảnh giới chỉ cho văn, tư, tu và các

thiền định tam muội. Trí là căn bản trí. Do căn bản trí phát sanh, nhiên hậu mới thông đạt được không Như Lai Tàng và bất không Như Lai Tàng. Tri kiến như thật là nói nhị kiến cảnh giới. Siêu, tức là siêu nhị kiến này. Bồ tát đến thập nhất địa (đẳng giác) còn có hai cái ngu, qua được nhơn vị này mới hết. Như Lai tự đáo cảnh giới, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mới nói là duy tâm, quên nhơn tột quả. Ngoại đạo không biết tự tâm cảnh giới, ban đầu do bất giác huân biến thành thức, vốn không có thật thể, vọng cho là thật rồi chấp làm tự tánh. Nhị thừa chẳng đạt được pháp không nên kẹt nơi quyền tiểu. Cả thấy trọn ngày ở trong đệ nhất nghĩa mà quên chơn theo vọng. Như Lai thương xót những kẻ ngu si này rộng dạy pháp yếu. Tức là đến nơi phạm thánh duy thức sai biệt, chỉ ra tự tánh đệ nhất nghĩa tâm của Như Lai. Mở bày cho kẻ phạm ngu thì dùng pháp quyền là tốt bày trở về một, chỉ cho kẻ đại trí thì dùng pháp thật tức bày tức một. Do đây mà thành tự pháp thế gian, xuất thế gian thượng thượng. Tất cả Như Lai tự thọ dụng và tha thọ dụng đều do đây dụng lập. Cho nên tuy có tự tướng cộng tướng trọn chẳng ngoài chơn nghĩa như thật. Bởi thế, nên cùng với ác kiến của ngoại đạo có khác.

Đại Huệ ! Thế nào đồng với ác kiến luận của ngoại đạo ? Nghĩa là chẳng thông tự cảnh giới, vọng tưởng kiến chấp, chẳng hiểu biết chừng ngăn tự tâm hiện ra. Đại Huệ ! Phàm phu ngu si đối với tánh, vô tánh, tự tánh, đệ nhất nghĩa mà khởi bàn luận nhị kiến.

Ác kiến của ngoại đạo đều do vọng tưởng, chẳng biết tự tâm hiện. Cho nên, trọn ngày ở trong đệ nhất nghĩa luống tạo nhị kiến có, không, đây là chỗ không đồng với chánh pháp. Tánh Như Lai tàng thuần nhất chẳng tạp, không có người, pháp nên nói vô tánh. Tánh của vô tánh gọi là tâm đệ nhất nghĩa. Kinh Hoa Nghiêm nói : "Chẳng biết đệ nhất nghĩa đế, nên gọi là vô minh". Ở trong vô minh thấy pháp có chừng ngăn, không biết tâm hiện nên chấp có chấp không, lại tăng thêm vọng tưởng. Cho nên nói "tự cảnh giới". Tự kiến chẳng trừ vọng chấp thành luận. Vì thế vẫn sau lại chỉ ra lỗi ấy.

E⁶ - BÁC TÀ ĐOẠN CÓ, KHÔNG CỦA NGOẠI ĐẠO.

Lại nữa, Đại Huệ ! Vọng tưởng ba cõi khổ được diệt thì vô minh, ái, nghiệp duyên liền diệt. Lúc ấy cảnh huyễn do tự tâm hiện ra theo đó mà thấy. Nay sẽ nói.

Sắp chỉ ra lỗi vọng chấp có, không, bèn lo cho người mê sâu khó biết ; nên bảo hoặc nghiệp khổ hết, mới tin tự tâm hiện ra đều như cảnh huyễn. Chính là nói tập khí thấy sai kia khó trừ, nên cảnh giới như huyễn chưa dễ gì thấy được. Ba cõi là dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Khổ là quả vậy. Khổ quả trong ba cõi là từ vọng tưởng mà sanh, nên nói "vọng tưởng ba cõi khổ". Vô minh là căn bản vô minh. Ái là tham dục tức là nhuận sanh vô minh. Hai thứ vô minh này hay kết nghiệp nhơn trong ba cõi nên nói là hoặc. Do hai thứ hoặc này tạo nghiệp trói buộc sanh tử, nên nói là nghiệp duyên. Ba thứ hoặc, nghiệp, khổ đều duy tâm hiện ra, mà ngoại đạo không thông cảnh giới như huyễn, chấp cho là thật có rồi vọng sanh phân biệt. Hoặc lại khởi hoặc, khổ càng thêm khổ, mắc sâu trong hư vọng không thể tạm bỏ. Vì thế Như Lai trình trọng nói đó, rồi sau mới chỉ ra, ý rất là thâm thiết.

Đại Huệ ! Nếu có Sa Môn, Bà la môn muốn khiến vô chúng, hữu chúng nhơn quả hiện, và sự do thời mà trụ, hoặc duyên ấm, giới, nhập sanh cho là trụ, hoặc nói sanh rồi diệt.

Sa môn dịch là căn tức, chỉ cho người xuất gia học đạo gồm cả người theo chánh pháp và tà đạo.

Bà la môn dịch là tịnh hạnh, ở Ấn Độ người tại gia hành đạo, tức xứ này là Nho gia vậy. Vô chủng, là không biết chơn tướng của tàng thức, chấp bướng vô minh phát nghiệp cho là xưa không nay có. Như chấp minh sơ cho là sanh nhơn, thành đại v.v... hai mươi ba quả, có hiện ra như thế. Hữu chủng, là chẳng biết thức lưu chú và tướng đều duy thức hiện, vốn không thật tánh, vọng chấp tứ đại, vi trần v.v... cho là sanh nhơn, thành tất cả quả, có hiện ra như thế. Và chấp sự sanh ra này y nơi thời gian mà trụ, như Tán thời sự chấp thời là thường là nhất là nhơn sanh vạn vật. Hoặc nói duyên ấm, giới, nhập sanh cho là trụ, đây là chấp ngũ uẩn thật ngã thật pháp, đồng với hữu chủng. Hoặc nói sanh rồi lại diệt, đồng với vô chủng.

Đại Huệ ! Kia hoặc chấp tương tục, hoặc sự, hoặc sanh, hoặc hữu, hoặc Niết bàn, hoặc đạo, hoặc nghiệp, hoặc quả, hoặc đế, đều là luận phá hoại đoạn diệt. Vì có sao ? Vì lời chấp này hiện tiền không thể được, và sẽ vô phân đối với chỗ thấy cứu cánh. **Đại Huệ !** Thí như cái bình bể không thể làm được việc của cái bình, cũng như hạt giống bị cháy không thể làm được việc nẩy mầm.

Tương tục tức là lưu chú. Sự tức là tướng. Nhơn duyên hòa hợp gọi là sanh, nhơn duyên chia lìa gọi là diệt. Nhơn quả hiện tại gọi là hữu. Sanh diệt đã diệt gọi là Niết bàn. Siêu tình tuyệt trí gọi là đạo. Y lý thành hạnh gọi là nghiệp. Việc làm đã xong gọi là quả. Đệ nhất nghĩa được thành gọi là đế. Từ tương tục đến hữu thuộc về pháp thế gian. Từ niết bàn đến đế thuộc về pháp xuất thế gian. Ngoại đạo không biết tự tâm hiện ra huyền vọng không thật, mà lấy huyền vọng hiện tiền chấp là nhơn tướng, hoặc là quả tướng. Không những pháp thế gian sanh diệt, mà pháp xuất thế gian vô sanh diệt, vọng chấp là có, vọng chấp là không, trộn trở về chỗ tiêu diệt. Nên nói "không thể được". Không đạt được sanh tướng của vô minh, nên tự thể của chơn như chẳng phải chỗ thấy của họ. Nên nói "vô phần đối với chỗ thấy cứu cánh". Bởi mê bản giác nên sanh diệt rõ ràng, chẳng liễu được việc trước mắt nên có, không đều vọng. Thế nên, Thế Tôn chỉ họ là phá hoại đoạn diệt. Dụ như bình bể chẳng làm được việc cái bình, hạt giống cháy không làm được việc nảy mầm. Nghĩa là không phải nhơn chơn, ắt không có quả chơn.

Như thế, Đại Huệ ! Nếu tánh ấm, giới, nhập đã diệt, hiện diệt và sẽ diệt thì, tự tâm

vọng tướng thấy vô nhơn, kia không thứ lớp sanh.

Đây quả là luận đoạn diệt, vì chẳng biết lưu chú sanh nhơn. Thứ lớp là lưu chú tương tục. Ấm, giới, nhập mà vẫn còn tương tục. Cái tương tục này là do mê chơn nên khởi, căn trần theo đó mà hiện. Căn trần tuy diệt mà tương tục chẳng diệt. Tương tục lại diệt mà thể tương tục chẳng diệt. Nghĩa là chỉ nghiệp tướng diệt mà tự chơn tướng chẳng diệt. Nay ngoại đạo bảo tánh ấm, giới, nhập đã diệt, hiện diệt và sẽ diệt, chính là tự vọng tướng chấp cho là ấm, giới, nhập chẳng phải từ mê mà có, luống thấy nó tự sanh tự diệt, bèn thành vô nhơn. Cho nên biết, chẳng rõ lưu chú sanh nhơn thì, chẳng những thấy sanh nghi là thật sanh, thấy diệt cũng nghi là thật diệt. Nghi thật sanh thì không thông cái gốc mê chơn như mà khởi. Nghi thật diệt thì chẳng rõ cái thể tự tánh vô sanh. Hai cái chấp có, không này đều là đoạn diệt.

Đại Huệ ! Nếu lại nói vô chúng hữu chúng, thức do ba duyên hợp mà sanh thì, rủa ung sanh lông, cát nên ép ra dầu. Tông họ ắt phải hoại, vì trái với nghĩa quyết định. Về thuyết hữu chúng vô chúng có lỗi như

thế. Nếu có tạo sự nghiệp gì thấy đều không, vô nghĩa.

Vọng chấp ba duyên hợp mà sanh vẫn mê yếu chỉ nội thức biến, in tướng như có. Tất cả căn trần đều do nội thức biến dường như hiện tiền, duyên hợp chẳng phải không, do mê khởi chẳng phải có, vốn là lý vô sanh, lầm chấp là nhơn tướng. Ấy là rùa không có nhơn lông mà sanh lông, cát không có nhơn dầu mà sanh dầu. Trái với nghĩa quyết định, tông kia có lỗi như thế. Dầu có không nhơn mà hay có quả. Thế là tạo tác sự nghiệp thấy đều không, vô nghĩa.

Đại Huệ ! Các ngoại đạo kia nói có ba duyên hợp lại mà sanh, tạo ra phương tiện tự tướng nhơn quả, quá khứ, hiện tại, vị lai tướng hữu chủng vô chủng từ xưa đến nay thành việc truyền thừa nhau. Thành tập khí giác tướng chuyển tự thấy sai, nên nói như thế. Thế nên, Đại Huệ ! Phạm phu ngu si bị ác kiến nuốt sống, tà khúc làm mê say, không trí dối xưng nhất thiết trí.

Ba duyên hợp mà sanh, Thế Tôn cũng thường bảo nhơn quả thế gian có tự tướng phương tiện như thế. Đây do tự mê chơn mà nói, không nên chấp nó làm nhơn tướng quyết định có hay không. Ngoại đạo vọng chấp có, không, tột tám

muôn kiếp là không biết, bèn chấp ba duyên sanh tạm hiện. Lầm cái nhơn mê mà khởi trong ba đời, thành cái tập giác tưởng thấy sai. Từ trước đến nay thành việc truyền thừa nhau, người đời không biết lầm cho là người trí. Vì thế, Đức Thế Tôn lại bài xích đó, để chỉ bày cho thiên hạ muôn đời vậy. Phương tiện, là phương tiện duyên sanh. Phương tiện tạo ra, trông vào vô minh cho là quả tướng, trông vào nghiệp hệ cho là nhơn tướng. Nhơn quả thế gian do mê mà sanh, chấp mê mà khởi kiến, bám vào đó làm đình luận, làm nghi ngờ kẻ mới học gây tai hại không phải nhỏ.

E⁷ - CHỈ BÀY LÌA VỌNG ĐƯỢC CHÚNG

Đại Huệ ! Nếu các Sa môn và Bà la môn thấy (các pháp) là chấp tự tánh, như mây nổi, vòng lửa, thành càn thất bà, không sanh, huyễn, sóng nắng, trăng đáy nước và mộng, trong ngoài đều do tâm hiện. Vọng tưởng hư ngụy từ vô thủy chẳng là tự tâm. Nhơn duyên vọng tưởng diệt hết thì là vọng tưởng năng thuyết sở thuyết, năng quán sở quán, thọ dụng, kiến lập thân đều là tàng thức. Nơi cảnh giới thức thì năng nhiếp thọ và sở nhiếp thọ đều chẳng tương ưng. Cảnh giới không thật có, là sanh, trụ, diệt, tự tâm sinh khởi theo vào chỗ phân biệt.

Đại Huệ ! Bồ Tát kia chẳng bao lâu sẽ được xem thấy sanh tử và niết bàn là bình đẳng, được Đại Bi xảo phương tiện và vô khai phát phương tiện. Đại Huệ ! Kìa đối với tất cả chúng sanh giới thấy đều xem như mộng chẳng cần nhơn duyên, xa lìa cảnh giới trong ngoài, ngoài tâm không còn thấy gì khác, thú lớp tùy vào chỗ vô tướng, thú lớp tùy vào từ địa này đến địa kia, cảnh giới tam muội.

Chẳng đạt được do mê khởi nên vọng thấy có pháp sanh. Đạt được vọng vốn là hư dối thì xem đồng với huyễn hóa. Nếu cái sai biệt bất giác liền không thì, trí bi thuận tánh vô ngại. Đây là lập bày chánh kiến tu hành, sở dĩ khác với ngoại đạo tà chấp. Nghĩa là Sa môn Bà la môn nếu hay đổi mê thành ngộ thấy tất cả pháp đều không tự tánh, như mây nổi v.v.. không có sanh diệt, đã có tất cả tâm tướng trong ngoài chỉ bởi bất giác hư vọng từ vô thủy, toàn thể đều là tâm, không có phân biệt. Khởi quán như thế rồi thì tất cả tâm cảnh phân biệt liền dứt, tất cả phân biệt ngôn thuyết cũng dứt. Quán căn thân khí giới hiện tiền đều là tàng thức biến hiện. Liền đó cùng với năng thủ sở thủ cả hai đều không tương ưng, không còn tất cả cảnh giới sanh diệt. Về sau mới từ tự tâm hiện lượng mà khởi các phân biệt. Do

đó Bồ tát này chẳng bao lâu được sanh tử Niết bàn cả hai đều bình đẳng, có lập ra phương tiện đều là vô công dụng. Quán chúng sanh giới duyên khởi là vô sanh, xa lìa tâm cảnh trong ngoài, không thấy có pháp gì ngoài tâm. Vào được Sơ địa vô phân biệt trí, do đây từ một địa đến một địa, các thứ thiên tam muội thứ lớp được chứng nhập.

Hiếu tam giới như huyễn, phân biệt quán sát sẽ được như huyễn tam muội. Qua tự tâm hiện không chỗ có, được trụ Bát nhã ba la mật. Xả bỏ sanh kia tạo ra phương tiện vào Kim cang dụ tam ma đề (chánh định), tùy vào thân Như Lai, tùy vào như như có biến hóa, thần thông tự tại, từ bi phương tiện đầy đủ trang nghiêm. Bình đẳng vào tất cả cõi Phật, vào chỗ ngoại đạo, lìa tâm, ý và thức. Bồ Tát này thứ lớp chuyển thân liền được thân Như Lai.

Đây là tướng từ Bát địa đến Thập địa. Bát địa đoạn câu sanh ngã chấp hết, chứng vô công dụng đạo, việc làm đều dứt. Mười phương chư Phật đồng thỉnh khuyến phát, mới dùng như huyễn quán mà quán tam giới như huyễn, được như huyễn tam muội. Qua được tự tâm hiện không chỗ có. Tự tâm hiện không chỗ có tức là vô

công dụng đạo, chính là hành tướng của Bát địa, đến đây mới được vượt qua. Đến Cửu địa mới hay thuyết pháp lợi sanh. Đến Thập địa mới hay phân thân mười phương kính thờ chư Phật. Nói là được vô ngại Bát nhã ba la mật. "Sanh kia" là chỉ cho sanh tướng vô minh. Từ Thập địa về sau dùng trí lực phương tiện của Kim cang dụ định mà đoạn sanh tướng vô minh, chứng pháp thân Như Lai chơn như thường trụ, tự nhiên có bất tư nghì nghiệp dụng, đầy đủ phương tiện, đầy đủ trang nghiêm, vào khắp tất cả cõi Phật và vào chỗ ngoại đạo. Nên nói "trên cùng mười phương chư Phật đồng một từ lực, dưới cùng lục đạo chúng sanh đồng một bi nguyện". Đến đây mới gọi là tâm, ý, thức được quả phương tiện nhị chuyển y. Bồ tát này chóng ngộ được tự lý, trừ sạch nghiệp lưu cả hai đều thù thắng. Cho nên nói "thứ lớp được".

Đại Huệ ! Thế nên muốn được thân tùy nhập của Như Lai phải xa lìa ám, giới, nhập, tâm nhơn duyên, tạo ra phương tiện, sanh trụ diệt vọng tưởng hư dối. Chỉ có tâm thẳng tiến, quán sát lỗi hư nguy từ vô thủy, nhơn tập khí vọng tưởng. Suy nghĩ ba cõi không thật có, được Phật địa vô sanh, đến tự giác thánh thú, tự tâm tự tại, đến vô khai phát hạnh, như hạt châu ma ni tùy theo các sắc.

Tùy nhập tâm vi tế của chúng sanh dùng hóa thân tùy tâm lượng mà độ. Các địa thứ lớp tiếp nối dựng lập. Thế nên, Đại huệ ! Tự tất đàn là thiện phải nên tu học.

Đây là kết luận chỉ lại phương tiện tu hành. Câu tâm nhơn duyên, tâm là thức tâm, nhơn duyên là các thức hai loại sanh. Nghĩa là ẩm giới nhập các tâm nhơn duyên, khởi ra phương tiện, tất cả sanh diệt phân biệt hư dối, nên phải xa lìa. Đã xa lìa rồi phải trụ nơi duy tâm, lại không có lối tề. Thẳng tiến là nói không có lối tề. Tức là dùng tâm này quán sát lỗi vô minh phát nghiệp, cùng phân biệt nhơn, pháp, tất cả tập khí, khởi ra nhơn tướng. Suy xét tam giới như huyễn, đạt đến Phật địa vô sanh, đến tự giác thánh trí, được tâm tự tại, vô công dụng hạnh. Như hạt châu ma ni tùy các sắc, tùy nhập tâm chúng sanh dùng hóa thân tùy chỗ thọ nhận của tâm lượng chúng sanh mà vì họ hóa độ, y các địa phương tiện dựng lập. Tự tất đàn này phải nên tu học. Tất đàn là pháp thí. Tóm đó, phương tiện tu hành trước phải phát minh hai thứ sanh diệt đều do bất giác từ vô thủy, bèn thành hư dối, trụ nơi duy tâm, liền trừ được tập khí đã khởi và hai cái chướng nhơn pháp, mới biết ba cõi vốn là không, liền đó được vô sanh chẳng do công dụng.

D²) (1) Nói rộng bờ mé cứu cánh của tám thức để phân biệt thức và trí, có sáu phần :

E¹ - ĐẠI HUỆ THƯA HỎI :

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật :
Thế Tôn nói tướng tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tụ tánh, việc sở hành của tất cả chư Phật, Bồ Tát cảnh giới sở duyên chẳng hòa hợp do tụ tâm hiện v.v... Hiến bày tất cả (Phật) thuyết thành tướng chơn thật, tất cả Phật nói tâm. Vì các Đại Bồ Tát ở trên núi Ma La Da nằm trong biển thuộc nước Lăng Già nói "Nhu Lai khen ngợi biển sóng tàng thức cảnh giới pháp thân".

Ở trước đã phát minh tàng thức và chuyển thức y nơi bất giác chẳng đồng với dị nhơn của ngoại đạo, vì tất cả Bồ tát dựng lập lý duy tâm để khỏi phương tiện tu hành. Đây lại hỏi tâm, ý, thức, năm pháp, tụ tánh là ý ở chỗ nói rộng về sanh nhơn của tám thức, để hiến bày một tâm chuyển biến thành tướng khác và chẳng khác, thành tựu biển sóng tàng thức cảnh giới pháp thân. Câu tất cả chư Phật nói v.v... nghĩa là sở hành thánh trí của chư Phật Bồ tát là tất cả tâm

(1) Bản Hán ngữ sang quyển hai

cảnh hiển bày chơn thật, đây là chư Phật dạy tâm vậy. Biển sóng tàng thức cảnh giới pháp thân, là hiện lượng của tự tâm toàn vọng toàn chơn, chẳng phải chỗ suy nghĩ biết được. Năm pháp là danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí, như như. Ba tự tánh là biến kế chấp, y tha khởi, viên thành thật. Năm pháp, ba tự tánh này ở trong tâm, ý, ý thức y theo mê ngộ mà chuyển biến. Mê thì chánh trí trở thành vọng tưởng, như như chuyển làm danh tướng, viên thành lầm làm biến kế và y tha. Ngộ thì danh tướng tức là như như, vọng tưởng lại thành chánh trí, biến kế, y tha chuyển hiện viên thành. Trong khoảng sát na chơn vọng lẫn hiển, danh khác mà thể đồng.

E² - PHÂN BIỆT NHƠN DUYÊN BẤT GIÁC CỦA TAM THỨC :

Khi ấy, Thế Tôn bảo Bồ Tát Đại Huệ : Vì có bốn nhơn duyên nên nhân thức chuyển. Thế nào là bốn ? Nghĩa là : 1) Tự tâm hiện nhiếp thọ bất giác, 2) Lỗi hư ngụy từ vô thủy do tập khí chấp trước sắc, 3) Thức tanh tự tánh, 4) Muốn thấy các thứ sắc tướng. Đây Đại Huệ ! Đó gọi là bốn thứ nhơn duyên dòng nước tàng thức và sóng chuyển thức sanh.

Đây là nói chung sanh nhơn của tám thức thức. Bốn thức nhơn duyên chung làm cho tám thức sanh khởi. Song nhơn thứ nhất riêng chỉ bất giác làm nghĩa nhơn duyên của tàng thức để rõ thức chẳng rời tâm. Chỉ vì bất giác liền thành thức tướng, nên nói dòng nước tàng thức và sóng chuyển thức sanh. Nước là dụ cho tâm. Dòng nước, sóng mời dụ cho tàng thức, chuyển thức. Tụ tâm là Như Lai tạng tâm. Như Lai tạng tâm bởi bất giác nên hiện nhiếp thọ. Nhiếp thọ là kiến phần và tướng phần. Kiến phần là năng nhiếp, tướng phần là sở nhiếp. Nếu chẳng phải bất giác, thì tâm có lỗi sanh ra thức. Hư ngụy từ vô thủy tức là cái sở hiện của bất giác. Do bất giác hiện nên biến giống như trần cảnh bèn thành cái tập khí sắc v.v... Thức có công năng liễu biệt sự vật, sẵn có tánh phân biệt nên gọi là thức tánh. Muốn thấy tức là tác ý. Nên nói : "Phù căn tứ trần giống ruồi theo sắc".

Này Đại Huệ ! Như nhãn thức sanh tất cả các căn, vi trần, lỗ chân lông đồng sanh. Theo thứ lớp cảnh giới sanh, cũng lại như thế. Thí như gương sáng hiện hình các sắc. Đại Huệ ! Ví như gió lớn thổi nước biển cả.

Đây là nói tám thức chóng sanh và thứ lớp sanh. Đồng sanh là chóng sanh. Thứ lớp là thứ

lớp sanh. Các căn, lỗ chân lông thuộc về căn. Vì trần thuộc về trần. Như nhãn thức là lấy nhãn thức lệ cho các thức. Các thức mỗi cái chia ra chónh và thứ lớp đều y căn trần mà có thức hiện, nên nói "cũng lại như thế". Xét trực tiếp hai thí dụ ở dưới, tự biết ý chỉ của dụ. Chónh, như một thức chónh duyên nhiều cảnh, hoặc các cảnh đồng đủ các thức chónh sanh. Lại năm thức trước có thể nói năm trần đồng đủ đồng thời chónh sanh. Nếu về ý thức năm trần đối hiện chỉ có theo thứ lớp mà duyên. Năm thức trước gồm chónh và thứ lớp, còn ý thức chỉ thứ lớp không có chónh. Song nói chung lại đều y căn trần dẫn phát, thức thể tùy đó mà hiện. Thức thể là chon tướng của tàng thức. Cho nên, dùng gương và biển dụ cho thức thể, sắc và gió dụ cho căn trần. Sắc và gió vốn tự không biết, gương và biển y nhiên trong sáng. Chỉ vì bất giác bèn thấy sai biệt. Mới biết hiện lượng năm thức cùng thức thứ tám đồng công năng. Tuy hiện lúc giao tiếp với căn trần mà không có phân biệt chia chẻ, sẵn vậy không thiếu. Chỉ tại khi mê trong khoảng sát na trôi vào đất ý, chớp mắt lăm qua liền không còn hiện lượng.

Gió cảnh giới bên ngoài trôi giạt biển tâm, sóng thức không dừng. Nhơn và tướng sở tác có khác cùng chẳng khác. Hiệp với

nghiệp sanh tướng vào sâu trong chấp trước, không thể rõ biết tự tánh sắc v.v... nên năm thức thân theo đó mà chuyển. Nay Đại Huệ ! Liền đó ý thức cùng năm thức thân chung khởi. Do biết tướng phân đoạn sai biệt, chính là nhơn của ý thức.

Đây nói tám thứ thức lại lẫn nhau làm nhơn. Chẳng phải một chẳng phải khác, đều do phát nghiệp mà có sai biệt. Biển tâm là tàng thức. Gió cảnh giới bên ngoài chỉ cho sáu trần. Sóng thức là bảy thức. Do gió cảnh sáu trần trôi giạt biển tâm khiến sóng mồi bảy thức không dừng, mà nhơn và tướng sở tác chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Nhơn là chỉ chơn thức. Tướng sở tác tức chỉ tàng thức và chuyển thức. Nghĩa là đồng một chơn tánh nên chẳng phải khác. Mỗi thức có cảnh riêng của nó nên chẳng phải chẳng khác. Song đều do bất giác phát nghiệp, một lúc các thức hiệp với phát nghiệp sanh tướng này vào sâu trong chấp trước, không thể rõ biết tự tánh sắc... nên năm thức thân chuyển. Tự tánh sắc... là do nội thức biến hiện làm tánh sắc... dường như có hiện tiền, mà thật không có vậy. Ý thức cùng năm thức thân chung khởi, là khi năm thức khởi đồng thời ý thức chung khởi. Nhơn phân đoạn sai biệt nên sanh phân biệt, ý thức này lại

lấy năm thức làm nhơn. Mới biết do bất giác Như Lai tàng nên vọng động thành nghiệp mà khởi ra kiến phần tướng phần. Kiến và tướng phần ấy là sanh tướng của nghiệp. Nhơn kiến nên hiện tướng mà thành căn và cảnh. Lại do căn cảnh sanh thức mà khởi ra phân chia. Biến và sóng vốn đồng, gió cảnh nào khác, chỉ rõ được bất giác thì nghiệp tướng tự dừng, trọn không còn gì chỉ bày vậy.

Thân kia chuyển, kia chẳng khởi nghĩ là ta lần lượt làm nhơn nhau. Tự tâm hiện vọng tướng chấp trước chuyển, mà mỗi mỗi hoại tướng kia đều chuyển. Phân biệt cảnh giới phần đoạn sai biệt, gọi kia chuyển.

Đoạn này nói tám thứ thức liên đó vô sanh, bất biến mà tùy duyên, tùy duyên mà bất biến. Thân kia, là chỉ chung cho tám thứ thức. Tám thứ thức này lần lượt làm nhơn nhau mà chẳng khởi nghĩ, là nói nó không tự tánh. Bởi không tự tánh nên tuy vọng khởi chấp trước mỗi thức liễu biệt cảnh của nó, mà tâm chẳng biết nghiệp, nghiệp chẳng biết tâm, thể hiện thời lặng lẽ, tướng sai biệt liên hết. Nên nói "tự tâm hiện vọng tướng chấp trước chuyển, mà mỗi mỗi hoại tướng kia đều chuyển". Bản đời Đường dịch hoại

tướng là vô sai biệt tướng. Chính do tướng sai biệt, ngay nơi đó mà phát sanh, rồi theo nơi đó mà diệt hết, nên vô sai biệt tướng cũng luôn luôn hiện tiền. Chỉ vì bất giác nên đối với phần đoạn sai biệt mỗi thức vẫn liễu biệt cảnh của nó.

E³ - TỌT TÀNG THỨC LÀ BỜ MÉ CỨU CÁNH.

Như người tu hành nhập thiền tam muội, tập khí vi tế chuyển mà không hiểu biết, lại khởi nghĩ rằng : Thức diệt nhiên hậu nhập thiền chánh định. Song thật thức chẳng phải diệt mà nhập chánh định vì chúng tử tập khí chẳng diệt nên chẳng diệt. Bởi cảnh giới chuyển nhiếp thọ chẳng đủ nên diệt. Đại Huệ ! Như thế là tàng thức vi tế đến bờ mé cứu cánh. Trừ chu Phật và hàng Bồ Tát trụ địa, các bậc Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo tu hành được sức trí huệ tam muội, tất cả không thể tính lường rành rõ.

Về lưu chú sanh diệt của tám thức không phải hàng diệt thọ định mà hay rành rõ. Cảnh giới vốn là rỗng thì nhiếp thọ cũng đối. Định cùng với loạn, động cùng với lặng đều thuộc phân biệt trở về bờ mé của thức. Nên nói "chẳng biết sanh nhơn của thức lưu chú, bỏ sanh tìm diệt thấy đều ở trong mê".

E⁴- HIỆN HIỆN LƯỢNG CỦA TỰ TÂM LÀ VỌNG CHON THẬT.

Tương các địa trí huệ thiện xảo phương tiện phân biệt quyết đoán cú nghĩa, thiện căn tối thắng vô biên đã thành thực, là vọng tưởng hư ngụy của tự tâm hiện, ngồi yên nơi rừng núi tu bậc hạ trung thượng hay thấy vọng tưởng lưu chú của tự tâm. Ở trong vô lượng cõi nước chu Phật được quán đánh, được sức tự tại thần thông tam muội, các thiện tri thức Phật tử làm quyến thuộc. Những vị ấy tâm, ý, ý thức, tự tánh cảnh giới tưởng hư vọng do tự tâm hiện ra, biến hữu sanh tử nghiệp ái và vô tri, những nhơn như thế đều đã vượt qua. Thế nên, Đại Huệ ! Những người tu hành nên phải gần gũi hàng tri thức tối thắng.

Đây nói muốn cùng tốt bờ mé của tàng thức thì phải đạt được tự tâm. Dùng sức trí tuệ của tự tâm phương tiện rõ biết tất cả nghĩa cú. Cho nên hay là vọng tưởng hư ngụy của tự tâm hiện ra. Hay là vọng tưởng hư ngụy mới biết lưu chú của tự tâm đều do bất giác. Nếu thấu rõ được bất giác thì giác được tự tâm. Chẳng theo cảnh giới dôi dỗi của mê tình thì tự nhiên an trụ biển tâm. Lặng lẽ thâm thông được Phật nhiếp thọ đồng với Phật tử (Bồ tát) trụ, lẽ ấy như thế. Những vị

ấy tâm, ý, ý thức, tự tánh cảnh giới tướng hư vọng do tự tâm hiện ra, nghĩa là tướng hư vọng do tâm hiện ra đều là tự tánh cảnh giới, liễu đạt tự tánh thấy không sai biệt, thì tất cả nghiệp hoặc sanh tử, khi mê đường như cảnh mộng hiện, khi giác đồng cảnh mộng mất, chẳng cần chuyển biến, bỗng nhiên siêu việt. Cho nên biết bậc đại Bồ tát chẳng thấy có một pháp là thân hay là nghiệp và cùng chủ hay là, mà cũng có là. Chẳng đồng với Nhị thừa thấy thật có nghiệp hoặc sanh tử là tướng nên là. Lại chẳng đồng tà ngoại cho là tất cả không thật có, mà chẳng cần là. Đây là không phải hàng tri thức tối thắng thì không thể thấu suốt. Là yếu chỉ duy có chọn thức lại không có các thức khác, nên Phật dạy phải nên gần gũi. Biển hữu sanh tử, nghĩa là nghiệp khổ sanh tử. Nghiệp ái và vô tri, chữ nghiệp là phát nghiệp tức căn bản vô minh ; ái là ái dục tức chi nhuận vô minh ; vô tri là vô minh.

E⁵ - TỤNG PHÂN BIỆT TÁM THỨC ĐỂ KHỎI TỰ NGỘ.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này, nói kệ rằng :

Ví như sóng biển cả
Sóng to vỗ biển rộng

Đây do gió mạnh thổi
Không có khi đoạn dứt

Biển tàng thức thường trụ Gió cảnh giới nổi dậy
Lớp lớp các sóng thức Áo ạt mà chuyển sanh.

Đây là tụng chung nhưn duyên của tàng thức và chuyển thức. Dùng biển cả để dụ cho tàng thức, gió mạnh dụ cho cảnh giới lục trần, sóng mồi dụ cho chuyển thức. Tàng thức là nhưn, trần cảnh làm duyên, mà bầy thức thân chuyển.

Các thứ sắc xanh đỏ	Kha, sữa và đường	
		phèn
Vị lạt các hoa quả	Nhật, nguyệt cùng ánh	
		sáng.
Chẳng khác không chẳng	Nước biển nổi sóng	
khác		mồi
Bầy thức cũng như vậy	Tâm cùng hòa hợp sanh.	

Đoạn tụng này lại dùng năm trần sắc v.v... chẳng khác chẳng phải chẳng khác, một lần nữa để nói chuyển thức cũng chẳng khác chẳng phải chẳng khác. Xanh đỏ thuộc về sắc trần. Kha bối thuộc thính trần. Sữa, đường, muối, vị lạt thuộc vị trần. Hoa thuộc hương trần. Quả thuộc xúc trần. Năm trần này đều do nội thức hiện ra. Như nhật nguyệt cùng ánh sáng chẳng khác, chẳng phải chẳng khác, để dụ chuyển thức với tàng thức. Lại như nước biển cùng sóng mồi chẳng khác chẳng phải chẳng khác.

Ví như nước biển đổi	Lớp lớp sóng mới chuyển.
Bảy thức cũng như vậy	Tâm cùng hòa hợp sanh.
Là chỗ tàng thức kia	Bao nhiêu các thức chuyển
Là do ý thức kia	Suy nghĩ nghĩa các tướng.
Tướng chẳng hoại có tám	Vô tướng cũng vô tướng
Ví như biển sóng mới	Thế là không sai biệt.
Các thức tâm như thế	Khác cũng không thể được..

Đoạn tụng này, bốn câu đầu lập lại dụ nước biển và sóng mới để dụ cho tàng thức và chuyển thức hợp lại sanh. Dẫn khởi hai câu dưới trơ về gốc tàng thức có bao nhiêu các thức chuyển. Tám câu sau nói cũng có không tướng của các chuyển thức có thể được, chỉ do ý thức suy nghĩ chẳng hoại giả danh bèn có tám. Chương sanh diệt trước nói "hiện thức và phân biệt sự thức hai tướng hoại và chẳng hoại lần lượt làm nhơn". Bởi vì tàng thức, chuyển thức đều có hai tướng hoại và chẳng hoại. Nghĩa là chỉ nghiệp tướng hoại mà tự chơn tướng chẳng hoại. Đoạn văn trường hàng của chương này nói "mỗi mỗi hoại tướng kia đồng chuyển". Trong bài tụng nói "tướng chẳng hoại có tám" là chỉ chung các thức khi mê chơn

mà chuyển, cả thể toàn chơn. Toàn thể không sai biệt nên nói "chẳng hoại". Vì mê chơn sai biệt khởi nên nói "hoại". Người xét thấu chỗ hổ dụng này thì có thể khởi ngộ. Đã mê chơn mà khởi sai biệt, ví như con mắt nhìn lâu thấy hoa đốm, ở trong đó cũng không có tướng năng tướng sở, cho nên nói "không tướng cũng không tướng". Lại dùng nước biển cùng sóng mỗi đồng một tánh nước, không có sai biệt, để thấu rõ các thức đồng một tánh chơn, cũng không có đồng và khác. Mê thì chạy theo tướng thức, ngộ thì thấu suốt được thể vọng.

Tâm tên gom góp nghiệp Ý tên rộng gom góp
Các thức, thức sở thức Cảnh hiện thấy nói năm.

Đây lại đến tám thứ thức, mỗi thức rõ tự cảnh để thấy đồng thể không khác, chỉ có tên khác thôi. Thức thứ tám tên tâm, vì hay chịu huân tập, hay chứa các chủng tử, nên nói "gom góp nghiệp". Thức thứ bảy hằng xét nét suy nghĩ nhơn pháp ở bên trong của nó, gọi là ý ; gìn giữ hai cái chấp này rộng tạo nghiệp nhơn, chẳng được thanh tịnh, nên nói "rộng gom góp". Sáu thức sau đều gọi là thức, do phân biệt năm trần quá khứ hiện tại, thông cả ba lượng nên gọi ý thức ; đối cảnh hiện tiền hay hiện nàm trần gọi là nàm thức.

Bồ Tát Đại Huệ dùng kệ hỏi Phật :

**Xanh đỏ các sắc tượng Chúng sanh phát các thức
Các thứ pháp như sóng Thế nào cúi xin nói ?**

Ngài Đại Huệ sợ e chúng sanh chẳng rõ được trần cảnh hiện tiền là nội thức biến hiện chẳng phải có, bầy chuyển thức vì mê tàng thức mà sanh chẳng phải không. Cho nên dùng sắc hiện có năng phát, như xanh đỏ v.v... thức hiện có sở phát, như biến, sóng v.v... thì năng, sở mỗi thứ khác, mà nói chẳng khác chẳng phải chẳng khác, vô tướng cũng vô tướng đó là sao ? Bởi Ngài muốn Thế Tôn phát minh năng sở đều duy thức hiện, không riêng có vậy.

Thế Tôn dùng kệ đáp rằng :

Xanh đỏ các tạp sắc	Sóng môi đều không có
Gom góp nghiệp nói tâm	Khai ngộ các phàm phu
Nghiệp kia thấy không có	Tự tâm sở nhiếp ly.
Sở nhiếp không sở nhiếp	Cùng sóng môi kia
	đồng.
Thọ dụng kiến lập thân	Là hiện thức chúng
	sanh.
Nơi kia hiện các nghiệp	Thí như nước, sóng
	môi.

Đoạn tụng này nói năng, sở, tâm, cảnh đều duy thức hiện. Xanh đỏ dụ tất cả sắc, sóng môi

dụ tất cả thức, đều không chẳng thật có. Chẳng thật có mà nói "gom góp nghiệp nói tâm", là muốn khiến phàm phu biết tất cả nghiệp quả duy tâm tạo ra. Cho nên nói "gom góp nghiệp" nói tâm là để khai ngộ các phàm phu. Song nghiệp gom góp cũng không thể được, nên nói "nghiệp kia thấy không có". Do tự tâm bất giác vọng có cảnh sở nhiếp, như con mắt bệnh thấy hoa đốm trong hư không. Hoa này cùng con mắt vốn chẳng đến nhau nên nói "tự tâm sở nhiếp ly". Không hoa sở nhiếp đã ly thì con mắt bệnh năng nhiếp cũng vốn không có, như sóng môi kia, toàn sóng là nước, nên nói "sở nhiếp không sở nhiếp, cùng sóng môi kia đồng". Hiện tiền thân cần và khí giới vẫn như sóng với nước không có một, hai.

Bồ Tát Đại Huệ lại nói kệ hỏi :

Tánh biến cả sóng môi Nổi dậy khá phân biệt

Tàng cùng nghiệp như thế Có sao chẳng hiểu

biết ?

Bài tụng này nói biến cùng sóng môi thì phân biệt có thể thấy, mà dụ cho tàng thức cùng nghiệp khó có thể hiểu biết. Chữ nghiệp là chuyển thức.

Thế Tôn dùng kệ đáp :

Phàm phu không trí huệ Tàng thức như biến cả

Nghiệp tương ví sóng môi Y thí kia so hiểu.

Phàm phu vô trí không thể nói thẳng, nên thí dụ tàng và chuyển, mong họ tự giác, đây không thể chỉ ra cái chơn thật. Thế nên văn sau có câu hỏi sao chẳng nói thật.

Bồ Tát Đại Huệ lại nói kệ hỏi :

Mặt trời sáng đồng chiếu	Chúng sanh hạ trung
	thượng
Như Lai chiếu thế gian	Vì ngu nói chơn thật
Đã phân bộ các pháp	Cớ sao chẳng nói thật?

Đây nói Như Lai vì chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật mà xuất hiện trong đời, chẳng chịu chỉ thẳng chơn thật, chỉ phân bộ các pháp, ấy là ý chỉ gì ? Phân bộ là phân chín bộ, mười hai bộ. Đâu biết rằng Như Lai nói ra ba thừa năm thừa đều vì độ nhất nghĩa đế. Chúng sanh vô trí không thể chỉ thẳng mà chỉ quanh co, vốn không có ý chỉ khác, cần đợi thời tiết vậy. Văn sau đặc biệt nói ý này.

Thế Tôn dùng kệ đáp :

Nếu nói chơn thật đó	Tâm kia không chơn thật
Thí như biển sóng mỗi	Bóng trong gương và
	mộng
Tất cả đồng thời hiện	Tâm cảnh giới cũng thế.
Vì cảnh giới chẳng đủ	Thứ lớp nghiệp chuyển
	sanh

Thức ấy thức, sở thức Ý ấy ý vị nhiên.
 Năm thức do hiển hiện Không có định thứ lớp
 Thí như ông thợ vẽ Và học trò thợ vẽ.
 Vải, màu vẽ các hình Ta nói cũng như thế,
 Màu sắc vốn không nét Chẳng viết cũng chẳng lựa
 Vì vui chúng sanh nên Hòa lẫn vẽ các hình.

Như Lai chẳng nói chơn thật, bởi tâm chúng sanh chẳng chơn thật. Nghĩa là có mà chẳng thấy tức đồng với không. Nếu muốn chỉ điểm hiện lượng trước mắt thì chẳng phải tâm chẳng phải thức, như đem năm màu chỉ cho những người mù. Vì thế, Như Lai nơi phi tâm mà chỉ là tâm, nên thí dụ biển, gương nơi phi thức mà chỉ là thức, nên thí dụ sóng mòi của biển, hình bóng của gương, cùng việc trong mộng. Nghĩa là thức thứ tám chuyển sanh các thức đồng thời chóng hiện. Bảy chuyển thức nương cả h minh hiện cảnh giới chẳng đủ thì thứ lớp hiện. Thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy tác ý, năm thức trước đối với trần, đều thứ lớp hiện, không nhất định trước sau. Đây Như Lai vẫn không thể chỉ thẳng cái chơn thật mà dùng lời nói phương tiện dẫn đường cho chúng sanh. Nên nói như ông thợ vẽ dùng vải màu mà vẽ thành hình vậy. Hoặc cho là tâm mà đợi giác, hoặc cho là thức mà đợi không. Đây là chỗ siêu tình bất ngôn ngữ há cho

bậc đại trí để tâm u. Có ngộ có mê là chỗ ưa thấy của phàm ngu, nên nói "màu sắc vốn không nét, chẳng phải bút chẳng phải lụa, vì vui chúng sanh" không thể chẳng vẽ ra.

Nói năng riêng lập bày Chơn thật lia danh tự
Phân biệt hợp nghiệp đầu Tu hành bày chơn thật.
Chơn thật chỗ tự ngộ Giác tướng sở giác lia
Đây vì Phật tử nói.

Nói năng là vì chơn thật mà lập bày. Đến chỗ chơn thật chỉ có thẩm hợp. Như người uống nước lạnh, nóng tự biết, chỗ tự biết không phải danh tướng trình bày ra được. Trông vào ngôn thuyết là khác vậy. Chơn thật tự ngộ, hiện lượng mà được, năng giác sở giác đều chẳng phải cảnh giới, ấy là vì Phật tử (Bồ tát) nói, chưa dễ gì vì người sơ cơ mà nói.

Người ngu rộng phân biệt Các thứ đều như huyền
Tuy hiện không chơn thật Như thế nói các thứ.
Tùy sự riêng lập bày Nói ra không phải hợp
Nơi kia là chẳng nói Cả thấy người bệnh kia
Thấy thuốc tùy dùng Như Lai vì chúng sanh
thuốc.

Tùy tâm hợp lượng nói Phi cảnh giới vọng
tướng

**Thanh văn chẳng có phần. Người ai mẫn nói ra
Cảnh giới của tự giác.**

Như Lai vì người ngu rộng phân biệt nói, cho nên các thứ đều như huyền. Tuy hiện không thật, song trọn không thể chẳng nói các thứ. Tùy sự lập bày thật là bất đắc dĩ. Nếu căn cứ chỗ chọn thật thì nơi kia là chẳng hợp. Thấy thuốc với người bệnh, dụ Như Lai tùy tâm chúng sanh hợp với lượng sở tri. Vọng tưởng là chỉ cho phàm phu. Như Lai thương xót chúng sanh nên xưng là người ai mẫn, tùy tâm hợp lượng. Cảnh giới tự giác của người ai mẫn chẳng phải phàm phu và nhị thừa có phần.

**E⁶ - CHỈ THĂNG BA TƯỚNG TỰ GIÁC THÁNH
TRÍ.**

Lại nữa, Đại Huệ ! Nếu Đại Bồ Tát muốn biết hiện lượng của tự tâm nhiếp thọ và người nhiếp thọ, cảnh giới vọng tưởng, phải lìa chỗ ồn náo, những tập tục ngũ say, đầu hôm giữa đêm và gần sáng thường phải giác ngộ. Phương tiện tu hành, phải lìa ác kiến kinh luận ngôn thuyết và hành tướng các thừa Thanh văn Duyên giác, phải thông đạt tướng vọng tưởng tự tâm hiện.

Đoạn này là khuyên như lời dạy mà tu hành. Bởi vì tất cả cảnh giới vọng tưởng năng thủ sở thủ từ hiện lượng của tự tâm bất giác mà khởi. Tuy ở trong tất cả cảnh giới mà cái hiện lượng này chưa từng dời đổi. Chỉ tại ở trong mê không thể hiểu biết, cho nên nói "muốn biết hiện lượng của tự tâm nhiếp thọ và người nhiếp thọ cảnh giới vọng tưởng, phải lìa chỗ ồn náo, ngủ say, đầu hôm giữa đêm và gần sáng thường tự giác ngộ", tức là giác ngộ tự tâm vậy. Hiện lượng của tự tâm ở chỗ vắng để giác. Ngoại đạo thì ác kiến, nhị thừa thì ngu pháp, tăng trưởng vọng tưởng trái ngược với tự tâm, cả hai đều phải lìa. Mới biết tướng của tất cả vọng tưởng do tự tâm hiện ra, như thế mà khởi, như thế mà diệt. Phương tiện tu hành đây là lối thẳng vậy.

Lại nữa, Đại Huệ ! Đại Bồ Tát dựng lập tướng trí huệ, trụ rồi ở trên ba tướng thánh trí phải siêng tu học.

Trí huệ là đối bất giác mà nói. Bất giác tự tâm át hằng ngày ở trong hiện lượng mà không thể trụ. Đã giác an trụ vẫn có ba tướng thánh trí, nương ngộ cùng tiêu, bị nguyện sẽ viên mãn. Văn sau tự dụ vậy.

Những gì là ba tướng thánh trí phải siêng tu học ? Nghĩa là tướng vô sở hữu, tướng chỗ tất cả chu Phật tự nguyện, tướng tự giác thánh trí cứu cánh. Tu hành được đây rồi hay xả tướng tâm trí huệ lừa què, được địa thứ tám của bậc tối thắng tử, ở trên ba tướng kia do tu hành mà sanh. Đại Huệ ! Tướng vô sở hữu ấy, là tướng của Thanh văn Duyên giác và ngoại đạo, kia do tu tập mà sanh. Đại Huệ ! Tướng chỗ tự nguyện ấy, là chỗ chu Phật trước tự nguyện tu sanh. Đại Huệ ! Tướng tự giác thánh trí cứu cánh ấy, là tất cả pháp tướng không có chỗ chấp trước được thân như huyền tam muội, chỗ chu Phật địa tiến thú tu hành mà sanh. Đại Huệ ! Đây gọi là ba tướng thánh trí. Nếu người thành tựu ba tướng thánh trí này hay đến cảnh giới tự giác thánh trí cứu cánh. Thế nên, Đại Huệ ! Ba tướng thánh trí phải siêng tu học.

Thất địa đoạn ngã chấp đã hết, tất cả tâm dứt không còn khởi lại tương tợ với nhị thừa, nên nói trí lừa què, vào bát địa rồi sau mới xả. Tướng vô sở hữu là, quán không của nhị thừa. Bỏ tất trụ tướng trí huệ mà vẫn dùng thiện tịch của nhị thừa để trừ sạch pháp chấp vi tế. Đây là chẳng

bỏ phương tiện mà chẳng chấp là thật pháp. Tướng Phật trước tự nguyện, Kinh Anh Lạc nói : "Chưa qua khổ để khiến qua khổ để, chưa hiểu tập để khiến hiểu tập để, chưa an đạo để khiến an đạo để, chưa được diệt để khiến được diệt để". Đây là tứ hoàng thệ, y nơi giáo biệt, viên đều duyên hai thứ tứ thánh để hữu tác và vô tác. Đây là tướng Phật trước tự nguyện, Bồ tát phát tâm không đồng với nhị thừa. Tướng tự giác thánh trí cứu cánh, là ở tất cả chỗ chứng được cảnh giới tự tâm hiện tượng, đạt tất cả pháp không ngăn ngại, được thân như huyễn viên mãn Phật địa. Đây là sai biệt trí vậy. Chẳng nói sai biệt mà nói Thánh trí cứu cánh, là do sai biệt cứu cánh là căn bản. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử trải qua 110 thành học đạo Bồ tát, rốt sau đến chỗ Di Lạc lại khiến trở lại yết kiến Văn Thù. Bảo : "Ông trước được gặp các thiện tri thức, nghe hạnh Bồ tát, vào môn giải thoát, đầy đủ đại nguyện, đều là sức oai thần của Văn Thù. Văn Thù Sư Lợi ở tất cả chỗ đều được cứu cánh". Cho nên biết, trước trụ tướng trí huệ về sau siêng tu ba tướng. Ba tướng thành tựu cũng chỉ nói, hay đến cảnh giới tự giác thánh trí cứu cánh. Bởi vì căn bản trí sáng thì tốt các sai biệt, cũng cứu cánh không khác vậy.

C² - CHỈ NÀM PHÁP, TỰ TÁNH, VÔ NGÃ, GIẢN BIẾT NHỊ THỪA NGOẠI ĐẠO, ĐỂ RÕ NHON QUẢ CỦA CHÁNH PHÁP, CÓ BA :

D¹) *Nói năm pháp, có chín :*

E¹ - ĐẠI HUỆ HỎI :

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ biết chỗ tâm nghĩ của chúng Đại Bồ Tát tên thánh trí sự phân biệt tự tánh kinh, nương sức oai thần của tất cả Phật, bạch Phật rằng : Thế Tôn ! Cúi xin vì nói thánh trí sự phân biệt tự tánh kinh là chỗ nương của 108 câu. Như Lai ứng cúng đấng chánh giác y đây phân biệt nói Đại Bồ Tát vào tự tướng cộng tướng, tự tánh vọng tướng. Do phân biệt nói tự tánh vọng tướng thì hay khéo biết khắp quán sát nhơn pháp vô ngã, trừ sạch vọng tướng, soi sáng các địa, siêu việt tất cả Thanh văn Duyên giác và những cái vui thiền định của ngoại đạo. Quán sát cảnh giới sở hành bất khả tư nghì của Như Lai, quả quyết lìa bỏ năm pháp tự tánh. Pháp thân trí huệ của chư Phật Như Lai khéo tự trang nghiêm. Khởi cảnh giới huyền, lên tất cả cõi Phật, thiên cung Đâu suất cho đến thiên cung Sắc cứu cánh, liền được pháp thân thường trụ của Như Lai ?

Đây là hồi tự tánh vọng tưởng, để hiển thánh trí. Thấy khác chấp tà, bởi do mê tự tánh mà thành vọng tưởng, tức ở chỗ vốn không tự tha, một lúc liền có tự tướng cộng tướng nhanh chóng hiện bày. Như nhãn thức ban đầu thấy sắc liền được tự tướng nhãn thức, vừa rơi vào phân biệt liền thành cộng tướng. Đây đều là cảnh giới bất giác vọng tưởng. Tất cả Bồ tát vào đây mà thị hiệ các thứ sai biệt đã có ở thế và xuất thế gian để iến lập thành 108 câu. Bồ Tát vọng tưởng không khác tự tánh, đây là việc thánh trí, liền đạt tự tướng cộng tướng không thể được. Tất cả Bồ tát cũng không bỏ các thứ sai biệt đã có ở thế và xuất thế gian mà được chỗ thâm bày của phi 108 câu. Đó là lý do Như Lai phân biệt nói tự tánh vọng tưởng. Bởi phân biệt vọng tưởng này không riêng có tự tánh. Thế mới biết, tự tánh vốn tự không nhơn, tự tánh vốn tự không pháp. Không nhơn không pháp nên hay trừ sạch vọng tưởng mà chẳng cần dụng công. Soi sáng các địa mà không ngại viên dung, vượt khỏi cái vui thiền định của phàm phu ngoại đạo, vào chỗ sở hành của Như Lai, danh tướng, vọng tưởng, y tha, biến kế liền đó chóng không, chánh trí, như như, viên thành cũng không thật có. Pháp thân trí huệ chư Phật Như Lai này từ tự tánh vọng tưởng mà phát minh tâm lượng. Có sự trang nghiêm đều là

trang nghiêm tự tâm, liền chuyển cảnh giới tự tâm hiện ra. Hiện cõi nước như huyễn lên thiên cung như huyễn. Chẳng lìa tự tâm được pháp thân cứu cánh thường trụ Như Lai.

E² - PHÁ NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP CÓ, KHÔNG.

Phật bảo Đại Huệ ! Có một thứ ngoại đạo khởi vọng tưởng chấp trước có không, hơn giác tri hết, tưởng như thổ không sùng. Như thổ không sùng, tất cả pháp cũng lại như vậy. Đại Huệ ! Lại có ngoại đạo thấy chủng, cầu na, cực vi, đà la phiếu, hình xứ, hoành pháp mỗi mỗi sai biệt. Thấy rồi, chấp trước thổ không sùng hoành pháp, khởi tưởng trâu có sùng. Đại Huệ ! Kia rơi vào hai kiến chấp, chẳng hiểu tâm lượng. Cảnh giới tự tâm vọng tưởng tăng trưởng, thân thọ dụng kiến lập vọng tưởng căn lượng. Đại Huệ ! Tất cả pháp tánh cũng lại như thế, lìa có, không, chẳng nên khởi tưởng. Đại Huệ ! Nếu lại lìa có, không mà khởi tưởng thổ không sùng, ấy gọi là tưởng tà, vì kia quán hơn đối đãi. Thổ không sùng chẳng nên khởi tưởng, cho đến vi trần, tánh phân biệt sự, thấy đều không thể được. Đại Huệ ! Cảnh

giới thánh ly, không nên khởi tưởng trâu có sừng.

Đây là chỉ rõ không đạt được tự tánh vọng tưởng, nên có ngoại đạo tà chấp. Vọng tưởng từ bất giác tâm lượng mà khởi. Tâm không phải tướng động do bất giác vọng sanh. Vọng sanh chẳng phải có, vọng diệt chẳng phải không. Có, không cả hai đều vọng, luống tăng thêm bất giác, chẳng phải cái gốc tâm lượng. Thế nên chẳng rõ tướng sanh, mới kẹt nơi vô minh, lầm chấp căn thân khí giới át rơi vào nhơn thường. Dù có quán nhơn hết, lại trôi vào đoạn diệt. Đây là thổ không sùng cùng với trâu có sùng bởi vì đối đãi mà tướng sanh. Tuy ở trong chánh pháp vẫn chưa dễ gì liền đó chóng lìa. Bởi tâm lượng bản hữu chưa tròn thì mê tình bất giác khó hết. Biết rõ hiện tiền chẳng phải có, rỗng lặng chẳng phải không, mà đương niệm chưa tạm thấy, tướng lặng lẽ vẫn thâm lớn. Nên nói "lìa có, không mà lại khởi tướng thổ không sùng". Tóm lại quán không bởi vì kẹt hữu. Đã tin rõ huyền thì đâu cần lại không, có chẳng thể được thì không từ đâu đối đãi. Nên nói "cảnh giới thánh ly, cứu cánh không nên khởi tưởng trâu có sùng". Nhơn giác tri hết, như Số luận sư tốt tám muôn kiếp mờ mịt không biết. Xét biết các pháp trước mắt rốt cùng trở về hết sạch, đồng với sùng thổ. Chữ chủng là bốn

dại chủng. Cầu na dịch là y. Đà la phiếu dịch là trần. Hoành pháp là các pháp sắp bày. Nhu Thuận thế su thấy tứ đại chủng y cực vi trần làm sanh nhơn, bởi có các pháp sắp bày, mỗi mỗi sai biệt, cho nên chấp thỏ không sừng, mà khởi tưởng trâu có sừng.

**Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn !
Người được không vọng tưởng thấy tướng
chẳng sanh rồi, tùy đó suy nghĩ quán sát,
chẳng sanh vọng tưởng nói là không chăng ?**

Người thấy tướng chẳng sanh, nghĩa là thấy sừng trâu không có thật, chẳng sanh tướng có, do đây so sánh chẳng khởi vọng tưởng. Đây là tột nhơn chấp không của ngoại đạo, muốn Thế Tôn nói rõ đó.

**Phật bảo Đại Huệ ! Chẳng phải quán sát
chẳng sanh vọng tưởng nói không. Vì có
sao ? Vì vọng tưởng nhơn đó mà sanh. Y sừng
kia sanh vọng tưởng, do y sừng sanh vọng
tưởng, thế nên nói là y nhơn. Vì lìa khác và
chẳng khác, chẳng phải quán sát chẳng
sanh vọng tưởng nói là không sừng.**

Việc ngoài thánh trí thấy có thấy không đều là nhơn vọng tưởng, nên phải lìa. Vọng tưởng y nơi sừng mà chấp có không, đây là do phân biệt có không làm nhơn, nó không phải chánh nhơn,

khác cùng chẳng khác đều là hý luận. Y nơi sùng khởi vọng tưởng có là chẳng khác, y nơi sùng khởi vọng tưởng không là khác, đều là nhơn vọng tưởng cả hai đều không thật. Thế nên, người được thánh trí át không quán sát chẳng sanh vọng tưởng, nói không sùng vậy.

Đại Huệ ! Nếu vọng tưởng khác với sùng thì không nhơn sùng sanh. Nếu chẳng khác thì nhơn sùng sanh. Cho đến vi trần phân tích tìm cầu trọn không thể được. Vì không khác với sùng, kia cũng không tánh. Cả hai đều không tánh thì pháp gì ? Có sao nói là không ? Đại Huệ ! Nếu là không thì không sùng. Quán là có nên nói thô không sùng, không nên khởi tưởng. Đại Huệ ! Vì chẳng phải chánh nhơn mà nói là có, không cả hai đều chẳng thành.

Đây là nhằm vào người chấp không, y nơi sùng làm sanh nhơn. Nhiên hậu tìm cùng thì nhơn chẳng thật, chỗ chấp thành rỗng, nên chẳng ung khởi tưởng. Ý nói vọng tưởng đã khác với sùng thì lý ung chẳng nhơn nơi sùng vậy, nếu chẳng khác với sùng tức là nhơn nơi sùng. Nay chính nơi sùng phân tích đến vi trần không thể được thì chẳng khác với sùng này mà có tánh vẫn không thể định. Có đã phi tánh thì, cái không kia

cũng phi tánh, cả hai đều vô tánh thì thế gian vật gì, pháp gì mà có thể nói không. Thấy không mà nói không sùng, thấy có không phải thật mà nói không sùng, đây là có, không y như, chẳng nên khởi tưởng. Không phải chánh như là, không được thật tướng của các pháp, hai thuyết có không đều thành hý luận.

Đại Huệ ! Lại có các ngoại đạo chấp, chấp trước việc sắc, không, hình xứ, hoành pháp, không thể khéo biết chùng ngăn của hư không. Nói sắc là hư không, khởi kiến chấp vọng tưởng chùng ngăn.

Đây là kèm phá ngoại đạo chấp có, bèn gồm nói không như có đối đãi, nên phải lìa hết. Chấp trước sắc khác với không, nghĩa là tứ đại chủng và vi trần hay sanh tất cả pháp. Do không khéo biết chùng ngăn sắc cùng hư không nên khởi tất cả vọng tưởng.

Đại Huệ ! Hư không là sắc, theo vào sắc chủng. Đại Huệ ! Sắc là hư không, chỗ năng trì sở trì mà dựng lập tánh. Việc sắc không phân biệt nên biết Đại Huệ ! Khi tứ đại chủng sanh tự tướng mỗi thứ đều khác, cũng chẳng trụ nơi hư không, chẳng phải nó không hư không.

Theo vào sắc chủng, là thế gian không có một pháp nào lìa hư không mà chẳng bị hư không chen vào. Năng tri là hư không năng tri. Sở tri là sắc sở tri. Thế gian cũng không có một pháp chẳng được hư không sở tri. Đây là kiến lập tự tánh sắc không nên như thế mà biết. Nếu y sắc nên không, y không nên sắc, chỉ là kẻ phạm phu và ngoại đạo vọng kiến vậy. Nguyên nghĩa sắc không do mê chon thành thức, đồng thời liền hiện, không có trước sau, cũng không kia đây. Kinh Lăng Nghiêm nói "Hối muội làm không, kết không làm sắc". Lại nói "Hư không sanh trong biển đại giác, như biển sanh hòn bọt, cội nước vi trần hữu lậu, đều y không sanh ra". Nay chấp sắc chấp không đều là chướng ngại trong mê, chẳng lìa vọng tưởng. Giác ngộ tự tâm hiện, mới biết cảnh giới hiện ra đều đồng việc trong mộng. Hư không, căn thân, khí giới trong mộng bỗng nhiên hiện tiền, là sắc là không y nhiên phân biệt. Giác rồi sau mới biết là thức tướng sanh ra, chẳng thể có không vậy. Tự tướng tứ đại chủng mỗi thứ khác nhau, tuy chẳng trụ hư không mà sở nhập và sở tri không thể phân biệt được. Đây bởi chấp tứ đại vi trần là sanh nhơn của các pháp, nên lại bày lời để hiểu đó vậy.

Như thế, Đại Huệ ! Quán trâu có sừng nên thả không sừng. Đại Huệ ! Lại sừng trâu

phân tích làm vi trần, lại phân biệt vi trần trong sát na không dừng. Kia quán cái gì mà nói không ư ? Nếu nói quán các vật khác đó, pháp kia cũng vậy.

Trộn nói chấp không, cũng như chấp có đối đãi mà thành, chẳng phải tướng thật có thật không. Nếu chẳng phải như có chấp không, thì phân tích sừng trâu thành vi trần, lại phân tích vi trần cho đến sát na chẳng dừng, sừng này đã không thì lấy cái gì so sánh quán để hiển tướng không. Cho nên, chấp tướng có mà tướng có không trụ thì như tướng có chấp tướng không, tướng có đã chẳng trụ thì, tướng không đâu có chỗ hiển bày, cũng không năng trụ. Có không chẳng trụ liên đó là cảnh giới gì ? Quán các vật khác, là từ sừng trâu mà suy ra vậy.

Thế Tôn bảo Bồ Tát Đại Huệ : Phải lìa dị kiến vọng tưởng sừng thỏ, sừng trâu, hư không, hình sắc. Đại Bồ Tát các ông, phải suy nghĩ tự tâm hiện vọng tưởng. Tùy vào tất cả cõi nước vì hàng tối thắng tử dùng tự tâm hiện phương tiện mà dạy bảo họ.

Đây kết nói phải lìa chấp vọng tưởng hai thứ có, không, mà quán thắng duy tâm. Bồ tát nếu hay quán sát tự tâm hiện lượng, thấy tất cả cảnh giới vọng tưởng do tự tâm hiện ra, vì mê tâm làm

thức nên đồng thời liền hiện, đều nhu huyền hóa. Liền đó chóng lìa tướng hữu vô sắc không v.v... nhiên hậu dùng thân nhu huyền vào cõi nước nhu huyền, vì tất cả Phật tử lấy phương tiện nhu huyền, nói tự tâm hiện lượng mà dạy bảo họ.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng :

Sắc thấy và tâm không	Sắc thấy nuôi lớn tâm
Thân thọ dụng an lập	Tàng thức hiện chúng
Tâm, ý cùng với thức	Tự tánh pháp có năm
Vô ngã hai thứ tịnh	Nói rộng nói thế này :
Dài, ngắn, có, không thấy	Lấn lướt lẫn nhau sanh
Bởi không nên thành có	Do có nên thành không
Vì trần việc phân biệt	Chẳng khởi vọng tưởng
	sắc
Tâm lượng chỗ an lập	Ác kiến là chẳng ưa.
Phi cảnh giới giác tướng	Thanh văn cũng như
	thế
Chỗ nói của cứu thế	Cảnh giới của tự giác.

Bài tụng này nói sắc v.v .. nơi tâm vốn không có. Tâm sắc nuôi dưỡng mà sanh. Song tâm đã không, sắc v.v... từ đâu mà có, căn thân khí giới hiện tiền làm chỗ cho tâm y ? Bởi vì mê chơn làm tàng thức, mới hiện ra tất cả kiến chấp của

chúng sanh. Đã hơn mê mà hiện, nên Như Lai rộng nói tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tụ tánh, hai thứ vô ngã, cũng là đến trong mê kia mà chỉ bày danh tướng, khiến biết chọn lựa. Chính như kiến chấp sắc v.v... dài, ngắn, có, không đối đãi nhau dựng lập, y không thấy có, y có thấy không, đều là việc trong mê, thấy đều không có tụ tánh. Nếu đối với tất cả cảnh giới phân biệt mà chẳng khởi tất cả phân biệt, chỉ trụ tụ tâm hiện lượng. Đây là cảnh giới tụ giác. Như Lai cứu thế nói ra. Ác kiến chẳng ưa là, chẳng phải cảnh giới của phàm phu và Thanh văn.

E³ - CHỈ TRỪ SẠCH ĐỐN HAY TIỆM.

Bấy giờ, Bồ Tát Đại Huệ vì trừ sạch tụ tâm hiện lưu, lại hỏi Như Lai, bạch Phật rằng : Thế Tôn ! Làm sao trừ sạch tụ tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh, là đốn hay là tiệm ?

Tụ tâm hiện lưu, hiện là hiện hạnh lưu là lưu chú, là tám thức hiện hạnh và lưu chú. Trước đã rõ cảnh giới vọng tưởng tụ tâm hiện ra. Ở đây nói người đạt tụ tâm, hiện có những hiện hạnh lưu chú làm phương tiện gì dạy khiến trừ sạch là đốn hay là tiệm. Đây là nói ra chánh trí trong năm pháp.

Phật bảo Đại Huệ ! Tiệm tịnh chẳng phải đốn. Như trái yêm la, tiệm chín chẳng phải đốn ; Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như thợ gốm làm các món đồ tiệm thành chẳng phải đốn. Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như đại địa tiệm sanh muôn vật, chẳng phải đốn sanh. Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như người học âm nhạc, hội họa, các thứ kỹ thuật tiệm thành chẳng phải đốn ; Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như gương sáng đốn hiện tất cả sắc tượng vô tướng ; Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, đốn hiện vô tướng không có cảnh giới thanh tịnh thật. Như vầng nhật nguyệt đốn chiếu hiển bày tất cả sắc tượng ; Như Lai vì lìa tập khí lỗi lầm tự tâm hiện của chúng sanh cũng như thế, đốn vì hiển bày cảnh giới trí tối thắng bất khả tư nghì. Thí như tàng thức đốn phân biệt biết tự tâm hiện và cảnh giới thân an lập thọ dụng ; kia

những người y Phật cũng lại như thế, đốn thành thức cảnh giới chỗ ở của chúng sanh, đem người tu hành để yên nơi cõi trời sắc cứu cánh. Thí như pháp thân Phật hiện ra y Phật (báo Phật) hào quang sáng suốt, tự giác thánh thú cũng lại như thế, kia đối với pháp tướng có tánh, không tánh, ác kiến, vọng tưởng chiếu soi khiến trừ diệt.

Đốn, nhằm vào lý đốn ngộ đốn tu. Gồm đốn gồm tiệm nhằm chung Phật và chúng sanh. Trước mê chơn thức, các tướng hư vọng, toàn thể đồng hiện chẳng theo thứ lớp. Thế nên, ngộ vọng không có nhơn, đốn thấy chơn như tự tánh không có tướng khởi diệt, các tâm hư vọng một lúc liền hết, cũng không có cấp bậc, đây là lý đốn ngộ đốn trừ. Kinh Hoa Nghiêm về Thập trụ ở vị đầu dùng vô tác tam muội tự thể ứng chơn khách trần phiên não toàn không thể tánh. Chỉ có chơn thể dụng, không tham sân si, hôn nhiên là Phật, có thể gọi là đốn ngộ đốn tu vậy. Song hạnh, hướng, địa giai cấp rõ ràng, Kinh Viên Giác 25 luận mở rộng phương tiện, mà nói rằng : "Chỉ trừ người đốn giác, cùng pháp chẳng tùy thuận". Cho nên biết lý viên đốn Như Lai thấy rõ, căn dục của chúng sanh Như Lai cũng thấy rõ. Vì thế mà quyền thật gồm nêu, ba đời Như Lai đồng một pháp thức. Nhưng xét về bản hoài của Phật chỉ

đốn chớ không tiệm, cũng y cứ tự tâm hiện lượng không có các pháp giả dối, pháp nhĩ như thế. Kinh Lăng Nghiêm nói "Giác mê thì mê diệt, giác chẳng sanh mê". Kinh Pháp Hoa nói "Chỉ có đạo nhất thừa, phân biệt nói thành ba". Đây là ý chỉ nhất định vậy. Như thí dụ gương sáng cùng vắng nhật nguyệt đốn hiện sắc tượng không tướng. Bởi gương cùng nhật nguyệt có hai nghĩa không và minh, dụ Như Lai đốn chỉ bày trí tướng thanh tịnh bất tư nghì không thật có, khiến chúng sanh biết tự tâm hiện lượng vốn tự không và minh, vốn không ô nhiễm, đồng thời đốn lìa tập khí lỗi lầm, chẳng do tiệm dẹp vậy. Liền dùng tàng thức đốn phân biệt biết căn thân khí giới do tự tâm hiện ra để ví dụ. Đây tức là nhật dụng của chúng sanh tâm biết hiện ra, vốn tự có trí dụng thanh tịnh như thế, một lúc chiếu liễu không có trước sau. Cho nên Y Phật Như Lai ở cõi trời Sắc cứu cánh đốn vì tất cả chúng sanh căn cơ thuần thực chẳng phiền dùng phương tiện. Lại lấy Pháp thân Phật hiện ra Y Phật (Báo thân) làm dụ, đây là đến nghiệp dụng bất tư nghì của Như Lai, hào quang chiếu sáng. Khiến chúng tự giác thánh trí, là biết tự pháp thể hào quang chiếu sáng, đốn lìa tất cả ác kiến có, không, cũng không có sai biệt. Tóm lại, tánh thể thì sáng suốt, dụng có phân mê ngộ. Mê thì căn thân (chúng sanh) khí giới (thể

giới) bỗng nhiên hiện tiền, không có cấp bậc. Ngộ thì Pháp thân, Báo thân, Hóa thân, cõi nước rất là đẹp đẽ, há nhờ tu ư? Chuyển mê làm ngộ thật có nhiều môn. Tức ngộ tức mê trọn không nói dạy. Do tiếm vào đốn cũng là việc bất đắc dĩ của Như Lai.

E⁴. CHỈ BA PHẬT NÓI TRÍ, NHƯ SAI BIỆT.

Này Đại Huệ ! Pháp, Y Phật nói tất cả pháp vào tự tướng cộng tướng là nhơn tập khí tự tâm hiện, là nhơn vọng tưởng tự tánh chấp trước tương tục, các thứ chẳng thật như huyễn, các thứ chấp trước không thể được.

Hiện tiền các pháp tự tướng, cộng tướng đều nhơn tập khí chủng tử của tự tâm hiện ra, hay khởi hiện hạnh vọng tưởng tương tục chấp trước. Y tha chủng tử hiện ra các thứ như huyễn, vọng chấp hiện hạnh sở chấp các thứ không thể được. Đây là duyên khởi vô sanh, do mê được giác ngộ. Làm thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sanh là những lời dạy của y Phật (Báo thân). Phàm Pháp Phật là tự tánh thanh tịnh giác. Tự tánh thanh tịnh giác này chúng sanh cùng Phật đều có đủ, mê thì toàn mê, ngộ thì toàn ngộ, chẳng do tri kiến, chẳng nhờ công huân, tự tánh thiên nhiên vậy. Y Phật tức là Bát Nhã do Pháp thân lưu

xuất. Vốn từ tự tánh sanh, lại chiếu nơi tự tánh, trang nghiêm thân, độ gọi là Báo thân. Hóa Phật là tùy loại ứng hóa, khắp vào tất cả chỗ. Tự tánh thường tịch quang độ, là tự thọ dụng, chẳng phải chỗ người khác biết được. Báo Phật tha thọ dụng độ, cùng Bồ Tát Thập địa chung. Thánh phàm đồng cư tức là Hóa Phật độ, tùy loại đều nhập, chỗ thấy mỗi loài đều khác. Pháp thân Phật nói ra là tự tánh không nương. Y Phật (Báo Phật) nói ra là duyên khởi vô tánh. Hóa Phật tùy chỗ muốn xem xét căn cơ, nói không có nhất định. Song cũng ước lược lý nên lẫn thông, pháp cùng báo, hóa chẳng phải ba chẳng phải một. Thân, độ lẽ như vậy, thuyết pháp cũng như thế. Vê như quả cội trời cội người cũng có lý vô thượng chánh chơn. Kinh Niết Bàn nói "Có khi Như Lai nói về thế đế, mà người cho là đệ nhất nghĩa đế, có khi Như Lai nói đệ nhất nghĩa đế mà người cho là thế đế". Lại tứ đế, tam thừa chung quán, đều không có nhất định.

Lại nữa, Đại Huệ ! Chấp trước duyên khởi tự tánh, sanh tướng vọng tưởng tự tánh. Đại Huệ ! Thí như các nhà huyền thuật nương cỏ cây ngói gạch tạo ra các thứ huyền hóa. Khởi tất cả chúng sanh, bao nhiêu hình sắc, khởi các thứ vọng tưởng. Các vọng tưởng kia cũng không chơn thật.

Y duyên khởi tự tánh, khởi vọng tưởng tự tánh. Như nhà huyền thuật y cỏ cây ngói gạch v.v... hóa ra các hình sắc. Khởi các vọng tưởng, duyên khởi, đã huyền thì vọng tưởng thành đối.

Như thế, Đại Huệ ! Y duyên khởi tự tánh, khởi vọng tưởng tự tánh, các thứ tâm vọng tưởng, các thứ tướng hành sự và tướng vọng tưởng, chấp trước tập khí vọng tưởng, ấy là tướng vọng tưởng tự tánh sanh. Đại Huệ ! Ấy gọi là Y Phật thuyết pháp.

Y duyên khởi này mà tánh vọng chấp hiện. Đây là chỉ lý do sanh vọng tưởng ở trước mắt. Song xét về ban đầu, trước y tập khí từ vô thủy, duyên khởi hiện ra. Nên nói là "các thứ tâm vọng tưởng, các thứ tướng hành sự, tướng vọng tưởng. Duyên khởi đã hiện lại hay dẫn phát tập khí, vọng tưởng tiếp nối. Cho nên nói "chấp trước tập khí vọng tưởng". Đâu biết tập khí thấy do bất giác, duyên khởi này liền đó vô sanh. Rõ cảnh duy tâm, vọng tưởng không chỗ gá, từ Báo Phật nói.

Đại Huệ ! Pháp Phật là tướng tâm tự tánh, tự giác cảnh giới sở duyên của thánh, dựng lập tạo tác.

Lìa tướng tâm tự tánh, là lìa tự tâm tương ưng với pháp tướng. Tướng tâm đã lìa thì giác

thể liên hiện, không chủ, không y, chẳng phải tâm chẳng phải cảnh. Chỗ ngôn ngữ suy nghĩ dứt bật, chỉ người chứng mới biết, đây là Pháp Phật nói vậy.

Đại Huệ ! Hóa Phật nói thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định và tâm trí huệ, là ấm giới nhập, giải thoát thức tướng, phân biệt quán sát dụng lập, vượt hẳn kiến chấp ngoại đạo và kiến chấp vô sắc.

Sáu pháp ba la mật dạy bảo Bồ tát, là ấm giới nhập được môn giải thoát, ắt là nói chung của tam thừa, đều phân biệt thức tướng, dụng lập tự thông, chẳng đồng với ngoại đạo nhận thức làm tâm, khởi chấp vô sắc giới về thức tướng.

Đại Huệ ! Lại Pháp thân Phật, là phan duyên, phan duyên là, tất cả tướng căn lượng sở tác diệt, chẳng phải các phạm phu Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo chấp trước ngã tướng và cảnh giới sở chấp. Tự giác thánh cứu cánh sai biệt tướng dụng lập. Thế nên, Đại Huệ ! Tự giác thánh cứu cánh sai biệt tướng, phải siêng tu học, tự tâm hiện kiến chấp nên phải trừ diệt.

Là phan duyên, là là sở phan duyên ; phan duyên là, là không có người là phan duyên.

Năng sở đã lìa, thì tất cả căn lượng sở tác thấy diệt. Đây là tướng tự tâm hiện lượng cứu cánh, chẳng đồng với phàm phu ngoại đạo cảnh giới ngã tướng chấp trước. Tự tâm hiện kiến, là tướng tự tâm hiện ra, dùng tâm kiến tâm thì giác biến thành cảnh. Đây là tướng ngã, nên nói sai biệt cần phải trừ diệt. Lại bảo Pháp thân Phật nói, tự thể hợp chơn, chẳng phải cảnh giới của Báo thân, Hóa thân Phật vậy.

E⁵ - BIỆN VỀ NHỊ THỪA TỰ GIÁC THÁNH SAI BIỆT.

Lại nữa, Đại Huệ ! Có hai hạng Thanh văn thừa chung phân biệt tướng. Nghĩa là được tướng tự giác thánh sai biệt, và tướng tánh vọng tướng tự tánh chấp trước. Thế nào là Thanh văn được tướng tự giác thánh sai biệt ? Nghĩa là đối cảnh giới vô thường, khổ, không, vô ngã được chơn đế lìa dục tịch diệt, dứt ấm, giới, nhập, tự tướng, cộng tướng, không hoại tướng bên ngoài mà biết như thật. Tâm được dùng lặng, tâm dùng lặng rồi được thiền định, giải thoát, tam muội, đạo quả chánh thọ giải thoát, chẳng lìa tập khí bất tư nghì biến dịch tử, được tự giác thánh lạc trụ Thanh văn. Ấy gọi là được tướng tự giác thánh sai biệt Thanh văn.

Đây là phân biệt hai hạng Thanh văn. Một, nhơn chỗ sở đắc mà tiến lên ; hai, chỉ pháp chấp kia mà chuyển, thấy vì Bồ tát răn dạy. Sở đắc là được tự giác thánh trí. Hàng Thanh văn này ban đầu quán khổ, không, vô ngã, trụ nơi chơn đế, do sức lìa đục vẩn lạng hay dứt ấm, giới, nhập, tự tướng, cộng tướng, chẳng hoại tướng bên ngoài mà biết như thật. Chẳng hoại tướng là, chơn như thật tướng của tất cả pháp. Biết như thật là, như thật tướng mà biết, không có thấy nghe khác, nên nói là chơn đế. Do tâm này được dừng lặng nên trụ cái vui thiền định giải thoát, bền thành sai biệt. Tập khí là, tập khí từ vô thủy. Tập khí này chưa lìa thì không thể liền đó đắm đang được tám thức. Vẫn nhờ thiền tịch mà đối thô thành diệu, ngoài tâm còn pháp chưa quên. Nhị thừa không thấy Phật tánh. Bồ tát Thập trụ thấy Phật tánh một ít phần. Nghĩa là nhị thừa định nhiều huệ ít, tuy được tự giác thánh trí mà không biết trí thể vốn lặng, vọng thấy cái vui lặng lẽ. Bị cái lặng lẽ làm chướng, nên nói chẳng thấy. Bồ tát Thập trụ huệ nhiều định ít, bởi ban đầu thấy tự giác thánh trí, trí tướng minh liễu, nơi trí thể vốn lặng lẽ chưa được tròn suốt, nên nói thấy ít phần. Chẳng phải nói ngoài thánh trí, lại phải nhờ thiền tịch dùng để quân bình. Song đây là thông hay biệt ? Nếu đứng về Hoa Nghiêm Viên

tông thì vị đầu trong Thập trụ, cùng Phật không khác, nên lý ung thấy rõ ràng. Đây là chỗ sai biệt vì tế phải nên xét kỹ. Văn sau thiết tha răn Bồ tát chớ trụ cái vui tự giác thánh trí của Thanh văn, chính nói ý này vậy.

Đại Huệ ! Đại Bồ Tát được tự giác thánh sai biệt lạc trụ, chẳng phải diệt môn lạc. Chính khi thọ lạc vẫn đoái hoài thương xót chúng sanh và nhớ bản nguyện, không khởi chúng. Đại Huệ ! Ấy gọi là Thanh văn được tự giác thánh sai biệt tướng lạc, Đại Bồ Tát đối với kia được tự giác thánh sai biệt tướng lạc, chẳng nên tu học.

Đây là Thanh văn tự giác sai biệt tướng tất cả tịch lạc, Bồ tát cũng có, song do bản nguyện phát khởi mà không thủ chúng. Phật răn Bồ tát chẳng nên tu học, là vì Bồ tát nhập tự giác sai biệt tướng lạc, dễ bị chìm lịm nơi ấy.

Đại Huệ ! Thế nào là Thanh văn tướng tánh vọng tướng tự tánh chấp trước ? Nghĩa là đại chủng xanh vàng đỏ trắng, cứng uớt ẩm động, chẳng phải tạo tác mà sanh, tự tướng cộng tướng, tiên thắng (Phật) khéo nói. Thấy rồi, nơi kia khởi tự tánh vọng tướng. Đại Bồ Tát đối với kia nên biết nên xả, tùy nhập pháp vô ngã tướng, diệt nhưn

vô ngã tướng và kiến, thứ lớp các địa tiếp nối dựng lập. Ấy gọi là các Thanh văn tướng tánh vọng tướng tự tánh chấp trước.

Tánh vọng tướng tự tánh chấp trước là, chấp có pháp tự tánh mà khởi chấp trước. Thanh văn tuy biết đại chúng xanh vàng đỏ trắng các pháp, chẳng phải có tác giả, không đồng với ngoại đạo tà kiến. Nhưng thấy Phật trước phân biệt các pháp tự tướng cộng tướng, tất cả kinh điển nói cho là thật có, bèn thành pháp chấp. Cho nên Bồ tát đối chỗ này phải lìa như vô ngã tướng vào pháp vô ngã, thứ lớp tiến lên các địa.

E⁶ - BIỆN ĐẠT ĐƯỢC THÁNH TRÍ THƯỜNG BẤT TƯ NGHÌ.

**Khi ấy, đại Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật :
Thế Tôn ! Thế Tôn nói cảnh giới thường bất
tư nghĩ tự giác thánh thú và cảnh giới đệ
nhất nghĩa. Thế Tôn ! Chẳng phải các ngoại
đạo nói như duyên thường bất tư nghĩ ư ?**

Đây là đem tự giác thánh thú đệ nhất nghĩa thường bất tư nghĩ, cùng với ngoại đạo thường bất tư nghĩ có tác giả, muốn Phật giải thích sự sai biệt của hai bên.

**Phật bảo Đại Huệ ! Chẳng phải ngoại đạo
có như duyên mà được thường bất tư nghĩ.**

Vì có sao ? Vì ngoại đạo thường bắt tu nghị không nhưn tự tướng thành. Nếu thường bắt tu nghị không nhưn tự tướng thành thì nhưn đâu hiển bày thường bắt tu nghị ? Lại nữa, Đại Huệ ! Bắt tu nghị nếu nhưn tự tướng thành thì tất phải thường. Bởi vì tác giả làm nhưn tướng nên thường bắt tu nghị chẳng thành.

Như Lai bắt tu nghị nhưn tự tướng thành, cho nên thường. Tự tướng là tự tâm hiện lượng. Tự tâm hiện lượng này, tuy ở vị mê mà vẫn chẳng đoạn, chỉ vì khách trần che lấp, tạm thời bất giác, nếu giác tức là thường trụ. Chẳng đồng tác giả do vọng chấp mà có. Đây là không phải thật nhưn không có chỗ hiển bày, cho nên thường bắt tu nghị chẳng thành.

Đại Huệ ! Đệ nhất nghĩa thường bắt tu nghị của ta, đệ nhất nghĩa nhưn tướng thành, là tánh phi tánh, được tự giác tướng, nên có tướng. Đệ nhất nghĩa trí nhưn, nên có nhưn. Vì là tánh phi tánh, thí như vô tác hu không, niết bàn, diệt tận, nên thường. Như thế Đại Huệ ! Chẳng đồng với luận thường bắt tu nghị của ngoại đạo. Như thế, Đại Huệ ! Thường bắt tu nghị này chu Như Lai tự giác thánh trí nhận được. Như thế, nên

thường bất tư nghi tự giác thánh trí nhận được, nên phải tu học.

Đây là hiển bày đệ nhất nghĩa nhơn tướng để thấy khác với ngoại đạo. Là tánh phi tánh là, là tướng có và không. Được tự giác tướng, tự giác là bản giác, tướng là thể tướng. Cho nên có tướng là, bản giác này thật có thể tướng, chẳng phải là hư vọng. Đệ nhất nghĩa trí, tức là trí thủy giác. Do bản giác có thủy giác, do thủy giác biết bản giác, bản giác và thủy giác hiệp một, che trùm tương ưng, lấy đó làm nhơn, là đệ nhất nghĩa trí nhơn, là tất cả lỗi có, không... Như ba thứ vô vi là pháp chơn tịch diệt, không có hý luận, nên lấy đó làm thí dụ. Thường bất tư nghi này chẳng đồng với ngoại đạo. Chư Như Lai tự giác thánh trí nhận được, nên phải tu học.

Lại nữa, Đại Huệ ! Thường bất tư nghi của ngoại đạo là vô thường tánh, vì dị tướng nhơn ; chẳng phải súc tự tác nhơn tướng, nên thường. Lại nữa, Đại Huệ ! Thường bất tư nghi của các ngoại đạo, đối sở tác tánh phi tánh vô thường, thấy rồi suy nghĩ chấp là thường.

Đây nói ra thường bất tư nghi của ngoại đạo là vọng tưởng chấp. Nghĩa là thường bất tư nghi của ngoại đạo là vô thường dị tướng mà chấp là

thường, chẳng phải có tự tánh nói là thường. Sao nói vô thường dị tướng chấp là thường ? Bởi vì ngoại đạo thấy tất cả việc làm ra thuộc hai tướng có, không vô thường rồi, liền nơi đây tạo ra cảnh giới bất tu nghi suy nghĩ chấp là thường. Đây là vọng tướng nhơn, chẳng phải chơn nhơn.

Đại Huệ ! Ta cũng dùng nhơn duyên như thế, việc làm ra tánh phi tánh vô thường, thấy rồi tự giác cảnh giới thánh, nói kia thường không nhơn. **Đại Huệ !** Nếu các ngoại đạo nhơn tướng thành thường bất tu nghi, nhơn tự tướng là tánh phi tánh đồng với sùng thổ. Thường bất tu nghi này chỉ là ngôn thuyết vọng tưởng. Các bọn ngoại đạo có lỗi như thế. Vì có sao ? Vì chỉ có ngôn thuyết vọng tưởng đồng với sùng thổ, tự nhơn tướng chẳng có phần.

Như Lai cũng đối với việc làm ra hai tướng có, không, thấy vô thường rồi, nhưng chẳng ở nơi đây khởi chấp thường bất tu nghi. Vì có tự giác cảnh giới thánh, vượt ngoài suy nghĩ ngôn thuyết, nên nói kia thường vô nhơn. Ngoại đạo chấp thường tự tướng chẳng thật, đồng với sùng thổ, chỉ có ngôn thuyết, nên nói tự nhơn tướng chẳng có phần. Nghĩa là Như Lai tự giác nhơn tướng, chẳng phải họ có phần.

Đại Huệ ! Thường bất tư nghĩ của ta vì nhơn tự giác được tướng, là tánh sở tác và phi tánh, nên thường ; chẳng phải ngoại đạo tánh phi tánh vô thường suy nghĩ chấp là thường. Đại Huệ ! Nếu ngoại đạo tánh phi tánh vô thường mà suy nghĩ chấp là thường, họ không biết được tướng thường bất tư nghĩ tự nhơn. Họ cùng cảnh giới tự giác thánh trí cách xa nhau, nên không ung nói.

Đây lại nói rõ Như Lai thường bất tư nghĩ do tự giác thánh trí làm nhơn, chẳng phải dùng việc làm ra bên ngoài hai tướng có không vô thường chấp thường làm nhơn. Ngoại đạo chẳng biết nhơn tướng tự giác, nên chẳng ngay nơi tướng tự giác ở trong tự chứng nhận, mà chấp trước nhơn bên ngoài, đây là lý do cách nhau rất xa.

E⁷ - BIỆN NHỊ THỪA BỎ VỌNG CẦU CHƠN.

Lại nữa, Đại Huệ ! Các Thanh văn sợ sanh tử vọng tưởng khổ mà cầu niết bàn. Chẳng biết sanh tử niết bàn sai biệt tất cả tánh, vọng tưởng phi tánh. Sau rồi cảnh giới các căn thôi dứt, khởi tướng niết bàn. Chẳng phải nơi tự giác thánh trí thú, tàng thức chuyển. Thế nên phàm ngu nói có ba thừa, nói tâm lượng thú hướng không thật có. Thế nên, Đại Huệ ! Kia chẳng biết quá khứ vị lai

hiện tại đều là cảnh giới tự tâm hiện của chu Như Lai, chấp trước cảnh giới ngoài tâm hiện, vòng sanh tử thường xoay.

Đây lại do Thanh văn chấp có Niết bàn, để rõ những cái thấy ngoài tâm đều là vọng tưởng. Thanh văn sợ sanh tử vọng tưởng mà cầu Niết bàn, chẳng biết sanh tử Niết bàn tánh nó không hai. Thấy có sai biệt, đều là vọng tưởng chấp, chẳng phải thật tánh. Nghĩa là rõ tam giới sanh non, căn cảnh vị lai thô dút, khởi tưởng niết bàn. Chẳng phải chứng đến chỗ tự giác thánh trí, chuyển tàng thức làm niết bàn. Đây là phạm ngu chỉ nói ba thừa mà chẳng nói duy tâm tịch diệt. Chẳng biết quá khứ vị lai hiện tại đều là Như Lai tự tâm hiện ra, cho là có cảnh giới ngoài tâm, vọng sanh thủ xả, vẫn thuộc luân chuyển sanh tử.

Lại nữa, Đại Huệ ! Tất cả pháp chẳng sanh, là quá khứ vị lai hiện tại chu Phật nói ra. Vì có sao ? Vì tự tâm hiện tánh phi tánh, là hữu phi hữu mà sanh. Đại Huệ ! Tất cả tánh chẳng sanh, tất cả pháp như sừng thỏ, ngựa v.v... vì phạm phu ngu si chẳng giác tự tánh vọng tưởng nên vọng tưởng. Đại Huệ ! Tất cả pháp chẳng sanh, cảnh giới tự giác thánh trí thú, tất cả tánh tự tánh tướng

chẳng sanh. Chẳng phải hai cảnh giới của ngu phu kia, tự tánh thân tài dụng lập thú tự tánh tướng. Đại Huệ ! Tàng thức tướng năng nhiếp sở nhiếp chuyển. Ngu phu rơi vào hai kiến chấp sanh, trụ, diệt, hy vọng tất cả tánh sanh, hữu và phi hữu vọng tướng sanh, chẳng phải thánh hiền... Đại Huệ ! Đối với kia nên phải tu học.

Lại nêu lên tất cả pháp chẳng sanh để chỉ bày yếu chỉ tự giác cùng tột. Đây là ba đời chư Phật nói ra. Pháp do tâm hiện nên pháp không tự tánh. Pháp không tự tánh thì không rơi vào có, không. Chẳng rơi vào có, không thì sanh tánh trước mắt ví như sừng thỏ. Chỉ theo vọng tưởng nên tất cả tánh có. Nếu theo tự giác thì tất cả pháp không. Y nơi căn thân (chúng sanh) khí giới (thế giới) mà khởi hy vọng năng sở hữu vô, đều là ngu phu chấp, chẳng phải thánh hiền. Mới biết theo tàng thức trôi lăn thì có không trong mộng rõ ràng. Đạt cảnh giới thánh trí thì năng sở trong gương liền không. Cởi quần mê nơi tự giác, hội muôn pháp về nơi tự tâm. Cho nên hay lìa được tự tánh lông rùa, dứt sanh nhơn của sừng thỏ. Đây là chỗ phạm thánh phân chia, do giác mê mà khu biệt.

**E⁸ - CHỈ RA CHỨNG TÁNH VỌNG TƯỚNG
TRÍ, NHƯ SAI BIỆT.**

Lại nữa, Đại huệ ! Có năm vô gián chủng tánh. Thế nào là năm ? Nghĩa là Thanh văn thừa vô gián chủng tánh, Duyên giác thừa vô gián chủng tánh, Như Lai thừa vô gián chủng tánh, bất định chủng tánh, các biệt chủng tánh.

Dụng lập chủng tánh để tột chỗ sai biệt của thánh trí, đều có thể chuyển làm cứu cánh. Vô gián là pháp tánh không gián đoạn, mà chủng tử và hiện hạnh mỗi loại có khác. Do chủng tử vô thủy vô chung cùng hiện hạnh tạo tập mà thành chủng tử. Chủng là chủng loại, một loại có đồng và biệt. Tánh là giúp cho tánh, y nơi chủng mà trụ, nên nói "tập dữ tánh thành". Năm chủng tuy khác mà đồng một pháp tánh. Kinh Niết Bàn nói "Xiển đề đều có Phật tánh, nếu hay phát lòng tin thì không gọi là xiển đề".

Thế nào là Thanh văn thừa vô gián chủng tánh ? Nếu khi nghe nói được ấm giới nhập tự tánh cộng tướng đoạn liên biết, toàn thân lông dựng lên, an ổn vui mừng và ưa tu tướng trí, chẳng tu tướng duyên khởi phát ngộ, ấy gọi là Thanh văn thừa vô gián chủng tánh. Thanh văn vô gián thấy đệ bát địa,

khởi phiền não đã dứt, còn tập phiền não chưa dứt, không qua khỏi được bất tu nghi biến dịch tử, đã qua phần đoạn tử. Khi ấy như sư tử rống nói "Ta sanh đã hết, phạm hạnh đã xong, chẳng thọ thân sau, biết như thật, tu tập nhơn vô ngã, cho đến được giác, nhập niết bàn".

Đoạn liên biết là, đoạn ấm giới nhập tự tướng cộng tướng liền được chứng biết. Ưa tu tập tướng trí là, nơi tướng thế gian tu trí giải thoát, nơi tướng xuất thế gian tu trí thiền định. Duyên khởi phát ngộ là, quán duyên khởi vô sanh mà ngộ. Vô gián Thanh văn thấy đệ bát địa, Kinh Hoa Nghiêm nói "Bát địa chứng ngã không chơn như, chẳng khởi diệt định, mười phương Như Lai đồng âm khuyến phát, bảo : "Tam muội của ông nhị thừa cũng được". Cho nên vô gián Thanh văn thấy chỗ chứng của mình đồng với đây vậy. Khởi phiền não là, hiện hạnh. Tập phiền não là, chủng tử. Nhị thừa đoạn hiện hạnh mà chẳng đoạn chủng tử. Qua phần đoạn tử, chưa qua biến dịch tử. Nhơn vô ngã là, nhơn tướng của nhị thừa. Nhập niết bàn là, quả tướng của nhị thừa.

Đại Huệ ! Các biệt vô gián là, ngã nhơn chúng sanh thọ mạng trường dưỡng sĩ phu. Các chúng sanh kia khởi giác như thế cầu

vào niết bàn. Lại có ngoại đạo khác nói thấy do tác giả, thấy tất cả tánh rồi, nói đây là vào niết bàn. Khởi giác như thế, đối với pháp vô ngã thấy họ vô phần, họ không có giải thoát. Đại Huệ ! Đây là chu Thanh văn thừa vô gián ngoại đạo chủng tánh, chẳng xuất mà tưởng là xuất. Vì chuyển ác kiến cho những người này nên phải tu học.

Các biệt này tức ở sau nói nhất xiển đề. Hiểu biết ngã hơn thọ mạng v.v... là, nhận tướng ngã trong năm uẩn. Tác giả là, riêng có tác giả làm sanh hơn, tức là dị hơn. Ngoại đạo này chẳng biết duy tâm, vọng cho có cảnh bị biết. Phàm ngoài tâm mà thấy có niết bàn thì cùng chánh pháp xa nhau, đều gọi là xiển đề, đối với pháp vô ngã họ không phân. Thế nên biết, Thanh văn cùng ngoại đạo đều chẳng phải giải thoát mà khởi tưởng giải thoát. Cho nên nói chẳng xuất mà tưởng là xuất. Cần chuyển tà kiến kia nên phải tu học.

Đại Huệ ! Duyên giác thừa vô gián chủng tánh, nếu nghe nói mỗi cái duyên khác vô gián, toàn thân lông dựng lên, roi lệ dầm dề, duyên chẳng gần nhau, có chỗ chẳng chấp các thú tự thân, các thú thân thông, hoặc ly hoặc hiệp, các thú biến hóa. Khi nghe nói lời

ấy, tâm họ tùy nhập. Nếu biết họ là Duyên giác thừa vô gián chủng tánh rồi, tùy thuận vì họ nói Duyên giác thừa. Ấy gọi là tướng Duyên giác thừa vô gián chủng tánh.

Duyên giác quán 12 nhơn duyên mà được đạo. Mười hai nhơn duyên ba đời xoay quanh, nên nói vô gián. Duyên chẳng gần nhau có chỗ chẳng chấp, đây nói họ tin chắc rất thâm thiết. Duyên giác độ sanh phần nhiều dùng sức thần thông, chẳng dùng lời nói. Đây là đối trị cảnh giới chúng sanh, mà chẳng phải chính là cảnh giới chúng sanh, lấy làm cảnh giới bất tư nghì, đó là lý do cùng Đại thừa sai biệt.

Đại Huệ ! Như Lai thừa vô gián chủng tánh kia có bốn thứ : 1) Tự tánh pháp vô gián chủng tánh, 2) Ly tự tánh pháp vô gián chủng tánh, 3) Đắc tự giác thánh vô gián chủng tánh, 4) Ngoại sát thù thắng vô gián chủng tánh. **Đại Huệ !** Nếu người nghe bốn việc này, khi nói mỗi thứ, và khi nói tự tâm hiện thân tài kiến lập cảnh giới bất tư nghì, tâm không kinh sợ, ấy gọi là tướng Như Lai thừa vô gián chủng tánh.

Tự tánh pháp là, pháp thân Như Lai. Ly tự tánh pháp là, giải thoát Như Lai. Tự giác tánh là, bát nhã trí Như Lai. Ngoại sát thù thắng là,

hóa thân ; có đại hóa và tùy loại hóa, mỗi thứ có hiện cõi nước. Như Lai tự giác thánh trí chứng được, thấy tự tâm hiện ra tất cả chúng sanh thế giới, lìa ngôn ngữ và suy nghĩ, bất khả tư nghì, nghe lời này mà chẳng sanh kinh sợ thì biết kẻ ấy là pháp khí Phật thừa.

Đại Huệ ! Bất định chủng tánh là, khi nói ba chủng tánh kia, tùy nghe nói mà vào, tùy kia mà thành. Đại Huệ ! Đây là sơ trụ địa, là chủng tánh kiến lập, vì tiến lên vào vô sở hữu địa, tạo ra kiến lập ấy. Kia tự giác tàng, tự phiền não tập sạch, thấy pháp vô ngã, được tam muội ưa trụ Thanh văn, sẽ được thân tối thắng Như Lai.

Bất định là, trước kia không có chủng tập các thừa, cho nên hay tùy nói mà vào. Nói chủng tánh sai biệt vốn vì người mới vào Bồ tát địa, khuyên họ tiến lên cứu cánh, chẳng để họ rơi vào quyền tiểu, mà lại khuyến dụ quyền tiểu phát tâm Đại thừa. Chẳng phải bảo chủng tánh quyết không thể dời đổi vậy. Tàng tức là tàng thức. Nghĩa là hay chứng biết thức thứ tám là Như Lai tàng thì, khi phiền não tập kia được sạch tự nhiên thấy được pháp vô ngã, tuy ưa trụ tam muội của Thanh văn, đều có thể được thân tối thắng Như Lai.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ :

Quả Tu đà bàn na	Vãng lai và bất hoàn
Đến được A la hán	Ấy thầy tâm hoặc loạn.

Tu đà bàn na dịch là nhập lưu, sơ quả mới vào dòng thánh. Vãng lai là nhị quả, tứ hoặc chưa hết lại phải một phen qua cõi trời, một lần trở lại nhơn gian mới vào niết bàn. Bất hoàn là tam quả, chín phẩm tứ hoặc đã hết, lại chẳng trở lại dục giới. A la hán dịch là Vô học, là quả thứ tư, bốn trí đã tròn không còn pháp gì phải học. Những vị này đều sợ sanh tử khổ mà cầu niết bàn, ái tập chưa hết nên nói là hoặc loạn.

Tam thừa cùng nhất thừa	Phi thừa ta đã nói
Ngu phu ít trí huệ	Chư thánh xa lìa tịch.

Tam thừa là, Thanh văn, Duyên giác, bất định. Nhất thừa là, Như Lai thừa. Phi thừa là, các biệt, thầy vì ngu phu ít trí. Chư thánh lìa tịch muốn kia chóng xả sai biệt vậy.

Pháp môn đệ nhất nghĩa	Xa lìa nơi nhị giáo
Trụ nơi vô sở hữu	Sao dựng lập ba thừa ?

Pháp đệ nhất nghĩa, duy một chơn thật không có hai và ba. Tức nơi tự tánh không sự, nên nói trụ nơi vô sở hữu.

Chư thiên vô lượng thấy Vô sắc tam ma đế
Thọ tướng đều tịch diệt Cũng không có tâm
lượng.

Chư thiên là tứ thiên. Vô lượng là tứ vô lượng tâm. Vô sắc là vô sắc định. Tam ma đế là đẳng trì tam muội. Diệt thọ tướng là vô tướng cùng diệt tận định. Đây riêng bày duy tâm, nên nói tất cả đều không.

**E⁹- CHỈ VỌNG TƯỚNG, TRÍ, NHƯ BÌNH ĐẲNG
 ĐỂ HIỂN BÀY XIỂN ĐỀ PHẬT TÁNH
 CHẴNG ĐOẠN.**

Đại Huệ ! Nhất xiển đề kia, phi nhất xiển đề, thế gian giải thoát ai chuyển ? Đại Huệ ! Nhất xiển đề có hai thứ : 1) Bỏ tất cả thiện căn và nơi vô thủy chúng sanh phát nguyện. Thế nào bỏ tất cả thiện căn ? Nghĩa là chê bai Bồ Tát tạng và nói lời ác : "Đây không phải nói theo kinh điển giải thoát" vì bỏ tất cả thiện căn nên không được vào niết bàn.

Xiển đề này tức là các biệt chủng tánh ở trước. Nói xiển đề mà kèm nói Bồ tát phương tiện, là khiến biết Bồ tát thương xót chúng sanh tùy loại mà hiện để nhiếp hóa người đồng sự. Thế gian giải thoát ai chuyển, là không có niết bàn. Đây là chỉ chung cho hai thứ, căn cứ theo duy tâm mà nói, nên đều có thể nói : phi nhất

xiển đề. Nếu phân biệt hai thứ thì bỏ tất cả thiện căn là không tin tự tâm. Chê bai Bồ tát tạng là trái với thành niết bàn. Thương xót chúng sanh phát nguyện chẳng nhập, là vì thâm đạt tự tâm chớ không phải không tánh niết bàn, chẳng khá nói lẫn lộn.

2) Bồ Tát vì tự nguyện phương tiện xua, chẳng phải chẳng vào niết bàn, vì tất cả chúng sanh mà vào niết bàn. Đại Huệ ! Kia vào niết bàn, ấy gọi là chẳng vào pháp tướng niết bàn. Đây cũng đến cội nhất xiển đề.

Đây là thương xót chúng sanh chẳng vào niết bàn, vì tự nguyện phương tiện. Chẳng phải chẳng vào niết bàn, là thấy chúng sanh đã vào niết bàn, vì không giác biết luống chịu luân chuyển. Vì thương xót họ mà chẳng khởi chúng, ấy cũng đến cội nhất xiển đề.

Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Trong đây vì sao cứu cánh chẳng vào niết bàn ? Phật bảo Đại Huệ ! Bồ Tát nhất xiển đề, biết tất cả pháp xưa nay đã vào niết bàn cứu cánh chẳng vào niết bàn, mà chẳng phải như nhất xiển đề bỏ tất cả thiện căn. Đại Huệ ! Nhất xiển đề bỏ tất cả thiện căn, lại nhờ thần lực Như Lai, có khi thiện căn sanh. Vì có sao ? Vì

Như Lai chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Vì lẽ đó, Bồ Tát nhất xiển để chẳng vào niết bàn.

Tất cả pháp xưa nay đã niết bàn cứu cánh chẳng vào niết bàn là, các pháp như như, không có tướng mình người, không có tướng ngôn thuyết. Chúng tự giác thánh thú là, thấy tự tâm hiện ra thân tài kiến lập, thấy là cảnh giới bất khả tư nghì. Nhưng cảnh giới này mỗi người đầy đủ, chỉ do bất giác không thể chúng biết, bèn thành thế đế lưu bố. Cho nên nhất xiển để bỏ tất cả thiện căn, do thần lực Như Lai có khi thiện căn sanh. Đây tuy là bốn nguyên của Như Lai, cũng do Phật tánh chẳng dứt, trong ngoài huân phát, thật có như duyên. Bồ tát xiển để do đó chẳng vào niết bàn.

D²) Nói về ba tự tánh.

Lại nữa, Đại Huệ ! Đại Bồ Tát phải rành về ba tự tánh. Thế nào là ba tự tánh ? Nghĩa là vọng tưởng tự tánh, duyên khởi tự tánh, thành tự tánh.

Đây là đáp câu hỏi về ba tự tánh. Tự tánh cũng nói là thể tánh. Khéo biết ba thứ thể tánh, liền hay từ duyên khởi đạt được biến kế, trở về viên thành, chỉ một sát na.

Dại Huệ ! Vọng tướng tự tánh từ tướng sanh. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Tại sao vọng tướng tự tánh từ tướng sanh ? Phật bảo Đại Huệ ! Tướng duyên khởi tự tánh sự tướng, tướng hành hiển hiện sự tướng, chấp trước có hai thứ vọng tướng tự tánh. Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác kiến lập : danh tướng chấp trước tướng, sự tướng chấp trước tướng. Danh tướng chấp trước tướng là, nói chấp trước các pháp trong ngoài. Sự tướng chấp trước tướng tức là, kia chấp trước tự tướng cộng tướng trong ngoài như thế. Ấy gọi là hai thứ tướng vọng tướng tự tánh. Hoặc y hoặc duyên sanh, ấy là duyên khởi.

Vọng tướng tự tánh từ tướng sanh. Tướng này là hai thứ tướng duyên khởi, tức là danh tướng của năm pháp. Tự tánh sự là danh. Hành hiển sự là tướng. Như nhơn bình được tên bình, nhơn trong bình trống chứa nước được tướng cái bình. Do đây khởi chấp trước tên bình tướng bình, hai thứ vọng tướng. Ấy gọi là hai thứ vọng tướng tự tánh tướng. Pháp trong ngoài, tức là trong uẩn và ngoài uẩn tất cả căn trần, nên nói chấp danh. Pháp tự tướng cộng tướng trong ngoài, gọi là chấp tướng. Đâu biết chấp trước chưa sanh, danh tướng do ai lập ? Suy hai tướng

duyên khởi không nhon, ngộ tự tánh vọng tưởng là do chấp thì đạt được như như, thành tựu trí viên thành nào đợi gì khác.

Thế nào là thành tự tánh ? Nghĩa là lìa vọng tưởng danh, tướng và sự tướng, thánh trí đã được và tự giác thánh trí thú cảnh giới sở hành. Ấy gọi là thành tự tánh Như Lai tàng tâm.

Đây nói thành tự tánh, cũng chẳng vượt ngoài đạt được danh tướng là như như, rõ vọng tưởng là chánh trí. Thánh trí đã được là chánh trí. Tự giác thánh trí thú cảnh giới sở hành là như như. Nghĩa là lìa danh tướng vọng tưởng, do trí nhập như, bản giác thủy giác hiệp một, ấy gọi là thành tự tánh Như Lai tàng tâm.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng :

Danh tướng giác tướng	Tự tánh hai tướng
Chánh trí như như	Ấy là thành tướng.

Đại Huệ ! Ấy gọi là quán sát ngũ pháp tự tánh tướng kinh, tự giác thánh trí đến cảnh giới sở hành. Các ông những Đại Bồ Tát nên phải tu học.

Nhon quán sát năm pháp mà được cảnh giới thật tướng của ba tự tánh. Đây phi tự giác thánh

trí không thể chứng biết, viên thành hạnh kia. Đây là chỗ thánh lạc hạnh. Bồ Tát phải nên tu học.

D³) Nói về hai vô ngã, có bốn :

E¹ - NÓI VỀ NHON VÔ NGÃ.

Lại nữa, Đại Huệ ! Đại Bồ Tát phải khéo quán hai thứ tướng vô ngã. Thế nào là hai tướng vô ngã ? Là nhơn vô ngã và pháp vô ngã. Thế nào là nhơn vô ngã ? Là lìa ngã và ngã sở, ấm giới nhập hợp, vô minh nghiệp ái sanh. Nhân sắc v.v... nhiếp thọ chấp trước sanh thức, tất cả các căn tự tâm hiện. Thế giới chúng sanh là tướng tự vọng tướng của tàng thức thành lập hiển bày. Như dòng sông, như chủng tử, như đèn, như gió, như mây, sát na lần lượt hoại. Tho động như khi vượn, ưa chỗ bất tịnh như ruồi lẩn, không nhàm chán như gió thổi lửa. Nhơn tập khí hư nguy tử vô thủy như bánh xe đạp nước. Sanh tử lăn lộn trong các cõi, thọ các thứ thân sắc. Như huyền thuật, thần chú, máy động hình đi. Khéo biết tướng kia gọi là nhơn vô ngã.

Đây là đáp câu hỏi về nhơn vô ngã. Bởi chấp ấm giới nhập hợp thật có ngã sở, thành tướng nhơn ngã. Nếu lìa ngã và ngã sở thì ấm giới nhập

liền đó không như (người). Vô minh nghiệp ái sanh, đây là nói chỗ sanh khởi ban đầu của ấm giới nhập. Bèn có nhân v.v... các thức, nhiếp thọ tất cả sắc v.v... Song tất cả chúng sanh thế giới đều tự tâm hiện, do tàng thức hư vọng lập bày, chẳng có thật thể. Dòng sông v.v... năm dụ để nói sát na biến hoại. Khỉ vượn... ba dụ để nói mê lầm cuồng vọng. Do cái hư vọng từ vô thủy này mà luân chuyển sanh tử, như bánh xe đạp nước xoay vần chẳng dừng. Lại nói thân sắc như huyễn thuật, thân chú, máy động hình đi, là nói trong thân năm uẩn thật không có chủ thể. Nhị thừa tuy biết là ngã ngã sở chứng như vô ngã, mà chẳng biết do tàng thức lập bày, đều là tự tâm hiện, nên không thể ngay đây mà phát minh cảnh giới bất tư nghi. Như vô ngã này chính là đệ nhất nghĩa trí nhận được.

E². - NÓI VỀ PHÁP VÔ NGÃ.

Thế nào là pháp vô ngã trí ? Nghĩa là giác ấm giới nhập tướng vọng tướng tự tánh. Như ấm giới nhập là ngã và ngã sở. Ấm giới nhập chứa nhóm, như nghiệp ái ràng buộc, lần lượt duyên nhau sanh, không diêu động, các pháp cũng vậy. Là tướng vọng tướng, sức vọng tướng tự tướng cộng tướng chẳng thật. Đây là phàm phu sanh, chẳng phải

thánh hiền. Vì tâm ý ý thức năm pháp ba tụ tánh là. Đại Huệ ! Đại Bồ tát phải khéo phân biệt tất cả pháp vô ngã.

Pháp ấm giới nhập vốn không tụ tánh, do tướng vọng tưởng mà làm tụ tánh. Chính nơi đây giác biết liền là ngã sở. Đã có vô minh phát nghiệp, ái thủ tiếp nối, lần lượt duyên sanh mà lý bản trụ (chơn tánh) vẫn không điều động. Mới biết tất cả các pháp tụ tướng cộng tướng đều là. Bởi do vọng tưởng hư vọng thấy có tướng làm tăng trưởng sức vọng, phàm phu mê chấp chẳng đạt được nguồn cội pháp. Chơn như không tánh, tâm pháp đồng nguồn, bờ cội vọng phân không thể gạn cùng. Nếu đạt vọng tưởng do nơi bất giác, mới rõ muôn pháp cứu cánh như như. Tâm ý ý thức bất giác như không hoa dâu cần trừ dẹp. Năm pháp ba tánh như như, thể lặng lẽ nào nhọc chuyển biến. Phàm phu vọng có, Nhị thừa phân tích thành không, đều thành pháp chướng. Đây vẫn chẳng nói không ấm giới nhập, mà nói như ấm giới nhập. Về tụ tâm hiện lượng không thể dùng trí mà biết.

Khéo rành pháp vô ngã, Đại Bồ Tát chẳng bao lâu sẽ được sơ địa. Bồ Tát vô sở hữu quán tướng địa, quán sát khai giác hoan hỷ, thứ lớp tiến lên vượt đến tướng cửu địa,

được pháp vân địa. Nơi kia dựng lập vô lượng bảo trang nghiêm, hoa sen báu lớn, voi chúa, cung điện báu lớn, cảnh giới huyễn tự tánh do tu tập sanh. Ngồi nơi kia đồng một loại với các vị tối thắng tử, quyến thuộc vây quanh. Từ tất cả cõi Phật đến, Phật lấy tay làm phép quán đánh, như thái tử con vua chuyển luân làm phép quán đánh. Vượt địa vị Phật tử, đến tự giác thánh trí pháp thú, sẽ được pháp thân tự tại Như Lai, vì thấy pháp vô ngã. Ấy gọi là tướng pháp vô ngã, Đại Bồ Tát các ông phải nên tu học.

Vô sở hữu cùng hoan hỷ đều là tướng sơ địa. Pháp Vân là thập địa. Từ địa này hiện ra cõi nước đều là cảnh giới tự tánh huyễn, do vì tu sanh. Đến vượt Phật tử địa mới đến tự giác thánh thú. Nếu đạt tự tâm hiện thấy thân tài dựng lập đều là cảnh giới bất tư nghi. Chóng vào tự giác thánh thú liền vượt lên các địa, trong sát na chứng biết chẳng do thứ lớp, mới biết pháp chơn vô ngã.

E³ - CHỈ THIỆN PHÁP VÔ NGÃ, CÓ HAI :

G¹) LIA DỰNG LẬP PHỈ BẢNG.

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Tướng dựng lập phỉ bảng,

cúi mong Thế Tôn nói, khiến con và chư đại Bồ Tát lìa ác kiến hai bên dựng lập và phỉ báng, chóng được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Giác rồi, lìa kiến chấp thường là kiến lập, đoạn là phỉ báng, để không chệch bại chánh pháp.

Dựng lập và phỉ báng là hai kiến chấp có và không. Duy chánh pháp mới hay lìa nó. Song nhì thừa thấy ngoài tâm có pháp vẫn phải phá trừ. Ngoài uẩn biết chơn, còn chẳng khỏi xu hướng, hướng là ngoại đạo. Do đó, tự giác thánh trí xa lìa hai bên dạy bảo Bồ Tát, đây là nhơn chơn thật của bồ đề.

Thế Tôn nhận lời Bồ Tát Đại Huệ thỉnh rồi vì nói kệ :

Dựng lập và phỉ báng	Không có tâm lượng kia
Thân lộng dựng dựng lập	Và tâm không thể biết.
Ngu si không trí huệ	Dựng lập và phỉ báng.

Hai kiến chấp có không là ngoài tâm vọng chấp. Không có tâm lượng kia là, có không chẳng phải chỗ tốt, cấu thành tâm lượng. Muôn pháp như mộng, một phen mê sanh ra. Trong mộng chúng sanh và thế giới chẳng phải chỗ biết của tâm. Muốn đem sai biệt của việc mộng, toan nói

thật vẽ giác tâm thì nào khác vẽ hình dáng hư không, chỉ thêm ngu si.

Thế Tôn nói nghĩa của kệ này, muốn lập lại cho rõ ràng, bảo Đại Huệ ! Có bốn thứ chẳng phải có, mà có dựng lập. Thế nào là bốn ? Nghĩa là : Chẳng có tướng dựng lập, chẳng có kiến dựng lập, chẳng có nhơn dựng lập, chẳng có tánh dựng lập, ấy gọi là bốn thứ dựng lập. Lại phỉ báng là, đối với sở lập kia không có chỗ được, quán sát không nhận được, bèn khởi phỉ báng. Ấy gọi là tướng dựng lập phỉ báng.

Tự tâm hiện lượng vốn không tướng mà dựng lập tướng, vốn không kiến mà dựng lập kiến, vốn không nhơn mà dựng lập nhơn, vốn không tánh mà dựng lập tánh. Đây đều không biết tự tâm hiện lượng, cho nên chỗ dựng lập đều không có nghĩa thật. Bởi không có nghĩa thật bèn sanh phỉ báng thì không khác với dựng lập. Hai lối chấp này đối với tự tâm hiện lượng cách nhau quá xa.

Lại nữa, Đại Huệ ! Thế nào chẳng có tướng dựng lập tướng ? Nghĩa là : Ấm giới nhập chẳng có tự tướng cộng tướng mà khởi chấp trước, đây nhu thế, đây chẳng khác. Ấy gọi là chẳng có tướng dựng lập tướng. Chẳng có tướng mà dựng lập, đây là do lỗi

vọng tướng hu ngụy từ vô thủy, các thứ tập khí chấp trước mà sanh.

Từ đây về sau bày rõ vốn không tướng v.v... mà khởi chấp trước tướng v.v... Ấm giới nhập vốn không tự tướng cộng tướng mà khởi chấp trước tự tướng cộng tướng. Nên bảo "pháp ngã chấp cứng không buông", do đó chánh văn nói "đây như thế, đây chẳng khác". Song đều do mê Nhu Lai tạng mà có nghiệp tướng chuyển tướng các thứ hu ngụy. Lại chạy theo căn thức dẫn khởi các thứ tập khí. Đây là suy nguyên bởi do chấp trước mà sanh.

Đại Huệ ! Chẳng có kiến dụng lập tướng là, ấm giới nhập kia như thế chấp ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, trưởng dưỡng, sĩ phu dụng lập. Ấy gọi là chẳng phải có kiến dụng lập tướng. Đại Huệ ! Chẳng có nhơn dụng lập tướng là, thức ban đầu không nhơn sanh, sau chẳng thật như huyền vốn chẳng sanh nhân, sắc, minh, giới, niệm, trước sanh, sanh rồi, thật có rồi trở lại hoại. Ấy gọi là chẳng có nhơn dụng lập tướng.

Kiến tức là ngã kiến nơi ấm giới nhập, nên gọi là nhơn ngã. Thức ban đầu không nhơn sanh là, mê tạng làm thức, do đó có nghiệp tướng chuyển tướng, đều là việc trong mê, in tướng

sinh mà chẳng có nhơn sanh. Đã in tuồng tức chẳng thật như huyễn, là vốn chẳng sanh. Do nhơn, thức, sắc, minh in tuồng sanh tiếp nối, nối rồi lại dứt. Nói tóm lại, chẳng có nhơn vọng chấp làm nhơn, mà khởi ra dụng lập.

Dại Huệ ! Chẳng có tánh dụng lập tướng là, hư không, diệt tận, bát niết bàn, chẳng phải làm ra, chấp trước tánh dụng lập. Những thứ này là tánh phi tánh. Tất cả pháp như sùng thỏ, ngựa v.v... như thấy tóc rũ, là có và chẳng phải có. Ấy gọi là chẳng có tánh dụng lập tướng. Dụng lập và phi báng là ngu phu vọng tưởng, chẳng khéo quán sát tự tâm hiện lượng, không phải thánh hiền. Thế nên là ác kiến dụng lập phi báng, nên phải tu học.

Hư không diệt tận niết bàn chẳng phải tánh làm ra, vọng chấp tánh làm ra, ấy là chẳng có tánh dụng lập. Là tánh phi tánh là, là có và không. Đã chẳng phải tánh làm ra tức là là có ; không cũng do đối đãi với có, nên là có tức là là chẳng phải có (không). Xét kỹ mà nói thì tất cả pháp đều là có và không, như sùng thỏ, ngựa, như thấy tóc rũ. Cho nên biết, dụng lập phi báng đều là vọng chấp của ngu phu. Chẳng phải người

khéo quán sát tự tâm hiện lượng, không thể thâm đạt được thật tướng, nên cần phải tu học.

G²) TIẾN ĐẾN CỨU CÁNH ĐỘ THOÁT.

Lại nữa, Đại Huệ ! Đại Bồ Tát khéo biết tướng tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã, tiến đến cứu cánh. Vì an chúng sanh nên hiện các thứ hình loại, như chỗ vọng tưởng tự tánh, y nơi duyên khởi. Thí như các sắc hiện trong bảo châu như ý, Bồ Tát khắp hiện ở tất cả cõi nước chư Phật, tất cả Như Lai có đại chúng nhóm họp, thấy đều ở trong ấy nghe nhận Phật pháp. Nên nói tất cả pháp như huyễn, như mộng, bóng trong nắng, trăng đáy nước, nơi tất cả pháp là sanh, diệt, đoạn, thường và là pháp Thanh văn, Duyên giác, được trăm ngàn tam muội, cho đến trăm ngàn ức na do tha tam muội. Được tam muội rồi, dạo đi đến cõi nước chư Phật, cúng dường chư Phật, sanh trong các thiên cung để tuyên dương Tam bảo. Thí hiện thân Phật có Thanh văn, Bồ Tát vây quanh, dùng tự tâm hiện lượng độ thoát chúng sanh, phân biệt diễn nói ngoại tánh là không tánh, thấy khiến xa lìa kiến chấp có, không v.v...

Đây là tổng kết Bồ tát phải khéo biết tướng tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã. Vì khéo biết tướng này nên hay trụ tự tâm hiện lượng, tiến đến chỗ cứu cánh. Nghĩa là cứu cánh hiện lượng, chẳng bị kiến chấp phạm thánh làm hạn lượng, mới có thể tùy thời xuất hiện tự tại vô ngại. Nhiên hậu vì an chúng sanh, thị hiện các thứ hình loại như huyễn, hiện các thứ cõi nước như huyễn, được các thứ tam muội như huyễn, đạo các cõi Phật như huyễn, làm các thứ cúng dường như huyễn, sanh trên các cung trời như huyễn, hiện các thứ thân Phật như huyễn, hợp các thứ Bồ tát, Thanh văn đại chúng như huyễn, nói các thứ pháp như huyễn, đều do tự tâm hiện lượng, xa lìa kiến chấp có không v.v... tiến đến cứu cánh. Tự tâm hiện lượng này ở trong vị mê, y nơi duyên khởi mà khởi các vọng tưởng, cũng mỗi thứ như huyễn, như mộng, như bóng trong nắng, như tràng đầy nước, lìa các thứ có không, cũng lìa pháp Thanh văn Duyên giác v.v... Chỉ do bất giác không thể chứng biết. Người giác được tự tâm hiện lượng hay tạo ra hiện ra. Chính ở trên nói "nhiu chỗ vọng tưởng tự tánh, y nơi duyên khởi", là cứu cánh hiện lượng vậy.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng :

Tâm lượng thế gian	Phật tử quán sát
Các thân chủng loại	Lìa hành sở tác
Được sức thần thông	Thành tựu tự tại.

Kệ nói tâm lượng thế gian và các chủng loại thân tướng đều lìa tánh tạo tác. Bồ tát quán nơi đây liền hay ở bên trong phát lực thông thành tựu tự tại. Đây vẫn là đạt tự tánh vọng tưởng, y nơi duyên khởi, trong khoảng sát na thức, trí chuyển biến, thể đồng mà dụng khác.

**E⁴ - CHỈ THIỆN PHÁP VÔ NGÃ ĐƯỢC BỐN
TƯỚNG PHÁP VÔ NGÃ, CÓ NĂM :**

G¹) TƯỚNG PHÁP KHÔNG.

Khi ấy Đại Bồ Tát Đại Huệ thỉnh hỏi Phật : Cúi mong Thế Tôn vì chúng con nói tất cả pháp không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh. Các con và chúng Bồ Tát khác giác ngộ pháp không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh rồi thì sẽ lìa vọng tưởng có và không, chóng được vô thượng chánh đẳng chánh giác ? Thế Tôn bảo Bồ Tát Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, nay sẽ vì ông rộng phân biệt nói. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn lành thay ! Xin vâng thọ giáo.

Không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh, Thế Tôn thường lấy diệu chỉ này để hiển bày tự tánh, chẳng rơi vào có không. Văn sau phân biệt bốn câu (tứ cú), mà trước chỉ cho người do chẳng lìa vọng tưởng mà được chỗ tự chứng. Nhiên hậu biết kinh điển do ngữ mà nhập nghĩa, chẳng phải chon thật ở chỗ ngôn thuyết.

Phật bảo Đại Huệ ! Không không tức là chỗ tự tánh vọng tưởng. Đại Huệ ! Người chấp trước tự tánh vọng tưởng nói không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh. Kia lược nói bảy thứ không, nghĩa là : tướng không, tánh tự tánh không, hành không, vô hành không, nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không, đệ nhất nghĩa thánh trí đại không, bị không.

Đây tức nơi tự tánh vọng tưởng chỉ ra chon không. Chon không chẳng không, nên nói không không. Không không tức là chỗ tự tánh vọng tưởng, chỉ có chúng biết không thể nói bày. Bởi vì chúng sanh không biết tự tánh vọng tưởng là chon không, vọng khởi chấp trước, nên nói không, nói vô sanh, nói không hai, nói lìa tướng tự tánh, khiến ngộ chỗ hành thánh lạc ngay trong vọng tưởng, chỉ cần lìa chấp trước, liền đó chúng biết, lại không riêng có. Trước bày ra bảy tướng

không. Vô sanh, không hai, là tánh, so đồng với nghĩa không, đều chẳng phải bỏ vọng tưởng riêng có các nghĩa.

Thế nào là tướng không ? Nghĩa là tất cả tánh tự tướng cộng tướng đều không. Quán sát vì sự triển chuyển chứa nhóm, phân biệt không tánh, tự tướng cộng tướng chẳng sanh, tánh tự, tha, câu (chung) đều không tánh, cho nên tướng chẳng trụ. Thế nên nói tất cả tánh tướng không, là danh tướng không vậy.

Tất cả pháp tánh không tự tướng cộng tướng, vọng thấy có tự tướng nên có cộng tướng, vọng thấy cộng tướng nên có tự tướng. Triển chuyển đối đãi nhau, chứa nhóm mà thành, đều do phân biệt vậy. Tánh phân biệt đã rõ thì tướng tự tha cũng đối, tức là tướng mà không tướng, cho nên nói không tướng.

Thế nào tánh tự tánh không ? Nghĩa là tánh chính mình; tự tánh chẳng sanh. Ấy gọi là tất cả pháp tánh tự tánh không, nên nói tánh tự tánh không.

Tất cả pháp tánh vọng thấy có không, không phải tất cả pháp thật có tánh chính nó. Pháp thiện không có tự tánh thiện, pháp ác không có tự tánh ác. Tất cả pháp không có tự tánh tất cả

pháp. Cho nên tánh tự tánh không, chẳng phải không tánh nói là không.

Thế nào là hành không ? Nghĩa là ấm lìa ngã và ngã sở. Nhơn sở thành nên sở tạo nghiệp phược tiện sanh, ấy gọi là hành không.

Nhơn sở thành là chủng tử, sở tạo nghiệp là hiện hạnh. Đây là sở do các ấm sanh khởi. Mê tâm làm thức thì chủng tử hiện hạnh lẫn huân, tâm vương tâm sở xen nhau vọng khởi, không ngã ngã sở nên không.

Đại Huệ ! Túc cái hành không như thế ấy triển chuyển duyên khởi, tự tánh không tánh, ấy gọi là vô hành không.

Các ấm hành xứ đương thể toàn không, tức là niết bàn. Nhơn nơi không mà nói ấm, nhơn nơi ấm mà nói không, triển chuyển duyên khởi, đều không có tự tánh. Không ấm không không, nên nói không hành không.

Thế nào là nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không ? Nghĩa là tự tánh vọng tưởng vì không có ngôn thuyết, nên tất cả pháp lìa ngôn thuyết. Ấy gọi là nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không.

Tự tánh vọng tưởng tức chẳng phải tự tánh vọng tưởng, chẳng phải ngoài tự tánh vọng tưởng lại có ngôn thuyết. Cho nên biết tất cả pháp đều lìa ngôn thuyết.

Thế nào nhất thiết pháp đệ nhất nghĩa thánh trí đại không ? Nghĩa là người được tự giác thánh trí thì tất cả lỗi tập khí kiến chấp không, ấy gọi là nhất thiết pháp đệ nhất nghĩa thánh trí đại không.

Tự giác thánh trí vốn lìa các kiến chấp lỗi lầm về có và không. Nơi đây chúng biết thì tất cả chỗ tất cả thời tất cả việc thành đệ nhất nghĩa, ấy là đệ nhất nghĩa đại không.

Thế nào là bỉ bỉ không ? Nghĩa là đối với kia không cái không kia, ấy gọi là bỉ bỉ không. Đại Huệ ! Thí như là Lộc Tử Mẫu không có voi ngựa trâu dê v.v..., chẳng phải không chúng tỳ kheo, mà nói kia không. Chẳng phải nhà nhà tánh không, cũng chẳng phải tỳ kheo tỳ kheo tánh không, chẳng phải chỗ khác không voi ngựa. Ấy gọi là tất cả pháp tự tướng. Kia nơi kia không kia, ấy gọi là bỉ bỉ không. Đây gọi là bảy thứ không. Cái bỉ bỉ không là cái không rất thô, ông phải xa lìa.

Nơi kia không đây, nơi đây không kia, nên nói bỏ bỏ không. Như nhà Lộc tử mẩu không voi ngựa trâu dê, chẳng phải không chúng tỳ kheo, mà nói kia không, đây là nghĩa bỏ bỏ không. Song nhà Lộc tử mẩu tuy không voi ngựa trâu dê mà chẳng phải không chúng tỳ kheo. Như nhà chẳng phải không tự tánh nhà, tỳ kheo chẳng phải không tự tánh tỳ kheo. Nhà Lộc tử mẩu không voi ngựa, cũng chẳng phải chỗ khác không voi ngựa. Đây là tất cả pháp không tha tướng chẳng phải không tự tướng. Cho nên bỏ bỏ không rất thô vô nghĩa, nên phải xa lìa. Nghĩa là ngoại đạo chấp không, chẳng giống chánh pháp của ta có sáu nghĩa không. Ngay nơi đó liền lìa tất cả tập khí kiến chấp có không, là không có không tha tánh, mà chẳng phải không tự tánh.

G²) TƯỚNG VÔ SANH.

Đại Huệ ! Chẳng tự sanh chẳng phải chẳng sanh. Trừ người trụ tam muội, ấy gọi là vô sanh.

Chẳng tự sanh là, tự thể vốn vô sanh tánh. Chẳng phải chẳng sanh là, như duyên hội ngộ in tướng sanh tương tục, mê tỉnh chưa hết không thể nói không, thể vọng vốn rỗng thì sanh cũng chẳng phải có. Nên nói "pháp như duyên sanh

ra, ta nói tức là không". Đây tên vô sanh, chẳng phải trụ tam muội mà nói vô sanh.

G³) LÌA TƯỚNG TỰ TÁNH.

Lìa tự tánh tức là vô sanh. Lìa tự tánh thì sát na tương tục lưu chú và dị tánh hiện. Tất cả tánh lìa tự tánh, thế nên tất cả tánh ly tự tánh.

Lìa tự tánh là mặt chỉ vô sanh, cho nên lại nói tức là vô sanh. Chỉ không tự tánh thì chính khi sanh là chẳng sanh. Tuy tương tục lưu chú mà sát na chẳng dừng, tướng biến dị hiện, nên biết tất cả tánh lìa tự tánh.

G⁴) KHÔNG HAI TƯỚNG.

Thế nào là không hai ? Nghĩa là tất cả pháp như lạnh nóng dài ngắn đen trắng. Đại Huệ ! Tất cả pháp không hai, chẳng phải đây niết bàn kia sanh tử, chẳng phải đây sanh tử kia niết bàn, vì tướng khác như khác mà có tánh, ấy gọi là không hai. Như niết bàn sanh tử, tất cả pháp cũng thế. Thế nên không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh, nên phải tu học.

Nói là hai, như lạnh cùng nóng khác, dài cùng ngắn khác, đen cùng trắng khác, nên nói

tướng khác nhơn khác. Song tướng chẳng phải hai tướng, nhơn chẳng phải hai nhơn, ấy gọi là không hai. Cho nên biết ngoài niết bàn không sanh tử, ngoài sanh tử không niết bàn. Sanh tử niết bàn tướng khác, sanh tử niết bàn nhơn khác. Nhưng tướng chẳng hai tướng, nhơn chẳng hai nhơn, nên nói nhơn khác tướng khác là có tánh. Mê giác là nhơn, chơn vọng thành tướng. Mê này giác này chơn này vọng này dường như có thấy khác, mà không hai thể. Tất cả pháp cũng lại như thế.

GỖ) KẾT BỐN TƯỚNG VÀO TẤT CẢ KINH ĐIỂN.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng :

**Ta thường nói pháp không Xa lìa nơi đoạn thường.
 Sanh tử như huyễn mộng Mà nghiệp kia chẳng
 hoại.
 Hư không và niết bàn Diệt định hai cũng thể.
 Ngu phu khởi vọng tưởng Chư thánh lìa có không.**

Như Lai nói ra pháp không là nói tự tánh vọng tướng chơn không. Tự tánh vọng tướng chơn không siêu việt đoạn thường, ở trong sanh tử trọn như mộng huyễn. Trong mộng huyễn không có tướng hoại cùng với chẳng hoại. Nói có nghiệp hoại, vẫn thuộc về kiến chấp có không. Tự tánh

chơn không như ba thứ vô vi, chóng lìa có không, chẳng có các lỗi lầm. Cho nên chẳng đồng với ngu phu chạy theo vọng tưởng bất giác chấp trước.

Thế Tôn lại bảo Đại Bồ Tát Đại Huệ rằng : Này Đại Huệ ! Không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh, khắp vào tất cả kinh điển chu Phật. Phàm có kinh đều nói nghĩa này. Vì các kinh điển thấy tùy theo tâm hy vọng của chúng sanh, vì họ phân biệt nói hiển bày nghĩa ấy, mà không phải chơn thật tại ngôn thuyết. Ví như một con nai khát nước tưởng nước, rồi làm mê lầm cả bấy nai. Nai ở nơi tướng kia chấp trước thật nước, mà nơi kia không nước. Như thế, tất cả kinh điển nói ra các pháp vì khiến kẻ ngu phát hoan hỷ, chẳng phải thật thánh trí ở nơi ngôn thuyết. Thế nên phải y nơi nghĩa chớ chấp ngôn thuyết.

Đây lại kết nói vì tự tánh vọng tưởng, chấp trước nên nói không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh. Nếu hay chúng biết tự tánh vọng tưởng, liền lìa chấp trước, ngay nơi đó lặng lẽ. Thế mới biết, không vô sanh không hai lìa tự tánh vẫn là tốt chỉ ra chủ yếu, mà chẳng phải hiển thẳng đệ nhất nghĩa. Cho nên nói, các kinh

điển tùy tâm hy vọng của chúng sanh, hiển bày nghĩa kia, mà chẳng phải chơn thật ở nơi ngôn thuyết. Hiển bày nghĩa kia là, do ngữ mà vào nghĩa, như ngọn đèn soi sự vật, mà chẳng phải chơn thật ở lời nói. Cho nên không thể y ngữ mà nhận nghĩa. Đây là nói phải y nơi nghĩa chứ y nơi ngôn thuyết.



PHẦN II ⁽¹⁾

C³ - CHỈ NHƯ LAI TÀNG SIÊU QUÁ VỌNG
TUỞNG NGÔN THUYẾT CỦA PHẠM NGU VÀ
NGOẠI ĐẠO THÀNH TỰU CÁC ĐỊA CỨU CẢNH
QUẢ HẢI, CÓ II PHẦN.

D¹) *Chỉ Như Lai tàng chẳng đồng thân ngữ
của ngoại đạo :*

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật :
Bạch Thế Tôn ! Trong kinh Phật nói Như Lai
tàng tự tánh thanh tịnh, chuyển 32 tướng
vào trong thân tất cả chúng sanh, như hạt
châu rất quý cột trong chèo áo nhơ, Như Lai
tàng thường trụ không biến đổi cũng lại như
thế, cột trong chiếc áo nhơ ẩm giới nhập và
tham dục, sân, si, vọng tưởng chẳng thật,
các thứ trần lao làm ô uế. Đây là lời diễn nói

(1) *Bản Hán ngữ sang quyển 3*

của tất cả chu Phật. Tại sao Thế Tôn đồng với ngoại đạo nói có ngã, nói có Như Lai tàng ? Bạch Thế Tôn ! Ngoại đạo cũng nói có tác giả thường còn, lìa ngoài vi trần khắp giáp chẳng diệt. Bạch Thế Tôn ! Ấy là ngoại đạo nói có ngã.

Đây là muốn Thế Tôn phát minh Như Lai tàng chẳng đồng thần ngã của ngoại đạo. Thần ngã của ngoại đạo chấp tâm phân biệt trong ngũ uẩn. Tánh Như Lai tàng là chỉ cho thể thường trụ bất biến. Thế không có chơn vọng mà có giác mê. Mê thì tâm phân biệt sanh mà không phải là chơn trí. Tâm phân biệt diệt mà chẳng phải là chơn tịch. Mê trí cho là sanh, mê tịch cho là diệt, thấy đều do phân biệt cho nên vô thường. Nếu giác thì phân biệt liền dứt, thấy xưa không sanh thì nay cũng không diệt. Chỗ không sanh diệt bản tánh thường trụ. Vì trừ cái phân biệt nên nói là vô ngã, mà chẳng phải không có cái ngã Như Lai tàng thường trụ bất biến. Vì dẹp vô ngã nên nói chơn ngã, mà chẳng đồng với cái ngã phân biệt của ngũ uẩn. Nên nói "chuyển 32 tướng vào thân chúng sanh, mà bị buộc trong chiếc áo nhơ ẩm giới nhập và tham sân si vọng tưởng chẳng thật, các thứ trần làm ô uế". Khi hiện ở trong mê thì trí tịch ẩn, sanh diệt hiện tiền. Phạm có chỗ

chấp đều thuộc về phân biệt. Đây là lý do ngoại đạo vọng chấp tác giả vậy.

Phật bảo Đại Huệ ! Ta nói Như Lai tàng chẳng đồng cái ngã của ngoại đạo nói. Đại Huệ ! Có khi nói không, vô tướng, vô nguyên, như thật tế, pháp tánh, pháp thân, niết bàn, ly tự tánh, bất sanh bất diệt, bản lai tịch tịnh, tự tánh niết bàn, những câu như thế đều nói Như Lai tàng. Như Lai ứng cũng đẳng chánh giác vì đoạn cái sợ vô ngã của ngu phu, nên nói là vọng tưởng cảnh giới vô sở hữu có Như Lai tàng. Nay Đại Huệ ! Đại Bồ Tát vị lai hiện tại không nên khởi chấp về ngã kiến.

Nói pháp thân như thật mà trước nói là không, vô tướng, vô nguyên. Nói tự tánh niết bàn mà trước nói là tự tánh, bất sanh bất diệt, xưa nay là tịch tĩnh. Đây là Thế Tôn vì nói cảnh giới vô sở hữu, môn Như Lai tàng vậy. Như Lai ban đầu vì chúng sanh chấp ngũ uẩn là ngã nên nói vô ngã. Sau lại vì Thanh văn chấp pháp vô ngã mê lầm tự tánh, nên nói chơn ngã. Kinh Niết bàn nói : "Các ông nên biết, trước đã tu tập vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải là pháp chơn thật, ví như mùa xuân có những người tắm trong hồ lớn, ngồi thuyền dạo chơi bỗng làm rơi

hạt châu lưu ly chìm tận đáy nước. Khi ấy mọi người thấy đều lặn xuống nước mò tìm hạt châu, giành nhau nắm lấy ngói đá cỏ cây sạn sỏi, mỗi người tự bảo được châu lưu ly, vui vẻ đem lên, mới biết chẳng phải châu. Lúc ấy bảo châu vẫn còn ở trong nước, vì thế lực của châu nên nước được lóng trong. Bấy giờ toàn thể đồng thấy hạt châu vẫn còn dưới nước, ví như ngược xem mặt trăng trong hư không. Trong chúng có một người trí dùng sức phương tiện, nhẹ nhàng chầm rãi lặn xuống nước liền lấy được hạt châu. Tỳ kheo các ông ! Chẳng nên tu tập vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh v.v... như thế, cho là nghĩa thật. Như những người kia mỗi người lượm ngói gạch cỏ cây sạn sỏi mà cho là bảo châu. Các ông phải khéo học phương tiện ở khắp mọi nơi thường tu tưởng ngã, tưởng thường, lạc, tịnh. Như người trí kia khéo lượm được hạt châu, là nói tưởng ngã, tưởng thường, lạc, tịnh". Thế mới biết, khi Như Lai nói vô ngã là ý ở chỗ chơn ngã, chỉ vì đối trị phạm phu ngoại đạo. Cho nên chỗ lấm của Nhị thừa là chỗ sợ của phạm phu. Đâu biết lia vọng chính vì hiển chơn. Cảnh giới vô sở hữu và môn Như Lai tàng này chẳng đồng với ngoại đạo cho thức là ngã, chấp tướng tác giả.

Thí như người thợ gốm nơi một đồng đất dùng phương tiện nhơn công, nước, cây,

bánh xe quay mà làm thành các món đồ. Như Lai cũng lại như thế, nói pháp vô ngã là tất cả tướng vọng tưởng dùng các thứ trí huệ phương tiện khéo léo, hoặc nói Như Lai tàng, hoặc nói vô ngã. Bởi như duyên ấy nên nói Như Lai tàng chẳng đồng cái ngã của ngoại đạo nói, ấy gọi là nói Như Lai tàng. Vì khai dẫn cái chấp ngã của ngoại đạo nên nói Như Lai tàng. Khiến họ lìa vọng tưởng ngã kiến chẳng thật vào cảnh giới tam giải thoát môn, hy vọng chóng được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thế nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác khởi nói Như Lai tàng như thế. Nếu không như vậy, ắt đồng với ngoại đạo. Thế nên, Đại Huệ ! Vì lìa kiến chấp của ngoại đạo nên y Như Lai tàng vô ngã.

Đây lại bày rõ Như Lai dùng các thứ trí huệ phương tiện khéo léo, hoặc nói vô ngã, hoặc nói Như Lai tàng là để lẫn nhau phát minh ngã tướng thanh tịnh Như Lai. Vì khai dẫn ngoại đạo chấp ngã khiến lìa ngã kiến chẳng thật. Thế nên rốt sau nói "phải y nơi Như Lai tàng vô ngã ấy là nghĩa quyết định vậy". Kinh Niết Bàn vì lập ví dụ thấy thuốc mới và thấy thuốc cũ, mà lại vì trong chúng xướng lời rằng : Tỳ kheo phải biết, các ngoại đạo nói là ngã đó, ví như trùng ăn cây

ngẫu nhiên thành chữ. Thế nên, Như Lai ở trong Phật pháp nói là vô ngã, vì điều phục chúng sanh, vì biết thời nên nói là vô ngã. Cho nên có Nhơn duyên cũng nói có ngã. Như ông thấy thuốc giỏi kia khéo biết sữa là thuốc, hay chẳng phải thuốc, không phải như phàm phu chấp ngô ngã vậy.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng :

Người ẩm tương tục	Duyên cùng vi trần
Thắng, tự tại tạo	Tâm vọng vọng tưởng.

Người tức là cái ngã trong thân ngũ ấm. Tương tục là cái ngã này lưu chú sanh diệt. Ấm là ngũ ấm. Ngoại đạo chấp có duyên khác cùng vi trần, thắng tánh, tự tại thiên hòa hợp chung nhau tạo. Đây là tự tâm vọng tưởng chấp vậy. Duyên khác là tất đồa, thích xà, đáp ma của Số luận sư. Vì Số luận sư chấp ngã, tu, duyên ba việc này hợp lại làm thành ấy vậy.

D²) Chỉ Như Lai tàng phương tiện hiển bày, có năm :

E¹ - CHỈ CHUNG PHƯƠNG TIỆN CÓ BỐN PHÁP :

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ quán chúng sanh vị lai, lại thỉnh Thế Tôn : Cúi xin vì nói

tu hành không gián đoạn, như các vị Đại Bồ Tát tu hành đại phương tiện ?

Đây là hỏi về phương tiện tu hành. Không gián đoạn là, không gián đoạn nơi tự tánh, thuận tánh khởi tu, chẳng phải tạo như duyên bên ngoài.

Phật bảo Đại Huệ ! Đại Bồ Tát thành tựu bốn pháp được tu hành đại phương tiện. Thế nào là bốn ? Nghĩa là khéo phân biệt tự tâm hiện, quán ngoại tánh phi tánh, là kiến chấp sanh trụ diệt, được tự giác thánh trí thiện lạc. Ấy gọi là Đại Bồ Tát thành tựu bốn pháp, được tu hành đại phương tiện.

Khéo phân biệt tự tâm hiện là, biết tam giới đều duy thức hiện, chẳng phải bởi duyên khác. Quán ngoại tánh phi tánh là, tất cả tánh bên ngoài thấy như mộng huyễn không có tự tánh. Là kiến chấp sanh trụ diệt là, đã biết tất cả tánh phi tánh đều chỉ là tự tâm thì, các thứ chẳng khởi, đối với pháp sở tri không khởi nhiếp thọ. Tự giác thánh trí thiện lạc là, đã biết tam giới duy thức, tất cả tánh không tự tánh, các thức chẳng sanh thì, tự giác thánh trí như mặt trời ở trong hư không, tự nhiên được tự tại pháp lạc. Ngoại đạo chẳng biết tam giới đều duy thức hiện cho là có như khác, đã có như khác thì tất

cả tánh thật có tự tánh có thể được. Nhị thừa tuy biết không có nhưn khác, song về thức hiện hành diệt mà chúng tử chẳng diệt, đối với pháp trong ngoài không thể chống không. Đây đều do thức mình làm ngại, đối giác tánh chính mình, mình chẳng viên diệu. Thế nên, với bốn thứ này, Bồ tát tu hành phương tiện vượt khỏi phạm ngu và ngoại đạo. Nếu người có chí với tâm tông nên phải xét rõ.

E² - KHÉO PHÂN BIỆT TỰ TÂM HIỆN :

Thế nào Đại Bồ Tát khéo phân biệt tự tâm hiện ? Nghĩa là quán tam giới duy tâm chừng ngàn như thế, lìa ngã và ngã sở, không dao động, lìa đi lại, do tập khí hu ngụy huân tập từ vô thủy, các thứ sắc hành trong tam giới trói buộc thân tài (căn) liền dựng lập, vọng tưởng tùy nhập hiện. Ấy gọi là Đại Bồ Tát khéo phân biệt tự tâm hiện.

Chừng ngàn là nói phần lượng. Đây nói duy tâm tức là duy thức. Mê tâm làm thức, thức tức là tâm. Cho nên nói duy tâm. Quán tam giới này đều do tự tâm bất giác vọng sanh chừng ngàn, trong khoảng giữa thật không có người nhiếp thọ và pháp bị nhiếp thọ. Thế nên, tuy tạo tác mà không có sở tác ; tuy hiện đi lại mà không có đi lại. Tập khí hu ngụy huân tập từ vô thủy là, chỉ

cho nghiệp chủng của tăng thức, tức là bất giác vọng động vậy. Đã vọng động làm nghiệp liền do kiến (chủ thể) khởi tướng (khách thể), biến ra đường như càn trần, thành các thứ sắc, hành (nghiệp) trong tam giới, bèn có danh tướng dài, ngắn, co, duỗi nhất định, hay sanh trôi buộc. Chính hiện tại càn thân thọ dụng những nhu cầu trong thế giới, rồi khởi các thứ vọng tưởng. Tâm cảnh nhập nhau hòa hợp mà hiện, nên nói là "tự tâm hiện". Nếu hay quán sát cái sở hiện của tự tâm thì biết tất cả sắc, hành (nghiệp) danh tướng trong tam giới, tự thân thọ dụng tất cả vọng tưởng đều do mê Như Lai tàng tánh từ vô thủy làm chủng thức, vọng sanh chùng ngăn. Tâm cảnh bị hiện đều không thể được, không chủ, không chỗ nương, liền đó chóng liễu ngộ.

E³ - QUÁN NGOẠI TÁNH PHI TÁNH :

Thế nào Đại Bồ Tát khéo quán ngoại tánh phi tánh ? Nghĩa là tất cả tánh như năng, mộng v.v... do vọng tưởng hư vọng từ vô thủy huân tập làm nhơn, mà quán tự tánh của tất cả tánh. Đại Bồ Tát khéo khởi quán ngoại tánh phi tánh như thế, gọi là Đại Bồ Tát khéo quán ngoại tánh phi tánh.

Năng, mộng v.v... là tất cả pháp như sóng năng, như mộng huyễn, đều do nội thức biến

duơng như có hiện trước, mà không có tự tánh, liền đó vô sanh. Thế nên biết không có tự tánh. "Tất cả pháp chẳng sanh" là lời nói của chư Phật trong ba đời, nên phải tôn trọng. Nhon là, tất cả tánh này nhon nơi thức chủng hư ngụy làm tự tánh. Quán tất cả tánh lấy thức này làm tự tánh thì, tất cả tánh không tự tánh, nên nói "khéo quán ngoại tánh phi tánh".

E⁴ - LÌA KIẾN CHẤP SANH TRỤ DIỆT.

Thế nào Đại Bồ Tát lìa kiến chấp sanh trụ diệt ? Nghĩa là tất cả tánh như huyễn mộng, tánh tự, tha và chung chẳng sanh, tùy vào chùng ngăn của tự tâm, nên thấy ngoại tánh phi tánh. Thấy thức chẳng sanh và duyên không tích tụ, bởi vọng tưởng duyên sanh. Nơi tam giới tất cả pháp trong ngoài đều không thể được. Thấy lìa tự tánh thì chấp sanh át dứt. Biết tự tánh các pháp như huyễn v.v... được vô sanh pháp nhãn. Được vô sanh pháp nhãn rồi, lìa kiến chấp sanh trụ diệt, gọi là Đại Bồ Tát khéo phân biệt lìa kiến chấp sanh trụ diệt.

Tánh tự tha chung chẳng sanh, trong Trung Luận nói : "Các pháp chẳng tự sanh, cũng chẳng từ tha sanh, chẳng chung, chẳng không nhon, thế nên nói vô sanh". Xét theo đây thì biết tất cả

ngoại tánh như mộng v.v... đều do tự tâm bất giác vọng sanh chùng ngăn (giới hạn). Bởi bất giác vọng sanh, thật không có tánh sanh, nên nói "thấy ngoại tánh phi tánh". Vì bất giác vọng sanh, thật không có thức sanh, nên nói "thấy thức chẳng sanh". Đã không có tánh sanh và thức sanh, mà vẫn thấy dường như sanh tương tục, thấy do bất giác đồng thời liên hiện, chẳng phải duyên nhiều thứ tích tụ. Chẳng biết liên hiện, mà cho là duyên sanh là vọng tưởng vậy. Thấy vọng tưởng duyên sanh, mới biết tất cả pháp trong tam giới không có tự tánh thì, cái kiến chấp sanh liền diệt. Sự vật hiện tiền thấy như mộng huyễn, chỉ rõ bất giác liên trụ duy tâm. Thế nên nói "vô sanh pháp nhãn khéo là kiến chấp sanh trụ diệt".

E⁵ - TỰ GIÁC THÁNH TRÍ THIỆN LẠC :

Thế nào Đại Bồ Tát được tự giác thánh trí thiện lạc ? Nghĩa là được vô sanh pháp nhãn, trụ đề bát địa của Bồ Tát, được là tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng vô ngã, được ý sanh thân.

Biết pháp trong tam giới duy nội thức biến, không có tánh tự sanh. Thức như mê mà có, giác được mê thì mê diệt, bản tâm hiện tiền. Đây là tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng

vô ngã ngay đó liền là. Duy Thức tụng rằng :
 “Trước địa Bất động vừa xá tàng”. Thế nên nói
 được quả nhị chuyển y, như ý sanh thân, văn sau
 tự rõ.

Thế Tôn ! Ý sanh thân là nhơn duyên gì ?
Phật bảo Đại Huệ ! Ý sanh thân, ví như nghĩ
nhANH chóng vô ngại, nên gọi là ý sanh. Thí
như ý đi qua vách đá vô ngại, nơi phương
khác cách xa vô lượng do điền, như ngày
trước đã thấy nhớ nghĩ chẳng quên, tự tâm
lưu chú chẳng dứt, nơi thân không chướng
ngại sanh. Đại Huệ ! Ý sanh thân như thế
được đồng thời sanh. Ý sanh thân của Đại Bồ
Tát do sức tam muội như huyền tự tại thần
thông diệu tướng trang nghiêm, thân chủng
loại thánh, đồng thời liền sanh. Ví như ý
sanh không có chướng ngại, tùy chỗ nhớ
nghĩ cảnh giới nguyện xưa, vì thành tựu
chúng sanh được tự giác thánh trí thiện lạc.
Đại Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn như thế,
trụ đệ bát địa của Bồ Tát, chuyển xả thân
tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai
tướng vô ngã và được thân ý sanh, được tự
giác thánh trí thiện lạc. Đó gọi là Đại Bồ Tát
thành tựu bốn pháp được tu hành đại
phương tiện, phải học như thế.

Đây nói chúng tự giác thánh trí, chuyển hai cái sở y dùng sức tam muội như huyền, tự tại thân thông, tự nhiên được thân chủng loại thánh. Vì chúng sanh một lúc đối hiện, ví như ý sanh.

D³) *Chỉ Như Lai tạng là các nhơn duyên :*

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ lại thỉnh Thế Tôn : Cúi xin vì nói tướng nhơn duyên của tất cả các pháp. Do giác được tướng nhơn duyên, con và các Bồ Tát là tất cả tánh có, không vọng chấp, không có vọng tưởng kiến chấp tiếm thú và đồng thời sanh ?

Pháp nhơn duyên sanh đều do vọng tưởng của chính mình thấy, mà kẻ ngu phu không biết chấp là thú lớp sanh hay đồng thời sanh. Liễu đạt nghĩa này là các thú có, không, thú lớp hay đồng thời sanh, hiển bày vô sanh. Cho nên nói "tất cả pháp chẳng sanh".

Phật bảo Đại Huệ ! Tất cả pháp có hai thú duyên tướng, là ngoại và nội. Ngoại duyên là, hòn đất, cây cọc, bánh xe, nước, gỗ, nhơn công, các thú phương tiện làm thành cái bình. Như cái bình đất, tơ lụa, lát chiếu, giống mầm, tô lặc v.v... phương tiện làm thành cũng lại như thế. Đó gọi là ngoại duyên trước sau chuyển sanh.

Pháp nội ngoại hai thứ duyên, một là thế gian vọng kiến, một là ngu phu vọng kiến. Thế nên nói trừ thức khởi, tự phân biệt thấy thì tất cả là vô sanh. Ngoại duyên, thế gian hiện thấy như bình cùng tô lạc v.v... chẳng phải không phương tiện trước sau sanh khởi. Cho nên lập pháp ngoại duyên.

Thế nào là nội duyên ? Nghĩa là pháp vô minh, ái nghiệp v.v... được tên là duyên. Từ đó sanh pháp ấm, giới, nhập, được tên là sở duyên. Nó không có sai biệt mà ngu phu vọng tưởng, ấy gọi là pháp nội duyên.

Vô minh là Nhu Lai tàng bất giác thành thức. Kinh Hoa Nghiêm nói : "Chẳng rõ đệ nhất nghĩa để nên gọi là vô minh". Trong mười hai chi vô minh là nhơn duyên quá khứ, ái là nghiệp duyên hiện tại, nghiệp là thủ và hữu, lại làm duyên sanh lão bệnh tử ở đời sau. Pháp ấm, giới, nhập vốn từ ba đời duyên khởi, mà thật do vô minh bất giác, ở trên tự tâm không có tánh sanh. Kẻ ngu phu vọng cho là thật, nên nói : "Nó không có sai biệt".

Dại Huệ ! Nhơn kia có sáu thứ. Nghĩa là : dương hữu nhơn, tương tục nhơn, tướng nhơn, tác nhơn, hiển thị nhơn, đãi nhơn. Dương hữu nhơn là, tạo nhơn rồi pháp trong

ngoài sanh. Tương tục nhờn là, tạo phan duyên rồi pháp trong ngoài sanh, ẩm chủng tử v.v... Tướng nhờn là, tạo tướng không gián đoạn tương tục sanh. Tác nhờn là, làm việc tăng thượng như chuyển luân vương. Hiện thị nhờn là, việc vọng tưởng sanh rồi tướng hiện năng tác sở tác, như ngọn đèn soi hình sắc v.v... Đãi nhờn là, khi diệt tạo đoạn tương tục, tánh chẳng vọng tưởng sanh.

Sáu thứ nhờn tức là trong hai cái duyên có nhờn tướng hay chiêu quả sai biệt. Đương hữu nhờn là, hiện tại căn trần tạo ra hay chiêu quả đời sau, nó tương đương với nhờn duyên. Tương tục nhờn là, nhờn căn cảnh trong ngoài mà sanh ái, thủ, lại khởi chủng tử sau này chẳng dứt nó tương đương với sở duyên duyên. Tướng nhờn là, làm ra không gián đoạn nhờn quả tương tục, nó tương đương đẳng vô gián duyên. Tác nhờn là, ở trên quả tạo nhờn, như Chuyển luân vương được thắng quả rồi lại tạo thắng nhờn, nó tương đương với tăng thượng duyên. Hiện thị nhờn là, nhờn năng tác cùng quả sở tác đồng thời cùng hiện, như ngọn đèn soi hình sắc, cũng nhiếp thuộc nghĩa nhờn duyên. Đãi nhờn là, đối cảnh tướng khi diệt chẳng thấy tướng lưu chú sanh, làm cho cái tương tục đoạn, thành tựu tánh chẳng vọng tưởng. Chẳng vọng tưởng cùng với vọng tưởng

đối đãi nhau, là nhơn tướng của ngoại đạo phàm phu chấp.

Đại Huệ ! Ngu phu kia tự tướng vọng tưởng chẳng thứ lớp sanh, chẳng đồng thời sanh. Vì có sao ? Nếu là đồng thời sanh thì năng tác sở tác không phân biệt, chẳng được tướng nhơn. Nếu thứ lớp sanh thì chẳng được tướng ngã. Thứ lớp sanh thì chẳng sanh, như chẳng sanh con thì không tên cha mẹ.

Thứ lớp sanh hay đồng thời sanh là chỗ chấp của ngu phu. Do chẳng biết tự tâm hiện ra, đối với pháp in tướng sanh, tương tục vọng thấy là nhơn duyên, rồi chấp là thứ lớp hay đồng thời. Cho nên Như Lai đặc biệt nói chẳng thứ lớp sanh, chẳng đồng thời sanh. Nếu đồng thời sanh thì không năng sở, chẳng được tướng nhơn. Nếu thứ lớp sanh lại không tự tánh có thể được. Tướng ngã là tự tánh vậy. Đã không tự tánh thì liền đó vô sanh, như chẳng sanh con thì không tên cha mẹ.

Đại Huệ ! Thứ lớp sanh phương tiện tương tục. Chẳng phải vậy, chỉ do vọng tưởng mà thôi. Vì nhơn, phan duyên, thứ đệ duyên, tăng thượng duyên v.v... làm năng sanh và sở sanh. **Đại Huệ !** Thứ lớp sanh

chẳng sanh, vì tướng chấp trước vọng tưởng tự tánh. Thứ lớp và đồng thời sanh đều chẳng sanh, vì tự tâm hiện thọ dụng, tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh phi tánh. Đại Huệ ! Thứ lớp và đồng thời sanh đều chẳng sanh, trừ tự tâm hiện, bất giác vọng tưởng nên có tướng sanh. Thế nên, như duyên tạo sự tướng phương tiện phải là kiến chấp thứ lớp và đồng thời sanh.

Tiếp trước thứ lớp và đồng thời chẳng sanh, để hiển ngoại đạo và ngu phu chẳng biết tự tâm hiện ra, nên vọng tưởng chấp trước, mà thật chẳng có pháp sanh. Tiết này riêng chú trọng về thứ lớp sanh, chỉ kèm nói đồng thời sanh, để biết ngoại đạo ngu phu chấp bốn duyên sanh, chỉ thuộc về nghĩa thứ lớp. Cho nên chỉ rõ đó, khiến biết các pháp trong ngoài ở trước mắt đều do thức biến, không có tự tánh. Tuy có tướng như duyên tạo tác phương tiện, thấy do bất giác vọng chấp mà thành. Giác thì duy tâm, kiến, tướng toàn dứt. Như tức là như duyên là, thân cận hay sanh khởi. Phan duyên tức là sở duyên duyên là, y ngoại sắc v.v... mà sanh. Thu là tức là vô gián duyên là, pháp trong ngoài bị lẫn nhau chuyển sanh tương tục không gián đoạn. Tăng thượng duyên là, tâm cùng cảnh làm tăng thượng duyên. Bốn thứ này trong chánh pháp thường

nói. Song vì mê chơn nên giả lập bày là có, mà chẳng phải thật có thể tánh. Cho nên nói thứ lớp sanh chẳng sanh. Bối vọng tưởng chấp trước, mà thật thứ lớp và đồng thời thấy đều chẳng sanh. Nghĩa là tự tâm hiện thân căn khí giới tự tướng cộng tướng đều không tự tánh. Trừ bất giác tự tâm hiện, vọng tưởng chấp nên có tướng. Thế nên, như duyên tạo ra phương tiện, phải là kiến chấp thứ lớp và đồng thời sanh.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này nên nói kệ rằng :

Tất cả trọn không sanh	Cũng không nhưn duyên diệt
Ở trong sanh diệt kia	Mà khởi tướng nhưn duyên.
Chẳng ngăn diệt và sanh	Tiếp nối nhưn duyên khởi
Chỉ vì đoạn phạm ngu	Duyên vọng tưởng si hoặc
Pháp duyên khởi có không	Thảy đều không có sanh
Bởi tập khí mê chuyển	Từ đây ba cõi hiện
Chơn thật không duyên sanh	Cũng lại không có diệt
Quán tất cả hữu vi	Ví như hoa trong không.

Năng nhiếp và sở nhiếp	Lìa bỏ kiến hoặc loạn
Chẳng đã sanh sẽ sanh	Cũng lại không nhơn
Tất cả vô sở hữu	Đây đều là ngôn thuyết.

Tất cả pháp nhơn duyên sanh diệt có không, đều không có tự tánh. Liền đó là vô sanh. Chỉ vì phàm ngu si hoặc nên vọng thấy có ba cõi. Thế nên Như Lai chỉ ngăn si hoặc, mà chẳng ngăn các nhơn duyên. Nghĩa là các nhơn duyên như huyễn như sóng nắng chẳng thể có không. Tất cả pháp hữu vi đối với cái chân thật xưa nay xem như hoa đốm trong hư không. Chỉ lìa các kiến chấp hoặc loạn năng sở, nhơn duyên sanh diệt trọn không có thật nghĩa, chỉ có thế luận mà thôi. Ba bài kệ trên lập đi lập lại nói về si hoặc. Ba bài kệ dưới nói chơn thật không sanh diệt. Chơn thật tức là xưa nay chơn thật, là Như Lai tàng tâm vậy.

D⁴.) *Chỉ Như Lai tàng đệ nhất nghĩa là ngôn thuyết vọng tưởng :*

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Cúi xin vì nói tâm kinh tướng ngôn thuyết vọng tưởng. Thế Tôn ! Con và các vị Đại Bồ Tát nếu khéo biết tâm kinh tướng ngôn thuyết vọng tưởng thì hay thông đạt hai nghĩa ngôn thuyết và sở thuyết, chóng được vô thượng chánh đẳng

chánh giác. Dem hai thứ ngôn thuyết và sở thuyết làm thanh tịnh tất cả chúng sanh.

Ngôn thuyết là do lời nói phô bày tất cả cảnh giới. Vọng tưởng là cảnh giới phân biệt của lời nói phô bày, chỗ chủ trương. Liễu đạt hai nghĩa thì biết tất cả cảnh giới thấy do vọng tưởng phân biệt hơn lời nói mà có phô bày, là các phân biệt ngôn thuyết thì không tất cả tướng cảnh giới. Cho nên đệ nhất nghĩa là tự giác thánh trí sở đắc. Do ngôn thuyết vào được, chẳng phải cảnh giới ngôn thuyết phân biệt. Tất cả chúng sanh chẳng biết đệ nhất nghĩa tâm, chỉ y ngôn thuyết phô bày khởi các vọng giác, mà chẳng phải chơn thật tự thông. Rừng rậm ác kiến do đó chẳng sạch, đây là chỗ thỉnh hỏi của Đại Huệ.

Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói, Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Lành thay, xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Có bốn thứ tướng ngôn thuyết, vọng tưởng. Nghĩa là tướng ngôn thuyết, mộng ngôn thuyết, quá vọng tưởng kể trước ngôn thuyết, vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết. Tướng ngôn thuyết là, từ vọng tưởng sắc tướng chấp trước sanh. Mộng ngôn thuyết là, cảnh trước đã trải qua tùy nhớ nghĩ mà sanh. Từ khi giác rồi cảnh

giới không tánh sanh. Quá vọng tưởng kể trước ngôn thuyết là, trước oán tạo ra nghiệp tùy nhớ nghĩ sanh. Vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết là, lỗi hu ngụy chấp trước từ vô thủy, tự chủng tập khí sanh. Đây gọi là bốn thứ tướng ngôn thuyết vọng tưởng.

Tướng ngôn thuyết là, do vọng tưởng chấp trước sắc tướng mà sanh. Nghĩa là y nơi cảnh thật hiện tiền mà khởi phân biệt nên có ngôn thuyết. Mộng ngôn thuyết là, do cảnh giới quá khứ, từ nhớ nghĩ vọng tưởng sanh. Giác rồi cảnh giới vô tánh là, cảnh chẳng thật, như khi mộng thức rồi thấy cảnh giới không tánh, như độc ảnh cảnh. Quá vọng tưởng chấp trước ngôn thuyết là, nhớ nghĩ nghiệp đã làm trước rồi sanh hối hận, nên có ngôn thuyết. Vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết là, do chủng tử tập khí hu ngụy từ vô thủy, nên có phân biệt đều là vô minh vọng giác, chẳng y nơi thật nghĩa, do đây chấp trước mà sanh ngôn thuyết. Do bốn thứ ngôn thuyết này bao gồm tất cả vọng tưởng, nếu hay liễu đạt thì hay xa lìa cảnh giới vọng tưởng, được tự giác thánh trí rồi, nếu có ngôn thuyết đều do tự giác hiển bày.

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ lại do nghĩa này khuyến thỉnh Thế Tôn : Cúi xin lại nói

cảnh giới do ngôn thuyết vọng tưởng hiện ra ? Thế Tôn ! Chỗ nào ? Có gì ? Tại sao ? Vì sao ? Chúng sanh vọng tưởng ngôn thuyết sanh ? Phật bảo Đại Huệ ! Do đầu, ngực, cổ họng, mũi, môi, lưỡi, nướu răng hòa hợp mà phát ra âm thanh. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Ngôn thuyết vọng tưởng là khác hay chẳng khác ? Phật bảo Đại Huệ : Ngôn thuyết vọng tưởng chẳng khác chẳng phải chẳng khác. Vì có sao ? Nghĩa là vì kia là nhơn sanh ra tướng. Đại Huệ ! Nếu ngôn thuyết, vọng tưởng khác thì vọng tưởng chẳng ung là nhơn. Nếu chẳng khác thì lời nói chẳng hiển được nghĩa, mà thật có hiển bày. Thế nên, chẳng khác chẳng phải chẳng khác.

Ngôn thuyết, vọng tưởng chẳng khác chẳng phải chẳng khác. Khác thì vọng tưởng chẳng phải nhơn của ngôn thuyết. Chẳng khác thì nói chẳng hiển nghĩa, để chỉ ra văn sau ngôn thuyết cùng đệ nhất nghĩa là khác hay chẳng khác. Chẳng biết vọng tưởng cảnh giới giác hư ngụy chẳng thật, cho nên ngôn thuyết có thể phô bày. Đệ nhất nghĩa tự giác thánh trí sở đắc, phi ngôn thuyết đến được, đây không thể đồng thời nói.

Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Là ngôn thuyết tức đệ nhất nghĩa hay sở thuyết là đệ nhất nghĩa ? Phật bảo Đại Huệ : Phi ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa, cũng phi sở thuyết là đệ nhất nghĩa. Vì có sao ? Nghĩa là đệ nhất nghĩa thánh lạc, do ngôn thuyết được vào, ấy là đệ nhất nghĩa. Chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là, thánh trí tự giác đã được. Chẳng phải cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác. Thế nên, ngôn thuyết vọng tưởng không hiển bày đệ nhất nghĩa. Ngôn thuyết là sanh diệt dao động, lần lượt do nhơn duyên khởi. Nếu lần lượt nhơn duyên khởi thì nó không hiển bày đệ nhất nghĩa. Đại Huệ ! Vì tướng tự tha không tánh, nên tướng ngôn thuyết chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Lại nữa Đại Huệ ! Vì tùy nhập tự tâm hiện lượng, các thứ tướng bên ngoài tánh phi tánh. Ngôn thuyết vọng tưởng chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Thế nên, Đại Huệ ! Phải lìa tướng ngôn thuyết các thứ vọng tưởng.

Phân chia ngôn thuyết và sở thuyết, cùng tất cả cảnh thú của ngôn thuyết, hiển đệ nhất nghĩa chẳng phải ngôn thuyết đến được. Ngôn thuyết này là riêng chỉ danh, cú, văn, thân. Sở thuyết là chỗ hiển bày của ngôn thuyết, gồm có vọng tưởng

và tướng so sánh biết. Nên nói là cảnh giới ngôn thuyết vọng tướng giác, chẳng phải thật đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là chỗ thánh lạc, do ngôn thuyết mà vào, như lấy tay chỉ mặt trăng, chẳng phải ngón tay là mặt trăng. Kinh Lăng Nghiêm nói : "Như người lấy tay chỉ trăng cho người, người kia nhìn ngón tay nên phải thấy mặt trăng. Nếu chỉ thấy ngón tay cho là thể mặt trăng thì, người này đâu những quên mất vắng mặt trăng, cũng quên luôn ngón tay kia. Vì có sao ? Vì nhận ngón tay nều kia làm mặt trăng sáng, đâu những quên ngón tay mà cũng chẳng biết sáng cùng với tối. Vì có sao ? Vì cho thể ngón tay là mặt trăng sáng thì, tướng sáng tối không rành rõ". Phàm đệ nhất nghĩa tự giác thánh trí đã được, chẳng phải cảnh giới ngôn thuyết vọng tướng giác. Thể ngón tay, thể mặt trăng, sáng tối rõ vậy. Cho nên nói ngôn thuyết vọng tướng chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Sanh diệt dao động tức là đầu, ngực... tám việc, lần lượt hòa hợp. Nghĩa là nhơn duyên lần lượt hòa hợp này, không hay hiển bày đệ nhất nghĩa là chỉ ngôn thuyết vậy. Tướng tự tha tức là chỉ sở thuyết. Nghĩa là cảnh tự tha sở thuyết là y nơi vọng tướng phân biệt, như hoa trong gương không có thật tánh, đây là tướng ngôn thuyết. Cho nên nói "tướng ngôn thuyết không hiển bày đệ nhất

nghĩa". Người thật hay nhập tự tâm hiện lượng thấy các thứ tướng bên ngoài, tức không có tướng tất cả cảnh giới. Chính ngay lúc này chỉ có thể chúng biết, không cho có nói năng. Cho nên chỉ nói "ngôn thuyết vọng tưởng không hiển bày đệ nhất nghĩa" mà thôi. Chỗ ngôn ngữ suy tư dứt bật là chỗ thánh lạc tiến đến. Mù tan thì mặt trời hiện, như con gặp mẹ, thời tiết nếu đến lý kia tự bày. Cho nên rốt sau nói "phải lìa tướng ngôn thuyết vọng tưởng".

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này nên nói kệ rằng :

Các tánh không tự tánh	Lại cũng không ngôn thuyết
Nghĩa thậm thậm không không	Kẻ ngu không thể hiểu
Tất cả tánh tự tánh	Pháp ngôn thuyết như bóng
Còn tự giác thánh trí	Thật tế ta đã nói.

Tất cả các pháp không có tự tánh, không thể nói bày, đây là nghĩa thậm thâm không không. Sanh tử không, niết bàn không. Chỗ đất tự giác thánh trí thật tế, chẳng phải kẻ ngu hay hiểu. Cho nên trong kinh đều là ngôn thuyết tự tánh, pháp như bóng, vang, vì phương tiện chỉ chỗ trở về. Tông Cảnh nói : "Ngôn thuyết là từ giác quán

sanh, là cộng tướng hòa hợp mà khởi. Phân biệt là nhơn ý thức sanh, là suy tính so lường mà khởi. Tóm lại mà nói, đều nhơn bất giác, giác quán tùy sanh. Nếu không có tâm bất giác thì tất cả các pháp thấy không có tự tướng có thể nói, chỉ trừ môn phương tiện mà vì mở bày, đạo tốt cùng trở về là vô ngôn".

D⁵) *Chỉ Như Lai tàng tự giác thánh trí là bốn câu có không :*

Đại Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Cúi xin vì nói là một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường chỗ, chẳng hành của tất cả ngoại đạo, là chỗ hành của tự giác thánh trí. Là vọng tưởng tự tướng cộng tướng vào nghĩa đệ nhất chơn thật. Các địa thứ lớp tiến lên được tướng thanh tịnh, tùy vào địa tướng của Như Lai, bản nguyện không khai phát. Ví như châu ma ni có các hình sắc, cảnh giới vô biên tướng hạnh, tướng tự tâm hiện thú bộ phận, tất cả các pháp. Con và các vị Đại Bồ Tát là kiến chấp vọng tưởng tự tánh, tự tướng, cộng tướng như thế v.v..., chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến tất cả chúng sanh được tất cả an lạc đầy đủ sung mãn.

Ở Tây Vực có 96 thứ ngoại đạo đều do bốn câu có, không v.v... khởi ra 62 lưới kiến chấp. Luận Bảo Tánh nói : "Bồ tát không loạn ý đối với chơn không diệu hữu này vẫn có ba cái nghi. Một là nghi không để diệt sắc, chấp cái không đoạn diệt. Hai nghi không khác với sắc, chấp ngoài sắc có không. Ba nghi không là vật, chấp không làm hữu". Bồ tát còn vậy, huống là phàm phu ngoại đạo ư ? Đại Trí Độ Luận kệ nói : "Có không hai kiến diệt chẳng còn, các pháp thật tướng Phật đã nói". Chu pháp thật tướng là nói chỗ hành của tự giác thánh trí. Thiên Dẫn Tuyệt vô ý quán nói ⁽¹⁾: "Nghĩa là chơn không này không thể nói tức sắc chẳng tức sắc, không thể nói tức không chẳng tức không, tất cả đều không thể nói, không thể nói cũng không thể nói. Lời này cũng chẳng thọ, vượt xa không còn chỗ gá, chẳng phải chỗ lời nói đến, chẳng phải chỗ hiểu được, ấy gọi là hạnh cảnh. Vì có sao ? Vì sanh tâm động niệm liên trái pháp thể, liên mất chánh niệm. Cho đến, nếu tiền giải không rỗng suốt thì không do đâu tiếp tục tu hành. Nếu chẳng giải hạnh pháp này, dứt cái

(1) Ngài Đô Thuận Pháp sư làm bộ Pháp Giới quán có năm thiên, mà Dẫn Tuyệt vô ý quán là một thiên trong ấy.

tiên giải không do đâu thành chánh giải kia. Nếu giữ cái giải chẳng bỏ thì không do đâu vào chánh hạnh. Thế nên hạnh do giải thành, hạnh khởi giải tuyệt : Nghĩa đệ nhất chọn thật y cứ vào sơ địa kiến tạo từ nhận được thật tướng các pháp. Kinh Hoa Nghiêm thì chỉ Thập trụ sơ tâm thấy rõ Phật tánh cùng Phật không khác. Trải qua các vị một vị tức là tất cả vị, hạnh bố (liệm thứ) viên dung (đốn ngộ) thuần dùng vô công dụng đạo nhiệm vận tiến đến Phật. Vào cõi nước vô biên khắp hiện sắc thân, đều chẳng ngoài sai biệt trí do tự tâm hiện ra. Bốn câu là, câu một, câu khác, câu cũng một cũng khác, câu chẳng phải một chẳng phải khác. Câu một là nhiếp thuộc về hữu và thường. Câu khác là nhiếp thuộc về vô và vô thường. Ba cái này đều có bốn câu. Pháp của ta cũng có nghĩa phá bốn câu. Văn Niết bàn Luận nói : "Còn mà chẳng phải là hữu, để phá chấp thường của Thanh văn. Mất mà chẳng phải là vô, để phá chấp đoạn của Thanh văn. Mất mà chẳng phải là vô, tuy vô mà là hữu. Còn mà chẳng phải là hữu, tuy hữu mà là vô". Đây là song phá hữu vô, hiển bày cũng hữu cũng vô. Tuy hữu mà vô nên nói phi hữu. Tuy vô mà hữu nên nói phi vô. Đây là phá cũng hữu cũng vô, hiển bày phi hữu phi vô. Thấy đều lẫn nhau phá trừ để hiển trung đạo là chỗ Phật sở hành.

Phật bảo Đại Huệ : Lành thay ! Lành thay ! Ông hay hỏi ta nghĩa như thế được nhiều an lạc, được nhiều lợi ích, thương xót tất cả chu thiên và người đời. Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, tôi sẽ vì ông phân biệt giải nói. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn lành thay ! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Phạm phu ngu si chẳng biết tâm lượng, chấp tánh trong ngoài, y nơi một, khác, đồng chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, tự tánh là tập như chấp trước vọng tưởng.

Chẳng biết tự tâm hiện lượng thì toàn thể là thức, tự nhiên chẳng biết lý do các tánh trong ngoài, lầm ở trước mắt vọng sanh phân biệt. Đây là sở do sanh tứ cú. Tập như là chỉ cho chủng thức. Chẳng biết tâm lượng tức thành tập như, cố nhiên sanh chấp trước vậy.

Ví như bấy nai bị khát bức ngặt thấy sóng nắng trong mùa xuân mà khởi tưởng là nước, mê loạn chạy tìm, không biết chẳng có nước. Như thế, người ngu hu ngụy vọng tưởng huân tập từ vô thủy, ba độc đốt tâm ua cảnh giới sắc, thấy sanh trụ diệt, chấp tánh trong ngoài, rơi nơi tướng một, khác,

đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường vọng kiến nhiếp thọ.

Trước nói các kiến chấp khởi lên là do mê tự tâm lượng, mà thành chủng thức, thấy có trong ngoài, sanh bốn thứ tà kiến. Đây nói hiện hạnh và chủng tử cùng nhau sanh, lẫn nhau hoặc loạn, đối với cứu cánh không, thành cứu cánh có.

Như thành càn thất bà, phàm phu không trí khởi tướng là thành, tập khí chấp trước tướng từ vô thủy hiện. Kia chẳng phải có thành, chẳng phải không thành. Như thế, ngoại đạo hư ngụy tập khí chấp trước từ vô thủy, y nơi thấy một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường không thể rõ biết tự tâm hiện lượng.

Tập khí chấp trước tướng từ vô thủy hiện, kia chẳng phải thành chẳng phải không thành, đây là nói rất rõ tâm sắc tất cả cảnh giới hiện tiền đều duy thức biến, chẳng thật có không, nên nói như huyền bất khả tư nghì. Ngoại đạo không trí lầm là thật có, lường thêm tà kiến.

Thí như có người mộng thấy nam nữ, voi ngựa, xe cộ, thành ấp, vườn rừng, núi sông, ao hồ các thứ trang nghiêm, tự thân vào

trong ấy, khi thức rồi chỉ còn nghĩ nhớ. Đại Huệ ! Ý ông nghĩ sao ? Kẻ kia như thế, đối với việc mộng trước nhớ nghĩ chẳng bỏ, là người thông minh chăng ? Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Chẳng thông minh. Phật bảo Đại Huệ : Phàm phu như thế bị ác kiến nó nhai, ngoại đạo trí huệ mà chẳng biết tự tâm hiện tánh như mộng, y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường.

Đây lấy việc thấy trong mộng so sánh cho dễ biết. Đến khi thức rồi nhớ nghĩ chẳng bỏ, gồm dụ cho người ngu, biết rõ các pháp chẳng có như khác, mà chấp pháp trong ngoài vẫn cố chẳng quên.

Thí như tượng vẽ chẳng cao chẳng thấp, mà phàm ngu kia khởi tưởng cao thấp. Như thế đời sau ngoại đạo ác kiến tập khí đầy đây y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường tự hoại và hoại người. Còn luận là có không vô sanh cũng là ngôn thuyết không, kiến chấp bài báng như quả, nhớ gốc thiện căn, hoại như thanh tịnh. Người thẳng cầu phải xa là đó. Khởi

nói như thế là họ rơi nơi kiến chấp tự, tha, đồng, là vọng tưởng có không rồi, chìm nơi kiến lập (có) và phi báng (không), do ác kiến ấy sẽ đọa vào địa ngục.

Thế Tôn nơi đây thâm trách ngoại đạo ác kiến, dựng lập tự tông phi báng chánh pháp, lưu truyền đời sau, tự hoại và hoại người sẽ đọa địa ngục.

Thí như con mắt bệnh thấy có tóc rũ, liền bảo mọi người rằng các ông xem đây, mà thật tóc rũ cứu cánh phi tánh phi vô tánh, vì thấy và chẳng thấy. Như thế, ngoại đạo vọng kiến hy vọng y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, mà phi báng chánh pháp tự đọa và làm người đọa.

Cứu cánh phi tánh phi vô tánh, vì thấy và chẳng thấy là, tất cả pháp thấy như tóc rũ, chẳng phải tánh có không, do người thấy cùng chẳng thấy, đây là chỉ thẳng duy thức. Lập lại nói phi báng chánh pháp, tự đọa và làm người đọa, là lòng thương xót thiết tha của Như Lai, đại khái có thể thấy vậy.

Thí như vòng lửa chẳng phải vòng, người ngu tưởng là vòng, chẳng phải là người có

trí. Như thế, ngoại đạo ác kiến hy vọng y nơi một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, tướng tất cả tánh sanh.

Bản dịch đời Ngụy không có đoạn này, cũng khá dự không có nghĩa riêng cho nên lược.

Thí như bong bóng nước giống như châu ma ni, đứa bé ngu không trí khởi tướng ma ni, chấp trước tìm cầu. Song bong bóng nước kia không phải ma ni, chẳng phải phi ma ni, vì chấp và chẳng chấp. Như thế, ngoại đạo ác kiến vọng tưởng tập khí huân tập, đối với vô sở hữu nói là có sanh, duyên nơi có sanh nói là diệt.

Bong bóng nước là một, vì có người chấp người chẳng chấp, chẳng phải thật có sanh diệt. Phạm phu ngoại đạo đối với bong bóng nước vô sở hữu mà chấp cho là hữu. Kẻ ngu duyên nơi bong bóng nước có, chẳng chấp cho là diệt. Kinh Ương Quật Ma La bài kệ nói : "Thí như có kẻ ngu, thấy bọt sanh vọng tưởng, cho là châu lưu ly, lấy rồi đem trở về, để nó ở trong bình, gìn giữ như chơn bảo, chẳng lâu thấy tiêu dung, tưởng không lặn yên đứng, nơi chơn lưu ly khác, cũng lại khởi tưởng không. Văn Thù cũng như thế, tu hành tột không tịch, thường khởi suy nghĩ không, phá

hoại tất cả pháp. Giải thoát thật chẳng không, mà khởi tướng tốt không, ví như thấy bọt tiêu, lặn hoại các chơn bảo. Người nay cũng như thế, lặn khởi tướng tốt không, thấy được pháp không rồi, chẳng không cũng nói không".

Lại nữa, Đại Huệ ! Có ba thứ lượng, năm phần luận, mỗi thứ dựng lập rồi, được thánh trí tự giác, lìa việc hai tự tánh, mà khởi hữu tánh vọng tướng chấp trước.

Ba thứ lượng là, hiện lượng, tỷ lượng, thánh ngôn lượng. Hiện lượng là, thật cảnh hiện tiền, chẳng rơi vào ý ngôn, thân được pháp thể không có lấm lẩn, như tự giác thánh trí, tương ưng với chứng biết. Tỷ lượng là, so sánh mà biết, như nhưn cảnh mộng mà biết là tự tâm hiện, tuy chẳng phải thân chứng, mà so sánh biết không đối. Thánh ngôn lượng là, như Pháp thân Phật nói. Báo thân Phật nói, Hóa thân Phật nói, nhất định làm mô phạm. Ba chỉ là, tông, nhưn, dụ. Như đối với giáo pháp của ta lập lượng rằng : "Như Lai tạng đệ nhất nghĩa tâm là Tông. Nhưn nói, vì tự tâm hiện lượng. Dụ nói như hoa trong gương, trăng đáy nước và cảnh trong mộng". Như đối với với ngoại đạo lập lượng rằng : Kia do thần ngã thắng tánh là Tông. Nhưn nói, vì tập khí hư vọng từ vô thủy và tác giả có không. Dụ nói, như

lông rùa, dầu cát, bình bể v.v... Ba chi này cũng gọi là ba chi tỷ lượng, cùng với Hợp, Kết thành năm. Ba lượng và năm phần đều là Như Lai nói ra, để hiển bày thánh trí tự giác, là kiến chấp có và không. Song họ chẳng dụng lập thánh trí tự giác, lại khởi có tánh phân biệt, đây là phá nội ngu ngã tướng.

Đại Huệ ! Tâm, ý, ý thức thân tâm chuyển biến, tự tâm hiện năng nhiếp sở nhiếp các vọng tưởng dứt. Như Lai địa tự giác thánh trí, người tu hành không đối với kia khởi tướng tánh và phi tánh. Nếu người tu hành kia nơi cảnh giới như thế, tánh (có) phi tánh (không) nhiếp thủ tướng sanh thì kia chấp trường dưỡng và chấp ngã nhơn.

Tâm, ý, ý thức thân tâm chuyển biến, tự tâm hiện năng nhiếp sở nhiếp vọng tưởng dứt là, đã chuyển tâm, ý, ý thức thì tự tâm hiện ra năng thủ và sở thủ các vọng tưởng liền đoạn. Cho nên lại nói : Như lai tự giác thánh trí chẳng nên nơi kia lại khởi thấy có không. Nếu người tu hành đối cảnh giới tự giác là pháp có không, mà khởi chấp có tánh tướng, tức là rơi vào ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Đây là nương văn trước là khởi chấp trước có tánh lại thêm một phen cạo gọt. Kinh Viên Giác nói : "Tâm ấy cho đến chứng

cứu cánh Như Lai rõ biết niết bàn thanh tịnh đều là ngã tướng". Lại nói : "Ngộ rồi vượt hơn tất cả chúng thấy là nhơn tướng". Lại nói : "Liễu chúng liễu ngộ đều là ngã nhơn, mà tướng ngã nhơn chẳng kịp, còn có sở liễu gọi là chúng sanh tướng". Lại nói : "Tâm chiếu thanh tịnh giác được sở liễu, tất cả nghiệp trí trọn không tự thấy vẫn như mạng căn". Lại nói : "Như nước sôi làm tiêu băng, không riêng có băng, biết băng tiêu vẫn còn ngã để giác ngã, cũng lại như thế". Cho nên biết được tự giác thánh trí, là việc hai tự tánh (có, không) mà còn khởi hữu tánh vọng tưởng chấp trước, đều chẳng là tướng bốn câu này.

Đại Huệ ! Nếu nói tánh kia tự tánh, tự tướng, cộng tướng, tất cả đều là Hóa Phật nói ra, chẳng phải pháp Phật nói. Lại, các ngôn thuyết thấy dò ngu phu hy vọng kiến chấp mà sanh. Chẳng vì riêng dựng lập đến pháp tự tánh. Người được thánh trí tự giác tam muội lạc trụ, mới phân biệt hiển bày.

Đây lại nói Như Lai có khi nói tánh, nói tướng, các thứ tự và tha, đều là Hóa Phật nói. Bởi vì ngu phu hy vọng có sở đắc, vì chỉ hóa thành, mà chẳng thật có kiến lập tiến đến pháp tự tánh. Vì người được thánh trí tự giác tam muội lạc trụ phân biệt hiển bày. Nhật dụng của

chúng sanh thật chẳng phải vô thường. Vì trừ chấp thường nói tướng vô thường, cho đến cũng phi vô lạc, ngã, tịnh. Vì trừ chấp lạc, ngã, tịnh nên nói tướng vô lạc, ngã, tịnh. Thánh trí tự giác cũng không đắc quả đắc thiên, vì thuận theo hy vọng nói quả tướng, nói thiên tướng. Nếu không hy vọng, ắt Như Lai trước sau chẳng nói. Cho nên hy vọng tình kiến muốn đoạt gấp trong khi Phật nói, mà thánh trí thâm hợp, phải mở đường tỏ ngộ ngoài lời nói. Như Lai vẫn có nói ra ở đây, mà chỉ thú lại ở kia. Đem chỗ này để rõ ngôn thuyết trọn chẳng đến, tức dùng dẫn dụ lia lời nói tự đến. Trong nước chẳng phải mặt trăng, mà mặt trăng sáng hiện rõ ràng. Trong gương chẳng phải hình tượng, mà vạn tượng sum la đều lập. Chỗ chỉ lý chưa bày, mà thánh ý ẩn hiển vậy. Xem văn sau Hóa Phật nói ra, như bóng hình v.v... Mới biết chỗ mê của ngu phu ngoại đạo, là chỗ thông của người trí, không có hai đường vậy.

Thí như trong nước có bóng cây hiện, nó chẳng phải bóng phi chẳng phải bóng, chẳng phải hình cây phi chẳng phải hình cây. Như thế, ngoại đạo do kiến tập huân, vọng tưởng chấp trước, y nơi tướng một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường mà không thể hiểu tự tâm hiện

lượng. Ví như gương sáng tùy duyên hiển hiện tất cả sắc tượng, mà không vọng tưởng. Kia chẳng phải tượng phi chẳng phải tượng, mà thấy tượng, chẳng phải tượng. Ngu phu vọng tưởng mà khởi tưởng là tượng. Như thế, ngoại đạo ác kiến nơi tự tâm tượng hiện, vọng tưởng chấp trước, y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Thí như gió và nước hòa hợp phát ra tiếng. Kia chẳng phải tánh, phi chẳng phải tánh. Như thế, ngoại đạo ác kiến vọng tưởng y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Ví như quả đất chỗ không có cỏ cây, do sức nắng nóng thấy như suối chảy, sóng dậy, mây tụ, kia chẳng phải tánh, phi chẳng phải tánh, vì tham và không tham. Như thế, ngu phu hư ngụy tập khí huân tập từ vô thủy, vọng tưởng chấp trước y nơi sanh trụ diệt, một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, duyên môn tự trụ sự, cũng như nắng nóng, sóng mồi. Ví như có người dùng chú thuật máy phát động, chẳng phải trong số chúng sanh, do quý tỳ xá xá phương tiện hiệp thành, dao

động, lắng xăng, phàm phu vọng tưởng chấp trước cho là có qua lại. Như thế ngoại đạo ác kiến hy vọng, y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, hý luận chấp trước, chẳng thật kiến lập. Đại Huệ ! Thế nên muốn được việc tự giác thánh trí phải lìa sanh trụ diệt, một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường v.v... ác kiến vọng tưởng.

Đây nêu ra do Hóa Phật nói để chỉ quyền, thật gồm bày. Bởi do tự tâm hiện lượng không mình không người, tùy duyên cảm đến ứng vật hiện hình, mặc các hữu tình phân biệt thấy khác. Bóng cây trong nước chẳng thuộc có không. Gương sáng hiện hình vốn không tâm chiếu. Gió nước phát tiếng chẳng phải nhọn chẳng phải duyên. Do sức nắng nóng thấy như sôi chảy, sóng dậy, mây tụ, tham cùng không tham đều chẳng phải sanh diệt. Bởi chú thuật nên tử thi đi, máy động, tượng dậy, trợn không có sự thật, mà đi đến rõ ràng. Đây đều là tự tâm hiện ra, chẳng phải chơn chẳng phải vọng, chẳng kia chẳng đây, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng giác chẳng tri. Như Lai lấy mộng huyền trắng đáy nước thuận theo căn dục kia, mà dùng toàn cơ

đại dụng, ngộ đây tu hành. Ngu phu và ngoại đạo chẳng biết ở trong thánh trí tự chứng, vọng khởi tà kiến, có kiến lập ra đều thành hý luận.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng :

Huyễn, mộng, bóng cây	Tóc rủ, nắng mùa
	nước nóng
Như thế xem ba cõi	Cứu cánh được giải
	thoát.

Bài kệ này nói các pháp trong ba cõi, không thể có không, thấy đều như việc mộng huyễn v.v... Khởi quán như thế liền đó được giải thoát.

Ví như nai khát tưởng	Động chuyển tâm mê
	loạn
Nai tưởng cho là nước	Mà thật không có nước.
Như thế chủng tử thức	Động chuyển thấy cảnh
	giới
Người ngu vọng tưởng	Như mắt nhắm bị che
	sanh
Nơi sanh tử vô thủy	Chấp trước tánh nhiếp
	thọ
Như ngược chốt tháo chốt	Xả lìa tham nhiếp thọ.
Như huyễn chú máy động	Mây nổi mộng điện
	chớp

Quán thế được giải thoát **Hằng đoạn ba tương tục.**
Nơi kia không người tạo **Ví như nắng trong**
không
Như thế biết các pháp **Tức là không chỗ biết.**

Năm bài kệ này nói ba cõi như mộng huyễn vốn không sự thật. Do chủng tử thức vọng thấy cảnh giới, như mắt bệnh thấy hoa đốm, lầm cho hoa từ con mắt sanh, chấp con mắt thấy hoa là tánh nhiếp thọ. Đây chính là căn bản sanh tử từ vô thủy, vọng tâm phân biệt. Nếu hay tức cái phân biệt này biết là vọng phân biệt, như tháo chốt ra. Mới biết máy động, chú đứng dậy, mây nổi, mộng, điện chớp, ngay đó không người, liền được xa lìa tam độc nhiếp thọ, mà không có người xa lìa. Nên nói dùng trí vô tác quán tất cả pháp, mà không phải cảnh giới giác tưởng.

Ngôn giáo chỉ giả danh **Kia cũng không có**
tướng
Nơi kia khởi vọng tưởng **Ấm hành như tóc rũ**
Như vẽ, tóc rũ, huyễn **Mộng, thành càn thất bà**
Vòng lửa, sóng nắng **Không mà hiện chúng**
nóng **sanh.**
Thường, vô thường, một, **Đồng, chẳng đồng cũng**
khác **vậy,**
Lỗi vô thủy tiếp nối **Kẻ ngu si vọng tưởng.**

Gương sáng, nước trong, Ma ni diệu bảo châu
mắt

Trong ấy hiện các sắc Mà thật không thể có
Tất cả tánh hiển hiện Như vẽ sóng nắng nóng
Các thứ sắc hiện bày Như mộng không thể có.

Năm bài kệ này nói Như Lai thuyết pháp cũng vì chúng sanh giả lập danh ngôn. Như đó phân biệt vọng kiến, nên bảo họ rằng : "Năm ấm các hành như tóc rũ v.v... Ở trong cái vô sanh mà hiện việc sanh". Cho đến bốn câu tà chấp cũng lại như thế, đều là hư ngụy từ vô thủy. Kẻ ngu không biết vọng sanh phân biệt. Hai bài kệ sau, lại nói tất cả ngôn giáo đều tùy theo căn dục của chúng sanh có bày hiện ra mà chẳng phải pháp thật. Đây là nhờ gốc kẻ ngu như lời nói sanh hiểu biết. Như Lai dẫn đường từ quuyến về thật, ý rất thâm thiết.

Lại nữa, Đại Huệ ! Như Lai nói pháp là bốn câu như thế. Nghĩa là một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Là nơi, có không kiến lập và phi báng phân biệt, kiết tập chơn đế đạo, diệt, giải thoát. Như Lai nói pháp lấy đó làm đầu, chẳng phải tánh, chẳng phải tự tại thiên, chẳng phải vô như, chẳng phải vi trần, chẳng phải thời, chẳng

phải tự tánh tương tục, mà vì nói pháp. Lại nữa, Đại Huệ ! Vì sạch phiền não và sở tri chướng, ví như thương chủ dẫn đường thứ lớp dựng lập 108 câu vô sở hữu, khéo phân biệt các thừa và tướng các địa.

Đây là tổng kết Như Lai nói pháp là lia tứ cú có không phân biệt, để kiết tập chơn đế. Chơn đế là tự giác thánh trí đệ nhất nghĩa đế, đây chẳng phải tứ đế của nhị thừa, mà có thể so sánh. Thấy tự giác đệ nhất chơn đế, mới hay thâm đạt lý duyên khởi. Tùy thuận tu đạo chứng nơi tịch diệt mà được giải thoát. Đây là lý do cùng với luận của ngoại đạo nào là thắng tánh, tự tại v.v... khác vậy. Đoạn hai thứ chướng cũng tức là việc tu đạo chứng diệt. Song đều kiết tập nơi tự giác chơn đế. Nên nói dựng lập 108 câu vô sở hữu. Vô sở hữu tức chỉ chơn đế, không tất cả kiến chấp hữu vô. Tức thế gian tức phi thế gian, tức xuất thế gian, tức phi xuất thế gian, câu ấy rõ ràng trong sạch, thuần nhất không tạp. Cho nên biết vô sở hữu, là kho tàng bí mật của Như Lai, trong sạch không nhơ. Được trụ đây rồi tự hay khéo phân biệt biết các tướng thừa, địa. Đây vẫn là thuận tánh khởi dụng, khéo dùng các phương tiện để tự trang nghiêm, mà chẳng phải riêng có. Như Lai thuyết pháp khắp vì các Bồ tát thành

tự tự giác, như thương chủ dẫn đường, đến nơi Bảo sở, lại không có pháp thật.

D⁶) Chỉ bốn thứ thiên để hiển Như Lai thanh tịnh chẳng đồng nhị thừa.

Lại nữa, Đại Huệ ! Có bốn thứ thiên. Thế nào là bốn ? Nghĩa là ngu phu sở hành thiên, quán sát nghĩa thiên, phan duyên nhu thiên, Như Lai thiên. Thế nào là ngu phu sở hành thiên ? Nghĩa là Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo tu hành, quán như vô ngã, tự tướng, cộng tướng, các lông xương, vô thường, khổ, tướng bất tịnh, chấp trước làm đầu. Tướng như thế chẳng quán khác, trước sau chuyển tiến, tướng chẳng trừ diệt. Ấy gọi là ngu phu sở hành thiên.

Bốn thứ thiên, chỉ ngu phu sở hành thiên là chỗ tu của nhị thừa ngoại đạo. Quán sát thiên, duyên nhu thiên là hành tướng của các địa. Như Lai thiên là tướng cứu cánh của tự giác thánh trí. Nhị thừa quán khổ, không, vô ngã, bất tịnh, tu tập tứ đế. Nghĩa là biết khổ, đoạn tập, tu đạo, chứng diệt. Đây là đối trị thế gian vô thường chấp là thường, vô lạc chấp là lạc, vô ngã chấp là ngã, bất tịnh mà chấp là tịnh. Tu quán vô ngã, quán thành tự rồi, đến chỗ ái hết được niết bàn, mà pháp tướng trong ngoài trọn chẳng trừ diệt.

Do chẳng biết pháp trong ngoài tự tâm hiện ra, cho là thật có chỗ diệt, thật có chỗ chứng. Đây tuy là chánh pháp mà đồng với ngoại đạo. Cho nên Thế Tôn của ta ở trên hội Niết bàn, đặc biệt vì nhị thừa nói bốn thật đế. Gọi Bồ tát Văn Thù nói : "Có khổ có đế có thật, có tập có đế có thật, có diệt có đế có thật, có đạo có đế có thật. Như Lai phi khổ phi đế là thật. Hư không phi khổ phi đế là thật. Phật tánh phi khổ phi đế là thật. Đây nói khổ, là tướng vô thường, là tướng nên đoạn, ấy là chơn đế. Tánh của Như Lai phi khổ phi vô thường, chẳng phải tướng nên đoạn, thế nên là thật. Nói là tập, hay khiến năm ấm hòa hợp mà sanh, cũng gọi là khổ, cũng gọi là vô thường, ấy là tướng nên đoạn. Tánh Như Lai chẳng phải tánh tập, chẳng phải là nhơn ấm, chẳng phải là tướng nên đoạn, thế nên là thật. Nói là diệt, gọi là phiền não diệt, cũng có thường vô thường, là sở đắc của nhị thừa, gọi là vô thường. Sở đắc của chư Phật ấy gọi là thường, cũng gọi là chứng pháp, ấy là thật đế. Tánh của Như Lai chẳng gọi là diệt, mà hay diệt phiền não, chẳng phải có thường và vô thường, chẳng gọi là chứng biết mà thường trụ không biến, thế nên là thật. Đạo là hay đoạn phiền não, cũng có thường vô thường, là pháp nên tu, ấy gọi là thật đế. Như Lai chẳng phải đạo, mà hay đoạn phiền não, chẳng phải có

thường và vô thường, chẳng phải pháp nên tu, thường trụ chẳng biến đổi, thế nên là thật. Lại nói : "Các ngoại đạo v.v... có khổ tập đế, không diệt đạo đế. Đối với cái chẳng phải diệt mà sanh tướng diệt, đối với cái chẳng phải đạo mà sanh tướng đạo, đối trong cái chẳng phải quả mà sanh tướng quả, đối trong chẳng phải nhơn mà sanh tướng nhơn. Bởi do nghĩa này nên kia không có một đạo thanh tịnh". Kinh này nói : "Trước sau chuyển tiến, tướng chẳng trừ diệt, chính chỉ có tướng nên đoạn, có tướng nên tu, pháp bị chứng biết. Nên nói chẳng phải quả mà sanh tướng quả, chẳng phải nhơn mà sanh tướng nhơn.

Thế nào là quán sát nghĩa thiện ? Nghĩa là nhơn vô ngã, tự tướng, cộng tướng và ngoại đạo tự, tha, đồng, không tánh rồi, quán pháp vô ngã, nghĩa tướng địa kia thứ lớp tăng tiến, ấy gọi là quán sát nghĩa thiện.

Đây là quán pháp vô ngã, mới vào duy thức. Chứng duy thức Bồ tát đạt tất cả pháp không, gọi là phần kiến đạo, ấy là sơ địa. Do nghĩa tướng các địa ấy thứ lớp tăng tiến.

Thế nào là phan duyên nhu thiên ? Nghĩa là vọng tưởng về hai vô ngã vẫn là vọng tưởng, chỗ nhu thật chẳng sanh vọng tưởng, ấy gọi là phan duyên nhu thiên.

Vào đất chơn như thật tế, đã thấy pháp tướng hai vô ngã thanh tịnh, còn không hiện tiền. Nếu tướng này hiện tiền, vẫn gọi là vọng tướng, chẳng gọi là như thật chúng biết.

Thế nào là Như Lai thiền ? Nghĩa là vào đất Như Lai được tướng tự giác thánh trí, ba thứ lạc trụ, thành tựu việc bất khả tư nghì cho chúng sanh, ấy gọi là Như Lai thiền.

Ba thứ lạc trụ là nói ba tam muội, không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội. Không là đối 25 cõi chẳng thấy có một pháp thật. Vô tác là đối 25 cõi chẳng khởi nguyên câu. Vô tướng là không có mười tướng : sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, trụ tướng, diệt tướng, nam tướng, nữ tướng. Thật tướng cũng có ba thứ vui : một thọ vui, hai vắng lặng vui, ba giác trí vui. Như Lai thường trụ không có đổi dời, gọi là thật tướng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng :

**Phàm phu sở hành thiền Quán sát tướng nghĩa
thiền**

**Phan duyên như thật thiền Như Lai thanh tịnh
thiền.**

Thí như hình nhật nguyệt Bát dấu ma lạng sâu

Như hư không lửa hết	Người tu hành quán sát.
Như thể các thứ tướng	Ngoại đạo nói thông thiền
Cũng rơi vào Thanh văn	Và cảnh giới Duyên giác.
Bỏ lìa tất cả kia	Tức là vô sở hữu
Tất cả cõi chư Phật	Dùng tay bắt tư nghi.
Một lúc rở đánh kia	Tùy thuận vào tướng như.

Bát đầu ma dịch là hoa sen hồng. Hình nhật nguyệt, hoa sen hồng, tướng biển lặng sâu, hư không lửa hết đều là cảnh giới sai biệt của thiền định. Ngoại đạo, nhị thừa vì chấp trước nên thành tà kiến. Nếu tất cả bỏ lìa, liền đó tự giác tức là chỗ vô sở hữu. Liền được chư Phật gia hộ tùy vào Như Lai địa chơn như thật tướng.

D⁷)Chỉ Như Lai tạng tự tánh niết bàn chẳng đồng nhị thừa :

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Vào niết bàn, nói những pháp gì gọi là niết bàn ? Phật bảo Đại Huệ : Tất cả tự tánh, tập khí, tạng, ý, ý thức, kiến, tập chuyển biến gọi là niết bàn. Chư Phật và niết bàn của ta là cảnh giới tự tánh không sự.

Tự tánh tập khí tàng là thức thứ tám. Ý là thức thứ bảy. Ý thức là thức thứ sáu. Tức là tâm ý ý thức. Kiến tập chuyển biến, thức thứ tám tức là Như Lai tàng không có chuyển biến, bị chuyển biến chỉ là kiến và tập. Như Lai tàng bất giác vọng động khởi kiến phân, do đó nhưn, pháp luân biến thành tập khí. Nếu hay phát minh thức tức là tánh, liền lìa kiến tập, ấy gọi là niết bàn. Niết bàn gọi là tàng bí mật, như chữ y (o^oo) ba điểm. Kinh Niết Bàn nói : "Pháp giải thoát cũng chẳng phải niết bàn, thân Như Lai cũng chẳng phải niết bàn, ma ha bát nhã cũng chẳng phải niết bàn. Ba pháp mỗi thứ khác cũng chẳng phải niết bàn". Đây là Pháp thân Như Lai, trí huệ, giải thoát viên mãn không thiếu, chẳng phải dục, chẳng phải ngang, nên gọi là tự tánh không sự. Lại nói : "Tu đại Niết Bàn thấy biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng, không vô sở hữu, không có tướng hòa hợp hiểu biết".

Lại nữa, Đại Huệ ! Niết Bàn là cảnh giới thánh trí tự giác, lìa đoạn thường, vọng tướng tánh, phi tánh. Thế nào là phi thường ? Nghĩa là tự tướng, cộng tướng, vọng tướng dứt nên phi thường. Thế nào là phi đoạn ? Nghĩa là tất cả thánh quá khứ vị lai hiện tại được tự giác nên phi đoạn.

Kinh Niết Bàn nói : “Niết bàn không nhơn mà thể là quả. Vì có sao ? Vì không sanh diệt, vì chẳng làm ra, vì chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì thường chẳng đổi, vì không chỗ nơi, vì không thủy chung. Thiện nam tử ! Nếu niết bàn có nhơn thì không được gọi là niết bàn. Vì không nhơn nên chẳng rơi vào thường, vì thể tự giác thánh trí nên chẳng rơi vào đoạn. Lại niết bàn vô ngã, mà có tám thứ tự tại gọi là đại ngã : Một là hay thị hiện một thân làm vi trần thân. Hai là hay thị hiện một trần thân đầy cả đại thiên giới. Ba hay dùng thân đầy cả đại thiên giới nhẹ nhàng bay trong không. Bốn hay làm một việc mà khiến chúng sanh mỗi mỗi xong xuôi, hoặc ở một cõi mà khiến cõi khác đều thấy. Năm hay sáu căn hỗ dụng. Sáu hay được tất cả pháp mà không sở đắc. Bảy nói tự tại. Tám đầy khắp tất cả chỗ tự tại. Đây là cảnh giới Đại bát Niết bàn tự giác của ba đời Như Lai”.

Đại Huệ ! Niết bàn chẳng hoại chẳng tử. Nếu niết bàn tử, lại phải thọ sanh tương tục. Nếu hoại lẽ ung rơi vào tướng hữu vi. Thế nên, Niết bàn là hoại, là tử. Vì thế nên là chỗ nương về của người tu hành.

Thế Tôn thường bảo Ca Diếp rằng : “Người không nên khởi nghĩ tưởng này, bảo Như Lai

tánh là diệt tận. Ca Diếp : Diệt phiền não chẳng gọi là vật, vì hằng cứu cánh thế nên gọi là thường". Lại nói : "Thí như thánh vương nghỉ ở hậu cung, hoặc khi dạo chơi ở sau vườn, vua tuy chẳng ở trong thể nữ, không thể nói thánh vương mạng chung. Như Lai cũng vậy, tuy không hiện trong cõi Diêm Phù Đề, vào trong niết bàn, mà chẳng gọi vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não nơi Niết bàn an lạc, dạo vườn hoa giác, hoan hỷ thọ vui". Lại nói : "Nay ta sẽ khiến tất cả chúng sanh và đem bốn bộ chúng con ta thấy đều an trụ trong kho bí mật. Ta cũng an trụ trong ấy vào nơi Niết bàn". (Những đoạn này đều dẫn trong Kinh Niết Bàn).

Lại nữa, Đại Huệ ! Niết Bàn chẳng phải xả, chẳng phải đắc, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải một nghĩa, chẳng phải nhiều nghĩa, ấy gọi là Niết bàn.

Kinh Niết Bàn nói : "Giải thoát gọi là không có chỗ khác. Thí như có người chỉ ở trong cái nhà thanh tịnh thượng diệu, lại không có chỗ khác". Phàm không có chỗ khác là chẳng phải xả vậy. Lại nói : "Giải thoát gọi là không thể thủ. Như trái a ma lực người có thể nắm giữ, giải thoát không như vậy, không thể nắm giữ. Phàm không thể nắm giữ là chẳng phải đắc". Lại nói : "Giải

thoát gọi là đoạn tất cả pháp hữu vi, xuất sanh tất cả pháp vô lậu. Phàm đoạn hữu vi là chẳng phải thường, sanh vô lậu thì chẳng phải đoạn". Lại nói : "Giải thoát gọi là không thể lường, thí như biển cả không thể tính lường. Lại giải thoát gọi là một vị, như sữa chỉ có một vị, giải thoát cũng vậy, chỉ có một vị. Phàm không thể lường thì chẳng phải một nghĩa, chỉ có một vị thì chẳng phải nhiều nghĩa".

Dại Huệ ! Niết bàn của Thanh Văn, Duyên giác là giác được tự tướng cộng tướng, cảnh giới chẳng tập cận, chẳng kiến điên đảo, vọng tưởng chẳng sanh, những vị kia đối trong kia khởi tướng niết bàn.

Thanh văn, Duyên giác đối với bốn điên đảo khởi thấy chẳng điên đảo, tướng là niết bàn. Sao gọi là bốn điên đảo ? Nghĩa là chẳng biết Như Lai thường lạc ngã tịnh, cho nên đối trong thường tướng vô thường, đối trong lạc sanh tướng khổ, đối trong ngã sanh tướng vô ngã, đối trong tịnh sanh tướng bất tịnh, ấy gọi là bốn đảo. Do bốn điên đảo cho là chẳng điên đảo, nên có tu tập đều là tác nhơn, mà chẳng phải liễu nhơn, nên không phải chơn niết bàn.

Dại Huệ ! Hai thứ tướng tự tánh. Thế nào là hai ? Nghĩa là ngôn thuyết tự tánh tướng

chấp trước, sự tự tánh tướng chấp trước. Ngôn thuyết tự tánh tướng chấp trước là, từ vô thủy ngôn thuyết hư ngụy tập khí chấp trước sanh. Sự tự tánh tướng chấp trước là, từ bất giác tự tâm hiện chùng ngăn sanh.

Ngôn thuyết tập khí chấp trước là, như áo màu trắng nói là trắng, áo màu đen nói là đen, cũng có côi khác chẳng nói trắng đen. Cho nên biết đều là từ vô thủy truyền tập cho là quyết định trắng, quyết định đen. Sự tự tánh chấp trước là như sắc tâm v.v... sanh diệt hiện tiền, hoặc chấp có như, hoặc chấp không như, đều do chẳng biết tự tâm hiện ra vọng khởi tính xét. Hai tướng tự tánh này chính là sở do pháp chấp của phàm ngu và ngoại đạo, nên nói lập lại vậy.

D⁸) *Chỉ thân lục dụng lập chẳng rơi vào có không.*

Lại nữa, Đại Huệ ! Như Lai dùng hai thứ thân lục kiến lập, Đại Bồ Tát đánh lễ chu Phật nghe nhận hỏi nghĩa. Thế nào là hai thứ thân lục kiến lập ? Nghĩa là thân lục trong tam muội chánh thọ vì hiện tất cả thân mặt ngôn thuyết và thân lục tay quán đánh.

Đây là Như Lai kiến lập hai thứ thân lục, gia trì người tu hành trước sau hộ niệm, chẳng rơi

vào lối tẻ. Trong thiên định hiện thân mặt ngôn thuyết, đây là sơ địa trụ. Tay quán đánh là đây đủ thập địa được quán đánh trao ngôi vị. Nếu không có hai thứ thần lực, quyết định chẳng thành tựu.

Đại Huệ ! Đại Bồ Tát khi được sơ địa Bồ Tát trụ thần lực Phật, nên nói nhập Bồ Tát đại thừa chiếu minh tam muội. Nhập tam muội này rồi, mười phương thế giới tất cả chư Phật dùng sức thần thông vì hiện tất cả thân mặt ngôn thuyết, như Đại Bồ Tát Kim Cang tạng và các Bồ Tát khác, tướng công đức như thế thành tựu Đại Bồ Tát. Đại Huệ ! Ấy gọi là Sơ địa Bồ Tát.

Chiếu minh tam muội là, định quang minh. Bồ tát được nhập định này do trụ thần lực. Bồ tát Kim Cang Tạng trên hội Hoa Nghiêm nương sức gia trì của Phật, cử một lệ nhiều vậy.

Đại Bồ Tát được Bồ Tát tam muội chánh thọ thần lực, ở trăm ngàn kiếp chứa nhóm thiện căn được thành tựu tướng thứ lớp các địa đối trị và sở trị thông đạt cứu cánh, đến pháp vân địa trụ nơi cung điện Đại Liên Hoa vi diệu, ngồi tòa sư tử báu Đại Liên Hoa, đồng hàng Đại Bồ Tát quyến thuộc vây quanh, các thứ báu anh lạc trang nghiêm

thân, như huỳnh kim, chiêm bặc, nhật nguyệt quang minh, các bậc tối thắng tử từ mười phương đến, đến ngồi trong tòa trên cung điện Đại Liên hoa, mà quán đánh kia. Thí như chuyển luân thánh vương tự tại và thái tử của Trời Đế Thích quán đánh (rót nước trên đầu để truyền ngôi), ấy gọi là Bồ Tát tay quán đánh thần lực. Đại Huệ ! Đây gọi là Đại Bồ Tát hai thứ thần lực. Nếu Đại Bồ Tát trụ hai thứ thần lực này, diện kiến chư Phật Như Lai. Nếu chẳng như thế thì không thể thấy.

Đây nương Sơ địa, kể đến các địa nhẫn đến Thập địa quán đánh, đều là trụ thần lực của Phật.

Lại nữa, Đại Huệ ! Đại Bồ Tát phàm có phân biệt hạnh các pháp tam muội thần túc, những vị ấy tất cả đều trụ hai thứ thần lực của Như Lai. Đại Huệ ! Nếu Đại Bồ Tát là thần lực của Phật hay biện thuyết thì tất cả phàm phu cũng ưng biện thuyết. Vì có sao ? Vì không trụ thần lực. Đại Huệ ! Núi đá cây cối và các thứ nhạc khí thành quách cung điện, do sức oai thần của Như Lai khi nhập thành đều tự nhiên phát ra tiếng âm nhạc, hưởng là hữu tâm, mù điếc câm ngọng các

khổ vô lượng đều được giải thoát. Như Lai có vô lượng thần lực như thế... làm lợi ích an lạc chúng sanh.

Nói phạm phu ắt không thể biện thuyết, thấy Bồ tát có nhạo biện (nhạo thuyết biện tài) đều do trụ thần lực của Phật. Lại đề ra vô tình dẫn đến hữu tình thần lực rộng lớn bất khả tư nghì, song cũng là tự tâm hiện ra. Một thể tròn khắp các loài hàm thúc do tình sanh trí cách.

Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Do nhơn duyên gì Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác, Đại Bồ Tát khi trụ tam muội chánh thọ và khi thắng tiến địa quán danh, Phật gia trì thần lực kia ? Phật bảo Đại Huệ : Vì lìa ma nghiệp phiền não và chẳng rơi vào thiền Thanh văn địa, vì được Như Lai tự giác địa và vì tăng tiến pháp sở đắc. Thế nên, Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác gồm dùng thần lực kiến lập các vị Đại Bồ Tát. Nếu không dùng thần lực kiến lập ắt rơi vào ngoại đạo ác kiến vọng tưởng và các Thanh văn chỗ hy vọng của chúng ma, không được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì lẽ ấy, chư Phật Như Lai đều dùng thần lực nhiếp thọ chư Đại Bồ Tát. Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng :

**Thần lực nhơn trung tôn Đại nguyên thủy thanh
tịnh**
Tam ma để quán đảnh Sơ địa và thập địa.

Như Lai gia trì cho người tu hành trước sau quá đủ, mà ngu phu ngoại đạo không biết, tình chấp khó phá, trợn rơi vào đường tà, cũng nên lẫn nhau rần nhấc.

D⁹)Chỉ các pháp duyên khởi để hiển bày Như Lai tạng nghĩa phi nhơn duyên.

Bấy giờ Đại Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Phật nói duyên khởi tức là nói nhơn duyên, chẳng tự nói đạo. Thế Tôn ! Ngoại đạo cũng nói nhơn duyên. Nghĩa là thảng, tự tại, thời, vi trần sanh, như thế các tánh sanh. Nhưng, Thế Tôn ! Bảo là ngôn thuyết nhơn duyên sanh các tánh, hữu gián tất đàn và vô gián tất đàn (pháp thí).

Mười hai nhơn duyên từ vô minh khởi hành, vô minh là nhơn các hành là quả. Hành là nhơn thức là quả, đây là nhơn duyên sanh pháp. Ngoại đạo cũng nói từ nơi thảng tánh, tự tại, thời, vi trần v.v... là nhơn sanh tất cả pháp, nên nghi tất đàn vô gián. Gián là khác. Chẳng biết 12 nhơn duyên từ vô minh bất giác, chẳng phải tác giả sanh, cũng chẳng phải tự thể sanh, mà ngoại đạo

vọng chấp là thắng tánh, nói là tác giả hay sanh các pháp. Chẳng biết kia mê tự thể, bèn lấy tự thể sở mê làm như các pháp, toàn thể đều là thức, thức tánh hư vọng cũng tức là không như.

Thế Tôn ! Ngoại đạo cũng nói có, không là như có sanh, Thế Tôn cũng nói không như có sanh, sanh rồi diệt. Như Thế Tôn đã nói, vô minh duyên hành, cho đến lão tử. Đây là Thế Tôn nói không như, chẳng phải nói có như. Thế Tôn kiến lập khởi nói như vậy : "Đây có nên kia có", chẳng phải kiến lập thứ lớp sanh. Xét ngoại đạo nói là thắng, chẳng phải Như Lai. Vì có sao ? Thế Tôn ! Ngoại đạo nói như chẳng theo duyên sanh mà có chỗ sanh. Thế Tôn nói quán như có quả, quán quả có như, như thế như duyên tạp loạn, như thế lần lượt không cùng.

Ngoại đạo cho tác giả là sanh như, tức là vô như, bèn nghĩ Thế Tôn nói bất giác vọng khởi, khởi rồi lại diệt cũng là vô như. Đây có nên kia có, nghĩa là đây có vô minh nên kia có các hành, lại nghĩ Thế Tôn chẳng kiến lập sanh như thứ lớp mà khởi. Kia đây sanh nhau thì như duyên tạp loạn. Trái lại chẳng bằng ngoại đạo nói tác giả rất thắng. Chẳng biết thấy do bất giác dường như có sanh khởi, như thành ra quả, quả lại

khởi nhơn, đều do vọng kiến thật không có nghĩa sanh.

Phật bảo Đại Huệ : Ta không phải nói vô nhơn và nói nhơn duyên tạp loạn. Đây có nên kia có là năng nhiếp sở nhiếp phi tánh, giác tự tâm hiện lượng. Đại Huệ ! Nếu chấp trước năng nhiếp sở nhiếp, không giác tự tâm hiện lượng, cảnh giới bên ngoài là tánh phi tánh, kia có lỗi như thế, chớ chẳng phải ta nói duyên khởi. Ta thường nói rằng nhơn duyên hòa hợp mà sanh các pháp chẳng phải vô nhơn sanh.

Giác tự tâm hiện lượng mới biết năng thủ sở thủ đều do bất giác, vọng thấy có không, chẳng phải cảnh giới bên ngoài thật có tự tánh. Ngoại đạo chẳng giác tự tâm hiện ra mà đối với ngoại cảnh chấp tánh cùng phi tánh, vọng sanh chấp trước, do đó mà có lỗi. Đến như thế gian nhơn duyên, đã có nghiệp nhơn thì khó trốn khổ hệ. Tình mê chưa hết mà nói tất cả vô ngại ắt không thể được. Nên nói "không ngã, không tạo tác, không thọ mà nghiệp thiện ác trọn không mất". Nói chẳng tự sanh mà chẳng phải phi sanh, chẳng phải vô nhơn sanh.

Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Chẳng phải ngôn thuyết có tánh mà có tất cả tánh

ư ? Thế Tôn ! Nếu không tánh thì ngôn thuyết chẳng sanh. Thế nên ngôn thuyết có tánh có tất cả tánh.

Đây như ngu phu và ngoại đạo y nơi danh tướng mà sanh vọng tưởng, cho là thật có các pháp. Nếu không có các pháp thì ngôn thuyết không có chỗ y khởi. Chẳng biết tất cả cảnh giới đều do tự tâm bất giác vọng hiện. Lại như vọng niệm mà sanh chấp thủ, vọng chấp danh tự. Đã có ngôn thuyết thấy thuộc về việc mê, không có nghĩa thật.

Phật bảo Đại Huệ : Không tánh mà có ngôn thuyết, nghĩa là như sừng thỏ lông rùa v.v... Thế gian hiện ngôn thuyết. Đại Huệ ! Phi tánh, chẳng phải phi tánh, chỉ có ngôn thuyết mà thôi. Như lời ông nói ngôn thuyết có tánh có tất cả tánh thì lý luận của ông ắt hoại.

Lông rùa sừng thỏ dù không pháp mà có ngôn thuyết, để lệ cho tất cả pháp do bất giác mà vọng hiện. Ở nơi tự giác thánh trí cũng ví như sừng thỏ lông rùa không có ngôn thuyết.

Đại Huệ ! Chẳng phải tất cả cõi nước có ngôn thuyết. Ngôn thuyết là tạo tác vậy. Hoặc có cõi Phật nhìn xem mà hiển bày pháp, hoặc có cõi Phật làm ra hình tướng,

hoặc có côi nước nhướng mày, hoặc có côi nước chớp mắt, hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc tăng hăng, hoặc côi nước suy nghĩ, hoặc dao động. Đại Huệ ! Như thế giới chiêm thị và hương tích, côi nước Phổ Hiền, Như Lai chỉ dùng nhìn xem khiến các Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn và các tam muội thù thắng. Thế nên chẳng phải ngôn thuyết có tánh (pháp) có tất cả tánh. Đại Huệ ! Thấy ở thế giới này ruồi lần tròn kiến các chúng sanh ấy không có ngôn thuyết mà mỗi loài đều làm việc xong xuôi.

Ngôn thuyết là tạo tác, nghĩa là do tâm tạo ra. Đã do tâm tạo thì ngôn thuyết và sở thuyết thấy duy tự tâm, cho đến tạo hình tướng, nhướng mày đều là tự tâm, đều không có thể của tất cả pháp. Đều không có thể của pháp mà mỗi pháp có hiển bày. Mỗi pháp có hiển bày, chỉ nêu bày tự tâm. Ở nơi ngu si là vọng chấp, ở nơi thánh trí là chỉ mê, đều hiển bày duy nhất tự tâm. Chẳng phải ngôn thuyết có tánh, có tất cả tánh. Ruồi lần tròn kiến là nêu vật hiện tiền để thấy đều dùng để rõ ngôn thuyết vô tánh.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa nầy nên nói kệ rằng :

Như hư không sừng thỏ Và cùng bàn đại tử
(con thạch nữ)

Không, mà có ngôn thuyết Như thế tánh vọng

Nhơn duyên hòa hợp pháp Phạm ngu khởi vọng tưởng

Không thể biết như thật Luân hồi nhà tam giới.

Tất cả thế gian vốn không các pháp mà có ngôn thuyết đều do vọng chấp. Tất cả xuất thế cũng không các pháp mà có ngôn thuyết, chỉ vì phá trừ. Vọng chấp vốn rỗng thì phá trừ cũng chẳng thật, nên nói như hư không v.v... Phàm ngu chẳng biết các pháp tự tướng như thật, mà đối với nhơn duyên hòa hợp kiến lập (chấp có) phỉ báng (chấp không), luống trái với pháp thể. Do vọng phân biệt tự nhận lưu chuyển, thật đáng thương thay !

(¹)D¹⁰) Chỉ các pháp thường trụ như huyền để
hiển Như Lai tàng tự tánh vô sanh, phân làm
bốn:

(1) Bản Hán Ngữ sang quyển 4

E¹ - HIỂN HOẶC LOẠN THƯỜNG :

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Tiếng thường ấy là nói việc gì ? Phật bảo Đại Huệ : Vì hoặc loạn, bởi hoặc loạn kia chu thánh cũng hiện mà chẳng phải điên đảo. Đại Huệ ! Như nắng mùa xuân, vòng lửa, tóc rũ, thành càn thất bà, huyễn, mộng, bóng trong gương, là thế gian điên đảo chẳng phải minh trí, song chẳng phải không hiện. Đại Huệ ! Hoặc loạn kia có các thứ hiện. Chẳng phải hoặc loạn có vô thường. Vì có sao ? Vì lìa tánh và phi tánh.

Tất cả các pháp thấy không tự tánh, như nắng mùa xuân, vòng lửa không thể có không, đây là lý do Như Lai nói thường. Chấp có không hoặc loạn là tưởng điên đảo.Điên đảo có thể diệt còn pháp tánh thường trụ. Kinh Pháp Hoa nói :

"Vô thượng lương tức tôn Biết pháp thường vô
tánh
Phật chủng từ duyên khởi Thế nên nói nhất thừa
Các pháp trụ pháp vị Tướng thế gian thường
trụ".

Kinh Niết Bàn cũng nói : "Ta cũng chẳng nói lục nhập trong ngoài và lục ý thức thường, chính

ta tuyên nói diệt lục nhập trong ngoài, sanh ra sáu thức, gọi đó là thường. Phàm trong ngoài duy tâm thánh phàm đồng hiện. Hoặc loạn là do thức, mê ngộ phân chia. Nên nói phàm phu có hai thứ tướng : một là thế lưu bố tướng, hai là trước tướng. Tất cả thánh nhơn chỉ có thế lưu bố tướng (tướng phổ thông trong nhơn gian), không có trước tướng (tướng chấp trước). Cho nên biết trước tướng nếu diệt thì là tánh có không, năng mùa xuân, vòng lửa pháp nhĩ thường vậy.

Đại Huệ ! Thế nào là là hoặc loạn tánh (pháp) phi tánh (không pháp) ? Nghĩa là các thứ cảnh giới của tất cả ngu phu. Như nước sông Hằng kia ngạ quỷ thấy và chẳng thấy, không có tánh hoặc loạn thì hiện nơi kẻ khác, chẳng phải nó không tánh. Hoặc loạn như thế, các thánh là điên đảo và chẳng điên đảo. Thế nên hoặc loạn thường, vì tướng tướng chẳng hoại. Đại Huệ ! Chẳng phải các thứ tướng hoặc loạn, tướng vọng tướng hoại, thế nên hoặc loạn thường.

Một nước sông Hằng mà ngạ quỷ chẳng thấy, không thể nói có ; các chúng sanh khác thấy thì không thể nói không. Không tánh có không mà chẳng phải không nước. Nên nói chẳng hoại tướng thế gian, mà thành pháp xuất thế. Tất cả

pháp do vọng tưởng phân biệt, mà pháp không có phân biệt. Pháp không có phân biệt, ấy gọi là thường trụ. Diên đảo thuộc pháp phàm phu, chẳng diên đảo thuộc pháp Nhị thừa. Diên đảo cùng chẳng diên đảo đều là phân biệt, chẳng phải pháp thật tướng. Cho nên các thánh đều lia.

Đại Huệ ! Thế nào hoặc loạn là chơn thật ? Nếu là nhơn duyên thì chơn thánh đối với hoặc loạn này chẳng khởi giác diên đảo và giác chẳng phải chẳng diên đảo. Đại Huệ ! Trừ ngoài chơn Thánh, đối với hoặc loạn này có ít phân tướng là chẳng phải sự tướng của thánh trí. Đại Huệ ! Phàm có đó là ngu phu vọng thuyết, chẳng phải thánh ngôn thuyết.

Đây lại nói việc thánh trí, đối với pháp hoặc loạn không có ít phân tướng. Phàm phu ngoại đạo đối trên pháp như huyễn vô thường chấp là thường, cho đến ngã, lạc, tịnh mà chấp là vô ngã, vô lạc, bất tịnh. Đây là nhị thừa đối trị phàm phu ngoại đạo mà tự cho là chẳng diên đảo. Không biết diên đảo cùng chẳng diên đảo đều là bị giác tướng chuyển, mà đối với tự tướng chơn thật của hoặc loạn chẳng được tương ưng. Cho nên biết có ít phân tướng tức không thể vào việc thánh trí.

**E² - CHỈ HOẶC LOẠN KHỞI HAI THỨ TÁNH
 ĐỂ HIỆN BÀY CHƠN NHƯ BÌNH ĐẲNG
 CÓ HAI PHẦN :**

G¹ - CHỈ HOẶC LOẠN KHỞI HAI CHỦNG TÁNH.

Hoặc loạn kia có vọng tưởng đảo và chẳng đảo, khởi hai thứ chủng tánh. Nghĩa là thánh chủng tánh và ngu phu chủng tánh. Thánh chủng tánh là ba thứ phân biệt. Nghĩa là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Phật thừa. Thế nào là ngu phu vọng tưởng khởi Thanh văn thừa chủng tánh ? Nghĩa là chấp trước tự tướng cộng tướng khởi Thanh văn thừa chủng tánh, ấy gọi là vọng tưởng khởi Thanh văn thừa chủng tánh. Đại Huệ ! Tức hoặc loạn vọng tưởng kia khởi duyên giác thừa chủng tánh. Nghĩa là tức nơi hoặc loạn kia tự tướng cộng tướng chẳng thân chấp trước, khởi Duyên giác thừa chủng tánh. Thế nào người trí tức nơi hoặc loạn kia khởi Phật thừa chủng tánh ? Nghĩa là giác tự tâm hiện lượng, ngoại tánh phi tánh, chẳng có tướng vọng tưởng, khởi Phật thừa chủng tánh, ấy gọi là tức hoặc loạn kia khởi Phật thừa chủng tánh. Lại các thứ sự tánh, phàm phu lầm tưởng khởi ngu phu chủng tánh.

Đây tức nơi hoặc loạn hiển bày khởi hai chủng tánh, để rõ pháp hoặc loạn vốn tự bình đẳng, chỉ hay lìa các phân biệt liền gọi là chơn như. Chấp trước tự tướng cộng tướng là, Thanh văn quán ấm giới nhập là không khởi tướng vô ngã, chúng như vô ngã, mà tự tướng chẳng diệt, nên không được pháp vô ngã. Tự tướng cộng tướng chẳng thân chấp trước là, Duyên giác đối với tự tướng cộng tướng chấp nơi duyên khởi, chẳng ưa chỗ ồn náo, mà đối với pháp ngã vẫn chưa liền quên. Tức hoặc loạn kia khởi Phật thừa chủng tánh là, tức nơi hoặc loạn mà tức phi hoặc loạn, liền đó tướng hết, tức là như như Phật. Đây là giác tự tâm hiện lượng, thấy tất cả pháp không có pháp thể, nên vọng tưởng chẳng sanh. Tất cả phàm phu ngoại đạo chấp các thứ sự vật hiện tiền cho là thật có, ấy là phàm phu chủng tánh. Nên nói chẳng phải thường tướng là thường, chẳng phải lạc, ngã, tịnh khởi tướng lạc, ngã, tịnh.

G² - CHỈ LÌA VỌNG BÌNH ĐẲNG CHƠN NHƯ.

Kia chẳng phải có sự chẳng phải không sự, ấy gọi là nghĩa chủng tánh. Đại Huệ ! Tức hoặc loạn kia chẳng vọng tưởng. Chư thánh đối với Tâm, ý, ý thức lỗi tập khí tự tánh, pháp chuyển biến tánh, ấy gọi là như.

Thế nên nói như lìa tâm, ta nói câu này hiển bày lìa tướng, tức nói lìa tất cả tướng.

Nương trước đối hoặc loạn khởi ra các chủng tánh, pháp hoặc loạn kia chẳng phải có sự thật, chẳng phải không sự thật, do y vọng tưởng mà có phân biệt. Chư thánh và người trí quán hoặc loạn kia lìa các phân biệt, chỉ hay chuyển tâm, ý, ý thức tất cả vọng tưởng tập khí, trở về gốc tự tánh. Được thấy pháp tánh gọi là chơn như, nên nói "như lìa tâm". Lìa tất cả tâm phân biệt, chơn như pháp tánh tự nhiên hiện bày. Câu này là như pháp tánh. Chơn như pháp tánh hiển bày là lìa pháp môn phân biệt, lìa tất cả phân biệt lại không có nghĩa nào khác. Cho nên biết tất cả hoặc loạn nó chẳng phải phân biệt, tất cả vọng tưởng tánh chẳng phải phân biệt. Thấy do bất giác bên trong khởi vọng tâm, bên ngoài thấy vọng pháp, trong ngoài hoặc loạn đều không có sự thật. Chỉ ở trong mê cũng chẳng phải không sự.

E³ - CHỈ HOẶC LOẠN KHÔNG PHÁP, PHÂN LÀM HAI :

G¹ - CHỈ HOẶC LOẠN KHÔNG PHÁP NHƯ HUYỄN.

Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Hoặc loạn là có hay là không ? Phật bảo Đại Huệ : Như

huyễn không có tướng chấp trước. Nếu hoặc loạn có tướng chấp trước thì tánh chấp trước không thể diệt. Duyên khởi nên như ngoại đạo nói như duyên sanh pháp.

Đây hỏi pháp hoặc loạn là có hay không là, như chấp ở trước nói nghĩa hoặc loạn là thường. Chẳng biết nói thường là diệt lục nhập trong và ngoài sanh ra lục thức gọi là thường. Chẳng phải thật có pháp thường. Trong ngoài sanh ra sáu thức đã diệt thì pháp không có tự tánh, không thể có hay không, nói nó như huyễn thì tướng chấp trước không có chỗ nương để sanh. Nếu như huyễn vẫn có tướng chấp trước thì pháp chấp trước ắt không thể diệt, như ngoại đạo nói. Ngoại đạo đối 12 như duyên chấp từ như sanh. Đây do chẳng biết tự tâm hiện ra vọng thấy thật có vậy.

Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Nếu hoặc loạn như huyễn, lại sẽ cùng các hoặc khác làm như ? Phật bảo Đại Huệ : Chẳng phải huyễn làm như cho hoặc, vì chẳng khởi lỗi. Đại Huệ ! Huyền chẳng khởi lỗi, vì không có vọng tưởng. Đại Huệ ! Huyền là từ mình chú sanh, chẳng phải từ lỗi vọng tưởng chỗ tập khí sanh. Thế nên chẳng khởi lỗi. Đại Huệ !

Đây là ngu phu tâm hoặc chấp trước, chẳng phải thánh hiền.

Hoặc loạn như huyễn lại sẽ cùng các hoặc khác làm như là, pháp hoặc loạn này tuy là như huyễn, nếu người vẫn ở đây khởi vọng chấp, thì huyễn không thể dùng hoặc, lại sẽ vì hoặc làm như. Đây là để phòng người bác không, chẳng thể thâm đạt như huyễn, át mê tình chưa hết, trước tướng vẫn còn, mượn miệng nói không hoa, trở lại thành điên đảo. Chẳng biết ở Tây Vực huyễn pháp từ Minh chú mà sanh khởi. Dụ pháp như huyễn từ tự tâm bất giác vọng có hiện ra, không có chủ, không có giác biết. Nên nói "huyễn chẳng khởi lỗi, không có vọng tướng". Chẳng phải từ lỗi vọng tướng chỗ tập khí sanh là, vọng tướng do chẳng đạt tự tâm hiện ra, tất cả các pháp thấy đồng huyễn khởi, tùy thuận tập khí vọng chấp có không, bèn là lỗi lầm. Đạt pháp như huyễn vọng chấp liền dừng, nên nói huyễn chẳng phải là như của hoặc. Mê sanh hoặc loạn, ngộ đồng huyễn hóa, tâm vọng tướng không còn chỗ gá, tức cấu tạo như duyên rỗng vậy. Thánh hiền xưa nay thật không có hai chỉ thú.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Thánh chẳng thấy hoặc	Khoảng giữa cũng
loạn	không thật
Khoảng giữa nếu chơn	Hoặc loạn tức chơn
thật	thật.
Lìa bỏ tất cả hoặc	Nếu có tướng sanh đó
Ấy cũng là hoặc loạn	Không sạch ví như che.

Thánh chẳng thấy hoặc loạn là, hoặc loạn tức chơn thật. Không thể ở khoảng giữa hoặc loạn lại có cái chẳng hoặc loạn cho là chơn thật. Cho nên nói : "Trong khoảng giữa nếu chơn thật, hoặc loạn tức chơn thật". Biết vọng tức chơn, liền lìa tướng, kiến trong ngoài. Đây giác tự tâm hiện đến vô sở hữu, ví như lưu ly không có các che ngại. Bồ tát trụ cứu địa thấy pháp có tánh, vẫn nói "chẳng thấy Phật tánh". Nghĩa là thấy Phật tánh thì chẳng còn thấy tất cả pháp có tánh. Kinh Niết Bàn nói : "Đại Bồ tát thật không có chỗ thấy. Không có chỗ thấy, tức vô sở hữu. Vô sở hữu tức tất cả pháp, nên nói "hoặc loạn tức chơn như"

ᑭᑦ - LẠI CHỈ NHƯ HUYỄN KHÔNG LỖI.

Lại nữa, Đại Huệ ! Nếu chẳng phải huyền thì không có gì tương tự, thấy tất cả pháp như huyền. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Vì các thứ huyền tướng chấp trước nên nói tất

cả pháp như huyễn ? Hay vì tướng khác chấp trước ? Nếu vì các thứ huyễn tướng chấp trước nên nói tất cả tánh như huyễn thì, Thế Tôn ! Có tánh chẳng như huyễn. Vì cớ sao ? Nghĩa là các thứ tướng sắc chẳng phải nhơn. Thế Tôn ! Không có nhơn các thứ tướng sắc hiện như huyễn. Thế Tôn ! Thế nên không có các thứ huyễn tướng chấp trước tương tợ tánh như huyễn.

Tất cả pháp không có chủ, không có giác tri, nếu không phải huyễn thì không lấy gì để làm dụ được. Cho nên, Thế Tôn nói lập lại đó, mà chẳng phải do các thứ chấp trước tướng nói như huyễn. Nếu do các thứ chấp trước tướng nói như huyễn thì, sắc tướng hiện tiền chẳng do chấp trước mà vẫn hiện ra. "Có tánh chẳng như huyễn", bèn chẳng phải không nhơn. Bởi muốn hiển bày tất cả pháp do mê tự tâm nên chẳng đồng với nhơn tướng tác giả. Cho nên nói : "Không có nhơn các thứ tướng hiện như huyễn". Lại rồi sau nói : "Không các thứ huyễn tướng chấp trước tương tợ tánh như huyễn". Thế là, Thế Tôn nói tất cả pháp như huyễn chỉ thứ tự rõ ràng. Cho nên biết ngoại đạo nhơn khác thấy do chẳng biết sắc tướng hiện tiền đều tự tâm hiện. Các tánh có không đều không thể được. Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp như huyễn. Đây là yếu chỉ bí

mặt của Như Lai, Đại Huệ thâm nhận pháp yếu mà dùng như huyễn chẳng phải tướng chấp trước, gọi là thẳng bày pháp tánh vậy.

Phật bảo Đại Huệ : Chẳng phải các thứ huyễn tướng tương tợ tất cả pháp như huyễn. Đại Huệ ! Song các pháp chẳng thật chóng diệt như điện, ấy là như huyễn. Đại Huệ ! Thí như điện chớp hiện trong khoảng sát na, hiện rồi liền diệt, chẳng phải như cảnh giới ngu phu hiện. Như thế, quán sát tất cả tánh tự vọng tưởng tự tướng cộng tướng không tánh chẳng hiện, do chấp trước sắc tướng.

Đây nói chẳng phải như chấp trước các tướng mà nói tất cả pháp như huyễn. Nghĩa là tất cả pháp chóng diệt như điện, nên nói như huyễn. Tất cả các pháp như làn chớp hiện, không thể nói có hay không. Kẻ ngu chẳng đạt thật tướng các pháp vọng khởi phân biệt, cho là thật có tự tướng cộng tướng hiện, mà chẳng biết vọng hiện phi tánh. Chỉ do chấp trước sắc tướng liền đó vô sanh. Đi ngang và lui tới đều không chỗ dùng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng :

**Chẳng huyễn không có thí Thuyết pháp tánh như
 huyễn
 Chẳng thật chóng như điện Thế nên nói như huyễn.**

Pháp không tự tánh chính khi sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh nói không, sanh mà không sanh, nên nói như huyễn. Đây là người được pháp thật tướng bày hiện.

**E⁴ - CHỈ THĂNG VÔ SANH NHƯ HUYỂN
 KHIẾN LÀ HY VỌNG.**

Đại Huệ lại bạch Phật : Như Thế Tôn đã nói tất cả tánh vô sanh và như huyễn, đâu chẳng phải Thế Tôn trước sau nói ra tự trái nhau ư ? Vì nói vô sanh tánh như huyễn.

Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp như huyễn, đây là yếu chỉ chính khi sanh mà chẳng sanh. Vì tánh mà không tự tánh nên nói vô sanh, là vô mà chẳng phải vô. Như hoa đốm trong hư không nên nói như huyễn, là có mà chẳng phải có. Bí mật của Như Lai chẳng phải chỗ trí hiểu đến. Lời nạn trước sau trái nhau, bởi muốn nói rõ ý này vậy.

Phật bảo Đại Huệ : Chẳng phải ta nói tánh vô sanh như huyễn, có lỗi trước sau trái nhau. Vì có sao ? Vì sanh mà vô sanh. Giác tự tâm hiện lượng, có mà chẳng phải

có. Ngoại tánh mà chẳng phải tánh thì lý vô sanh hiện. Đại Huệ ! Chẳng phải ta nói có lỗi trước sau trái nhau. Song vì phá ngoại đạo chấp nhưn sanh, nên ta nói tất cả tánh vô sanh. Đại Huệ ! Ngoại đạo quá si muốn khiến cái có và không là có sanh, chẳng phải duyên tự vọng tưởng các thứ chấp trước. Đại Huệ ! Ta chẳng phải có và không là có sanh, thế nên ta dùng thuyết vô sanh mà nói.

Sanh mà chẳng sanh, đây là yếu chỉ quyết định của Như Lai. Vì người giác tự tâm hiện lượng nói bí mật này. Vì tự tâm hiện ra, nên chẳng phải không tánh. Vì hiện chỉ nói tự tâm nên chẳng phải có tánh. Vì tất cả ngoại tánh chẳng phải tánh thì vô sanh hiện tiền. Nói có nhưn sanh, nói không nhưn sanh đều tự vọng tưởng chấp trước vậy.

Đại Huệ ! Nói có tánh đó, vì nhiếp thọ sanh tử, vì hoại kiến chấp không và kiến chấp đoạn, vì đệ tử ta nhiếp thọ các thứ nghiệp có chỗ thọ sanh, dùng tánh âm thanh nói để nhiếp thọ sanh tử.

Chữ tánh là pháp vậy. Phật nói có pháp đó, vì khiến đệ tử biết cái nhưn sanh tử nhiếp thọ, vì phá chấp đoạn kiến vô nhưn vậy. Kinh Niết Bàn nói : "Hành nghiệp của chúng sanh chẳng thường

chẳng đoạn mà được quả báo. Tuy niệm niệm diệt mà không thể mất. Tuy không có người làm mà có tạo nghiệp. Tuy không người thọ mà có quả báo. Người thọ tuy diệt mà quả chẳng chẳng thấy biết. Vì chẳng thấy nên không có trước sau. Đây là lý do Phật nói pháp hư mất". Không có nghĩ biết, hòa hợp mà có. Tất cả chúng sanh tuy cùng 12 nhơn duyên cùng đi mà chẳng thấy biết. Vì chẳng thấy biết nên không có trước sau. Đây là lý do Phật nói pháp nhơn duyên. Âm thanh là danh, cú. Nghĩa là có pháp nhiếp thọ, cũng không có ngôn thuyết. Bởi cần chỉ hành nghiệp kia nhơn nơi mê, giác thì liền đó tánh là. Kinh Niết Bàn vì chúng sanh mà nói, chẳng phải vì người giác. Đây không thể cùng người chưa hết mê tình mà nói.

Đại Huệ ! Nói huyễn tánh và tướng tự tánh là vì lìa tánh và tướng tự tánh, rơi vào ác kiến của ngu phu hy vọng tướng, chẳng biết tự tâm hiện lượng, hoại nhơn sở tác sanh, duyên tự tánh tướng chấp trước. Nói huyễn mộng tự tánh tướng tất cả pháp, chẳng khiến ngu phu ác kiến hy vọng chấp trước tự và tha tất cả pháp. Chỗ thấy như thật làm ra luận bất chánh. Đại Huệ ! Thấy chỗ như thật tất cả pháp ấy, là vượt ngoài tự tâm hiện lượng.

E¹ - CHỈ LÀ LỜI NÓI, ĐƯỢC NGHĨA.

Lại nữa, Đại Huệ ! Nên nói tướng danh, cú, hình, thân, Đại Bồ Tát khéo quán danh, cú, hình, thân tùy vào danh cú hình thân chóng được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Giác như thế rồi, giác cho tất cả chúng sanh. Đại Huệ ! Danh thân đó, nghĩa là y sự lập danh ấy gọi là danh thân. Cú thân đó, nghĩa là cú nghĩa thân, tự tánh quyết định cứu cánh, ấy gọi là danh cú thân. Hình thân đó, nghĩa là hiển bày danh cú, ấy gọi là hình thân. Lại hình thân ấy, nghĩa là dài ngắn cao thấp. Lại cú thân ấy, nghĩa là dấu vết như dấu vết voi ngựa người thú v.v.... đi để dấu vết lại, được tên là cú thân. Đại Huệ ! Danh và hình đó, nghĩa là dùng danh nói bốn ấm không sắc, nên nói là danh. Tự tướng hiện nên nói hình. Ấy gọi là danh cú hình thân. Nói tướng chừng ngần danh cú hình thân nên phải tu học.

Trước nói ngôn thuyết chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Đây nói tùy vào nghĩa của cú hình thân chóng được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nghĩa là chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa, cũng chẳng phải sở thuyết là đệ nhất nghĩa. Chỗ đệ nhất nghĩa thánh trí lạc, do ngôn

thuyết được vào. Cho nên biết ngôn thuyết được vào, tức là cú tự tánh quyết định cứu cánh. Vào quyết định cứu cánh thì ngôn thuyết sở thuyết chẳng đủ hiển bày. Song sở dĩ người đạt được chỗ này cũng do ngôn thuyết. Gọi đó là dùng chốt tháo chốt, nên phải khéo quán vậy. Y sự lập danh đó, như y nước đất nhọn công làm ra đồ đựng tương gọi đó là khạp. Tự tánh quyết định cứu cánh là như y câu "các pháp như huyễn" liền được các pháp quyết định không có tự tánh, được nghĩa cứu cánh Như Lai tàng chơn như. Chữ viết có dài ngắn, âm vận có cao thấp, nhọn chữ được tên, góp chữ thành câu, nên nói hiển bày danh cú. Dấu vết là, xem dấu vết biết có voi ngựa người thú đi, như xem câu mà được nghĩa. Bốn ấm không sắc là, thọ tướng hành thức. Nhọn tên thọ tướng hành thức mà biết bốn ấm không sắc. Xem viết chấm dài ngắn âm vận cao thấp mà tự tướng của chữ hiện ra. Do danh cú hình thân mà vào nghĩa đệ nhất cứu cánh. Nên nói chóng được bồ đề, tự giác và giác tha.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nên nói kệ rằng :

**Danh thân cùng cú thân Và hình thân sai biệt
Phàm ngu phu chấp trước Như voi mắc lấy sâu.**

Kệ trách ngu ngoại chẳng biết lìa lời nói được nghĩa. Trở lại bị cảnh giới giác tướng nó chuyển, như voi mắc lầy rất đáng thương xót.

E² - NÊU CHỈ LUẬN DO RÕ NGHĨA CHẴNG Ở LỜI NÓI.

Lại nữa, Đại Huệ ! Người thế trí đời sau do lìa một, khác, đồng, chẳng đồng, kiến, tướng là nghĩa thông thường của ta, đem hỏi người vô trí, kia liền đáp rằng : Đây chẳng phải hỏi đúng. Nghĩa là sắc v.v... Thường, vô thường, là khác, chẳng khác, như thế các hạnh niết bàn, tướng và sở tướng, cầu na, sở cầu na, tạo, sở tạo, kiến, sở kiến, trần và vi trần, tu cùng người tu, tướng so sánh lẫn lượt như thế. Những câu hỏi như thế mà hỏi, Phật nói là vô ký, chỉ luận chẳng phải chỗ hay hiểu của người si kia. Vì họ vẫn huệ chẳng đủ vậy. Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác vì khiến họ lìa kinh sợ nên nói vô ký, chẳng vì nói ký (quyết định). Lại chỉ luận kiến chấp của ngoại đạo mà chẳng vì nói.

Chỉ luận là một trong bốn luận, có hai nghĩa. Một là dùng luận vô ký của ngoại đạo, chẳng vì ký (quyết định) nói, vì người si không trí, vì lìa kinh sợ kia, vì dùng tà luận. Hai là dùng người còn chưa thuần thực, vì khiến lìa chấp trước, vì

thăm khế hội không lời, vì thời tiết nhơn duyên. Cho nên dù người trí đời sau, nếu đem lìa tứ cú của Như Lai, nghĩa thông thường mà hỏi người không trí, ắt có cái đáp chẳng chánh. Trái lại, họ các tướng sắc v.v... năng sở lẫn lộn nhiều câu nạn vấn. Đây là Phật nói vô ký, nên dùng mà chẳng luận. Bởi người si kia không biết, vì văn huệ chẳng đủ, dù vì nói quyết định ắt họ sanh kinh hãi. Bởi vì lìa tứ cú không nghĩa rất sâu, chẳng phải chỗ thức nương được. Nếu rơi trong tứ cú lại thành hý luận, tăng trưởng tà kiến. Vì lẽ đó, Như Lai răn người đời sau vậy. Sắc v.v... nghĩa là đối với các pháp ấm giới nhập đã có thường, dị bốn câu. Các hạnh niết bàn, nghĩa là hạnh hay chứng niết bàn. Tướng sở tướng là năng tướng sở tướng. Y sở y là, năng y và sở y. Tạo sở tạo là, năng tạo sở tạo. Kiến sở kiến là, năng kiến sở kiến. Trần và vi trần là, khối đất và vi trần. Tu và người tu là, nhơn ngã pháp ngã. Đây là lẫn lộn đối đãi, rỗng, không có nghĩa thật, không thể ghi chép nên nói vô ký.

Đại Huệ ! Ngoại đạo nói như thế này, mạng tức là thân, những lời luận vô ký như thế. **Đại Huệ !** Các ngoại đạo ngu si kia đối với nhơn, tác luận vô ký, chẳng phải chỗ ta nói. **Đại Huệ !** Chỗ ta nói là, lìa nhiếp sở nhiếp, vọng tưởng chẳng sanh. Tại sao dùng

họ ? Đại Huệ ! Nếu người chấp trước nhiếp sở nhiếp thì không biết tự tâm hiện lượng, cho nên dừng họ. Đại Huệ ! Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác dùng bốn thứ ký luận vì chúng sanh nói pháp. Đại Huệ ! Chỉ ký luận là, khi ta nói ra vì người căn chưa thuần thực, chẳng vì người căn đã thuần thực.

Đây nói về sở do nói chỉ ký luận. Mạng là gốc sanh tử, cho nó là thân, thành nhơn tạo tác. Đây là vô ký luận của ngoại đạo, chẳng phải Như Lai nói ra. Nghĩa là Như Lai nói ra, lia năng thủ sở thủ, vọng tưởng chẳng sanh, mà chẳng chỉ thẳng duy tâm đó, vì chấp trước có nhơn tạo tác, chẳng biết tự tâm hiện ra nên dừng đó. Song chư Phật Như Lai dùng bốn thứ ký luận để dẫn đường cho chúng sanh. Chỉ ký luận đó, chẳng phải chỉ vì ngoại đạo, cũng vì người căn chưa thuần thực, thời tiết chưa đến, không thể thân chấp danh ngôn kia. Thời tiết sắp đến, vả lại muốn họ ngộ yếu chỉ ngoài lời nói, nên nói để ngăn cái sai kia, mà chẳng nói cái phải kia. Kinh Niết Bàn nói : "Như chim uyên ương kia theo con chim lân để cùng nhau dạo chơi không khi nào xa rời nhau. Như Lai nói pháp này là khổ, pháp kia là lạc, pháp nọ là thường, pháp khác là vô thường, pháp

ấy là ngã, pháp đó là vô ngã, thời tiết nếu đến lý kia tự bày”.

Lại nữa Đại Huệ ! Tất cả pháp lìa làm ra như duyên chẳng sanh, không có tác giả nên tất cả pháp chẳng sanh. Đại Huệ ! Vì sao tất cả thấy lìa tự tánh ? Bởi khi tự giác quán thì tự cộng tánh tướng không thể được, nên nói tất cả pháp chẳng sanh. Vì sao tất cả pháp không thể đem lại, không thể đem đi ? Bởi tự cộng tướng muốn đem lại thì không có chỗ lại, muốn đem đi thì không có chỗ đi. Thế nên tất cả pháp lìa đem đi đem lại. Đại Huệ ! Vì sao tất cả pháp chẳng diệt ? Vì tướng tánh và tự tánh không, tất cả pháp không thể được, nên tất cả pháp chẳng diệt ? Đại Huệ ! Vì sao tất cả pháp vô thường ? Nghĩa là tướng khởi là tánh vô thường, thế nên nói tất cả pháp vô thường. Đại Huệ ! Vì sao tất cả pháp thường ? Nghĩa là tướng khởi là tánh vô sanh, hằng vô thường, nên nói tất cả pháp thường.

Đây chính nói về thuyết chỉ luận. Tất cả pháp chẳng sanh lìa năng sở, vì không có tác giả. Tất cả pháp không tự tánh, vì tự tướng cộng tướng không thể được. Tất cả pháp không đến đi, vì tự tướng cộng tướng đến không từ đâu, đi không chỗ

đến. Tất cả pháp chẳng diệt, vì không có tánh tướng. Tất cả pháp vô thường, vì tướng khởi tánh vô thường. Tất cả pháp thường, vì khởi tức là chẳng khởi, vô thường tánh hằng thường. Rõ được sáu nghĩa này chỉ là vô sở hữu. Trừ vô sở hữu ra không cho có nói năng, cho nên nói Chỉ luận. Dùng nó để chế phục các ngoại đạo, cũng dùng nó riêng chỉ huyền nghĩa. Chỗ sâu kín của Như Lai chỉ phải thâm khế hội.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng :

Ký luận có bốn thứ :	Nhất hướng, phản cật vấn
Phân biệt và chỉ luận	Để chế phục ngoại đạo
Hữu và phi hữu sanh	Sư tăng khư, tỳ xá
Tất cả thảy vô ký	Kìa như thế hiển bày.
Chánh giác đã phân biệt	Tự tánh không thể được
Bởi vì lìa ngôn thuyết	Nên nói lìa tự tánh.

Nhất hướng là đáp thẳng. Phản cật là đáp bằng cách vấn nạn lại. Phân biệt là đáp rành rẽ. Chỉ luận là đáp bằng cách gác lại. Tăng Khu là chỉ Số Luận lập ra 25 minh đế. Tỳ Xá là chỉ cho Thánh Luận lập ra sáu câu. Nhơn cùng vô nhơn không có nghĩa thật. Không thể vì nói, chỉ nơi vô tánh.

**E³ - RIÊNG TỨ QUẢ ĐỂ CHỈ RA CHON GIÁC,
CÓ SÁU PHẦN¹:**

G¹ - HỎI BỐN QUẢ SAI BIỆT.

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Cúi xin vì nói chư Tu đà hoàn và Tu đà hoàn thú thông tướng sai biệt. Nếu Đại Bồ Tát khéo hiểu Tu đà hoàn thú sai biệt thông tướng và Tu đà hàm, A na hàm, A la hán tướng phương tiện, phân biệt biết rồi như thế như thế vì chúng sanh thuyết pháp. Nghĩa là tướng hai vô ngã và hai chuống thanh tịnh, tướng qua các địa, cứu cánh thông đạt, được cảnh giới cứu cánh bất tư nghi của Như Lai, như ngọc ma ni có các sắc, khéo hay làm lợi ích tất cả chúng sanh, dùng cảnh giới tất cả pháp thân tài vô tận để nhiếp dưỡng tất cả.

Hỏi tướng bốn quả, muốn rõ bốn quả cùng giác địa chỗ chung và riêng, vì chúng sanh phân biệt hiển bày, khiến bỏ hai chuống nhơn và pháp, chúng hai vô ngã, vượt khỏi tướng các địa thông đạt Phật địa, cứu cánh trang nghiêm được châu như ý, dùng vô sở hữu xoay lại độ thoát nhau. Cảnh giới tất cả pháp là, cảnh giới vô sở hữu.

G² - LIỆT BẦY BA THỨ TU ĐÀ HOÀN, CÓ BA PHẦN:

H¹) CHỈ QUẢ TƯỚNG TU ĐÀ HOÀN.

Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, nay vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn lành thay ! Xin vâng nghe nhận. Phật bảo Đại Huệ : Có ba hạng Tu đà hoàn, quả Tu đà hoàn sai biệt. Thế nào là ba ? Nghĩa là hạ, trung, thượng. Hạ đó, tột bảy đời mới vào niết bàn. Trung đó, ba hoặc năm đời mới vào niết bàn. Thượng đó, tức đời kia liền vào niết bàn. Ba hạng này có ba kết : hạ, trung, và thượng. Thế nào là ba kết ? Nghĩa là thân kiến, nghi, giới thủ. Ba kết ấy sai biệt, thăng tiến mãi lên được A La Hán.

Tu dịch là vô lậu. Đà hoàn dịch là tu tập. Nghĩa là tu tập vô lậu vậy. Lại Tu dịch là lưu. Đà hoàn dịch là nghịch. Nghĩa là nghịch dòng sanh tử. Lại dịch là nhập. Nghĩa là vào dòng thánh. Hạ trung thượng chia hai hạng lợi và độn. Người độn căn còn bảy phen sanh lên cõi trời mới vào niết bàn. Hiện đời là chỉ cho người rất lợi căn. Ba hạng người này đoạn ba thứ kết. Bản dịch đời Đường không có ba chữ hạ trung thượng. Song đoạn kết cũng phân lợi và độn, nên nói ba kết sai biệt.

H²) CHỈ TU ĐÀ HOÀN ĐOẠN KẾT SAI BIỆT.

Dại Huệ ! Thân kiến có hai thứ. Nghĩa là câu sanh và vọng tưởng. Như duyên khởi vọng tưởng và tự tánh vọng tưởng vậy. Thí như y duyên khởi tự tánh, các thứ vọng tưởng tự tánh chấp trước sanh. Bởi kia chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải có không vì tướng vọng tưởng không thật. Kẻ ngu vọng tưởng các thứ vọng tưởng tánh tướng chấp trước, như khi nắng thấy sóng nắng, nai khát tưởng nước. Ấy là vọng tưởng thân kiến của Tu đà hoàn, kia do nhơn vô ngã nhiếp thọ không tánh, đoạn trừ đã lâu xa, mà còn vô tri chấp trước.

Thân kiến có hai thứ. Nghĩa là câu sanh và phân biệt. Vọng tưởng tức là phân biệt. Phân biệt thuộc kiến hoặc, tuy rộng nhiếp các pháp trong ngoài, cũng y ngũ uẩn vọng chấp có không. Như người huyễn do duyên mà khởi ra hình nam nữ các tướng co duỗi, sanh tất cả phân biệt của chúng sanh, mà thật chẳng có chẳng không, trọn không có sự thật, chỉ là tướng vọng tưởng. Như con nai khát nước vọng thấy có nước thật. Tu đà hoàn này dùng trí nhơn vô ngã quán nhiếp thọ không tánh mà được trừ đoạn. Xét về Tu đà hoàn đoạn hai thứ phiền não, chẳng rơi vào ngoại đạo

chấp có nhơn tạo tác, vẫn y nơi trí nhơn vô ngã diệt tánh nhiếp thọ, nên đối với pháp vô ngã chẳng có phần.

Đại Huệ ! Câu sanh là, Tu đã hoàn thân kiến, vì thân tự tha v.v... Bốn ấm không sắc tướng, vì sắc sanh tạo và sở tạo, vì tướng lẫn lượt làm nhơn nhau, vì đại chủng và sắc chẳng nhóm hợp. Tu đã hoàn quán loại có không chẳng hiện thì đoạn được thân kiến. Như thế thân kiến đoạn thì tham ắt chẳng sanh, ấy gọi là tướng thân kiến.

Câu sanh thuộc tư hoặc, Thanh văn phân tích ngũ uẩn không, nên được giải thoát. Nghĩa là thọ v.v... bốn uẩn không có sắc tướng. Sắc uẩn y tứ đại và tứ đại tạo sắc lẫn nhau hòa hợp, không có tự và tha, xa lìa tà kiến có không. Tướng tham chẳng sanh, cả hai thứ đoạn, ấy gọi là thân kiến đoạn.

Đại Huệ ! Tướng nghi là, vì được pháp thiện kiến tướng, vì trước đoạn vọng tưởng hai thứ thân kiến, nên nghi pháp chẳng sanh. Không đối với chỗ khác khởi kiến chấp là Đại sư, là tịnh là bất tịnh, ấy gọi là tướng nghi Tu đã hoàn đã đoạn.

Được pháp khéo thấy tướng là, thấy chơn đế vậy. Là nhơn có không, thấy được chơn đế, ấy là

chúng pháp thiện kiến. Thân kiến đã đoạn thì nghi ắt chẳng sanh. Nghi có ba thứ : nghi pháp, nghi mình, nghi người. Chúng pháp thiện kiến thì không nghi pháp. Thân kiến đã đoạn thì không nghi mình. Chẳng nghi pháp chẳng nghi mình thì cũng chẳng nghi người. Nghĩa là nghi pháp nghi mình nghi người đoạn, nên chẳng đối chỗ khác khởi tướng Đại sư. Là tịnh chẳng tịnh, chính là lời nghi vậy.

Đại Huệ ! Giới thủ ấy, tại sao Tu đã hoàn chẳng thủ giới ? Nghĩa là vì khéo thấy tướng khổ ở chỗ thọ sanh, thế nên chẳng thủ. **Đại Huệ !** Thủ là, kẻ ngu quyết định nhận tập khổ hạnh, vì được các thứ vui nên cầu thọ sanh. Kia ắt chẳng thủ, trừ hồi hướng tự giác thủ thắng, lìa vọng tưởng, pháp tướng vô lậu hành phương tiện, thọ trì giới luật. Ấy gọi là Tu đã hoàn tướng giới thủ đoạn.

Cầu sanh chỗ vui mà giữ giới luật, ấy là giới thủ. Tu đã hoàn nếu có thọ trì đều vì tự giác thủ thắng, hồi hướng vô lậu pháp hạnh, nên giới thủ đoạn.

Tu đã hoàn đoạn ba kết thì tham si chẳng sanh. Nếu Tu đã hoàn khởi nghi thế này : Các kết này ta chẳng thành tựu, liền có hai lỗi rơi vào thân kiến và các kết chẳng đoạn.

Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Thế Tôn nói nhiều thứ tham dục, kia vì sao đoạn tham. Phật bảo Đại Huệ : Yêu thích người nữ trời buộc tham trước, các thứ phương tiện thân khẩu tạo ác nghiệp, thọ cái vui hiện tại gieo nhơn khổ đời vị lai, Tu đà hoàn thì chẳng sanh. Vì có sao ? Vì được cái vui tam muội chánh thọ. Thế nên kia đoạn, chẳng phải cái tham tiến đến niết bàn đoạn.

Kinh Kim Cang Bát Nhã nói : "Tu đà hoàn hay khởi nghĩ thế này : Ta được quả Tu đà hoàn chăng ? Tu Bồ Đề thưa : Bạch Thế Tôn không vậy. Vì có sao ? Vì Tu đà hoàn gọi là nhập lưu, mà thật không có chỗ nhập... cho đến, nếu A la hán khởi nghĩ thế này : "ta được đạo A la hán, tức là trước ngã nhơn chúng sanh thọ giả". Thế nên có thể biết, khởi tưởng đoạn kết là rơi vào thân kiến và các kết chẳng đoạn. Tam muội chánh thọ tức là chứng pháp thiện kiến sanh ra. Nghĩa là tam muội chứng tham dục kia nên được hiện đoạn. Bởi tư hoặc, Tu đà hoàn chưa hết.

G³ - CHỈ TƯỚNG QUẢ TU ĐÀ HÀM.

Đại Huệ ! Thế nào là tướng Tư đà hàm ? Nghĩa là chóng soi tướng sắc tướng vọng tướng sanh, nên kiến, tướng chẳng sanh. Vì

khéo thấy tướng thiện thú, chóng đến đời này sạch mé khổ, được niết bàn. Thế nên gọi là Tư đà hàm.

Câu chóng soi tướng sắc tướng vọng tướng sanh là, bậc Nhất lai này vì rõ sắc tướng sanh ra phân biệt, nên phân biệt chẳng sanh. Phân biệt này là chỉ tư hoặc, chẳng phải kiến hoặc. Khéo thấy thiện thú là, chúng pháp thiện kiến chỗ khởi thiên định. Kinh Đại Bát Niết Bàn nói : "Người Tư đà hàm buộc tâm tu đạo, vì đoạn tham dục, sân, si, kiêu mạn. Do buộc tâm này nên một phen qua lại rồi, tốt bờ mé khổ mà vào niết bàn".

G⁴ - CHỈ TƯỚNG QUÁ A NA HÀM.

Đại Huệ ! Thế nào là A na hàm ? Nghĩa là vì đối với sắc tướng tánh phi tánh quá khứ, hiện tại, vị lai sanh thấy lỗi lầm, khiến vọng tướng chẳng sanh và vì kết đoạn, gọi là A na hàm.

A na hàm hay thấy sắc, sắc tượng ba đời khởi ra phân biệt lỗi lầm, sạch hết các phân biệt, hàng bỏ các kết. Cái phân biệt này cũng chỉ cho tư hoặc. A na hàm vào niết bàn có bảy hạng : một, trung vào niết bàn. Nghĩa là xả dục giới chưa đến sắc giới ở giữa đó vào niết bàn. Trừ hiện tại vào niết bàn, trung vào niết bàn là lợi căn. Hai, hành

vào niết bàn, có hai hạng : một, tinh tấn không tự tại định ; hai, giải đãi có tự tại định. Xét đây chỉ riêng kiến phần lỗi lầm, mà chẳng nói thiện lạc, sẽ chỉ cho lợi căn tinh tấn...

G⁵ - CHỈ TƯỚNG QUẢ A LA HÁN.

Đại Huệ ! A la hán là, đủ các thiền định tam muội, giải thoát, lực minh, các thứ phiền não, khổ, vọng tưởng chẳng còn, gọi là A la hán.

A la hán tức là vô học. Do giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, năm phần pháp thân hương, được đến bờ kia, hằng đoạn sanh nhơn trong ba đời, cũng đoạn ấm thân trong tam giới. Nên nói ta sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, chẳng thọ thân sau.

G⁶ - RIÊNG A LA HÁN CHẴNG ĐỒNG SIÊU GIÁC.

Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Thế Tôn nói ba thứ A la hán. Ở đây nói đó là A la hán nào ? Thế Tôn ! Là được đạo tịch tĩnh nhất thừa, là Đại Bồ Tát phương tiện thị hiện A la hán hay là Phật hóa hóa ra ? Phật bảo Đại Huệ : Là Thanh văn được đạo nhất thừa tịch tĩnh, chẳng phải hạng khác. Khác là, Bồ Tát hành hạnh Bồ Tát và hóa Phật hóa ra, vì bản

nguyện nên dùng phương tiện khéo léo, ở trong chúng thị hiện thọ sanh, vì trang nghiêm quyến thuộc của Phật. Đại Huệ ! Ở trong chỗ vọng tưởng thuyết pháp các thứ. Nghĩa là được quả được thiện, thiện giả nhập thiện thì thấy xa lìa. Thị hiện được tự tâm hiện lượng, được quả tướng, nói là được quả. Lại nữa, Đại Huệ ! Người muốn siêu thiện vô lượng vô sắc giới, phải lìa tướng tự tâm hiện lượng. Đại Huệ ! Chánh định diệt thọ tướng, vượt tự tâm hiện lượng thì chẳng phải. Vì có sao ? Vì còn tâm lượng.

Trên nói A la hán, nghĩa là chỉ định tánh nhất thừa trong ba thừa, chẳng phải Bồ tát thị hiện và Phật hóa hóa ra. Bồ tát và Phật hóa là đối trong chúng sanh vọng tưởng có các thứ nói pháp là, được quả, được thiện. Trọn không có năng sở, vì chỉ tự tâm hiện lượng. Đây được quả tướng cùng định tánh chẳng đồng, vì nhiếp các người đồng sự dẫn tiến lên Đại thừa. Thế nên, người muốn vượt khỏi tứ thiên ở thế gian và tứ vô lượng tâm, tứ vô tướng định, phải lìa tướng tự tâm hiện lượng. Lại về định diệt thọ tướng xuất thế gian cũng thuộc tâm lượng. Siêu tự tâm hiện lượng, chẳng phải như vậy. Văn sau nói, nếu giác thì được giải thoát, chính là chỉ ở đây vậy. Một

mặt nói được tự tâm hiện lượng, một mặt nói là tự tâm hiện lượng. Được tức là nghĩa giác. Giác tức là là.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nên nói kệ rằng :

Các thiên tứ vô lượng	Vô sắc tam ma để
Tất cả thọ tưởng diệt	Tâm lượng kia không có.

Quả Tu đà bà na	Vãng lai và bất hoàn
Cùng với A la hán	Những dây tâm hoặc
	loạn.

Thiền giả, thiền và duyên	Đoạn, tri, kiến chơn đế
Đây là lượng vọng tưởng	Nếu giác được giải thoát.

Thiền giả và thiền, tức ở trên nói năng nhập và sở nhập. Đã có năng sở tức có cảnh giới sở duyên của thiền. Đoạn là đoạn tập. Tri là tri khổ. Do biết khổ đoạn tập nên thấy chơn đế, chẳng là tâm lượng. Giác là giác tự tâm hiện lượng. Giác thì chóng là, là tâm hiện lượng mới thật chứng tâm hiện lượng.

E⁴ - CHỌN LỰA GIÁC TÂM, CÓ BA :

G¹ - CHÁNH CHỈ QUÁN SÁT TƯỚNG GIÁC.

Lại nữa, Đại Huệ ! Có hai thứ giác. Nghĩa là quán sát giác, vọng tưởng tướng nhiếp

thọ kế trước kiến lập giác. Đại Huệ ! Quán sát giác là, nếu giác tướng tánh tự tánh chọn lựa xa lìa bốn câu không thể được, ấy là quán sát giác. Đại Huệ ! Bốn câu kia là, một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, ấy gọi là bốn câu. Đại Huệ ! Lìa bốn câu này gọi là tất cả pháp. Đại Huệ ! Bốn câu này quán sát tất cả pháp, nên phải tu học.

Tất cả chúng sanh chẳng được tự giác thánh trí, đều do chẳng rõ các pháp trước mắt duy tâm hiện ra, vọng sanh suy tính. Vừa có suy tính liền thuộc về bốn câu. Nếu hay quán sát tất cả pháp lìa bốn câu không thể được thì tự tâm vọng tưởng tùy đó mà hết, giác thể tự như. Thế là, động tịnh ra vào không nương không chủ, không có giác tri, đều là chiếu liễu, không có tự tha, chẳng cho an trí. Nên nói nếu giác được giải thoát, ấy là quán sát giác nên phải tu học. Tướng tánh tự tánh chọn lựa là, đối thể tướng tất cả pháp chọn lựa rành rẽ, biết cái nào hư cái nào thật, chẳng bị cảnh trước mắt làm ngu, mới hay siêu việt chông lìa.

*G² - CHỈ VỌNG TƯỚNG GIÁC TƯỚNG ĐỂ RÕ TỰ GIÁC
THÁNH LẠC.*

**Đại Huệ ! Thế nào là tướng vọng tướng
nhiếp thọ kế trước kiến lập giác ? Nghĩa là
tướng vọng tướng nhiếp thọ chấp trước, nhu
chất cứng, ướt, nóng, động là tướng vọng
tướng chẳng thật thuộc tứ đại chủng ; tông,
nhơn, thí dụ chấp trước, chẳng thật dựng
lập mà dựng lập, ấy gọi là vọng tướng tướng
nhiếp thọ kế trước kiến lập giác. Đây là
tướng của hai thứ giác. Nếu Đại Bồ Tát
thành tựu hai tướng giác này thì tướng nhơn
pháp vô ngã được cứu cánh, khéo biết
phương tiện giác vô sở hữu. Quán sát hạnh
địa liền được sơ địa vào cả trăm tam muội,
được sai biệt tam muội, thấy cả trăm đức
Phật và cả trăm Bồ tát. Biết việc về trước về
sau cả trăm kiếp, hào quang chiếu cả trăm
cõi nước, biết tướng các địa trên, đại nguyện
thù thắng, thần lực tự tại, được pháp vân
địa vào vị quán đảnh, sẽ được Như Lai tự
giác địa. Khéo buộc tâm nơi thập vô tận cú,
làm thành thực chứng sanh, các thứ biến
hóa trang nghiêm sáng suốt, được tự giác
thánh lạc tam muội chánh thọ.**

Cứng ướn nóng động là chỉ cho tứ đại chủng. Nghĩa là y tứ đại chủng các tướng chẳng thật vọng tự bám giữ phân biệt dựng lập. Như y tướng đất lập lượng rằng : Đây là pháp thật có, lấy đó làm tông. Nhơn nói : vì cứng chắc. Dụ nói : như kim cương. Đây là tướng chẳng thật phân biệt, vọng tự bám giữ phân biệt dựng lập. Nếu hay liễu đạt hai thứ giác tướng, biết chấp như thế là ngu phu ngoại đạo, biết như thế là ngã pháp vô sở hữu tự giác quán sát. Thế mới biết tất cả pháp trước mắt đều do tự tâm bất giác vọng hiện. Hiện duy tự tâm không có nhơn tướng khác. Biết nó không có khác thấy do bất giác. Trong bất giác không có tác giả, ấy là không người ; ngoài bất giác không có nhơn khác, ấy là không pháp. Hai thứ vô ngã này cứu cánh như thế. Quán sát như thế thì phân biệt chóng dứt. Tự hay khéo biết phương tiện dùng giác tâm vô sở hữu hiểu rõ hạnh địa, liền vào Sơ địa, được trăm ngàn tam muội sai biệt, mười phương ba đời vô biên cội nước, một lúc chóng thấy chóng nhập, bản nguyện thần lực được tự tại vô ngại, trải qua các địa vượt lên pháp vân địa ở vị quán dẫn, đến cứu cánh pháp thân của Như Lai tự giác. Y thập vô tận thiện căn khắp hiện hóa thân xoay vần dạy bảo không có cùng tận, mà chẳng rời tự giác thánh trí, an trụ cảnh giới thắng lạc.

G³ - CHỈ RÕ TỨ ĐẠI TẠO SẮC VÀ QUÁN SÁT GIÁC.

Lại nữa, Đại Huệ ! Đại Bồ Tát phải rõ tứ đại tạo sắc. Thế nào Bồ Tát hiểu rõ tứ đại tạo sắc ? Đại Huệ ! Đại Bồ tát khởi giác thế này : Đối chơn đế kia tứ đại chẳng sanh. Đối với kia tứ đại chẳng sanh, khởi quán sát như thế, quán sát rồi giác được danh, tướng, vọng tưởng, phần tử (phân biệt) là tự tâm hiện phần tử (phân biệt) vì tự tánh chẳng phải tánh, ấy gọi là tâm hiện vọng tưởng phần tử (phân biệt). Nghĩa là nơi tam giới quán tứ đại tạo sắc kia tánh nó lìa, sạch luôn bốn câu, lìa ngã và ngã sở, trụ như thật tướng tự tướng phần đoạn, thành tự tự tướng vô sanh.

Đây dạy khéo nơi tứ đại tạo sắc vào quán sát giác. Tứ đại là, đất nước gió lửa. Tạo sắc là sắc thanh hương vị xúc. Giác chơn đế kia là, giác tứ đại chơn đế. Sao gọi là tứ đại chơn đế ? Nghĩa là tứ đại không có tự tánh, do phân biệt mà thấy có. Phân biệt khi chưa khởi thì pháp tánh thường vắng lặng. Chính danh, tướng, phần tử (phân biệt) ở trong tam giới đều là tướng tượng phân biệt của tự tâm, mà pháp tánh này thường vắng lặng, chẳng do phân biệt mà có ra vào. Cho nên biết, tứ đại và tứ đại tạo sắc đều thanh tịnh

không thừa. Lìa bốn câu là, lìa ngã và ngã sở, thường trụ trong pháp tự tướng nhu thật. Trụ trong pháp như thật dựng lập phần đoạn tự tướng (tự tướng từng đoạn từng phần), vô sanh pháp hiển nơi đây thành tự.

Đại Huệ ! Tứ đại chủng kia vì sao sanh tạo sắc ? Nghĩa là do vọng tưởng thấm ướt đại chủng sanh thủy giới trong và ngoài, vọng tưởng kham năng đại chủng sanh hỏa giới trong và ngoài ; vọng tưởng phiêu động đại chủng sanh phong giới trong ngoài vọng tưởng cắt đứt sắc đại chủng sanh địa giới trong ngoài. Sắc cùng hư không đồng, chấp trước tà đế, năm ấm nhóm họp tứ đại tạo sắc sanh.

Tứ đại chủng từ vọng tưởng mà thành, sanh tứ đại trong ngoài. Nên nói vọng tưởng thấm ướt thành thủy đại chủng sanh thủy giới trong ngoài, địa hỏa phong cũng lại như thế. Bởi mê tự tâm nên có vọng tưởng sanh khởi, chẳng phải có nhơn sanh, cũng chẳng phải không nhơn, cũng chẳng phải cái khác làm nhơn sanh. Ngoại đạo vọng chấp ngũ đại hay sanh 11 căn. Chẳng biết sắc và hư không từ vô thủy bất giác đồng thời hiển hiện. Kinh Phật Đánh nói : "Biển giác tánh lắng tròn, tròn lóng giác nguyên diệu, nguyên minh chiếu

sanh sở, sở lập chiếu tánh vong, mê vọng có hư không, y không lập thế giới, tướng lóng thành cõi nước, tri giác làm chúng sanh". Thế mà, lầm cho sắc không đều hay làm nhơn nên là tà đế.

Đại Huệ ! Thức ấy vì ưa các thứ dấu vết (tướng) cảnh giới, các cõi tiếp nối. Đại Huệ ! Địa v.v... tứ đại và tạo sắc v.v... Có tứ đại duyên và phi tứ đại kia duyên. Vì có sao ? Nghĩa là tánh, hình, tướng, xứ, phương tiện làm ra, không tánh thì đại chúng chẳng sanh. Đại Huệ ! Tánh, hình tướng xứ phương tiện làm ra hòa hợp sanh, chẳng phải vô hình. Thế nên tướng tứ đại tạo sắc ngoại đạo vọng tưởng chẳng phải pháp của ta.

Tiếp trên tứ đại vọng tưởng sanh khởi, đây lại đề ra tứ sanh các cõi, đều do bất giác vọng hiện, chẳng phải tứ đại kia hay làm sanh nhơn. Thức tức là vọng tưởng. Tứ đại đã là nội thức biến hiện, mà thức tánh này lại ưa thấy các thứ sắc tướng, lại hay nơi các cõi tiếp nối. Thế thì biết sắc tướng trong ngoài ở trong tam giới đều do thức tướng biến. Đã do thức thức tướng tiếp nối thì chẳng phải tứ đại kia hay làm nhơn sanh. Tứ đại từ vọng tưởng sanh, nên nói có tứ đại duyên. Tứ đại không thể lại làm sanh nhơn nên nói phi tứ đại kia duyên. Vả lại địa v.v... mỗi thứ

có tự thể, mỗi thứ có hình tướng, mỗi thứ có phương vị, phương tiện làm ra tuy không có tự tánh mà chẳng phải không hình sắc. Hình sắc đâu thể làm nhọn cho hình sắc, hướng hay làm nhọn cho vô sắc uẩn, đây là lầm to vậy. Nên nói ngoại đạo vọng tưởng chẳng phải pháp của ta.

Lại nữa, Đại Huệ ! Sẽ nói tướng tự tánh các ấm. Thế nào tướng tự tánh các ấm ? Nghĩa là ngũ ấm. Thế nào là ngũ ? Nghĩa là sắc thọ tưởng hành thức. Bốn ấm kia chẳng phải sắc là, thọ tưởng hành thức. Đại Huệ ! Sắc ấy, tứ đại và tạo sắc mỗi mỗi có tướng khác. Đại Huệ ! Chẳng phải không sắc có số bốn, vì như hư không. Thí như hư không vượt ngoài số tướng, là nơi số mà vọng tưởng nói một hư không. Đại Huệ ! Như thế ấm vượt ngoài số tướng, là nơi số, là tánh và phi tánh, là tứ cú. Số tướng ấy, là ngu phu nói năng, chẳng phải là thánh hiền.

Lại phân biệt tự tánh năm ấm để thấy tứ đại không thể sanh ngũ ấm. Nghĩa là sắc ấm từ tứ đại sanh, do sắc tạo ra, vẫn có số bốn mỗi thứ đều có tướng khác. Đến vô sắc ấm không có số bốn, ví như hư không. Hư không kia là nơi số tướng, cũng không có danh từ hư không, do vọng phân biệt cho là một hư không. Các ấm cũng vậy,

lìa các số tướng, lìa bốn câu có không, nên nói tứ đại hay sanh đó, vẫn là ngoại đạo tà kiến. Tức họ cho rằng sắc thọ tưởng hành thức thật có tướng có thể được. Cũng là lời nói vọng chấp của ngu phu, chẳng phải chư thánh. Xét ở đây phân biệt tự tánh ngũ ấm, tuy thấy tứ đại không thể sanh ngũ ấm, nhưng cũng chỉ thấy ngũ ấm lìa các tướng, lìa có không, tứ cú, ngay đó là vô sanh.

Đại Huệ ! Bậc thánh thấy các thứ sắc tượng như huyễn, lìa lập bày khác chẳng khác, lại như mộng, bóng, thân sĩ phu, vì lìa khác và chẳng khác. **Đại Huệ !** Chỗ tiến đến của thánh trí đồng ấm vọng tưởng hiện, ấy gọi là tướng tự tánh các ấm. Các ông phải nên trừ diệt, diệt rồi nói pháp tịch tĩnh, đoạn tất cả kiến chấp của ngoại đạo về cõi Phật. **Đại Huệ !** Khi nói tịch tĩnh thấy pháp vô ngã được thanh tịnh và vào bất động địa (Bất địa Bồ tát). Vào bất động địa rồi, được vô lượng tam muội, thông đạt cứu cánh, thần lực tam minh tự tại, cứu hộ lợi ích tất cả chúng sanh, ví như quả đất chỗ nuôi chúng sanh. **Đại Bồ Tát** khắp giúp ích chúng sanh cũng lại như thế.

Nằm ấm như huyễn lìa khác chẳng khác, giác ngộ tự tướng như thật, ấy gọi là chỗ đến của

thánh trí. Chẳng giác tự tướng vọng có phân biệt, ấy gọi là vọng tưởng. Đồng năm ấm này mà giác phân chia. Nên nói chỗ đến của thánh trí mê đồng vọng tưởng hiện, Phật bảo ông Kiều Trần Như rằng : "Sắc là vô thường, nhơn diệt sắc ấy nhận được sắc giải thoát thường trụ. Thọ tướng hành thức cũng là vô thường, nhơn diệt thức ấy, nhận được thức giải thoát thường trụ. Sắc tức là khổ, nhơn diệt sắc khổ ấy, nhận được sắc giải thoát an lạc. Thọ tướng hành thức cũng lại như thế. Sắc tức là không, nhơn diệt sắc không ấy, nhận được sắc giải thoát bất không. Thọ tướng hành thức cũng lại như thế. Sắc là vô ngã, nhơn diệt sắc ấy, nhận được sắc giải thoát chơn ngã. Thọ tướng hành thức cũng lại như thế". Cho nên biết ở đây phải trừ diệt đó, tức là diệt năm ấm vô thường, khổ không, vô ngã này. Diệt rồi nói đó, tức là nói năm ấm giải thoát thường trụ, giải thoát an lạc, giải thoát bất không, giải thoát chơn ngã này. Nên nói pháp tịch tĩnh vậy. Phàm phu ngoại đạo tức sắc cho là ngã, ở trong pháp vô thường vô ngã vô tịnh vô lạc mà vọng thấy thường lạc ngã tịnh. Kẻ ngu cho là lìa sắc có ngã, vì đối trị phàm phu ngoại đạo, lại ở trong pháp thường lạc ngã tịnh vọng thấy vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh, đều là vọng tưởng. Diệt vọng

tuồng này, lìa sự lập bày khác chẳng khác bốn câu, ngay đó được tịch tĩnh. Thấy pháp vô ngã thanh tịnh không còn thừa, tức vào đệ bát Bất động địa. Thành tựu vô lượng tam muội, được ý sanh thân, lục thông như huyễn tự tại vô ngại, ví như quả đất khắp nuôi quần sanh. Bởi từ bất giác khởi lên vọng có phân biệt tức là hoặc loạn. Giác chỗ khởi phân biệt thấy do tự tâm, tất cả hoặc loạn như huyễn như mộng, vốn tự nhu như, tức cái phân biệt này thành diệu quán. Nên nói phàm phu thấy hai, người trí liễu đạt tánh nó không hai.

E⁵ - CHỈ KIẾN LẬP NIẾT BÀN, CÓ BA PHẦN :

G¹ - RIÊNG BẢY NIẾT BÀN CỦA NGOẠI ĐẠO, NHỊ THỪA ĐỂ HIỂN NIẾT BÀN CỦA NHƯ LAI.

Lại nữa, Đại Huệ ! Các ngoại đạo có bốn thứ niết bàn. Thế nào là bốn ? Nghĩa là tánh tự tánh phi tánh niết bàn, chủng chủng tướng tánh phi tánh niết bàn, tự tướng tự tánh phi tánh giác niết bàn, chu ám tự cộng tướng tương tục lưu chú đoạn niết bàn. Ấy gọi là bốn thứ niết bàn của các ngoại đạo, chẳng phải pháp của ta nói. Đại Huệ ! Ta nói ra đó, là thức vọng tuồng diệt gọi là niết bàn.

Trước liệt bốn thứ niết bàn để bài xích tà
nhơn tà quả. Nhiên hậu đề ra niết bàn trong
chánh pháp của ta. Tánh tự tánh phi tánh niết
bàn là, Số luận sư lầm cho là Minh đế, từ minh
sinh giác, từ giác sinh ngã tâm, cứu cánh trở về
Minh đế. Chúng chúng tướng tánh phi tánh niết
bàn là, Minh luận sư chấp đại, phạm, thời,
phương, bản tế, hư không, ngã bảy pháp là
thường trụ hay sanh tất cả pháp, tất cả pháp
thấy trở về thường trụ. Tự tướng tự tánh phi
tánh giác niết bàn là, Thuận thế sư chấp tất cả
pháp sắc, tâm v.v... đều tứ đại cục vi làm nhơn,
tức trong tứ đại có cái rất tinh linh hay duyên là
giác thể, dùng làm tâm pháp. Tất cả hữu tình vô
tình tự tướng tự tánh đều có cục vi giác thể, nên
nói chấp tất cả giác lấy làm niết bàn. Chư ấm tự
cộng tướng tương tục lưu chú đoạn niết bàn là,
tương tục lưu chú tức là hành ấm. Hành ấm khi
diệt nó lặng lẽ chẳng dao động, chẳng phải là
thật tịch diệt, như dòng nước thác, trông như
lặng lẽ, nên nói : "Lặng vào hợp lặng, trở về bờ
mé của thức". Nhị thừa chẳng biết tự tâm hiện ra
nơi tương tục diệt khởi tướng niết bàn, thấy đều
chẳng lìa thức. Niết bàn của Như Lai là vọng
tướng thức diệt, tức là diệt thức phân biệt. Thức
phân biệt này từ mê tự tâm bất giác mà khởi.
Giác tự tâm hiện ra thì phân biệt chẳng sanh,

đây tức là niết bàn. Tự giác là nhơn, thức diệt là quả. Ở đây nói thức diệt là lấy quả để rõ nhơn.

G² - CHỈ VỌNG TƯƠNG THỨC DIỆT TỨC LÀ NIẾT BÀN

Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Chẳng dựng lập tám thức sao ? Phật bảo : Dựng lập.
Đại Huệ bạch Phật : Nếu dựng lập tại sao là ý thức chẳng phải là thất thức ? Phật bảo
Đại Huệ : Vì kia (thức 6 và 8) làm nhơn và kia (6 - 8) phan duyên, thất thức chẳng sanh. Ý thức là, chấp trước cảnh giới phần đoạn sanh tập khí nuôi lớn nơi tàng thức. Ý (thức 7) đồng chấp trước ngã ngã sở, suy từ nhơn duyên sanh, chẳng hoại thân tướng của tàng thức, nhơn phan duyên cảnh giới tự tâm hiện ra rồi chấp trước, nhóm tâm liên sanh, lần lượt làm nhơn nhau, thí như biển và sóng, ngọn gió cảnh giới của tự tâm hiện ra, hoặc sanh hoặc diệt cũng như thế. Thế nên, ý thức diệt thì thất thức cũng diệt.

Nhu Lai đã đáp dựng lập tám thứ thức, mà Đại Huệ riêng nghi chẳng là thức thứ bảy ấy, là do mê Nhu Lai tàng toàn thể là thức, toàn thức tức tàng, nên thức thứ tám không thể lìa. Song thức thứ tám vọng khởi kiến phần thành cái chấp ngã của thức thứ bảy, nghi nên đoạn trừ. Không biết rằng thức thứ sáu cùng thức thứ tám

làm nhơn, mà thức thứ sáu cùng thức thứ tám cũng làm duyên, thức thứ bảy y đó khởi, không có tự thể tánh, để hiển bày ý thức là lỗi. Từ đây về sau phát minh hai nghĩa nhơn duyên, để chứng thành thức thứ bảy chẳng sanh, nên ý thức phải diệt. Ý thức góp cảnh giới ngoại trần vọng có phân biệt, dẫn phát tập khí, thêm mê tăng thức. Do đó ý thức thứ bảy đồng thời chung khởi chấp ngã ngã sở, suy tư nhơn duyên tương tục mà sanh, song thức thứ bảy cùng tăng thức đồng một Như Lai tàng chẳng hoại chơn tướng, mê chơn mà khởi không có hai thể. Đây nói rõ thức thứ sáu cùng thức thứ tám làm nhơn, nên thức thứ bảy y đó mà khởi, không có tự thể tánh. Tăng thức làm nhơn hiện ra sáu trần, cảnh giới của tự tâm. Thức thứ sáu do ấy phan duyên chấp trước khởi nhóm thất thức tâm. Đây nói rõ thức thứ tám cùng thức thứ sáu làm duyên, thức thứ bảy y đó mà khởi không có tự thể tánh. Nhơn duyên lần lượt lỗi tại ý thức. Như biển tâm, sóng ý, do thức thứ sáu duyên cảnh giới tự tâm hiện ra làm gió thổi, mà có sanh diệt. Thức thứ sáu nếu diệt thì tâm ý tự dừng. Như biển cả không gió thì cảnh tượng đáy được rộng sáng vậy. Song thấy do mê tự tâm lượng nên kiến phần tướng phần theo đó mà sanh. Kiến chấp là ý duyên tướng sanh thức. Nếu giác tự tâm hiện lượng thì

đối tất cả cảnh giới phân biệt chẳng sanh, kiến chấp theo đó liền hết, Như Lai tàng tâm liền đó tròn lặng. Song ở đây không nói giác tự tâm hiện lượng là niết bàn, vì Phật tánh là nhơn, niết bàn là quả. Nhơn ấy chẳng phải quả, gọi là Phật tánh, quả ấy chẳng phải nhơn, gọi là niết bàn. Nay dùng quả để nói nên nói thức diệt.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng :

Ta chẳng tánh niết bàn	Làm ra cùng với tướng
Vọng tướng, sở tri, thức	Đây diệt, ta niết bàn
Kia nhơn, kia phan duyên	Ý tiến thủy thành thân
Cùng nhơn ấy là tâm	Là sở y của thức.
Như dòng nước lớn cạn	Sóng mồi ắt chẳng nổi
Như thế ý thức diệt	Các thứ thức chẳng

sanh.

Niết bàn không có tánh cũng không có thủ xả, chỉ tự tâm hiện ra, chỗ giác tướng diệt, đây là niết bàn. Tuy thức thứ tám làm nhơn cùng thức thứ sáu làm duyên, thức thứ bảy thân chuyển. Song kia hoại tướng đồng chuyển, cảnh giới sáu trần duy tâm hiện ra dường như có hiện tiền, làm chỗ nương của thức không có đoạn dứt, chẳng đạt được tự tâm thì sự phân biệt khó dừng. Như dòng nước lớn cạn, sóng mồi ắt chẳng nổi. Đây là nhằm vào thức diệt thì biến tâm tự như.

*G³ - CÙNG TỐT VỌNG TƯỚNG SAI BIỆT ĐỂ HIỂN TRÍ,
NHƯ, THÀNH THẬT, BIẾN QUẢ NIẾT BÀN.*

Lại nữa, Đại Huệ ! Nay sẽ nói thông tướng vọng tướng tự tánh phân biệt. Nếu khéo phân biệt thông tướng vọng tướng tự tánh phân biệt thì ông và các Đại Bồ Tát là vọng tướng đến tự giác thánh, khéo thấy thông thú (lối chung) của ngoại đạo, giác vọng tướng năng nhiếp sở nhiếp đoạn, duyên khởi các thú tướng vọng tướng hành, không còn khởi vọng tướng.

Trên nói thức vọng tướng đoạn liền gọi là niết bàn. Ở đây muốn Bồ tát tốt cùng vọng tướng sai biệt thẳng đó chóng là, đến tự giác thánh. Duyên khởi vốn không hai pháp, giác vọng cũng chẳng hai tâm. Cùng tốt vọng không có hơn, ngộ giác chẳng phải riêng khác. Đến chỗ năng sở đoạn, mới biết cùng ngoại đạo đồng một duyên khởi. Nơi đi của vọng tướng tự tánh, là chỗ hiển bày của tự giác thánh trí.

Đại Huệ ! Thế nào là thông tướng vọng tướng tự tánh phân biệt ? Nghĩa là ngôn thuyết vọng tướng, sở thuyết sự vọng tướng, tướng vọng tướng, lợi vọng tướng, tự tánh vọng tướng, hơn vọng tướng, kiến vọng tướng, thành vọng tướng, sanh vọng tướng,

bất sanh vọng tưởng, tương tục vọng tưởng, hệ bất hệ vọng tưởng, ấy gọi là thông tướng vọng tưởng tự tánh phân biệt. Đại Huệ ! Thế nào là ngôn thuyết vọng tưởng ? Nghĩa là các thứ tiếng hay ca vịnh vui đẹp chấp trước, gọi là ngôn thuyết vọng tưởng.

Đại Huệ ! Thế nào là sở thuyết sự vọng tưởng ? Nghĩa là sự có nói ra là chỗ thánh trí biết, y nơi kia mà sanh ngôn thuyết vọng tưởng, ấy gọi là sở thuyết sự vọng tưởng.

Đại Huệ ! Thế nào là tướng vọng tưởng ? Nghĩa là việc nói ra kia, như con nai khát nước tưởng các thứ chấp trước, rồi chấp trước. Như là tướng cứng, ướt, ấm, động tất cả tánh vọng tưởng, ấy gọi là tướng vọng tưởng.

Đại Huệ ! Thế nào là lợi vọng tưởng ? Nghĩa là ưa các thứ vàng bạc trân bảo, ấy gọi là lợi vọng tưởng.

Đại Huệ ! Thế nào là tự tánh vọng tưởng ? Nghĩa là gìn giữ tự tánh này như thế chẳng đổi khác, ấy gọi là tự tánh vọng tưởng.

Đại Huệ ! Thế nào là nhơn vọng tưởng ? Nghĩa là hoặc nhơn hoặc duyên phân biệt có

không nên nhơn tướng sanh, ấy gọi là nhơn vọng tướng.

Dại Huệ ! Thế nào là kiến vọng tướng ?
Nghĩa là các thứ ác kiến có, không, một, khác, đồng, chẳng đồng là ngoại đạo vọng tướng chấp trước vọng tướng, ấy gọi là kiến vọng tướng.

Dại Huệ ! Thế nào là thành vọng tướng ?
Nghĩa là tướng ngã và sở tạo thành luận quyết định, ấy gọi là thành vọng tướng.

Dại Huệ ! Thế nào là sanh vọng tướng ?
Nghĩa là duyên có tánh không tánh sanh chấp trước, ấy gọi là sanh vọng tướng.

Dại Huệ ! Thế nào là bất sanh vọng tướng ?
Nghĩa là tất cả tánh vốn không sanh, không có chủng tử nhơn duyên, thể sanh vô nhơn, ấy gọi là bất sanh vọng tướng.

Dại Huệ ! Thế nào là tương tục vọng tướng ?
Nghĩa là kia đồng tương tục, như kim với chỉ, ấy gọi là tương tục vọng tướng.

Dại Huệ ! Thế nào là phục bất phục vọng tướng ?
Nghĩa là chấp trước nhơn duyên phục cùng chẳng phục, như sĩ phu dùng phương tiện hoặc phục hoặc giải, ấy gọi là phục bất phục vọng tướng.

Đây là thông tướng vọng tướng tự tánh phân biệt, tất cả ngu phu chấp trước có không.

Tiếng hay ca vịnh gồm thành vận và văn từ. Thình vận có thanh có trắc, văn từ có nhã có tục, là chỗ nương khởi phân biệt. Sự có nói ra là, lời nói nói ra sự lý. Là chỗ thánh trí biết, y kia mà sanh là, chỗ thánh trí hiển bày phải ngộ nhập, không thể như ngón tay mà thấy mặt trăng thì, chỗ hiển bày biến thành cảnh giới giác tướng. Việc nói ra kia như con nai khát nước tưởng là, như nghe nói đất mà khởi tướng cứng, nghe nói nước khởi tướng ướt, nghe nói lửa khởi tướng nóng, nghe nói gió khởi tướng động. Nghe nói ngũ uẩn mà cho là sắc, thọ, tưởng, hành, thức có pháp tướng chơn thật, rồi chấp tức uẩn, ly uẩn khởi các thứ phân biệt, như con nai khát nước tưởng. Lợi vọng tướng là, y nơi vàng bạc trân bảo mà khởi đắm trước. Giữ giữ tự tánh này như thế chẳng đổi khác là, phân biệt tất cả pháp có thể tánh của nó rồi chấp giữ chẳng bỏ. Hoặc như hoặc duyên phân biệt có không nên như tướng sanh là, đối với nhân duyên khởi phân biệt có nhưn tướng hoặc không nhưn tướng. Bảo rằng nhưn này thì duyên này, nhưn kia thì duyên kia ; nhưn kia không nhưn này, nhưn này không nhưn kia ; tất cả nhưn tướng do phân biệt mà sanh. Có,

không, một khác, đồng, chẳng đồng, là, pháp tứ cú này là phân biệt tà kiến của ngoại đạo. Tưởng ngã và ngã sở tạo thành luận quyết định là, chấp ngã sở là pháp nhất định, như phân biệt tâm cảnh, tự tha, hoặc căn thân và khí giới thành cái luận quyết định. Duyên có tánh không tánh sanh là, tất cả pháp có không đều từ duyên sanh, duyên có thì có hiện, duyên không thì không hiện, không có nhơn quả. Tất cả tánh vốn không sanh, không có chủng tử nhơn duyên thể sanh vô nhơn là, tất cả pháp không có nhơn sanh, chẳng do duyên khởi, như cò nhất định trắng, quạ nhất định đen, bỗng nhiên mà hiện, không có tánh nhơn. Kia đồng tương tục như kim với chỉ là, tất cả pháp do hòa hợp mà thành như không và sắc, như bình và đất nước, bởi lệ thuộc lẫn nhau mà thành tất cả pháp. Chấp trước nhơn duyên phục cùng chẳng phục, như sī phu dùng phương tiện, hoặc phục hoặc giải là, do năng phục mà có sở phục, phục hay giải là do ta, sức chấp phương tiện mà sanh phân biệt. Mười hai thứ vọng tưởng sai biệt này, tất cả ngu phu nhơn đồ chấp trước có không. Tất cả người trí nhơn đó liễu đạt trừ đoạn. Nên nói tự giác thánh trí khéo phân biệt cùng với ngoại đạo chung đường.

Đại Huệ ! Chấp trước duyên khởi mà chấp trước, các thứ vọng tưởng chấp trước

tư tánh, như huyễn thị hiện các thứ thân. Phàm phu vọng tưởng thấy các thứ khác với huyễn. Đại Huệ ! Huyền cùng các thứ chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Nếu khác thì huyễn chẳng phải các thứ nhơn. Nếu chẳng khác thì huyễn cùng các thứ không sai biệt, mà thấy sai biệt. Thế nên chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Do đó, nên Đại Huệ ! Ông và các vị Đại Bồ tát khác đối với duyên khởi vọng tưởng tự tánh như huyễn chớ chấp trước khác, chẳng khác, có, không.

Huyễn là dụ tất cả pháp duyên khởi. Huyền hiện các thứ phàm phu vọng thấy là, dụ duyên khởi mà chấp trước các thứ tánh tướng. Y nơi huyễn hiện các thứ thân, như y nơi mộng có các việc trong mộng, kẻ ngu thấy cho là thật, bảo là khác với huyễn. Nếu khác với huyễn thì lý ung huyễn không làm nhơn tạo tác, mà thật nhơn huyễn tạo tác, như việc trong mộng thật nhơn nơi mộng. Nếu chẳng khác thì, huyễn cùng các thứ chẳng có sai biệt, mà thật khi hiện các thứ chẳng phải không có các thứ, như khi mộng hiện thật thấy có việc hiện. Cho nên biết, huyễn hiện các thứ chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Duyên khởi như huyễn cùng với các thứ chấp trước pháp tướng cũng chẳng phải khác chẳng

phải chẳng khác. Người giác tự tâm hiện chẳng nên ở nơi đây khởi tướng có, không, khác, chẳng khác. Đây là lý do Thế Tôn chỉ thẳng hiển bày.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng :

Tâm cột nơi cảnh giới	Giác tướng trí tùy chuyển
Vô sở hữu và thẳng	Bình đẳng trí huệ sanh.
Vọng tướng tự tánh có	Nơi duyên khởi ắt không
Vọng tướng hoặc nhiếp	Duyên khởi phi vọng
thọ	tướng.
Các thứ chi phần sanh	Nhu huyền thì chẳng thành
Tướng kia có các thứ	Vọng tướng thì chẳng thành.

Đây nói mê duyên khởi tức là biến kế. Đạt duyên khởi tức là Viên thành. Duyên khởi như huyền, chẳng phải người giác tự tâm thì không thể đạt. Chẳng giác tự tâm hiện ra, nơi cảnh hiện ra vọng chấp là có không. Nên nói tâm cột nơi cảnh giới thì giác tướng tùy chuyển. Vô sở hữu thẳng xú tức là giác cảnh giới tự tâm, biết tự tướng như thật, nên nói bình đẳng trí. Một bài kệ này đã tốt chỉ thú, về sau để biết sâu về lý duyên khởi thật không có tự tánh. Nếu có chấp trước

các thứ đều là vọng tưởng. Cho nên nói vọng tưởng tự tánh có, nơi duyên khởi át không. Song vọng tưởng này ở trong mê hoặc dường như có nhiếp thọ. Nếu đạt được lý duyên khởi như huyền mới biết vọng tưởng vốn chẳng phải tánh nhiếp thọ. Tánh chẳng phải nhiếp thọ tức là không vọng tưởng có thể được, song huyền hiện chỉ phần không thành sự thật, các thứ tướng cũng không cho phân biệt. Nên nói "vọng tưởng thì chẳng thành" đến đây phải tự tỉnh sáng vậy.

Tướng kia tức là lỗi	Đều từ tâm phược sanh
Vọng tưởng không sở tri	Nơi duyên khởi vọng
	tưởng.
Tánh các vọng tưởng này	Tức là duyên khởi kia
Vọng tưởng có các thứ	Nơi duyên khởi vọng
	tưởng.

Ở trên nói duyên khởi không tánh nên chỉ phần chẳng thành, các tướng vốn dối, vọng tưởng không chỗ gá. Đây lại nói, nếu thấy có tướng tức là có lỗi tâm bị phược. Đây bởi không biết vọng tưởng, nên nói duyên khởi như huyền khởi kiến chấp phân biệt. Song tánh phân biệt đã không có chỗ biết tức đồng với duyên khởi. Tướng tâm phược không có nhơn, tướng mê hoặc của tâm cũng vậy. Nên nói tánh các vọng tưởng này, tức là duyên khởi kia. Phân biệt tuy có các thứ cũng

như huyền các thứ hiện thấy đều không thể được.

Thế đế, đệ nhất nghĩa	Thứ ba vô nhơn sanh
Vọng tướng nói thế đế	Đoạn thì cảnh giới
	thánh.

Đây nói về thế đế và đệ nhất nghĩa đế, tại mê ngộ mà có chuyển biến, chớ không có nói riêng. Mê thì thánh trí đều đồng giác tướng. Ngộ thì phân biệt thấy là diệu quan sát trí. Thế đế là nhơn mê, đệ nhất nghĩa đế thì nhơn ngộ. Bỏ hai thứ mê ngộ này thì hai đế không có nhơn. Không nhơn mà vọng chấp, là không phải chỗ nói của thánh. Nên nói "thứ ba vô nhơn sanh". Như Lai đối với các pháp duyên khởi muốn người giác tự tâm hiện ra thì vọng chấp liền dừng, tức là cảnh giới đệ nhất nghĩa. Thẳng đó đảm nhận không có thừa sót, chẳng phải đây thì kia không cho nghĩ nghĩ.

Thí như việc tu hành	Nơi một, các thứ hiện
Nơi kia không các thứ	Tướng vọng tướng như
	thế.
Thí như các bệnh mắt	Vọng tướng các sắc
	hiện
Bệnh không sắc phi sắc	Duyên khởi chẳng giác
	vậy.

Thí như lọc vàng ròng Xa lìa các cận bả
Hư không chẳng mây che Vọng tưởng sạch cũng
thế.

Thiên quán hiện ra các thứ sắc tướng vốn là hư dối. Bệnh mắt thấy sắc không thể nói có không, để dụ không rõ duyên khởi vọng tưởng các tướng sanh pháp nhĩ như thế. Song duyên khởi vốn huyền, vọng tưởng chẳng phải ai khác. Cạn bả bất giác nếu lia thì vàng ròng hiện tiền. Mây che con mắt bệnh nếu sạch thì hư không như nhiên. Lại dụ vọng sạch chẳng riêng có chơn.

Không có tánh vọng tưởng Và có duyên khởi kia
Kiến lập và phủ bác Thấy do vọng tưởng
hoạt.

Vọng tưởng nếu không	Mà có tánh duyên khởi
tánh	
Không tánh mà có tánh	Có tánh không tánh
	sanh.

Y như nơi vọng tưởng Mà được duyên khởi kia
Tướng, danh thường theo Mà sanh các vọng
 nau tướng.

Cứ cánh chẳng thành tựu Thì qua các vọng tưởng
Về sau trí thanh tịnh Ấy gọi đệ nhất nghĩa.

Vọng tưởng duyên khởi thấy đều không thật, mà khởi chấp có không thường thấy do vọng

tướng hoại. Vọng tướng không tánh người còn dễ biết, pháp duyên khởi hư dối rất khó liễu đạt. Cho nên thiết lập "vọng tướng nếu không mà có duyên khởi" là, lia vọng tướng mà có duyên sanh, ấy là có pháp từ vô nhơn sanh. Chẳng biết mê Như Lai tàng làm thành thức, vọng có thấy sanh rồi khởi ra tướng. Ý nơi tướng lập danh trở lại sanh phân biệt, như bó lau không có sự thật. Biết không sự thật thì liền đó được tròn sáng, ấy là đệ nhất nghĩa thanh tịnh không bị ngăn che, Kinh Lăng Nghiêm nói : "Cần trần đồng nguồn, phược thoát không hai, thức tánh hư vọng ví như không hoa. Do trần phát biết, nhơn cần có tướng, tướng kiến không tánh, đồng như bó lau". Lại nói : "Thấy biết lập biết, là gốc vô minh, thấy biết không chấp, đây là niết bàn, vô lậu chơn tịnh". Làm sao ở trong đó lại cho có vật khác ? Cần trần tức là pháp duyên khởi. Thức tánh vẫn là vọng tướng. Luận Duy Thức nói : sắc tâm các pháp đều do nội thức biến dường như hiện tiền". Nên biết duyên khởi vốn từ thức sanh, trở lại sanh thức. Thức tánh vốn đối, cần trần nương đâu mà lập ? Thì tánh tri kiến kia thanh tịnh không thừa vậy.

Vọng tướng có mười hai	Duyên khởi có sáu thứ
Tự giác biết sở tri	Kia không có sai biệt.

**Năm pháp là chơn thật Tự tánh có ba thứ
 Tu hành phân biệt đây Chẳng ngoài nơi như
 như.**

Nương trên nói vọng tưởng thanh tịnh thành đệ nhất nghĩa. Cho nên ở đây nói người chứng tự giác thánh trí thấy rõ vọng tưởng, duyên khởi, trí và sở trí, năm pháp, ba tánh đều không có sai biệt, hội quy về chơn thật tự tướng như như.

**Các tướng và duyên khởi Kia gọi khởi vọng tưởng
 Các tướng vọng tưởng kia Từ duyên khởi kia sanh.
 Giác huệ khéo quán sát Không duyên không vọng
 tưởng**

**Thành rồi không có tánh Thế nào vọng tưởng giác?
 Tự tánh vọng tưởng kia Dụng lập ba tự tánh
 Vọng tưởng các thứ hiện Cảnh giới thánh thanh tịnh
 Vọng tưởng như màu vẽ Duyên khởi chấp vọng
 tưởng**

**Nếu khác với vọng tưởng Là y luận ngoại đạo
 Vọng tưởng nói tướng ra Nhon thấy hòa hợp sanh
 Người lìa hai vọng tưởng Như thế là được thành.**

Năm bài kệ này qua lại nói vọng tưởng tức là chánh trí, danh tướng tức là như như, duyên khởi tức là thành thật. Kẻ ngu phân biệt thấy hai, người trí liễu đạt tánh nó không hai. Y nơi

duyên khởi vọng chấp danh tướng, duyên khởi như huyễn thì tướng chấp vốn rỗng. Các hư huyễn hết thì thành thật hiện tiền. Vì không riêng thật tánh, nên giác tướng (vọng) đâu còn, tánh vốn không hai do vọng kiến lập mà có. Kinh Niết Bàn nói : "Khi có trí huệ thì không phiền não, khi có phiền não thì không trí huệ". Lại nói : "Nếu nói tất cả pháp vô ngã thì bí tạng của Như Lai cũng không có ngã". Phạm phu cho là hai, trí giả liễu đạt tánh nó không hai. Tánh không hai tức là thật tánh. Cho nên nói : "Vọng tướng các thứ hiện, cảnh giới thánh thanh tịnh". Mới biết thật tánh vô minh tức là Phật tánh. Ngộ vọng vốn chơn chẳng lìa vọng mà có. Chỉ trừ vọng chấp, tánh chấp không vọng, lìa nó để tìm nơi khác tức là dị nhơn (lối chấp nhơn khác của ngoại đạo). Vọng tướng như màu vẽ, duyên khởi chấp vọng tướng là, nói duyên khởi vốn từ vọng tướng mà hiện, lại chính nơi duyên khởi mà sanh phân biệt, như vẽ tướng địa ngục, tự vẽ rồi tự sợ, vẫn do vọng tướng nói rồi lại tướng ra. Năng hiện và sở hiện hiệp thành hai cái vọng. Biết vọng tức lìa, lìa vọng tức thật, không có hai mối.

C⁴ CHỈ TỰ GIÁC NHẤT THỪA SOI SÁNG CÁC ĐỊA, KHÉO ĐOẠN CÁC LẬU, VIÊN MÀN THÂN PHẬT, CHẴNG RƠI VÀO CÓ KHÔNG, CHIA LÀM BỐN :

D¹)Chỉ tự giác nhất thừa, có năm phân :

E¹ - CHỈ TỰ GIÁC THÁNH TRÍ :

Đại Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Cúi mong vì nói tướng tự giác thánh trí và nhất thừa. Nếu tướng tự giác thánh trí và nhất thừa, con và các Bồ Tát khác rành tướng tự giác thánh trí và nhất thừa thì chẳng do nơi khác thông đạt Phật pháp ? Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Thánh trước biết rõ trao truyền cho nhau, "vọng tưởng là không tánh", Đại Bồ Tát riêng ở chỗ vắng vẻ tự giác quán sát, chẳng do nơi khác lìa kiến chấp vọng tưởng, tiến thẳng lên trên vào Như Lai địa, ấy gọi là tự giác thánh trí.

Đây đáp tự giác thánh trí mà nói thánh trước biết rõ trao truyền cho nhau "vọng tưởng là không tánh" ! Cho nên biết, tất cả phàm phu không thể rõ thấu được giác tánh đều bị vọng tưởng kèm giữ, lần lượt phá trừ thì tướng tế lại sanh. Nếu biết không tánh thì tức vọng liền chơn, chỗ giác tưởng hết, chẳng do nơi khác mà ngộ, nên nói tự giác. Ngài Vĩnh Minh Giác nói : "Đồng một không tánh nên được hiện thành,

tánh vọng vốn rỗng chúng sanh nguyên là Phật, chơn tánh đã được, đâu phải nay mới thành". Đây là nhằm vào căn bản trí vậy.

E² - CHỈ NHẤT THỪA.

Dại Huệ ! Thế nào là tướng nhất thừa ? Nghĩa là giác ngộ đạo nhất thừa nên ta nói nhất thừa. Thế nào là giác ngộ đạo nhất thừa ? Nghĩa là chỗ năng nhiếp sở nhiếp vọng tướng như thật, chẳng sanh vọng tướng, ấy gọi là giác nhất thừa. Dại Huệ ! Người giác ngộ nhất thừa, chẳng phải chỗ các hàng ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Phạm Thiên Vương v.v... Hay được, chỉ trừ Như Lai, do đó nên gọi là nhất thừa.

Chỗ năng nhiếp sở nhiếp vọng tướng như thật chẳng sanh vọng tướng là, cảnh giới vọng tướng của chúng sanh hiện tiền tức là chư Phật Như Lai, chơn tục không hai trường đại tịch diệt, bình đẳng một pháp giới không có sai biệt. Kinh Tối Thắng Vương nói : "Người tu hạnh bố đề đối với cảnh chư thánh, thế chẳng phải một khác, chẳng bỏ nơi tục, chẳng lìa nơi chơn, y nơi pháp giới. Pháp giới là, tất cả chúng sanh là chơn không thường trụ, tự tướng tự tánh bản thể như thật, chẳng sanh chẳng diệt, không có giác tri. Đây là chỗ đi của Như Lai, chẳng phải chỗ hiểu

của phàm, chẳng phải chỗ biết của thánh". Cho nên nói "chẳng phải chỗ các hàng ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Phạm Thiên Vương... hay được "nói cứu cánh giác" vậy.

E³ - CHỈ TAM THỪA TÙY CƠ.

Đại Huệ lại bạch **Phật** : Thế Tôn có sao nói tam thừa mà chẳng nói nhất thừa ? **Phật** bảo **Đại Huệ** : Chẳng tự vào pháp Niết bàn, nên chẳng nói với Thanh văn Duyên giác nhất thừa. Bởi tất cả Thanh văn Duyên giác, Như Lai điều phục trao cho phương tiện tịch tĩnh mà được giải thoát, chẳng phải tự sức mình, thế nên chẳng nói nhất thừa. Lại nữa, **Đại Huệ** ! Vì phiền não chuồng, nghiệp, tập khí chẳng đoạn nên không nói với tất cả Thanh văn, Duyên giác nhất thừa. Vì chẳng giác pháp vô ngã, chẳng lìa phần đoạn tử nên nói tam thừa.

Như Lai chẳng vì Thanh văn Duyên giác nói pháp nhất thừa. Bởi vì Thanh văn Duyên giác không thể lìa ngôn thuyết và sở thuyết được tự giác thánh trí, chẳng được pháp tự vào niết bàn. Tự vào niết bàn là tự tánh niết bàn. Sản có tự tánh vốn tự vắng lặng chẳng chịu sanh tử. Ở trong sanh tử mà chẳng bị pháp sanh tử chen

vào, thường tự vắng lặng, ngay đó là như như. Tánh như như mà không thể tự giác cần nhờ duyên khởi. Gặp duyên thế gian liền khởi phân biệt, bám lấy thính sắc tạo nhơn, trong tam giới, chuốc quả luân hồi. Gặp duyên xuất thế liền khởi chán lìa, bám chặt vào thiên định, tạo nhơn tứ đế mười hai nhơn duyên, thành quả giải thoát. Song tự tánh như như chẳng phải luân hồi, chẳng phải là luân hồi, chẳng phải giải thoát, chẳng phải là giải thoát, chẳng phải hai bên này, cũng chẳng lìa hai bên. Như Lai thương xót các phàm phu đắm mê thế gian, cho thế gian là thường nên vì họ nói vô thường, cho thế gian là lạc nên vì họ nói khổ, cho thế gian là tịnh nên vì họ nói bất tịnh, cho thế gian là ngã nên vì họ nói vô ngã. Nhị thừa lấy đây để điều phục, được đạo giải thoát mà chẳng phải tự tánh giải thoát. Về phần khởi phiền não đã đoạn, còn tập phiền não chẳng đoạn, được nhơn vô ngã, chẳng giác ngộ pháp vô ngã. Tập phiền não khởi từ vô minh bất giác nghiệp động, chẳng phải người giác tự tánh thì không thể xa lìa. Nghiệp tập chẳng đoạn thì chỉ là bất tri bất giác mà thôi. Thế Tôn thường nói : Thanh văn Duyên giác còn không thấy chơn tánh vô ngã, huống là chơn tánh hữu ngã". Đồng một chơn tánh do vô ngã được vào, chẳng phải giác tự

tánh, cho nên nói "chẳng thấy". Chúng sanh phân biệt ta người là lỗi của bất giác, không dùng tức và lìa, nên nói "chỗ năng nhiếp sở nhiếp vọng tướng như thật" thật khó mà gánh vác. Vừa sanh phân biệt liền rơi vào sở tri. Câu "chẳng lìa phần đoạn tử" theo bản dịch đời Ngụy thì "chưa được bất khả tư nghì biến dịch sanh". Về phần đoạn nhị thừa đã lìa, còn biến dịch nhị thừa chưa đoạn. Mà nói bất khả tư nghì biến dịch sanh, chính chỉ tùy loại đối hiện thì nhị thừa không có phần.

E⁴ - CHỈ NHẤT THỪA BÌNH ĐẲNG.

Dại Huệ ! Những người kia đối tất cả khởi phiền não, tập khí đã đoạn và giác pháp vô ngã. Kia đối tất cả khởi phiền não, tập khí đoạn, đắm vị tam muội lạc chẳng phải tánh, giác được vô lậu giới. Giác rồi, lại nhập xuất thế gian thượng thượng vô lậu giới, đầy đủ các thứ công đức sẽ được pháp thân Như Lai bất khả tư nghì tự tại.

Kinh Phật Đảnh nói : "Giác chẳng phải sở minh, nhơn minh mà lập giác, sở đã vọng lập thì sanh vọng năng của ông". Sở là chỉ cho tướng phần. Kinh Phật Đảnh nói sở trước cái năng thì biết tốt gốc pháp ngã, tập khí rất là tế nhị và kín

đáo, chỗ này Bồ tát đến Diệu giác mới hết. Khởi phiền não là nhưn ngã. Nhị thừa tuy đoạn khởi phiền não, mà lỗi kiến phần tập khí chưa quên. Đây đồng nói : đoạn là, chính khi thời tiết đã đến, bỗng nhiên giác ngộ, chỗ tập khí đoạn là pháp vô ngã tự nhiên sáng tỏ. Đắm vị tam muội, đây là tập khí pháp ngã. Kìa đối với chỗ chẳng phải chuyển mà sanh tướng chuyển, như người say kia thấy mặt trăng mặt trời thật không phải xoay vòng, mà sanh tướng xoay vòng. Cho nên dùng cái tướng vô thường, khổ, không, vô ngã, đắm vị tam muội, đối với cái lưu chuyển kia được thế gian giải thoát, vào vô lậu giới. Nơi đây nếu giác ngộ thì đắm vị tam muội cũng chẳng có tánh nhất định, tập khí liền đoạn, tất cả kiến chấp dứt, liền là xuất thế vô lậu, tánh bản giác liền hiện, pháp thân rõ ràng, chẳng phải bảo riêng có xuất thế vô lậu giới.

E⁵ - TỤNG CHUNG

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng :

Chư thiên và phạm thừa	Thanh văn Duyên giác thừa
Chư Phật Như Lai thừa	Ta nói các thừa này
Cho đến có tâm chuyển	Các thừa phi cứu cánh.

Nếu tâm kia diệt hết

Không thừa và người

thừa

Không có thừa dựng lập

Ta nói là nhất thừa.

Chính Như Lai thừa mà có tâm phân biệt còn chẳng phải cứu cánh. Cho nên cái sở tri ngu đến thập nhất địa vẫn còn vi tế chưa hết. Được hết cái này rồi chơn như tự tánh mới là hiện tiền, không có thừa cùng với người thừa (cổ), vượt ngoài số lượng không thể dựng lập, nên nói nhất thừa. Phật bảo ngài Xá Lợi Phất rằng : "Như Lai tất cả thấy biết thấy giác, cũng chẳng tự biết ta biết thấy giác. Nếu khiến Như Lai khởi tưởng biết thấy giác, ấy là chẳng phải Phật Thế Tôn, gọi là phạm phu". Cho nên biết, đạo nhất thừa bất tướng là tánh, riêng một không có bạn bè, thoát ba thứ duyên, tập khí, chỉ một diệu viên giác, lại không có gì khác. Kinh Viên Giác nói : "Tâm diệu viên giác của tất cả Như Lai vốn không có bổ đề cùng với niết bàn, cũng không có thành Phật cùng chẳng thành Phật, không vọng luân hồi và phi luân hồi". Chỗ này nếu không phải người đạt tự tánh tất cả pháp chơn như bình đẳng thì không thể thấy.

Vì dẫn đạo chúng sanh

Phân biệt nói các thừa

Giải thoát có ba thứ

Cùng với pháp vô ngã.

Phiền não trí huệ thấy

Giải thoát thì xa lìa

Ví như cây trong biển	Thường theo sóng gió dời.
Thanh văn ngu cũng vậy	Tương gió thổi trôi giạt
Kia khởi phiền não diệt	Còn tập phiền não ngu.
Đắm vị tam muội lạc	An trụ vô lậu giới
Không có tiến cứu cánh	Cứng lại chẳng thối lùi.
Được các thân tam muội	Cho đến kiếp chẳng giác
Thí như người mê say	Rượu hết sau mới tỉnh.
Kia giác pháp cũng vậy	Được thân Phật vô thượng.

Ba thứ giải thoát tức là quả chứng của tam thừa. Nhơn pháp vô ngã, phiền não sở tri đều vì dẫn đạo hàng nhị thừa mà nói. Người được nhất thừa giải thoát đều xa lìa những thứ này, nên nói "không thừa và người thừa". Nhị thừa đoạn khởi phiền não, mà còn ngu tập phiền não, thường bị không tịch nó chuyển, như cây nổi kia bị gió thổi trôi giạt. Thấy tất cả pháp trong ngoài đều theo sở tri chuyển, đắm vị tam muội an trụ ngoại giới, liền dứt nhơn sanh, cho nên cũng chẳng thối lùi. Say cái tam muội này nhiều kiếp không giác, nếu giác tức là vô thượng, nên nói "tự tánh chơn như chẳng phải các thứ giải thoát, cũng chẳng phải lìa giải thoát".

PHẦN III ⁽¹⁾

D²⁾ *Chỉ thánh trí chiếu minh các địa, có bốn :*

E¹ - BÀY BA THỨ Ý SANH THÂN.

Khi ấy, Thế Tôn bảo đại Bồ Tát Đại Huệ rằng : Nay ta sẽ nói phân biệt tướng chung của ý sanh thân. Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn lành thay ! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Có ba thứ ý sanh thân. Thế nào là ba ? Là : Tam muội lạc chánh thọ ý sanh thân, giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân, chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân. Người tu hành rõ biết tướng sơ địa tiến lên các địa được ba thứ thân.

(1) *Bản Hán ngữ sang quyển 5.*

Ba thứ thân từ sơ địa đến Phật địa là phân biệt sở chứng. Tam muội lạc chánh thọ là từ sơ địa đến thất địa. Giác pháp tự tánh tánh là từ bát địa đến thập địa. Chủng loại câu sanh vô hành tác là rốt sau của kim cang địa chứng được pháp thân, như hạt châu ma ni tùy loại đối hiện. Ba thân này có thể phối hợp với ba pháp quán. Tam muội chánh thọ thuộc về chỉ. Giác pháp tự tánh tánh thuộc về quán. Chủng loại là chủng loại thánh, tất cả Phật tự tánh ảnh hiện không thể nghĩ bàn thuộc về trung đạo thiền na. Giác tự tâm hiện là, tam quán đồng thời đầy đủ. Ba đức tự tánh này tức một mà ba, tức ba mà một, chẳng đồng với quyền thừa thủy giáo một vị chẳng biết một vị. Song tùy địa sâu cạn chẳng ngại mỗi vị có thân chứng nên nói viên dung (đốn chứng) chẳng ngại hành bố (tiệm chứng).

E² - CHỈ THÂN TƯỚNG THẤT ĐỊA TRỞ LÊN.

Đại Huệ ! Thế nào là tam muội lạc chánh thọ ý sanh thân ? Nghĩa là đệ tam địa, đệ tứ địa, đệ ngũ địa, vì tam muội lạc chánh thọ, các thứ tự tâm vắng lặng, an trụ nơi tâm hải, tướng thức nổi sóng chẳng sanh. Biết cảnh giới tự tâm hiện tánh (pháp) là phi tánh (không pháp), ấy gọi là tam muội lạc chánh thọ ý sanh thân.

Từ sơ địa đến tứ địa đoạn kiến hoặc hết, từ ngũ địa đến thất địa đoạn tư hoặc hết. Đại thừa giác tự tâm hiện đã đoạn hai hoặc tuy chẳng đồng nhị thừa thấy có thật pháp, say đắm tam muội đối trị, sanh tử. Song từ sóng thức chuyển biến, giác tự tâm hiện thấy không thật có, tự tâm vắng lặng bỗng nhiên hiện tiền, đã có tam muội đều từ liễu nhơn. Nên nói an trụ tâm hải, không có thọ lạc.

E³ - CHỈ THÂN TƯỚNG BÁT ĐỊA.

Đại Huệ ! Thế nào là giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân ? Nghĩa là đệ bát địa quán sát giác liễu các pháp thấy như huyễn đều không thật có, thân tâm chuyển biến được như huyễn tam muội và các môn tam muội khác. Vô lượng tướng, lực, tự tại, minh như hoa đẹp trang nghiêm chóng được như ý. Ví như huyễn, mộng, trăng đáy nước, bóng trong gương chẳng phải năng tạo chẳng phải sở tạo. Tất cả sắc các thứ chi phần đầy đủ trang nghiêm, tùy vào tất cả cõi Phật có đại chúng, thông đạt pháp tự tánh, ấy gọi là giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân.

Đệ bát địa thấy pháp vô ngã, giác tự tâm hiện tất cả cảnh giới thấy như mộng huyễn. Liên dùng tự giác chiếu liễu thân tâm chuyển biến,

thuận tánh khởi dụng, nhập như huyễn tam muội và vô lượng tam muội lực, thông, hiện tất cả thân như trăng đáy nước, bóng trong gương như ý tự tại khắp các cõi Phật. Hiểu sâu pháp tánh chẳng phải có chẳng phải không, chẳng do tạo tác, tự nhiên đầy đủ trang nghiêm.

E⁴ - CHỈ PHẬT ĐỊA THÂN TƯỚNG KHÔNG HÀNH TÁC VÀ BÀI TỤNG.

Đại Huệ ! Thế nào là chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân ? Nghĩa là giác tất cả Phật pháp duyên tự được tướng lạc, ấy gọi là chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân. Đại Huệ ! Đối với tướng ba thân kia quán sát giác liễu nên phải tu học.

Giác tất cả Phật pháp duyên tự được tướng lạc là, chứng được tự tánh pháp thân tất cả Như Lai đã chứng. Như hạt châu ma ni tùy năm sắc hiện. Tự tánh pháp thân của Như Lai cũng lại như thế, tùy tâm chúng sanh đối diện liền hiện. Như Lai không có tâm niệm, đây là do bi nguyện nhiều kiếp làm thành, cũng là tự tánh pháp tướng lý ưng như thế, chỉ một mình Phật mới hay viên chứng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng :

Ta thừa phi Đại thừa	Phi thuyết cũng phi tự
Phi đế phi giải thoát	Phi cảnh giới có không.
Song thừa Đại thừa này	Được chánh quán tự tại
Các thứ ý sanh thân	Hoa trang nghiêm tự tại.

Bài kệ hiển bày Như Lai tự giác thánh trí là các tướng thừa, chẳng phải lời nói đến, chẳng phải tất cả đế, chẳng phải tất cả giải thoát, cũng chẳng phải cảnh giới không thật có. Đây chính hiển bày đệ nhất nghĩa tự chứng tự biết của pháp môn đại thừa. Vào pháp môn này tự nhiên được ba thứ thân trang nghiêm tự tại, chẳng cần dụng công.

D³) *Chỉ phương tiện khéo vào năm hạnh, có sáu :*

E¹ - NHƠN ĐẠI HUỆ HỎI LIỆT BÀY HẠNH NGŨ VÔ GIÁN.

Đại Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn !
Như Thế Tôn nói "Nếu người nam kẻ nữ hành nghiệp ngũ vô gián chẳng vào địa ngục vô gián". Thế Tôn ! Thế nào người nam kẻ nữ hành nghiệp ngũ vô gián mà chẳng vào địa ngục vô gián ? Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Lành thay ! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo : Đại

Huệ ! Thế nào là nghiệp vô gián ? Nghĩa là giết cha, giết mẹ, hại A la hán, phá hòa hợp tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.

Giết cha, giết mẹ, hại A La Hán, phá hòa hợp tăng, làm thân Phật ra máu, năm nghiệp vô gián này quyết định mắc quả báo trong địa ngục vô gián. Song Phật cũng có khi nói : cũng có người hành nghiệp ngũ vô gián mà không mắc quả báo trong địa ngục vô gián, cho nên ở văn sau phát minh.

E² - CHỈ HAI CĂN BẢN ĐOẠN.

Đại Huệ ! Thế nào là mẹ chúng sanh ? Nghĩa là ái lại thọ sanh, cùng với tham và hỷ chung, như duyên nơi mẹ mà sanh thành. Vô minh là cha sanh vào xóm làng lục nhập thập nhị xứ. Đoạn hai thứ căn bản này gọi là giết cha mẹ.

Ái là phần ái trong mười hai nhơn duyên, vì nó hay nhuận sanh, cho nên nói "lại thọ sanh cùng với tham và hỷ chung" có nghĩa dưỡng dục, nên nói "như duyên nơi mẹ mà sanh thành". Phần vô minh thì hay phát nghiệp nên gọi nó là cha. Mẹ tham ái hiệp với cha vô minh tức là vào xóm làng lục nhập và thập nhị xứ, thành thân

đòi sau. Hai cái này là nhơn sanh tử nên nói căn bản. Đoạn hai cái căn bản này gọi là giết cha mẹ.

E³ - CHỈ CÁC PHÁP CỨU CÁNH ĐOẠN.

Các sử kia chẳng hiện như chuột độc phát các pháp, cứu cánh đoạn nó gọi là hại La Hán.

La Hán đoạn mười chánh sử, chưa đoạn tập khí. Nói như chuột độc phát ấy, như con chuột độc cắn người vết thương tuy đã lành, mà gặp sấm chớp lại phát sanh. Dụ La Hán đoạn được nội sắc mà chưa đoạn ngoại sắc, cho nên gặp duyên liền dao động. Chúng tự giác tri thì tập khí chóng trừ, đã có như chuột độc phát sanh tất cả pháp thấy đều hằng đoạn, gọi là hại La Hán.

E⁴ - CHỈ CÁC ẤM CỨU CÁNH ĐOẠN.

Thế nào phá hòa hợp tăng ? Nghĩa là các ấm tương khác hòa hợp chứa nhóm, cứu cánh đoạn nó gọi là phá Tăng.

Sắc thọ tướng hành thức là tướng khác của các ấm. Năm ấm hòa hợp chứa nhóm sanh tử nên gọi là tập. Nếu hay đoạn nó thì gọi là phá tăng. Vì Tăng là nghĩa hòa hợp.

E⁵ - CHỈ BẢY THỨ THỨC ĐOẠN.

Đại Huệ ! Do bất giác ngoại cảnh tự tướng cộng tướng từ tự tâm hiện lượng nên bảy thức thân sanh. Dùng ba thứ giải thoát vô lậu ác tướng, cứu cánh đoạn bảy thứ thức Phật kia, gọi là ác tâm làm thân Phật ra máu. Nếu người nam kẻ nữ hành việc vô gián này gọi là ngũ vô gián, cũng gọi là vô gián đẳng.

Tám thức có hai nghĩa giác và bất giác. Nếu bất giác ngoại cảnh tự tướng cộng tướng đều tự tâm hiện thì, giác là ngã tướng của bảy thức. Do kiến phần vọng giác của thức thứ tám, thức thứ bảy liền chấp làm ngã. Đây gọi là bảy thức thân. Bản nhà Đường dịch là tám thức vẫn đồng với ý chỉ này. Nếu giác tự tâm hiện ra liền hay dùng vô tác, vô tướng, vô nguyên an trụ bất giác trong biển tâm tịch tịnh. Nên nói "dùng ba thứ giải thoát vô lậu ác tướng đoạn thân giác kia". Hiện năm hạnh này thì chúng được thật pháp chánh chơn, nên nói "vô gián đẳng".

E⁶ -CHỈ NGOẠI NGŨ VÔ GIÁN HẠNH CÙNG TỤNG.

Lại nữa, Đại Huệ ! Có ngoại ngũ vô gián, nay sẽ diễn nói, ông và các Đại Bồ Tát khác nghe nghĩa này rồi, ở đời vị lai chẳng rơi vào

ngu si. Thế nào là ngũ vô gián ? Nghĩa là trước đã nói vô gián, nếu người hành được pháp này đối ba môn giải thoát mỗi mỗi chẳng được pháp vô gián đẳng. Trừ người này ra, còn các vị hóa thân lực hiện vô gián đẳng, như là Thanh văn hóa thân lực, Bồ Tát hóa thân lực, Như Lai hóa thân lực, vì người khác tạo tội vô gián để trừ nghi và hối quá. Vì khuyến phát nên dùng thần lực biến hóa hiện vô gián đẳng. Không có một bề làm việc vô gián mà chẳng mắc vô gián đẳng. Trừ người giác tự tâm hiện lượng là thân (người) tài (cảnh) vọng tưởng, là ngã và ngã sở nhiếp thọ ; hoặc khi gặp thiện tri thức giải thoát vọng tưởng tương tục trong các cõi.

Đối năm thứ vô gián trước, nên nói ngoại vô gián. Còn ba hạng dùng thần lực biến hóa là vì người tạo tội vô gián trừ nghi và khiến hối quá. Như trong luật đã phạm thấy đều quấy thị hiện. Như Diên Đạt ở trong địa ngục như thọ vui trên cõi trời Tam thiên, chợt được Thế Tôn thọ ký. Chưa có một bề tạo nghiệp vô gián mà không mắc quả báo vô gián. Trừ giác tự tâm hiện là, trừ người này hiện đời giác tự tâm hiện, chóng là tất cả vọng tưởng năng sở của thân căn và khí giới, thì nghiệp tánh không ở trong ngoài và giữa. Như tự tâm chẳng ở trong ngoài giữa,

nghiệp tánh cũng thế. Nếu chẳng được vậy thì, gặp thiện tri thức dạy khiến trừ diệt liền được giải thoát các thú. Như vua A Xà Thế liền ở trước Phật được lòng tin không can; phá hoại tâm ác, chẳng phải bảo đợi đến đời khác. Nếu thân này mất rồi thì nhơn quả khó trốn.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Tham dục gọi là mẹ	Vô minh tức là cha
Giác cảnh thức là Phật,	Các sử là La Hán
Ấm hợp gọi là tăng	Vô gián thứ lớp đoạn
Gọi là ngũ vô gián	Chẳng vào ngục vô gián

Giác là Phật tánh, song ở trong chúng sanh mê liễu biệt cảnh tức là vọng giác, ấy là nên đoạn, cũng gọi là làm thân Phật ra máu. La Hán các sử chẳng hiện, mà nói các sử là La Hán, vì văn gọn vậy.

D⁴) *Chỉ Viên mãn Phật giác, có bốn :*

E¹ - CHỈ PHẬT GIÁC.

Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn !
Cúi xin vì nói tri giác của Phật. Thế Tôn !
Những gì là tri giác của Phật ? Phật bảo Đại Huệ :
Giác nhơn pháp vô ngã, rõ biết hai
chương, là hai thứ tử, đoạn hai thứ phiền

não, ấy gọi là tri giác Phật. Thanh văn, Duyên giác được pháp này cũng gọi là Phật. Do nhơn duyên ấy nên ta nói nhất thừa. Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Khéo biết hai vô ngã

Hai chương phiền não

doạn

Hằng lia hai thứ tử

Ấy gọi tri giác Phật.

Tam thừa đồng một tánh tri giác mà chẳng đồng tri giác. Bởi tri giác sai biệt nên chỗ chứng cũng sai biệt. Như Lai là như tánh kia mà giác nên không có giác khác, như tánh kia mà biết nên không có biết khác. Như tánh kia mà giác thì không có bất giác. Không có giác khác thì không vọng giác. Không bất giác không vọng giác, ấy gọi là chơn như tự tánh thanh tịnh không che đậy. Giác có người, giác có pháp, đều do bất giác tự tánh mà khởi vọng giác. Giác có tự tha, ấy là nhơn tướng. Giác có tự tánh tha tánh, ấy là pháp tướng. Như tánh kia mà giác không có giác khác thì, nhơn ngã pháp ngã liền đó tan biến. Hai chương là, hoặc chương và trí chương. Hoặc là kiến hoặc và tư hoặc. Trí là, sở tri. Khi hai hoặc không mà trí năng không và lý sở không mảy may chưa sạch thì chương này chưa quên. Đến thập nhất địa vẫn có hai phần vi tế sở tri ngu,

như cách tẩm lụa mỏng, chỉ Phật mới hay xong. Tóm lại, như tánh kia mà giác không có giác khác thì một lúc chóng xong.

Hai thứ tử là, phạm phu phân đoạn sanh tử (chết từng phần), nhị thừa biến dịch sanh tử (chết theo dời đổi). Biến dịch là, như dời quả đổi, là phân đoạn sanh tử trong tam giới, vẫn còn cõi phương tiện v.v... biến dịch sanh tử. Tứ trụ phiền não cảm phân đoạn sanh tử, vô minh phiền não cảm biến dịch sanh tử. Hai thứ tử này đã là thì hai thứ phiền não cũng đoạn.

Tứ trụ hoặc là, kiến hoặc trong tam giới là nhất trụ. Tất cả kiến hoặc trụ địa, tức là kiến hoặc phân biệt trong tam giới. Do ý căn đối với pháp trần khởi phân biệt dấy các tà kiến trụ trước tam giới. Tư hoặc trong tam giới phân làm ba trụ. 1) Dục ái trụ địa hoặc, do năm căn đối cảnh năm trần khởi tâm tham ái, mà trụ trước nơi dục giới. 2) Sắc ái trụ địa hoặc, tức là tư hoặc trong sắc giới. Do chẳng rõ hoặc này nên trụ trước thiên định sắc giới không thể bỏ là. 3) Hữu ái trụ địa hoặc, tức là tư hoặc vô sắc giới. Do chẳng rõ hoặc này nên trụ trước thiên định vô sắc giới không thể bỏ là.

Vô minh phiền não là, chỉ căn bản vô minh. Nghĩa là mê Như Lai tạng bất giác phát nghiệp.

Cái phiền não này nhị thừa không biết. Chính Đại thừa Bồ tát đoạn hoặc chưa hết, vẫn ở nơi cõi Thật báo. Chỉ Phật mới xong. Nhưng, như tánh kia mà giác không có giác khác, thì một lúc chóng xong. Cho nên nói "Thanh văn, Duyên giác được pháp này cũng gọi là Phật. Do nhơn duyên ấy ta nói nhất thừa". Thế nên biết, nhất thừa tức là tánh tri giác. Tánh của tri giác thì không khác, mà tri giác của tánh thì chẳng đồng. Do cái chẳng đồng này nên chỗ chúng có khác. Hàng nhị thừa không giác tự tánh, vọng có sở giác, ấy là khác. Song vọng giác vốn dối, chơn tánh thường trụ. Giác cái vọng tức là chơn, biết chơn thì vọng diệt, cũng cứu cánh không hai.

**E² - CHỈ NHƯ LAI TỰ, NGŨ, THÂN, PHÁP
BỐN THỨ ĐỒNG.**

Khi ấy, Bồ tát Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Có sao Thế Tôn ở trong đại chúng xướng lời thế này : "Ta là tất cả Phật thời quá khứ và các thú thọ sanh. Ta khi ấy làm chuyển luân thánh vương mạn đà, voi lớn sáu ngà và chim anh vũ, Thích Đề Hoàn Nhơn (Trời Đế Thích), tiên nhơn Thiện Nhân v.v... kinh nói trăm ngàn đời như thế.

Đây là nghi thủy giác bản giác đã có sai thù thì pháp, báo, hóa thân đâu không đồng khác,

nên có lời hỏi này. Chẳng biết do bản giác có thủy giác, thủy như bản kia. Pháp thân sanh báo thân hóa thân, báo hóa như pháp thân. Chỉ một đạo bình đẳng trước sau không hai. Hoa Nghiêm luận nói : "Vô biên cõi nước, tự tha chẳng cách mấy lông, mười đời xưa nay trước sau chẳng lìa niệm hiện tại". Người được tự giác thánh trí tự nhiên chẳng nghi xưa chẳng nghi nay, chẳng nghi người chẳng nghi ta, chẳng nghi hơn chẳng nghi quả, chẳng nghi căn thân chẳng nghi khí giới, chẳng nghi hữu tình chẳng nghi vô tình, chẳng nghi một chẳng nghi khác, chẳng nghi hiện thành chẳng nghi tác khởi, tất cả chẳng nghi nên mới chúng biết.

Phật bảo Đại Huệ : Do tứ đẳng nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác ở trong đại chúng xướng lời thế này : "Ta khi ấy làm Phật Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm Mâu Ni, Ca Diếp". Thế nào là tứ đẳng ? Nghĩa là tự đồng, ngũ đồng, pháp đồng, thân đồng, ấy gọi là tứ đẳng. Do bốn thứ đồng nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác ở trong chúng xướng nói như thế.

Do tứ đẳng nên Như Lai ở trong đại chúng xướng nói Ca Diếp, Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm là ta. Đây là Như Lai đáp và lần hiển cả quyền và

thật. Người chứng tự giác thánh trí tự biết tự chứng không thể nói bày. Quyển để chỉ bày nên nói quyển, cũng có thể tức nơi đây thâm hội nên nói thật. Đó là nói lẫn hiển quyển thật vậy.

Thế nào là tự đẳng ? Hoặc chữ xung ta là Phật, chữ kia cũng xung tất cả Phật, chữ ấy tự tánh không có sai biệt, ấy gọi là tự đẳng. **Thế nào là ngũ đẳng ?** Nghĩa là ta có 64 thứ phạm âm nên tướng ngôn ngữ sanh. Chư Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác kia cũng có 64 thứ phạm âm nên tướng ngôn ngữ sanh như thế, không thêm không bớt, không có sai biệt, tánh tiếng phạm âm như Ca Lăng Tần Già.

Tự đẳng là, tự là danh tự. Ba đời Như Lai đều tên là Phật. Tự tánh chữ là chữ Phật để hiển bày nghĩa tự tánh giác, cũng không có sai biệt. Ngũ đẳng là, cổ chú rằng : Tiếng Tây Vực có tám chuyển : 1) Thể, 2) Nghiệp, 3) Cự, 4) Vi, 5) Tòng, 6) Thuộc, 7) U, 8) Hô. Như Lai nơi tám chuyển này mỗi cái đủ tám đức : 1) Điều hòa, 2) Nhu nhuyễn, 3) Rõ chắc thật, 4) Dễ hiểu, 5) Không lẫn lộn, 6) Không tiếng cái nhỏ, 7) Tiếng to lớn, 8) Tiếng sâu xa. Tám lần tám là 64 tướng. Song trong Kinh Bát Tư Nghì bí mật Đại thừa cũng nói : "Phật bảo Bồ tát Tịch Huệ : Như Lai chẳng

phải nơi môi, răng, lưỡi, cổ họng và nơi cửa mắt mà phát ra các âm thanh. Nên biết âm thanh của Như Lai từ hư không mà ra, đầy đủ 64 tướng thù diệu : 1) Lưu dịch, 2) Nhu nhuyễn, 3) Vui lòng, 4) Đáng mến, 5) Thanh tịnh, 6) L a cấu, 7) Trong sáng, 8) Ngọt ngào, 9) Ưa nghe, 10) Không kém, 11) Tròn đủ, 12) Điều thuận, 13) Không rít, 14) Không ác, 15) Mềm dịu, 16) Vừa tai, 17) Thích thân, 18) Tâm sanh bén mạnh, 19) Tâm mừng, 20) Vui thích, 21) Không nhiệt nảo, 22) Như lời dạy vâng, 23) Khéo hiểu biết, 24) Rành rõ, 25) Khéo mến, 26) Khiến sanh vui mừng, 27) Khiến người như lời dạy vâng làm, 28) Khiến người hiểu biết, 29) Đúng lý, 30) Lợi ích, 31) Là trùng lập lỗi sai, 32) Như tiếng sư tử, 33) Như tiếng rồng, 34) Như tiếng sấm sét, 35) Như Long vương, 36) Như tiếng ca hay của Khẩn Na La, 37) Như tiếng chim Ca Lăng Tần Già, 38) Như Phạm vương, 39) Như tiếng chim cộng mạn, 40) Như tiếng hay đẹp của Đế Thích, 41) Như đánh trống, 42) Chảnh cao, 43) Chảnh chấp, 44) Tùy vào, 45) Không khuyết giảm, 46) Không phá hoại, 47) Không ô nhiễm, 48) Không mong cầu, 49) Đầy đủ, 50) Trang nghiêm, 51) Hiển bày, 52) Viên mãn tất cả âm, 53) Các căn thích vui, 54) Không chê bai, 55) Không khinh chuyển, 56) Không dao động, 57) Tùy vào tất cả chúng hội

58) Các tướng đầy đủ, 59) Khiến chúng sanh tâm ý vui mừng, 60) Nói tâm hạnh chúng sanh, 61) Vào tâm ý chúng sanh, 62) Tùy chúng sanh tin hiểu, 63) Người nghe không phần lượng, 64) Chúng sanh không thể suy nghĩ xung lượng. Hiệp với chỗ này để tham quán thì tốt âm thanh vi diệu thù đặc. Cho nên ba đời Như Lai ngũ đồng. Ca Lăng Tần Già là tên chim, tiếng nó hơn tiếng các thú chim, dùng nó để làm thí dụ.

Thế nào là thân đẳng ? Nghĩa là ta cùng pháp thân và sắc thân tướng tốt của chư Phật không sai biệt. Trừ vì điều phục chúng sanh sai biệt ở các thú kia nên thị hiện các thú sắc thân sai biệt, ấy gọi là thân đẳng.

Thế nào là pháp đẳng ? Nghĩa là ta cùng chư Phật kia được pháp 37 phần Bồ đề, trí lược nói Phật pháp không có chương ngại, ấy gọi là tứ đẳng. Thế nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác ở trong đại chúng xuống lời như thế. **Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :**

Ca Diếp, Câu Lưu Tôn	Câu na hàm là ta
Do bốn thứ bình đẳng	Ta vì Phật tử nói.

Pháp thân Như Lai có hai thứ : 1) Lý pháp, nghĩa là tánh tịnh thể sáng xưa nay là niệm đồng với hư không giới, không có chênh lệch

chúng sanh cùng Phật đều đồng. 2) Trí pháp, nghĩa là trí thủy giác cứu cánh, khế hợp với lý bản giác thanh tịnh, lý trí dung nhau, sắc và tâm không hai. Do trí hiện ra nên gọi là trí pháp. Sắc thân tức là báo thân, cũng có hai thứ : 1) Tự thọ dụng thân cũng gọi là viên mãn báo thân. Nghĩa là tự mình tu nhơn mà cảm được, xứng tánh thọ dụng các thứ pháp lạc, tự tại không ngại. Thân và cõi chẳng lìa nhau nên cũng gọi là tự thọ dụng độ, cũng gọi là thật báo trang nghiêm độ. Chư Phật trải qua vô số kiếp tu tập vô lượng thiện căn mà cảm nên, khắp giáp cả pháp giới là tự thọ dụng. Các vị đại Bồ tát chỉ được nghe tên mà không thể thấy được. 2) Tha thọ dụng thân, nghĩa là do căn cơ kẻ khác cảm nên mà thấy. Chư Phật vì khiến chúng Bồ tát thọ đại pháp lạc, tiến tu thắng hạnh nên tùy nghi mà hiện, cõi cũng như thế, khiến họ thọ dụng. Các thứ sai biệt sắc thân tức là hóa thân, cũng có ba thứ : 1) Đại hóa nghĩa là Lô Xá Na ngàn trượng gia bị cho phù hợp với Đại thừa Bồ tát. Hoặc hiện tám muôn bốn ngàn tướng tốt, hoặc hiện vi trần số tướng tốt, đầy khắp hư không. 2) Tiểu hóa, nghĩa là thân vàng trượng sáu, ba mươi hai tướng tốt, phù hợp căn cơ tiểu thừa, người, trời v.v... 3) Tùy loại hóa, nghĩa là nhu chuyển luân thánh vương Đảnh Sanh, Thích Đề Hoàn Thiên Đế, Thiện

Nhân, voi lớn, anh võ, vượn nai v.v... tùy loại mà vào. Hóa thân này đều nhiếp thuộc sắc thân, từ trí pháp mà được. Nếu mê lý pháp tức là vọng giác, theo nhơn duyên vọng giác mà có mười hai loại thân trong tam giới. Ngộ lý pháp thì chuyển vọng giác làm thủy giác. Do thủy hợp bản thành căn bản trí. Do sức căn bản vô tác trí cảm phát bị nguyện, tất cả báo thân hóa thân lần lượt thành tựu. Đây là ba đời chư Phật không có hai, không có khác. Ba mươi bảy pháp bố đề phần là, tứ niệm xứ (thân, thọ, tâm, pháp) tứ chánh cần (đã sanh điều ác khiến hằng dứt, chưa sanh ác khiến chẳng sanh, chưa sanh thiện khiến sanh, đã sanh thiện khiến tăng trưởng), tứ như ý túc (dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, niệm như ý túc, tư duy như ý túc), ngũ căn (tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn), ngũ lực, (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực), thất giác chi (trạch giác, tinh tấn giác, hỷ giác, trừ giác, xả giác, định giác, niệm giác), bát chánh đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định). Cộng lại thành 37 phẩm. Đây là 37 pháp trợ bố đề của Đại thừa, nhiếp vô lượng a tăng kỳ pháp trợ bố đề, nó là liễu nhơn không phải tác nhơn. Kinh Đại Bát Niết Bàn nói : "Đại niết bàn không phải từ tác nhơn mà có, chỉ từ liễu nhơn". Liễu

nhơn là nói 37 pháp trợ đạo. Ba đời chư Phật dùng liễu nhơn này thành tựu đệ nhất nghĩa tứ giác thánh thú, tự độ và giáo tha, bình đẳng không sai biệt. Hiệp bốn thứ bình đẳng này cho nên Như Lai ở trong đại chúng xướng lời rằng "Ca Diếp, Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm là ta". Ý chỉ bí mật ngộ hầu nhờ đây thâm hội. Bỏ qua chỗ này về sau không thể nói bày, chỉ chứng tương ưng. Đâu phải chỗ trọn suy nghĩ tính mà hay lường được.

E³ -- CHỈ PHẬT GIÁC TỰ CHỨNG, KHÔNG THỂ NÓI BÀY.

Đại Huệ lại bạch Phật : **Như Thế Tôn** đã nói: "Ta từ đêm ấy được tối chánh giác, cho đến đêm ấy vào niết bàn, ở trong khoảng giữa kia cho đến không nói một chữ, cũng chẳng đã nói sẽ nói, chẳng nói ấy là Phật nói". **Thế Tôn !** **Như Lai** ứng cúng đẳng chánh giác nhơn đâu nói rằng "Chẳng nói ấy là Phật nói". Phật bảo **Đại Huệ** : Ta nhơn hai pháp nên nói như thế. Thế nào là hai pháp ? Nghĩa là duyên pháp tự đắc và pháp bốn trụ, ấy gọi là hai pháp. Nhơn hai pháp này nên ta nói như thế.

Như Lai từ khi thành Phật cho đến nhập niết bàn, ở trong khoảng giữa đó không nói một chữ

là, chỉ cho người lia năng thuyết và sở thuyết được đệ nhất nghĩa tự giác thánh thú. Trước nói tứ đẳng, ở đây nói bất thuyết. Tứ đẳng vẫn là lời nói xứng tánh chẳng phải cảnh giới tự chứng. Đến chỗ tự chứng mới biết lời nói không thể hiện bày nên nói "chẳng nói". Duyên tự được tức chỉ cho trí pháp. Bốn trụ là lý pháp. Về lý pháp thì có Phật hay không Phật pháp tánh cũng như vậy. Trí pháp thì ngàn Phật muôn Phật cũng đồng một trí chứng, đều không phải cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác.

Thế nào là pháp duyên tự đắc ? Nếu chỗ được của Như Lai kia thì ta cũng được như thế, không thêm không bớt. Cảnh giới duyên tự đắc pháp cứu cánh là ngôn thuyết vọng tưởng, là văn tự hai đường.

Không thêm không bớt cảnh giới cứu cánh, là chúng căn bản trí này như tánh kia vậy, không thể thêm bớt. Chỗ sở hành cứu cánh thánh lạc là tướng ngôn thuyết, lia tướng phân biệt, lia năng tuyên và sở tuyên, tất cả tướng cảnh giới. Văn tự hai đường là hay nói và bị nói.

Thế nào là pháp bốn trụ ? Nghĩa là đạo bậc thánh trước như tánh vàng bạc v.v... pháp giới thường trụ. Hoặc Như Lai ra đời, hoặc chẳng ra đời pháp giới thường trụ, như

đường đến thành kia. Thí như có người đi trong đồng vắng thấy con đường bằng phẳng đi đến cổ thành, liền theo đó vào thành được cái vui như ý. Đại Huệ ! Ý ông nghĩ sao ? Người kia làm ra con đường ấy và làm ra các thú vui trong thành chẳng ? Đáp : "Chẳng phải vậy". Phật bảo Đại Huệ : Ta và tất cả chư Phật thời quá khứ pháp giới thường trụ cũng lại như thế. Thế nên nói rằng : "Ta từ đêm ấy được tối chánh giác, cho đến đêm ấy vào niết bàn, ở trong khoảng giữa kia không nói một chữ, cũng chẳng đã nói, sẽ nói". Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Ta đêm ấy thành đạo	Đến đêm ấy niết bàn
Ở trong khoảng giữa này	Ta trọn không có nói.
Duyên tự đắc pháp, trụ	Nên ta nói thế ấy
Phật kia cùng với ta	Thầy không có sai biệt.

Lý pháp bốn trụ đồng với pháp giới. Như vàng bạc v.v... tuy còn ở trong mỏ mà tánh vàng chẳng đổi. Như đường về cổ thành và các thú vui, chẳng phải do ngày nay tạo. Cho nên biết tự tánh bản giác thánh phàm đồng đủ. Y bất giác mà thành tam giới, y trí pháp thì tròn đủ ba thân, chẳng phải có chẳng phải không, như huyền như sóng năng, chỉ người chứng mới tương ứng. Ba

đời chư Phật đồng cái bí mật này, trọn không có chỗ nói.

E⁴ - CHỈ CẢNH GIỚI PHẬT GIÁC XA LÌA HAI BÊN, CÓ BỐN PHẦN :

G¹) CHỈ THẾ GIAN CHẤP CÓ KHÔNG.

Bồ Tát Đại Huệ lại thỉnh Phật : Cúi xin vì nói tất cả pháp tướng có và không có, khiến con và các vị đại Bồ Tát, là tướng có và không có, chóng được vô thượng chánh đẳng chánh giác ? Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Lành thay ! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Thế gian này y có hai thứ, nghĩa là y có và y không, rơi vào tánh (có) và phi tánh (không), muốn thấy chẳng lìa, là tướng.

Hai thứ chấp có không này đều chỉ chánh pháp rơi vào kiến chấp của ngoại đạo. Song nghiêng nặng bên chấp không, nghĩa là nương ghé bên thánh giáo để phá hoại chánh pháp, đâu có gì hơn chấp này. Phật lần lượt phát minh để soi sáng cho đời sau, khiến người tu hành biết pháp để chọn lựa. Y có là, như pháp sắc, tâm v.v... hiện có trước mắt, chấp các pháp có tự tánh (có thật), khởi tướng xa lìa. Y không là, như

pháp sắc, tâm v.v... vô thường biến diệt, chấp các pháp phi tánh (không có), khởi tướng vắng lặng. Đây đều chẳng lìa, lìa tướng.

6²) CHỈ RA NHƠN TƯỚNG HAI THỨ CHẤP CÓ KHÔNG.

Đại Huệ ! Thế nào thế gian y có ? Nghĩa là thế gian có nhơn duyên sanh, chẳng phải chẳng có, từ có mà sanh chẳng phải không có mà sanh. Đại Huệ ! Kia nói như thế, là nói thế gian không nhơn. Đại Huệ ! Thế nào thế gian y không ? Nghĩa là nhận tham, sân, si đã có, về sau vọng tưởng chấp trước tham, sân, si tánh (có) phi tánh (chẳng có). Đại Huệ ! Nếu chẳng nhận có tánh ấy, vì tánh tướng vắng lặng. Bảo là chư Như Lai, Thanh văn, Duyên giác chẳng nhận tánh tham, sân, si là có hay là không.

Các pháp thế gian từ nhơn duyên sanh, bèn có chỗ giải lìa uẩn, riêng có kẻ hiểu bó vọng câu chơn. Đây do chẳng biết tự tâm hiện ra, vọng thấy nhơn duyên liền cho là vô nhơn. Đây chấp có ấy, nhơn lời thánh nói vọng chấp thật pháp. Trọn không bằng cái hại lớn là chấp không. Như Lai nói tham sân si không tánh (có) ấy, do tâm tham, sân, si đều nhơn nơi bất giác, ban đầu không có tánh nhất định. Chính vì chỉ bày cho người liền đó rỗng rang mê vọng chổng dút, là lý do chẳng

nhận có không. Ngoai đạo kia nhận tham, sân, si tánh (có), trong hiện tại có, về sau vọng tưởng chấp trước tham, sân, si tánh (có) vốn chẳng phải có tánh (có). Xét vọng chấp kia cho là không có tánh (có) luống thấy tánh tướng vắng lặng, bèn gá vào thánh giáo, bảo là chư Như Lai, Thanh văn, Duyên giác chẳng nhận có không. Không biết rằng tất cả tánh tướng gốc tuy vắng lặng, song tâm nhận có hiện tại lưu chuyển. Đây là vọng tưởng chấp, chẳng phải tự giác trí. Tự giác trí là, cảnh giới hiện ra, do mê tự tâm vọng có hiện ra, vọng hiện chẳng phải có, như mê mà có. Giác cái mê thì mê diệt, giác chẳng sanh mê. Tâm cảnh trong ngoài một lúc thanh tịnh. Kinh Lăng Nghiêm nói : "Tự tâm thủ tự tâm, chẳng phải huyền thành pháp huyền, chẳng thủ không phi huyền, phi huyền còn chẳng sanh, pháp huyền từ đâu lập". Đây là hiển bày chỉ thú bí mật, ba đời Như Lai đồng một tâm yếu. Ngàn đời ghi chép nêu cao, chính khiến người tự phụ tâm tông (Thiền tông) vọng bàn vô ngại, sao không nhận lấy chỗ này nghiêng ngả kỹ lưỡng sẽ sanh rất hổ thẹn.

G³) BÀI XÍCH CHẤP KHÔNG HAY PHÁ HOẠI CHÁNH PHÁP.

Đại Huệ ! Trong đây những gì là hoại ?
Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Nếu kia nhận

tham sân si tánh (có) rồi sau lại không nhận. Phật bảo Đại Huệ : Ông hiểu như thế, lành thay ! Lành thay ! Đại Huệ ! Chẳng những tham sân si tánh (có) phi tánh (không) là hoại, mà đối với Thanh văn, Duyên giác và Phật cũng là hoại. Vì có sao ? Vì trong ngoài không thể được, vì phiền não tánh khác và chẳng khác. Đại Huệ ! Tham sân si hoặc trong hoặc ngoài không thể được, tham sân si tánh vì không thân, vì không thủ. Chẳng phải Phật, Thanh văn, Duyên giác là hoại, Phật, Thanh văn, Duyên giác vì tự tánh giải thoát, vì phục cùng như phục phi tánh (không có). Đại Huệ ! Nếu có người phục thì nên có phục là như phục. Đại Huệ ! Như thế nói hoại ấy gọi là không có tướng.

Lại bày rõ về chấp không. Tự gá vào chánh pháp, nghĩa là Như Lai cũng nói tham sân si tánh là không thể được, khiến chúng sanh vô trí nghi chê chánh pháp cho đó là hoại. Đâu biết tham sân si trong ngoài không thể được, bởi tham sân si vốn không tự tánh, như mê vọng hiện. Cho nên nói "không thân". Giác mê thì mê diệt, giác chẳng sanh mê, ấy là không thủ. Chẳng phải Như Lai, Thanh văn, Duyên giác đồng với thuyết hoại kia. Như Lai thấy rõ tự tánh nên vọng tưởng chẳng sanh, đã không tâm năng phục

cũng không cảnh sở phục, năng sở đều dẹp mới là giải thoát. Nếu có cảnh sở phục, ắt có tâm năng phục, nên nói "nhơn phục". Nhơn phục chưa đoạn mà vọng chấp là không. Nói là hoại, tức chấp không có tướng này vậy.

Dại Huệ ! Vì nhơn đó nên ta nói thà chấp nhơn kiến bằng núi Tu di, chẳng khởi chấp không thật có tăng thượng mạn không. **Dại Huệ !** Không thật có tăng thượng mạn, ấy gọi là hoại, rơi vào kiến chấp tự tướng cộng tướng mong mỏi, chẳng biết tự tâm hiện lượng. Thấy ngoại tánh vô thường sát na lần lượt hoại, ám giới nhập tương tục lưu chú biến dịch, lìa tướng văn tự vọng tưởng, ấy gọi là hoại.

Nhơn kiến là chấp có. Thà chấp ấy, nghĩa là người kia mắc kẹt ở trời người, chẳng bằng chấp không mà diệt mất nhơn quả, lừa dối chánh pháp, lưu độc vô cùng. Rơi vào tự tướng cộng tướng mong mỏi là, tất cả sắc tâm các pháp đã có tự tướng cộng tướng cảnh giới vọng tưởng, hiện rơi trong ấy khởi tướng ưa thích, chẳng lìa nhơn phục. Nên nói : chẳng đạt tâm lượng lường thấy ngoại pháp vô thường, ám giới biến dịch, cho là không không thật có, mà không biết kia chuốc ương họa mệnh mông. Lìa văn tự tướng vọng

tướng ấy, bởi vì giác tự tâm hiện lượng thì đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, đây là lìa tướng vẩn tự. Bởi kia tự đạt thẳng nguồn tâm. Kẻ chẳng biết tự tâm hiện lượng mượn miệng nói xa lìa vẩn tự vẫn trái lời dạy của thánh, buông lung hoang đường. Đây chính là phá hoại hồ tâm chạy theo vọng tưởng, vừa là hoại mình, hoại người, diệt chủng tộc Phật.

G¹ TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Có không là hai bên	Cho đến cảnh giới tâm
Trừ sạch cảnh giới kia	Tâm bình đẳng tịch
	diệt.
Không thủ cảnh giới tánh	Diệt chẳng phải không
	có
Có việc thấy như nhu	Như cảnh giới hiển
	thánh.
Không chủng mà có sanh	Sanh rồi mà lại diệt
Nhơn duyên có chẳng có	Chẳng trụ giáo pháp ta.
Phi ngoại đạo phi Phật	Phi ngã cũng phi khác
Nhơn duyên chung hợp	Làm sao mà được
khởi	không ?
Gì hợp Nhơn duyên có	Mà lại nói rằng không?

**Tà kiến luận sanh pháp Vọng tưởng chấp có
không.
Nếu biết không chỗ sanh Cũng lại không chỗ diệt
Quán đây thấy không tịch Có không hai đều lìa.**

Lìa hai bên có không, giác tự tâm lượng, bình đẳng tịch diệt, không chấp cảnh giới chính là chơn như bản hữu là sở hành của thánh hiền, chẳng phải diệt không còn gì cả. Hai bài kệ trên đây nói tâm bình đẳng xa lìa cảnh giới có không. Một bài kệ dưới nói không chúng mà sanh là chấp có, sanh rồi lại diệt là chấp không. Bối như duyên có không này đồng với ngoại đạo. Nghĩa là chẳng phải giáo pháp của Như Lai. Ba bài kệ dưới rốt nói nhưn duyên hợp sanh. Nghĩa là y Pháp tánh thì không Phật không chúng sanh, không ngoại đạo, không nhưn ngã. Do nhưn duyên hợp khởi mới có sai biệt. Kinh Pháp Hoa nói : "Lưỡng Túc Tôn vô thượng, biết pháp thường không tánh, Phật chứng từ duyên khởi". Vẫn có tập nhưn mà lại nói không tức là rơi vào ngoại đạo tà kiến. Đây là do không biết lưu chú sanh nhưn nên vọng chấp có không. Nếu biết tâm vốn không sanh, nhưn mê dường như có, ngộ vốn không sanh thì cũng không diệt, xưa nay là không tịch, tánh tướng nhất như chẳng chấp tánh sanh, có không đều là hý luận.

C⁵ - CHỈ TÔNG THUYẾT HAI ĐỀU THÔNG ĐỂ
RÀNH VỀ DỤNG NGŨ NGHĨA THỨC TRÍ,
GIẢN BIỆT NGU NGOẠI, GIÚP TIẾN MINH
NGƯỜI, CHÁNH PHÁP GIẢI THOÁT, PHÂN
LÀM BA :

D¹) *Chỉ tông thuyết hai đều thông xa lìa vọng
tướng chấp trước, có 2 :*

E¹ - CHỈ TÔNG THUYẾT HAI ĐỀU THÔNG.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật :
Thế Tôn ! Cúi xin vì con và các Bồ Tát nói
tướng tông thuyết. Nếu khéo phân biệt
tướng tông thuyết, con và các Bồ Tát thông
đạt tướng ấy, thông đạt tướng ấy rồi, chóng
thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác,
chẳng theo giác tướng và chúng ma ngoại
đạo. Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng
nghe ! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại
Huệ bạch Phật : Xin vâng thọ giáo. Phật bảo
Đại Huệ : Tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ
Tát có hai thứ tướng thông, nghĩa là tông
thông và thuyết thông.

Đến tột tự tánh là tông, viên dung chẳng hai
là thông. Tùy cơ hiển bày chẳng kẹt quyền giáo
gọi là thuyết thông. Bồ tát được hai pháp này tự
thành và làm thành cho người, không rơi vào
cảnh giới ma ngoại giác tướng, đây là phải học.

Đại Huệ ! Tông thông là, duyên tướng tự đắc thắng tiến, xa lìa ngôn thuyết văn tự vọng tưởng, đến vô lậu giới tự giác địa tự tướng, xa lìa tất cả hư vọng giác tướng, hàng phục tất cả ngoại đạo chúng ma, duyên tự giác thú, hào quang phát sáng, ấy gọi là tướng tông thông.

Duyên tướng tự đắc thắng tiến là, tự là tự tánh, tự được tánh kia tối tôn tối thượng, tức là đã chứng căn bản trí. Duyên căn bản trí này xa lìa ngôn thuyết vọng tưởng, cứu cánh vô lậu giác địa, nên nói "Phật tánh là nhơn, niết bàn là quả". Tự giác tông thông này là chỗ sở hành thánh lạc, trí huệ minh đạt hàng phục tất cả, tất cả không thể hàng phục được.

Thế nào là tướng thuyết thông ? Nghĩa là nói chín bộ giáo pháp, là tướng khác, chẳng khác, có, không v.v... do phương tiện khéo léo tùy thuận chúng sanh, như đáng nói pháp khiến được độ thoát, ấy gọi là tướng thuyết thông. **Đại Huệ !** Ông và các Bồ Tát khác nên phải tu học.

Chín bộ là : 1) Tu đa la dịch là khế kinh. 2) Kỳ đà dịch ứng tụng. 3) Đà đà dịch kệ. 4) Y đế mục đà dịch bốn sự. 5) Xà đa già dịch bốn sanh.

6) A phù đạt ma dịch vị tăng hữu. 7) Ưu đà na dịch tự thuyết. 8) Tỳ Phật lược dịch phương quảng. 9) Hòa già la dịch thọ ký. Chẳng nói 12 bộ đó, nghĩa là các kinh Đại thừa nói thẳng đại pháp chẳng nhờ *nhơn duyên*, chỉ bàn lý viên mãn dứt các *luận nghị*, riêng hiển chơn thường chẳng đợi *thí dụ*, cho nên không có ba bộ. Song cũng đủ có ba bộ. Chín bộ kinh này đều là phương tiện tùy cơ, hiển bày chỗ vào chẳng lìa tự tánh, chơn tục viên dung, độ thoát các kiến, chẳng phải có pháp thật, nên nói là thông.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Tông thông và thuyết	Duyên tự cùng giáo
thông	pháp
Khéo thấy khéo phân biệt	Chẳng theo các giác
	tướng.
Chẳng có tánh chơn thật	Như kẻ ngu vọng tưởng
Thế nào khởi vọng tưởng	Phi tánh cho giải thoát?
Quán sát các hữu vi	Sanh diệt thấy tiếp nối
Tăng trưởng hai chấp này	Điên đảo không hiểu
	biết.
Một ấy là chơn đế	Không tội là niết bàn
Quán sát vọng tưởng đời	Như mộng huyễn cây
	chuối.

Tuy có tham sân si

Mà thật không có người

Từ ái sanh các ấm

Có đều như huyễn

mộng.

Bài kệ thứ nhất nói chánh pháp tông thuyết đều duyên tự tánh tự giác, có nói ra dạy bảo cốt đạt yếu chỉ này, phải khéo phân biệt chớ theo giác tướng (vọng tướng). Hai bài kệ hai và ba nói kể ngu vọng tướng chẳng phải tánh chơn thật, không thể giải thoát. Chỉ quán sanh diệt tăng trưởng hai chấp, do điên đảo mà thành. Hai bài kệ tư và năm nói tự giác chơn đế này chỉ một không hai. Căn ở trên thể tự giác không thêm tội cấu liền là niết bàn. Song vọng cấu ở thế gian tất cả các pháp sắc tâm ví như huyễn mộng, tuy có độc tham sân si v.v... cũng chính nơi đó không người. Các ấm hiện tại đều từ ái sanh, thấy không thể được. Nếu hay biết chỗ này liền đó chóng lìa thấy tánh bản thật.

**E² - CHỈ TỌT TƯỚNG SANH CỦA VỌNG
TƯỚNG ĐỂ HIỆN ĐỆ NHẤT NGHĨA,
PHÂN LÀM 4 :**

*G¹) NHƠN ĐẠI HUỆ HỎI, CHỈ TƯỚNG SANH CỦA
VỌNG TƯỚNG.*

**Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật : Thế
Tôn ! Cúi xin vì nói tướng vọng tướng chẳng**

thật. Vọng tưởng chẳng thật vì sao mà sanh ? Những gì là pháp tên vọng tưởng chẳng thật ? Ở trong những pháp nào mà vọng tưởng chẳng thật ? Phật bảo Đại Huệ : Lành thay ! Lành thay ! Ông khéo hỏi Như Lai nghĩa như thế, được nhiều lợi ích, được nhiều an lạc, thương xót tất cả người trời ở thế gian. Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông mà nói. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Lành thay ! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Do các thứ nghĩa, các thứ vọng tưởng chẳng thật chấp trước vọng tưởng sanh. Đại Huệ ! Chấp trước năng nhiếp (tâm) sở nhiếp (cảnh), chẳng biết tự tâm hiện lượng và rơi vào kiến chấp "có không" tăng trưởng vọng tưởng tập khí theo kiến chấp ngoại đạo, chấp trước các thứ nghĩa bên ngoài, tâm (tâm vương) tâm số (tâm sở) vọng tưởng chấp trước làm ngã ngã sở mà sanh.

Đây là tột tướng vọng tưởng sanh, để phát minh đệ nhất nghĩa chẳng sanh vọng tưởng. Đại Huệ hỏi tướng vọng tưởng chẳng thật từ đâu mà sanh. Thế Tôn bảo : như các thứ nghĩa vọng tưởng chẳng thật sanh. Các thứ là, tất cả pháp sắc tâm v.v... và thánh phàm tất cả danh tướng chơn vọng. Các pháp tướng này không có tự tánh,

lìa có và không, lìa tứ cú, y đó mà sanh vọng tưởng. Cho nên nói "vọng tưởng chẳng thật". Ở đây chỉ nói vọng tưởng chẳng thật y đây mà sanh khởi, đoạn sau mới nói "vì vọng tưởng chẳng thật" để đáp "pháp gì chẳng thật", trong pháp gì chẳng thật. Năng nhiếp sở nhiếp tức là thể tánh của vọng tưởng. Nghĩa là vọng tưởng này do không biết các thứ nghĩa đều tự tâm hiện, rơi vào kiến chấp có không, tăng trưởng tập khí ngoại đạo, huân phát nơi tâm vương tâm sở tất cả vọng tưởng, khởi chấp trước năng sở. Nguyên chỗ đáp của Thế Tôn cốt chỉ không biết tự tâm hiện lượng là căn do vọng tưởng. Nếu các thứ nghĩa bị nương tuy hiện khởi kiến chấp năng sở có không chẳng thật, song các thứ nghĩa này thấy đều không có tự tánh, vốn tự lìa kiến (tâm) lìa tướng (cảnh), liền đó tức là đệ nhất nghĩa. Cho nên biết đồng các thứ nghĩa này, mà một bên thì các thứ nghĩa vọng tưởng y đó khởi ; một bên là đệ nhất nghĩa vọng tưởng chẳng sanh. Ý này đợi đoạn văn nọ ở sau sẽ rõ. Tóm lại, giác tự tâm hiện tức vọng tưởng chẳng sanh, chẳng giác tự tâm hiện thì vọng tưởng y đó mà khởi. Chẳng phải do các thứ nghĩa, lìa tánh lìa kiến mà khiến vọng tưởng có không sai biệt, không thể chẳng xét kỹ. Tâm là tám thức tâm vương. Số là 51 thứ tâm sở. Biến hành có 5, biệt cảnh có 5, thiện 11, căn bản phiền

nao có 6, tùy phiên nào 20, bất định có 4, tám thức tâm vương mỗi thứ đều đầy đủ.

*G²) NAN VỌNG TƯỚNG MỘT BÊN SANH MỘT BÊN
CHẮNG SANH.*

Dại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Nếu các thứ nghĩa, các thứ chấp trước vọng tưởng chẳng thật mà vọng tưởng sanh, chấp trước nhiếp (tâm) sở nhiếp (cảnh), chẳng biết tự tâm hiện lượng và rơi vào kiến chấp có không, tăng trưởng vọng tưởng tập khí theo kiến chấp ngoại đạo, chấp trước các thứ nghĩa bên ngoài, vọng tưởng tâm (tâm vương) tâm sở (tâm sở), chấp trước ngã ngã sở sanh. Thế Tôn ! Nếu như thế thì các thứ nghĩa tướng bên ngoài rơi vào tướng có không, là tánh và phi tánh, là kiến (tâm) tướng (cảnh). Thế Tôn ! Đệ nhất nghĩa cũng như thế, là tướng lượng, căn, phần, thí, nhưn. Thế Tôn ! Vì sao một chỗ thì nghĩa vọng tưởng chẳng thật các thứ tánh chấp trước vọng tưởng sanh ? Chỗ thì chẳng phải chấp trước tướng đệ nhất nghĩa vọng tưởng sanh ? Đâu không phải Thế Tôn nói về tà nhưn luận sao ? Nên nói một sanh, một chẳng sanh.

Đây là lập lại lời đáp của Thế Tôn mà riêng nêu ra các thứ nghĩa bên ngoài và có không kiến

tướng đều ngay đó tánh lìa, kiến tướng không thể được, mà Thế Tôn bảo rằng vọng tưởng y đó mà khởi. Đệ nhất nghĩa căn lượng tông như thí dụ cũng ngay đó tánh lìa, kiến tướng không thể được, mà Thế Tôn bảo là vọng tưởng chẳng sanh. Đồng một tánh lìa, tướng lìa, kiến lìa, mà một bên bảo các thứ nghĩa vọng chấp có không ; một bên bảo đệ nhất nghĩa vọng tưởng chẳng sanh. Đâu không phải Thế Tôn cũng rơi vào tà luận. Nghĩa là một bên chấp có sanh, một bên chấp không sanh. Không biết chỗ chấp của ngoại đạo cùng với chỗ nói của thánh giáo, tuy tất cả tánh tướng thấy không thể được, các kiến chấp chóng lìa ; song do giác tự tâm hiện lượng thì tất cả đều dứt, cùng chẳng giác tự tâm hiện lượng, mà cho là tất cả đều không thể được, thật là sai hào ly cách xa ngàn dặm. Nay những thiền gia ở trong thiên hạ nói là tâm tông mà bảo tất cả không thể được, tự tại vô ngại, đều không ngoài tâm lượng vọng tưởng, theo giác tướng lưu chuyển mà vẫn hiu hiu tự đắc cho là phát minh tự tâm. Tất cả tánh lìa, thế đế và đệ nhất nghĩa đế không hai không khác. Song không biết rằng hiện chấp có tánh rồi sau nói không, cùng chẳng chấp có tánh bình đẳng tịch diệt. Đây là giác tự tâm cùng chẳng giác tự tâm, riêng khác giữa chơn và ngụy, học giả không thể không xét kỹ.

G³) CHỈ GIÁC TỰ TÂM LƯỢNG VỌNG TƯỚNG CHẲNG SANH.

Phật bảo Đại Huệ : Chằng phải vọng tưởng một sanh một chẳng sanh. Vì có sao ? Nghĩa là vì vọng tưởng có không đều chằng sanh, mà bên ngoài hiện tánh (có) phi tánh (không). Giác tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chằng sanh. Đại Huệ ! Ta nói những kẻ ngu vì tự tâm các thứ tướng vọng tưởng, sự nghiệp hiện tiền các thứ tánh tướng vọng tưởng chấp trước sanh. Làm sao kẻ ngu được lìa chấp trước ngã ngã sở, lìa lỗi nhơn duyên năng tác sở tác, giác tâm lượng vọng tưởng của mình, thân tâm chuyển biến, cứu cánh hiểu rõ tất cả địa, cảnh giới Như Lai tự giác, lìa năm pháp, tự tánh, sự kiến vọng tưởng ? Do nhơn duyên này, nên ta nói vọng tưởng từ chấp trước các thứ nghĩa chằng thật sanh. Biết nghĩa như thật được giải thoát các thứ vọng tưởng nơi tự tâm.

Chằng phải vọng tưởng một sanh một chẳng sanh, cho là vọng tưởng có không đều chẳng sanh. Đây là chỉ người giác tự tâm hiện lượng thì tất cả vọng tưởng có không đều chẳng sanh. Nay hiện ở trong cái có mà bảo tất cả tánh lìa, tất cả không thể được, đây là vọng tưởng chấp trước.

Giác tự tâm hiện lượng trọn không có cái tướng này. Nên nói "chẳng chấp có tánh, bình đẳng tịch diệt". Người ngu đối các thú tướng sự nghiệp hiện tiền chấp là có, cũng chấp là không, đều do vọng tưởng lưu chuyển. Không giác tự tâm hiện lượng thì động niệm dứt niệm đều trở về mê muội. Cho nên nói "muốn được xa lìa các thú lỗi về ngã ngã sở, phải giác tâm lượng vọng tưởng nơi mình. Giác tất cả vọng tưởng thấy do tâm hiện". Cái bị hiện chẳng thật thì cái tướng nơi tâm được lìa, liền chuyển thân tâm bất giác kia theo trí tự giác, chiếu sáng các địa đến Như Lai địa, tất cả nam pháp, ba tự tánh đều là hý luận. Vọng tưởng do y chấp trước các thú nghĩa chẳng thật. Đệ nhất nghĩa do biết tự tánh như thật. Tự thể giải thoát là vọng tưởng chẳng sanh, đây là quyết định vậy.

G⁴) TỤNG CHUNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Các nhơn cùng với duyên Từ đây sanh thế gian
Vọng tưởng chấp tứ cú Chẳng biết rành ngã
sở.

Thế gian chẳng có sanh Cũng lại chẳng không
sanh

Chẳng từ có không sanh	Cũng chẳng phi có không.
Các nhơn cùng với duyên	Tại sao ngu vọng tưởng
Chẳng có cũng chẳng không	Cũng lại chẳng có không.
Như thế quán thế gian	Tâm chuyển được vô ngã
Tất cả tánh chẳng sanh	Vì bởi từ duyên sanh
Tất cả duyên tạo ra	Tạo ra chẳng tự có
Sự chẳng tự sanh sự	Vì có lỗi hai sự.
Vì không lỗi hai sự	Chẳng có tánh khá được.

Đây nói tất cả thế gian từ nhơn duyên sanh. Chẳng biết duyên sanh vọng chấp có không tứ cú. Song thế gian này thẳng đó thật không có tứ cú có thể được, đều do kẻ ngu vọng tưởng chẳng đạt lý này. Nếu hay quán kỹ như thế, mới biết tất cả vô ngã. Tự tánh chẳng sanh thấy từ duyên khởi, duyên khởi cũng không thì người tạo cùng việc tạo ra đều không có thật tánh, thẳng đó liền lìa. Câu sự chẳng tự sanh sự, sự tức là quả sự. Nghĩa là quả cần đợi nhơn, nhơn thành ra quả, không có tánh tự sanh. Tóm lại tâm buổi đầu chẳng giác không thể tự chủ lầm theo nhơn duyên đường như có sanh diệt. Kẻ ngu chẳng biết vọng chấp có không, người giác chóng lìa vốn không thật tánh.

Quán các pháp hữu vi Là phan duyên sở
 duyên

Không tâm lượng của tâm Ta nói là tâm lượng.

Lượng ấy chỗ tư tánh Duyên sanh cả hai là

Tánh cứu cánh diệu tịnh Ta nói tên tâm lương.

Ở trước nói thế gian duyên sanh, duyên sanh nên không tánh. Ở đây mới chỉ ra người giác tự tâm lượng, chỉ hay là phan duyên và sở duyên liền đó không tâm, bèn hợp với tâm lượng. Nghĩa là tự tánh tâm này vốn không năng duyên sở duyên, cứu cánh là viên diệu. Nếu ở ngoài tâm mà vừa có chấp trước bèn rơi vào vọng tưởng, chẳng phải cái bản hiện lượng.

Lập bày ngũ thể để
Lập bày các ấm thân

Ấy là không sự thật
Không thật cũng như
thế.

Có bốn thứ bình đẳng

Thứ ba vô ngã đồng Thứ tư tu pháp tu.

Trước nói tự tánh tâm lượng tất cả tánh là
đương thể là diệu tính. Đây nói lập bày năm uẩn,
hoặc người hoặc pháp cho đến tướng cùng vô
tướng, sanh cùng vô sanh, ngã cùng vô ngã, năng
tu và sở tu thấy đều bình đẳng không có thật
tánh, để hiển chỉ có tự tánh tâm lượng, ngoài

tánh này không có cái gì riêng khác. Lập bày thế để là nhơn tướng. Lập bày các âm là pháp tướng. Bốn thứ bình đẳng : tướng, nhơn, ngã, tu. Tướng tức là tướng năm âm. Năm âm không thật thì tướng cùng vô tướng bình đẳng. Tướng ắt có nhơn, nhơn là tập đế trong tứ đế, là sanh nhơn của năm âm. Quả tướng đã dối thì sanh cùng vô sanh bình đẳng. Nhơn quả sanh nhau thì đủ có nghĩa ngã, nhơn quả chẳng sanh thì ngã cùng vô ngã bình đẳng. Rõ ngã chẳng phải ngã gọi đó là tu, rõ không có bị rõ thì tu cùng không tu bình đẳng.

Vọng tướng tập khí chuyển Có các thứ tâm sanh
Cảnh giới hiện bên ngoài Ấy tâm lượng thế tục.
Hiện ngoài mà chẳng có Tâm thấy các thứ kia
Dụng lập làm thân, tài Ta nói là tâm lượng.

Đây nói tâm lượng thế tục do tập khí chuyển ra, vọng sanh phân biệt dường như có ngoại cảnh. Giác được lý này thì trở lại là tự tánh tâm lượng. Hiện ngoài chẳng phải có là, chẳng phải riêng có do tâm vọng thấy, căn thân khí giới, hiện ra đều duy tâm.

Lìa tất cả các kiến Và lìa tướng sở tướng.
Không được cũng không Ta nói là tâm lượng.
sanh

Phi tánh phi phi tánh	Tánh phi tánh thấy lia
Gọi kia tâm giải thoát	Ta nói là tâm lượng.
Như như cùng không tế	Niết bàn và pháp giới
Các thứ thân ý sanh	Ta nói là tâm lượng.

Các kiến là hai ngã kiến nhơn và pháp. Tưởng sở tưởng là năng tưởng và sở tưởng. Là những cái này thì được gốc tự tâm, mà chẳng phải mới được, cho nên nói "không được". Tâm lượng hiện tiền thì chẳng chấp có tánh là sanh và nhơn cả hai đều đoạn, cho nên nói "không sanh". Hai pháp có không do tứ cú sanh ra, tứ cú đã lia liền đó giải thoát. Như như, không tế, niết bàn, pháp giới đều chỉ cho tâm lượng chơn tịnh viên mãn, cho đến các thứ thân ý sanh thể dụng đều diệu, thấy nói về tự tánh đến chỗ cùng tột.

D²) Chỉ ngữ, nghĩa, thức trí để hiển dụng tông thông, chia làm năm :

E¹ - CHỈ NGŨ, NGHĨA CHIA LÀM NĂM :

G¹) NHƠN ĐẠI HUỆ HỎI, TRƯỚC CHỈ TƯỚNG NGŨ.

**Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật rằng :
Thế Tôn ! Như Thế Tôn đã nói Đại Bồ Tát
phải rành rẽ về ngữ, nghĩa. Thế nào Bồ Tát
rành ngữ, nghĩa ? Thế nào là ngữ ? Thế nào
là nghĩa ? Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe !**

Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, tôi sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Lành thay ! Thế Tôn ! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Thế nào là ngữ ? Nghĩa là lời nói do vọng tưởng hòa hợp, y nơi cổ họng môi lưỡi răng nướu cảm má, nhưn đó ta nói vọng tưởng tập khí sanh, ấy gọi là ngữ.

Ngữ là ngôn giáo Như Lai nói ra tam thừa và nhất thừa. Nghĩa là đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ. Đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ do ngôn thuyết được vào. Vào đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ thì hay xa lìa tất cả cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng. Nhưn ngữ mà nhập nghĩa, nên nói chiếu liễu, mà chẳng phải y ngữ sanh nghĩa, trở lại rơi vào giác tưởng. Trước biện biệt thể tướng hai thứ ngữ nghĩa, nhiên hậu bảo, do ngữ nhập nghĩa, như ngọn đèn soi cảnh sắc, chẳng phải ngọn đèn tức là cảnh sắc. Tông thông này là hiển bày tông thú, mượn lời nói mà nhập không nên y lời nói chấp trước vọng tưởng tướng khác. Vọng tưởng tập khí hòa hợp với bảy thứ cổ họng... thành thể tướng của ngữ. Đây là y thể gian mà nói. Nếu thánh ngôn giáo tức là đệ nhất nghĩa diệu tâm khéo vì hiển bày. Cho nên ở sau nói "có ngữ chẳng khác với nghĩa". Nhưn ngữ mà biện nghĩa, do ngữ nhập nghĩa nên nói giáo liễu nghĩa. Phạm vọng tưởng tập khí cùng đệ nhất

nghĩa diệu tâm thể một mà tên khác. Thấy do mê giác chuyển ra, nên biết tông thông hiển bày, lời nói mà vào, chẳng phải cảnh giới tập khí.

G²) CHỈ TƯỚNG NGHĨA.

Đại Huệ ! Thế nào là nghĩa ? Nghĩa là lìa tất cả tướng vọng tưởng, ấy gọi là nghĩa. Đại Huệ ! Đại Bồ Tát đối với nghĩa như thế ở riêng chỗ vắng vẻ văn tu tu huệ, duyên tự giác liễu, hướng thành niết bàn, tập khí thân chuyển biến rồi, cảnh giới tự giác xét nghĩa tướng khoảng giữa các địa mà thẳng tiến, ấy gọi là Đại Bồ Tát rành nghĩa.

Đây chỉ thể tướng của nghĩa mà chẳng nói những gì là nghĩa. Chỉ bảo lìa tất cả vọng tưởng ngôn thuyết, ấy gọi là nghĩa. Bởi vì muốn người lìa chỗ ngôn thuyết vọng tưởng được chỗ tự giác. Duyên chỗ tự giác này mới hay ở riêng chỗ vắng vẻ, chóng rõ văn tu tu huệ, hồi hướng niết bàn. Nên nói "chuyển tập khí thân toàn là cảnh giới tự giác. Dùng tự giác diệu huệ chiếu sáng các địa tiến thẳng lên trên chẳng do nơi khác". Do nghĩa tướng này để thấy đệ nhất nghĩa diệu tâm của Như Lai khéo vì hiển bày, mà hay khiến người như ngữ biện được nghĩa, do ngữ nhập nghĩa, nên nói "ngữ chẳng khác nghĩa". Văn sau sẽ nói rõ đó.

G³) CHỈ DO NGŨ NHẬP NGHĨA.

Lại nữa, Đại Huệ ! Đại Bồ Tát rành ngữ nghĩa quán ngữ cùng nghĩa chẳng khác chẳng phải chẳng khác. Quán nghĩa cùng ngữ cũng lại như thế. Nếu ngữ khác với nghĩa thì chẳng nhơn ngữ mà biện nghĩa. Song do ngữ nhập nghĩa như đèn soi cảnh sắc.

Đây chính bày tông thông hiển thị sở nhập. Có bao nhiêu ngôn cú đều là liễu nghĩa. Cho nên Bồ tát rành ngữ nghĩa thì quán ngữ biết nghĩa là chẳng khác chẳng phải chẳng khác. Khác thì chẳng nhơn ngữ mà biện nghĩa, mà hản do ngữ nhập nghĩa. Đến chỗ tự chứng là ngôn ngữ mà được, mới biết tất cả ngôn giáo là chiếu liễu nguồn tâm, là tất cả cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng. Chúng sanh do tập khí che đậy nên không thể nhơn ngữ mà biết chỗ trở về, trái lại duyên ngôn thuyết theo đó chấp có không, chẳng phải lỗi tại thánh giáo.

G⁴) RIÊNG Y NGŨ CHẤP NGHĨA.

Lại nữa, Đại Huệ ! Chẳng sanh chẳng diệt, tự tánh, niết bàn, tam thừa, nhất thừa, tâm, tự tánh v.v... như duyên lời nói nghĩa rồi chấp trước, rơi vào chấp dụng lập (có) phi báng (không), khác dụng lập (có), khác

vọng tướng, như huyễn các thứ vọng tướng hiện. Thí như các thứ huyễn, chúng sanh phàm ngu cho là khác vọng tướng, chẳng phải thánh hiển.

Đây nói kẻ ngu không thể nhơn ngữ nhập nghĩa, đối tự thể các pháp trong đệ nhất nghĩa chẳng sanh diệt v.v... không có chiếu liễu, trái lại y ngôn thuyết chấp trước cảnh giới giác tướng sở thuyết, rơi vào có không. Là khác với tự thể các pháp đệ nhất như nghĩa mà khởi dụng lập. Có các thứ vọng chấp như y nơi huyễn mà khởi các phân biệt. Cho nên biết, tất cả các pháp đều là đệ nhất nghĩa mà thánh phàm đồng hiện, mê giác vẫn phân. Người giác tự tâm hiện lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên, nhận được pháp thể, mới tin nhất dụng không khác, như chư thiên kia đồng bát dụng thức ăn, tùy phước dày mỏng mà thấy mỗi phần có khác.

GỒ) TỤNG CHUNG

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

**Ngôn thuyết vọng tướng Dụng lập ra các pháp
kia**

**Bởi do kia dụng lập Chết rơi vào địa ngục
Trong ấm không có ngã Ấm chẳng tức là ngã**

Chẳng như vọng tưởng	Cũng lại phí vô ngã.
kia	
Tất cả thấy có tánh	Như phạm ngu vọng
	tưởng
Nếu như kia đã thấy	Tất cả nên thấy đế (chơn)
Tất cả pháp không tánh	Tịnh uế thấy không có
Chẳng thật như kia thấy	Cũng chẳng phải không
	có.

Đây nói ngoại đạo y ngôn thuyết vọng tưởng dụng lập có không, đó là tà pháp như chấp nên phải đạo. Song nhị thừa bảo trong ấm vô ngã, tuy chẳng giống vọng tưởng tức ấm là ngã, mà không biết vô ngã cũng chẳng phải đệ nhất nghĩa. Phạm ngoại chẳng phân mê giác, lầm cho vọng là chơn. Nhị thừa đối trị tà chấp bỏ chơn đồng vọng. Đây đều chẳng đạt tánh sẵn đủ, chẳng lìa vọng tưởng mà có chơn thật. Nếu quyết lìa vọng thì nào khác lẫn vọng, cho nên nói "Nếu như kia đã thấy tất cả nên thấy đế (chơn thật)". Nghĩa là nhị thừa vô ngã chẳng phải chơn thật. Thế nên biết, tất cả pháp chơn thật vốn không tự tánh, đã có tịnh uế đều do kiến chấp mà sanh. Chỉ trừ kiến chấp chẳng thật thì chơn thật hiện tiền. Nên nói đệ nhất nghĩa như thật bản thể thẩm hợp tương ưng, không có thủ xả. Đây là cảnh giới tự thông chẳng phải không có, mà không phải chỗ hay nói

của ngôn thuyết vọng tưởng. Đó là sở do bài kệ chót trung bày.

E² - BIỆN THỨC TRÍ, CHIA LÀM BA :

G¹) CHỈ TƯỚNG BA THỨ TRÍ.

Lại nữa, Đại Huệ ! Tướng trí, thức nay sẽ nói, nếu khéo phân biệt tướng trí và thức thì ông và các Bồ Tát ắt hay thông đạt tướng trí và thức, chóng được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đại Huệ ! Trí kia có ba thứ : nghĩa là thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng. Thế nào là trí thế gian ? Nghĩa là tất cả ngoại đạo phàm phu chấp trước có không vậy. Thế nào trí xuất thế gian ? Nghĩa là tất cả Thanh văn Duyên giác rơi vào chấp trước hy vọng tự tướng cộng tướng. Thế nào là trí xuất thế gian thượng thượng ? Nghĩa là chư Phật, Bồ tát quán pháp không thật có thấy chẳng sanh chẳng diệt, lìa các loại có không. Như Lai địa hơn pháp vô ngã, duyên tự đắc mà sanh.

Tất cả chúng sanh chẳng được duyên tự giác liễu đều do không đạt hai tướng trí và thức. Cho là trí mà thật là thức thành tăng thượng mạn. Đó là lý do Như Lai lập đi lập lại để hiển bày

vậy. Trong ba thứ trí, thế gian trí chỉ cho ngoại đạo. Cũng nói người trí, bởi vì ngoại đạo tự cho là người trí. Nhị thừa đạt các ấm vô ngã, vẫn còn chấp pháp ấm, không biết đều là tự tâm hiện, nên nói "theo tự tướng cộng tướng hy vọng". Chư Phật Bồ Tát giác tự tâm hiện, đạt tất cả pháp đều không thật có, là có không sanh diệt, tự tánh như như. Bởi vì Như Lai địa nhơn pháp đều quên, duyên tự đắc sanh, chẳng cùng ngoại đạo, nhị thừa chấp có không, hy vọng tự cộng mà so sánh được.

G²) CHỈ THỨC TRÍ SAI BIỆT.

Đại Huệ ! Cái sanh diệt kia là thức ; cái chẳng sanh diệt là trí. Lại nữa, rơi vào tướng vô tướng và các thứ nhơn tướng có không là thức ; siêu việt tướng có không là trí. Lại nữa, tướng trưởng dưỡng là thức ; chẳng phải tướng trưởng dưỡng là trí.

Bất giác tự tâm hiện, vọng thấy tất cả pháp sanh, vọng thấy tất pháp diệt. Giác tự tâm hiện, chỗ hiện là duy tâm, không có sanh diệt. Đây là sở do trí cùng thức phân biệt vậy. Ý cái sanh diệt này chấp tướng có không, cùng nhơn có không là thức. Hay siêu việt cái này là trí. Trưởng dưỡng là nghĩa sanh. Đối tất cả pháp mà tạo sanh nhơn là thức. Đối tất cả pháp mà làm liễu nhơn là trí.

Như Lai đã có 37 pháp trợ bồ đề và sáu ba la mật, tất cả vô lượng ba la mật đều là liễu nhơn mà chẳng phải sanh nhơn.

Lại nữa, có ba thứ trí : trí sanh diệt, trí tự cộng tướng, trí bất sanh bất diệt. Lại nữa, tướng vô ngại là trí, cảnh giới các thứ tướng ngại là thức. Lại nữa, tướng ba việc hòa hợp phương tiện sanh là thức tướng vô sự phương tiện tự tánh là trí. Lại nữa, tướng đặc là thức, tướng chẳng đặc là trí. Cảnh giới tự đặc thành trí chẳng ra chẳng vào, cho nên như trăng trong nước.

Sanh diệt là mê chơn duyên tập. Nghĩa là các phạm phu ngoại đạo mê chơn tánh mình, khởi ra tất cả nhơn duyên sanh diệt. Tự cộng tướng là kẹt nơi chơn duyên tập. Nghĩa là nhị thừa kẹt nơi pháp chấp chẳng đạt chơn tánh, khởi ra tất cả nhơn duyên nhằm chán tự tướng cộng tướng. Chẳng sanh chẳng diệt là tự chơn duyên tập. Nghĩa là Bồ tát thủy giáo thấy chơn tánh mình chẳng lìa chơn tế, khởi ra tất cả pháp nhơn bồ đề chẳng sanh diệt. Biết ba thứ này mới gọi là trí. Hay biết ba thứ mà biết chẳng phải ba thứ, nên nói nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vô ngại tức là nghĩa tứ vô ngại trong Kinh Hoa Nghiêm. Nghĩa là lý vô ngại, sự vô ngại, sự lý vô ngại, sự sự vô

ngại. Chơn thuyền vô ngại vừa có thiên trọng liền rơi vào thức tâm. Ba việc là, căn trần thức. Rõ biết căn trần đều do nội thức biến dường như có, mà không có căn trần có thể được. Tất cả phân biệt tức là vô phân biệt trí, nên nói "tùy thuận phân biệt tướng các pháp, mà nơi đệ nhất nghĩa chẳng động". Tướng tức là tất cả tướng sắc, tâm v.v... Giác tự tâm hiện không có các tướng có thể được, gọi là tướng chẳng đắc. Đây đều là cảnh giới tự giác thánh trí như trăng trong nước chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải ra chẳng phải vào, không thể hiển bày, chỉ chứng tương ưng.

Khi ấy Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Gom nhóm nghiệp là thức	Chẳng gom nhóm là trí	
Quán sát tất cả pháp	Thông đạt không thật	có
Liền được sức tự tại	Ấy tức tên là Huệ	
Buộc cảnh giới là tâm	Giác tướng sanh là trí	
Không thật có và thắng	Huệ ắt từ ấy sanh.	

Đây phân trí huệ. Trí là nhằm giác liễu tự tâm, chẳng theo thức tâm phân biệt nhiếp thọ, là chỉ căn bản trí. Huệ là nhằm sai biệt, được tất cả chỗ vô sai biệt trí, vào pháp hạnh Phổ Hiền, nhậm vận trang nghiêm. Buộc cảnh giới là, bị tất

cả pháp sanh diệt buộc, tâm giác cảnh buộc này vốn tự viên tịnh. Chỉ do vọng tưởng thấy không thể được, cũng nhiếp thuộc căn bản trí. Giác thì hay liễu, liễu mà không có sở liễu, đến chỗ vô tướng, lần lượt tăng thắng cũng nhiếp thuộc sai biệt. Vô tướng là cảnh giới bát địa. Thắng tức Như Lai địa.

Tâm ý cùng với thức	Xa lìa tưởng suy nghĩ
Được pháp không tướng	Phật tử phi Thanh văn
	ngĩ

Nhẫn tịnh tĩnh thắng tiến	Như Lai trí thanh tịnh
Sanh ra nghĩa thiện thắng	Đã làm thấy xa lìa.

Đây tức nơi tâm ý ý thức mà được trí thanh tịnh Như Lai, chẳng phải nhị thừa đến được. Tâm ý ý thức đương thể toàn không, chỉ hay lìa các phân biệt thì được pháp thể vô phân biệt, liền khéo vào nhẫn tịch diệt đến trí địa thanh tịnh Như Lai. Do trí thanh tịnh Như Lai đều từ pháp vô phân biệt mà sanh. Pháp vô phân biệt tức là nghĩa thiện thắng. Pháp thiện thắng vô phân biệt này tức là thể của suy nghĩ phân biệt. Vì mê nên y thể khởi vọng, vì giác nên thể hợp tướng dùng, bản trụ hiện tiền tâm hành chóng hết. Đó là nghĩa để vô phân biệt tối thắng vậy. Nhẫn có 5 : phục, tín, thuận, vô sanh, tịch diệt. Từ tam hiền cho đến Phật địa chỗ chứng có sáu cạn. Về

tịch diệt nhân đến địa thứ mười là Pháp vân mới chúng, bậc Đẳng giác và Diệu giác Phật địa các hoặc đoạn hết cũng nhiếp thuộc nhân này.

Ta có ba thứ trí	Thánh vạch mở chơn thật
Nơi kia suy nghĩ tưởng	Đều nhiếp thọ các tánh
Nhị thừa chẳng tương ưng	Trí lia các sở hữu
Chấp trước nơi tự tánh	Từ các Thanh văn sanh.
Vượt qua các tâm lượng	Nhu Lai trí thanh tịnh.

Ba thứ, tức trong chánh văn biết ba thứ sanh diệt v.v... Ba thứ hay biết này tức là trí thể thanh tịnh chơn thật của Như Lai. Bởi vọng suy nghĩ khởi các nhiếp thọ, liền nhiếp thọ các pháp. Cùng nhiếp thọ không tương ưng tức thuộc nhị thừa. Nếu đạt pháp tánh không thật có thì nhiếp thọ chóng lìa, liền đồng thánh trí. Cho nên biết, nhị thừa chỉ đối với không thật có mà vọng sanh chấp trước, bèn thành tâm lượng. Siêu vượt nơi đây liền đó thanh tịnh chẳng phải lại riêng có Như Lai trí.

G³) CHỈ NGOẠI ĐẠO CHUYỂN BIẾN CHẴNG LÀ VỌNG THỨC, CỎ 2 :

H¹ - NÊU DANH TƯỚNG NGOẠI ĐẠO CHUYỂN BIẾN.

Lại nữa, Đại Huệ ! Ngoại đạo có chín thứ chuyển biến luận, mà kiến chấp ngoại đạo

tịch diệt nhãn đến địa thứ mười là Pháp vân mới chúng, bậc Đẳng giác và Diệu giác Phật địa các hoặc đoạn hết cũng nhiếp thuộc nhãn này.

Ta có ba thứ trí	Thánh vạch mở chơn thật
Nơi kia suy nghĩ tưởng	Đều nhiếp thọ các tánh
Nhị thừa chẳng tương ưng	Trí là các sở hữu
Chấp trước nơi tự tánh	Từ các Thanh văn sanh.
Vượt qua các tâm lượng	Nhu Lai trí thanh tịnh.

Ba thứ, tức trong chánh văn biết ba thứ sanh diệt v.v... Ba thứ hay biết này tức là trí thể thanh tịnh chơn thật của Như Lai. Bỏ vọng suy nghĩ khỏi các nhiếp thọ, liền nhiếp thọ các pháp. Cùng nhiếp thọ không tương ưng tức thuộc nhị thừa. Nếu đạt pháp tánh không thật có thì nhiếp thọ chóng là, liền đồng thánh trí. Cho nên biết, nhị thừa chỉ đối với không thật có mà vọng sanh chấp trước, bèn thành tâm lượng. Siêu vượt nơi đây liền đó thanh tịnh chẳng phải lại riêng có Như Lai trí.

G³) CHỈ NGOẠI ĐẠO CHUYỂN BIẾN CHẴNG LÀ VỌNG THỨC, CÓ 2 :

H¹ - NÊU DANH TƯỚNG NGOẠI ĐẠO CHUYỂN BIẾN.

Lại nữa, Đại Huệ ! Ngoại đạo có chín thứ chuyển biến luận, mà kiến chấp ngoại đạo

chuyển biến sanh. Nghĩa là : hình xú chuyển biến, tướng chuyển biến, nhơn chuyển biến, thành chuyển biến, kiến chuyển biến, tánh chuyển biến, duyên phân minh chuyển biến, sở tác phân minh chuyển biến, sự chuyển biến. Đại Huệ ! Ấy gọi là chín thứ kiến chấp chuyển biến, các ngoại nhơn đó khởi ra có không, sanh chuyển biến luận. Thế nào là hình xú chuyển biến ? Nghĩa là hình xú thấy khác, thí như vàng biến làm các vật khác thì có các thứ hình xú hiển hiện, chẳng phải tánh vàng có biến đổi. Tất cả tánh biến cũng lại như thế. Hoặc có ngoại đạo khởi vọng tưởng như thế cho đến vọng tưởng sự biến, vì vọng tưởng kia chẳng phải như, chẳng phải khác.

Ngoại đạo chín thứ chuyển biến nhơn nơi thân tứ đại năm uẩn và tất cả pháp hữu vi ở thế gian nhơn quả hiện thấy ở trước mắt, tạo thành định luận. Họ chẳng biết tự tâm hiện ra, như vàng làm các món kim khí, vàng không cố định là kim khí, kim khí chẳng ngoài vàng, chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải có chẳng phải không. Vì mê nên thấy rõ ràng, vì giác nên thấy như huyễn. Duy thức luận nói là "tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên". Như Lai nêu ra chỗ này, tuy chỉ cái sở do vọng chấp của ngoại đạo,

cũng là vì tất cả chúng sanh trong thiên hạ ở đời sau và người tu hành dẹp trừ cái chướng hỷ luận trước mắt. Do đạt tự tâm hiện ra thật không có tự tánh. Hình tức là uẩn thân, thân có lưu chuyển trong sáu đạo, tướng có đẹp xấu không nhất định. Hình tướng có nhon, nhon đủ thì quá thành, thấy già trẻ nhiều thay đổi, tánh khổ vui chóng đổi thay. Duyên sanh ra rõ ràng, pháp duyên sanh rành rê, năng sở đã đủ thì việc sanh sáng tỏ. Đây là chín thứ chuyển biến, ngoại đạo y theo đó thành có kiến chấp vô nhon. Lại nêu lên hình sự là toát yếu hết chín thứ, dùng vàng và kim khí làm dụ, lia vàng nói kim khí, cũng tức kim khí nói vàng, chẳng phải tức, chẳng phải ly, là tức là ly đồng với hỷ luận, thấy do vọng tương. Đây cũng thuộc về thức.

H² - CHỈ CHUYỂN BIẾN KHÔNG TÁNH, ĐỀU DO
VỌNG THỨC VÀ TUNG.

Như thế, tất cả tánh chuyển biến nên biết như sữa, lạc, rượu, trái v.v.. đã chín. Ngoại đạo chuyển biến vọng tưởng, kia cũng không có chuyển biến. Hoặc có hoặc không tự tâm hiện ra tánh (có) phi tánh (không). Đại Huệ ! Như thế, chúng sanh phạm ngu tự vọng tưởng tu tập sanh. Đại Huệ ! Không có pháp hoặc sanh hoặc diệt, như thấy sắc huyền mộng sanh.

biệt, như kẻ vọng chấp kia. Hiện sanh là tiền ấm, hậu sanh là hậu ấm. Xả hiện sanh chưa đến hậu sanh, khoảng giữa có hiện thân, gọi là trung ấm.

**E³ - RIÊNG Y NGŨ THỦ NGHĨA THÀNH CHẤP
SÂU KÍN, CÓ 5 :**

G¹) ĐẠI HUỆ THUA HỎI.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật :
Thế Tôn ! Cúi xin vì nói nghĩa tất cả pháp
tương tục và nghĩa giải thoát. Nếu khéo
phân biệt tướng tất cả pháp tương tục và
chẳng tương tục thì con và các Bồ Tát hiểu
rành tất cả tương tục phương tiện khéo léo,
chẳng rơi vào như nghĩa đã nói, chấp trước
tương tục. Chúng con khéo đối với tướng tất
cả pháp tương tục, chẳng tương tục và lìa
ngôn thuyết văn tự vọng tưởng, dạo đi tất cả
cõi nước chư Phật, vô lượng đại chúng, lực
tự tại thông, được ấn tổng trì, các thú biến
hóa, hào quang chiếu sáng, giác huệ khéo
nhập mười vô tận cú, không có hạnh phương
tiện, ví như nhật nguyệt, ma ni, tứ đại. Đối
tất cả địa lìa kiến chấp tướng vọng tưởng
của mình, thấy tất cả pháp như mộng huyễn
v.v... nhập thân Phật địa. Đối tất cả chúng
sanh giới tùy chỗ họ mong mỏi mà vì nói
pháp, dẫn đường cho họ, đều khiến họ an

trụ tất cả các pháp như mộng huyễn v.v... là các loại có không và vọng tưởng sanh diệt, khác với nghĩa ngôn thuyết, thân kia chuyển biến thù thắng.

Đoạn này duyên ngôn thuyết nghĩa chấp trước, muốn Thế Tôn phát minh được như ngôn thuyết vào đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ, để tiến đến cứu cánh không rơi vào lối tẻ. Duyên ngôn thuyết nghĩa chỗ chấp sâu kín giác tướng chẳng dứt, cho nên tương tục, nhị thừa nhất thừa đồng có cái chương này, nên nói chấp pháp. Như thánh giáo nói "năm uẩn vô ngã", nhị thừa duyên đây vào quán vô ngã, chứng như vô ngã, cho là thật có pháp năm uẩn, thật có pháp đã chứng vô ngã. Cái chương này đến thất địa, chưa vào bát địa còn không thể khỏi. Nếu pháp vô ngã thì vi tế sở tri đến Phật địa mới hết. Sở tri tức là lý không sở chứng. Trí không năng chứng vừa còn sở liễu thì đối với đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ còn chưa viên mãn. Đây là tột cùng tế tướng tương tục. Song, nếu Bồ tát hiểu rành phương tiện cũng không rơi vào cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng mà được giải thoát, tổng trì giác huệ, dùng giác huệ này dạo đi tất cả cõi Phật, thần thông biến hóa, chợt hay nương mười nguyên vô tận, như nhật, nguyệt, ma ni, tứ đại, soi khắp mười

phương không dùng không mắc, trái tất cả địa, lìa kiến chấp các tướng, đạt pháp như huyễn, được thân côi cứu cánh của Như Lai. Nhiên hậu tùy căn cơ chúng sanh mà vì dẫn đường, như chỗ mình hiểu, chống trừ có không sanh diệt, siêu tất cả ngôn thuyết vọng tưởng tương tục. Cho nên biết ngoại đạo nhị thừa đều do chẳng rành phương tiện, chấp ngôn thuyết vọng tưởng, không thể phát minh giác huệ giải thoát. Đây là lý do phân trí cùng thức, sự xoay chuyển của mê với giác vậy. Ý Bồ tát Đại Huệ thỉnh then chốt vẫn sâu kín. Thập vô tận cú, trong Kinh Hoa Nghiêm Bồ tát được sơ hoan hỉ địa phát nguyện rộng lớn như pháp giới, dùng thập vô tận mà được thành tựu, thập cú này có tận thì nguyện ta có tận, do thập cú này không tận nên nguyện ta không tận. 1) Chúng sanh giới vô tận. 2) Thế giới vô tận. 3) Hư không giới vô tận. 4) Pháp giới vô tận. 5) Niết bàn giới vô tận. 6) Phật xuất hiện giới vô tận. 7) Như Lai trí giới vô tận. 8) Tâm sở sở duyên vô tận. 9) Phật trí sở nhập cảnh giới vô tận. 10) Thế gian chuyển, pháp chuyển, trí chuyển vô tận. Như nhật, nguyệt, ma ni, tứ đại là, nhật, nguyệt đi trong không chẳng nương giá, ma ni tùy phương tiện hiện sắc không có tự tánh, đất nước

lửa gió khắp giáp pháp giới không có chướng ngại.

G²) CHỈ RA 11 THỦ TƯƠNG TỤC SÂU KÍN.

Phật bảo Đại Huệ : Lành thay ! Lành thay ! Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Vô lượng tất cả pháp như nghĩa đã nói chấp trước tương tục. Nghĩa là : Tướng kế trước tương tục, duyên kế trước tương tục, tánh phi tánh kế trước tương tục, sanh bất sanh vọng tưởng kế trước tương tục, diệt bất diệt vọng tưởng kế trước tương tục, thừa phi thừa vọng tưởng kế trước tương tục, hữu vi vô vi vọng tưởng kế trước tương tục, địa địa tự tướng vọng tưởng kế trước tương tục, tự vọng tưởng vô gián vọng tưởng kế trước tương tục, hữu vô phẩm ngoại đạo y vọng tưởng kế trước tương tục, tam thừa nhất thừa vô gián vọng tưởng kế trước tương tục.

Tướng tức là nhị thừa chấp pháp tướng năm uẩn và trí tướng pháp vô ngã của thập địa đều là tướng. Duyên tức là như duyên cũng là chỗ chấp của nhị thừa và duyên tự giác liễu vừa có chỗ nương đều là pháp duyên. Tánh vẫn là pháp. Tánh phi tánh, sanh bất sanh, diệt bất diệt, thừa

phi thừa, vi vô vi đều là chỗ chấp đối đãi của thế gian và xuất thế gian. Địa địa tướng là, địa địa đều không thật pháp. Kinh Hoa Nghiêm một địa tức đủ các địa, lại các địa mỗi mỗi vào một địa, như lưới châu của trời Đế Thích lẫn nhau nhiếp nhập không có tự tánh. Nếu có địa tướng sở chứng liền có tự tướng năng chứng, nên nói "tự vọng tướng". Hữu vô phẩm tức là trước nương nơi có và nhận tánh tham sân si, về sau nói không, đều y thánh ngôn thành tăng thượng mạn, phá hoại Phật pháp đồng với ngoại đạo ấy vậy. Tam thừa nhất thừa cũng là thánh giáo đã nói, không biết phương tiện, nhơn lời nói nhận nghĩa rồi chấp cho là thật pháp, thấy đều thuộc về tương tục.

G³) CHỈ TƯƠNG TỤC SÂU KÍN TỰ HOẠI HOẠI NGƯỜI.

Lại nữa, Đại Huệ ! Đây cùng chúng sanh phạm ngu khác tự vọng tướng tương tục. Bởi cái tương tục này mà phạm ngu vọng tướng, như tầm nhà tơ làm kén ; do tơ vọng tướng tự trói trói người, tướng có không có tương tục chấp trước.

Nương trước suy rộng ra lại có vô lượng thứ chấp trước sâu kín. Tự trói trói người đây đều y ngôn thủ nghĩa vọng sanh tướng khác cho là bí mật. Tự hoại lại hoại chánh pháp làm chướng

chúng sanh, rất đáng thương xót, là lý do Như Lai không ngớt thương xót.

*G⁴) CHỈ CÁC PHÁP TỊCH TÍNH, XA LÌA TƯƠNG TỤC VÀ
CHẲNG TƯƠNG TỤC.*

Lại nữa, Đại Huệ ! Trong kia cũng không tương tương tục và chẳng tương tục, vì thấy tất cả pháp tịch tĩnh nên vọng tưởng chẳng sanh. Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp tịch tĩnh. Lại nữa, Đại Huệ ! Giác ngoại tánh (có) phi tánh (không) tự tâm hiện tượng không thật có, tùy thuận quán sát tự tâm hiện lượng, có không tất cả tánh không tương thì thấy tương tục tịch tĩnh. Cho nên đối tất cả pháp không tương tương tục và chẳng tương tục. Lại nữa, Đại Huệ ! Trong kia không có hoặc trói hoặc mở, những người rơi vào giặc tri không như thật thấy có trói có mở. Vì có sao ? Vì đối tất cả pháp có không có, không chúng sanh có thể được.

Cũng không tương tương tục và chẳng tương tục, lại vì người chấp chẳng tương tục mà nói. Được tự giác đệ nhất nghĩa thấy tất cả pháp tịch tĩnh thì vọng tưởng chẳng sanh, tương tục cùng chẳng tương tục thấy thành hý luận. Sở dĩ như thế, vì giác tất cả pháp bên ngoài không có tự tánh, do tự tâm hiện như huyền như mộng đều không thật có. Quán sát như thật giác tự tâm

lượng thì có không đều dứt, thuận một tịch tĩnh, không tương tượng tục nên cũng không tương chẳng tương tục. Nếu có trời có mở đều rơi vào không giác tri như thật, chẳng phải tất cả pháp tự tướng chơn như. Tất cả pháp tự tướng chơn như thì có không có đều không chủ thể. Đây là tự giác đệ nhất nghĩa trong ngoài tương ung.

Lại nữa, Đại Huệ ! Kẻ ngu có ba thứ tương tục. Nghĩa là : Tham, sân, si và ái, vị lai có ái hỷ chung. Do tương tục này nên có thứ tương tục. Tương tục ấy là tiếp nối trong ngũ thú. Đại Huệ ! Tương tục dứt thì không có tương tượng tục cùng chẳng tương tục. Lại nữa, Đại Huệ ! Ba hòa hợp duyên tạo phương tiện chấp trước, nên thức tương tục vô gián sanh. Phương tiện chấp trước thì có tương tục. Ba hòa hợp duyên thức dứt thì thấy ba giải thoát, tất cả tương tục chẳng sanh.

Kẻ ngu có ba thứ tương tục, nhị thừa nương tương tục này chứng chẳng tương tục, thành kiến chấp chẳng tương tục. Cho nên Như Lai đặc biệt gọi đó bảo "tương tục dứt thì không có tương tượng tục chẳng tương tục". Tham sân si là nhơn tương tục. Nhơn này từ vô minh bất giác liên sanh kiến tướng nên nhơn pháp rõ ràng, phiền não y đó mà khởi. Do cái ái ấy đến sanh đời sau

cùng tham hỷ chung. Bởi cái tương tục này bèn thành ngũ thú. Nhị thừa tuy đoạn nhơn tương tục mà chẳng biết vô minh bất giác thấy đồng huyễn hóa, lầm cho là có tướng nên đoạn, nên nói "chấp pháp". Ba hòa hợp duyên phương tiện chấp trước thức sanh là, ba hòa hợp tức căn, trần, thức. Thức này tuy gồm tám thức, song thủ nghĩa này thì chỉ thức chấp ngã thứ bảy. Thức này nhị thừa chỉ đoạn nhơn chấp ngoại ngã. Ngoại ngã này đoạn không có người nhiếp thọ thì nhơn sanh trong tam giới tự đoạn. Bởi vô minh chưa đoạn nên kiến phần nội ngã vẫn còn. Nội ngã tức là pháp ngã. Do có pháp ngã nên khi nhơn sanh đoạn, khởi tướng chẳng tương tục, chẳng phải chơn giải thoát. Nếu thức thứ bảy nội ngã ngoại ngã đều đoạn thì thấy ba môn giải thoát của đại thừa là tất cả tương tục chẳng sanh. Nhị thừa khởi tướng chẳng tương tục vẫn là nhơn nói thủ nghĩa. Cái tương tục này lại là sâu kín, đến chứng giải thoát mới hay hằng đoạn. Ba giải thoát là, không, vô tướng, vô nguyên. Vô nguyên mới đặc biệt nhị ngã chơn lạc. Thế nên vào môn này thì tất cả pháp tịch tĩnh.

G⁵) TỤNG CHUNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng :

Chẳng nhưn thật vọng	Là nói tương tương
tương	tục.
Nếu biết chơn thật kia	Lưới tương tục ắt đoạn.
Đối các tánh không biết	Tùy ngôn thuyết nhiếp
	thọ
Thí như con tầm kia	Nhả tơ mà tự trói.
Kẻ ngu vọng tưởng trói	Tương tục chẳng quán
	sát.

Ý bài kệ nói chỉ nhập chơn thật đệ nhất nghĩa thì tương tục tự đoạn, không có tương tương tục cùng chẳng tương tục. Kẻ ngu hiện tại bị trói trong tương tục, bởi không khéo quán sát y nơi ngôn thuyết thủ nghĩa vọng sanh tưởng khác. Muốn dấu giải thoát trở lại tự trói buộc, đều do chẳng được đệ nhất nghĩa tự giải vậy.

E⁴ - CHỈ THÁNH TRÍ KHÔNG SỰ ĐỂ PHÁ VỌNG CHẤP, CÓ 6 :⁽¹⁾

G¹) ĐẠI HUỆ NẠN CÁC PHÁP ĐOẠN DIỆT.

Đại Huệ lại bạch Phật : Như Thế Tôn đã nói: "Do các vọng tưởng kia vọng tưởng các pháp kia, chẳng phải các pháp có tự tánh, chỉ là tự tánh vọng tưởng thôi". Thế Tôn !

(1) *Bản Hán Ngữ sang quyển 6.*

Nếu chỉ là tự tánh vọng tưởng, chẳng phải tánh tự tánh đối đãi, Thế Tôn nói như thế đâu không mắc cái lỗi phiền não thanh tịnh đều không có chăng ? Vì tất cả pháp do tự tánh vọng tưởng thấy đều không có ?

Tất cả các pháp do tự tâm hiện ra nên chẳng phải có chẳng phải không. Bởi mê tự tâm vọng khởi chấp trước có tự tánh các pháp. Như Lai Thế Tôn thường nói : "Các pháp không tự tánh chỉ có tánh vọng tưởng". Cho nên Đại Huệ nạn rằng : "Nếu chỉ có tánh vọng tưởng mà không có tự tánh các pháp thì, các pháp nhiễm tịnh đều không hoàn toàn hoại". Đây là nghi các pháp đoạn diệt. Chẳng biết các pháp do tự tâm hiện ra không có tự tánh. Kẻ ngu không biết vọng tưởng thấy có. Vì khiến họ lìa vọng chấp nên nói thánh trí tự tánh không sự. Không, chẳng rơi vào có, mà có thánh trí sở tri, lại chẳng phải pháp hoại. Văn sau lập đi lập lại cho sáng tỏ, thấy chỉ ra ý này.

G²) CHỈ KHÔNG TÁNH CÁC PHÁP, CHẲNG PHẢI KHÔNG TRI KIẾN THÁNH TRÍ.

Phật bảo Đại Huệ ! Như thế, như thế, như ông đã nói. Đại Huệ ! Chẳng phải như kẻ ngu tánh tự tánh vọng tưởng chơn thật, tự tánh vọng tưởng này chẳng có tướng tánh, tự tánh. Song, Đại Huệ ! Như thánh trí có tánh

tự tánh, thánh trí thánh kiến thánh huệ nhân. Như thế, tánh tự tánh biết.

Chấp nhận lời thuật lại của Đại Huệ, chỉ có tánh vọng tưởng không tánh các pháp, mà chẳng phải đoạn diệt. Nghĩa là tất cả các pháp không có tánh nhất định là phiền não, thanh tịnh. Cho nên nói "như thánh trí có tánh tự tánh, thánh trí thánh kiến thánh huệ nhân, như thế tánh tự tánh biết. Sở dĩ thánh trí có tánh tự tánh, là vì thánh trí thánh kiến thánh huệ nhân, nhất như thật tướng các pháp, trong ngoài tương ưng không có cảnh giới riêng. Chẳng như kẻ ngu vọng sanh phân biệt, vọng có chỗ chấp.

G³) NAN CÁC PHÁP CHẮNG THÔNG, THÁNH TRÍ RƠI VÀO CÓ, CHIA LÀM HAI :

H¹ - NGHI CHỖ BIẾT CỦA THÁNH TRÍ ĐỒNG VỌNG TƯỚNG HIỆN.

Đại Huệ bạch Phật : Nếu như thánh dùng thánh trí thánh kiến thánh huệ nhân, chẳng phải thiên nhãn, chẳng phải nhục nhãn, tánh tự tánh như thế biết, chẳng phải như vọng tưởng của ngu phu. Thế Tôn ! Làm sao ngu phu lìa vọng tưởng ấy, vì chẳng giác việc thánh tánh ? Thế Tôn ! Họ cũng chẳng phải điên đảo, chẳng phải không điên đảo.

Vì có sao ? Vì họ chẳng giác thánh sự tánh tự tánh, vì chẳng thấy là tướng có không.

Chỗ biết của thánh trí chẳng phải như vọng tưởng. Nghĩa là chỗ biết của thánh trí chẳng như cảnh giới vọng tưởng. Đây nêu ra ngu phu chẳng là vọng tưởng, chẳng giác thánh tánh. Tuy cảnh giới chẳng đồng, mà đồng một năng kiến, đồng một sở kiến, là năng sở của vọng tưởng muốn là tức căn trần của thánh trí rành rõ. Đây là lý do của Đại Huệ nạn vậy. Ý nói phàm phu ngu si hiện có vọng tưởng phân biệt làm sao được là. Hiện có cảnh giới thánh trí mà không biết như thật thì không thể nói giác. Song chỗ biết của thánh trí tướng tánh tự tánh đồng với vọng tưởng hiện. Nên nói, thế gian nói trâu, thánh nhơn cũng nói là trâu, thế gian nói ngựa, thánh nhơn cũng nói là ngựa, chỗ chấp tướng chẳng đồng mà đồng một phổ thông. Cho nên nói "họ chẳng phải điên đảo, chẳng phải không điên đảo". Chẳng thấy là tướng có không, đây tức là chẳng giác thánh sự. Nên nói "chẳng phải không điên đảo". Tướng tánh tự tánh này, một bên thấy là có không, một bên chẳng thấy là có không, trọn không có hai pháp, mà cảnh giới mỗi bên có khác. Do đây mà khởi nạn, cũng do đây mà rõ tông chỉ. Phật cùng Bồ tát cơ cảm hợp nhau thật không có ý chỉ riêng.

Thế Tôn ! Thánh cũng chẳng như thế thấy như việc vọng tưởng, vì chẳng lấy cảnh giới tự tướng làm cảnh giới. Thế Tôn ! Kia cũng tướng tánh tự tánh vọng tưởng tự tánh như thế hiện, vì chẳng nói nhơn không nhơn, vì rơi vào cái thấy tánh tướng. Cảnh giới khác chẳng phải như kia v.v... như thế mắc cái lỗi vô cùng. Thế Tôn ! Vì chẳng giác tướng tánh tự tánh. Thế Tôn ! Cũng chẳng phải tự tánh vọng tưởng nhơn tướng tánh tự tánh. Kia tại sao vọng tưởng chẳng phải vọng tưởng, như thật biết vọng tưởng ?

Lại nói thánh trí tuy chẳng cùng vọng tưởng đồng thấy, mà các pháp chưa từng chẳng cùng vọng tưởng đồng hiện. Chẳng cùng vọng tưởng đồng thấy thì cảnh giới ấy chẳng là các pháp mà khác. Mà cùng vọng tưởng đồng hiện thì các pháp chẳng nhơn thánh trí mà không. Đồng một các pháp mà tại vọng tưởng chỉ muốn nói không, tại thánh trí chẳng hiểm rơi vào có. Đây là chỗ nạn của văn sau. Câu "thánh cũng chẳng như thế thấy như việc vọng tưởng...", nghĩa là thánh trí giác tự tâm hiện, nên chẳng lấy tướng tự tâm hiện mà cho là cảnh giới thật. Song chẳng phải không tướng tánh tự tánh hiện ra đồng với tự tánh vọng tưởng hiện. Chỉ thánh trí chẳng nói nhơn cùng không nhơn, rơi vào cái thấy tánh

tướng. Chẳng phải như cảnh giới riêng khác của ngu phu, tự sanh cái lỗi vô cùng. Bởi ngu phu chẳng giác tướng tánh tự tánh do tự tâm hiện ra. Nên biết tướng tánh tự tánh này, chỗ biết của thánh trí đồng với vọng tưởng hiện, mà không nên bảo như vọng tưởng mà có. Cho nên nói "cũng chẳng phải vọng tưởng như tướng tánh tự tánh". Tướng tánh tự tánh đã chẳng như vọng tưởng mà có thì, chỗ chấp của vọng tưởng tức chẳng phải vọng tưởng chấp, cũng như vọng tưởng chấp. Tóm lại, đồng một các pháp mà chỗ biết của thánh trí là chỗ chấp của vọng tưởng. Đợi đến văn sau ngăn vọng nói không, mà chỗ hành của thánh trí lại rơi vào thấy có.

H² - NGHI THÁNH TRÍ RƠI VÀO CÓ.

Thế Tôn ! Vọng tưởng khác, tướng tự tánh khác. Thế Tôn ! Chẳng tương tự, như vọng tưởng tướng tự tánh, kia tại sao mỗi mỗi chẳng vọng tưởng, mà ngu phu chẳng như thật biết. Song Phật vì chúng sanh lìa vọng tưởng nói như tướng vọng tưởng chẳng như thật có. Thế Tôn ! Có sao ngăn chúng sanh thấy có không tự tánh chấp trước, mà cảnh giới sở hành của thánh trí lại rơi vào thấy có ? Nói không pháp chẳng có, mà nói thánh trí tự tánh ?

Đoạn này tiếp ở trước "tướng tánh tự tánh thấy khác mà đồng hiện". Bởi vì Như Lai ngăn vọng tướng mà nói chẳng phải thật, hiển bày thánh trí mà nói sở hành, vẫn là rơi vào không và có. Tướng tự tánh chẳng như vọng tướng mà có, cho nên nói "khác vọng tướng, khác tướng tự tánh, khác thì chẳng tương tự, đã chẳng tương tự mà vẫn như vọng tướng thấy tướng tự tánh". Đây là ngu phu chẳng như thật biết mỗi tướng tự tánh, mỗi mỗi không cảnh giới vọng tướng. Song đã vì chúng sanh lìa vọng tướng chấp có, mà lại nói cảnh giới sở hành của thánh trí. Năng sở của vọng tướng ấy muốn không thì cảnh giới sở hành của tự tánh thánh trí rõ ràng không lỗi. Không biết rằng tất cả các pháp thánh phàm đồng hiện, mà người giác tự tâm thì chẳng rơi vào có không. Cho nên nói : "Các pháp không tánh, chẳng giác tự tâm, vọng chấp là có, hoặc lầm là không, thấy trái pháp thể. Như Lai thương xót kẻ này vì nói không pháp". Nghĩa là không pháp tánh chỉ có vọng tướng. Nếu biết pháp thể vốn rỗng, vọng chấp chẳng thật thì chính nơi cảnh giới vọng tướng là sở hành của thánh trí, chuyển biến trong sát na không hai không khác, ắt chẳng nói nơi đây thì ngăn, nơi kia lại rơi. Chơn vọng thể khác, có không đối đãi, không phải người trụ tự giác quán sát hiển bày ra.

G⁴) CHỈ THÁNH TRÍ KHÔNG SỰ LÀ CÓ KHÔNG.

Phật bảo Đại Huệ : Chẳng phải ta nói không pháp phi tánh, cũng chẳng rơi vào thấy có, nói việc thánh trí tự tánh. Song vì khiến chúng sanh lìa câu khủng bố. Chúng sanh từ vô thủy đến nay chấp trước tướng tánh tự tánh, thánh trí sự, tự tánh chấp trước tướng kiến nói không pháp. Đại Huệ ! Ta không nói tướng tánh tự tánh. Đại Huệ ! Chỉ ta trụ tự được như thật không pháp, lìa hoặc loạn tướng kiến, lìa thấy tự tâm hiện ra có chẳng có, được ba môn giải thoát, như thật ẩn mà ẩn, đối tánh tự tánh được duyên tự giác quán sát trụ, lìa thấy tướng có không.

Nhu Lai nói không, nói thánh trí tự tánh xưa nay tịch tịnh. Bởi vì chúng sanh từ vô thủy tập khí chấp trước tất cả tánh tướng trong ngoài, muốn khiến xa lìa. Lại sợ họ tự sanh khủng bố nên nói việc thánh trí tự tánh không pháp. Là nói "trụ tự được như thật không pháp". Như thật không pháp này, lìa tự tâm hiện chẳng phải rơi vào không, được giải thoát ẩn mà chẳng phải rơi vào có. Ba giải thoát là, không, vô tướng, vô nguyện. Được giải thoát này mới biết tự tánh không sự như thật pháp ẩn, sẵn có sẵn lặng, thật

là duy thức tánh. Tự giác quán sát xa lìa có không tất cả tướng kiến hoặc loạn.

*G⁶) CHỈ THÁNH TRÍ KHÔNG SỰ CHẴNG LẬP TÔNG THỦ
CÓ 3 :*

H¹ - CHỈ CHẴNG NÊN LẬP TÔNG BẤT SANH.

Lại nữa, Đại Huệ ! Tất cả pháp chẳng sanh, Đại Bồ Tát chẳng nên lập tông ấy. Vì tông tất cả tánh phi tánh và vì nhơn sanh tướng kia nên nói tất cả pháp chẳng sanh làm tông, tông kia ắt hoại. Tông kia tất cả pháp chẳng sanh, tông kia ắt hoại ấy, bởi vì tông có đối đãi mà sanh. Lại vì tông kia chẳng sanh vào tất cả pháp, vì tướng chẳng hoại chẳng sanh. Lập tất cả pháp chẳng sanh làm tông, thì thuyết kia ắt hoại. Đại Huệ ! Có không chẳng sanh làm tông, tông kia vào tất cả tánh tướng có không chẳng thể được. Đại Huệ ! Nếu khiến tông kia chẳng sanh, tất cả tánh chẳng sanh mà lập tông. Như thế tông kia hoại, vì có, không tánh tướng chẳng sanh, chẳng nên lập tông. Vì năm phần luận nhiều lỗi, vì lần lượt nhơn tướng khác và vì tạo tác, chẳng nên lập tông phần. Bảo tất cả pháp chẳng sanh, như thế tất cả pháp không, như thế tất cả pháp không tự tánh, chẳng nên lập tông.

Tất cả pháp chẳng sanh ba đời Như Lai đồng nói, chính vì kẻ bất giác, chẳng vì người giác. Người giác tự tâm hiện chóng dứt các vọng, nội thân tự chứng trọn không thể chỉ bày. Trừ vì chúng sanh khiến lìa các chấp trước nên nói tánh không sanh ; vì lìa các khủng bố nói có thánh trí tự tánh không sự. Song chẳng nên lập đó làm tông. Tông tất cả tánh phi tánh ấy, nguyên tất cả tánh vốn vô sanh tánh. Lập tông chẳng sanh, nhơn ấy vọng thấy tướng sanh. Cho nên nói "và vì nhơn kia sanh tướng". Đã nhơn vọng thấy tướng sanh, mà nói chẳng sanh, lại lập đó làm tông thì, tông ấy ắt hoại. Bởi vì chẳng sanh là đối với sanh, vì có đối đãi. Lại tông này vào tất cả pháp, tất cả pháp đã chẳng sanh cũng nên không tướng chẳng sanh, mà vẫn còn có pháp tướng chẳng sanh thì pháp chẳng phải không sanh, là lý do thuyết này bị hoại. Câu "tướng chẳng hoại chẳng sanh", bản Đường dịch "tướng chẳng sanh cũng chẳng sanh. Tức chính chỉ thánh tánh không sự, vì khiến lìa chấp trước và khủng bố, chẳng nên lập đó làm tông". Nhơn vọng chấp có nên nói chẳng sanh. Không nhơn có mà lập có, không thành hai tướng, đối tất cả pháp thì tánh không thể được. Nếu lập đó làm tông thì trái với pháp thể. Như năm phần luận tông, nhơn lần lượt, có ra tướng khác đều thuộc tạo tác chỉ

thành nhiều lỗi. Mới biết tất cả pháp chẳng sanh ấy, là vì lia chấp trước. Như thế tất cả pháp không, tất cả pháp không có thể tánh, xét đến tự tướng như thật trọn không thuyết ấy, nên chẳng ung lập tông. Xét trong ba lượng (hiện lượng, tỷ lượng, thánh giáo lượng) thì tỷ lượng có ba chi : 1) Tông, 2) Nhơn, 3) Dự, gồm hiệp và kết làm năm phần. Tông có chín lỗi : nhơn có 14 lỗi, đồng dự có 5 lỗi, dị dự có 5 lỗi, chung lại là 33 lỗi. Đây là ngoại đạo lập ra. Nếu do pháp của ta thì tông cũng có một lỗi, nghĩa là chẳng được pháp thể. Nhơn, dự là thành lập tông, mà tông đã lỗi thì nhơn, dự lần lượt tướng khác càng nhiều. Sao nói không được pháp thể ? Như lập lượng rằng : tất cả pháp chẳng sanh làm TÔNG, NHON nói vì không tự tánh, DỰ nói như cây chuối. Gạn lỗi rằng : những pháp gì chẳng sanh ? Đáp : pháp tâm hiện ra, pháp đều tâm hiện không có tánh sanh. Gạn lại : tâm không tánh sanh thì có chẳng sanh chăng ? Đáp : Nghĩa là tánh không sanh nên nói chẳng sanh, đâu được lại có. Kết lỗi rằng : Nếu chẳng lại có mà lập tông chẳng sanh thì chẳng được pháp thể. Song pháp của ta phương tiện vì đoạn chấp kia, chẳng phải có thật pháp. Chấp kia đoạn rồi tự nhiên rõ tướng tâm ban đầu, trở lại nơi bản đắc, như thật tự chứng đại dụng hiện tiền, tình lượng chóng dứt, sanh

cùng vô sanh, đều là lời nói thừa. Cho nên chẳng ung lập tông. Như Lai chỉ thẳng nguồn tâm chẳng do nơi khác mà ngộ.

H² - CHỈ THÁNH TRÍ XEM THẤY NHƯ HUYỄN KHÔNG LỖI.

Đại Huệ ! Song Đại Bồ Tát nói tất cả pháp như huyễn mộng, vì tướng hiện và chẳng hiện và vì lỗi ở thấy giác tướng. Phải nói tất cả pháp như tánh huyễn mộng. Trừ vì ngu phu là khủng bố. Đại Huệ ! Ngu phu rơi vào cái thấy có không, chớ khiến họ kinh sợ xa là đại thừa.

Huyễn mộng chẳng phải thật, không thể nói có. Huyền mộng rõ ràng, không thể nói không. Có không đều chẳng phải, có hiện chẳng hiện thấy do giác tướng. Vì thế nói như huyễn mộng đối các pháp thể vẫn không lầm trái, cũng hay cảnh giác người trí chính nơi ấy biết chỗ trở về được gốc vô sự, cho nên "phải nói". Trừ vì ngu phu là khủng bố là, bởi ngu phu rơi vào cái thấy có không, mỗi bên có chỗ y cứ, nghe nói mộng huyễn mờ mịt không chỗ vin bèn sanh kinh sợ, xa là Đại thừa. Cho nên phàm nói thánh tánh sự, hoặc bát niết bàn đều thuộc về phương tiện. Nếu được đường ngôn ngữ dứt chỗ tâm hành diệt thì thân nhiên tự giác. Mới biết Như Lai đêm ấy thành Phật đêm ấy nhập niết bàn, ở trong

khoảng giữa đó không nói một chữ. Thấm hợp tương ưng khó vì hiển bày. Dù muốn chỉ điểm trước mắt, không phải huyền thì không lấy gì làm thí dụ.

H³ - TỔNG KẾT CHẲNG SANH NHƯ HUYỄN.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng :

**Không tự tánh không nói Không sự không tương tục
Ngu phu kia vọng tưởng Như tử thi ác giấc.**

**Tất cả pháp chẳng sanh Chẳng phải tông ngoại đạo
Đến tột không chỗ sanh Tánh duyên được thành
tự**

**Tất cả pháp chẳng sanh Người huệ không khởi
tưởng**

Vì tông kia nhơn sanh Người giác thấy trừ diệt.

Như Lai tàng vốn không tự tánh, cũng không nói bày. Tất cả tám thức như hoa dấm trong hư không, đều không có sự thật. Sở dĩ Phật dạy chỉ vì chỉ bày cho kẻ mê. Kẻ ngu không trí chẳng đạt phương tiện, đây là vọng tưởng ác kiến. Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp đến tột không có chỗ sanh, do nhơn duyên hòa hợp như huyền như mộng, người trí ở trong đó không nên khởi tưởng. Bởi vì ngoại đạo nhơn sanh mà nói chẳng sanh, chấp là thật pháp. Cho nên tất cả pháp chẳng

sanh ở đây, không đồng với ngoại đạo nói. Giác thì phương tiện thấy trừ. Chữ "sự" tức là tướng. Chữ "tương tục" tức là lưu chú. Tướng cùng lưu chú thấy đều chỉ cho tám thức sanh diệt, như huyền không thể được.

Ví như bệnh mắt xem	Vọng thấy tướng tóc râu.
Chấp trước tánh cứng vậy	Ngu phu tà vọng tưởng
Lập bày ra ba cội	Không có sự tự tánh
Lập bày sự tự tánh	Suy nghĩ khởi vọng
	tướng.
Tướng sự lập ngôn giáo	Ý loạn rất lăng xăng
Phật tử khéo ra khỏi	Xa lìa các vọng tưởng.

Bệnh mắt tóc râu dụ cho ngu phu vọng thấy. Do vọng thấy này nên khởi các giác tướng, lập bày ba cội. Lại do ba cội giả lập danh tướng rồi chấp là thật tánh. Lại khởi vọng chấp dụng lập ngôn giáo, lần lượt hơn nhau nên ý loạn lời rối. Kinh Lăng Nghiêm nói : "Tri kiến mỗi cái muốn lưu ở thế gian thì nghiệp vẩn mỗi thứ thường đời nơi quốc độ". Vọng tưởng thế gian niệm niệm sanh diệt. Nếu hay giác được chỗ này thì trong khoảng sát na đương thể là lặng lẽ, thật không thể nghĩ bàn.

Chẳng phải nước tướng	Đây tu khát ái sanh
	nước
Ngu phu lầm như thế	Thánh thấy ắt chẳng vậy.

G⁶)CHỈ THÁNH TRÍ XA LÀ SỞ TRÍ.

**Khi ấy, Bồ tát Đại Huệ lại bạch Phật :
Thế Tôn ! Như Thế Tôn nói như việc phan
duyên, trí huệ chẳng được. Lượng bày vẽ ấy
dụng lập bày vẽ, cái sở nhiếp thọ phi tánh,
năng nhiếp thọ cũng phi tánh. Bởi không
nhiếp thọ nên trí ấy chẳng sanh, chỉ là bày
vẽ tên mà thôi.**

Cảnh giới có không của tất cả pháp đều là giả
lập bày, chẳng phải sở hành của trí huệ. Giác tự
tâm hiện lượng mới biết tất cả dụng lập, vọng
chấp năng sở thấy đều không có tự tánh. Nhiếp
thọ đã dứt, đây là đại trí hiện tiền. Tất cả cảnh
giới như nước sôi tiêu băng, lại không có băng
biết băng tiêu. Thế là, ở thế gian tùy theo thông
lệ thế gian mà không diên đảo. Đại Huệ nêu ra ý
này, trước thuật lại lời Phật sau mới khởi nạn.
Như việc phan duyên tức là các pháp thế gian có
không. Sở nhiếp thọ là cảnh sở thủ. Năng nhiếp
thọ là tâm năng thủ. Thấy năng thủ sở thủ thấy
đều không tự tánh, trí ấy chẳng sanh là, trí
chẳng đối với chỗ này mà khởi phân biệt.

**Thế Tôn ! Thế nào ? Vì tánh bất giác nên
tự tướng cộng tướng, khác chẳng khác, mà
trí chẳng được ư ? Vì tự tướng cộng tướng
các thứ tướng tánh tự tánh ẩn khuất, mà trí**

chẳng được ư ? Vì núi đá tường vách, nước lửa gió ngàn che, mà trí chẳng được ư ? Vì rất xa hay rất gần, mà trí chẳng được ư ? Vì già trẻ mù lòa các căn chẳng đủ, mà trí chẳng được ư ? Thế Tôn ! Nếu bất giác tự tướng cộng tướng khác chẳng khác, mà trí chẳng được thì, không nên nói trí, ung nói không trí, vì việc biết chẳng được. Nếu lại các thú tự cộng tướng, tướng tánh tự tánh ẩn khuất, mà trí chẳng được thì, kia cũng không trí, chẳng phải là trí. Thế Tôn ! Vì có sở tri nên trí sanh, chẳng phải không tánh hiểu sở tri mà gọi là trí. Nếu núi đá tường vách đất nước lửa gió rất xa hay rất gần, già trẻ mù lòa các căn chẳng đủ, mà trí chẳng sanh thì, đây cũng chẳng phải trí, ung là vô trí, vì có việc không thể biết được.

Trí huệ chẳng được có ba thứ nạn. Một bất giác liễu vì trí chẳng đủ. Hai các pháp lẫn nhau ẩn khuất, vì cảnh sở tri khó biết. Ba núi đá tường vách già trẻ mù lòa, vì có chỗ chuống mà không biết. Ba thứ chẳng biết này đều chẳng phải trí, để nêu ra vãn sau biết mà tướng chẳng được, chẳng phải chẳng biết mà tướng chẳng được.

Phật bảo Đại Huệ ! Chẳng như thế mà không trí, nên là trí chẳng phải chẳng trí, ta

chẳng nói ẩn lấp như thế. Việc phan duyên trí huệ chẳng được, ấy là lượng bày vẽ dựng lập. Giác tự tâm hiện lượng ngoài có không tánh phi tánh, biết mà sự chẳng được. Vì chẳng được nên trí huệ đối với sở tri chẳng sanh. Thuận ba môn giải thoát, trí cũng chẳng được. Chẳng phải vọng tưởng từ vô thủy tánh phi tánh hư ngụy tập khí, khởi biết như thế, là biết chẳng biết kia.

Ba nạn trước là không trí mà sự chẳng được. Như Lai nói ra ung là trí chẳng phải vô trí. Nếu không trí mà chẳng được là nói ẩn lấp vậy. Cho nên lại nói : Việc phan duyên trí huệ chẳng được, chỉ bày vẽ dựng lập, đây chính là giác tự tâm hiện lượng. Giác tự tâm lượng thì giác cái bị hiện tất cả pháp có không đều không có tự tánh, đối với việc phan duyên hiểu thấu nguồn đáy, phân biệt chóng dứt. Tùy thuận ba môn giải thoát mà cũng không thánh trí có thể được, là an trụ tâm hải sẵn có tịch chiếu. Chẳng đồng với ngoại đạo vọng giác theo cảnh giới sở tri của tập khí từ vô thủy. Cái sở tri của ngoại đạo này, chính bảo là thật vô trí vậy.

Cho nên đối việc bên ngoài chỗ nơi tướng tánh vô tánh vọng tưởng chẳng dứt. Tự tâm hiện lượng dựng lập, nói tướng ngã ngã sở

rồi nhiếp thọ chấp trước. Chẳng giác tự tâm hiện lượng, đối với trí sở tri mà khởi vọng tưởng. Vì vọng tưởng bên ngoài là tánh phi tánh, quán sát chẳng được, y nơi đoạn kiến.

Đây chính chỉ kia chẳng biết vậy. Kia đối tất cả chỗ nơi các pháp có không, hiện tại vọng tưởng chẳng dứt. Thấy từ tự tâm hiện lượng dụng lập năng sở, rồi nhiếp thọ chấp trước. Xét tốt cái ban đầu chỉ là bất giác, nên đối với trí vô phân biệt mà tự sanh phân biệt, y nơi cảnh sở tri khởi các vọng tưởng. Vọng chấp có không, rồi quán sát có không sanh diệt không có nguyên nhơn, lại thành đoạn diệt. Nếu hay biết được chỗ này thì trí huệ hiện tiền, các việc phan duyên một lúc chóng dứt. Nên nói "Biết mà sự chẳng được, trí đối sở tri chẳng sanh".

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng :

Có các việc phan duyên	Trí huệ chẳng quán sát
Đây vô trí phi trí	Ấy vọng tưởng mà nói
Đối tánh tướng chẳng	Trí huệ chẳng quán sát
khác	
Chướng ngại và xa gần	Ấy gọi là tà trí
Già trẻ các căn lòa	Mà trí huệ chẳng sanh
Lại thật có sở tri	Ấy cũng nói tà trí.

Kệ nói ba thứ trí trước mà có chỗ không được, đều không phải trí. Biết cái chẳng phải trí kia thì trí đối với nhiếp thọ chẳng sanh chấp trước, chỉ là bày vẽ, chỗ đi của tâm lượng, chẳng phải cảnh giới có thể bàn.

**E⁵ - NHƠN CHẲNG RÕ TỰ TÔNG VỌNG
CHẤP PHƯƠNG TIỆN, LẠI CHỈ TÔNG
THUYẾT ĐỂ PHÁ THỂ LUẬN, PHÂN LÀM
BA :**

*G¹) TRÁCH NGU CHẤP THUYẾT PHƯƠNG TIỆN KHỎI
ĐẠI HUỆ THUA THỈNH.*

Lại nữa, Đại Huệ ! Phàm phu ngu si từ vô thủy bị vọng tưởng ác tà hu ngụy xoay chuyển. Khi bị xoay chuyển thì tự tông thông và thuyết thông chẳng khéo rõ biết. Vì chấp tánh tướng bên ngoài do tự tâm hiện, nên chấp thuyết phương tiện, đối tượng chung thanh tịnh bốn câu của tự tông chẳng khéo phân biệt. Đại Huệ bạch Phật : Thật như Thế Tôn dạy, xin Thế Tôn vì con phân biệt thuyết thông và tông thông. Con và các Đại Bồ Tát rành rõ hai cái thông và phàm phu Thanh văn Duyên giác đời sau không mắc cái dở.

Đây vì kẻ ngu chẳng khéo rõ biết tướng chung thanh tịnh bốn câu của tự tông, nên có lời hỏi

này. Chẳng rõ biết bốn câu thanh tịnh của tự tông nên đối với lời nói phương tiện trong thánh giáo vọng sanh phân biệt. Bị tập khí ác giác lưu chuyển, đó là lý do hiển bày tông thông thuyết thông. Bốn câu là, có không bốn câu. Là bốn câu được pháp thể thanh tịnh. ấy là tướng chung thanh tịnh.

*G²) CHỈ TÔNG THUYẾT KHÔNG RƠI VÀO KIẾN TƯỚNG
CỦA PHẠM PHU.*

Phật bảo Đại Huệ : Lành thay, lành thay, lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Ba đời Như Lai có hai thứ pháp thông. Nghĩa là thuyết thông và tự tông thông. Thuyết thông là, tùy chỗ thích hợp với tâm chúng sanh, vì nói các thứ các loại kế kinh, ấy gọi là thuyết thông. Tự tông thông là, người tu hành lìa tự tâm hiện các thứ vọng tướng. Nghĩa là chẳng rơi vào loại một, khác, đồng, chẳng đồng, vượt khỏi tất cả tâm, ý, ý thức, tự giác cảnh giới thánh, lìa nhơn thành kiến, tướng. Tất cả ngoại đạo Thanh văn, Duyên giác rơi vào hai bên đều không thể biết. Ta nói đó là pháp tự tông thông. Đại Huệ ! Ấy gọi là tướng tự tông thông và thuyết thông, ông cùng các Đại Bồ Tát khác nên phải tu học.

Khế kinh tức là 9 bộ đã nói. Nghĩa là khế lý khế sự đều y tâm chúng sanh mà vì dẫn đường, không có pháp thật. Đây là thuyết thông phương tiện, thật chẳng bỏ quyền, cần phải ly ngôn được ý chỉ. Lại như người tu hành nói đạt tông thông. Là tự tâm hiện các thứ vọng tưởng... là, tự tâm hiện ra tất cả có không vọng chấp bốn câu, đều do mê Như Lai tạng, theo cảnh vọng hiện của tâm, ý, ý thức, tùy vọng hiện lại khởi phân biệt. Một phen giác tự tâm thì vọng tưởng chẳng sanh, phân biệt hằng dứt. Cảnh giới sở hành của tự giác thánh tri này, là như duyên tương ưng với tất cả kiến tướng, ấy gọi là tướng tự tông thông. Chẳng rơi vào tất cả ngôn thuyết phương tiện, nên chẳng phải chỗ hay biết của ngoại đạo Nhị thừa.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Ta nói hai thứ thông	Tông thông và ngôn
	thuyết
Thuyết là dạy đồng môn	Tông vì người tu hành.

Đồng một thánh giáo mà kẻ đồng môn được thuyết, người tu hành được tông. Chẳng phải Như Lai thật có hai thứ phân biệt. Nên nói "Chỉ ký luận ta thường thường nói", cũng tùy chỗ thấy vậy.

G³) BAC THẾ LUẬN ĐỂ HIỂN TỰ TỔNG CÓ 6 :

H¹ : CHỈ THỂ LUẬN THĂNG VÀO TỰ THÔNG. HAY CHIÊU
CẢM KHỔ, PHÁ HOẠI KIẾT TẬP.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Như Thế Tôn một hôm nói rằng các luận thế gian mọi thứ biện thuyết, dè dặt chớ gần gũi. Nếu gần gũi thì chấp nhận tham dục, chẳng chấp nhận pháp. Thế Tôn có sao nói lời như thế ? Phật bảo Đại Huệ : Ngôn luận thế gian các thứ cú vị, nhơn duyên thí dụ, gom nhóm trang nghiêm, dụ dẫn đối gạt kẻ phàm phu ngu si, không vào được chơn thật tự thông, chẳng giác tất cả pháp, vọng tưởng điên đảo rơi vào hai bên. Kẻ phàm ngu lắm mà tự phá hoại, tiếp nối sanh trong các cõi không được giải thoát, không thể giác biết tự tâm hiện lượng, chẳng lìa tánh tự tánh vọng tưởng chấp trước bên ngoài. Thế nên, ngôn luận thế gian các thứ biện thuyết chẳng thoát khỏi sanh già bệnh chết lo buồn khổ não đối gạt mê loạn.

Đây nhơn thuyết thông lấy làm luận nghị trong ngoài khéo léo để giúp cho nhạo biện ; bèn nhớ Thế Tôn thường dạy nên có nghị trước sau trái nhau. Các luận thế gian là chỉ cho kinh sách

ngoại đạo, mỗi quyển y theo tà kiến chấp làm định luận. Hoặc thông một cạnh thấu một gốc, trang nghiêm danh lý như nói "trời đất một ngón tay, muôn vật một con ngựa", dẫn bày nghĩa vì đối lăm tâm thức, mà nơi câu chơn thật tự thông thì thật là trái xa. Phàm giác tâm nội chứng xa lìa sở tri, thức tánh ra thấy dễ thành cảnh giới, tất cả lý giải, điều đạo huyền vi là chỗ đi của giác tưởng, đối thành bí mật. Thứ chấp sâu này so với chấp dục lạc thô trọng rất khó giải thoát. Hoặc giả có người y thông tự tông, khuôn mẫu thánh giáo. Dùng lời tinh vi của tuyệt học làm thành luận ác giác. Nên nói : "Trong câu không ý, ý tại trong câu", phát xuất từ nhóm này, trộn thành tập ngũ (nói theo). Như "trong câu chủ khách", đầu đồng với nghĩa học biểu và giá. Giá (ngan) tức đồng không, biểu (bày) trộn rơi vào có. Giá biểu chẳng khác toàn thể là vô minh. Giá biểu đồng thời thì danh tướng rồi ren, mũi tên miệng hiện thành, mà nghi siêu cách ngoại. Cái hiểu này thành ngại, hoảng hốt lìa chỗ vi diệu, đối gạt trên danh cú chẳng đạt tự tông. Tuy ở trong chánh pháp mà đồng với thế luận. Đây là sau 50 năm phá hoại kiết tập nên nói "ác giác nhơn kiến". Người giác tự tâm hiện thì cảnh nên quán sát ra ngoài tự tâm đều là điên đảo, tăng trưởng vọng thức tiếp nối nhơn sanh tử, không thể

chẳng dè dặt. Trong Địa Trì bảo tu tập ngũ minh, tất cả nội minh, ngoại minh, thanh minh, y phương minh, công xảo minh. Đây là vì hàng đại Bồ tát đã tu tập lâu xa, tầng thức được minh bạch, vào tất cả thế gian tùy tâm chúng sanh mà vì họ dẫn đường. Chẳng nên mượn đây liền bỏ bê lời răn cấm của Phật, nên phải tự xét mới là biết thời.

Đại Huệ ! Thích Đề Hoàn Nhơn rộng giải các luận, tự tạo thanh luận thế luận kia có một người đệ tử giữ hình tượng rỗng, đến thiên cung Đế Thích dựng lập luận tông, cốt phá bánh xe ngàn căm của Đế Thích. Nếu tôi chẳng bằng xin chặt mỗi đầu để đền chỗ thua. Tạo lời cam kết ấy rồi, liền dùng pháp Đế Thích đê bẹp Đế Thích, Đế Thích thua liền phá bánh xe kia. Rồi ông ta trở về nhơn gian. Như thế, Đại Huệ ! Thế gian ngôn luận nhơn dụ trang nghiêm, cho đến súc sanh cũng hay dùng các thứ cú vị làm hoặc loạn chư thiên kia và A tu la kẹt trong kiến chấp sanh diệt, hướng là loài người. Thế nên, Đại Huệ ! Thế gian ngôn luận nên phải xa lìa, bởi hay chuốc lấy nhơn sanh khổ, dè dặt chớ gần gũi.

Nêu đây để làm gương không nên gặn gù học tập. Nghĩa là thế luận nhọn dũa trang nghiêm tốt các xảo biện, chạm việc vô cùng, khó mà chiết phục. Đây là thức tâm biến huyễn đối gạt cái thấy nghe, chẳng nói chánh lý, có chương ngại cho tự tông, chuốc khổ sanh tử, không gì hại bằng.

Đại Huệ ! Thế luận chỉ nói cảnh giới thân cảm giác mà thôi. Đại Huệ ! Thế luận kia có đến trăm ngàn, chỉ ở thời sau, sau 50 năm sẽ phá hoại kiết tập, ác giác nhọn kiến thành, nên đề tử ác thọ học. Như thế Đại Huệ ! Thế luận phá hoại kiết tập các thứ cú vị nhọn dũa trang nghiêm, nói việc ngoại đạo, đắm nhọn duyên của mình, không có tự thông. Đại Huệ ! Các ngoại đạo kia không tự thông luận, đối các thế luận nói rộng vô lượng trăm ngàn sự môn, không có tự thông, cũng không tự biết thế luận là ngu si.

Cảnh giới thân cảm giác, nghĩa là cảnh giới sở hành của thấy nghe hiểu biết nơi thân năm ấm. Hoặc tức nơi thấy nghe hiểu biết mà khởi luận thuyết. Hoặc do thấy nghe hiểu duyên được cảnh không tịch linh diệu huyễn vi mà làm tông thú. Phá hoại kiết tập là, phá hoại chánh giáo kiết tập của Như Lai. Đây là học chánh pháp mà

roi vào tà kiến vậy. Nếu không phải bọn này quyết định không thể phá hoại chánh giáo. Nhơn duyên của mình là cảnh giới cảm giác nơi thân. Họ có trước tác chẳng ngoài thấy nghe hiểu biết, chẳng lấy làm tự tánh, liền bỏ đó đến chỗ hư huyền, y bên cạnh tự thông, thật đồng với ngoại đạo, truyền bá hiện đời làm lầm lẫn đời sau. Tự đã chìm đắm cũng làm chìm đắm người. Luận thuyết vô cùng mê hoặc càng lắm, thật đáng đau buồn vậy.

H². CHỈ NHƯ LẠI THEO CHỖ TỰ THÔNG NÓI.

Khi ấy, Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn !
Nếu ngoại đạo thế luận các thứ cú vị như
đụ trang nghiêm không có tự thông, từ việc
chấp trước ấy. Thế Tôn cũng nói thế luận, vì
các chúng nơi khác đi đến pháp hội, trời
người A tu la, nói rộng vô lượng các thứ cú
vị, cũng chẳng phải tự thông chẳng ? Cũng
vào số trí huệ ngôn thuyết của ngoại đạo
chẳng ? Phật bảo Đại Huệ : Ta chẳng nói
thế luận, cũng không đến đi, chỉ nói chẳng
đến chẳng đi. Đại Huệ ! Đến là đến chỗ tự
hội sanh, đi là tan hoại. Chẳng đến chẳng đi
là chẳng sanh chẳng diệt. Nghĩa ta nói ra
chẳng rơi trong số vọng tưởng thế luận. Vì
có sao ? Nghĩa là chẳng chấp trước bên

ngoài là có là không, chỗ tự tâm hiện ra, vọng tưởng hai bên trọn không thể chuyển. Tướng cảnh chẳng phải có, giác tự tâm hiện ra. Đã tự tâm hiện thì vọng tưởng chẳng sanh. Vọng tưởng chẳng sanh thì không, vô tướng, vô tác vào ba môn giải thoát, gọi là giải thoát.

Thế Tôn cũng thường vì chúng phương khác đến hội và trời người bát bộ nói rộng bộ Bốn Sự, hoặc bộ Bốn Sanh, bộ Vị Tăng Hữu, đều nói rộng vô lượng nhơn duyên cú vị, cho nên nghi Như Lai cũng nói thế luận. Chẳng biết Như Lai nói ra nhơn duyên đều vì tự thông duyên khởi, hoặc tức thế đế nói đệ nhất nghĩa đế, mà người chẳng biết lầm là thế đế. Thế Tôn nơi đây trọn không nói rõ. Chỉ nói ta chẳng nói thế luận, cũng chẳng nói đã nói việc gì là chẳng phải thế luận. Thế thì biết, Như Lai hiện tiền tất cả ngôn thuyết đều chẳng phải thế luận. Lại nói "cùng không đến đi", bởi chúng ở phương khác đến hội dường như có đến đi. Như Lai thẳng nơi tự thông hiện lượng trong đệ nhất nghĩa thẳng bằng chỉ bày. Cho nên nói "chỉ nói chẳng đến đi", thì biết tất cả chúng sanh chẳng đạt được cảnh giới hiện tiền, đối tự tâm hiện lượng sanh vọng tưởng chấp trước, cho là thật có đến đi. Cho nên lại bảo rằng "đến là đến chỗ tự hội sanh, đi là tan hoại, đây là sanh diệt

chẳng đến chẳng đi ấy là chẳng sanh diệt ; để rõ nghĩa ta đã nói chẳng rơi vào trong số vọng tưởng thế đế". Như Lai tự thông trụ tự tâm hiện lượng thấy tất cả ngoại tánh phi tánh, chẳng phải cảnh giới có không hai bên mà hay xoay chuyển. Ở trong nhơn thiên theo cảnh giới mình nói có ba đời. Người ta bảo Như Lai nói ba đời, mà thật Như Lai không có ba đời. Nói có tam thừa nhơn thiên, người ta bảo Như Lai nói tam thừa nhơn thiên, mà thật Như Lai không có tam thừa nhơn thiên. Theo chỗ diên đảo của thế gian nói có ba đời, nói có tam thừa nhơn thiên, vì muốn chúng sanh đạt tự tông thông, được cảnh giới chính mình của Như Lai, chẳng do ngôn thuyết. Cho nên lại đình ninh bảo rằng "Giác tự tâm hiện thì đối cảnh tự tâm hiện ra vọng tưởng chẳng sanh. Vọng tưởng chẳng sanh là không, vô tướng, vô tác vào ba môn giải thoát, gọi là giải thoát". Ba môn giải thoát này đối với giác tự tâm lượng tam muội sẵn có rất là tương ưng. Ấy là lý do Như Lai ba lần nêu ra chỉ dạy.

H³ - NÊU NHƯ LAI CHỈ LUẬN.

Dại Huệ ! Ta nhớ một hôm dừng nghỉ một nơi, có Bà La Môn thế luận đi đến chỗ ta, chẳng hỏi rảnh rang chẳng ? Liền hỏi ta rằng : "Cù Đàm ! Tất cả tạo ra chẳng ?". Ta

đáp rằng : "Bà La Môn ! Tất cả tạo ra là thế luận thứ nhất". Kia lại hỏi rằng : "Tất cả chẳng phải tạo ra chăng ?". Ta lại đáp : "Tất cả chẳng phải tạo ra là thế luận thứ hai". Kia lại hỏi ta : "Tất cả thường chăng ? Tất cả vô thường chăng ? Tất cả sanh chăng ? Tất cả chẳng sanh chăng ?". Ta đáp rằng : "Ấy là thế luận thứ sáu". Đại Huệ ! Kia lại hỏi ta rằng : "Tất cả là một chăng ? Tất cả là khác chăng ? Tất cả là đồng chăng ? Tất cả là chẳng đồng chăng ? Tất cả như các thứ thọ sanh hiện chăng ?". Ta đáp rằng : "Ấy thế là thứ luận thứ 11". Đại Huệ ! Kia lại hỏi rằng : "Tất cả vô ký chăng ? Tất cả ký chăng ? Có ngã chăng ? Không ngã chăng ? Có đời này chăng ? Không đời này chăng ? Có đời khác chăng ? Không đời khác chăng ? Có giải thoát chăng ? Không giải thoát chăng ? Tất cả là sát na chăng ? Tất cả chẳng phải sát na chăng ? Hư không chăng ? Chẳng phải số diệt chăng ? Niết bàn chăng ? Cù Đàm ! Tạo u ? Chẳng tạo u ? Có trung ấm u ? Không trung ấm u ?". Đại Huệ ! Ta đáp rằng : "Nói như thế ấy thầy đều là thế luận, chẳng phải chỗ ta nói, là thế luận của ông".

Ngoại đạo này từ trong thế luận khởi hỏi, Như Lai từ trong tự thông đệ nhất nghĩa chánh

đáp, chẳng phải loại bỏ ấy vậy. Tạo ra tức là nhơn sanh. Chẳng phải tạo ra tức là vô nhơn sanh. Tất cả thường, vô thường, sanh, chẳng sanh, một, khác, đồng v.v... đều thuộc về thế luận. Trong đệ nhất nghĩa tự thông không có. Như Lai bảo thế luận thứ nhất, thế luận thứ hai, đây cố chỉ thẳng không có che giấu. Ngoại đạo chẳng biết đặt nhiều câu hỏi, có thể nó trước mặt lâm qua vậy. Như Lai trước sau chỉ thẳng, bảo nói như thế ấy đều là thế luận, chẳng phải chỗ nói của ta, là thế luận của ông. Xưa Phạm Chí hỏi Thế Tôn rằng : "Chẳng hỏi có lời chẳng hỏi không lời". Thế Tôn im lặng giây lâu, Phạm Chí nói : "Thế Tôn đại từ vạch mây mờ cho tôi, khiến tôi được vào". Đây là ngựa hay thấy bóng roi vậy. Như Lai chúng ta thường nói : "Chỉ ký luận, ta thường thường nói". Cho nên biết, gặp được căn cơ là khó. Bà la môn phát xuất từ Ngũ thiên trú, tự xưng thủy tổ họ từ miệng Phạm thiên sanh, liền lập họ Phạm nên gọi là Phạm Chí. Dòng họ này kiêu căng nhiều tranh luận, hoặc xuất gia, hoặc tại gia, thành thừa kế nhau, có nhiều kinh luận. Chẳng hỏi rảnh rang chẳng, ấy cũng là manh mối kiêu căng. Theo lễ phép ở Ấn Độ, có thưa hỏi điều gì trước bạch cho phép, là hỏi "rảnh rang chẳng". Sát na là sanh diệt rất vi tế. Hư không, niết bàn, phi trạch diệt, đây là ba

pháp vô vi, trong chánh pháp có. Tạo, chẳng phải tạo là hỏi ba pháp vô vi là tạo tác hay chẳng phải tạo tác.

Ta chỉ nói hu ngụy vọng tưởng tập khí các thứ ác từ vô thủy là nhơn của ba cõi. Không thể giác biết tự tâm hiện lượng mà sanh vọng tưởng, phan duyên pháp bên ngoài, như pháp ngoại đạo. Hỏi ta câu nghĩa các căn ba thứ hòa hợp thức sanh, ta chẳng như thế, Bà La Môn ! Ta chẳng nói nhơn, chẳng nói vô nhơn, chỉ nói vọng tưởng tánh năng nhiếp sở nhiếp lập bày duyên khởi. Chẳng phải ông và các người rơi vào thọ ngã tương tục mà hay hiểu được. Đại Huệ ! Niết bàn, hu không, diệt chẳng phải có ba thứ, chỉ có số ba mà thôi.

Mê Như Lai tạng mà làm vô minh, bất giác vọng động. Đây là hu ngụy tập khí từ vô thủy vậy. Tất cả thế gian căn thân khí giới đều lấy hu ngụy làm nhơn. Nhơn cái hu ngụy này không thể hiểu biết tự tâm hiện ra. Vọng sanh chấp trước chấp nhận pháp bên ngoài, mà ngoại đạo lầm là căn, trần, thức ba thứ hòa hợp sanh khởi. Ngoại đạo không biết hiện tiền căn trần thức, vì mê tự tâm nên nội thức biến đường như có, rồi vọng chấp thật có. Muôn pháp theo đó mà sanh liền

thành Nhơn luận. Quán kỹ sự sanh diệt, hiểu biết Nhơn ấy hết, lại chấp Vô Nhơn. Đây chẳng phải Như Lai nói. Như Lai chỉ nói hư ngụy tập khí vọng chấp năng sở, giả danh lập bày. Cho nên nói "chẳng phải ông và các người rơi vào thọ ngã tương tục mà hay hiểu được". Ngã tương tục chỉ cho Nhị thừa. Nhị thừa chấp pháp ngã chưa hết nên chưa biết tướng ban đầu của vô minh phát nghiệp, càng thấy rõ ba pháp vô vi không có tự tánh. Vả lại chẳng phải cảnh giới của người còn pháp chấp, huống là ngoại đạo.

Lại nữa, Đại Huệ ! Khi ấy Bà La Môn thế luận hỏi ta : Vì nghiệp Nhơn si ái có ba cõi chẳng ? Vì vô Nhơn chẳng ? Ta đáp rằng : Hai cái ấy cũng là thế luận. Kia lại hỏi rằng : Tất cả tánh đều vào tự cộng tướng chẳng ? Ta lại đáp : Đây cũng là thế luận. Bà La Môn ! Cho đến ý chạy vọng chấp ngoại trần đều là thế luận. Lại nữa, Đại Huệ ! Khi ấy Bà La Môn thế luận lại hỏi ta : Vả lại có chẳng phải thế luận chẳng ? Tôi là chủ tất cả ngoại đạo nói các thứ cú vị Nhơn duyên thí dụ trang nghiêm. Ta liền đáp : Bà La Môn ! Có. Mà chẳng phải ông có, chẳng phải làm, chẳng phải tông, chẳng phải thuyết, chẳng phải chẳng nói các thứ cú vị, chẳng phải chẳng Nhơn thí trang nghiêm. Bà la môn hỏi :

Những gì là chẳng phải thế luận ? Chẳng phải chẳng tông ? Chẳng phải chẳng thuyết ? Ta đáp rằng : Bà la môn ! Có phải chẳng phải thế luận, là chỗ ông và các ngoại đạo không thể biết. Bởi vì ngoại tánh chẳng thật vọng tưởng hu ngụy chấp trước. Nghĩa là vọng tưởng chẳng sanh thì giác liễu có không, tự tâm hiện lượng nên vọng tưởng chẳng sanh, chẳng nhận ngoại trần thì vọng tưởng hằng dứt, ấy gọi là chẳng phải thế luận. Đây là pháp của ta, chẳng phải nơi ông có. Bà la môn ! Lược nói thức kia, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc tử, khổ vui chìm hiện xúc trước các thú tướng. Hoặc hòa hợp tương tục, hoặc ái, hoặc nhơn chấp trước. Bà la môn các loại nhu thế là thế luận của các ông, chẳng phải ta có. Đại Huệ ! Bà la môn thế luận hỏi nhu thế, ta đáp nhu thế, kia liền lặng thình chẳng từ mà lui đi. Kia suy xét chỗ tự thông, khởi nghĩ thế này : Sa môn Thích tử ra ngoài thông thường nói vô sanh, vô tướng, vô nhơn, giác tự vọng tưởng hiện tướng thì vọng tưởng chẳng sanh.

Thế Tôn lại đáp thấy không ngoài hai chữ thế luận. Sau lại kèm nói cho đến ý thức vừa động thắm dính ngoại trần đều là thế luận. Tức một câu này có thể gọi vì nhau triệt để vậy. Có chẳng

phải thế luận mà chẳng phải ông biết, đây cũng là ý xa lìa khủng bố. Vừa nói chẳng phải làm chẳng phải thuyết, liền nói chẳng phải nói các thứ cú vị, chẳng phải chẳng như thí trang nghiêm. Đoạt chỗ chấp kia, mà cũng chẳng lìa chỗ chấp, riêng có đường khác. Nên nói chẳng phải tức chẳng phải ly, chỉ phải tự giác. Chẳng giác ngoại tánh chẳng thật đều do hư vọng thì vọng tưởng sanh khởi. Giác các pháp có không thấy từ tự tâm chẳng nhận duyên ngoài thì vọng tưởng hằng dứt. Cũng chỉ đến chỗ bất giác hằng ngày của ngoại đạo, khiến tự giác đó. Trước sau Chỉ ký luận, kia tự không thương tích chỗ làm cho họ có thương tích. Lại chính chỗ chấp vọng thức của ngoại đạo, rốt sau bảo đó rằng : hoặc đến, hoặc đi, hoặc tử, hoặc sanh, khổ vui chìm hiện xúc trước các thứ tướng, hoặc hòa hợp tương tục, hoặc ái, hoặc như chấp trước, các loại như thế đều là thế luận của ông. Thật là toàn mâm đảo ngược, giết tốt sống tội, mà bèn lui đi tự nghĩ rằng : Sa môn Thích tử ra ngoài thông thường, nói vô sanh vô tướng vô như, giác tự vọng tưởng hiện tướng thì vọng tưởng chẳng sanh. Ngoại đạo thuật lời này là chê ngược lại. Hãy bảo y hay nhận hết lời nói Như Lai chăng ? Hay không tội lời nói Như Lai. Nếu cho là chẳng tội thì lời vẫn rõ ràng. Nếu cho là tội thì Như Lai tự thông chỉ

là như thế. Nên nói mật chỉ từ trước đâu những mấy lời mà Bà la môn soi thấu ?

H⁴ - CHỈ THỂ LUẬN CHẤP NHẬN THAM DỤC, CHẴNG NHẬN CHÁNH PHÁP.

Đại Huệ ! Đây tức là chỗ ông hỏi ta "Có sao nói gần gũi thể luận các thứ biện thuyết, chấp nhận tham dục, chẳng chấp nhận pháp". Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Chấp nhận tham dục và pháp có cú nghĩa gì ? Phật bảo Đại Huệ : Lành thay, lành thay, ông mới hay vì chúng sanh đời sau suy nghĩ thua hỏi cú nghĩa như thế, lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Nói là tham đó, hoặc lấy, hoặc bỏ, hoặc xúc, hoặc vị bám chặt ngoại trần rơi vào cái thấy hai bên. Lại sanh khổ ấm sanh già bệnh chết lo buồn khổ não. Các hoạn như thế đều từ ái mà khởi. Đây do gần gũi thể luận và người thể luận. Ta và chư Phật nói tên là tham, ấy gọi là chấp nhận tham dục, chẳng chấp nhận pháp.

Pháp tham dục chỉ là hai tâm lấy bỏ tóm hết cảnh giới thân cảm giác. Tột cảnh giới cảm giác của thân, hoặc pháp tướng hiện tại, hoặc ảnh hiện ý pháp hư duyên tất cả lông rùa sừng thỏ, là

trình là lý, thấy đều gọi là trần cảnh. Theo trần cảnh này hoặc lấy hoặc bỏ thấy rơi vào kiến phần tướng phần có không. Tất cả nhóm khổ thành tựu do tham ái. Ái, hữu làm nhơn, sanh tử làm quả. Đây là lý do không nên gân gù thế luận.

H⁵ - CHỈ CHẤP NHẬN CHÁNH PHÁP, XA LÌA THẾ LUẬN.

Đại Huệ ! Thế nào là chấp nhận pháp ? Nghĩa là khéo hiểu biết tự tâm hiện lượng, thấy tướng nhơn vô ngã và pháp vô ngã, vọng tưởng chẳng sanh. Khéo biết tiến lên địa trên, lìa tâm, ý, ý thức, được tất cả chu Phật dùng trí huệ quán đánh, chấp nhận đầy đủ mười câu vô tận, đối tất cả pháp không khai phát tự tại, ấy gọi là pháp. Nên nói chẳng rơi vào tất cả kiến chấp, tất cả hu ngụy, tất cả vọng tưởng, tất cả tánh, tất cả hai bên. Đại Huệ ! Phần nhiều người si ngoại đạo rơi ở hai bên, hoặc thường hoặc đoạn. Chẳng phải trí huệ thì nhận vô nhơn luận liền khởi thường kiến ngoại nhơn hoại nhơn duyên phi tánh thì khởi đoạn kiến. Đại Huệ ! Ta chẳng thấy sanh trụ diệt nói tên là Pháp. Đại Huệ ! Ấy gọi là tham dục và pháp, ông cùng các Đại Bồ Tát khác nên phải tu học.

Tự tâm hiện lượng không có tự tha, phàm có chỗ thấy đều là hu vọng. Đối chỗ này biết sâu tin

sâu thì nhơn pháp hai ngã liền đó tiêu sạch. Tất cả thời tất cả chỗ chẳng nhận có tánh thì giác tướng hoàn toàn sạch, soi sáng các địa, chẳng nhơn tâm niệm cùng trí huệ chư Phật không có sai biệt, tự hay dùng mười câu vô tận, chẳng cần công dụng tự tại tăng thắng. Lại nói chẳng rơi vào các kiến chấp hư nguy có không tánh tướng ấy, bởi vì ngoại đạo rơi vào đây khởi chấp đoạn thường. Đây khác với tự thông thân giác thâm thiết rõ ràng. Bèn trân trọng nói "ta chẳng thấy sanh trụ diệt nói tên là pháp". Như Lai vì chỉ cho người chỗ rành rõ tự sạch, toàn thể đại dụng, ý chỉ tinh vi vậy. Nhận vô nhơn luận, tức chỉ ngoại đạo chỗ chấp sanh nhơn mà khởi thường kiến. Bảo vô nhơn ấy, nhơn chẳng phải nhơn kia, ấy là vô nhơn. Giác sanh nhơn hết, lại khởi đoạn kiến. Song nhơn cùng vô nhơn thấy thành đoạn diệt.

H⁶ - TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Tất cả thế gian luận	Ngoại đạo hư vọng nói
Vọng thấy tác, sở tác	Kia ắt không tự tông
Chỉ ta một tự tông	Là nơi tác sở tác
Vì các đệ tử nói	Xa lìa các thế luận.
Tâm lượng không thể thấy	Chẳng quán sát hai tâm
Nhiếp sở nhiếp phi tánh	Đoạn thường hai đều lìa

chốt lại chỉ cho người chính nơi sự vật hằng ngày tất cả tướng đi đến rỗng sáng rõ ràng, đến không từ đâu, đi không chỗ đến, như mây nhu điện, như bóng nhu vang. Người chánh giác được tự tâm hiện lượng này thì mình người chẳng cách, xưa nay đồng xem. Chẳng như các thứ kiến giác thế luận là hữu thường vô thường, sở tác vô tác, đời này đời khác vậy.

D³) *Chỉ chánh pháp giải thoát, xa lìa ngu ngoại, có 3 :*

E¹ - LIỆT BÀY VỌNG TƯỚNG VÀ NIẾT BÀN.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Nói là niết bàn đó, nói những pháp gì gọi là niết bàn, mà các ngoại đạo mỗi phái khởi vọng tưởng ? Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Như các ngoại đạo vọng tưởng niết bàn, chẳng phải vọng tưởng kia tùy thuận niết bàn. Đại Huệ bạch Phật : Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Hoặc có ngoại đạo ẩm, giới, nhập diệt, cảnh giới là dục, thấy pháp vô thường, các loại tâm tâm sở chẳng sanh, chẳng nghĩ cảnh giới quá khứ vị lai hiện tại, các thọ ẩm hết, như ngọn đèn tắt, như hạt giống hư, vọng tưởng chấp sanh, nơi những cái này khởi tưởng niết

bàn. Đại Huệ ! Chẳng phải do kiến hoại gọi là niết bàn.

Trước nói về chấp nhận pháp, đây thì y chánh hơn hiện chánh quả. Ban đầu nói "như các ngoại đạo vọng tưởng niết bàn". Lại nói "chẳng phải vọng tưởng kia tùy thuận niết bàn", vọng tưởng, tùy thuận tà chánh rành rõ. Sau bày các thứ chẳng ngoài vọng tưởng. Rốt chỉ ra chánh pháp, chính rõ tùy thuận. Nói là tùy thuận tức là tùy thuận tự tánh. Xưa nay tự tánh thanh tịnh mà do khách nhiễm che ngăn, nên chẳng hiển lộ. Nếu giác tự tâm hiện lượng thì chơn thánh đạo sanh, dứt che được hiển lộ gọi là niết bàn. Nên nói tùy thuận chơn như, do lìa chướng mà lập bày. Cảnh giới ấm, giới, nhập diệt lìa dục đó, nghĩa là kia quán sát pháp ấm giới nhập cứu cánh vô thường, chẳng tham cảnh giới đã chẳng tham cảnh giới thì pháp tâm tâm sở chẳng hiện ở trước, cho nên cũng không có niệm ba đời khứ, lai. Như ngọn đèn tắt, hạt giống hư tức là dụ cho cảnh giới diệt thọ. Loại vọng chấp này chỉ là tưởng hoại, chẳng phải kiến hoại. Kiến hoại là, giác tự tâm hiện lượng rõ biết pháp ấm, giới, nhập do mê tự tâm vọng hiện cảnh giới, vốn không có sanh, cũng không chỗ diệt. Kiến chấp sanh diệt lìa, vọng tưởng chướng dứt, tự tánh niết

bàn, chẳng phải quán pháp vô thường tùy diệt tướng thọ vọng chấp là niết bàn.

Đại Huệ ! Hoặc do từ phương đến phương gọi là giải thoát, cảnh giới tướng diệt vẫn như gió dừng, hoặc do năng giác sở giác thấy hoại gọi là giải thoát, hoặc thấy thường vô thường khởi tướng giải thoát, hoặc thấy các thú tướng tướng chiêu cảm nhơn sanh khổ, suy nghĩ việc ấy rồi, chẳng khéo giác biết tự tâm hiện lượng kinh sợ nơi tướng, mà thấy vô tướng sanh rất yêu thích khởi tướng niết bàn.

"Từ phương đến phương", theo cổ chú dẫn luận rằng "ngoại đạo thứ hai nói rốt ban đầu có phương, từ phương sanh ra thế gian và người, nhơn sanh trời đất thú lớp diệt hết trở về nơi phương, nói là thường trụ là nhơn niết bàn". Song Thắng luận sư lập sáu câu sanh nhơn, trong câu THẬT có chín pháp : đất, nước, lửa, gió, không, thời, phương, ngã, ý. Minh luận sư chấp : đại phạm, thời, phương, bản tế, tự nhiên, hư không, ngã, bảy pháp thường trụ, hay sanh tất cả pháp. Ba thứ nói phương này đều là không thể tướng. Họ thấy các pháp hiện tiền không từ đâu sanh, vọng chấp sanh nhơn là từ nơi hư vô. Như tự nhiên, hư không, bản tế, các thứ lập danh đều

không thật thế. Lại chú nói phương là loại (giống) vậy. Từ phương đến phương không có cõi khác. Như Kinh Lăng Nghiêm nói : "Biết người sanh người, ngộ chìm sanh chìm, cùng tám muôn kiếp không có cải đổi, từ loại đến loại không mất bản tánh". Đây lại là ngoại đạo tự nhiên. Ba lối chấp ở trước là từ phương mà sanh, trở về phương diệt. Lối chấp sau là bản tánh không mất tùy chỗ tự tại. Y vọng chấp này cho là thường trụ. Tất cả cảnh giới trông mong tưởng diệt, như gió chóng dùng chấp là niết bàn. Năng giác sở giác kiến hoại là, chẳng thấy tâm năng giác cùng cảnh sở giác gọi là kiến hoại. Thấy thường vô thường là, chẳng khởi thấy thường vô thường. Xét hai lối chấp này dường như cùng lìa năng nhiếp sở nhiếp và xa hai cái thấy đoạn thường gần nhau. Song chẳng do giác biết tự tâm hiện ra vọng tự đè ép toàn rơi vào năng sở. Dùng kiến dẹp kiến thấy gọi là vọng tưởng. Thấy các thứ tướng tướng chiêu cảm như sanh khổ, sanh tâm kinh sợ, thấy nơi vô tướng, loại này là nhị thừa quán vô thường khổ không vô ngã, giữ chơn như thiên lệch, ưa nơi không tịch. Do chẳng khéo giác tự tâm hiện lượng, nên chẳng biết tất cả tánh tướng do nội thức biến tương tự đều không có sự thật, vọng sanh kinh sợ, bỏ một giữ một chẳng lìa vọng tưởng.

Hoặc có hiểu biết các pháp trong ngoài tự tướng cộng tướng đi đến hiện tại có tánh chẳng hoại, khởi tướng niết bàn. Hoặc bảo ngã hơn chúng sanh thọ mạng tất cả pháp hoại, khởi tướng niết bàn, hoặc ngoại đạo trí huệ ác thiêu đốt thấy tự tánh và sĩ phu hai cái có gián cách, sĩ phu hiện ra gọi là tự tánh, như loại Minh Đế Cầu Na chuyển biến, Cầu Na là tác giả khởi tướng niết bàn. Hoặc bảo phước chẳng phải phước hết, hoặc bảo các phiền não hết, hoặc bảo trí huệ, hoặc thấy tự tại là chơn thật người tạo sanh tử, khởi tướng niết bàn.

Hiểu biết các pháp trong ngoài v.v... có tánh chẳng hoại, tức là nhận ngã trong ngũ ấm gọi là tự tánh, như văn trước thân cảm giác, đây là chấp thường. Ngã hơn chúng sanh thọ giả tất cả pháp hoại, cho là bốn tướng diệt hoại đồng với hư không, đây thành đoạn kiến. Tự tánh tức là Minh đế. Sĩ phu tức là thần ngã. Sĩ phu từ tự tánh mà ra, cho nên nói như loại Minh sơ. Cầu na dịch là y, nghĩa là thần ngã y Minh sơ chuyển biến mà sanh. Y là tác giả khởi tướng niết bàn. Nên nói "Y không sanh có, có trở lại về không", cũng đồng với đoạn kiến. Phước chẳng phải phước hết là, không có tội phước tất cả không ngại có hơn quả. Hoặc bảo các phiền não hết,

hoặc bảo trí huệ, kia dùng phiền não trí huệ làm hai. Hoặc bảo hết phiền não mà y trí huệ. Hoặc bảo phiền não tự nhiên mà hết, chẳng do trí huệ đoạn, đều không phải chánh nhơn. Hoặc thấy tự tại, tức là Đại Phạm Thiên. Thuận thế sư chấp Đại Phạm Thiên hay tạo chúng sanh sanh tử, tức lấy hay tạo tác làm thường trụ.

Hoặc bảo lần lượt sanh nhau, sanh tử lại không có nhơn khác, như thế là chấp trước nhơn, mà kia ngu si không thể hay biết, vì không biết nên khởi tưởng niết bàn. Hoặc có ngoại đạo nói được đạo chơn để khởi tưởng niết bàn. Hoặc thấy công đức và công đức sở khởi hòa hợp một khác đồng chẳng đồng, khởi tưởng niết bàn, hoặc thấy tự tánh sở khởi chìm không tước có màu sắc các thứ tạp bảo và gai nhọn v.v... các tánh, thấy rồi khởi tưởng niết bàn.

Lần lượt sanh nhau là, cha sanh con, con sanh cháu, đời đời tiếp nối không có nhơn khác. Chẳng biết dòng ái là giống, kết tưởng làm thai, chấp nhận vô minh hoặc nghiệp là gốc sanh tử, không có giải thoát. Vì chẳng biết nên an phận, nơi sanh tử khởi tưởng niết bàn. Như thế gian hiện nay cha con ông cháu sanh tử tiếp nối, lầm cho là lẽ dĩ nhiên. Chơn đế tức là Minh đế, họ

chấp Minh để cho là dọa. Công đức và công đức sở khởi, tức là năng tác sở tác. Nghi năng sở hòa hợp mà sanh thấy một khác đồng chẳng đồng, thấy đều không ngoài tứ cú. Tự tánh sở khởi là, tự nhiên sanh, cũng đồng với vô nhơn. Bảo rằng chim quạ xưa nay vẫn đen, chim cò xưa nay vẫn trắng, người trời vốn đứng thẳng, súc sanh vốn đi ngang, cây tùng thì ngay, cây cúc thì cong, chim thú màu sắc, các thứ trên bảo tạp đều tự nhiên sanh không có nhơn quả.

Đại Huệ ! Hoặc có giác 25 chơn thật, hoặc vua gìn giữ nước nhận lục đức luận, khởi tướng niết bàn. Hoặc thấy "thời" là tác giả, thời tiết thế gian, giác như thế khởi tướng niết bàn. Hoặc bảo tánh, hoặc bảo phi tánh, hoặc bảo biết tánh phi tánh, hoặc thấy có giác cùng niết bàn sai biệt khởi tướng niết bàn.

25 chơn thật là, Số luận su lập 25 để. Lục đức tức là Thắng luận lập lục cú. Trước chấp 25 Minh để và lục cú luận tức là niết bàn. Đây lấy năng giác năng thọ làm niết bàn. Vua gìn giữ nước là, thọ sáu phần gìn giữ chúng sanh. Thời tức là ngoại đạo. Thời tán chấp tất cả pháp đều từ thời sanh, xem thấy cây cỏ tươi khô nở rụng chấp thời là thường là một, là nhơn của vạn vật, là nhơn

niết bàn. Tánh là vật. Có vật không vật, chẳng phải có chẳng phải không, cũng thuộc về như với vô như. Giác là giác tướng, giác tướng thì dao động, niết bàn vắng lặng, hoặc bảo là khác, hoặc chấp không khác, đồng một vọng chấp.

Có loại như thế các thứ vọng tướng, ngoại đạo nói ra chẳng thành đã thành, người trí bỏ đó. Đại Huệ ! Như thế tất cả đều rơi vào hai bên khởi tướng niết bàn. Các niết bàn vọng tướng của ngoại đạo như thế, trong ấy trọn không hoặc sanh hoặc diệt. Đại Huệ ! Mỗi thứ niết bàn của ngoại đạo kia là họ tự luận. Trí huệ quán sát trọn không có chỗ lập. Như vọng tướng kia tâm ý đi lại trôi giạt xao động, tất cả không có được niết bàn.

Kết luận nói ngoại đạo chấp các thứ niết bàn đều do vọng tướng thấy chẳng thành niết bàn. Nghĩa là chẳng ngoài hai bên có không, hoặc trụ hoặc xuất trọn không có thật nghĩa. Thấy thuộc về tâm ý ý thức xao động. Dù được cứu cánh diệt hết, trọn không có thật được niết bàn. Đây đều chẳng giác biết tự tâm hiện lượng theo cảnh tự tâm hiện hư vọng phân biệt, không có trí như thật, tất cả làm ra đều không thành lập.

E² - CHỈ NHƯ LAI TÙY THUẬN NIẾT BÀN.

Đại Huệ ! Như ta nói niết bàn là, khéo giác biết tự tâm hiện lượng chẳng đắm trước ngoại tánh (vật) là tứ cú, thấy chỗ như thật, chẳng kẹt tự tâm hiện vọng tưởng hai bên năng nhiếp sở nhiếp không thật có, tất cả độ lượng không thấy được thành, ngu nơi chơn thật không nên chấp nhận, buông bỏ kia rồi được tự giác thánh pháp, biết hai vô ngã, là hai phiền não, trừ sạch hai chuồng, hằng là hai cái tử, tiến lên mỗi địa, đến Như Lai địa, các tam muội sâu như bóng huyễn v.v... là tâm ý ý thức, gọi là niết bàn. **Đại Huệ !** Ông và các Đại Bồ Tát khác nên phải tu học, phải chóng xa là tất cả kiến chấp niết bàn của ngoại đạo.

Tự tâm hiện lượng tức là niết bàn xưa nay thanh tịnh. Niết bàn này tất cả hữu tình bình đẳng đồng có. Tánh nó vốn lặng, chỉ bậc chơn thánh giả tự chứng được ở trong. Cho nên nói "hiếu biết". Hiếu biết đây rồi, thấy tánh vốn lặng cùng tất cả pháp không phải một không phải khác. Nên nói "chẳng đắm trước ngoại tánh (vật), là tứ cú, thấy chỗ như thật". Thấy chỗ như thật thì lý chơn như hiển bày, là tất cả tướng tất cả phân biệt. Nên nói "chẳng kẹt tự tâm hiện vọng

tuồng hai bên, năng nhiếp sở nhiếp không thật có". Lý chơn như hiển bày thì tuồng tuồng đều lặng, át con đường suy nghĩ bật, lối nói năng dứt. Nên nói "tất cả độ lượng chẳng thấy được thành, ngu nơi chơn thật chẳng nên chấp nhận". Bởi vì chỗ như thật chẳng phải nói bàn suy tính nếu nói bàn suy tính luống bị nó làm ngu, nên chẳng chấp nhận. Hai vô ngã là, nhơn vô ngã và pháp vô ngã. Hai phiền não là, căn bản phiền não và tùy phiền não. Hai chướng là, hoặc chướng và trí chướng. Hai tử là phần đoạn và biến dịch. Bốn thứ hai này từ giác tự tâm hiện lượng một lúc chóng thấy, đến chứng vô trụ xứ niết bàn mới được viên mãn. Niết bàn này là chơn như lý ra khỏi sở tri chướng, đại bi bát nhã thường phụ giúp nên chẳng trụ sanh tử và niết bàn, lợi lạc hữu tình tốt mé vị lai, dụng mà thường lặng. Nên nói "tam muội sâu xa, lìa tâm ý ý thức". Hai niết bàn này trong nhơn trên quả cả hai đều bình đẳng, chỉ Như Lai có. Gồm hữu dư y niết bàn và vô dư y niết bàn chung thành bốn thứ. Như Lai át có đủ. Như Lai tuy không thật y mà hiện dường như có. Thế nên, Như Lai nên nói đủ bốn. Nhị thừa đoạn kiến tư phiền não hiển bày chơn lý, tuy có chút khổ để y mà hai hoặc hằng diệt, nên cũng được hữu dư niết bàn. Nếu vô dư y thì nhị thừa cũng có cũng không. Y nơi chẳng thấy

bản lai tự tánh thanh tịnh và không vô trụ xứ nên nói kia là không. Ý nơi phiền não chướng hết hiển bày chơn lý, lìa tướng lạng lẽ, lạng lẽ an vui cùng Phật không khác nên nói cũng có.

E³ - TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Ngoại đạo chấp niết bàn	Mối mối khởi vọng tưởng
Đây từ tâm tướng sanh	Không phương tiện giải
	thoát.
Ngu nơi phục phục đó	Xa lìa phương tiện khéo
Ngoại đạo tưởng giải	Giải thoát trọn chẳng
	thoát sanh.
Các trí mỗi khác đường	Ngoại đạo chỗ thấy thông
Kia thấy không giải thoát	Vì ngu si vọng tưởng.

Đây nói ngoại đạo chấp các thứ niết bàn đều do vọng tưởng, không có phương tiện giải thoát. Không phương tiện giải thoát là chẳng khéo giác tự tâm hiện lượng. Chẳng giác tự tâm hiện lượng thì thấy năng phục cùng sở phục. Thấy có năng phục thì có tâm đáng không, có trí đáng diệt. Thấy có sở phục thì có pháp nên đoạn, có cảnh nên lìa, nên nói là ngu. Các thứ chấp nhận mỗi người tự xưng là trí, mà thật không trí, không có lý giải thoát.

Tất cả ngoại đạo si	Vọng thấy tác, sở tác
Có không các loại luận	Kia ắt không giải thoát
Phàm ngu ưa vọng tưởng	Chẳng nghe huệ chon
	thật
Ngôn ngữ gốc ba khổ	Chon thật diệt nhơn khổ.
Thí như bóng trong gương	Tuy hiện mà chẳng có
Nơi gương tâm vọng tưởng	Kẻ ngu thấy có hai.
Chẳng biết tâm và duyên	Ắt khởi hai vọng tưởng
Rõ tâm và cảnh giới	Vọng tưởng ắt chẳng
	sinh.
Tâm ấy tức các thứ	Xa lìa tướng sở tướng
Sự hiện mà không hiện	Như ngu kia vọng tưởng.

Tác là tác giả, tức là chấp nhơn tướng. Sở tác tức nhơn sanh ra pháp, thấy rơi vào hai loại có không, không có phân giải thoát. Bởi thức tánh muốn thấy sắc tướng nên tất cả cảnh giới có không đều là chỗ thích của giác tướng. Ưa giác tướng thì ắt ngu chon thật. Nên nói "Có phiền não thì không có trí huệ, có trí huệ thì không có phiền não". Các chấp có không lường chiều nhơn quả, trọn không có sự thật, chỉ có ngôn ngữ. Nên nói "ngôn ngữ gốc ba khổ". Nếu thấy chon thật thì các vọng chóng dứt, liền diệt nhơn khổ. Gương dụ tự tâm. Bóng dụ tất cả cảnh giới sắc tâm do tự tâm hiện ra. Tâm cùng cảnh tánh nó

không hai, tánh không hai tức là tâm lượng. Rõ thì các thứ đều tâm, năng sở đều vọng, hiện mà không hiện, như huyễn, như điện chẳng thể có không.

Ba cõi chỉ vọng tưởng	Nghĩa ngoài thấy không
	có
Vọng tưởng các thứ hiện	Phàm ngu không thể rõ.
Các kinh nói vọng tưởng	Trợn chẳng ngoài nơi tên
Nếu lìa nơi ngôn thuyết	Cũng không có sở
	thuyết.

Ba cõi chỉ vọng tưởng là, ba cõi các pháp đều do nội thức biến tương tự nên có ngoại cảnh sanh, thật không có nghĩa riêng. Kẻ ngu không thể hiểu vọng thấy các thứ. Các kinh đã nói vọng tưởng, đều nói không tánh, chỉ có danh tự. Nếu lìa danh tự thì không vọng tưởng có thể được. Vọng tưởng đã dối thì nói cũng chẳng có, không thể lại duyên nơi thánh giáo. Nên nói "chấp thuốc thành bệnh", Như Lai dạy người thật không có nghĩa dư vậy.



PHẦN IV ⁽¹⁾

C⁶ - CHỈ CHÁNH GIÁC CHẴNG PHẢI PHÁP NHƠN QUẢ, NÓI LÀ SANH DIỆT, HIỂN BÀY CHON THƯỜNG KHÔNG CẦU, CHÓNG VƯỢT CÁC ĐỊA, CÓ 7 :

D¹) *Chỉ pháp thân Như Lai chẳng phải nhơn quá, có 7 :*

E¹ - HỎI PHÁP THÂN NHƯ LAI LÀ NHƠN LÀ QUẢ.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Cúi xin vì nói tam mao tam Phật Đà (Samyak - Sam buddha) (Đẳng chánh giác), con và các vị Đại Bồ Tát khéo nơi Như Lai tự tánh tự giác tha. Phật bảo Đại Huệ : Cho ông tùy ý hỏi, tôi sẽ vì ông theo chỗ hỏi mà đáp. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Như Lai ứng

(1) Bản Hán ngữ sang quyển 7.

cúng đẳng chánh giác là tác chẳng ? Là chẳng tác chẳng ? Là sự (quả) chẳng ? Là nhơn chẳng ? Là tướng chẳng ? Là sở tướng chẳng ? Là thuyết chẳng ? Là sở thuyết chẳng ? Là giác chẳng ? Là sở giác chẳng ? Những câu như thế là khác hay chẳng khác ?

Sáp hiển bày giác tánh Như Lai chẳng phải nhơn chẳng phải quả cứu cánh rành rõ thuần nhất không lỗi. Tam mạo tam Phật đã dịch là Đẳng chánh giác cũng dịch là Chánh biến tri. Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác là ba trong mười hiệu. Ở đây hỏi về Pháp thân Như Lai nêu ba tức gồm nhiều hiệu. Chữ tác là nghĩa tu khởi. Chỗ y cứ khởi tạo tác là nhơn, việc tạo tác thành hình là quả. Chữ sự là quả. Nhơn tướng là tướng, quả tướng là sở tướng. Thuyết là người nói sở thuyết là lý nói ra. Giác là người tri giác, sở giác là cảnh sở tri. Những câu như thế là khác hay chẳng khác, là tác cùng chẳng tác v.v... nay điệp chấp đều thành bốn câu. Bởi vì muốn hiển bày Pháp thân lia tứ cú cứu cánh rành rõ.

E² - CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHẲNG PHẢI NHƠN QUẢ LÀ TỨ CÚ.

Phật bảo Đại Huệ : Như Lai, ứng cúng, đẳng chánh giác, đối những câu như thế chẳng phải sự chẳng phải nhơn. Vì có sao ?

Vì đều có lỗi vậy. Đại Huệ ! Nếu Như Lai là sự thì hoặc tác hoặc vô thường. Vì vô thường nên tất cả sự ung là Như Lai, đều là chỗ chẳng muốn của tôi và chư Phật. Nếu chẳng phải sở tác thì không sở đắc, là phương tiện ắt không, đồng với sùng thờ và con thạch nữ, vì không thật có. Đại Huệ ! Nếu không sự không nhơn thì chẳng phải có chẳng phải không. Nếu chẳng phải có chẳng phải không thì ra ngoài tứ cú. Tứ cú thuộc về ngôn thuyết của thế gian. Nếu ra ngoài tứ cú thì chẳng rơi vào tứ cú. Vì chẳng rơi vào tứ cú nên người trí nhận giữ. Tất cả cú nghĩa của Như Lai cũng như thế, người huệ nên biết.

Tóm hết các câu hỏi trên không ra ngoài hai nghĩa nhơn và quả. Cho nên chỉ nêu sự và nhơn để rõ tự tánh pháp thân Như Lai chẳng phải nhơn chẳng phải quả. Nếu là sự thì do tạo ra, mà Vô thượng chánh chơn chẳng đồng với pháp tu tạo vô thường ở thế gian. Nếu chẳng phải tác thì ngại không được, mà tự tánh trang nghiêm lìa chướng hiển bày vô lượng công đức vi diệu, chẳng phải là nghĩa rỗng không. Cho nên biết, chẳng phải sở tác, ấy là không sự. Nhưng chẳng phải chẳng tác thì, phương tiện đạt được phải do nhơn mà rõ. Song, giác thể sẵn có là từ liễu nhơn được, chẳng phải từ sanh nhơn mà được, ấy là không

nhon. Không sự (quả) không nhon thì có không chẳng mắc, tứ cú chổng lìa. Tứ cú đã lìa là chỗ tất cả ngôn thuyết chẳng đến, cú nghĩa thanh tịnh người trí chứng được. Kinh Đại Bát Niết Bàn nói : "Phật tánh tuy có mà chẳng đồng hư không. Vì có sao ? Vì hư không ở thế gian tuy dùng vô lượng phương tiện khéo léo mà không thể thấy được, còn Phật tánh có thể thấy. Thế nên tuy có chẳng phải như hư không. Phật tánh tuy không mà chẳng đồng với sùng thổ. Vì có sao ? Vì lông rùa sùng thổ tuy dùng vô lượng phương tiện khéo léo cũng không thể được sanh. Phật tánh có thể sanh, thế nên tuy không mà chẳng đồng với sùng thổ". Đây là mật chỉ về Phật tánh vi diệu, chỉ hàng chơn thánh tự ở trong chứng được. Như thế, thể tánh chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải nhon chẳng phải quả, ra ngoài độ lượng, nên như thế mà biết. Bàn đại dịch là thạch nữ. Bàn đại tử là con thạch nữ.

E³ - CHỈ PHÁP THÂN CHƠN NGÃ THƯỜNG LẶNG LẼ.

Như ta đã nói tất cả pháp vô ngã. Phải biết nghĩa này không ngã tánh nói là vô ngã. Tất cả pháp có tự tánh không tha tánh, như trâu ngựa. Đại Huệ ! Thí như chẳng phải trâu là ngựa, chẳng phải ngựa là trâu, kỳ

thật chẳng phải có chẳng phải không, kia chẳng phải không tự tánh. Như thế, Đại Huệ ! Tất cả các pháp chẳng phải không tự tướng. Có tự tướng ấy, nhưng chẳng phải chỗ hay biết của hàng vô ngã, ngu phu, vì vọng tưởng vậy. Như thế, tất cả pháp không, vô sanh, không tự tánh nên biết như thế.

Như Lai nói tự tánh pháp thân chẳng phải nhưn chẳng phải quả, mà chẳng phải đoạn diệt. Cho nên ở đây lại dẫn câu pháp vô ngã để hiển bày Như Lai chơn ngã. Bởi Như Lai tự tánh chơn ngã thường bị pháp ngã che đậy, nên nói tất cả pháp vô ngã. Cốt để hiểu tự tánh pháp thân chơn như tự tướng. Nếu thấy tự tánh pháp thân chơn như tự tướng thì càng biết tất cả pháp chơn như tự tướng trong ngoài không chướng, trong trẻo thường lặng lẽ. Tất cả các pháp do tự tâm hiện ra, bởi tự tâm hiện nên tất cả các pháp đều không ngã tánh, cho nên nói vô ngã, hiện ra chỉ tại tâm. Tức là tất cả pháp có tự tánh, không tha tánh. Song không tha tánh tức là không ngã tánh. Bởi thế tất cả pháp nói vô ngã, vì tất cả pháp do tự tâm nên nói không tha tánh. Cho nên phàm nói tất cả pháp không, vô sanh, không tự tánh đều không có ý chỉ khác. Nên nói "chỉ có chơn thức lại không có thức khác". Đây là chỗ đến tốt của người giác tự tâm hiện lượng vậy.

Tánh ngựa không phải trâu, tánh trâu không phải ngựa, để dụ không tha tánh chẳng phải không tự tánh. Không tha thì chẳng phải có, có tự thì chẳng phải không. Chẳng phải có chẳng phải không chơn như tự tướng là bậc chơn thánh tự chứng ở trong, kẻ ngu phu phân biệt không có phân vậy.

E⁴ - CHỈ PHÁP THÂN ĐỐI HIỆN PHI MỘT PHI KHÁC.

Như thế, Như Lai cùng ấm chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác. Nếu chẳng khác ấm thì ung vô thường ; nếu khác ấm thì phương tiện ắt không ; nếu hai thì ung có khác. Như sừng trâu tương tợ nên chẳng khác, dài ngắn sai biệt nên có khác, tất cả pháp cũng như thế. Đại Huệ ! Như trâu sừng bên phải khác sừng bên trái, sừng bên trái khác sừng bên phải. Như thế dài ngắn các thứ sắc mỗi mỗi khác. Đại Huệ ! Như Lai đối ấm, giới, nhập chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác.

Đây hiển bày pháp thân đối hiện chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải chỗ biết của phạm phu. Từ đây về sau thấy đều do thấy Như Lai tự tánh chơn ngã, đồng với Báo, Hóa vượt phạm phu và nhị thừa, đồng trí và chướng, tự

tánh niết bàn ra khỏi số lượng. Ấm tức chỉ sắc thân Như Lai. Nghĩa là pháp thân cùng sắc thân chẳng phải một chẳng phải khác. Nếu một thì sắc thân diệt pháp thân cũng ung diệt, diệt thì vô thường. Nếu hai thì pháp thân do phương tiện đạt được thấy đều không vô nghĩa. Song, thân ngàn trượng Lô Xá Na (báo thân) và tất cả vô lượng ứng hóa tướng tốt vẻ đẹp thật có đối hiện. Nên nói "diệt sắc vô thường được chơn sắc thường trụ". Sừng trâu giống nhau dụ một. Dài ngắn sai biệt dụ hai. Nhưng thấy đều gọi là sừng trâu chẳng phải một chẳng phải khác. Cho nên nói "Như Lai đối ấm, giới, nhập cũng chẳng phải một chẳng phải khác".

E⁵ - CHỈ PHÁP THÂN VÀ GIẢI THOÁT CHẲNG PHẢI MỘT CHẲNG PHẢI KHÁC.

Như thế, Như Lai và giải thoát chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Như thế, Như Lai lấy giải thoát gọi tên. Nếu Như Lai khác giải thoát thì ung thành sắc tướng, vì thành sắc tướng nên vô thường. Nếu chẳng khác thì người tu hành được tướng nên không có phân biệt. Song người tu hành thấy phân biệt. Thế nên, chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác.

Niết bàn có ba đức : pháp thân, giải thoát, bát nhã, như chữ (oOo) có ba điểm, chẳng ngang chẳng dọc. Song ở đây nói pháp thân cùng giải thoát chẳng phải một chẳng phải khác. Bởi vì Như Lai do giải thoát được tên. Nếu khác thì pháp thân Như Lai đã chứng giải thoát đồng với sắc tướng, ung là vô thường. Đâu biết rằng pháp thân Như Lai tức là giải thoát, giải thoát tức là pháp thân, thanh tịnh không nhơ, thể không có hai. Nếu chẳng khác thì người tu hành năng chứng sở chứng ung không sai biệt, mà thấy có sai biệt. Như thập chơn như, hàng Sơ địa đã đạt, mà đối với chứng hạnh vẫn chưa viên mãn. Vì khiến họ viên mãn nên sau lại dựng lập mỗi địa, mỗi địa có cạn sâu sai biệt thấy khác. Thế nên chẳng phải một chẳng phải khác.

E⁶ - CHỈ TRÍ CHƯỞNG CHẴNG PHẢI MỘT CHẴNG PHẢI KHÁC.

Như thế, trí và sở tri chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác. Đại Huệ ! Trí và sở tri chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác ấy, là phi thường, phi vô thường, phi tác, phi sở tác, phi hữu vi, phi vô vi, phi giác, phi sở giác, phi tướng, phi sở tướng, phi ấm, phi khác ấm, phi thuyết, phi sở thuyết, phi một, phi khác, phi đồng, phi chẳng đồng. Vì phi

một, phi khác, phi đồng phi chẳng đồng nên đều là tất cả lượng.

Trước nói pháp thân cùng giải thoát chẳng phải một chẳng phải khác. Ở đây nói pháp thân cùng bát nhã chẳng phải một chẳng phải khác. Song lại nói bát nhã (trí) cùng sở tri chẳng phải một chẳng phải khác ấy, vì bát nhã là thủy giác từ pháp thân bản giác mà sanh, nói thủy thì cùng với bản không khác. Nếu sở tri chướng đến thập nhất địa vẫn còn có hai phần ngu cực vi tế, đến Diệu giác Phật địa mới hay trừ sạch. Đó là trí cùng chướng phân rõ có hai. Lại nói chẳng phải một chẳng phải khác ấy, bởi vì là trí không chướng, là chướng không trí, pháp không có ngã tánh nơi đây càng rõ. Song Như Lai tự tánh chơn ngã là tứ cú vượt tất cả số lượng, chẳng phải chỗ biết của tư lượng. Kèm nói tác phi tác v.v... đều là lập lại lời hỏi trước để nhiếp hết trong là tứ cú.

E⁷ - TỔNG KẾT PHÁP THÂN LÀ CÁC CĂN LƯỢNG GỒM TỤNG.

Là tất cả lượng thì không ngôn thuyết, không ngôn thuyết thì vô sanh. Vô sanh thì không diệt, không diệt thì tịch diệt. Tịch diệt thì tự tánh niết bàn. Tự tánh niết bàn thì không sự không nhơn. Không sự không

nhon thì không phan duyên (vin theo). Không phan duyên thì ra ngoài tất cả hu ngụy. Ra ngoài tất cả hu ngụy tức là Như Lai. Như Lai tức là Tam mao tam Phật Đà (Samyak - Sam Buddha) (Đẳng chánh giác). Đại Huệ ! Ấy gọi là Tam mao tam Phật Đà Phật Đà. Đại Huệ ! Tam mao tam Phật Đà Phật Đà ấy, là lia tất cả căn lượng.

Đây là kết tụ tánh Pháp thân Như Lai vượt qua tất cả số lượng, tự chứng được ở trong tất cả danh ngôn đều chẳng phải thể của nó. Người chứng được thể này mới biết sanh diệt đều không, chỉ có tịch tĩnh, nên nói "tự tánh niết bàn". Tự tánh niết bàn chẳng phải nhon chẳng phải quả, hết các động niệm, dứt tâm tư tưởng, tốt mé gốc vô minh, cứu cánh giải thoát không có hu ngụy, là chơn pháp thân, là bình đẳng thân, hằng lia tất cả cảnh giới các căn. Như Lai nơi Bát niết bàn khắp bảo Đại Huệ rằng : "Ta dùng Bát nhâ sâu xa xem khắp tam giới tất cả lục đạo, các núi bể cả, quả đất, hàm sanh. Như thế tam giới căn bản tánh lia, cứu cánh tịch diệt đồng với tướng không, không tên, không biết, hằng đoạn các hữu, xưa nay bình đẳng không có tướng cao thấp, không thấy không nghe không giác, không tri, không thể trói buộc, không thể giải thoát, không chúng sanh không thọ mạng, chẳng sanh,

chẳng khởi chẳng tận chẳng diệt, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian. Niết bàn sanh tử đều không thể được, hai bên, bình đẳng. Vì các pháp bình đẳng nên ở yên lặng lẽ, không có chỗ thi vi, cứu cánh an ổn, hẳn không thể được. Từ pháp vô trụ mà pháp tánh thi vi đoạn tất cả tướng, một không thể có. Pháp tướng như thế, kẻ biết được nó gọi là người xuất thế. Không biết việc ấy gọi là gốc sanh tử". Đây chính là Như Lai tự tánh giải thoát cùng tất cả pháp đồng trụ chơn như bản tế, trong ngoài hàng là tất cả lỗi lầm. Tất cả chúng sanh cũng đồng đủ cái này, chỉ vì khách nhiễm che lấp, một niệm giác biết tức đồng sẵn được.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Thấy là các cân lượng	Không sự cũng không nhon
Đã là giác sở giác	Cũng là tướng sở tướng
Ấm duyên đẳng chánh	Một, khác chớ hay thấy
giác	
Nếu không có thấy đó	Làm sao mà phân biệt.
Phi tác phi bất tác	Phi sự cũng phi nhon
Phi ấm phi tại ấm	Cũng phi có dư tập
Cũng phi có các tánh	Như kia vọng tưởng thấy
Nên biết cũng phi vô	Pháp này pháp cũng thế.

Đây là tổng tụng pháp thân lìa nhọn quẻ, năng sở, cần khí một khác tứ cú. Không có thấy lìa ấy, cũng không pháp tự tánh, cũng lại phi không pháp, khá gọi thật được pháp thể. Ngộ đây sẽ lặng lẽ tự hết.

Bởi có nên có không	Bởi không nên có có
Nếu không chẳng nên thọ	Nếu có chẳng nên
	tưởng.
Hoặc nơi ngã phi ngã	Ngôn thuyết lượng không
	dứt
Chìm đắm ở hai bên	Tự hoại hoại thế gian
Giải thoát tất cả lỗi	Chính quán sát ngã
	thông
Ấy gọi là chánh quán	Chẳng hủy đại Đạo sư.

Nếu không chẳng nên thọ, nếu có chẳng nên tưởng là, không thì cứu cánh không chẳng nên lại không, có thì xưa nay có chẳng nên lại có, bởi có không đối đãi nhau, tánh chẳng có không. Chẳng đạt ngã thông thì không có chánh kiến, mắc kẹt hai bên tự hoại hoại người, chê bai Như Lai, đâu còn gì hơn kẻ này. Thế Tôn thường bảo : "Nếu nói có đó, người trí chẳng nên nhiễm ; nếu nói không đó, tức là vọng ngữ. Nếu nói có đó chẳng nên lặng thinh, cũng chẳng nên hý luận tranh tụng". Ý chỉ này tế nhị thay !

D²) *Chỉ Pháp thân Như Lai chẳng sanh chẳng diệt* là ngôn thuyết, chia làm 4 :

E¹ - CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHẲNG PHẢI KHÔNG TÁNH.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Như Thế Tôn nói kinh "Nhiếp thọ chẳng sanh chẳng diệt". Lại, Thế Tôn nói chẳng sanh chẳng diệt là tên khác của Như Lai. Thế nào Thế Tôn là không tánh nên nói chẳng sanh chẳng diệt, cho là tên khác của Như Lai ? Phật bảo Đại Huệ : Ta nói tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt các loại có không chẳng hiện. Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp chẳng sanh thì, pháp nhiếp thọ không thể được, vì tất cả pháp chẳng sanh. Nếu trong danh tự có pháp, cúi xin Thế Tôn vì nói. Phật bảo Đại Huệ : Lành thay ! Lành thay ! Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, tôi sẽ vì ông phân biệt giải nói. Đại Huệ bạch Phật : Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Ta nói Như Lai chẳng phải không tánh, cũng chẳng phải chẳng sanh chẳng diệt nhiếp tất cả pháp, vì chẳng đợi duyên nên chẳng sanh chẳng diệt, cũng chẳng phải vô nghĩa.

Đây là nhằm ngoài tự tâm hiện lượng chấp tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt, lấy đó khởi nạn. Bởi vì người theo danh mất nghĩa nên Phật vì phát minh. Trong Kinh kiến lập tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt là vì không tánh nên nói, chẳng vì có tánh nói. Lại nói là tên khác của Như Lai thì chẳng phải không tánh. Ấy là hiện rơi vào có tánh mà nói không pháp thì có không đều đoạ. Đây là ý nạn của Đại Huệ. Thế Tôn bảo : Ta nói tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt không ung lại nhiếp thuộc có pháp. Nếu bảo tên khác của Như Lai, tên ấy có nghĩa, ấy là nhiếp thuộc có pháp. Cho nên Thế Tôn lại bảo : Ta nói Như Lai chẳng phải không tánh. Mới biết tâm lượng bản hữu chẳng đồng sùng thờ, y nghĩa bất giác dường như các pháp hiện, vốn không có sanh cũng không có chỗ diệt. Chẳng sanh diệt này là nói pháp không tự tánh. Chẳng phải nói thấy không các pháp, chẳng nên nhiếp thuộc có, lại đợi duyên hết mới thấy không sanh. Cũng chẳng phải vô nghĩa là, nói nghĩa tự tâm như thật chẳng sanh, chỉ đến trên danh cú chẳng sanh chẳng diệt vọng chấp không tánh, chẳng ung nhiếp thuộc về có, tức là có chữ mà không nghĩa. Cho nên văn sau bàn rộng vậy.

**E² - CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHÍNH KHI
SANH MÀ VÔ SANH.**

Đại Huệ ! Ta nói ý sanh pháp thân danh hiệu Như Lai. Nó chẳng sanh ấy, là chẳng phải cảnh giới của tất cả ngoại đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thất trụ. Đại Huệ ! Chẳng sanh kia là dị danh của Như Lai. Đại Huệ ! Thí như Nhon đà la Thích Ca, Bát lan đà la những vật như thế, mỗi mỗi vật đều có nhiều tên, cũng chẳng phải có nhiều tên mà có nhiều tánh, cũng chẳng phải không tự tánh.

Đây tức sanh nói vô sanh để hiển ý chỉ thâm mật, vẫn không nên theo danh mất nghĩa. Bởi ý sanh pháp thân tức là chẳng sanh, nên nói dị danh Như Lai. Nghĩa chẳng sanh này chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa và hàng Thất địa. Thất địa về trước chỉ hết nhơn sanh, chớ chẳng đạt được tự tánh vô sanh của Như Lai. Tự tánh vô sanh của Như Lai là chơn như bình đẳng, tùy chỗ tùy thời không có tướng khởi diệt. Chẳng phải duyên hết mới hiện, cho nên chẳng kẹt nơi sở liễu năng liễu vô sanh. Nhon đà la Thích Ca, Bát lan đà la đều là dị danh của Đấng Thích. Chẳng phải do nhiều tên mà có nhiều tánh là, thể một mà tên khác. Cũng chẳng phải không tự tánh là, nhiều

tên dùng để nói một thể, lại phải hơn tên mà được thể.

E³ - CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI TÊN KHÁC THỂ MỘT.

Như thế, Đại Huệ ! Ta ở thế giới Ta bà này, trải ba a tăng kỳ có trăm ngàn danh hiệu. Kẻ ngu thấy đều nghe, mỗi người nói tên ta mà không hiểu ta, ấy là dị danh Như Lai. Đại Huệ ! Hoặc có chúng sanh biết ta là Như Lai, có chúng sanh biết ta là Nhất thiết trí, có chúng sanh biết ta là Phật, có chúng sanh biết ta là Cứu thế, có chúng sanh biết ta là Tự giác, có chúng sanh biết ta là Đạo sư, có chúng sanh biết ta là Quãng đạo, có chúng sanh biết ta là Nhất thiết đạo, có chúng sanh biết ta là Tiên Nhơn, có chúng sanh biết ta là Phạm, có chúng sanh biết ta là Tỳ Nữu, có chúng sanh biết ta là Tự tại, có chúng sanh biết ta là Thắng, có chúng sanh biết ta là Ca Tỳ La, có chúng sanh biết ta là Chơn Thật Biện, có chúng sanh biết ta là Nguyệt, có chúng sanh biết ta là Nhật, có chúng sanh biết ta là Vương, có chúng sanh biết ta là Vô Sanh, có chúng sanh biết ta là Vô Diệt, có chúng sanh biết ta là Không, có chúng sanh biết ta là Như Như, có chúng

biết ta là Đế, có chúng biết ta là Thật Tế có chúng biết là Pháp tánh, có chúng biết là Niết Bàn, có chúng biết là Thường, có chúng biết là Bình Đẳng, có chúng biết là Bất Nhị, có chúng biết là Vô Tướng, có chúng biết là Giải Thoát, có chúng biết là Đạo, có chúng biết là Ý Sanh. Đại Huệ ! Trải qua ba a tăng kỳ có trăm ngàn danh hiệu như thế, chẳng thêm chẳng bớt, thế giới này và thế giới khác thấy đều biết ta, như mặt trăng trong nước chẳng ra chẳng vào.

Như Lai ở cõi nước Ta Bà có đến vô lượng trăm ngàn dị danh tùy tâm chúng sanh ứng với lượng sở tri, mỗi chúng có lời khác, mà không biết nghĩa tự tánh chơn thật Như Lai như trăng trong nước, chẳng ra chẳng vào chẳng phải có chẳng phải không. Chẳng hiểu dị danh của Như Lai là tất cả chúng sanh chỉ biết tức nơi danh nhận nghĩa, mà chẳng hiểu Như Lai tuy có nhiều danh chỉ nói lên một thể. Nên nói tự tánh thanh tịnh Như Lai, chỉ chúng tương ưng, chẳng phải danh nói đến được. Như trăng trong nước chẳng thể nói có không, không thể nói xa gần, không thể chỉ bày, không thể độ lượng, thật chẳng phải không tánh, mà chẳng rơi vào số lượng có không.

Các kẻ ngu kia không thể biết ta, vì rơi vào hai bên. Song thầy cung kính cúng

đường nơi ta, mà không khéo hiểu biết câu lời nghĩa thú chẳng phân biệt được danh, chẳng hiểu tự thông. Chấp trước các thú ngôn thuyết chương cú, nơi chẳng sanh diệt khỏi tướng vô sanh. Chẳng biết danh hiệu sai biệt của Như Lai, biết Nhơn đà la Thích Ca, Bát lan đa la mà chẳng hiểu tự thông, hội quy về chỗ tốt cùng, nơi tất cả pháp tùy chỗ chấp trước.

Kẻ ngu không biết tự tánh pháp thân Như Lai vọng thấy có không dám trước nơi danh tự, mà đối với câu tất cả pháp chẳng sanh diệt, khỏi tướng không tánh. Đây chính là chẳng hiểu tự thông vọng chấp tất cả pháp là chẳng sanh diệt. Tất cả danh hiệu đều nói một thể, nhưn danh đạt thể, đạt thể thì là lời nói. Nên nói hội quy về chỗ tốt cùng. Chẳng rõ nghĩa này chỉ nơi danh thuyết riêng sanh lý thú, luống thêm đa văn tăng trưởng ngã kiến.

E⁴ - CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI LÀ LỜI NÓI HIỂU CHƠN THẬT, CÓ 2 :

G¹) CHỈ NGHĨA CHƠN PHÁP THÂN CHẮNG RƠI VÀO VẤN TỰ.

Dại Huệ ! Những người si kia nói thế này "Nghĩa như lời nói, nghĩa nói không khác. Vì có sao ? Vì nghĩa không có thân, ngoài ngôn

thuyết lại không có nghĩa khác, chỉ dùng nơi ngôn thuyết". Đại Huệ ! Kia bị trí ác thiêu đốt chẳng biết tự tánh ngôn thuyết, chẳng biết ngôn thuyết sanh diệt, nghĩa chẳng sanh diệt. Đại Huệ ! Tất cả ngôn thuyết rơi vào văn tự, nghĩa thì chẳng rơi, vì lìa tánh phi tánh, không thọ sanh cũng không thân. Đại Huệ ! Như Lai chẳng nói pháp rơi trong văn tự, vì văn tự có không không thể được, trừ chẳng rơi vào văn tự.

Đây nói người ngu si chẳng đạt tự tánh chơn nghĩa, bảo nghĩa không thể tánh, mà lấy ngôn thuyết làm cảnh giới giác tướng sở hành cho là tốt các nghĩa vị. Cho nên nói "chỉ dùng nơi ngôn thuyết". Đây không những là chẳng biết nghĩa, mà cũng chẳng biết tự tánh ngôn thuyết. Ngôn thuyết y nơi nghĩa vốn không tự thể là tánh sanh diệt. Nên nói "ngôn thuyết tự tánh". Nghĩa là ngôn thuyết tánh chẳng phải sanh diệt, chẳng thuộc có không. Đã lìa sanh diệt có không cũng lìa cái lìa. Kinh Viên Giác nói "biết là không hoa liền không luân chuyển, cũng không thân tâm thọ cái sanh tử kia". Tức ở đây nói "không thọ sanh cũng không thân". Lại Viên Giác nói "cái tri giác kia vẫn như hư không, biết hư không ấy tức là tướng không hoa, cũng không thể nói không có tánh tri giác". Tức ở đây nói "trừ chẳng rơi vào

văn tự". Tự tánh pháp thân Như Lai không sanh không thân, chẳng rơi trong văn tự, mà chẳng phải không rơi. Kẻ ngu si không trí chẳng phân biệt thuyết và nghĩa, vọng tự đắm trước, là đáng thương xót vậy.

*G² · CHỈ NHƯ LAI KIẾN LẬP NGÔN THUYẾT VÌ ĐẸP
NGÔN THUYẾT.*

Đại Huệ ! Nếu có người nói rằng "Như Lai nói pháp rơi vào văn tự", người này ắt vọng ngữ, vì pháp lìa văn tự. Thế nên, Đại Huệ ! Chư Phật chúng ta và các vị Bồ Tát không nói một chữ chẳng đáp một chữ. Vì có sao ? Vì pháp lìa văn tự, chẳng phải không nói nghĩa lợi ích. Ngôn thuyết là vọng tưởng của chúng sanh. Đại Huệ ! Nếu chẳng nói tất cả pháp thì giáo pháp ắt hoại. Giáo pháp hoại thì không có chư Phật, Bồ Tát, Duyên giác, Thanh văn, nếu không thì ai nói và vì ai ?

Như Lai có nói ra đều vì nghĩa, mượn ngôn thuyết để vào đệ nhất nghĩa. Tức nơi ngôn thuyết nói đệ nhất nghĩa rời ngôn thuyết. Cho nên từ thành Phật cho đến niết bàn, ở trong khoảng giữa ấy. Phật chẳng nói một chữ. Nghĩa là không một lời rơi vào tướng văn tự, mà chẳng phải không nhằm lợi ích chúng sanh vì phân biệt nói. Nếu không nhằm lợi ích chúng sanh phân biệt

nói thì hàng Nhị thừa, Bồ tát kia từ đâu dựng lập vào nghĩa chơn thật. Như thế thì thánh giáo diệt hoại, ai dạy nơi ai ư ? Cho nên biết tất cả ngôn thuyết đều không có thật pháp, vì dẽ nhất nghĩa mà có nói bày. Do thuyết mà nhập nghĩa, nghĩa hiển thì thuyết lìa. Thuyết tức không thuyết, chỉ tức không chỉ. Cho nên nói "chư Phật Bồ Tát không nói một chữ".

Thế nên, Đại Huệ ! Đại Bồ Tát chớ kẹt ngôn thuyết, tùy nghi phương tiện rộng nói kinh pháp. Vì hy vọng phiền não của chúng sanh chẳng phải một nên ta và chư Phật tùy các thứ hiểu biết sai khác của chúng sanh mà nói các pháp, khiến lìa tâm ý ý thức, chẳng phải vì được chỗ tự giác thánh trí.

Đây là dạy bảo Bồ tát tùy căn thức chúng sanh rộng nói kinh pháp, chẳng nên mắc nơi ngôn thuyết. Nếu có nói ra đều như các thứ hy vọng, các thứ phiền não, các thứ hiểu khác của chúng sanh, mà vì phá trừ. Khiến họ lìa cái hư ngụy từ vô thủy, chuyển tâm ý ý thức, tự biết tự chứng. Quyết không có nói chỉ bày chỗ tự giác thánh trí. Bởi vì tự giác thánh trí là tướng ngôn thuyết, là tướng tâm duyên, tự chứng được ở bên trong, chẳng phải chỗ hiển bày của vọng tướng ngôn thuyết. Cho nên biết, chư Phật nói pháp

như thầy thuốc trị bệnh, chỉ có phương pháp dẹp trừ bệnh nhậm, mà không có phương pháp làm tăng thêm ánh sáng. Thuyết cùng với nghĩa có tánh hay không tánh rõ ràng tự thấy.

Đại Huệ ! Đối tất cả pháp không thật có, giác tự tâm hiện lượng, lìa hai thứ vọng tưởng. Các vị Đại Bồ Tát y nơi nghĩa chẳng y văn tự. Nếu người thiện nam thiện nữ y văn tự là tự hoại đệ nhất nghĩa, cũng không thể giác ngộ cho người, rơi vào ác kiến tương tục mà vì chúng nói, chẳng khéo rõ biết tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, cũng chẳng biết chương cú. Nếu người khéo biết tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, thông đạt chương cú, đầy đủ tánh nghĩa thì họ hay dùng chánh lạc vô tướng mà tự vui thích, bình đẳng đại thừa, dựng lập cho chúng sanh.

Trước nói ngôn thuyết chẳng vì được chỗ tự giác thánh trí. Ở đây nói người được tự giác thánh trí thâm đạt pháp tướng, có dựng lập ra tự nhiên chẳng rơi vào cảnh giới văn tự vọng tưởng. Phàm văn tự hay làm ngu người là, nói ra tất cả pháp theo cảnh giới có, không vọng tưởng. Nếu đạt tất cả pháp không có tự tánh đều duy tâm hiện, lìa cảnh giới vọng tưởng của hai thứ có

không thì chỗ chỉ củi vắn tự phải xem thế nào ? Cho nên y vắn tự thì không thể nói đệ nhất nghĩa, mà trái lại hay hoại đệ nhất nghĩa. Bởi không khéo rõ biết tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, chơn như bản tế, thì cũng không thể biết chương cú của thánh giáo. Vì thế, dựng lập tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng đều lìa tướng hiển bày đầy đủ tánh nghĩa. Mới tin thánh giáo ly ngôn, chỉ vì dẹp trừ lý luận, riêng nêu duy tâm, bên trong tự chứng hiện trụ nơi pháp lạc, bên ngoài dựng lập bình đẳng nhất thừa. Đây chỗ đi của tự giác thánh trí. Như Lai vì Bồ tát y nghĩa dạy bảo thâm thiết, đâu phải cạn cợt ư ?

Này Đại Huệ ! Nhiếp thọ Đại thừa thì nhiếp thọ chư Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn. Nhiếp thọ chư Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn thì nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Nhiếp thọ tất cả chúng sanh thì nhiếp thọ chánh pháp. Nhiếp thọ chánh pháp thì giống Phật chẳng dứt. Giống Phật chẳng dứt thì hay rõ biết được chỗ vào thù thắng. Biết được chỗ vào thù thắng là hàng Đại Bồ Tát thường được hóa sanh, dựng lập Đại thừa mười sức tự tại, hiện các sắc tượng, thông đạt các tướng phiến não, hy vọng, hình loại của chúng sanh, nói pháp như thật. Như thật là, chẳng khác, như thật là,

tuống chẳng đến chẳng đi, tất cả hư ngụy đều dứt, ấy gọi là như thật. Đại Huệ ! Người thiện nam thiện nữ chẳng nên nhiếp thọ theo lời nói mà chấp trước. Vì chơn thật là lìa văn tự.

Đại thừa tức là pháp tự giác thánh trí nhất thừa. An trụ tự giác thánh trí nhất thừa tức là chỗ nhiếp thọ của chư Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn. Bởi vì tự giác thánh trí này là chỗ xuất sanh chư Phật, Bồ tát. Nếu hay an trụ tức cùng chư Phật, Bồ tát đồng thể nhiếp nhập; cũng hay nhiếp thọ chúng sanh, chúng sanh y đó mà được lợi lạc; cũng hay nhiếp thọ chánh pháp, chẳng bị tất cả thế luận làm dao động, tất cả ngoại đạo không tìm được chỗ dở, nắm giữ đệ nhất nghĩa pháp ấn tự tánh Như Lai, tức là giống Phật chẳng dứt. Đệ nhất nghĩa tâm tự tánh này tức là tất cả chỗ thù thắng. Nên nói "được đại tổng trì". Được đại tổng trì tự nhiên tùy chỗ hóa sanh, dựng lập Đại thừa, thành tựu thập lực, đối hiện sắc thân tùy phiên não chúng sanh mà vì cứu giúp, dùng pháp vị như thật vô tu tướng an trụ điều phục, dứt các hý luận. Cho nên răn người tu hành không nên nhiếp thọ ngôn thuyết, chỉ phải nhiếp thọ chơn thật. Đây là lìa văn tự mà được, chẳng phải cảnh giới giác tướng. Người trí đối chỗ này nên phải tự nhận.

Đại Huệ ! Như vì kẻ ngu lấy ngón tay chỉ vật, kẻ ngu nhìn ngón tay mà chẳng thấy vật thật. Như thế kẻ ngu theo ngôn thuyết chỉ bày rồi nhiếp thọ chấp trước, rốt cùng chẳng bỏ, trọn không được đệ nhất thật nghĩa là ngôn thuyết chỉ ra. **Đại Huệ !** Thí như đứa bé nên cho thức ăn chín, không nên cho thức ăn sống. Nếu cho thức ăn sống khiến nó phát cuồng, vì không biết phương tiện tự làm cho chín. **Đại Huệ !** Chẳng sanh chẳng diệt như thế, nếu chẳng có phương tiện tu hành tức là chẳng khéo. Thế nên phải khéo phương tiện tu hành, chớ theo lời nói như xem ngón tay.

Đây lại nói phải là ngôn thuyết được đệ nhất nghĩa. Ngón tay dụ ngôn thuyết. Vật dụ đệ nhất nghĩa. Nghĩa là đệ nhất nghĩa do ngôn thuyết mà vào chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa, cũng chẳng phải sở thuyết là đệ nhất nghĩa. Nếu y ngôn thuyết khởi cảnh giới giác vọng tưởng đó là chấp sâu dày. Khiến người phát cuồng tức là cho cảnh giới vọng giác làm đệ nhất nghĩa, mất trí phương tiện, tự lầm làm lầm người. Như nói "tất cả pháp chẳng sanh", đây là ngôn thuyết. Tự phải phương tiện quán sát liền biết tất cả pháp chỉ tự tâm hiện ra. Mê tự tâm thì vọng thấy hiện ra, hiện như mê thấy chẳng có pháp thật. Giác

tự tâm hiện thì mê vọng liền dứt, tất cả chẳng phải riêng có, trọn không có lấy bỏ. Chỗ không lấy bỏ ấy là tự tánh chơn như, trong ngoài lặng lẽ, tức là đệ nhất thật nghĩa. Đây là khéo phương tiện tu vậy. Nếu nghe "tất cả pháp chẳng sanh" liền trên tất cả pháp phân tích thành vi trần đến không thật có, ấy cũng thuộc tướng khác của vọng tưởng. Bởi vì nơi không chấp có, lại nơi có chấp không, thấy đều đối pháp như thật riêng khỏi cảnh giới, ấy là tướng khác. Cho đến nghe nói "tâm lượng" rồi dùng vọng tưởng giác nơi tự tâm chấp là sâu kín, cũng đều do vọng hiện vọng, chẳng lìa vọng tưởng. Y ngôn thuyết mà chấp như xem ngón tay. Cho nên trên có dụ thức ăn sống, nếu không có phương tiện trở lại thêm lớn bệnh cuồng.

Thế nên, Đại Huệ ! Nơi nghĩa chơn thật phải chơn thật tu. Nghĩa chơn thật là lặng lẽ vi diệu, là nhơn niết bàn. Còn ngôn thuyết là do vọng tưởng hiệp. Vọng tưởng là do gom họp sanh tử. Đại Huệ ! Nghĩa chơn thật là từ đa văn mà được. Đại Huệ ! Đa văn là giỏi về nghĩa, chẳng phải giỏi về ngôn thuyết. Giỏi nghĩa là không theo các kinh luận ngoại đạo, tự thân chẳng theo cũng không khiến người khác theo, ấy gọi là đại đức đa văn.

Thế nên người muốn cầu nghĩa phải thân cận bậc đa văn, nên gọi là giỏi nghĩa. Trái với người này tức là chấp trước ngôn thuyết, nên phải lìa xa.

Là nhơn chẳng phải quả gọi là Phật tánh. Là quả chẳng phải nhơn gọi là niết bàn. Chẳng phải nhơn chẳng phải quả là Phật tánh. Không nhơn không quả là niết bàn. Đây đều là lời nói của Như Lai, lời thì khác mà nghĩa là một. Nghĩa chơn thật là, tự tánh thanh tịnh làm nhơn, cứu cánh lặng lẽ làm quả. Song đây chẳng phải chỗ đến của người giỏi ngôn thuyết. Phải biết cái tịnh của tự tánh chẳng sanh lặng lẽ, không có nhơn tướng ; lặng nơi tự tánh chẳng từ tu được cũng không có nghĩa quả. Chỗ này người giác tự tâm hiện lượng tự biết tự chứng chẳng theo tất cả cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng. Nếu theo ngôn thuyết thì tăng trưởng vọng chấp, nhóm nhơn sanh tử, tức chẳng phải Như Lai nói là đa văn. Như Lai thường nói người chỉ nghe hai chữ "thường trụ" hiểu sâu nghĩa thú gọi là đa văn. Nếu người đọc được 12 bộ tất cả Khế Kinh, mà chẳng nghe "thường trụ" gọi là vô văn. Thân cận bậc đa văn nên nói là giỏi nghĩa chẳng phải giỏi ngôn thuyết. Phải tự xét kỹ vậy.

D³) *Chỉ Như Lai chẳng sanh chẳng diệt không đồng với ngoại đạo, có 6 :*

**E¹ - NAN NHU LAI ĐỒNG VỚI NGOẠI ĐẠO
BỐN THỨ NHƠN TƯỚNG.**

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại nương oai thần của Phật bạch Phật : Thế Tôn ! Thế Tôn hiển bày "chẳng sanh chẳng diệt" không có gì kỳ đặc. Vì có sao ? Vì tất cả ngoại đạo về nhơn cũng nói "chẳng sanh chẳng diệt". Thế Tôn cũng nói hư không, phi số duyên diệt (phi trạch diệt) và niết bàn giới chẳng sanh chẳng diệt ? Thế Tôn ! Ngoại đạo nói nhơn sanh các thế gian. Thế Tôn cũng nói vô minh, ái, nghiệp, vọng tưởng làm duyên sanh các thế gian. Kia nhơn, đây duyên chỉ là tên sai biệt thôi ? Ngoại vật nhơn duyên cũng như thế. Thế Tôn cùng ngoại đạo luận không có sai biệt. Vì trần, thắng diệu, tự tại, chúng sanh chủ v.v... như thế 9 vật chẳng sanh chẳng diệt. Thế Tôn cũng nói tất cả tánh chẳng sanh chẳng diệt, có không, không thể được ? Ngoại đạo cũng nói tứ đại chẳng hoại, tự tánh chẳng sanh chẳng diệt, tứ đại thường, tứ đại ấy cho đến chu lưu các thú chẳng bỏ tự tánh. Thế Tôn đã nói cũng lại như thế ? Thế nên con nói không có gì kỳ

đặc, cúi xin Thế Tôn vì nói chỗ sai biệt, sở dĩ kỳ đặc hơn các ngoại đạo. Nếu không sai biệt thì tất cả ngoại đạo đều cũng là Phật, vì chẳng sanh chẳng diệt. Song Thế Tôn nói trong một thế giới có nhiều Phật ra đời là vô lý. Nếu như trước đã nói thì trong một thế giới lý ưng có nhiều Phật, vì không sai biệt ?

Đây dùng bốn nạn muốn Như Lai phát minh lý do khác với ngoại đạo. Một, ngoại đạo chấp tác giả nhưn chẳng sanh chẳng diệt, đồng với Như Lai ba pháp vô vi. Hư không tức là hư không vô vi, phi số duyên diệt tức là phi trạch diệt vô vi, niết bàn tức là trạch diệt vô vi. Bởi chẳng biết ngoại đạo nói tác nhưn là ở trong mê vọng chấp, nhiếp thuộc sanh diệt. Chẳng sanh chẳng diệt cũng là vọng chấp. Nên nói sanh diệt tương khác, chẳng đồng với ba pháp vô vi. Như Lai giác tự tâm hiện lượng, tự tánh lặng lẽ. Hai, nạn ngoại đạo chấp tác giả nhưn sanh các thế gian, đồng với Như Lai nói mười hai nhưn duyên ba đời tương tục. Bởi không biết kia chấp tánh sanh, đây chỉ vọng duyên. Tất cả duyên sanh thấy do vọng hiện, chẳng phải tự chẳng phải tha, chẳng phải cộng chẳng phải không. Ba, nạn vi trần, thắng tánh như thế 9 vật chẳng sanh chẳng diệt, cũng đồng với Như Lai nói tất cả pháp chẳng sanh

chẳng diệt. Đâu biết Như Lai nói tự tướng pháp tánh, chơn như dù có Phật ra đời hay không Phật, pháp nhĩ như thế, chẳng đồng với ngoại đạo vọng tưởng mà thành không có nghĩa thật. Bốn, nạn ngoại đạo chấp tự tánh tứ đại là thường là một, đồng với Như Lai nói có tứ đại khắp mười phương giới chẳng lưu ngại nhau. Bởi không biết Như Lai nói phi nhơn phi duyên, phi hòa phi hợp cũng phi tự nhiên, do vọng tưởng hiện. Chính ở trong Kinh Lăng Nghiêm nói rằng : "Kiến cùng kiến duyên gồm tướng sở tướng như hoa đốm trong hư không vốn không thật có. Cái kiến và duyên này vốn là bồ đề diệu tịnh minh thể". Trong một thế giới không có nhiều Phật. Nếu ngoại đạo đồng với Phật tức là có nhiều Phật. Tổng nạn ngoại đạo đồng với Phật để hiển bày sai biệt vậy.

E² - CHỈ NHƯ LAI GIÁC TỰ TÂM LƯỢNG VỌNG TƯỚNG CHẲNG SANH.

Phật bảo Đại Huệ : Ta nói chẳng sanh chẳng diệt không đồng với ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt. Vì có sao ? Vì ngoại đạo kia chấp có tánh tự tánh được tướng chẳng sanh chẳng biến, ta chẳng như thế, còn rơi vào loại có không. Đại Huệ ! Ta nói

lìa loại có không chẳng phải tánh chẳng phải không tánh, như các thứ huyền mộng hiện, cho nên chẳng phải không tánh. Thế nào không tánh ? Nghĩa là sắc không tự tánh tướng nhiếp thọ, vì hiện chẳng hiện, vì nhiếp chẳng nhiếp. Bởi lẽ ấy, tất cả tánh không tánh chẳng phải không tánh. Chỉ giác tự tâm hiện lượng thì vọng tướng chẳng sanh an ổn vui vẻ thế sự hằng dứt.

Ngoại đạo mê tự tâm lượng, chỗ từ tâm hiện chấp có tự tánh. Đây vì không biết sanh nhơn lưu chú, thấy lưu chú tương tục được tướng chẳng sanh diệt, gọi là rơi vào bên có. Vì tác giả làm nhơn mà chẳng phải nhơn, cũng rơi vào bên không. Pháp của Như Lai chẳng phải có chẳng phải không, là các thứ sanh diệt. Nên nói "các thứ sắc tướng thấy đều không có tự tánh như mộng huyền". Mộng huyền chẳng phải không, vì không tánh nên chẳng phải có ; có thấy có nhận chẳng thể nói không, không thấy không nhận chẳng thể nói có. Có không đều phi, cả hai đều xa lìa. Duy giác tự tâm hiện lượng, cảnh hiện ra đều là tâm, trọn không có thủ xả. Thủ xả đều quên, an trụ nơi tâm hải, lặng lẽ không lo, dạo đi trong thế gian như vườn nhà của mình.

E³ - CHỈ RA NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP CHẲNG THẬT.

Phàm phu ngu si vọng tưởng tác sự, chẳng phải chư thánh hiền. Vọng tưởng chẳng thật như thành càn thất bà và người huyễn hóa. Đại Huệ ! Như thành càn thất bà và người huyễn hóa, thấy có các chúng sanh mua bán ra vào. Kẻ ngu vọng tưởng bảo thật có ra vào, mà thật không có người ra người vào, chỉ vì vọng tưởng kia. Như thế, Đại Huệ ! Phàm phu ngu si khởi cái lầm chẳng sanh chẳng diệt, kia cũng không có hữu vi vô vi, như người huyễn sanh, kỳ thật không có hoặc sanh hoặc diệt, vì tánh (pháp) không tánh không thật có. Tất cả pháp cũng như thế, là nơi sanh diệt. Phàm phu ngu si rơi vào chẳng như thật, khởi vọng tưởng sanh diệt chẳng phải các thánh hiền.

Đây là nói tột chỗ chấp tác nhơn của ngoại đạo đồng với huyễn hóa, không có nghĩa thật. Tác sự là tác nhơn, tức chỗ chấp có tướng tánh tự tánh. Nói chỗ chấp của kia là có tánh tự tánh thì chẳng phải người trí. Chính là vọng tưởng chẳng thật như thành càn thất bà, như huyễn hóa. Kẻ ngu vọng thấy ra vào, mà thật không có người ra vào. Chính kia khởi chấp chẳng sanh diệt, cũng

không thể phân biệt cái gì là hữu vi, cái gì là vô vi. Nói chỗ chấp tự tánh chẳng thật của họ tức là tướng chẳng sanh diệt, cũng thuộc về vọng tưởng, không thể chỉ bày là hữu vi hay vô vi nên đều đồng với huyền hóa. Lại chính chỗ chấp kia mà xoay lại nói "kỳ thật hoặc sanh hoặc diệt tánh cùng không tánh đều không thật có. Tất cả pháp cũng như thế, lìa nơi sanh diệt". Bởi vì muốn cho họ ngay nơi đó mà biết lỗi, được tự tướng như thật, thấy chỗ tịch tĩnh. Văn sau chỉ thẳng tự tướng tịch tĩnh chẳng khác với vọng tưởng mà được chơn thật, chỉ cần một phen giác.

E⁴ - CHỈ THẬT TÁNH VỌNG TƯỚNG TỨC CHON TỊCH TĨNH.

Chẳng như thật ấy chẳng thế, như tánh tự tánh, vọng tướng cũng chẳng khác. Nếu khác với vọng tướng thì chấp trước tất cả tánh tự tánh, chẳng thấy tịch tĩnh. Người chẳng thấy tịch tĩnh trọn chẳng rời vọng tướng. Thế nên, Đại Huệ ! Vô tướng kiến là thắng, chẳng phải tướng kiến. Tướng kiến là nhưn thọ sanh, cho nên chẳng thắng. Đại Huệ ! Vô tướng là vọng tướng chẳng sanh, chẳng khởi chẳng diệt, ta nói là niết bàn. Đại Huệ ! Niết bàn là thấy nghĩa chơn thật, lìa vọng tướng tâm tâm số pháp trước. Đạt

được Như Lai tự giác thánh trí, ta nói là niết bàn.

Tiếp trước nói phàm phu rơi vào chẳng như thật thì không thể như tất cả vọng tưởng tánh tự tánh, cũng chẳng khác. Phàm tất cả tánh như vọng tưởng tánh, không thể ngay đó phát minh được vọng tưởng tự tánh. Theo vọng khởi chấp dường như có pháp khác, tướng và kiến theo đó mà sanh, vì thế chẳng thấy tịch tĩnh. Chẳng thấy tịch tĩnh thì trọn không thể xa lìa vọng tưởng, đều do chẳng biết tự tánh vọng tưởng. Đây chỉ thẳng tự tánh vọng tưởng tức là chơn thật. Chỉ tự rõ biết không có tướng, kiến liền là niết bàn. Tướng, kiến là như thọ sanh, ngu nơi chơn thật thì không thể an trụ. Đây là tất cả chúng sanh xưa nay thanh tịnh, thường bị khách nhiễm làm chướng. Cho nên biết, đoạn chướng bày ra chơn như không hai, tức là tự tánh niết bàn. Nói là đoạn chướng tức là đoạn chướng tướng kiến này. Chướng này nếu đoạn liền thấy thật tánh vọng tưởng. Từ trước tâm tâm số pháp liền đó chóng lìa. Lìa thì tự giác thánh trí không có thể riêng, Như Lai nói là niết bàn.

E⁵ - CHỈ VÔ NHƠN ĐỂ BÀY NGHĨA VÔ SANH.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Diệt trừ sanh luận kia	Dựng lập nghĩa chẳng sanh
Ta nói pháp như thế	Kẻ ngu không thể biết.
Tất cả pháp chẳng sanh	Không tánh không thật có
Cần thất bà huyễn mộng	Có tánh ấy không nhơn.
Chẳng sanh không tự tánh	Vì sao không lại nói ?
Bởi lìa nơi hòa hợp	Tánh giác biết chẳng hiện
Thế nên không chẳng sanh	Ta nói không tự tánh.
Bảo mỗi mỗi hòa hợp	Tánh hiện mà chẳng có
Phân tích không hòa hợp	Chẳng như ngoại đạo thấy.

Tất cả các pháp do mê tự tâm bất giác liên hiện, không có tự tánh. Đây là lý do Như Lai nói chẳng sanh và không. Nói chẳng sanh là vì phá sanh luận. Nói pháp không là vì phá kiến chấp hữu. Kỳ thật tất cả pháp đều không tự tánh. Như thành cần thất bà mộng huyễn, tuy có tánh hiện mà vốn không nhơn. Không nhơn mà hiện nên không có nghĩa sanh, bởi không có tánh tự sanh. Trong khoảng kia nhơn duyên hòa hợp gá tánh giác tri, dường như rõ ràng hiện tiền. Nếu lìa hòa hợp thì giác tưởng không có chỗ gá, hiện lại là trạng thái gì ? Trong mộng hòa hợp ngay đó

rõ ràng, sau khi có nhơn duyên thức giắc thì ghi nhớ cái gì ? Cho nên biết, không cùng chẳng sanh là nói tất cả pháp bất giác liên hiện không có tự tánh, mà không phải một bề chẳng sanh trống rỗng thành không. Mỗi mỗi hòa hợp tánh như bóng như vang, hiện mà chẳng phải có, chẳng đồng với ngoại đạo thật có sanh nhơn, quyết đợi phân tích rồi sau mới biết nó là chẳng có.

Mộng huyền và tóc rử	Sóng nằng, cần thất bà
Thế gian các thứ việc	Không nhơn mà tướng
	hiện
Bể đẹp hữu nhơn luận	Nêu bày nghĩa vô sanh.
Pháp chảy mãi chẳng dứt	Thịnh hành vô nhơn luận
Khủng bố các ngoại đạo.	

Lập lại tất cả pháp như mộng huyền tóc rử sóng nằng thành cần thất bà không có sanh nhơn, mà sanh sự (quả) rõ ràng. Dùng đây để chiết phục vô nhơn luận, chính do đây nên bày vô sanh. Phạm "pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ", pháp nhơn chóng mở thì chỗ nhất dụng của bách tánh cúi ngược xây quanh đều kham nối tiếp. Cho nên nói "nêu bày vô sanh pháp chảy mãi không dứt". Song lý do chiết phục ngoại đạo cũng chính tại đây. Nghĩa là do ngoại đạo vọng chấp các pháp có sanh nhơn nên rơi vào hai lỗi : một là chẳng phải tự sanh, hai là không

thể sanh cái khác, vì không có tánh sanh. Nếu có sanh nhơn thì tất cả pháp đều có cội gốc, không thể chóng liễu. Song có thấy và chẳng thấy, có nhiếp và chẳng nhiếp, chỉ do mê khởi, chẳng phải chẳng chóng liễu. Ngoại đạo không thể giác chỗ này luống nghe không nhơn, chẳng rõ biết chỗ trở về mờ昧 không căn cứ. Cho nên biết họ ắt kinh sợ.

E^o - RỘNG CHỈ NGHĨA VÔ SANH, CÓ 2 :

G¹) CHỈ THĂNG VÔ SANH.

Khi ấy, Đại Huệ dùng kệ hỏi Phật :

Thế nào do nhơn gì	Kia do có gì sanh ?
Ở chỗ nào hòa hợp	Mà làm vô nhơn luận ?

Đây là nhơn Như Lai ở trước nói vô nhơn luận, nên lại hỏi tất cả các pháp rốt ráo nhơn gì ? Chỗ nào hòa hợp ? Mà làm vô nhơn luận.

Thế Tôn lại dùng kệ đáp :

Quán sát pháp hữu vi	Phi vô nhơn hữu nhơn
Kia thuộc sanh diệt luận	Chỗ thấy từ đó diệt.

Ngoại đạo nói nhơn thấy do vọng kiến. Người trí nếu hay quán sát tất cả các pháp hữu vi đều do tự tâm bất giác vọng hiện, như mộng như huyễn không có nhơn tướng, cũng không vô nhơn. Cái thấy này chóng dứt liền hiệp vô sanh.

Đai Huệ nói kê hỏi :

Thế nào là vô sanh Là phải vô tánh chăng?
Là đoái xem các duyên Có pháp tên vô sanh
Tên chẳng lẽ không nghĩa Xin vì phân biệt nói.

Đây hỏi vô sanh là thấy không pháp hay là
đời duyên hội. Đã có tên vô sanh, có tên át phải
có nghĩa.

Thế Tôn lai dùng kê đáp :

Phi vô tánh vô sanh	Cũng phi đoái các duyên
Chẳng có tánh có tên	Tên cũng chẳng không nghĩa.
Tất cả các ngoại đạo	Thanh văn và Duyên giác
Phi cảnh giới thất trụ	Ấy gọi tướng vô sanh.

Tất cả các pháp đều do tâm hiện, hiện chẳng phải không tánh, hiện chẳng đợi duyên, hiện chẳng phải tự tánh, song cũng chẳng phải không nghĩa tâm lượng. Đây là nghĩa tâm lượng vô sanh, còn chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa, thất tru hướng là ngoại đạo.

Xa lìa các nhơn duyên	Cũng lìa tất cả sự
Chỉ có vi tâm trụ	Tưởng sở tưởng đều lìa
Thân kia tùy chuyển biến	Ta nói là vô sanh.

Nhơn duyên tức là thế gian. Nhơn duyên hòa hợp. Tất cả sự tức là tất cả quả. Nghĩa là lia kiến

chấp như duyên hòa hợp như quả có không ở thế gian. Chỉ có niệm hiện tiền vi mật an trụ tịch tĩnh, chuyển năng sở tất cả thân vọng tưởng, mà làm tự giác thánh trí. Mê, ngộ dụng khác mà không có thể khác, nên nói tâm vốn vô sanh.

**Không ngoại tánh vô tánh Cũng không tâm nhiếp
thọ**

Đoạn trừ tất cả kiến Ta nói là vô sanh.

**Như thế không tự tánh Không, thấy nên phân
biệt**

**Chẳng không nên nói Vô sanh nên nói không.
không**

Đây nói giác tự tâm hiện lượng, chỉ rõ tất cả ngoại pháp không tánh, không tâm thủ cảnh, tất cả kiến chấp dứt tức là vô sanh. Câu vô sanh này cùng nghĩa không, không có tự tánh đều nói chính khi sanh là chẳng sanh, chẳng phải thấy đều không. Cho nên nói "Chẳng không nên nói không, vô sanh nên nói không".

G²) CHỈ PHÁP NHON DUYÊN SANH PHÁ TRỪ CHẤP NHON.

Nhon duyên số hòa hợp Ất có sanh có diệt

**Lìa các nhon duyên số Không riêng có sanh
diệt.**

Bỏ lìa nhon duyên số Lại không có tánh khác

Nếu nói một khác ấy	Là ngoại đạo vọng
	tưởng.
Có không tánh chẳng	Chẳng có cũng chẳng
sinh	không
Trừ số kia chuyển biến	Ấy thấy không thể được.

Trên nói vô sanh tức ở đương sanh, chính là Như Lai chỉ bày lý vô sanh. Đây nói sanh diệt gốc nơi nhơn duyên để rõ cái có chúng sanh lưu chuyển. Chỉ đạt lưu chuyển chính ở nhơn duyên thì bỏ nhơn duyên, lại không nói một, khác, có không, như tứ cú của ngoại đạo vọng tưởng. Mới biết mê nhơn duyên nên thấy sanh diệt, ngộ nhơn duyên là hợp với vô sanh. Nếu lìa nhơn duyên riêng có sanh diệt thì luận vô sanh cũng bị phá hoại. Nghĩa nhơn duyên mà chẳng phải đương sanh chẳng sanh, văn sau sẽ nói rõ.

Chỉ có các tục số	Lần lượt làm xiềng xích
Lìa xích nhơn duyên kia	Nghĩa sanh không thể
	được.
Sanh không tánh chẳng	Lìa các lối ngoại đạo
khởi	
Chỉ nói duyên xiềng xích	Phàm ngu không thể
	hiếu.
Nếu lìa duyên xiềng xích	Riêng có tánh sanh ấy

Tức là vô nhơn duyên**Phá hoại nghĩa xiềng****xích****Như đèn bày các tướng****Xiềng xích hiện cũng vậy****Ấy là lìa xiềng xích****Riêng lại có các tánh.**

Các tục số tức là chỉ chúng sanh do nhơn duyên sanh diệt, như xiềng xích liên hoàn chẳng dứt. Nếu tức nhơn duyên kia chóng lìa xiềng xích liên không có sanh diệt có thể được. Liên đây vô sanh, một lúc pháp kiến chẳng khởi, tự lìa lỗi của ngoại đạo. Chỉ dùng thuyết nhơn duyên này, vẫn chẳng phải phạm ngu hay hiểu. Bởi vì lìa xiềng xích tức không sanh diệt, lìa xiềng xích tức không vô sanh. Mê ngộ đồng đường mà dễ sanh thấy khác. Nếu lìa xiềng xích (nhơn duyên) riêng có sanh diệt thì Như Lai luận vô nhơn. Cũng phải phá hoại nhơn duyên mà lại có chỗ chỉ, như đèn bày các tướng, chẳng phải đèn tức các tướng. Sự hiện của nhơn duyên nếu quả như vậy thì ngoài nhơn duyên riêng có tánh khác, đã thành thuyết của ngoại đạo. Thế thì, nghĩa đương sanh mà chẳng sanh của Như Lai lại có chỗ nào được sáng sửa ?.

Không tánh không có sanh Như tự tánh hư không**Nếu lìa các xiềng xích****Huê không chỗ phân biệt.****Lại có các vô sanh****Pháp hiển thánh sở đắc****Kia sanh mà vô sanh****Ấy là vô sanh hẳn.**

Đây hiển bày nghĩa đương sanh là chẳng sanh. Bởi vì tức nơi tánh mà không tánh tức nơi sanh mà vô sanh. Hiện tại trong nhơn duyên xiềng xích rõ ràng như tự tánh hư không, chẳng lìa chính nơi đây mà tự chứng tự biết. Chư hiền thánh đạt được pháp nhãn đều không có hai ý chỉ.

Nếu khiến các thế gian	Người quán sát xiềng
	xích
Tất cả lìa xiềng xích	Từ ấy được tam muội.
Si ái các nghiệp thấy	Ấy là xiềng xích trong
Dùi, gỗ, đất bánh xe	Chúng tử thấy bên ngoài.
Nếu khiến có tha tánh	Mà từ nhơn duyên sanh
Kia không nghĩa xiềng	Ấy là chẳng thành tự.
	xích
Nếu sanh không tự tánh	Kia lấy gì xiềng xích
Vì lần lượt sanh nhau	Nên biết nghĩa nhơn
	duyên.

Lại khuyên thế gian chỉ hay quan sát xiềng xích (nhơn duyên) không có tự tánh, chẳng sanh pháp khác, chính nơi đây bỗng nhiên không còn ngàn ngại, sẵn có chánh định liền khi ấy hiện tiền. Mới biết tất cả vô minh hoặc nghiệp cây dùi thanh gỗ hòn đất bánh xe, khi mê dường như có pháp, lúc ngộ chẳng từ nơi khác, lần lượt sanh

nhau cái gì là tác giả ? Nên nó "tướng kiến không tánh đồng như bó lau". Nghĩa nhơn duyên pháp nhĩ như thế.

**Pháp cúng ướm ẩm động Phàm phu sanh vọng
tướng**

Lìa số không pháp khác Ấy là nói không tánh.

Nêu cúng ướm ẩm động để lệ tất cả pháp thấy từ vọng tướng, dường sanh tương tục, lìa đây thì riêng không có, là nói không tánh.

Như thầy trị các bệnh	Không có bao nhiêu luận
Vì bệnh có sai biệt	Nên lập các thứ trị.
Ta vì chúng sanh kia	Phá hoại các phiền não
Biết căn kia hơn kém	Vì nói độ môn kia
Phi gốc phiền não khác	Mà có các thứ pháp.
Chỉ nói pháp nhất thừa	Ấy tức là Đại thừa.

Kết nói Như Lai vì các chúng sanh rộng nói nhơn duyên để phá hoại phiền não dựng lập độ môn. Tuy nhơn căn dục có các thứ khác, dường như Phật cũng có các thứ giáo lý mà chẳng biết Như Lai chỉ có nhất thừa. Nên nói "tự tâm hiện lượng, phương tiện nhiều môn, về nguồn không hai".

D⁴) *Chỉ Như Lai nói pháp chẳng phải thường vô thường, chẳng đồng với ngoại đạo, chia làm hai :*

E¹ -HỎI NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP VÔ THƯỜNG LÀ TÀ HAY CHÁNH?.

Khi ấy, Đại Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Tất cả ngoại đạo đều khởi vọng tưởng vô thường. Thế Tôn cũng nói tất cả hạnh vô thường là pháp sanh diệt. Nghĩa này thế nào ? Là tà hay chánh ? Là có bao nhiêu thứ vô thường ?.

Nhơn trước Phật nói chẳng sanh diệt là thường đã cùng ngoại đạo chẳng đồng, đây lại do pháp vô thường cũng có tà chánh nên khởi hỏi này. Đúng về tự tâm mà nói thì chẳng phải thường và vô thường. Bởi bất giác tự tâm vọng có hiện ra thì niệm chẳng dừng, không có chủ thể. Thế thì, tất cả pháp sắc tâm trong ngoài như ngọn đèn như đồng lửa, như điện chớp, như bóng dáng, mé trước mé sau mỗi mỗi chẳng đến nhau, đây là chánh pháp nói vô thường. Phàm tự tánh như thật khó mà chóng giác nên vì nói vô thường khiến họ lần lần ngộ. Ngoại đạo lường ở ngoài tâm thấy tất cả pháp thật có sanh ra, thật có diệt mất, chấp thường mà vẫn chẳng phải như chơn

thật, chấp vô thường cũng chẳng phải chơn tịch. Đây là lý do ngài Đại Huệ gấp cầu phát minh.

**E² - BÀY NGOẠI ĐẠO VÔ THƯỜNG ĐỂ HIỂN
CHÁNH PHÁP CHẴNG PHẢI THƯỜNG
VÔ THƯỜNG, CHIA RA 11 :**

G¹) TỔNG BÀY BẢY THỨ VÔ THƯỜNG.

Phật bảo Đại Huệ : Tất cả ngoại đạo có bảy thứ vô thường, chẳng phải pháp của ta. Những gì là bảy ? Kia có nói rằng "làm rồi mà bỏ", ấy gọi vô thường ; có nói "hình xứ hoại", ấy gọi vô thường; có nói tức sắc là vô thường; có nói trong khoảng giữa sắc chuyển biến, ấy là vô thường, không xen hở tụ nó tan hoại như sự chuyển biến của sữa thành lạt, trong khoảng giữa không thể thấy, vô thường hủy hoại tất cả tánh chuyển; có nói tánh vô thường; có nói tánh không tánh vô thường ; có nói tất cả pháp chẳng sanh vô thường vào tất cả pháp.

Làm rồi mà bỏ là, có tánh vô thường hay làm các đại, các đại là thường, cái hay làm, làm rồi lại bỏ là vô thường. Hình xứ hoại là, chấp tứ đại và tứ đại tạo sắc năng tạo sở tạo chẳng hoại, chỉ phân tích thấy hình trạng dài ngắn hoại thôi. Tức sắc là, tứ đại năng tạo là thường, tứ đại sở

tạo là vô thường. Trong khoảng giữa sắc chuyển biến là, năng tạo sở tạo trong khoảng giữa có tánh vô thường luôn luôn chuyển biến như sữa biến thành lạt v.v... tự nhiên biến đổi. Tánh vô thường là, có tự tánh vô thường chẳng hoại mà hay hoại các pháp, như cây gậy, gạch, đá có tánh hay hoại. Tánh không tánh vô thường là, tánh chỉ năng tạo, không tánh chỉ sở tạo, tánh của năng tạo tạo xong liền hoại pháp sở tạo cũng lại tùy hoại, đây là chấp năng sở đều hoại. Tất cả pháp chẳng sanh vô thường là, phân biệt tất cả pháp chẳng sanh, mà cho chẳng sanh khắp tất cả là vô thường. Đây là bày bảy thứ, văn sau rộng phá, trước sau không nhất định.

G²) TÁNH KHÔNG TÁNH VÔ THƯỜNG.

Đại Huệ ! Tánh không tánh vô thường là, tứ đại và sở tạo tự tướng hoại, tứ đại tự tánh không thể được, chẳng sanh ư ?

Tứ đại là năng tạo. Sở tạo là tất cả pháp. Kia chấp năng tạo sở tạo tự tướng, tạo xong thấy đều hoại, mà tứ đại tự tánh chẳng phải hình tướng có thể được. Chẳng sanh là, chẳng biết tứ đại chủng do vọng tưởng mà thành, vọng vốn chẳng sanh cũng không có chỗ diệt, tức ở như duyên xiềng xích đều không có tác giả. Đâu thể khi năng tạo, sở tạo hoại lại có tứ đại tự tánh chẳng sanh ư ?

G³) TẤT CẢ PHÁP CHẲNG SANH VÔ THƯỜNG.

Kia chẳng sanh vô thường ấy, chẳng phải thường vô thường, tất cả pháp có không chẳng sanh, phân tích cho đến vi trần thì không thể thấy, ấy là nghĩa chẳng sanh. Phi sanh, ấy gọi là tướng chẳng sanh vô thường. Nếu chẳng giác được chỗ này thì rơi vào nghĩa sanh vô thường của tất cả ngoại đạo.

Chẳng phải thường vô thường chính là chỗ chấp của ngoại đạo. Kia cho là tất cả pháp có không chẳng sanh, phân tích cho đến vi trần thì không thể thấy, ấy là nghĩa chẳng sanh. Phi sanh, bèn cho là chẳng sanh vô thường, mà không biết pháp của ta nói chẳng sanh, bởi do tự tâm bất giác vọng hiện như bóng như điện, không thể nói có không, mà chẳng phải phân tích không thấy. Vả lại, đã nói có tánh chẳng sanh vào tất cả pháp, đây tức là sanh, vì gọi là tác giả. Lẽ ung nói sanh vô thường, mà lại nói chẳng sanh vô thường. Thế thì, cho sanh là chẳng sanh, là không biết nghĩa chẳng sanh ; mà cho chẳng sanh là vô thường, lại chẳng biết nghĩa vô thường. Nếu chẳng giác chỗ này tức rơi vào nghĩa sanh vô thường của ngoại đạo mà lầm cho là chẳng sanh vô thường.

G⁴) TÁNH VÔ THƯỜNG.

Đại Huệ ! Tánh vô thường ấy, là tự tâm vọng tưởng chẳng phải tánh thường vô thường. Vì có sao ? Vì vô thường tự tánh chẳng hoại. Đại Huệ ! Đây là việc tất cả tánh không tánh vô thường. Trừ vô thường ra không có cái gì hay khiến tất cả pháp tánh không tánh, như gậy, gạch, đá hay phá hoại các vật.

Tánh vô thường là, ngoại đạo chấp tự tánh vô thường hay phá hoại các pháp. Trước xét cái tệ kia, là đối chỗ chẳng phải tánh thường vô thường mà vọng sanh phân biệt, bảo có vô thường tự tánh chẳng hoại. Dưới bèn nêu cái chấp kia, bảo việc tất cả tánh không tánh vô thường, chẳng phải có vô thường tự tánh hay hoại các pháp thì quyết không thể khiến tất cả pháp tánh không tánh vô thường. Như vậy, gạch, đá là dụ có sức hay phá hoại. Đây tức là năng hoạt sở hoại rõ ràng có hai vật, cho nên ở sau phá đó.

Hiện thấy mỗi mỗi chẳng khác tánh ấy vô thường sự, chẳng phải tác, sở tác có sai biệt, đây là vô thường, đây là sự. Tác và sở tác không khác ấy, tất cả tánh thường, vì không nhưn tánh. Đại Huệ ! Tất cả tánh

không tánh có nhơn, chẳng phải chỗ biết của phàm ngu.

Nhơn ở trên nói có cái vô thường tự tánh chẳng hoại mà hay hoại tất cả pháp thì nên có hai vật sai biệt. Cho nên phá rằng "hiện thấy trước mắt tất cả tánh (pháp) vô thường sự không có năng hoại sở hoại tướng sai biệt khác, thật có thể chỉ bày, bảo đây là vô thường tánh hay hoại, đây là vô thường sự bị hoại". Đã năng sở chẳng khác thì tất cả tánh là thường không có nhơn tánh. Nghĩa là tất cả pháp thường tự tịch diệt không có nhơn tánh năng hoại. Như Lai lại chuyển ngữ nói "tất cả tánh không tánh vô thường sự cũng có nhơn, song chẳng phải chỗ biết của phàm ngu". Sao gọi là có nhơn? Nghĩa là tất cả các pháp nhơn vô thủy bất giác vọng có hiện ra không có tự tánh, sát na sát na niệm niệm chẳng dừng, nên nói "các pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ", đây không phải chỗ biết của phàm ngu.

Chẳng phải nhơn chẳng tương tự sự sanh. Nếu sanh, tất cả pháp thấy đều vô thường. Là chẳng tương tự sự thì tác và sở tác không có sai khác, mà thấy thấy có khác. Nếu tánh vô thường, rơi vào tác nhơn tánh tướng. Nếu rơi thì tất cả tánh chẳng cứu

cánh. Tất cả tánh tác nhơn tướng rơi thì, tự vô thường nên vô thường. Vì vô thường là vô thường nên tất cả tánh chẳng vô thường ưng là thường.

Đây nhơn ở trên tất cả tánh không tánh có nhơn mà nói, để rõ vọng chấp nhơn khác không thể sanh quả khác.

Ngoại đạo vọng chấp có vô thường tự tánh hay hoại các pháp, ấy vẫn dùng nhơn khác mà sanh quả khác. Nếu sanh thì, nhơn đã vô thường, tất cả pháp chẳng tương tự pháp khác cũng là vô thường, như người cũng có thể sanh súc, súc cũng có thể sanh người, năng sanh và sở sanh thấy đều lộn xộn không có sai biệt. Song, người sanh người, súc sanh súc hiện thấy sai biệt thì nhơn khác ấy làm sao mà sanh quả khác ? Đây chỉ đến vọng chấp chơn quả chẳng tương tự, bẻ cái tự nói tương vi (trái nhau) của kia, mà ý thật ở chỗ nêu lên năng sở kia đều không, để hiển bày tất cả tánh tướng ngay nơi ấy là vô sanh. Cho nên lại nói "nếu tánh vô thường, rơi vào tác nhơn tánh tướng v.v..." Nghĩa là vô thường nhơn tánh đã nói hay hoại tức là rơi vào tác nhơn, bèn chẳng phải cứu cánh thường trụ. Song tất cả tánh đều chẳng phải cứu cánh thường trụ, do có vô thường hay hoại nhơn tướng, ấy là tự vô

thường. Thế thì, tất cả nên vô thường, tự vô thường, tất cả vô thường mà đã thấy tất cả lại chẳng phải vô thường, nên ung là thường. Tất cả tánh thường tự tịch diệt, tác sở tác không sai biệt, nên nói "tất cả tánh thường, không hơn tánh".

Nếu vô thường vào tất cả tánh, ung rơi vào ba đời. Sắc quá khứ kia cùng cái hoại chung thì, vị lai chẳng sanh, vì sắc chẳng sanh, sắc hiện tại cùng tướng hoại chung. Sắc là tứ đại nhóm hợp sai biệt. Tứ đại và tạo sắc tự tánh chẳng hoại, vì lìa khác và chẳng khác. Tất cả ngoại đạo chấp tất cả tứ đại chẳng hoại. Tất cả tứ đại và tạo sắc ở trong ba cõi tại sở tri thì có sanh diệt. Lìa tứ đại tạo sắc, tất cả ngoại đạo nơi chỗ nào suy nghĩ tánh vô thường ? Tứ đại chẳng sanh, vì tự tánh tướng chẳng hoại.

Đây do ngoại đạo chấp có vô thường tự tánh chẳng hoại vào tất cả pháp. Cho nên lại nói "tất cả sắc pháp thấy rơi vào ba đời, ba đời sắc pháp đều thuộc hoại tướng, thì tự tánh chẳng hoại hay vào sẽ ở chỗ nào ? Lại ngoại đạo thường chấp tứ đại chủng thể tánh chẳng hoại, hơn đây mà phá, bảo "kia chấp sắc tức tứ đại chứa nhóm sai biệt, năng tạo sở tạo, lìa khác và chẳng khác

chẳng biết hiện tiền ba cõi tất cả tứ đại và tạo sắc là nhiếp về sanh diệt. Nếu lìa tứ đại tạo sắc, kia lại nương vào đâu suy nghĩ riêng có tánh vô thường vào nơi tứ đại, mà nói tự tánh chẳng hoại ? Trên là tột kia không có pháp năng hoại, đây cùng tột kia cũng không tự tánh chẳng hoại. Năng sở đều không, nên nói "tất cả tánh tướng chính nơi đó là vô sanh".

G) TẠO RỐI MÀ BỎ VÔ THƯỜNG.

Lìa mới tạo vô thường, chẳng phải tứ đại lại có khác với tứ đại, mỗi mỗi tướng khác. Vì tự tướng chẳng phải sai biệt có thể được ? Kia không sai biệt, đây thấy chẳng lẫn tạo. Hai phương tiện chẳng làm, nên biết là vô thường.

Đây ngoại đạo chấp có vô thường tánh làm tác giả hay tạo tứ đại, tạo rồi liền bỏ là vô thường. Chẳng phải tứ đại lại có khác với tứ đại đó, nói không thể lẫn nhau tạo. Lẫn nhau tạo như lửa tạo nước, nước tạo đất, mỗi mỗi tướng khác không thể lẫn nhau tạo. Cũng chẳng phải tự tạo, vì tự tướng không có sai biệt. Đây thấy cũng chẳng lẫn tạo, lẫn tạo tức là chung tạo. Hai phương tiện chẳng làm là, lửa cùng nước hiệp sanh thể tánh trái khác, rõ chẳng chung tạo. Phàm chẳng lẫn tạo, chẳng tự tạo, lại chẳng

chung tạo, nên biết đại chủng nhưm mê hư vọng chóng hiện, trung gian không chủ là chọn tịch diệt. Chẳng nên dùng mới tạo lại bỏ là vô thường.

G⁶) HÌNH XÚ HOẠI VÔ THƯỜNG.

Hình xú kia hoại vô thường là, tứ đại và tạo sắc chẳng hoại, đến tột chẳng hoại. Đại Huệ ! Tột là, phân tích cho đến vi trần quán sát hoại, tứ đại và tạo sắc hình xú khác, thấy dài ngắn không thể được chẳng phải tứ đại. Tứ đại chẳng hoại, hiện hình xú hoại, rơi vào số luận.

Hình xú là, hình xú dài ngắn của tứ đại. Thấy hình xú dài ngắn của tứ đại diệt, mà sắc thể tứ đại năng tạo sở tạo chẳng diệt. Đây là Tàng Khu (số luận) chấp tứ đại là thường luận. Phân tích tột cùng cho đến vi trần quán sát hoại, chỉ hay hoại cái tướng có thể thấy là hình xú dài ngắn của tứ đại tạo sắc, mà không phải tứ đại. Như Lai nơi đây chỉ nói "rơi vào Số luận", bởi trước sau đã phá tứ đại tạo sắc không có tác giả, đã tột rõ ràng.

G⁷) SẮC TỨC VÔ THƯỜNG.

Sắc tứ vô thường là, sắc tức là vô thường. Kia là hình xú vô thường, chẳng phải tứ đại. Nếu tứ đại vô thường thì chẳng phải số ngôn

thuyết của thế tục. Ngôn thuyết của thế tục không phải tánh, ắt rơi vào thế luận. Thấy tất cả tánh chỉ có ngôn thuyết, chẳng thấy tự tướng sanh.

Tất cả sắc pháp duy tâm hiện ra, thấy là tánh vô thường, đây là Nhu Lai nói. Ngoại đạo chấp sắc này tức vô thường, chỉ dùng hình xú mà chẳng phải tứ đại. Nếu tứ đại vô thường bèn chẳng phải số ngôn thuyết của thế tục. Tục số nói ra chẳng phải tánh, mới thật không pháp. Nếu vậy tức rơi vào đoạn kiến thế luận, bởi chỉ có ngôn thuyết không có pháp tự tướng. Cho nên biết, tất cả các pháp tự tướng như thật chơn lý, chỉ giác tự tâm hiện lượng nội chứng nhận được. Đây không phải khả năng của ngoại đạo đến được.

G⁸) SẮC CHUYỂN BIẾN TRUNG GIAN VÔ THƯỜNG.

Chuyển biến vô thường là, sắc khác tánh hiện chẳng phải tứ đại. Như vàng làm các món đồ trang sức chuyển biến hiện ra, chẳng phải tánh vàng hoại, chỉ những món đồ trang sức chỗ nơi hoại. Như thế, các tánh chuyển biến v.v... cũng như vậy.

Ngoại đạo chấp năng tạo sở tạo trung gian có tánh vô thường luôn luôn chuyển biến, như sữa biến thành lạt, sắc khác tánh hiện ra. Chẳng

phải tứ đại là, cũng như trên hình xứ tứ đại thấy diệt, mà thể tánh tứ đại chẳng diệt. Như vàng làm đồ trang sức, chỉ chuyển biến hiện, chẳng phải tánh vàng hoại. Các tánh là, tất cả pháp chuyển biến cũng đều như thế.

g⁹) KẾT BẢY THỨ VÔ THƯỜNG VỌNG CHẤP.

Như thế thấy, các thứ ngoại đạo chấp vô thường, vọng tưởng khi lửa đốt tứ đại, tự tướng chẳng đốt. Mỗi mỗi tự tướng tướng hoại thì tứ đại tạo sắc ung đoạn.

Đây là nói chung bảy thứ hư vọng phân biệt. Đại lược đều cho hiện hình bên ngoài của tứ đại riêng có tự thể tứ đại lửa không thể đốt. Nếu hay đốt được thì năng tạo sở tạo đều đoạn diệt. Đây là phân nửa sanh diệt phân nửa chẳng sanh diệt. Bởi do chẳng giác tự tâm hiện lượng, chẳng đạt các pháp duy tâm, vốn không có sanh cũng không chỗ diệt. Vọng thấy sanh diệt, vọng phân tánh tướng, thường chấp vô thường, vô thường chấp thường, để hiển bày tự tâm hiện lượng.

g¹⁰) CHỈ NHƯ LAI NÓI RA PHI THƯỜNG PHI VÔ THƯỜNG, ĐỂ HIỂN TỰ TÂM HIỆN LƯỢNG.

Đại Huệ ! Pháp duyên khởi của ta phi thường phi vô thường. Vì có sao ? Vì ngoại tánh không quyết định, chỉ nói ba cõi duy tâm, chẳng nói các thứ tướng có sanh có

diệt. Tứ đại hội hiệp sai biệt, tứ đại và tạo sắc, nên vọng tưởng hai thứ năng nhiếp sở nhiếp. Biết hai thứ vọng tưởng, là hai thứ chấp ngoại tánh không tánh, giác tự tâm hiện lượng. Vọng tưởng là, tu tưởng tác hành sanh, chẳng phải chẳng tác hành. Là tâm vọng tưởng tánh không tánh thì thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng tất cả pháp phi thường phi vô thường... Chẳng giác tự tâm hiện lượng rơi vào hai bên ác kiến tiếp nối. Tất cả ngoại đạo chẳng giác vọng tưởng mình, phạm phu này không có căn bản. Nghĩa là thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng nói từ vọng tưởng sanh, chẳng phải chỗ giác của phạm ngu.

Như Lai đã nói các pháp phi thường vô thường, vì chẳng chấp nhận ngoại tánh có sanh diệt, chỉ nói ba cõi duy tâm, đây là ba đời chư Phật đồng một chỉ thú. Bởi vì các thứ sanh diệt do tứ đại và tạo sắc như duyên hội hiệp dường như có sai biệt. Song thật không có năng tạo sở tạo, do vô thủy bất giác một lúc liền hiện, nên nói "ba cõi duy tâm". Không thể liễu đạt duy tâm mà khởi hai thứ vọng tưởng năng tạo sở tạo tức rơi vào kiến chấp có không, liễu đạt thì chóng lìa, chỉ một tâm lượng. Cho nên biết, tứ đại trong ngoài,

sắc tâm các pháp đều do vọng tưởng phân biệt mà sanh tất cả hạnh nghiệp. Các hạnh nghiệp ấy chẳng thật có sanh thì chẳng lại đợi không. Chỉ là hai thứ phân biệt có không thì tự tâm hiện lượng thắng đó hiện tiền, sở dĩ Như Lai nói phi thường vô thường vậy. Nhơn vọng tưởng mà bày hiện thể, xuất thể, xuất thể thượng thượng ba thứ pháp phân biệt, không thể nói là thường. Tức nhơn vọng tưởng mà bày hiện thể, xuất thể, xuất thể thượng thượng ba thứ. Trí vô phân biệt, không thể bảo vô thường. Ngoại đạo có hai thứ ác kiến bởi do chẳng giác tự tâm hiện lượng, nơi vọng tưởng phân biệt không thể chính đó phát minh được vô phân biệt căn bản tánh trí. Cho nên Như Lai ba thứ pháp theo chúng sanh phân biệt mở nói phương tiện, chẳng phải chỗ giác của phàm ngu.

G¹⁾) TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Xa lìa nơi mới tạo	Và cùng hình xứ khác
Tánh cùng sắc vô thường	Ngoại đạo ngu vọng
	tưởng.
Các tánh không có hoại	Đại đại tự tánh trụ
Ngoại đạo tưởng vô	Chìm tại các thứ chấp.
	thường

Các chúng ngoại đạo kia	Không hoặc sanh hoặc diệt
Đại đại tánh tự thường	Sao nói tướng vô thường.
Tất cả duy tâm lượng	Hai thứ tâm lưu chuyển
Nhiếp thọ và sở nhiếp	Không có ngã ngã sở.
Phạm thiên là cội cây	Cành nhánh trái khắp giáp
Như thế ta nói ra	Chỉ là tâm lượng kia.

Tụng nói ngoại đạo chấp tất cả vô thường đều do vọng tưởng làm ngu, kỳ thật tất cả pháp không có tướng hoại. Chủng tánh các đại mỗi trụ nơi pháp vị, tất cả sanh diệt là tự tướng chơn như. Bởi do chẳng biết tâm lượng lầm cho là vô thường bị kiến chấp làm chìm. Nếu biết tất cả duy tâm thì hai kiến chấp lưu chuyển cũng duy tâm hiện, thắng đó năng nhiếp sở nhiếp không, không có tác giả, toàn vọng là toàn chơn, đâu lại có riêng. Cho nên chính ngay chỗ chấp kia cho Phạm thiên là cội cây hay sanh tất cả hữu tình khắp giáp ba cõi. Các thứ tà vọng. Như Lai nói đều duy tâm lượng, giác tức bồ đề chẳng nhọc chuyển biến. Đây là đến chỗ vọng chấp của ngoại đạo khiến họ thoát nhiên biết quấy liền đồng bản đắc. Như Lai dạy người có thể gọi là từ bi cùng tột vậy.

D⁵) *Chỉ Như Lai đệ nhất nghĩa chống trừ các địa, riêng hiển duy tâm, có 5 :*

E¹ - NHON ĐẠI HUỆ HỎI CHÁNH THỌ,
TRƯỚC CHỈ HÀNH TƯỚNG THẤT BÁT
ĐỊA.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật :
Thế Tôn ! Cúi xin vì nói tất cả Bồ tát, Thanh
văn, Duyên giác diệt chánh thọ (diệt tận
định) thứ lớp tương tục. Nếu giới nơi tướng
diệt chánh thọ thứ lớp tương tục con và các
Bồ tát trọn chẳng vọng bỏ diệt chánh thọ lạc
môn, chẳng rơi vào tất cả Thanh văn, Duyên
giác, ngoại đạo, ngu si. Phật bảo Đại Huệ :
Lắng nghe ! Lắng Nghe ! Khéo suy nghĩ đó,
tôi sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Thế
Tôn ! Xin vâng vì nói. Phật bảo Đại Huệ : Đại
Bồ Tát đệ lục địa và Thanh văn, Duyên giác
nhập diệt chánh thọ ; Đại Bồ Tát đệ thất địa
niệm niệm chánh thọ, lìa tất cả tướng tánh
tự tánh chánh thọ, chẳng phải Thanh văn,
Duyên giác. Thanh văn, Duyên giác rơi vào
có hành giác, tướng năng nhiếp sở nhiếp
diệt chánh thọ. Thế nên, Bồ Tát thất địa phi
niệm chánh thọ, được tất cả pháp tướng
không sai biệt, chẳng phải được từng phần
các thứ tướng tánh, giác tất cả pháp thiện

chẳng thiện tánh tướng chánh thọ. Thế nên Bồ Tát thất địa không thiện niệm chánh thọ. Đại Huệ ! Bồ Tát bát địa và Thanh văn, Duyên giác tâm ý ý thức tướng vọng tướng diệt.

Nhập diệt tận định tam thừa đều có. Thấy vì đối trị tâm ý ý thức của phàm phu, là tất cả tâm niệm phân biệt ngã và ngã sở. Chỉ vì nhị thừa chẳng giác tự tâm hiện lượng như huyền như mộng, vì đối trị nên thành thật pháp, nơi pháp chánh định chưa quên năng sở, có giác có hạnh, cho nên chẳng bằng Bồ tát thất địa niệm niệm chánh thọ. Sơ địa đến lục địa vẫn không thể như Bồ tát thất địa niệm niệm chánh thọ. Song do Đại thừa vào phần kiến đạo, tuy có đối trị chưa là giác hạnh, nhưng đều thuộc phương tiện không cho là thật pháp. Mới biết lý do thất địa được niệm niệm chánh thọ, do giác tự tâm hiện lượng rồi xả phương tiện, là tất cả tướng tánh tự tánh, được huệ vô sai biệt, đây là nguyên nhơn nhị thừa chẳng có phần. Được các thứ tướng tánh, giác tất cả pháp tánh tướng thiện chẳng thiện chánh thọ là, chính chỉ nhị thừa sợ rơi vào tướng không sai biệt, muốn được các thứ tánh tướng thiện chẳng thiện mà vào chánh thọ, bỏ sanh đến diệt, phân biệt chưa quên, nên nói "dùng trạm (lặng) hiệp trạm (lặng) về tột mé thức", cho nên

không có thiện niệm chánh thọ của thất địa. Thiện niệm tức là niệm niệm, cũng tức là phi niệm. Nói đệ bát địa mới hay diệt vọng tưởng tâm ý ý thức nhị thừa là, đến đệ bát địa được pháp vô ngã, tâm thức mới hết. Sơ địa đến thất địa tuy giác tự tâm hiện lượng đều hay là tâm ý ý thức, nhưng đến bát địa mới hết, nên nói "bát địa diệt". Thất địa đã không phương tiện giác hạnh được niệm niệm chánh thọ, mà chẳng nói thất địa diệt, bởi chánh thọ sức thắng, pháp vô ngã chưa hiện, bản nguyện đại bi vẫn đợi nhớ niệm, cho nên chẳng nói cứu cánh diệt. Song đến bát địa vẫn nhờ chánh định, giác tâm gia trì, mới hay cứu cánh viên mãn Như Lai địa, hướng là thất địa. Đại Huệ nhơn ở trên tướng thường vô thường đã biện tà chánh, nơi đây lại thỉnh nói về các địa chánh thọ, muốn rõ được chỗ sai biệt của Đại thừa và Nhị thừa, cùng chỗ sai biệt của mỗi địa, vì những người tu hành phát minh để tăng tấn.

E² - CHỈ SƠ ĐỊA CHO ĐẾN THẤT ĐỊA, CÙNG NHỊ THỪA ĐỒNG KHÁC.

Đại Bồ Tát từ sơ địa đến thất địa quán tam giới lượng tâm ý ý thức, là ngã ngã sở, tự vọng tưởng tu, rơi vào ngoại tánh các thứ tướng. Ngu phu hai thứ tự tâm nhiếp sở

nhiếp thấy không biết, chẳng giác vô thủy lỗi ác hu ngụy tập khí huân nên.

Sơ địa đến thất địa, bản Đường, Ngụy dịch đều nói "sơ địa đến lục địa, do Bồ tát đã có chánh thọ cùng nhị thừa đồng, duy đến lục địa". Bản dịch này nói chỗ thấy của Bồ tát cùng nhị thừa khác, nên nói thất địa. Văn sau liền chỉ ra hành tướng bát địa. Bồ tát đạt tự tâm lượng nên hay quán tam giới trong ngoài đều do tâm ý ý thức bất giác hiện ra, vốn không có ngã sở, chỉ tự vọng tưởng nên ngoài thấy có tánh tướng. Nhị thừa chẳng đạt tự tâm rơi vào hai bên có không. Khởi cảnh giới năng thủ sở thủ, cho nên tuy cùng lục địa đồng một chánh thọ mà Bồ tát liễu đạt tất cả tánh không có tướng tự tánh mà vào chánh thọ. Nhị thừa giác các thứ tướng khác hy vọng mà vào chánh thọ. Một bên dùng sức phương tiện trừ sạch hiện tập. Một bên do chẳng giác chẳng biết bị vô thủy hu ngụy tập khí chuyển. Một quyền một thật đã chứng rõ ràng.

E³ - CHỈ BÁT ĐỊA TAM MUỘI GIÁC TRÌ.

Đại Huệ ! Đại Bồ Tát bát địa là Thanh văn, Duyên giác niết bàn. Bồ tát là do tam muội giác gia trì, nên tam muội môn lạc chẳng vào niết bàn. Nếu chẳng gia trì thì Như Lai địa chẳng đầy đủ, vì ném bỏ tất cả

việc hữu vi của chúng sanh, hạt giống Phật ắt phải đoạn. Chu Phật Thế Tôn vì chỉ vô lượng công đức bất khả tư nghì của Như Lai. Thanh văn, Duyên giác nơi tam muội môn được lạc bị dẫn, nên khởi tướng niết bàn.

Bồ tát bát địa cũng có tam muội lạc môn của Nhị thừa, do sức bản nguyện, tuy ở trong tam muội do giác gia trì nên chẳng vào niết bàn. Nếu chẳng gia trì thì không thấy đủ địa Như Lai, dẹp bỏ chúng sanh thì hạt giống Phật ắt phải đoạn. Cho nên trong Kinh Hoa Nghiêm Bồ tát bát địa được mười phương Như Lai đồng thỉnh khuyến phát, bảo : "Chỗ sở đắc của ông nhị thừa cũng có, phải nhớ vô lượng bất khả tư nghì công đức". Thế nên biết, bát địa phát khởi thấy do thần lực chư Phật, chẳng bị say cái tam muội lạc của Nhị thừa. Thần lực chư Phật mà nói tam muội giác gia trì, là Bồ tát sơ phát tâm trụ do giác tự tâm hiện lượng vào Như Lai giác, đồng thể nhiếp trì cảm ứng đạo giao, dùng Phật giác tự giác, ở trong tam muội tự nhiên thức tỉnh không thể nghĩ bàn.

E⁴ - CHỈ THẤT ĐỊA XẢ LY TAM MUỘI HIỆN TỰ TÂM LƯỢNG.

Đại Huệ ! Ta phân bộ thất địa khéo tu tướng tâm ý ý thức, khéo tu ngã ngã sở

nhiếp thọ, như pháp vô ngã, tự tướng cộng tướng sanh diệt, khéo được tứ vô ngại, sức quyết định tam muội môn địa thứ lớp tương tục, vào pháp đạo phẩm. Chẳng khiến Đại Bồ tát chẳng giác tự tướng cộng tướng, chẳng rành về thất địa, rơi vào lối tà của ngoại đạo, cho nên lập địa thứ lớp. Đại Huệ ! Kia thật không có hoặc sanh hoặc diệt, trừ tự tâm hiện lượng, nên nói "Địa thứ lớp tương tục và tam giới các thú hạnh", chỗ kẻ nực không thể giác. Chỗ kẻ ngu không thể giác là, ta và chư Phật nói địa thứ lớp tương tục và nói tam giới các thú hạnh.

Phân bộ là phân biệt diễn nói. Như Lai nơi thất địa phân biệt diễn nói. Nghĩa là thất địa sanh như đã đoạn đồng với nhị thừa, rất dễ đắm nhiễm nên vì phân biệt. Nếu khéo phân biệt tâm ý thức đều tự tâm hiện không có ngã ngã sở. Không ngã thì nhiếp thọ không người. Không sở thì nhiếp thọ không pháp. Không người không pháp thì lìa hy vọng đồng tướng và dị tướng. Bởi nhị thừa giác các thú dị tướng hy vọng chánh định nên dễ chấp lấy niết bàn. Nếu hay khéo biết chỗ này thì hay hiểu rộng pháp nghĩa nhất thừa, giải tứ vô ngại, nơi tam muội môn được sức quyết định tự giác gia trì, dùng đây để soi sáng các địa, tăng tiến đạo phẩm. Cho nên nói "chẳng khiến

Bồ tát chẳng giác tự tướng cộng tướng, chẳng rành về thất địa, rơi vào lối tà của ngoại đạo." Đây là chỉ thú Như Lai lập địa, mà nơi thất địa rất phải dè dặt e rơi vào lối tẻ. Lại nói "kia thật không có hoặc sanh hoặc diệt, trừ tự tâm hiện lượng". Nên nói "địa thứ lớp tương tục và tam giới các thú hạnh". Như Lai trước sau nêu cao bảo vệ pháp môn duy tâm. Nghĩa là duy tự tâm không có các địa thứ lớp. Lại cùng tất cả hành tướng trong tam giới, khi giác tự tâm hiện lượng thì được không thật có. Từ không thật có kiến lập tất cả pháp, vì độ kẻ bất giác chẳng phải vì người giác.

Lại nữa, Đại Huệ ! Thanh văn, Duyên giác Bồ Tát đệ bát địa diệt tam muội môn lạc say bị say, chẳng rành tự tâm hiện lượng, bị tập khí tự tướng cộng tướng làm chướng, rơi vào nhơn pháp vô ngã, kiến chấp pháp nhiếp thọ, vọng tưởng khởi tướng niết bàn, chẳng phải trí huệ giác tịch diệt. Đại Huệ ! Bồ Tát thấy diệt tam muội môn lạc, bốn nguyện thương xót, đại bi thành tựu, biết phân biệt mười câu vô tận, chẳng vọng tưởng khởi tướng niết bàn. Kia đã niết bàn, vì vọng tưởng chẳng sanh, là vọng tưởng năng nhiếp sở nhiếp. Giác rõ tự tâm hiện lượng thì tất cả các pháp vọng tưởng chẳng

sanh, chẳng rơi vào ngoài tâm ý ý thức chấp trước vọng tưởng, tướng tánh tự tánh, chẳng phải Phật pháp, như chẳng sanh, tùy trí huệ sanh được Như Lai tự giác địa.

Trên vì thất địa phân bộ chẳng khiến rơi vào lỗi tẻ, đây đối với bát địa thống thiết định ninh. Bởi vì Thanh văn Duyên giác đến khi đang quả đồng với Bồ tát đệ bát Bất động địa, tất cả thế gian xuất thế gian tướng niệm hằng dứt, chỉ chẳng ràng tự tâm lượng bèn bị tập khí tự tướng cộng tướng che ngăn, thấy pháp ngoài tâm khởi tướng niết bàn, không có huệ tịch diệt. Cho nên Bồ tát bát địa đối diệt tam muội lạc hiện tiền liền nhớ nghĩ bản nguyện, khởi tâm đại bi, dùng mười câu vô tận (thập vô tận cú) thành tựu Phật địa, chẳng vào niết bàn. Nghĩa là đã vào niết bàn, chẳng lẽ lại vào niết bàn. Bồ tát này giác tự tâm hiện lượng không có năng thủ sở thủ, thấy tất cả pháp chẳng phải riêng có, hằng là tâm ý ý thức và các thứ tướng trong tam giới, chuyển thân vọng tưởng làm tự giác thánh trí, y thánh trí sanh đến cứu cánh giác địa. Cho nên nói "vọng tưởng chẳng sanh, mà chẳng phải Phật pháp như chẳng sanh".

Như người trong mộng dùng phương tiện qua sông, khi chưa qua đã thức, thức rồi suy

ngĩ là chánh hay là tà ? Chẳng phải chánh chẳng phải tà ? Các cái thấy nghe hiểu biết từ vô thủy nhưn tượng các thứ tập khí, các thứ hình xú rơi trong tướng có không nên tâm ý ý thức mộng hiện.

Đây dụ tập khí vọng thấy tự tướng cộng tướng khởi tướng niết bàn, mà thật đều tự tâm hiện ra, không có nhưn pháp, cũng không có cảnh giới năng độ sở độ. Như người trong mộng dùng phương tiện qua sông, thức rồi tâm dùng không thể nói tà chánh, chỉ là từ vô thủy tập khí còn thừa thấy nghe hiểu biết phân biệt. Nơi tất cả sắc tâm các pháp vọng chấp có không đều là việc mộng do tâm ý ý thức hiện ra, không có cảnh giới thật.

Đại Huệ ! Như thế Đại Bồ Tát nơi đệ bát địa Bồ Tát thấy chỗ vọng tướng sanh. Từ sơ địa chuyển tiến đến đệ thất địa thấy tất cả pháp phương tiện như huyền v.v... độ tâm hạnh vọng tướng năng nhiếp sở nhiếp rồi, khởi Phật pháp phương tiện, người chưa được khiến được. **Đại Huệ !** Đây là Bồ Tát niết bàn phương tiện chẳng hoại, là tâm ý ý thức được vô sanh pháp nhẫn. **Đại Huệ !** Đối với đệ nhất nghĩa không có thứ lớp tương

tục, nói pháp không thật có vọng tưởng tịch diệt.

Nương trên dụ qua sông, đệ bát địa Bồ tát cũng lại như thế. Bồ tát đến đệ bát địa mới thấy chỗ vọng tưởng. Nghĩa là giác tự tâm hiện lượng, đạt tất cả vọng tưởng đều do bất giác vọng thấy có không, đến đệ bát địa các vọng tưởng dứt, mới thấy chỗ sanh vọng tưởng. Thấy chỗ sanh vọng tưởng mới biết từ sơ địa đến đệ thất địa đã có tất cả pháp tướng trọn như mộng huyễn, được trí phương tiện bình đẳng, độ tâm năng sở vọng tưởng hàng dứt, liền dùng huệ phương tiện tự lợi lợi tha đến cứu cánh Phật địa. Đây là Bồ tát vô trụ xứ niết bàn chẳng phải nhị thừa quyết định tịch diệt niết bàn. Bồ tát vô trụ xứ niết bàn là tâm ý ý thức, đối tất cả chỗ không hoặc phương tiện, được vô sanh nhẫn, đây là đệ nhất nghĩa pháp không thật có tịch diệt. Nên nói "nơi đệ nhất nghĩa không thứ lớp tương tục, nói pháp không thật có vọng tưởng tịch diệt. Không thứ lớp là không có các địa thứ lớp.

E⁵ - CHỈ DUY TÂM TRỪ CÁC ĐỊA.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Tâm lượng không thật có	Đây trụ đến Phật địa
Khử lai và hiện tại	Ba đời chư Phật nói
Tâm lượng địa đệ thất	Không thật có đệ bát
Hai địa tên là trụ	Phật địa tên tối thắng
Tự giác trí và tịnh	Đây tức là địa ta
Chỗ tự tại tối thắng	Thanh tịnh khéo trang ng nghiêm
Chiếu sáng như lửa mạnh	Ánh sáng soi khắp nơi.
Sáng lòa chẳng mờ mắt	Xoay vòng hóa ba cõi
Hiện tại hóa ba cõi	Hoặc có khi trước hóa
Nơi kia diễn nói thừa	Đều là Như Lai địa
Thập địa tức là sơ	Sơ tức là bát địa
Đệ cửu tức là thất	Thất cũng lại là bát.
Đệ nhị là đệ tam	Đệ tứ là đệ ngũ
Đệ tam là đệ lục	Không có thứ lớp gì.

Bài kệ thứ nhất nói các địa Phật địa đều không thật có, thấy là một duy tâm, ba đời Như Lai không có nói khác. Bài kệ thứ hai nói thất địa chưa lìa tâm lượng, bát địa lìa chưa cứu cánh, chưa phải là hành xứ của Như Lai. Bài kệ thứ ba về sau đều nói Phật địa. Tự giác trí và tịnh tức là trí và tịnh dung nhau, nên nói "pháp thân thanh tịnh cùng pháp thân vô cấu" hiệp hai nghĩa này thành tự Như Lai tự giác. Cho nên người được tự giác thánh trí tức ở cõi trời Sắc cứu cánh trong cung Đại bảo hoa thành Đẳng chánh giác,

làm Bồ tát Thập địa hiện thân rộng lớn ánh sáng chiếu soi, do đó đại hóa tiểu hóa tùy thuận hóa khắp giáp hiện tại, hoặc trước hoặc sau, đã có kiến lập thừa địa đều là nhất thừa, thừa thừa đều là Phật thừa. Bởi vì sơ địa cho đến thập địa, một địa tức tất cả địa, tất cả địa tức một địa. Kinh Hoa Nghiêm hàng Thập trụ sơ tâm thành Đẳng chánh giác cùng Phật không khác. Ở đây Như Lai kiến lập pháp môn đệ nhất nghĩa, chong trừ các địa riêng bày duy tâm.

D⁶) *Chỉ Như Lai chánh giác thường trụ, có bốn : (1)*

E¹- CHỈ CHÁNH GIÁC CHẴNG ĐỒNG LỖI TẠO TÁC.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Như Lai ứng cúng Đẳng chánh giác là thường hay vô thường ? Phật bảo Đại Huệ : Như Lai ứng cúng Đẳng chánh giác chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Nghĩa là cả hai đều có lỗi. Nếu thường thì có lỗi làm chủ, thường ấy tất cả ngoại đạo nói tác giả vì không có chỗ tác, thế nên Như Lai

(1) *Bản Hán Ngữ sang quyền tâm.*

thường phi thường. Chẳng phải tác thường, vì có lỗi. Nếu Như Lai vô thường, có lỗi tác vô thường, sở tướng của ấm tướng thì không tánh, ấm hoại nên đoạn, mà Như Lai chẳng phải đoạn.

Trước hỏi tất cả pháp thường cùng vô thường, đây hỏi pháp Như Lai sở chứng là thường hay vô thường. Như Lai Chánh giác không thể nói thường cùng vô thường, nghĩa là cả hai đều có lỗi. Nếu thường thì rơi vào lỗi tác giả, như ngoại đạo chấp thần ngã nói là năng tác, Như Lai giác tánh không phải sở sanh của sanh nhơn mà là sở liễu của liễu nhơn, vì không có chỗ tác, chẳng phải thường, chẳng phải tác thường. Nếu vô thường thì rơi vào lỗi sở tác, đồng với tướng ấm, ấm thuộc về sở tác, không tánh, ấm hoại liền đoạn, mà Như Lai giác tánh chẳng đoạn, cho nên chẳng phải vô thường.

Đại Huệ ! Tất cả sở tác đều vô thường, như bình, y v.v... tất cả đều là lỗi vô thường thì nhất thiết trí đầy đủ phương tiện ung vô nghĩa, vì cho là sở tác. Thế thì, tất cả sở tác đều ung là Như Lai. Vì không nhơn tánh sai biệt. Thế nên, Đại Huệ ! Như Lai phi thường phi vô thường.

Đoạn trên nói sở tác vô thường. Nghĩa là phạm có sở tác thấy đều vô thường đồng với bình, y v.v... Như Lai cũng có sở tác mà chẳng phải vô thường. Do không như tánh sai biệt, nghĩa là Như Lai đã tu phước trí đều thuận tánh khởi dụng không có như riêng, chẳng đồng sở tác.

E² - CHỈ CHÁNH GIÁC TRÍ VÔ GIÁN THƯỜNG BÀY HIỆN.

Lại nữa, Đại Huệ ! Như Lai chẳng phải như hư không thường. Như hư không thường thì mắc lỗi tự giác thánh trí đầy đủ phương tiện thành vô nghĩa. Đại Huệ ! Thí như hư không phi thường phi vô thường, là thường là vô thường, một khác, chung chẳng chung. Thường vô thường đều lỗi nên không thể nói, vì thế Như Lai phi thường. Lại nữa, Đại Huệ ! Nếu Như Lai vô sanh thường như sừng thỏ, sừng ngựa v.v... cho vô sanh thường thì phương tiện vô nghĩa. Bởi vô sanh thường là có lỗi nên Như Lai phi thường. Lại nữa, Đại Huệ ! Còn có các việc khác biết Như Lai thường. Vì có sao ? Vì đã được trí vô gián thường nên Như Lai thường.

Đây nói Như Lai phi thường chẳng như hư không. Bởi hư không thường là thường vô thường một khác chung chẳng chung v.v... bốn

câu thường bị lỗi vô thường. Song Như Lai tuy bị lỗi vô thường mà chẳng như hư không, vì có tự giác thánh trí sự. Như Lai phi thường chẳng như sùng thổ, do sùng thổ có lỗi vô sanh thường. Song, Như lai không bị lỗi vô sanh thường, nên chẳng như sùng thổ, vì có phương tiện nhận được. Cho nên biết, Như Lai sở tác chẳng đồng các vật, Như Lai vô tác chẳng đồng hư không sùng thổ. Ở giữa hai bên kia mà được trí Như Lai vô gián thanh tịnh, nên nói Như Lai thường. Như Lai từng ở trên hội Niết bàn tuyên nói "thường lạc ngã tịnh" đều vì lừa dối hiển bày. Ba đời Như Lai vô thượng pháp ẩn không có hai chỉ thứ.

E³ - CHỈ NHƯ LAI TÁNH THƯỜNG BÌNH ĐẲNG.

Đại Huệ ! Hoặc Như Lai ra đời hoặc chẳng ra đời, pháp quyết định trụ, Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như Lai vô gián trụ, chẳng trụ hư không, cũng chẳng phải chỗ hiểu biết của ngu phu. **Đại Huệ !** Như Lai đã được trí là do bát nhã huân, chẳng phải tâm ý ý thức các ám giới nhập xứ huân. **Đại Huệ !** Tất cả ba cõi đều là vọng tưởng chẳng thật sanh, Như Lai chẳng từ tưởng hư vọng chẳng thật sanh. **Đại Huệ !** Do hai pháp nên có thường vô thường, chẳng phải chẳng

hai, chẳng hai là lạng lẽ, vì tất cả pháp không hai tướng sanh.

Đây thẳng bày Như Lai vô gián thánh trí, tam thừa đều bình đẳng, có Phật hay không Phật bản giác vẫn thường trụ. Chẳng trụ hư không, chẳng đồng giác tướng, vì hư không là không, vì tướng chẳng thật. Nếu hay nơi đây sáng ngộ liền chuyển tập khí hư nguy từ vô thủy làm vô gián bát nhã. Tất cả tâm ý ý thức, các ấm nhập giới thuần một tịch tĩnh, cứu cánh chẳng hai. Chỉ kẻ ngu chẳng giác khắp thể toàn vọng, mê Như Lai vô gián thánh trí làm tâm ý ý thức lưu chuyển trong ba cõi đồng với huyền hóa, nên nói "từ vọng tướng chẳng thật sanh". Tóm lại pháp thể không hai, mê thì có thường vô thường vọng thấy dường như hai, giác thì vọng kiến chóng mất chỉ một tịch tĩnh. Song mê cùng giác xưa nay có đủ, đều có nghĩa huân. Kinh Viên Giác nói "tất cả chúng sanh đồng chứng viên giác". Kinh Pháp Hoa nói : "Phật chứng từ duyên". Mới tin bát nhã thánh trí trọn chẳng mai một. Thời tiết nếu đến thì lý ấy tự bày.

Thế nên, Như Lai ứng cúng Đẳng chánh giác phi thường vô thường. Đại Huệ ! Cho đến ngôn thuyết phân biệt sanh thì có lỗi thường vô thường. Phân biệt giác diệt thì là

kiến chấp thường vô thường của ngu phu, chẳng có huệ tịch tĩnh, hằng là sự huân của thường vô thường, phi thường vô thường.

Tất cả chúng sanh chẳng thành Vô thượng Chánh giác xét tột mà nói chẳng ngoài ngôn thuyết phân biệt hai thứ lỗi lầm. Do phân biệt mà khởi ngôn thuyết, lại như ngôn thuyết mà sanh phân biệt, chỗ nương của ngôn thuyết là lỗi tại phân biệt. Cho nên phân biệt giác diệt thì hai kiến chấp chóng là, không rơi vào ngu phu huệ chẳng tịch tĩnh khởi huân tập thường vô thường.

E⁴ - TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Các duyên hạnh vô nghĩa	Sanh lỗi thường vô
	thường
Nếu không phân biệt giác	Hằng là thường vô
	thường.
Từ kia lập nên tông	Ất có các nghĩa tạp
Đẳng quán tự tâm lượng	Ngôn thuyết không thể
	được.

Duyên hạnh vô nghĩa là chẳng giác tự tâm hiện lượng thì không gốc có thể y cứ, hội quy về vô cực, bên trong đã không nguồn thâm hợp thì bên ngoài ắt sanh lỗi phân biệt đây là lý do rơi

hai bên. Nếu bỏ phân biệt, giác được nguồn chơn thì tự chứng bên trong chẳng rơi vào đoạn thường, song không y cứ nơi đây lập tông. Nơi đây mà lập tông vẫn là mê giác đối đãi nhau, các nghĩa tạp dấy, mà chẳng phải đẳng quán tâm lượng mình. Đẳng quán tâm lượng thì chỉ có thâm hợp nên chẳng phải ngôn thuyết đến.

*D⁷) Chỉ cội gốc sanh diệt để hiển tàng thức tức
Nhu Lai tàng vốn không cấu nhiễm, có 5 :*

E¹ - ĐẠI HUỆ THỈNH HỎI.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật :
Thế Tôn ! Cúi xin Thế Tôn lại vì con nói ấm giới nhập sanh diệt, kia không có ngã thì cái gì sanh cái gì diệt ? Kẻ ngu phu y nơi sanh diệt chẳng giác khổ tận, chẳng biết biết bàn. Phật bảo : Lành thay ! Lành thay ! Lắng nghe ! Sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Xin vâng thọ giáo.

Nhơn đoạn trước phát minh Như Lai đã được Vô gián trí thường, đoạn này lại lấy sanh diệt thừa thỉnh. Bởi vì chúng sanh chẳng đạt chơn trí thường trụ, vọng thấy sanh diệt thật có lý do. Tánh ấm giới nhập vốn không tác giả mà sanh diệt rõ ràng. Bởi do chẳng giác Như Lai tàng tánh toàn thể đổi thành tàng thức cùng bảy thức

thân chung, khởi các căn thức vin theo ngoại cảnh. Đã có sanh diệt tuy không có ngã mà có tàng thức, bảy thức chẳng dứt. Đây là chỗ Nhị thừa không thể biết. Như Lai dạy bảo Bồ tát thật là rành rõ nên phải xét kỹ.

E² - CHỈ NHƯ LAI TÀNG THANH TỊNH KHÔNG NHƠ.

Phật bảo Đại Huệ : Như Lai tàng là nhơn thiện bất thiện, hay khắp khởi tạo tác tất cả thú sanh, thí như con hát biến hiện các thú, lìa ngã ngã sở. Vì chẳng giác kia nên ba duyên hòa hợp phương tiện mà sanh. Ngoại đạo chẳng giác chấp là tác giả. Vì từ vô thủy ác tập hu ngụy huân tập nên gọi là tàng thức. Sanh vô minh trụ địa cùng thất thức chung, như thân biến sổng, sanh mãi chẳng dứt. Lìa lỗi vô thường, lìa ngã luận thì tự tánh không như cứu cánh thanh tịnh.

Như Lai tàng là nhơn thiện bất thiện, đây là yếu chỉ bí mật của ba đời Như Lai, chính cùng vọng tưởng không tánh lẫn nhau phát minh. Như Lai tàng đã là nhơn thiện bất thiện thì Như Lai tàng cũng không có tánh, như con hát đóng các vai trò mà không có ngã và ngã sở. Nơi đây nếu giác thì, tánh của không tánh vì chiếu liễu nên thất thức chẳng sanh, đã có trí dụng thấy đều

bình đẳng. Nơi đây nếu chẳng giác thì, Như Lai tàng đối làm tàng thức, nên nói "trụ địa vô minh", vì vô minh bất giác nên vọng động thành nghiệp là sanh kiến phần làm thất thức thân. Thất thức thân này tất cả phàm ngu ngoại đạo chấp làm ngã thể. Cho nên có thường kiến, do phi thường chấp là thường thấy rơi vào vô thường. Nếu lìa vô thường ngã kiến thì tự tánh không nhờ, cứu cánh thanh tịnh. Ba duyên là căn trần thức. Thức này gồm chỉ các thức cũng do thất thức dấy khởi đều thuộc kiến phần. Căn trần thuộc tướng phần, cũng chẳng rời kiến phần mà có hiện ra. Cho nên biết, ba cõi trong ngoài thành nơi thất thức, thấy do bất giác Như Lai tàng. Bởi tàng tánh không tánh nên mới tùy duyên. Tùy duyên nhiễm tịnh thiện bất thiện sanh. Chẳng phải thật có chủng tử, mà tất cả chủng tử đều y đó, nên nói từ vô thủy tập khí hư ngụy.

E³ - RIÊNG PHẠM NGU Y THỨC GIẢI THOÁT CHẲNG THẤY NHƯ LAI TÀNG TÁNH.

Kỳ du các thứ có sanh có diệt. Ý ý thức v.v... niệm niệm có thất thức, như vọng tưởng chẳng thật chấp các cảnh giới, các thứ hình xứ, chấp trước danh tướng. Chẳng giác sắc tướng tự tâm hiện ra, chẳng giác khổ lạc, chẳng đến giải thoát, danh tướng

các thú trói buộc, tham sanh rồi sanh tham, hoặc nhen hoặc phan duyên, các thọ căn kia diệt thú lớp chẳng sanh. Còn tự tâm vọng tưởng chẳng biết khổ vui, vào diệt thọ tưởng chánh thọ, đệ tử thiên.

Các thức là chỉ cho thất chủng thức. Mê Như Lai tạng chuyển làm thức tạng mà có thất thức thân, một lúc các thức chóng hiện, niệm niệm có thất thức là, các thức đều có thất thức chủ trì. Do đó vọng tưởng chẳng thật nhảy vọt chuyển sanh nhiếp thủ cảnh giới, chẳng rõ danh tướng trước mắt do tự tâm hiện. Lại y danh tướng sanh thọ khổ lạc, tham sanh sanh tham triển miên chẳng dứt. Do thọ làm nhen, danh tướng làm duyên. Diệt thọ khổ lạc thì danh tướng chẳng sanh. Tất cả vọng tưởng tạm được dùng nghĩ thành diệt tận định và tứ thiên định. Chẳng biết thọ vốn vô ngã thì sanh thọ diệt thọ đều là hư vọng. Đây là phàm phu nhàm lìa sanh diệt mà không có quán kỹ khởi diệt tận tưởng.

Người khéo tu hành chơn để giải thoát, khởi tưởng giải thoát, chẳng lìa chẳng chuyển danh Như Lai tạng thức tạng thì thất thức lưu chuyển chẳng diệt. Vì có sao ? Vì kia nhen phan duyên các thức sanh. Chẳng phải cảnh giới của Thanh văn Duyên

giác tu hành. Chẳng giác vô ngã thì tự tướng cộng tướng nhiếp thọ, sanh ấm giới tánh. Thấy Như Lai tạng thì ngũ pháp, ba tự tánh, nhơn pháp vô ngã ắt diệt.

Nhị thừa được chọn để giải thoát riêng nơi tứ thiện. Song do chẳng chuyển tạng thức làm Như Lai tạng thì thất thức chẳng diệt. Nghĩa là thất thức cùng tạng thức làm nhơn, lại duyên tạng thức mà được sanh trụ, nên nói "y kia trở lại duyên kia". Nhị thừa chẳng giác tự tâm hiện ra, chẳng biết cảnh hiện duy tâm, không có pháp tánh. Chỉ nơi ấm nhập giới phát minh vô ngã, lìa được nhiếp thủ vẫn còn pháp tự tướng cộng tướng của ấm nhập giới. Đây tức là tập khí thất thức chẳng diệt. Thức này cần chuyển tạng thức làm Như Lai tạng mới danh, tướng, vọng tướng đương thể toàn không, chánh trí, như như cũng là nói suông, đến đây mới gọi nhơn pháp vô ngã. Chẳng giác vô ngã, chính là nói chẳng giác pháp vô ngã. Nhị thừa chỉ chứng nhơn không mà chẳng chứng pháp không. Vì chẳng đạt Như Lai tạng tánh thì chẳng lìa tạng thức. Chẳng lìa tạng thức thì thất thức ắt chẳng diệt. Thất thức chẳng diệt mà nói nhơn không, chỉ không cái ngã trong tam giới, mà cái ngã tập khí của bát thức thật còn chẳng giác. Chỉ quán ấm nhập giới không, chứng được chọn để, chẳng sanh ái thủ, đoạn được nhơn

tam giới, phần ngoại ngã thất thức diệt mà phần nội ngã chẳng diệt, nên nói "chẳng giác vô ngã".

**E⁴ - CHỈ NHƯ LẠI TÀNG TỰ GIÁC CHỐNG
LÀ SANH DIỆT CHẴNG PHẢI NHỊ
THỪA.**

Địa thứ lớp tương tục chuyển tiến, các kiến chấp ngoại đạo không thể làm khuynh động, ấy gọi là trụ Bồ Tát bất động địa (Bất địa), được mười thứ tam muội đạo môn lạc, do tam muội giác gia trì, quán sát Phật pháp bát tu nghi, tự nguyện chẳng thọ tam muội môn lạc và thật tế, hướng đến tự giác thánh thú, chẳng chung chỗ tu hành với tất cả Thanh văn, Duyên giác và các ngoại đạo, được mười chủng tánh đạo hiển thánh và thân trí ý sanh, là tam muội hạnh. Thế nên, Đại Huệ ! Đại Bồ Tát muốn cầu thắng tiến phải sạch Như Lai tạng và tên thức tạng.

Nương trên nói thấy Như Lai tạng, diệt thất thức thân thì hay tùy địa thứ lớp chuyển tiến, chẳng bị ngoại đạo làm điều động. Đây chính là đệ bát bất động địa, nên nói "trước bất động địa vừa xả thức". Xả tạng thức thì chánh thọ hiện tiền, do được Như Lai tự giác làm giác gia trì, phát bi nguyện, nên hay chẳng thọ tam muội môn lạc và trụ thật tế. Thật tế là chơn như thật

tế. Trụ nơi chơn như thật tế thì thấy không Phật có thể thành, không chúng sanh đáng độ, nên chẳng trụ thật tế, y trí khởi dụng. Nên nói "tự giác thánh thú chẳng chung chỗ tu hành với Nhị thừa và các ngoại đạo". Mười hiền thánh chứng tánh tức là thập địa chứng tánh. Nghĩa là từ thập địa cho đến Phật địa được ba thứ thân, lìa tam muội viên mãn bổ đề. Cho nên người muốn được thắng tiến phải khéo rành nơi Như Lai tạng và tên thức tạng. Bởi vì Như Lai tạng và thức tạng một thể hai tên, mê ngộ khác vậy. Vì lẽ Như Lai tạng vốn tự không tánh, tánh không tánh ấy rất chơn rất tịch. Tốt chỗ chơn tịch liền là vô minh, vô minh vô thủy bất giác vọng kiến, kiến vọng vốn là không, chẳng lìa bản tế. Nếu hay giác chỗ này thì an trụ tâm hải, lại không riêng có. Thân tức là Pháp thân. Trí tức là Báo thân. Ý sanh tức là Hóa thân. Chuyển bát thức được tên pháp thân, chuyển thất thức được tên Báo thân, chuyển đệ lục ý thức được tên hóa thân. Trong khoảng sát na ngộ mê đã chuyển nên nói "chỉ chuyển tên kia không có thật tánh".

Đại Huệ ! Nếu không thức tạng gọi là Như Lai tạng, ắt không sanh diệt. Đại Huệ ! Song các phàm thánh thấy có sanh diệt. Người tu hành tự giác thánh thú hiện trụ pháp lạc, chẳng bỏ phương tiện. Đại Huệ !

Như Lai tàng thức tàng này, tất cả Thanh văn, Duyên giác tâm tướng được thấy, tuy tự tánh thanh tịnh mà bị khách trần che đậy vẫn thấy chẳng tịnh, chẳng phải chư Như Lai. Đại Huệ ! Như Lai ấy, cảnh giới hiện tiền, như trong lòng bàn tay xem trái a ma lặc.

Đây nói thấy Như Lai tàng là, trừ sạch hiện lưu tuy cũng chẳng bỏ phương tiện mà chẳng đồng với nhị thừa. Mê Như Lai tàng mà làm thức tàng thì toàn thể là sanh diệt. Như thật biết thức tàng tức Như Lai tàng thì sanh diệt chóng lìa. Mà các phàm thánh thấy có sanh diệt, nên người tu hành thấy tự giác trí vẫn chẳng bỏ pháp lạc phương tiện. Nên nói "biết rõ sanh là tánh chẳng sanh, làm sao bị sanh diệt lưu chuyển ?". Như Lai do kia sức chưa đầy đủ nên có phương tiện. Phương tiện này chẳng phải nói Như Lai tự tánh vẫn có bất tịnh. Như Nhị thừa tâm tướng thấy được, tuy biết tự tánh thanh tịnh mà do khách trần che đậy vẫn thấy bất tịnh, có được tam muội pháp lạc đều thành thật pháp. Chẳng bằng người tự giác tu hành thấy rõ tự tánh, chỉ dùng phương tiện chóng trừ hiện lưu. Cho nên biết, thấy tánh không thể chẳng rõ. Nên Như Lai chính thấy cảnh giới hiện tiền chẳng phải một chẳng phải

khác, như xem trái a ma lặc trong lòng bàn tay, lại không còn nghi ngại.

Đại Huệ ! Ta nơi nghĩa này dùng thần lực dụng lập khiến phu nhơn **Thắng Man** và **chu Bồ Tát** trí sáng đầy đủ v.v... tuyên dương diễn nói **Nhu Lai** tàng và tên thức tàng, thất thức chung sanh. Thanh văn chấp trước thấy nhơn pháp vô ngã, cho nên phu nhơn **Thắng Man** nương oai thần **Phật**, nói cảnh giới **Nhu Lai** chẳng phải cảnh giới Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo. **Nhu Lai** tàng và thức tàng chỉ là cảnh giới **Phật** và những **Bồ Tát** trí huệ sắc bén y nơi nghĩa. Thế nên, ông và các vị **Đại Bồ Tát** đối với **Nhu Lai** tàng thức tàng phải siêng tu học, chớ có chỉ ngặc hiển khởi tướng biết đủ.

Nhu Lai tàng tên thức tàng cùng thất thức chung, đây chẳng phải cảnh giới nhị thừa. Bởi vì nhị thừa chẳng tin thức thứ tám tức **Nhu Lai** tàng. Cho nên đối với ngã thấy vô ngã, thường thấy vô thường, ấy là tướng đảo. Vì trừ cái tướng này nên nói thức tàng tức **Nhu Lai** tàng, khiến biết tâm ý ý thức đều không tự tánh, thấy pháp vô ngã, được cái chơn ngã, đây là cảnh giới **chu Phật**. Trừ phu nhơn **Thắng Man** và những vị **Bồ**

tát trí bén, không có người hay biết được, cho nên Phật răn Bồ tát chớ khởi tưởng biết đủ.

E⁵ - TỔNG TỤNG

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Như Lai tàng sâu kín	Mà cũng thất thức chung
Hai thứ nhiếp thọ sanh	Người trí ắt xa lìa.
Như gương tượng hiện	Tập khí vô thủy huân
tâm	
Người như thật quán sát	Các sự thấy vô sự.
Như ngu thấy chỉ trắng	Xem tay chẳng thấy trắng
Người chấp trước văn tự	Chẳng thấy ta chơn thật.
Tâm là con hát giỏi	Ý như đánh đàn hay
Năm thức là bè bạn	Vọng tưởng chúng xem
	hát.

Kệ nói Như Lai tàng sâu kín mà lược nói thức tàng. Nghĩa là tức thức tức tánh, chơn như vô minh an trụ sâu kín. Tuy có thất thức ngã vọng thấy tự tha, như gương không tâm mà hiện các hình tượng, dụ vô minh vọng tập tùy duyên chóng hiện, nhu thật mà quán trọn không việc ấy. Người trí liễu đạt đương thể xa lìa, kẻ ngu xem ngón tay chẳng thấy chơn thật, đây là lý do phân mê giác vậy. Bát thức không tánh thọ huân tùy duyên biến hiện, nên như con hát, thất ý

nhon trong, duyên ngoài nên như người đánh đàn, năm thức góp trần nên như bạn bè, lục thức phân biệt như chúng xem hát. Thấy do vọng hiện chẳng phải có sự thật.

C⁷ - CHỈ TÁM THỨC NĂM PHÁP BA TỰ TÁNH
HAI VÔ NGÃ CỨU CẢNH ĐẠI THỪA THÁNH
ĐỆ NHẤT NGHĨA, CÓ 2 :

D¹) *Chỉ năm pháp chuyển biến, có 3 :*

E¹ - BÀY TƯỚNG NĂM PHÁP :

Khi ấy Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Cúi xin vì nói tướng năm pháp, tự tánh thức, hai thứ vô ngã, phân biệt cùng tột, con và các Đại Bồ Tát khác đối tất cả địa thứ lớp tương tục, phân biệt pháp này vào tất cả Phật pháp, vào tất cả Phật pháp cho đến Như Lai tự giác địa ? Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó. Đại Huệ bạch Phật : Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Năm pháp, tự tánh thức, hai thứ vô ngã phân biệt rõ tướng, nghĩa là : Danh tướng, vọng tướng, chánh trí, như như. Nếu người tu hành tu vào Như Lai tự giác thánh thú, lìa kiến chấp đoạn thường có không v.v... Hiện pháp lạc chánh thọ trụ hiện ở trước. Đại Huệ ! Chẳng giác năm pháp, tự tánh thức, hai vô ngã, tự tâm hiện

ngoại tánh, là phàm phu vọng tưởng chẳng phải chư hiền thánh.

Đây hỏi năm pháp, tự tánh thức hai vô ngã cứu cánh sai biệt. Hỏi chung bốn thứ, đáp riêng bày năm pháp, trên tuy mỗi pháp rành rõ, mà ý thì ba thứ đều vào năm pháp. Giác danh, tướng, vọng tưởng không có tự tánh, liền hay phát minh chánh trí, chứng được như như. Người tu hành này bởi vào tự giác thánh thú chẳng thấy ngoài tâm có pháp, liền khi ấy xa lìa các kiến chấp đoạn thường có không, hiện pháp lạc trụ, là cảnh giới thánh hiền, chẳng phải phàm phu có phần. Nghĩa là phàm phu không tự giác thánh thú, cho nên chẳng giác năm pháp, tự tánh thức, hai vô ngã thấy duy tâm lượng, mà ở ngoài tâm riêng thấy pháp tướng, tuy chánh trí, như như đều là vọng hiện.

E² - CHỈ DANH TƯỚNG THẤY DO VỌNG TƯỚNG.

Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Thế nào ngu phu vọng tưởng sanh, chẳng phải chư thánh hiền ? Phật bảo Đại Huệ : Ngu phu chấp trước tục số danh tướng, tùy tâm trôi giạt. Trôi giạt rồi các thú tướng mạo, rơi vào kiến chấp ngã ngã sở hy vọng. Chấp trước sắc đẹp, chấp trước rồi không biết che ngại

nên sanh nhiễm trước. Nhiễm trước rồi, tham sân si sanh nghiệp chứa nhóm. Chứa nhóm rồi vọng tưởng tự trời, như tấm làm kén, rơi trong biển sanh tử, đồng hoang các cõi, như bánh xe nước. Bởi vì ngu si không thể biết tự tánh như huyễn, ngựa nắng, trăng đáy nước, lìa ngã ngã sở, khởi tất cả vọng tưởng chẳng thật, lìa năng tướng sở tướng và sanh trụ diệt, từ tự tâm vọng tưởng sanh, chẳng phải tự tại, thời tiết, vi trần, thắng diệu sanh. Phàm phu ngu si theo danh tướng trôi.

Tất cả danh tướng từ vọng tưởng sanh chẳng phải có như khác, để rõ ngoại đạo chấp như khác đều do chẳng đạt danh tướng không có tự tánh, chính nơi ấy vô sanh. Tất cả thế gian như danh sanh tướng, tướng sanh vọng tưởng, vọng tưởng không biết theo tướng nhiễm trước, khởi tham sân si, kết các nghiệp trời buộc như tấm làm kén lưu chuyển sanh tử như bánh xe nước. Chẳng biết tất cả danh tướng đều không tự tánh, như ngựa nắng, trăng đáy nước, không ngã ngã sở, chỉ do vọng tưởng chẳng thật lập bày, chẳng phải có như khác. Nói có như khác như tự tại, thời tiết v.v... Thấy do phàm phu ngu si chẳng đạt danh tướng theo danh tướng mà lưu chuyển.

E³ - CHUYỂN VỌNG TƯỚNG TỨC TRÍ, NHƯ.

Đại Huệ ! Tướng kia là, chỗ soi của nhãn thức gọi là sắc, chỗ soi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý thức gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là tướng. Đại Huệ vọng tướng kia lập bày các danh, hiển hiện các tướng. Như đây chẳng khác tên voi ngựa xe bộ hành nam nữ v.v..., ấy gọi là vọng tướng. Đại Huệ ! chánh trí là, biết danh tướng kia không thể được, ví như khách đi qua, các thứ chẳng sanh, chẳng đoạn chẳng thường chẳng rơi vào chỗ tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác.

Đây lại chỉ rõ vọng tướng lập bày, khiến đạt danh tướng chẳng thật liên chuyển vọng tướng mà làm chánh trí. Do chỗ sai của căn thức khởi ra các tướng sắc v.v... Lại do vọng tướng phân biệt lập bày các danh, các tướng càng bày. Nếu chính các thức chiếu soi chưa đầy phân biệt thì không có chỗ hiển bày. Nơi đây tỏ ngộ mới biết tất cả danh tướng trọn không thể được. Vả lại chính hiển bày vọng tướng nơi danh tướng, mà chánh trí là liễu đạt danh tướng, không có thể khác, mà có dụng khác, nên nói "có phiền não thì không trí huệ, có trí huệ tức không phiền não". Chánh trí hiện tiền thì phân biệt chẳng sanh,

chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Đây không phải cảnh giới của Nhị thừa, huống là ngoại đạo ?

Lại nữa, Đại Huệ ! Đại Bồ tát do chánh trí này chẳng lập danh tướng, chẳng phải không lập danh tướng, bỏ lia hai kiến chấp dụng lập (có) và phi báng (không), biết danh tướng chẳng sanh, ấy gọi là nhu nhu. Đại Huệ ! Đại Bồ tát trụ nhu nhu ấy được cảnh giới không thật có, nên được Bồ tát hoan hỷ địa. Được Bồ tát hoan hỷ địa rồi, hằng là tất cả cõi ác ngoại đạo, chính trụ chỗ xuất thế gian, pháp tướng thành thực, phân biệt tất cả pháp huyễn v.v... tự giác pháp tướng rành rõ, là các vọng tưởng, thấy tánh tướng khác, thứ lớp đến pháp vân địa (thập địa). Ở trong khoảng giữa đó do sức tam muội tự tại, thần thông mở tròn, được Như Lai địa rồi, các thứ biến hóa tròn chiếu thị hiện thành thực chúng sanh, như trăng đầy nước, khéo cùng tốt đầy đủ mười câu vô tận, vì các thứ ý hiểu của chúng sanh phân biệt nói pháp, pháp thân là ý làm ra, ấy gọi là Bồ tát nhập nhu nhu mà được.

Đây tức danh tướng mà được nhu nhu. Chẳng lập danh tướng, chẳng phải không lập danh

tướng, lia kiến chấp có không, chính được pháp thể. Cho nên tức nơi danh tướng mà được như như. Pháp vị như như tức là cảnh giới không thật có Hoan hỷ địa. Đến địa này rồi hằng lia tất cả ác kiến gọi là xuất thế gian. Do đó chơn như pháp tướng thứ lớp thành thực. Tức là hay thuận pháp như huyền dùng trí tự giác khởi các pháp hạnh. Lia vọng tưởng đã thấy các pháp tướng khác, nghĩa là tất cả pháp chơn như thật tướng không có một khác, thấy một khác là vọng vậy. Bồ Tát tức vọng tức chơn nên hay dùng tướng không tướng dựng lập các địa, tùy sức tam muội thần thông tự tại cứu cánh Phật địa, biến hóa chiếu diệu đối hiện sắc thân như trăng đáy nước, đầy đủ mười câu vô tận, vì các chúng sanh phân biệt diễn nói, đây gọi là pháp thân lia ý tạo ra, nhậm vận như như.

D².) *Chỉ tất cả pháp thấy vào năm pháp, có 4 :*

E¹.-CHỈ BA TỰ TÁNH VÀO NĂM PHÁP.

**Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn !
Tại sao Thế Tôn nói ba thứ tự tánh vào năm pháp, là mỗi cái có tự tánh riêng ? Phật bảo Đại Huệ : Ba thứ tự tánh và tám thức, hai thứ vô ngã thấy vào năm pháp. Đại Huệ !
Danh và tướng kia là vọng tưởng tự tánh. Đại Huệ ! Nếu y vọng tưởng kia sanh tâm và tâm**

pháp (tâm sở), gọi đồng thời sanh, như mặt nhật và ánh sáng đồng, các thứ tướng mỗi thứ riêng phân biệt gìn giữ, ấy gọi là duyên khởi tự tánh. Đại Huệ ! Chánh trí, như như vì không thể hoại nên gọi là thành tự tánh.

Đây nói ba thứ tự tánh, tám thức, hai thứ vô ngã thấy vào năm pháp. Vả lại trước nói ba tự tánh vào năm pháp. Danh tướng không tánh, vọng chấp mà thành, cho nên nhiếp danh tướng thấy là Biến kế chấp. Ý danh tướng vọng chấp mà khởi phân biệt, tâm tâm sở pháp một lúc chóng hiện không có trước sau, như mặt nhật và ánh sáng, gọi là Duyên khởi tánh. Nếu đạt vọng chấp danh tướng vốn không tự tánh, tâm tâm sở pháp liền đó tiêu sạch, tiêu sạch tâm theo tướng thì trí chiếu sáng ngời, liễu đạt tướng không tánh, chơn như hiển bày, nên gọi là Viên thành thật tánh.

E²- CHỈ TÁM THỨC HAI VÔ NGÃ VÀO NĂM PHÁP.

Lại nữa, Đại Huệ ! Tự tâm hiện vọng tưởng có tám thứ phân biệt. Nghĩa là tướng thức tàng, ý, ý thức và năm thức thân, tướng chẳng thật vì vọng tưởng. Ngã và ngã sở hai cái nhiếp thọ diệt thì hai vô ngã sanh. Thế nên, Đại Huệ ! Năm pháp này Thanh văn,

Duyên giác, Bồ tát, Như Lai tự giác thánh trí, các địa tương tục thứ lớp, tất cả Phật pháp thấy vào trong ấy.

Đây nói tám thức, hai vô ngã vào năm pháp. Chẳng giác tự tâm hiện ra, tám thứ thức tướng một lúc chóng sanh, mỗi cái có tự loại lập bày vọng tưởng, năng vọng sở vọng, như pháp rõ ràng. Nếu giác tự tâm hiện ra thì kiến phần, tướng phần như băng tiêu dung, liền chuyển tâm ý, ý thức mà làm tứ trí, năng thủ sở thủ không, trí và tịch lẫn nhau hiển hiện. Chớ nên, Nhị thừa, Bồ tát, Như Lai đã có trí địa tự giác thấy vào năm pháp.

E³. CHỈ TẤT CẢ PHẬT PHÁP VÀO NĂM PHÁP.

Lại nữa Đại Huệ ! Năm pháp là tướng, danh, vọng tưởng như như, chánh trí. Đại Huệ ! Nếu ở chỗ hình tướng sắc tượng v.v... hiện; ấy gọi là tướng. Nếu kia có tướng như thế gọi là bình v.v... Tức cái này không phải cái khác, ấy nói là danh. Lập bày các danh, hiển hiện các tướng bình v.v... Nơi tâm tâm pháp, ấy gọi là vọng tưởng. Danh kia tướng kia cứu cánh không thể được, trước sau không giác, nơi các pháp không triển chuyển, là vọng tưởng chẳng thật, ấy gọi là

như như. Chơn thật quyết định cứu cánh tự tánh không thể được, kia là như tướng, ta tức chư Phật tùy thuận nhập xứ, khắp vì chúng sanh như thật diễn nói lập bày hiển hiện, nơi kia tùy nhập chánh giác chẳng đoạn chẳng thường, vọng tưởng chẳng khởi, tùy thuận tướng tự giác thánh thú, mà tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác không đạt được, ấy gọi là chánh trí. Đại Huệ ! Ấy gọi là năm pháp, ba thứ tự tánh, tám thức, hai thứ vô ngã, tất cả Phật pháp thấy vào trong ấy. Thế nên, Đại Huệ ! Phải tự phương tiện học, cũng dạy người khác, chớ theo nơi nào.

Đây nói tất cả Phật pháp đều vào năm pháp. Giải thích lại năm pháp, chỉ người tùy thuận chánh trí, như như. Thứ lớp chứng được nên gọi là phương tiện. Xét nói, nhưn tướng được danh, theo danh hiển tướng, lập bày vọng tưởng, thấy hiển tất cả danh tướng đều không thể được. Trước sau không giác, đối trong các pháp không có triển chuyển, chỉ là vọng tưởng tức là như như. Đây là tất cả pháp tự tướng chơn như, thập địa Bồ tát chỗ chứng có cạn sâu, chẳng phải hàng Nhị thừa, nên nói "ta và chư Phật tùy thuận nhập xứ". Vô phân biệt trí duyên chơn như cảnh nếu duyên các duyên khác thuộc về hậu đắc trí. Song hai trí thể một mà dụng khác, liễu tục cũng

do chúng chơn, nên hai trí đều do chơn như bày hiện. Tùy thuận hai trí chứng đã chơn như được vào chánh giác, đến chỗ cứu cánh phi thường phi đoạn, hiện tha thọ dụng thân độ và biến hóa thân độ, như thật diễn nói, phá các lưới nghi, nên nói "tất cả Phật pháp thấy vào năm pháp, do tự chúng biết chẳng từ nơi khác được".

E⁴ - TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Năm pháp ba tự tánh	Và cùng tám thứ thức
Hai thứ không có ngã	Thấy nhiếp thuộc Đại
	thừa
Danh tướng hư vọng	Tự tánh hai thứ tướng
	tướng
Chánh trí và như như	Ấy tức là thành tướng.

Kệ tụng năm pháp, tự tánh, tám thức, vô ngã thấy nhiếp Đại thừa. Đại thừa là tự tâm hiện lượng. Mê tự tâm lượng thì danh tướng lằng xằng, trí như lẫn hiển, y tha cho là riêng có, kể chấp át đợi viên thành. Muốn phá vô minh của tám thức thì sở tri của hai cái ngã phải tiêu dung, đến nơi giác còn khởi quán gì ? Mộng qua sông nhớ lại lạng câm, phải tự dứt bật vậy.

C⁸ - CHỈ PHÁP THÂN BA ĐỜI NHƯ LAI QUÁ
CHỖ NGHĨ NGỢI CỦA THẾ GIAN, CHẴNG
PHẢI NGHĨA SÁT NA, TRƯỚC SAU KHÔNG
LỖI THANH TỊNH VÔ LẬU, CÓ 4 :

D¹) *Chỉ pháp thân tư thông quá chỗ nghĩ ngợi
của thế gian, có 10 :*

E¹ - THƯA THỈNH VỀ CHƯ PHẬT CÓ HÀNG
SA DIỆU NGHĨA.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật :
Thế Tôn ! Như Thế Tôn đã nói "Quá khứ chư
Phật như hằng hà sa, vị lai hiện tại cũng lại
như thế". Thế nào Thế Tôn là như nói mà tín
thọ hay lại có nghĩa khác ? Cúi xin Như Lai
thương xót giải nói.

Cảnh giới chư Phật bất khả tư nghì, cảnh giới
Phật trí bất khả tư nghì, cảnh giới chúng sanh
bất khả tư nghì, cảnh giới vọng tưởng bất khả tư
nghì, bất khả tư nghì này đồng pháp giới tánh,
không thiếu không dư, chẳng ra chẳng vào,
không thể chỉ bày, cũng chẳng phải không nói.
Đây như dụ hằng hà sa Phật riêng hiển nghĩa
này. Trừ vì chúng sanh phương tiện dẫn thí dụ,
mới là câu vô nghĩa, để thông chơn thật thì chẳng
phải nhất thiết trí đâu hay dụ vào đây.

**E² - CHỈ CHƯ PHẬT TỰ THÔNG QUÁ CHỖ
NGHĨ THẾ GIAN, KHÔNG THỂ THÍ NÓI.**

Phật bảo Đại Huệ : Chớ như nói mà tin thọ, số lượng chư Phật ba đời chẳng phải như hằng hà sa. Vì có sao ? Vì quá chỗ nghĩ của thế gian, chẳng phải thí dụ và sở thí dụ, do phạm phu chấp thường, ngoại đạo vọng tưởng nuôi lớn ác kiến sanh tử không cùng, muốn khiến nhàm lìa vòng sanh tử, chuyên cần thắng tiến, nên vì họ nói chư Phật dễ thấy, chẳng phải như hoa Ưu đàm bát khó được thấy. Dứt phương tiện cầu, có khi lại xem các người thọ hóa khởi nói thế này, Phật khó được gặp như hoa Ưu đàm bát. Hoa Ưu đàm bát không ai đã thấy, hiện thấy, sẽ thấy. Như Lai thế gian thấy thấy, vì chẳng do kiến lập tự thông nói rằng Như Lai ra đời như hoa Ưu đàm bát. Đại Huệ tự kiến lập tự thông quá chỗ nghĩ của thế gian. Các phạm ngu kia không thể tin cảnh giới tự giác thánh trí, không cùng cái gì thí dụ được. Chon thật Như Lai quá tướng tâm ý ý thức được thấy, không thể làm thí dụ. Đại Huệ ! Song ta nói thí Phật như hằng hà sa không có lỗi lắm.

Số lượng ba đời chư Phật chẳng phải như hồ lô hũ sa, quá chỗ nghĩ của thế gian, chẳng phải thí và sở thí, đây là Như Lai chơn ngữ như ngữ vô thượng, diệu đế, chỉ chúng tự biết. Song do chúng sanh hy vọng, vì đoạt cái hư vọng kia quyền chỉ chơn thật, bảo có chư Phật chẳng phải như Ưu đàm, hoặc nói như hoa Ưu đàm để chỉ khó gặp, mà chẳng phải để kiến lập tự thông. Cảnh giới tự thông chẳng phải tướng có thể thấy, chẳng phải tướng chẳng thấy. Hành xứ chơn thật của Như Lai quá tất cả kiến tướng của tâm ý ý thức, không thể ví dụ. Lại nói "song ta nói thí dụ Phật như hàng sa cũng không có lỗi lầm", là thánh trí bên cạnh tự thông tùy nói mà chỉ bày, chẳng phải chỗ hay thấy của Nhị thừa và Bồ tát thủy giáo. Văn sau rộng chỉ nghĩa này, duy phải tổ ngộ.

E³ - DỤ NHƯ LAI PHÁP THÂN BẢN TỊCH.

Đại Huệ ! Thí như cát sông Hằng tất cả cá, trạch, thân thu, ma ha, sư tử, voi, ngựa, người, thú dầm đạp, cát chẳng nghĩ rằng kia nào loạn ta mà sanh vọng tưởng, tự tánh thanh tịnh không các nhớ nhớt. Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác tự giác thánh trí là sông Hằng, đại lực thần thông tự tại v.v... là cát. Tất cả ngoại đạo các người, thú v.v... tất

cả não loạn, Như Lai chẳng nghĩ mà sanh vọng tưởng. Như Lai lặng lẽ không có niệm tưởng. Như Lai bản nguyện lấy cái vui tam muội vì an chúng sanh, không có não loạn, ví như cát sông Hằng đồng không có khác, lại vì đoạn tham sân.

Về sau đều tức nơi Hằng sa nói rộng nghĩa Phật, mà đây lại dụ Như Lai pháp thân bản tịch. Như Lai tự giác thánh trí có hằng sa đại lực, thần thông tự tại, bị tất cả ngoại đạo, người, thú não loạn mà tánh giác cát thể vẫn tịch, không có niệm tưởng. Chỉ dùng bản nguyện an lạc quần sanh, khiến họ tự giác không có tham sân. Thế mới biết, tất cả chúng sanh tự ở trong cũng có giác cát, mà từ vô thủy đến nay bị các tà kiến người thú dầm đạp trộn không chán lìa, lặng lẽ đến nay không thêm không bớt. Chỉ dùng chơn như bản nguyện an lạc tất cả chúng sanh niệm niệm khởi diệt, khiến trụ pháp vị không có não loạn. Ví như cát sông Hằng là vì đoạn tham sân, mà tất cả chúng sanh không tự giác biết, thấy là Như Lai chư Phật như cát sông Hằng kia.

E⁴ - DỤ PHÁP THÂN CHẲNG DIỆT.

Thí như cát sông Hằng là tự tánh của đất này, khi kiếp tận lửa cháy, cháy tất cả đất, mà địa đại kia chẳng bỏ tự tánh, vì cùng hỏa

đại đồng sanh. Còn ngoài ra kẻ ngu khởi tướng đất bị cháy, mà đất chẳng bị cháy, vì là nhơn của lửa. Như thế, Đại Huệ ! Như Lai pháp thân như cát sông Hằng chẳng hoại.

Đây dụ Như Lai pháp thân thường trụ chẳng diệt, thí như cát sông Hằng, đồng với cái kiên cố này là tự tánh đất, cùng hỏa đại đồng sanh. Lửa nhơn đất mà được tánh cháy, đất nhơn lửa mà được lý sanh, đều không có nghĩa cháy hết.

E⁵ - DỤ PHÁP THÂN KHẮP TẤT CẢ CHỖ KHÔNG CÓ CHỌN LỰA.

Đại Huệ ! Thí như cát sông Hằng không có hạn lượng, Như Lai quang minh cũng lại như thế, không có hạn lượng, vì thành thực chúng sanh khắp soi tất cả chư Phật đại chúng. Đại Huệ ! Thí như cát sông Hằng riêng cầu cát khác hằng không thể được. Như thế, Đại Huệ ! Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác không sanh tử sanh diệt, vì có nhơn duyên đoạn vậy.

Đây dụ Như Lai pháp thân khắp tất cả chỗ không có lựa chọn. Tự tâm hiện lượng khắp giáp sa giới, tất cả tiếng là tiếng Phật, tất cả sắc là sắc Phật, nên nói "không có cát khác". Có nhơn duyên đoạn là, lại phòng lỗi tự nhiên. Như Lai đã

chỉ cho người lấy sự nhất dụng hỗn nhiên không phải chẳng quấy mà lại hiển chỉ thú vô cấu thanh tịnh, có nói lẫn nhau phát minh.

E⁶ - DỤ PHÁP THÂN ĐỐI HIỆN KHÔNG CÓ TĂNG GIẢM.

Dại Huệ ! Thí như cát sông Hằng thêm bớt không thể biết. Như thế, **Dại Huệ !** Như Lai trí huệ thành thực cho chúng sanh chẳng thêm chẳng bớt, vì chẳng phải pháp thân. Pháp thân là có hoại. Như Lai pháp thân chẳng phải pháp thân.

Đây dụ pháp thân ứng hiện không có thêm bớt. Chúng sanh duyên thành thực tức thấy Như Lai thành Đẳng chánh giác, nói pháp độ sanh, vào niết bàn, mà Như Lai pháp thân vốn không đi, lại, cũng không có tâm hiện. Có đi có lại ấy là pháp thân, mà Như Lai chẳng phải là pháp thân, không thể phá hoại. Nên nói "tùy duyên phó cảm đâu chẳng khắp, mà thường ngồi tòa bồ đề này".

E⁷ - DỤ NHƯ LAI BI NGUYỆN ĐỒNG VỚI PHÁP GIỚI.

Như ép cát sông Hằng không thể được dấu. Như thế, tất cả chúng sanh dùng điều tội khổ ép ngặt Như Lai, cho đến chúng sanh

chưa được niết bàn, chẳng bỏ pháp giới, tự tam muội nguyện lạc dùng đại bi.

Đây dụ Như Lai bi nguyện đồng với pháp giới. Dấu sánh Như Lai tâm niệm mỗi chán. Như Lai dùng mười câu vô tận thành tựu, chúng sanh dùng khổ tội ép ngặt, không có chán bỏ, do đại bi làm thành.

E^a - DỤ NHƯ LAI PHÁP THÂN TÙY THUẬN NIẾT BÀN.

Đại Huệ ! Thí như cát sông Hằng theo nước mà trôi, chẳng phải không nước. Như thế, Đại Huệ ! Như Lai nói ra tất cả các pháp theo dòng niết bàn. Thế nên nói như cát sông Hằng. Như Lai chẳng theo các dòng di chuyển, vì đi là nghĩa hoại. Đại Huệ ! Sanh tử bản thể không thể biết, vì không biết làm sao nói đi ? Đại Huệ ! Đi đó là nghĩa đoạn mà kẻ ngu chẳng biết.

Đây dụ Như Lai pháp thân tùy thuận niết bàn. Nếu chẳng tùy thuận là bị dòng sanh tử chuyển, thành nghĩa đoạn diệt. Sanh tử bản thể tức là niết bàn bản thể, do chẳng biết thì chẳng tùy thuận, khởi tưởng khứ hoại. Đi là nghĩa đoạn, mà Như Lai pháp thân chẳng đoạn.

chỉ cho người lấy sự nhậ dụng hỗn nhiên không phải chẳng quấy mà lại hiển chỉ thú vô cấu thanh tịnh, có nói lẫn nhau phát minh.

E⁶ - DỤ PHÁP THÂN ĐỐI HIỆN KHÔNG CÓ TĂNG GIẢM.

Đại Huệ ! Thí như cát sông Hằng thêm bớt không thể biết. Như thế, **Đại Huệ !** Như Lai trí huệ thành thực cho chúng sanh chẳng thêm chẳng bớt, vì chẳng phải pháp thân. Pháp thân là có hoại. Như Lai pháp thân chẳng phải pháp thân.

Đây dụ pháp thân ứng hiện không có thêm bớt. Chúng sanh duyên thành thực tức thấy Như Lai thành Đẳng chánh giác, nói pháp độ sanh, vào niết bàn, mà Như Lai pháp thân vốn không đi, lại, cũng không có tâm hiện. Có đi có lại ấy là pháp thân, mà Như Lai chẳng phải là pháp thân, không thể phá hoại. Nên nói "tùy duyên phó cảm đâu chẳng khắp, mà thường ngồi tòa bồ đề này".

E⁷ - DỤ NHƯ LAI BỊ NGUYỆN ĐỒNG VỚI PHÁP GIỚI.

Như ép cát sông Hằng không thể được dẫu. Như thế, tất cả chúng sanh dùng điều tốt khổ ép ngặt Như Lai, cho đến chúng sanh

E⁹ - CHỈ SANH TỬ GIẢI THOÁT BẢN TẾ VÔ BIÊN.

Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn ! Nếu chúng sanh sanh tử bản tế không thể biết, làm sao giải thoát có thể biết ? Phật bảo Đại Huệ ! Nhơn tập khí vọng tưởng lỗi ác hư nguy tử vô thủy diệt, tự tâm hiện biết nghĩa bên ngoài, vọng tưởng thân chuyển mà giải thoát chẳng diệt. Thế nên vô biên chẳng phải hoàn toàn có. Vì vọng tưởng kia khởi vô biên v.v... tên khác. Quán sát trong ngoài lia nơi vọng tưởng, không khác chúng sanh, trí và sở tri tất cả các pháp thấy đều tịch tĩnh. Chẳng biết tự tâm hiện vọng tưởng nên vọng tưởng sanh, nếu biết thì diệt.

Sanh tử bản tế tức niết bàn bản tế, do chẳng biết tùy thuận khởi ra vọng kiến thì sanh tử tướng khác niết bàn tướng khác, thành lỗi tập khí. Nếu biết tự tâm hiện ra, sanh tử niết bàn vốn không hai mé. Tức như vọng tập diệt thì thấy các pháp bên ngoài không có tự tánh, bèn hay chuyển vọng tưởng thân tùy thuận sanh tử, gọi là giải thoát mà chẳng phải đoạn diệt. Cho nên nói "vô biên, chẳng phải trọn không bản tế". Chỉ do chẳng biết bản tế vọng thấy sanh tử niết bàn, khởi tướng hữu biên. Vì vọng tưởng kia nói

là vô biên, bởi khiến quán sát trong ngoài, chỉ trừ vọng tưởng lại không có danh tự chúng sanh, trí và sở trí tất cả các pháp thấy đều tịch tĩnh. Cho nên biết, chúng sanh sanh tử đều do vọng tưởng, chẳng biết tự tâm hiện thì vọng tưởng sanh, biết tự tâm hiện thì vọng tưởng diệt. Diệt thì bản thể tùy thuận, sanh tử niết bàn đều như mộng huyễn.

E¹⁰ - TỔNG TỤNG

Khi ấy Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Quán sát các Đạo sư	Ví như cát sông Hằng
Chẳng hoại cũng chẳng	Cũng lại chẳng cứu
đi	cánh.
Ấy tức là bình đẳng	Quán sát chư Như Lai
Ví như cát sông Hằng v.v...	Thấy là tất cả lỗi.
Theo dòng mà tánh thường	Ấy là Phật chánh giác.

Như Lai pháp thân chẳng phải hoại chẳng phải đi. Nếu lại có cứu cánh thì niết bàn sanh tử là hai chẳng phải bình đẳng. Nếu chẳng phải bình đẳng thì thuộc tác nhơn. Tác thì vô thường có nhiều lỗi lầm. Cho nên biết chỉ trừ vọng tưởng tác nhơn thì theo dòng được tánh, liền thấy cảnh giới Như Lai tự giác, đồng với mé sanh tử tịch tĩnh thường trụ. Đây là Như Lai nhơn dụ cát

sông Hằng mà kiến lập tự thông, lìa lỗi ngôn thuyết. Tuy có nói thí dụ mà cứu cánh bất khả tư nghì.

D²) *Chỉ pháp thân vô lậu, chẳng phải nghĩa sát na, có 2 :*

E¹ - CHỈ CÁC PHÁP SÁT NA, CÓ 2 :

G¹) *SẮP CHỈ SÁT NA PHI NGHĨA SÁT NA, TRƯỚC BÀY CÁC PHÁP.*

Khi ấy, Bồ tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Cúi xin vì nói tướng hoại của tất cả các pháp sát na. Thế Tôn ! Thế nào tất cả pháp sát na ? Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, tôi sẽ vì ông nói. Nay Đại Huệ ! Tất cả pháp ấy, nghĩa là lành, chẳng lành, vô ký, hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, có tội, không tội, hữu lậu, vô lậu, thọ, chẳng thọ.

Hỏi nghĩa sát na để bày nghĩa phi sát na. Niệm niệm không dùng gọi là sát na, cũng gọi là tướng hoại, cũng gọi là tướng không. Tất cả pháp sát na là, tất cả pháp trong ngoài do tự tâm hiện ra niệm niệm không dùng. Bởi không biết tự tâm là nghĩa phi sát na, chỉ thấy cảnh hiện ra niệm niệm sanh diệt sát na chẳng dùng, mà lầm cho là pháp vô vi đều đồng với diệt hết, rồi khởi ra đoạn

kiến. Chẳng biết tất cả pháp sát na có cái phi sát na, chỗ này không phải Nhị thừa thấu được. Hỏi đáp nêu ra thấy đều để rõ ý chỉ này. Trước bày tất cả pháp, đợi sau mới hiển minh.

Đại Huệ ! Lược nói tâm ý ý thức và tập khí, ấy là như năm thọ ấm, tâm ý ý thức tập khí ấy nuôi lớn, phàm ngu lạnh chẳng lành vọng tưởng.

Lược nói pháp năm ấm, bởi tất cả pháp đều từ năm ấm sanh khởi. Pháp năm ấm lại lấy tâm ý ý thức, tập khí làm như mà được nuôi lớn. Phàm ngu lạnh chẳng lành vọng tưởng là, tam giới, lục phàm, hữu lậu vọng tưởng là nghĩa sát na.

Đại Huệ ! Tu về tam muội lạc, tam muội chánh thọ, hiện pháp lạc trụ gọi là hiển thánh thiện vô lậu.

Như tướng vô lậu của thánh hiển trong tam thừa là phi sát na. Do tu tam muội được pháp lạc trụ hiện bày ra, sau mới phát minh.

G²) CHỈ NGHĨA SÁT NA.

Đại Huệ ! Lành chẳng lành là, tám thức. Những gì là tám ? Nghĩa là Như Lai tàng tên tám thức, tâm ý ý thức và năm thức thân, chẳng phải chỗ ngoại đạo nói. **Đại Huệ !**

Năm thức thân cùng tâm ý ý thức chung. Tướng lành chẳng lành lần lượt biến hoại. Về tương tục lưu chú chẳng hoại thân sanh, cũng sanh cũng diệt. Chẳng giác tự tâm hiện, thứ lớp diệt, các thứ khác sanh. Hình tướng sai biệt nhiếp thọ ý thức cùng năm thức chung tương ung sanh. Thời gian sát na chẳng dùng gọi là sát na.

Đây chỉ cho tâm thức hữu lậu lành và chẳng lành vốn có thân chẳng hoại, mà lần theo sanh diệt. Cho nên tức nơi sát na để hiển bày nghĩa phi sát na. Như Lai tàng tên tàng thức chẳng phải chỗ ngoại đạo nói, nghĩa là ngoại đạo chẳng biết tàng thức tức Như Lai tàng. Cho nên chính năm thức nương tâm ý ý thức khi khởi ra tướng lành chẳng lành lần lượt biến hoại. Cái tương tục lưu chú kia chẳng hoại, mà cũng theo các thức cùng thân chung sanh cùng thân chung diệt. Do gốc bất giác tự tâm hiện lượng, đối với cái trong thứ lớp hiện ra không thể an trụ, liền có các thức khác theo chỗ tập nặng của đời trước khởi các hình tướng. Lại dẫn ý thức và năm thức căn cùng tâm sở tương ung thành nghĩa sát na. Kinh Lăng Nghiêm nói : "Một là căn bốn sanh tử từ vô thủy, tức là hiện nay ông cùng các chúng sanh dùng tâm phan duyên làm tự tánh. Hai là thể thanh tịnh bồ đề niết bàn từ vô thủy, tức là hiện nay

thức tỉnh nguyên minh của ông hay sanh các duyên, duyên bỏ sót nó. Do các chúng sanh bỏ sót cái bổn minh này, tuy trọn ngày làm mà chẳng tự giác, uống vào các thú". Đây là tương tục chẳng hoại do gốc bất giác lâm theo sanh diệt. Đâu chẳng phải hay sanh các duyên, rồi duyên bỏ sót uống vào các thú, thật chẳng đáng buồn thay !

E² - CHỈ TẬP KHÍ VÔ LẬU CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT NA, CÓ 5 :

G¹) CHỈ SÁT NA CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT NA.

Dại Huệ ! Sát na ấy gọi thức tàng Như Lai tàng, thức cùng ý chung sanh là tập khí sát na, còn tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa sát na, chẳng phải chỗ giác của phàm ngu. Vì chấp trước sát na luận nên chẳng giác tất cả pháp sát na phi sát na, rồi khởi đoạn kiến hoại pháp vô vi.

Đây chính hiển bày nghĩa sát na phi sát na. Mê Như Lai tàng mà làm tàng thức liền có thức cùng ý chung sanh, thành ra tập khí, đây là nghĩa sát na. Nếu đạt được cái thức cùng ý chung sanh như mê mà có, vốn không tự tánh, tức là chuyển thức tàng làm Như Lai tàng. Đây là tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa sát na, chẳng phải

chỗ giác của phàm ngu. Bởi vì phàm ngu chỉ giác tất cả pháp sát na, mà không biết tất cả pháp sát na có phi sát na, luống khởi đoạn kiến phá hoại pháp vô vi. Cho nên biết, tất cả chúng sanh chẳng giác chẳng biết, lầm theo sanh diệt. Đây là lý do Như Lai dùng vô gián tất đàn (bố thí không ngừng) vậy.

G²) CHỈ NHƯ LAI TÀNG CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT NA.

Đại Huệ ! Thất thức chẳng lưu chuyển, chẳng chịu khổ vui, chẳng phải non niết bàn. Đại Huệ ! Như Lai tàng chịu khổ vui cùng non chung hoặc sanh hoặc diệt. Bị tứ trụ địa và vô minh trụ địa làm say, phàm ngu bất giác chấp sát na nên vọng tưởng huân tâm.

Thất thức do bất giác vọng khởi kiến phân gồm làm tự thể. Vọng thể vốn là dối nên chẳng phải non niết bàn. Như Lai tàng ở trong vị mê, vọng chịu khổ vui mà cùng non tướng niết bàn hòa hợp, tuy chung với các thọ sanh diệt mà non tướng chẳng diệt. Bởi có ngũ trụ địa làm say mê, mà phàm ngu bất giác khởi chấp sát na. Chẳng lưu chuyển là, thất thức y bát thức niệm niệm huân tập dường như có thật ngã, mà sát na chẳng dừng. Đến lúc chết giác chỉ còn bát thức, nên nói chẳng lưu chuyển. Chưa đến lúc chết

giác thường có sức chuốc khổ vui, mà biết khổ biết vui chẳng phải nó thọ nhận, nên nói chẳng chịu khổ vui. Vọng thấy sanh diệt sát na chẳng dừng là trước sau bất giác vậy. Tứ trụ thuộc về phàm phu, vô minh trụ thuộc nhị thừa, giải thích ở quyển trước.

Lại nữa, Đại Huệ ! Như Kim cương, Xá lợi Phất được tánh kỳ đặc trọn không thể làm tổn hoại. Đại Huệ ! Nếu được vô gián mà có sát na thì thánh nên không phải thánh. Song thánh chưa từng chẳng phải thánh, như Kim cương tuy trải nhiều kiếp số mà cân lượng chẳng giảm. Tại sao phàm ngu chẳng rõ lời nói ẩn náu của ta, đối tất cả pháp trong ngoài khởi tưởng sát na ?

Nói lại Như Lai tàng chứng pháp vô lậu chẳng phải nghĩa sát na. Kim cương cùng Xá lợi Phất đây là hai tánh kỳ đặc chẳng hoại, để dụ Như Lai tàng chơn tánh vô gián chẳng theo các pháp sát na. Phàm ngu không trí chẳng hiểu kho Như Lai bí mật, cho là đồng với các pháp rồi khởi tưởng sát na, đây là lý do hoại pháp vô vi.

*G³) CHỈ THỂ GIAN XUẤT THỂ GIAN BA LA MẬT
CHẲNG LÀ SÁT NA.*

**Bồ Tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn !
Như Thế Tôn nói sáu ba la mật đầy đủ được**

thành chánh giác, những gì là sáu ? Phật bảo Đại Huệ : Ba la mật có ba thứ phân biệt : thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng. Đại Huệ ! Thế gian ba la mật là, ngã và ngã sở nhiếp thọ chấp trước, nhiếp thọ hai bên, là chỗ các thứ thọ sanh, ưa sắc thính hương vị xúc, nên đầy đủ bố thí ba la mật, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí huệ cũng như thế, phàm phu thần thông và sanh phạm thiên.

Nhơn ở trước phát minh nghĩa phi sát na, ở đây lại hỏi sáu ba la mật. Ý bảo, nếu chẳng phải sát na không nên có sáu thứ, nếu thuộc sát na thì không nên cho là phi sát na làm nhơn đầy đủ. Ba la mật có ba thứ, trước là thế gian. Ngã là người hay thí, ngã sở là vật đem ra thí, nhiếp thọ năng sở tức chẳng lìa hai bên có không. Vì cầu được thọ sanh thù thắng, đây là nhơn quả hữu lậu, vốn là việc làm của phàm phu. Thần thông là ngũ thông của nhơn thiên vậy.

Đại Huệ ! Xuất thế gian ba la mật là, Thanh văn, Duyên giác rơi vào nhiếp thọ niết bàn, hành sáu ba la mật thích tự mình được vui niết bàn.

Xuất thế gian ba la mật tuy không nhiếp thọ như quả thế gian, mà nhiếp thọ niết bàn làm cái vui tự độ, cũng chẳng phải cứu cánh.

G⁴) CHỈ XUẤT THẾ GIAN THƯỢNG THƯỢNG BA LA MẬT CHẮNG PHẢI NGHĨA SÁT NA.

Xuất thế gian thượng thượng ba la mật là, giác tự tâm hiện vì vọng tưởng nhiếp thọ và tự tâm là hai, nên chẳng sanh vọng tưởng. Đối các thú không có phần nhiếp thọ, tự tâm sắc tướng không chấp trước, vì an lạc tất cả chúng sanh khởi bố thí ba la mật. Khởi phương tiện thượng thượng nơi duyên vọng tưởng kia chẳng sanh là giới, ấy là trì giới ba la mật. Tức nơi vọng tưởng kia chẳng sanh là nhẫn, biết năng nhiếp sở nhiếp ấy là nhẫn nhục ba la mật. Đầu hôm giữa đêm và khuya siêng năng phương tiện tùy thuận tu hành phương tiện vọng tưởng chẳng sanh, ấy là tinh tấn ba la mật. Vọng tưởng diệt hết chẳng rơi vào nhiếp thọ niết bàn lạc của Thanh văn, ấy là thiền định ba la mật. Tự tâm vọng tưởng chẳng phải tánh, trí huệ quán sát chẳng kẹt hai bên, thân trước càng thù thắng không thể hoại, được tự giác thánh thú, ấy là Bát nhã (trí tuệ) ba la mật.

Thượng thượng ba la mật là, giác tự tâm hiện lượng, thấu suốt năng sở vọng tưởng, nơi tự tâm lượng hai không đến nhau. Chỉ do bất giác, giác thì chẳng sanh. Cho nên đối với các thú không có phần nhiếp thọ, sắc tướng ngoài tự tâm không sanh chấp trước. Vì an lạc cho tất cả chúng sanh mà khởi ra bố thí, nói rằng "đối trị xan tham, cũng hay trị xan tham cho người, tùy thuận tự tánh mà làm bố thí, ấy là phương tiện thượng thượng. Đến chỗ duyên vọng tưởng chẳng sanh, tùy thuận tánh không ô nhiễm, thành tựu giới độ. Tùy thuận tánh không sân hận, biết năng nhiếp sở nhiếp đều không thể được, thành tựu nhẫn độ. Đầu hôm giữa đêm và khuya tùy thuận tự tánh như thật bản thể, chẳng khởi phân biệt là tinh tấn độ. Đối với tự tánh xưa chẳng sanh tưởng khác, chẳng theo nhị thừa chấp tam muội còn năng sở, ấy là thiền định độ. Liễu đạt tất cả vọng tưởng không tánh, đối chỗ sở khởi chẳng sanh chuống ngại, đối chỗ không khởi chẳng trụ bản vị, lìa các thú có không, riêng một không bạn mà trí thân chẳng diệt, lấy đây thành tựu tự giác thánh thú, ấy là bát nhã độ. Xét sáu độ này, tại thế gian thuộc về nhơn sát na, cho nên được quả tướng đều thành sát na, nhơn xuất thế tuy chẳng phải sát na, song xét các tự tánh niết bàn không năng thủ sở thủ, nên cũng thuộc về sát na ; duy

xuất thế thượng thượng, chỉ một tự tâm, ngoài tự tâm không có sáu độ, thuận tánh khởi dụng, dụng trở về thể chẳng phải nghĩa sát na. Đáp ý hỏi, đã đủ ngoài lời nói, có thể do lý đạt được.

Gó) TỔNG KẾT SÁT NA PHI SÁT NA BÌNH ĐẲNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Không vô thường sát na	Kẻ ngu vọng tưởng tạo
Như sông, đèn, hạt giống	Mà khởi tưởng sát na
Sát na dứt phiền loạn	Lặng lẽ lìa sở tác
Tất cả pháp chẳng sanh	Ta nói nghĩa sát na

Hai bài kệ này nói về lý do Như Lai nói sát na, vì chỉ kẻ ngu vọng tưởng hữu vi, bảo như dòng sông, ngọn đèn, hạt giống chóng hoại, bởi muốn kia khởi tưởng sát na. Nếu đạt sát na thì phiền não tự dứt, được chỗ lặng lẽ, xa lìa vọng tưởng. Mới biết tất cả pháp thấy duy tâm hiện không có tự tánh, hiện thân là vô sanh. Đây là lý do Như Lai nói nghĩa sát na.

Vật sanh thì có diệt	Chẳng vì kẻ ngu nói
Vô gián tương tục sanh	Chỗ huân của vọng
	tưởng.
Vô minh làm nhon kia	Tâm át từ kia sanh
Cho đến sắc chưa sanh	Trung gian có phần gì ?

Vật sanh thì có diệt là, vật mới sanh liền diệt. Chẳng rõ Như Lai tàng đệ nhất nghĩa đế nên gọi là vô minh. Vô minh bất giác vọng động thành nghiệp, nên gọi là mới sanh. Bởi bất giác vọng động nên sanh không có tánh sanh, không sanh liền đó diệt vậy. Kẻ ngu chẳng rõ chỗ này mà làm vô gián tương tục, đây là chỗ huân của vô minh vọng tưởng. Vô minh làm nhơn nên vọng tâm y khởi, ngược dòng vô minh vọng động khi chưa gá với sắc, rõ ràng không có chỗ tựa, liền tỉnh ngộ mà biết sẽ không trôi đến niệm thứ hai.

Tương tục thứ lớp diệt	Các tâm theo kia sanh
Khi chẳng trụ nơi sắc	Duyên chỗ nào mà
	sanh?
Vì từ kia nên sanh	Không như thật nhơn
	sanh
Tại sao không chỗ thành	Mà biết sát na hoại ?

Đây lại nói vô gián tương tục thật không có sanh, bởi không như thật sanh, tức diệt cũng không thể được. Bởi vì tâm tương tục liền sanh liền diệt, nhơn duyên nhóm hợp tâm khác lại sanh, nhơn duyên chưa hội thì sanh gá ở chỗ nào. Nếu bảo tức từ tâm kia, song tâm kia hu vọng do bất giác khởi ra, thể sanh đã chẳng thành thì diệt lại hoại cái gì ? Nên nói chẳng được chỗ diệt

kia. Cho nên biết, sanh vốn không nhơn, diệt cũng không đợi, chính nơi chỗ này được gốc vô sanh, tự tánh lặng lẽ vậy.

**Người tu được chánh định Kim cang, Xá lợi Phật
Cung điện quang âm thiên Thế gian việc chẳng
hoại**

**Trụ nơi chánh pháp được Như Lai trí đầy đủ
Tỳ kheo được bình đẳng Làm sao thấy sát na ?
Càn thất bà huyền thấy Sắc không có sát na
Nơi sắc thấy chẳng thật Xem đó dường chơn
thật.**

Đoạn tụng này nói về tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa sát na. Dẫn người tu hành chánh định, kim cang, xá lợi, cung điện Quan Âm, đây là bốn việc chẳng hoại ở thế gian và xuất thế, để dụ người trụ chánh pháp đã được Như Lai thánh trí, Tỳ kheo bình đẳng là chẳng phải sát na. Càn thất bà huyền thấy, sắc không có sát na là, người trụ chánh pháp cho đến chỗ thấy tất cả pháp đều như huyền v.v... tức nơi sắc cũng không có nghĩa sát na. Có sao chính nơi sắc pháp chẳng thật mà xem dường như chơn thật ? Đây là lập lại bác ngoại đạo chấp tứ đại v.v... là sanh nhơn năng tạo.

D³) *Chỉ pháp thân chơn Phật bình đẳng bản tế phá nghi là lỗi, có 7 :*

E¹ - ĐẠI HUỆ THƯA THỈNH VỀ SÁU CHỖ NGHI.

Bồ tát Đại Huệ lại bạch Phật : Thế Tôn ! Thế Tôn thọ ký cho A la hán được thành vô thượng chánh đẳng chánh giác cùng chư Bồ tát đồng không sai biệt ? Tất cả pháp chúng sanh không đến Niết bàn, ai đến Phật đạo ? Từ khi mới được thành Phật cho đến vào niết bàn, ở trong khoảng giữa ấy không nói một chữ, cũng không có đối đáp ? Vì Như Lai thường định, cũng không suy nghĩ, không xét nét, do hóa Phật hóa làm Phật sự ? Có sao mới biết hoại tướng sát na lần lượt ? Kim cang lực sĩ thường theo hộ vệ, tại sao chẳng chỉ thẳng bản tế, mà hiện ma, ma nghiệp, quả báo ác nghiệp, Chiên giá Ma nạp, cô gái Tôn Đà Lợi, không bát mà về, ác nghiệp chuống hiện ? Tại sao Như Lai được nhất thiết chủng trí, mà chẳng là các lỗi ấy ?

Ý hỏi có sáu nghi vấn. Quyển kinh này cùng các kinh khác nói Pháp thân Phật nói cùng Hóa thân nói dường như có khác nhau, nên muốn phát minh. Nghi thứ nhất là, nhị thừa tự mình niết bàn không thể thành Phật, có sao Như Lai vì

nhị thừa thọ ký cùng Bồ tát không khác ? Nghi thứ hai, chúng sanh bởi do vọng tưởng nên chẳng giác tự tâm hiện ra, tại sao Như Lai lại nói tất cả chúng sanh đã niết bàn rồi không lại niết bàn, đã thành Phật rồi thì ai đến Phật đạo ? Nghi thứ ba, Như Lai phân bộ tam thừa, có sao lại nói đem ấy thành Phật, đem ấy vào niết bàn, ở trong khoảng giữa ấy không nói không dạy ? Nghi thứ tư, Như Lai nếu thường ở trong định không suy nghĩ không xét nét, do các hóa Phật làm những việc gì ? Nghi thứ năm, tất cả chúng sanh đã thành Phật rồi, có sao lại nói thất thức chẳng lưu chuyển, chẳng phải như niết bàn sát na lần lượt hoại ? Nghi thứ sáu, Như Lai dựng lập tự thông an trụ bản thể không có chướng ngại, lia các lỗi lầm, có sao lại nói Kim cang hộ vệ sao chẳng chỉ thẳng bản thể mà hiện ma, ma nghiệp, quả báo, các thứ lỗi lầm ? Ma là Phật ngồi đạo tràng ma quân đến quấy nhiễu. Ma nghiệp là Phật thị hiện trong vương cung mười năm thọ dục. Chiên giá Ma nạp là con gái Bà la môn dùng chậu gỗ úp trên bụng cột lại để vu báng Phật tu thông với y. Tôn Đà Lợi giết con gái đem chôn trong đất già lam để vu báng Phật phạm dâm sát. Ở trong thôn Bà lợi Na Phật khát thực ôm bát về không và ăn lúa ngựa, đầu lưng đều đau, cây dâm ở chân, hầm lửa, com độc, các thứ báo hiện.

E² - TRỪ NGHI THỌ KÝ A LA HÁN.

Phật bảo Đại Huệ : Lắng nghe ! Lắng nghe ! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Lành thay, Thế Tôn ! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Vì vô dư Niết bàn nói dẫn dụ tiến lên hành hạnh Bồ tát. Thế giới này và các thế giới khác những người tu Bồ tát hạnh ưa niết bàn của Thanh văn thừa, vì khiến là Thanh văn thừa tiến đến Đại thừa, nên hóa Phật thọ ký cho Thanh văn, chẳng phải pháp Phật. Đại Huệ ! Nhon đó nên thọ ký các Thanh văn cùng Bồ tát không khác. Đại Huệ ! Chẳng khác ấy, Thanh văn, Duyên giác chu Phật Như Lai phiền não chướng dứt, một vị giải thoát, chẳng phải trí chướng dứt. Đại Huệ ! Trí chướng là thấy pháp vô ngã, thù thắng thanh tịnh. Phiền não chướng là trước tập thấy nhon vô ngã dứt, thất thức diệt, pháp chướng giải thoát, thức tàng tập khí cứu cánh thanh tịnh.

Đây là đáp nghi vấn thứ nhất về thọ ký cho A la Hán. Thọ ký cho A la Hán có ba nghĩa : một, sách tiến nhị thừa được vô dư niết bàn, hai dẫn dụ nhị thừa phát tâm Bồ tát, ba chỉ Bồ tát cõi này và các cõi khác chẳng rơi vào thiên lạc của

nhị thừa. Đây là Hóa Phật quyền dẫn chẳng phải Pháp Phật nói. Lại phân biệt nhị thừa, Bồ tát khác cùng chẳng khác, để rõ thật giáo thì nhị thừa đoạn phiền não chướng đạt được giải thoát cùng Bồ tát không khác ; vì trí chướng chưa đoạn nên cùng Bồ tát khác. Nhị thừa không thấy pháp vô ngã, nên trí chướng chẳng đoạn ; mà tập khí đã khởi kiến phần của thức thứ bảy chấp ngã, ở trong tam giới tánh nhiếp thủ đã lìa, nên phiền não chướng đoạn ; mà chỗ nương của thất thức là tập khí nội ngã vẫn chưa trừ diệt. Ngã này một phen diệt thức tàng tập khí thân chuyển liền được cứu cánh thanh tịnh. Cho nên biết, tam muội lạc trụ của Thanh văn sẽ được thân tối thắng Như Lai.

E³ - TRỪ NGHI CHẴNG NÓI MỘT CHỮ.

Vì bởi pháp bản trụ trước sau phi tánh.

Đây là đáp cái nghi thứ ba không nói một chữ. Bản trụ là bản tánh thường trụ, có Phật hay không Phật pháp nhĩ như thế, không có xưa nay, không có nói dạy, nên nói "trước sau phi tánh". Chữ tánh tức là pháp. Nghĩa là trước sau chỉ một bản trụ, không có một pháp có thể được.

E⁴ - TRỪ NGHĨ KHÔNG SUY XÉT KHÔNG XÉT NÉT.

Vì bốn nguyên vô tận Như Lai không nghĩ không xét, mà diễn nói pháp, vì chánh trí hóa, vì niệm chẳng vọng, nên không nghĩ không xét. Vì tứ trụ địa và vô minh trụ địa tập khí đã đoạn, hai thứ phiền não đoạn, là hai thứ tử, giác nhơn pháp và ngã không, hai chướng đoạn.

Đây đáp nghĩ thứ tư không nghĩ không xét. Như Lai không nghĩ không xét mà diễn nói pháp, do chánh trí hóa, chẳng phải vọng niệm hóa. Cho nên tuy hóa Phật làm ra mà đều là nghĩ xét, nên nói "Phật dùng một âm diễn nói pháp, chúng sanh tùy loại mỗi loài được hiểu. Song Như Lai thật không có tâm tùy loài, ấy do các loài có duyên mà mỗi loài thấy khác". Ngũ trụ, hai tử, hai phiền não, hai ngã, hai chướng, năm thứ tập này, Như Lai đoạn đã lâu, nên được thường định không nghĩ. Chỉ do bốn nguyên thị hiện có hóa tác tùy chỗ cảm hiện như trăng trong nước.

E⁵- TRỪ NGHĨ CHÚNG SANH THÀNH PHẬT, THỨC SÁT NA HOẠI.

Đại Huệ ! Tâm ý ý thức nhãn thức v.v... có bảy là nhơn tập khí sát na, là phẩm thiện vô lậu, chẳng lại luân chuyển. Đại Huệ ! Như

Lai tàng là luân chuyển, là nhơn khổ vui niết bàn, kẻ huệ không, loạn ý và phàm phu ngu si không thể giác được.

Đây là tổng đáp nghi thứ hai chúng sanh thành Phật và nghi thứ năm thức sát na hoại. Tâm ý, ý thức, nhãn v.v... sở dĩ nói sát na, vì lấy vô minh tập khí làm nhơn, trái với vô lậu giác, vọng chấp là ngã thể. Thể này chẳng thật sát na biến diệt, chẳng theo lưu chuyển. Thế nên tất cả chúng sanh tuy ở trong sanh tử mà không có sanh tử khá được. Nếu đứng về như lai tàng mà nói, tuy hiện lưu chuyển mà có nhơn khổ vui niết bàn. Phàm phu chấp trước bị khổ vui che đậy, chẳng biết hay thọ khổ vui cùng hay chứng niết bàn tánh nó không hai. Nhị thừa là đối trị phàm phu diệt cái thọ khổ vui, lại bị cái không làm loạn, bỏ nhơn khổ vui riêng thủ niết bàn, mà chẳng biết tự tánh niết bàn, đồng gọi là bất giác. Giác thì liền đó chứng biết, lại không riêng có, thất thức sát na, chúng sanh thành Phật vốn chẳng ngại nhau. Bản dịch này nói tâm ý ý thức nhãn thức v.v... bầy, còn bản dịch đời Đường thì nói ý và ý thức nhãn thức v.v... bầy, đều nói bầy thức không lưu chuyển. Song bản dịch này kèm nói tâm là riêng để hiển bày Như Lai tàng chẳng hoại chơn tướng, nên nói "chỉ tâm tướng diệt, chẳng phải tâm thể diệt, vì chỉ si diệt tâm tướng

theo đó mà diệt", cũng chẳng phải không có ý chỉ. Tóm lại, thức thứ bảy vốn góp kiến phần của thức thứ tám làm thể, nên nói bảy thức sát na thì tâm tướng của tám thức sát na không nói có thể biết. Nói Như Lai tàng phi sát na mà bảo nhơn khổ vui. Phàm thọ khổ vui hẳn do phân biệt. Thế thì sáu thức sát na cũng tức có nghĩa phi sát na. Mới biết mê thì chỉ vọng giác làm sát na, nên nói "Thất thức chẳng luân chuyển". Ngộ thì chỉ chơn tướng phi sát na, nên nói "Như Lai tàng là nhơn khổ vui niết bàn." Song mà, thất thức tức là bát thức, bát thức tức là ngũ thức, lục thức. Đây hoại và chẳng hoại chung nhau làm nhơn, thấy do mê ngộ chẳng phải thật có nhiều thể.

E⁶ - TRỪ NGHI KIM CANG HỘ VỆ VÀ TẤT CẢ NGHIỆP BÁO.

Đại Huệ ! Kim Cang lục sĩ theo hộ vệ ấy, là hóa Phật, chẳng phải nhơn Như Lai. Đại Huệ ! Chơn Như Lai là tất cả căn lượng, tất cả căn lượng phàm phu, Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo thấy đều diệt, được hiện pháp lạc, vì trụ vô gián pháp trí nhãn, nên chẳng phải Kim Cang lục sĩ hộ vệ. Tất cả hóa Phật chẳng từ nghiệp sanh. Hóa Phật là, chẳng phải Phật chẳng là Phật. Nhơn thọ

gốm, bánh xe v.v... Chúng sanh tạo ra hình tướng mà nói pháp, chẳng phải chỗ tự thông, nói cảnh giới tự giác.

Đoạn này và đoạn sau đều đáp nghi thứ sáu Kim cang hộ vệ và tất cả nghiệp báo bệnh chung. Chơn Phật dựng lập tự thông, chỉ thẳng cảnh giới tự giác cho chúng sanh, lia tất cả căn lượng phàm phu nhị thừa, được hiện pháp lạc trụ, trí nhãn vô gián, chẳng phải chỗ Kim cang hộ vệ. Kim cang theo hộ vệ là chỉ hóa Phật. Hóa Phật duy nương bi nguyện đối hiện sắc thân, như trắng trong nước chẳng phải một chẳng khác, chẳng phải từ nghiệp sanh nên không lỗi của nghiệp, tất cả thị hiện thấy vì chúng sanh. Thợ gốm dùng bánh xe, đất nước tạo các món đồ, mỗi món thích hợp với chỗ dùng, để dụ tùy cơ ứng hiện, chẳng phải có tâm tạo.

Lại nữa, Đại Huệ ! Kẻ ngu y thất thức thân diệt rồi khởi đoạn kiến, vì chẳng giác thức tàng khởi thường kiến, vì tự vọng tưởng nên chẳng biết bản thể. Tự vọng tưởng huệ diệt nên được giải thoát. Vì tứ trụ địa, vô minh trụ địa tập khí đoạn hết nên tất cả lỗi đoạn.

Đây cũng đáp về cái nghi thứ sáu, đặc biệt rõ bản thể không có lỗi lầm, vì phàm phu chẳng giác

vọng thấy sai biệt mà thôi. Thất thức thân nếu diệt liền hay liễu đạt bản thể, chẳng khởi đoạn kiến. Đây nói thất thức diệt chính là quán sát lưu chú niệm niệm chẳng dừng, chẳng giác tự tâm nên khởi đoạn kiến. Bản dịch đời Ngụy đời Đường đều nói "lục thức" cũng đồng ý này. Nhơn mê Như Lai tạng mà có tạng thức, nếu lìa thức tìm tâm liền thuộc nhị thừa thiên chơn (chơn chân lệch), nếu tức nơi thức cho là tâm lại rơi vào ngoại đạo chấp tác giả. Đây là do chẳng rõ thức tạng lâm là chơn thật, tự vọng tưởng thấy, chẳng biết bản thể. Vọng tưởng nếu diệt thì ngũ trụ tập khí một lúc liền đoạn, tức là tất cả lỗi dứt, đâu còn có các thứ nghiệp báo. Cho nên biết mê Như Lai tạng mà làm thức tạng liền tùy thuận vọng tưởng là bản thể sanh tử, chẳng giác chẳng biết. Nếu rõ thức tạng tức Như Lai tạng thì tùy thuận chánh trí là bản thể niết bàn, không nhiễm không nhơ. Đã có thị hiện đều vì chúng sanh chẳng phải dựng lập tự thông, cảnh giới tự giác.

E⁷ - KỆ TỔNG ĐÁP :

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Tam thừa cũng phi thừa	Như Lai chẳng diệt mất
Tất cả Phật đã ghi	Nói lìa các lỗi ác.
Vì các trí vô gián	Và vô dư niết bàn

Dẫn dụ các hạ liệt	Thế nên nói ẩn nấu.
Trí chư Phật đã khởi	Tức phân biệt nói đạo
Các thừa chẳng phải thừa	Kia ắt phi niết bàn.
Dục sắc hữu và kiến	Nói là tứ trụ địa
Chỗ khởi của ý thức	Nhà thức chỗ ở ý.
Ý và nhãn thức thấy	Đoạn diệt nói vô thường
Hoặc khởi chấp niết bàn	Mà vì nói thường trụ.

Tam thừa cũng phi thừa, Như Lai chẳng diệt mất, chính hai câu này đã đáp hết sáu cái nghi. Nghĩa là Như Lai tự giác không có tướng thừa, chẳng vào niết bàn, vốn tự thanh tịnh không có các cấu ác. Nếu hay liễu đạt lại không có nói gì khác. Chúng sanh hạ liệt không tin được chỗ này, nên Như Lai nói có chánh trí, nói có niết bàn, trước vì dẫn dụ họ tiến lên, về sau mới chỉ mặt ý này. Nghĩa là Như Lai đã được nhất thiết chủng trí phân chia diễn nói, lại không có ý chỉ riêng. Chỉ nói chẳng phải thừa và chẳng phải niết bàn khiến họ tự tin tự chứng mà thôi. Nếu chỉ đoạn diệt tứ trụ nói là niết bàn thì đây không phải thường trụ. Như Lai nói chẳng phải thừa chẳng phải niết bàn, bản tánh thanh tịnh thường tự tịch diệt, nên nói thường trụ. Ý thứ bảy ý thức thứ tám mà khởi, tức do thức thứ tám mà trụ, chẳng lấy thức thể chuyển biến làm cứu cánh, mà lấy ý, ý thức và năm căn thức tạm thấy dừng

diệt, khởi tướng niết bàn, đồng với đoạn diệt, chỉ tăng trưởng tà kiến.

D⁴) *Chỉ Như Lai chánh như chánh quả cứu cánh thanh tịnh, có 4 :*

E¹ - ĐẠI HUỆ THỈNH HỎI TỘI PHƯỚC ẲN THỊT VÀ CHẲNG ẲN THỊT.

Bồ Tát Đại Huệ dùng kệ hỏi Phật :

Chư Bồ tát kia thầy	Chỉ cầu Phật đạo ấy
Rượu thịt cùng với hành	Ăn uống là thế nào ?
Cúi mong Vô thượng tôn	Thương xót vì diễn nói.
Kẻ ngu chỗ tham đắm	Như hoi không tốt đẹp
Chỗ ưa thịt cạp sôi	Làm sao mà nên ăn ?
Kẻ ăn sanh các lỗi	Chẳng ăn là phước lành
Cúi xin vì con nói	Tội phước ăn chẳng ăn.

Bồ tát Đại Huệ nói kệ hỏi rồi, lại bạch Phật :
Cúi mong Thế Tôn vì chúng con nói lỗi ác ăn thịt và công đức chẳng ăn thịt. Con và chư Bồ tát ở hiện tại vị lai sẽ vì chúng sanh có các thứ hy vọng ăn thịt phân biệt nói pháp, khiến chúng sanh kia từ tâm đến nhau, được từ tâm rồi mỗi người nơi trụ địa thanh tịnh sáng tỏ, chóng được cứu cánh Vô thượng Bồ đề. Hàng Thanh văn Duyên giác nơi địa vị của mình dùng nghĩ rồi, cũng được chóng thành Vô thượng Bồ đề. Các chúng ngoại đạo pháp ác tà luận, tà kiến đoạn

thường diên đảo chấp trước, còn có pháp ngăn không cho ăn thịt, huống là Như Lai cứu hộ thế gian, chánh pháp thành tựu mà ăn thịt sao ?

Theo cổ chú nói : "Như Lai ở trong cung quý vương nói pháp, các chúng đệ xoa xoa v.v... nhớ giờ ăn đã đến, chẳng phải thịt thì không ăn được. Đại Huệ vì muốn các quý vương sanh từ tâm, như đó thỉnh Như Lai nói lời ăn thịt, đây vẫn tùy căn cơ chúng sanh". Song dùng con đường tu hành chọn chánh của Như Lai, ở trong Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, nghĩa ba thứ lớp rất nên lẫn nhau chứng minh: "Năm mươi ấm ma cho đến thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch, ở trong mình ngộ được tánh hư minh, trong ấy bỗng nhiên hướng về chỗ hằng diệt, bác không nhận quả, một bề vào không, không tâm hiện tiền thì có không ma vào trong tạng phủ, bèn chê người tri giới là Tiểu thừa, Bồ tát ngộ không có gì là tri là phạm. Người ấy thường đến nhà tín tâm đàn việt uống rượu ăn thịt, rộng làm việc dâm uế. Bởi sức của ma nhiếp phục người ở trước nó chẳng sanh nghi ngờ chê bai. Quý nhập tâm đã lâu, hoặc ăn phần uế cùng rượu thịt như nhau một loại đồng là không, phá luật nghi của Phật, lâm vào tội lỗi, mất hết chánh định, sẽ theo trầm luân". Lời răn dạy của Phật rất thâm nghiêm, người biết pháp phải kính sợ. Ngày nay đã suy

muôn xem thường lời dạy ấy. Và lại có người cho thừa gắp giới hoàn để mặc tình miệng dùng, các thứ phá hoại chẳng dừng ăn thịt, là đáng thương vậy. Lại trong Bồ tát giới nói "khởi một niệm sân làm chuống chúng sanh, hay đoạn chủng tánh, cũng như giết ăn". Người có chí với đạo phải hộ chánh kiến, chớ bị tà mê.

E² - CHỈ ĂN THỊT NHIỀU LỖI.

Phật bảo Đại Huệ : Lành thay, lành thay, lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó, tôi sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật : Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ : Có vô lượng nhơn duyên không nên ăn thịt. Song nay ta sẽ vì ông lược nói. Nghĩa là tất cả chúng sanh từ trước đến nay nhơn duyên lần lượt thường làm lục thân, vì tưởng người thân không nên ăn thịt.

Thường làm lục thân là, đức Phật của chúng ta khuyên người phát tâm từ hiếu nên răn nhắc thiết tha. Song là Phật tử vì rõ sâu muôn vật một thể, tuy ở trong loài khác còn nghĩ độ thoát, đâu thể vì thân mạng mình vẫn buông lung miệng bụng, phóng ý giết hại, đã nghe đòi trước mà không thể động lòng thương xót ư ? Chính hiện tại đồng loại rất thiết tha hòa kính, sao

chưa nghĩ về sau mà xem hiện nay ? Pháp thời gần cuối nhóm người học Phật phần nhiều thấy theo quyền thuộc của ma. Rất mong cùng thiên hạ đủ chánh tri kiến kính giữ lời dạy của Phật để làm mẫu mực cho đời sau. Dùng một niệm này ngưỡng đối ba đời Như Lai ở trong đại quang minh.

Thịt lừa, loa, lạc đà, chồn, chó, trâu, ngựa, người, thú v.v... vì người hàng thịt bán lẫn lộn chẳng nên ăn thịt. Vì phần hơi chẳng sạch được sanh trưởng, chẳng nên ăn thịt, vì chúng sanh ngửi mùi thấy sanh kinh sợ như Chiên đà la và Dàm bà v.v... chó thấy oán ghét sợ hãi sữa vang, chẳng nên ăn thịt.

Bán lẫn lộn là, vì không biện biệt được thịt người hay thịt thú máu thịt giống nhau. Chẳng sạch là máu mủ chẳng sạch. Nhóm người sạch sẽ còn chẳng gần gũi tinh uế, huống là ăn nuốt. Đến như tâm sợ chết thì người vật nào khác. Người quân tử còn có tâm không nỡ làm chúng sanh sợ sệt. Nếu có lòng sát hại còn không thể bì kịp người ngoài đời, huống là có thể xung pháp khí gánh vác đạo lý sao ?

Lại, vì khiến người tu hành từ tâm chẳng sanh, chẳng nên ăn thịt. Vì kẻ phạm ngu

tham đắm ăn đồ hôi hám bất tịnh, không được tiếng tốt, chẳng nên ăn thịt. Vì khiến chú thuật không thành tựu, chẳng nên ăn thịt. Vì người sát sanh thấy hình khởi thức đắm trước mùi vị, chẳng nên ăn thịt. Vì người ăn thịt kia chuThiên bỏ đi, không nên ăn thịt, vì khiến miệng hôi hám, không nên ăn thịt. Vì nhiều mộng dữ, không nên ăn thịt. Vì ở rảnh rang trong rừng cọp sói ngửi mùi, chẳng nên ăn thịt. Vì khiến ăn uống không tiết độ, không nên ăn thịt. Vì khiến người tu hành chẳng sanh nhàm lìa, không nên ăn thịt. Ta thường nói rằng : Phạm có ăn uống nên khởi tưởng nhu ăn thịt con, khởi tưởng nhu uống thuốc, không nên ăn thịt. Cho ăn thịt hản là vô lý vậy.

Thấy hình khởi thức đó, hình là hình thịt, thức là thức tâm. Nghĩa là tập lâu hay khiến thức tâm biến đổi, chìm sâu trong ô nhiễm. Chu thiên bỏ đi là, chu thiên không còn sân và trộm, nên bị chu thiên bỏ đi. Khiến người tu hành chẳng sanh nhàm lìa là, đệ tử trong pháp của ta, nếu chẳng dứt ăn thịt mà hay khiến tất cả phát tâm tu hành thì họ không sanh tưởng nhàm lìa. Phạm có ăn uống là, đối với sự ăn uống khác xa lìa tham đắm, còn phải khởi tưởng ăn thịt con,

khởi tướng uống thuốc, chẳng nên ăn thịt, đâu chẳng lẽ lại ăn thịt hẳn là vô lý.

Lại nữa, Đại Huệ ! Thuở xưa có ông vua tên Su tử Tô Đà Ta ăn các thứ thịt cho đến thịt người, thần dân chịu không nổi liền sắp mưu phản, dứt hết bổng lộc. Bởi ăn thịt có những lỗi như thế, chẳng nên ăn thịt.

Phàm người sát sanh chịu quả báo ở địa ngục. Ở đây nói hiện đời vẫn thuộc về hiện báo.

Lại nữa, Đại Huệ ! Các người sát sanh là vì tài lợi, kẻ hàng thịt sát sanh buôn bán, những chúng sanh ngu si ăn thịt kia lấy tiền làm lưới mà bắt các thứ thịt. Người sát sanh hoặc do tài vật, hoặc dùng câu lưới bắt những chúng sanh thủy lục không hành, các thứ giết hại đem bán cầu lợi. Đại Huệ ! Cũng không có chẳng dạy chẳng cầu chẳng tướng mà có thịt cá. Bởi những nghĩa ấy chẳng nên ăn thịt.

Không có chẳng dạy chẳng cầu chẳng tướng là, ở đời có người ăn thịt mới có người bán thịt, tức là dạy người khác giết. Dùng tiền của để lưới các thứ thịt là cầu, thấy hình khởi thức là tướng. Chưa bao giờ có trừ ba thứ ấy mà được thịt cá, nên chẳng ung ăn thịt.

**E³ - CHỈ THẬT NGHĨA KINH NÀY TẤT CẢ
THẤY DỨT.**

**Đại Huệ ! Ta có khi nói gần năm thứ
thịt, hoặc cấm mười thứ. Nay ở kinh này tất
cả thứ, tất cả thời mở bỏ phương tiện, tất cả
thấy đều dứt. Đại Huệ ! Như Lai ứng cúng
đẳng chánh giác còn không có ăn, huống là
ăn thịt, cũng không dạy người. Bởi lòng đại
bi đi trước nên xem tất cả chúng sanh ví như
con một, thế nên chẳng cho được ăn thịt con.**

Năm thứ thịt là, chẳng nghe, chẳng thấy,
chẳng nghĩ, chim ăn còn dư, tự chết. Cấm mười
thứ là, thịt người, rắn, voi, ngựa, lừa, chồn, heo,
chó, sư tử, khỉ. Hai thứ này khai hay ngăn, khi
đức Thế Tôn mới thành Phật vì cơ duyên chưa
thuần thực, vì lòng thương xót quyền cho được
ăn, song đều do thân lực hóa ra không có sanh
mạng, đến trong kinh này mới bày nghĩa thật,
tất cả thấy dứt vậy. Xem tất cả chúng sanh như
con một nên chẳng cho ăn thịt con. Thế Tôn dạy
người lấy đồng thể làm thiết yếu, đáng gọi là đến
cùng tốt. Song dùng lý luận thì đồng một bản trụ
hình mao tuy khác mà tri giác là đồng, người
chẳng đến nỗi mê say vẫn nên xét kỹ.

E⁴ - TỔNG KẾT CHỈ RÕ TU HÀNH LỐI LẦM.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ :

Thấy từng làm thân thuộc	Thô nhơ lẫn bất tịnh
Do bất tịnh sanh trưởng	Nghe mùi thấy kinh sợ.
Tất cả thịt cùng hành	Và các thứ tởi nén
Các thứ rượu buông lung	Tu hành thường xa lìa.
Cũng thường lìa dấu mè	Cùng các giường thủng
	lổ
Bởi các trùng nhỏ kia	Ở trong rất sợ hãi.

Hành họ tởi nén ăn sống thì sanh sâu, ăn chín thì tham dâm, nên phải đồng dứt. Cổ chú nói "phong tục ngoại quốc dâm mè chờ đến có trùng, hoặc cùng Trung Hoa khác vậy". Giường có lỗ hở có nhiều trùng ẩn, nằm ngồi nó kinh sợ, Phật từ bi đến thế, ta đâu không sanh hổ thẹn.

**Ăn uống sanh buông lung Buông lung
sanh vọng giác.**

Từ giác sanh tham dục	Thế nên chẳng ưng ăn
Do ăn sanh tham dục	Tham khiến tâm say mê
Say mê lớn ái dục	Sanh tử không giải thoát.

Đây xét các thứ ăn uống khác, nếu tham đắm mùi vị đều hay khiến người thân tâm buông lung, nhiều thứ giác tướng, tột đến tham dục say mê

triển miên sanh tử. Chỉ do miệng bụng một niệm theo tình, như nhỏ mà quả to, đâu không dè dặt ư?

Vì lợi giết chúng sanh	Dùng của lưới các thịt
Cả hai đều ác nghiệp	Chết đọa ngục khiêu hô
Nếu không dạy tướng cầu	Ắt không ba tịnh nhục
Kia đâu không nhờn có	Thế nên chẳng ung ăn
Các người tu hành kia	Do đó thấy xa lìa
Mười phương Phật Thế Tôn	Tất cả đều quả trách
Lần lượt lại ăn nhau	Chết sanh loài hổ lang
Hôi nhơ đáng chán ghét	Chỗ sanh thường ngu si.
Nhiều đời làm Chiên đà	Giống thợ săn Đàm bà
Hoặc sanh Đà di ni	Và các dòng ăn thịt.
La sát, mèo chồn thảy	Khắp trong ấy sanh ra
Phước Tượng cùng Đại	Ương Quật Lợi Ma La
Vân	

Và kinh Lăng Già này Ta đều cấm ăn thịt.

Đà di ni là La sát nữ. Phước Tượng, Đại Vân,
Ung Quát Lợi Ma La đều là tên Kinh.

Chư Phật và Bồ Tát	Thanh văn chỗ quả trách
Ăn rồi không hổ thẹn	Đời đời thường si tối.
Trước nói thấy, nghe,	Đã dứt tất cả thịt
nghi	
Vọng tưởng chẳng giác	Nên sanh chỗ ăn thịt
biết	

Như lỗi tham dục kia	Chướng ngại giải thoát thánh
Rượu thịt hành tội nén	Thấy là chướng thánh đạo.
Chúng sanh đời vị lai	Nơi thịt ngu si nói
Rằng đây tịnh không tội	Phật cho chúng ta ăn.
Ăn tưởng như uống thuốc	Cũng như ăn thịt con
Biết đủ sanh nhàm lìa	Tu hành hạnh khát thực
Người an trụ từ tâm	Ta nói thường chán lìa
Cọp sói các thú ác	Hằng nên cùng đi ở.
Nếu ăn các máu thịt.	Chúng sanh ắt kinh sợ
Thế nên người tu hành	Từ tâm chẳng ăn thịt
Ăn thịt không từ huệ	Hằng trái chánh giải thoát
Và trái biểu tượng thánh	Thế nên chẳng ăn thịt
Được sanh dòng Phạm	Và các chỗ tu hành
Chí	
Nhà giàu sang trí huệ	Đây do chẳng ăn thịt.

Chướng ngại giải thoát thánh đều là chướng thánh đạo. Ăn thịt không từ tâm hằng trái chánh giải thoát. Như Lai lại đến ba phen thiết tha nhắc đều vì người tu hành, nghiêm huấn dạy bảo. Bởi vì Ngài thương đời sau "nói là Đại thừa vô ngại" vọng buông những tà luận và vu khống Như Lai là cho ăn tịnh nhục, làm hoặc loạn kẻ sơ

tâm. Một bọn như thế phần nhiều ưa buông lung, không có tâm hổ thẹn, thật là cặn bã ở địa ngục. Được sanh dòng Phạm Chí và các người tu hành, nhà giàu sang trí huệ, còn do không ăn thịt thay, phương chi đệ nhất nghĩa giải thoát của Như Lai ? Phật ở trong Kinh này chỉ thẳng thức tàng tức Như Lai tàng, chỉ một phen liễu đạt thì toàn vọng tức là chơn. Chẳng phải cảnh giới của tất cả Nhị thừa và huyền vị Bồ tát, mà đối với giới đức rất thiết tha răn dạy. Cho nên biết, vô lậu chơn tịnh không dung vật khác, trước sau gốc ngọn cứu cánh rõ ràng không còn dư sót. Mười phương ba đời tất cả Như Lai đồng một bí mật, đại đạo sáng tỏ như mặt trời, không nên nghi ngờ.



MỤC LỤC

A1 PHẦN TỰ CÓ 2 :	...
<i>B1 DUYÊN KHỞI CỦA KINH</i>	28
<i>B2 ĐƯƠNG CƠ KỆ TÁN</i>	29
A2 PHẦN CHÁNH TÔNG CÓ 2 :	
<i>B1 CHỈ THĂNG LÌA NÓI BẤT CHỨNG PHÁP MÔN ĐỆ NHẤT NGHĨA RỘNG LỚN VI DIỆU CÓ 2 :</i>	34
C1 HỎI 108 CÂU	34
C2 ĐÁP CHỈ THĂNG PHI CÚ CÓ 2 :	49
<i>D1 Lập lại</i>	49
<i>D2 Đáp</i>	60
<i>B2 BÀY NGÔN THUYẾT ĐỂ VÀO ĐỆ NHẤT NGHĨA BIẾN THỨC THƯỜNG TRỤ DỪNG HIỂN DUY TÂM CÓ 8 :</i>	67
C1 NÓI NHƠN QUẢ TÀ CHÁNH CỦA TÁM THỨC ĐỂ HIỂN THÁNH TRÍ TỰ GIÁC CÓ 2 :	67
<i>D1 Lược nói nhơn quả tà chánh của tám thức để biểu thị lìa vọng mà chúng có 7:</i>	67
E1 Chỉ các thức sanh diệt khó biết	67
E2 Lược nói thức tướng y nơi chọn do mê phát khởi	69
E3 Chỉ ngộ chọn chẳng diệt	72

- II -

E4 Chỉ ra tà kiến đoạn kiến dị nhơn	76
Ế5 Chỉ chánh nhơn để biện biệt tà vọng	81
E6 Bác tà đoạn có, không của ngoại đạo	83
E7 Chỉ bày lia vọng được chứng	89
<i>D2(quyển 2) Nói rộng bờ mé cứu cánh của tám thức để phân biệt thức và trí có 6 :</i>	
E1 Đại huệ thừa hỏi	94
E2 Phân biệt nhơn duyên bất giác của tám thức	95
E3 Tột tăng thức là bờ mé cứu cánh	100
E4 Hiện hiện lượng của tự tâm lia vọng chơn thật	101
E5 Tụng phân biệt tám thức để khởi tự ngộ	102
E6 Chỉ thẳng ba tướng tự giác thánh trí	111
C2 CHỈ NĂM PHÁP, TỰ TÁNH, VÔ NGÃ, GIẢN BIỆT NHỊ THỪA NGOẠI ĐẠO, ĐỂ RÕ NHƠN QUẢ CỦA CHÁNH PHÁP CÓ 3 :	115
<i>D1 Nói năm pháp có 9 :</i>	
E1 Đại Huệ hỏi	115
E2 Phá ngoại đạo vọng chấp có, không	117
E3 Chỉ trừ sạch đốn hay tiệm	125
E4 Chỉ ba Phạt, nói trí như sai biệt	129
E5 Biện về Nhị thừa tự giác thánh sai biệt	133
E6 Biện đạt được thánh trí thường bất tư nghi	136

- III -

E7 Biện nhị thừa bỏ vọng cầu chơn	140
E8 Chỉ ra chủng tánh vọng tướng trí nhu sai biệt	143
E9 Chỉ vọng tướng, trí, như bình đẳng để hiển bày xiển để Phật tánh chẳng đoạn	149
D2 Nói về bát tự tánh	151
D3 Nói về hai vô ngã có 4 :	154
E1 Nói về Nhơn vô ngã	154
E2 Nói về pháp vô ngã	155
E3 Chỉ thiện pháp vô ngã có 2 :	157
G1 Lìa dụng lập phỉ báng	157
G2 Tiến đến cứu cánh độ thoát	162
E4 Chỉ thiện pháp vô ngã được bốn tướng pháp vô ngã có 5 :	
G1 Tướng pháp không	164
G2 Tướng vô sanh	169
G3 Lìa tướng tự tánh	170
G4 Không hai tướng	170
G5 Kết bốn tướng vào tất cả kinh điển	171
C3 (QUYỂN 3) CHỈ NHƯ LAI TÀNG SIÊU QUÁ VỌNG TƯỚNG NGÔN THUYẾT CỦA PHẠM PHU VÀ NGOẠI ĐẠO THÀNH TỰU CÁC ĐỊA CỨU CẢNH QUẢ HẢI CÓ 11 :	
D1 Chỉ Như Lai tạng chẳng động thần ngã của ngoại đạo	175

· IV ·

*D2 Chỉ Như Lai tàng phương tiện hiển
bày có 5 :*

E1 Chỉ chung phương tiện có bốn pháp	180
E2 Khéo phân biệt tự tâm hiện	182
E3 Quán ngoại tánh phi tánh	183
E4 Lìa kiến chấp sanh trụ diệt	184
E5 Tự giác thánh tri thiện lạc	185

D3 Chỉ Như Lai tàng lìa các nhơn duyên 187

*D4 Chỉ Như Lai tàng đệ nhất nghĩa
lìa ngôn thuyết vọng tưởng* 193

*D5 Chỉ Như Lai tàng tự giác thánh tri
lìa bốn câu có không* 200

*D6 Chỉ bốn thứ thiện để hiển Như Lai
thanh tịnh chẳng đồng Nhị thừa* 218

*D7 Chỉ Như Lai tàng tự tánh Niết Bàn
chẳng đồng Nhị thừa* 222

*D8 Chỉ thần lực dụng lập chẳng rơi
vào có không* 227

*D9 Chỉ các pháp duyên khởi để hiển bày
Như Lai tàng nghĩa phi nhơn duyên* 331

*D10 Chỉ các pháp thường trụ như huyễn
để hiển Như Lai tàng tự tánh vô
sanh có 4 :* 236

E1 Hiện hoặc loạn thường 237

E2 Chỉ hoặc loạn khởi hai thứ tánh để
hiển bày chọn như bình đẳng có 2 : 240

G1 Chỉ hoặc loạn khởi hai chủng
tánh 240

G2 Chỉ lia vọng bình đẳng chơn như	241
E3 Chỉ hoặc loạn không pháp có 2 :	
G1 Chỉ hoặc loạn không pháp như huyền	242
G2 Lại chỉ như huyền không lỗi	245
E4 Chỉ thẳng vô sanh như huyền khiến lia hy vọng	248
D11 <i>Chỉ lia lời nói được nghĩa, dùng ngoài đạo, khác ngu phu, chọn lựa tâm giác dụng lập</i> Niết Bàn có 5 :	251
E1 Chỉ lia lời nói được nghĩa	252
E2 Nêu chỉ luận do rõ nghĩa chẳng ở lời nói	254
E3 Riêng tứ quả để chỉ ra chơn giác có 6 :	
G1 Hỏi bốn quả sai biệt	259
G2 Liệt bày ba thứ Tu đã hoàn có 2 :	
H1 Chỉ quả tướng Tu đã hoàn	260
H2 Chỉ Tu đã hoàn đoạn kết sai biệt	261
G3 Chỉ tướng quả Tu đã hàm	264
G4 Chỉ tướng quả A na hàm	265
G5 Chỉ tướng quả A la hán.	
G6 Riêng A la hán chẳng đồng siêu giác	266
E4 Chọn lựa giác tâm có 3 :	
G1 Chánh chỉ quán sát tướng giác	268

- VI -

G2 Chỉ vọng tưởng giác tướng để rõ tự giác thành lạc	270
G3 Chỉ rõ tứ đại tạo sắc và quán sắc giác.	272
E5 Chỉ kiến lập Niết bàn có 3 :	
G1 Riêng bày Niết bàn của ngoại đạo, Nhị thừa để hiển Niết bàn của Như Lai.	278
G2 Chỉ vọng tưởng thức diệt tức là Niết bàn	280
G3 Cùng tốt vọng tưởng sai biệt để hiển trí, như, thành thật, biến quả Niết bàn.	283
C4 CHỈ TỰ GIÁC NHẤT THỪA SOI SÁNG CÁC ĐỊA, KHÉO ĐOẠN CÁC LẬU. VIỆN MÂN THÂN PHẬT, CHẴNG RƠI VÀO CÓ KHÔNG CÓ 4 :	295
<i>D1 Chỉ tự giác nhất thừa có 5 :</i>	
E1 Chỉ tự giác thành trí	296
E2 Chỉ nhất thừa	297
E3 Chỉ tam thừa tùy cơ	298
E4 Chỉ nhất thừa bình đẳng	300
E5 Tụng chung	301
<i>D2 (quyển 5) Chỉ thành trí chiếu minh các địa có 4 :</i>	
E1 Bày ba thứ ý sanh thân	305
E2 Chỉ thân tướng thất địa trở lên	306
E3 Chỉ thân tướng bát địa	307

E4 Chỉ Phật địa thân tướng không hành tác và bài tụng	308
<i>D3 Chỉ phương tiện khéo vào năm hạnh có 6 :</i>	
E1 Nhơn Đại Huệ hỏi liệt bày hạnh ngũ vô gián	309
E2 Chỉ hai căn bản đoạn	310
E3 Chỉ các pháp cứu cánh đoạn	311
E4 Chỉ các ấm cứu cánh đoạn	311
E5 Chỉ bảy thứ thức đoạn	312
E6 Chỉ ngoại ngũ vô gián hạnh cùng tụng	312
<i>D4 Chỉ viên mãn Phật giác có 4 :</i>	
E1 Chỉ Phật giác	314
E2 Chỉ Như Lai tự ngũ, thân, pháp bốn thứ đồng	317
E3 Chỉ Phật giác tự chứng không thể nói bày	324
E4 Chỉ cảnh giới Phật giác xa lìa hai bên có 4 :	
G1 Chỉ thể gian chấp có không	327
G2 Chỉ ra nhơn tướng hai thứ chấp có không	328
G3 Bài xích chấp không hay phá hoại chánh pháp	329
G4 Tổng tụng	332

**C5 CHỈ TÔNG THUYẾT HAI ĐỀU THÔNG
ĐỂ RÀNH VỀ DỤNG NGŨ NGHĨA THỨC
TRÍ, GIẢN BIỆT NGU NGOẠI GIÚP
TIẾN MINH NGƯỜI, CHÁNH PHÁP
GIẢI THOÁT CÓ 3 :**

*D1 Chỉ tông thuyết hai đều thông xa lìa
vọng tướng chấp trước có 2 :*

E1 Chỉ tông thuyết hai đều thông 334

E2 Chỉ tốt tướng sanh của vọng
tướng, để hiển đệ nhất nghĩa có 4 :

G1 Nhơn Đại Huệ hỏi chỉ tướng
sanh của vọng tướng 337

G2 Nạn vọng tướng một bên sanh
một bên chẳng sanh 340

G3 Chỉ giác tự tâm lượng vọng
tướng chẳng sanh 342

G4 Tụng chung 343

*D2 Chỉ ngũ, nghĩa, thức, trí để hiển dụng
tông thông có 5 :*

E1 Chỉ ngũ nghĩa có 5 :

G1 Nhơn Đại Huệ hỏi, trước chỉ
tướng ngũ 347

G2 Chỉ tướng nghĩa 349

G3 Chỉ do ngũ nhập nghĩa 350

G4 Riêng y ngũ chấp nghĩa 350

G5 Tụng chung 351

E2 Biện thức trí có 3 :

G1 Chỉ tướng ba thủ trí 353

G2 Chỉ thức trí sai biệt	354
G3 Chỉ ngoại đạo chuyển biến chẳng lia vọng thức có 2 :	
H1 Nêu danh tướng ngoại đạo chuyển biến	358
H2 Chỉ chuyển biến không tánh, đều do vọng thức và tụng	360
E3 Riêng y ngữ thủ nghĩa thành chấp sâu kín có 5 :	
G1 Đại Huệ thưa hỏi	362
G2 Chỉ ra 11 thứ tương tục sâu kín	365
G3 Chỉ tương tục sâu kín tự hoại hoại người	366
G4 Chỉ các pháp tịch tĩnh, xa lia tương tục và chẳng tương tục.	367
G5 Tụng chung	369
E4 (quyển 6) Chỉ thánh trí không sự để phá vọng chấp có 6 :	
G1 Đại Huệ nạn các pháp đoạn diệt	370
G2 Chỉ không tánh các pháp, chẳng phải không trí kiến thánh trí	371
G3 Nạn các pháp chẳng không, thánh trí rơi vào có, có 2 :	372
H1 Nghi chỗ biết của thánh trí đồng vọng tưởng hiện	372
H2 Nghi thánh trí rơi vào có	375
G4 Chỉ thánh trí không sự lia có không	377

G5 Chỉ thánh trí không sự chẳng lập tông thủ có 3 :	
H1 Chỉ chẳng nên lập tông bất sanh	378
H2 Chỉ thánh trí xem thấy như huyễn không lỗi.	381
H3 Tổng kết chẳng sanh như huyễn.	382
G6 Chỉ thánh trí xa lìa sở tri	385
E5 Nhơn chẳng rõ tự thông, vọng chấp phương tiện, lại chỉ tông thuyết để phá thế luận có 3 :	
G1 Trách ngu phu chấp thuyết phương tiện, khởi Đại Huệ thua thỉnh	389
G2 Chỉ tông thuyết không rơi vào kiến tướng của phạm phu	390
G3 Bác thế luận để hiển tự thông có 6 :	
H1 Chỉ thế luận thẳng vào tự thông, hay chiều cảm khổ phá hoại kết tập	392
H2 Chỉ Như Lai theo chỗ tự thông nói	396
H3 Nêu Như Lai chỉ luận	398
H4 Chỉ thế luận chấp nhận tham dục, chẳng nhận chánh pháp	405
H5 Chỉ chấp nhận chánh pháp, xa lìa thế luận	406
H6 Tổng tụng	407
D3 Chỉ chánh pháp giải thoát xa lìa ngu ngoại có 3 :	
E1 Liệt bày vọng tưởng và Niết Bàn	409

E2 Chỉ Như Lai tùy thuận Niết Bàn	417
E3 Tổng tụng	419
C6 (QUYỂN 7) CHỈ CHÁNH GIÁC CHẴNG PHẢI PHÁP NHƠN QUẢ, NÓI LÌA SANH DIỆT, HIỂN BÀY CHƠN THƯỜNG KHÔNG CẤU, CHỐNG VƯỢT CÁC ĐỊA CỐ 7 :	
<i>D1 Chỉ pháp thân Như Lai chẳng phải nhơn quả có 7 :</i>	
E1 Hối pháp thân Như Lai là nhơn là quả	423
E2 Chỉ pháp thân Như Lai chẳng phải nhơn quả lìa tứ cú	424
E3 Chỉ pháp thân chơn ngũ thường lặng lẽ	426
E4 Chỉ pháp thân đối hiện phi một phi khác	428
E5 Chỉ pháp thân và giải thoát chẳng phải một chẳng phải khác	429
E6 Chỉ trí chướng chẳng phải một chẳng phải khác	430
E7 Tổng kết pháp thân lìa các căn lượng, gồm tụng	431
<i>D2 Chỉ pháp thân Như Lai chẳng sanh chẳng diệt lìa ngôn thuyết có 4 :</i>	
E1 Chỉ pháp thân Như Lai chẳng phải không tánh	435
E2 Chỉ pháp thân Như Lai chính khi sanh mà vô sanh	437

· XII ·

E3 Chỉ pháp thân Như Lai tên khác thể một.	438
E4 Chỉ pháp thân Như Lai lia lời nói hiển chơn thật có 2 :	
G1 Chỉ nghĩa chơn pháp thân chẳng rơi vào văn tự	440
G2 Chỉ Như Lai kiến lập ngôn thuyết vì đẹp ngôn thuyết	442
D3 Chỉ Như Lai chẳng sanh chẳng diệt không đồng với ngoại đạo có 6 :	
E1 Nạn Như Lai đồng với ngoại đạo bốn thứ nhơn tướng	450
E2 Chỉ Như Lai giác tự tâm lượng vọng tưởng chẳng sanh	452
E3 Chỉ ra ngoại đạo vọng chấp chẳng thật	454
E4 Chỉ thật tánh vọng tưởng tức chơn tịch tĩnh	455
E5 Chỉ vô nhơn để bày nghĩa vô sanh	456
E6 Rộng chỉ nghĩa vô sanh có 2 .	
G1 Chỉ thẳng vô sanh	459
G2 Chỉ pháp nhơn duyên sanh phá trừ chấp nhơn	461
D4 Chỉ Như Lai nói pháp chẳng phải thường vô thường, chẳng đồng với ngoại đạo có 2 :	
E1 Hỏi ngoại đạo vọng chấp vô thường là tà hay chánh ?	466
E2 Bày ngoại đạo vô thường để hiển	

- XIII -

chánh pháp chẳng phải thường vô
thường có 11 :

G1 Tổng bày bảy thứ vô thường	467
G2 Tánh không tánh vô thường	468
G3 Tất cả pháp chẳng sanh vô thường	469
G4 Tánh vô thường	470
G5 Tạo rồi mà bỏ vô thường	474
G6 Hình xứ hoại vô thường	475
G7 Sắc tức vô thường	475
G8 Sắc chuyển biến trung gian vô thường	476
G9 Kết bảy thứ vô thường vọng chấp	477
G10 Chỉ Như Lai nói ra phi thường phi vô thường, để hiển tự tâm hiện lượng.	
G11 Tổng tụng	479

*D5 Chỉ Như Lai đệ nhất nghĩa chống trừ
các địa, riêng hiển duy tâm có 5 :*

E1 Nhơn Đại Huệ hỏi chánh thọ, trước chỉ hành tướng thất bát địa.	481
E2 Chỉ sơ địa cho đến thất địa, cùng Nhị thừa đồng khác	483
E3 Chỉ bát địa tam muội giác tri	484
E4 Chỉ thất địa xả ly tam muội hiện tự tâm lượng	485
E5 Chỉ duy tâm trừ các địa	490

- XIV -

*D6 (quyển 8) Chỉ Như Lai chánh giác
thường trụ có 4 :*

E1 Chỉ chánh giác chẳng đồng lỗi tạo tác	492
E2 Chỉ chánh giác trí vô gián thường bày hiện	494
E3 Chỉ Như Lai tánh thường bình đẳng	495
E4 Tổng tụng	497

*D7 Chỉ cội gốc sanh diệt để hiển tàng thức
tức Như Lai tàng vốn không cấu nhiễm
có 5 :*

E1 Đại huệ thính hồi	498
E2 Chỉ Như Lai tàng thanh tịnh không nhơ	499
E3 Riêng phạm ngu y thức giải thoát chẳng thấy Như Lai tàng tánh	500
E4 Chỉ Như Lai tàng tự giác chóng lìa sanh diệt chẳng phải Nhị thừa	503
E5 Tổng tụng	507

*C7 CHỈ TÁM THỨC, NĂM PHÁP, BA TỰ
TÁNH, HAI VÔ NGÃ CỨU CẢNH ĐẠI
THỪA THÀNH ĐỆ NHẤT NGHĨA CÓ 2 :*

D1 Chỉ năm pháp chuyển biến có 3 :

E1 Bày tướng năm pháp	508
E2 Chỉ danh tướng thấy do vọng tưởng	509
E3 Chuyển vọng tưởng tức trí, như	511

*D2 Chỉ tất cả pháp thấy vào năm pháp
có 4 :*

E1 Chỉ ba tự tánh vào năm pháp	513
E2 Chỉ tám thức hai vô ngã vào năm pháp	514
E3 Chỉ tất cả Phật pháp vào năm pháp	515
E4 Tổng tụng	517
C8 CHỈ PHÁP THÂN BA ĐỜI NHƯ LAI QUÁ CHỖ NGHĨ NGỢI CỦA THỂ GIAN CHẮNG PHẢI NGHĨA SÁT NA TRƯỚC SAU KHÔNG LỖI THANH TỊNH VÔ LẬU CÓ 4 :	
D1 Chỉ pháp thân tự thông quá chỗ nghĩ ngợi của thể gian có 10 :	518
E1 Thừa thỉnh về chư Phật có hằng sa diệu nghĩa	518
E2 Chỉ chư Phật tự thông quá chỗ nghĩ thể gian, không thể thì nói	519
E3 Dụ Như Lai pháp thân bản tịch.	520
E4 Dụ pháp thân chẳng diệt	521
E5 Dụ pháp thân khắp tất cả chỗ không có chọn lựa	522
E6 Dụ pháp thân đối hiện không có tăng giảm	523
E7 Dụ Như Lai bi nguyện đồng với pháp giới	523
E8 Dụ Như Lai pháp thân tùy thuận Niết Bàn	524
E9 Chỉ sanh tử giải thoát bản tế vô biên	525
E10 Tổng tụng	526

***D2 Chỉ pháp thân vô lậu chẳng phải nghĩa
sát na có 2 :***

E1 Chỉ các pháp sát na có 2 :

G1 Sắp chỉ sát na phi nghĩa sát na,
trước bày các pháp 527

G2 Chỉ nghĩa sát na 528

**E2 Chỉ tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa
sát na có 5 :**

G1 Chỉ sát na chẳng phải nghĩa
sát na 529

G2 Chỉ Như Lai tạng chẳng phải
nghĩa sát na 531

G3 Chỉ thể gian xuất thể gian Ba la
mật chẳng lìa sát na 534

G4 Chỉ xuất thể gian thượng thượng
Ba la mật chẳng phải nghĩa
sát na 534

G5 Tổng kết sát na phi sát na
bình đẳng 536

***D3 Chỉ pháp thân chơn Phật bình đẳng
bản thể phá nghi lìa lỗi có 7 :***

E1 Đại Huệ thua thỉnh về sáu
chỗ nghi 539

E2 Trừ nghi thọ ký A la hán 541

E3 Trừ nghi chẳng nói một chữ 542

E4 Trừ nghi không suy xét không
xét nét 543

E5 Trừ nghi chứng sanh thành Phật
thức sát na hoại 543

· XVII ·

E6 Trừ nghi Kim Cang hộ vệ và tất cả nghiệp báo	545
E7 Kệ tổng đáp	547
<i>D4 Chỉ Như Lai chánh như chánh quả cứu cánh thanh tịnh có 4 :</i>	
E1 Đại Huệ thỉnh hỏi tội phước ăn thịt và chẳng ăn thịt	549
E2 Chỉ ăn thịt nhiều lỗi	551
E3 Chỉ thật nghĩa kinh này tất cả thầy dứt	555
E4 Tổng kết chỉ rõ tu hành lỗi lầm	556



<i>Chịu trách nhiệm bản thảo</i>	:	T.T THÍCH GIÁC TOÀN
<i>Biên tập kỹ thuật</i>	:	Đ.Đ THÍCH THIÊN MINH Đ.Đ THÍCH ĐỒNG BỒN
<i>Sửa bản in</i>	:	MINH THANH
<i>Kỹ thuật in - Bìa</i>	:	CHÚC THANH

LÃNG GIÀ TÂM ÂN

THÍCH THANH TỪ



● **THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH**

Chịu trách nhiệm xuất bản.

Địa chỉ : TỔ IN ẤN - PHÁT HÀNH KINH SÁCH

Chùa Xá Lợi, 89 Bà Huyện Thanh Quan - Q.3

ĐT : 292438 - 242067

● **NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Xuất bản.

Địa chỉ : 62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1

ĐT : 225340 - 296764 - 222726 - 223637 - 296713

(In lại theo bản in P.L : 2537)

40.000